

“Bible Basics” in Vietnamese, by Duncan Heaster

Carelinks, PO Box 152, Menai NSW 2234 AUSTRALIA www.carelinks.net email info@carelinks.net

Kinh Thánh Căn Bản

Phần I:

Những điều nói về Nước của Đức Chúa Trời

Bài 1: Đức Chúa Trời 1

1.1 Sự tồn tại của Đức Chúa Trời

1.2 Nhân cách của Đức Chúa Trời

1.3 Tên và tính cách của Đức Chúa Trời

1.4 Các thiên sứ

Bài tự đọc thêm 1: Đức Chúa Trời là Thần linh

Bài tự đọc thêm 2: Việc dùng Danh tánh Đức Chúa Trời

Bài tự đọc thêm 3: Sự hiện ra của Đức Chúa Trời

Bài 2. Đức Thánh Linh 32

2.1 Lời định nghĩa

2.2 Linh cảm

2.3 Sự ban cho của Đức Thánh Linh

2.4 Sự rút sự ban cho

2.5 Kinh Thánh là quyền năng duy nhất

Bài tự đọc thêm 4: Có phải Đức Thánh linh là người?

Bài tự đọc thêm 5: Nguyên tắc của cách nhân cách hóa từ

Bài tự đọc thêm 6: Lời dạy của nhà cải cách Tin lành giáo phái John Calvin và các môn đệ của ông

Bài tự đọc thêm 7: Người sẽ nhận Đức thánh linh

Bài tự đọc thêm 8: Những dấu sẽ đến

Bài 3: Lời hứa của Đức Chúa Trời 95

3.1 Lời mở đầu

3.2 Lời hứa ở Ê-đê

3.3 Lời hứa cho Nô-ê

3.4 Lời hứa cho Áp-ra-ham

3.5 Lời hứa cho Đa-vít

Bài tự đọc thêm 9: Sự hủy diệt Trời và Đất

Bài tự đọc thêm 10: Sự hô hào của Người Anh gốc Do Thái

Bài 4: Đức Chúa Trời và sự chết 134

4.1 Bản chất của con người

4.2 Tâm hồn

4.3 Thần linh

4.4 Sự chết là sự vô ý thức

4.5 Sự sống lại

4.6 Sự phán xét

4.7 Phần thưởng ở đâu: trên trời hay dưới đất?

4.8 Trách nhiệm với Đức Chúa Trời

4.9 Địa ngục

Bài tự đọc thêm 11: Nơi để chuộc tội

Bài tự đọc thêm 12: Ma và sự hồi sinh

Bài tự đọc thêm 13: Chúng ta sẽ được sống lại theo bản chất nào?

Bài tự đọc thêm 14: Sự hôn hỷ/vui thỏa

Bài 5: Nước Đức Chúa Trời 175

5.1 Lời định nghĩa Nước Đức Chúa Trời

5.2 Nước Đức Chúa Trời chưa được thiết lập

5.3 Nước Đức Chúa Trời trong quá khứ

5.4 Nước Đức Chúa Trời trong tương lai

5.5 Một ngàn năm

Bài tự đọc thêm 15: Nghĩa đen về nước Đức Chúa Trời

Bài tự đọc thêm 16: Tóm tắt về lịch sử nước Do Thái

Bài 6: Đức Chúa Trời và quỷ sứ 203

6.1 Đức Chúa Trời và quỷ sứ

6.2 Ma quỷ và quỷ Xa tăng

6.3 Ma quái

Bài tự đọc thêm 17: Ma thuật

Bài tự đọc thêm 18: Điều gì đã xảy ra trong vườn Eden?

Bài tự đọc thêm 19: Lucifer

Bài tự đọc thêm 20: Sự cám dỗ Chúa Jesus

Bài tự đọc thêm 21: Chiến tranh trên trời

Phần II

Những điều liên quan đến Danh của Chúa Jesus Christ

Bài 7: Dòng dõi của Đức Chúa Jêsus 253

7.1 Những lời tiên tri về Đức Chúa Jêsus trong Kinh Cựu ước

7.2 Sự sinh ra từ nữ đồng trinh

7.3 Vị trí của Đức Chúa Jêsus trong dự tính của Đức Chúa Trời

7.4 “Ban đầu có ngôi lời”

Bài tự đọc thêm 22: Chúa Jesus thuộc về lịch sử

Bài tự đọc thêm 23: Ta đến từ trời

Bài tự đọc thêm 24: Có phải Chúa Jesus đã tạo trái đất?

Bài tự đọc thêm 25: Trước Áp-ra-ham, có ta?

Bài tự đọc thêm 26: Mekizidec

Bài 8: Bản chất của Đức Chúa Jêsus 285

8.1 Lời mở đầu

8.2 Sự khác biệt giữa Đức Chúa và Đức Chúa Jêsus

8.3 Bản chất của Đức Chúa Jêsus

8.4 Phần người trong Đức Chúa Jêsus

8.5 Quan hệ của Đức Chúa với Đức Chúa Jêsus

Bài tự đọc thêm 27: Mang hình tượng của Đức Chúa Trời

Bài 9: Việc làm của Chúa Jesus 305

9.1 Chiến thắng của Chúa Jesus

9.2 Huyết của Chúa Jesus

9.3 Dâng cho chúng ta và chính Ngài

9.4 Chúa Jesus, người đại diện cho chúng ta

9.5 Chúa Jesus và luật pháp Môsê

9.6 Ngày lễ Sabat

Bài tự đọc thêm 28: Sự đóng đinh

Bài tự đọc thêm 29: Có phải Chúa Jesus sinh ra vào ngày 25 tháng 12?

Bài 10. Phép báp-têm trong Đức Chúa Jêsus 334

10.1 Tầm quan trọng tối cao của phép báp-têm

10.2 Chúng ta nên chịu phép báp-têm như thế nào?

10.3 Ý nghĩa của phép báp-têm

10.4 Phép Báp-têm và sự cứu rỗi

Bài tự đọc thêm 30: Làm Báp-têm lại

Bài tự đọc thêm 31: Mức độ hiểu biết cần có trước lúc làm Báp-têm

Bài tự đọc thêm 32: Kẻ trộn trên cây thập tự

Bài tự đọc thêm 33: Lễ Báp-têm mẫu mực

11. Cuộc sống trong Đấng Christ 371

11.1 Lời giới thiệu

11.2 Sự nên Thánh

11.2.1 Cách dùng quyền phép

11.2.2 Chính trị

11.2.3 Ham muốn của thế gian

11.3 Cuộc đời người cơ đốc trong thực tế

11.3.1 Sự tìm hiểu Kinh Thánh

11.3.2 Sự cầu nguyện

11.3.3 Sự thuyết giáo

11.3.4 Cuộc sống trong Hội Thánh

11.3.5 Lễ bẻ bánh

11.4 Hôn nhân

11.5 Sự thông công

Trong cuối mỗi bài có mấy câu hỏi. Xin bạn viết câu trả lời trên một tờ giấy riêng, hãy nhớ viết rõ tên và địa chỉ của bạn.

Bạn có thể gửi thư trả lời của bạn sang:

Bible Basics, PO Box 3034, South Croydon, Surrey CR2 0ZA ENGLAND

“Bible Basics” in Vietnamese, by Duncan Heaster

Carelinks, PO Box 152, Menai NSW 2234 AUSTRALIA www.carelinks.net email info@carelinks.net

BÀI 1

ĐỨC CHÚA TRỜI

1.1 Sự tồn tại của Đức Chúa Trời

“Ai đến gần Đức Chúa Trời phải tin rằng có Đức Chúa Trời, và Ngài là Đấng hay thưởng cho Ai tìm kiếm Ngài” (Hebơơ 11:6). Mục tiêu của bài nghiên cứu này là giúp cho những ai muốn đến với Đức Chúa Trời và tin “rằng Chúa có thực”, cho nên chúng tôi không lo về bằng chứng để xác nhận niềm tin rằng có sự tồn tại của Đức Chúa. Khi chúng ta thấy cơ thể con người là một cấu tạo phức tạp (so sánh Thi thiên 139:14) và thấy được vẻ đẹp phác họa chỉ qua một bông hoa, một cái nhìn sâu thẳm vào khoảng không gian bao la lúc tảng sáng thì những điều này cũng như rất nhiều điều khác trong cuộc sống sẽ làm cho ta thấy thuyết vô thần là vô lý. Và bởi vậy, tin rằng không có sự tồn tại của Đức Chúa Trời chắc sẽ cần có một niềm tin lớn hơn so với đức tin rằng Ngài tồn tại. Không có Đức Chúa Trời thì không có trật tự, không có mục đích hay sự giải nghĩa cuối cùng trong vũ trụ, và cho nên điều đó sẽ được phản ánh trong đời sống của người vô thần. Nói tới đây, chúng ta không ngạc nhiên rằng phần lớn con người đều chấp nhận đến mức nào đó niềm tin vào Đức Chúa Trời ngay cả trong những xã hội mà lấy của cải vật chất làm đáng cao nhất trong đời sống của người ta.

Nhưng mà có sự khác nhau to lớn giữa ý biết mơ hồ rằng có một sức lực cao thượng nào đó, và một ý biết thực sự chắc chắn Đức Chúa Trời đem lại những gì để đem lại sự hầu việc cho Chúa một cách trung thành. Hebơơ 11:16 nêu rõ điều này; chúng ta

“phải tin rằng có (Đức Chúa Trời)

và

Ngài là Đấng hay thưởng cho kẻ tìm kiếm

Ngài”.

Phần lớn Kinh thánh là chuyện về lịch sử của nhân dân Y-sơ-ra-en của Đức Chúa Trời; Kinh nói nhiều lần rằng mức độ thừa nhận của họ về sự tồn tại của Đức Chúa Trời và Đức tin của họ đã không khớp nhau trong lời hứa của Đức Chúa. Môi-se, lãnh tụ vĩ đại của họ, đã nói cho họ là: “Vậy, ... hãy biết và ghi tạc trong lòng người rằng Giê-hô-va, ấy là Đức Chúa Trời trên trời cao kia và dưới đất thấp này: chẳng có ai khác. Hãy giữ cho nên những luật lệ và điều răn của Ngài” (Phục truyền 4:39,40).

Vậy, một vấn đề được đặt ra rằng là việc chúng ta nhận thức rằng Đức Chúa Trời thật sự tồn tại không có nghĩa rằng Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận chúng ta một cách tự động. Nếu chúng ta đồng ý một cách nghiêm túc rằng chúng ta thật có một vị tạo hóa thì chúng ta cần phải “giữ cho nên ... điều răn của Ngài”. Đây chính là mục đích của những bài nghiên cứu này là giải thích những điều răn này là gì và gìn giữ nó thế nào. Và chúng ta càng tìm hiểu Kinh Thánh để làm việc này càng nhiều thì chúng ta sẽ thấy rằng niềm tin của chúng ta vào sự tồn tại của Đức Chúa càng mạnh mẽ hơn:

“Như vậy, đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đấng Christ được rao giảng” (Roma 10:17).

Cũng vậy, Êsai 43:9-12 chỉ cho chúng ta thấy rằng khi chúng ta hiểu lời tiên tri về tương lai của Đức Chúa Trời thì chúng ta nhận thức rõ rằng “Ta đã là Đức Chúa Trời” (Êsai 43:13) một cách như thế nào tức là Tên của Đức Chúa Trời “Ta là Đấng tự hữu hằng hữu” (Xuất hành 3:14) là hoàn toàn đúng. Sứ đồ Phao-lô đã đến thành Be-rea, hiện nay ở tại Bắc Hy Lạp. Thông thường, Phaolô đã giảng dạy về Tin lành (“tin mừng”) của Đức Chúa Trời; thường người ta chỉ cho phép Phao-lô nói, nhưng lần

này “những người này ... đều sẵn lòng tiếp nhận lời Chúa, ngày nào cũng tìm hiểu Kinh Thánh, để xét lời giảng có thật chẳng. Trong số họ có nhiều người tin theo” (Côngvụ 17:11,12). Niềm tin của họ đã là nhờ họ tìm hiểu và xem Kinh Thánh thường xuyên (“ngày nào cũng”), có hệ thống (“lời giảng”) và sẵn sàng tiếp thu cái mới. Họ đã bắt đầu tin chân chính không phải nhờ Đức Chúa Trời một cách bất ngờ tạo niềm tin vào họ bằng phương pháp mỗ tim thuộc linh, tức không có sự liên hệ với lời của Đức Chúa cả. Thế thì, bằng cách nào những người khắp thế giới bước vào cuộc vận động lớn của Billy Graham hoặc cuộc hội họp phục hưng Ngày lễ Ngũ tuần có thể trở nên những tín đồ? Hàng ngày, trong sinh hoạt này họ đã tìm hiểu Kinh thánh bao lâu? Tất nhiên, vì thiếu niềm tin thật dựa vào Kinh thánh, cho nên nhiều tân tín hữu sẽ cảm thấy lòng trống vắng khi sinh hoạt trong kinh nghiệm sống của người Tin Chúa sau này, và chính vì lý do đó nhiều người bỏ đi phong trào Tin lành.

Mục đích của những bài nghiên cứu này là cung cấp một kết cấu để bạn tự tìm hiểu Kinh thánh một cách có hệ thống, để cho bạn cũng có thể “trở nên” tin. Liên hệ giữa sự nghe Tin lành chân chính và niềm tin chân chính được nêu bật nhiều lần trong lời giảng Tin lành:

- “Lại có nhiều người Cô-rinh-tô từng nghe Phao-lô giảng, cũng tin và chịu phép báp-têm” (Côngvụ 18:8)
- Người ta “được nghe Tin lành bởi miệng tôi và tin theo” (Côngvụ 15:7)
- “Đó là điều chúng tôi giảng dạy, và là điều anh em tin” (1 Côrintô 15:11)
- “Hạt giống” trong truyện ngụ ngôn về người gieo hạt là lời nói của Đức Chúa Trời (Luca 8:11); còn trong truyện ngụ ngôn về cây mù tạc “hạt giống” là niềm tin (Luca 17:6), chúng ta hiểu rằng niềm tin có được khi nhận “đạo đức tin” (Rôma 10:8), “các lời của đức tin và đạo lý tốt đẹp” (1 Timôthê 4:6) vào trái tim cởi mở để tin vào Đức Chúa Trời và lời nói của Chúa (Galati 2:2 so sánh Hebơr 4:2)
- Trong sách nói về cuộc đời của Đức Chúa Jesus của chúng ta, sứ đồ Giăng nói rằng “người nói sự thật (tức là lẽ thật) vậy, hầu

cho các người cũng tin” (Giăng 19:35). Vậy, lời nói của Đức Chúa Trời được gọi là “lẽ thật” (Giăng 17:17) mà chúng ta trở nên tin.

1.2 Nhân cách của Đức Chúa Trời

Một đề tài uy nghi và hết sức thú vị trong Kinh thánh là Đức Chúa Trời được để lộ như một con người thực và hữu hình, tồn tại về thể xác. Một giáo lý cơ bản khác của Đạo Cơ Đốc là Đức Chúa Jêsu là Con Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa không phải là một thể vật chất (có thể xác), thì Ngài không thể có một con trai mà là “hình bóng của bốn thể Ngài” (Hebơơ 1:3). Thêm nữa, khó phát triển quan hệ năng động cá nhân với Đức Chúa Trời nếu Đức Chúa Trời chỉ là một khái niệm trong trí óc của chúng ta, một hơi gió thánh linh ở chỗ nào đó trong vũ trụ rỗng không. Tấn bi kịch là đa số tôn giáo có quan niệm rằng Đức Chúa Trời không có thực, vô hình. Đức Chúa Trời vô cùng cao hơn chúng ta, và có thể hiểu khi lòng tin của nhiều người ngần ngại trước lời hứa rõ rệt rằng sau cùng chúng ta sẽ nhìn thấy Đức Chúa Trời. Dân Y-sơ-ra-en đã thiếu lòng tin để nhìn thấy “mặt” Ngài (Giăng 5:37), câu này chỉ rõ rằng Ngài thật có một hình thể thực tế. Lòng tin này nảy ra khi hiểu biết về Đức Chúa Trời và tin vào lời Ngài:

“Phước cho những kẻ có lòng trong sạch, vì sẽ thấy Đức Chúa Trời (Mathiơ 5:8).

“Các tôi tớ Ngài sẽ hầu hạ Ngài; chúng sẽ được thấy mặt Chúa, và danh Chúa (danh Đức Chúa Trời –Khải huyền 3:12) sẽ ở trên trán mình” (Khải huyền 22:3,4).

Sự trông cậy kỳ diệu này, nếu chúng ta thật tin vào Lời Chúa, sẽ có tác động thực tế sâu sắc đối với cuộc đời của chúng ta:

“Hãy cầu sự bình an với mọi người, cùng tìm theo sự nên thánh, vì nếu không nên thánh thì chẳng ai được thấy Đức Chúa Trời” (Hebơơ 12:14).

Chúng ta không nên thề, vì “còn ai chỉ trời mà thề, là chỉ ngôi của Đức Chúa Trời và Đấng ngự trên ngôi mà thề vậy” (Mathiơ 23:22). Câu này vô lý nếu Chúa Trời không phải là thể vật chất.

“Chúng ta ... sẽ thấy Ngài như vốn có thật vậy (biểu lộ trong Đấng Christ). Ai có sự trông cậy đó trong lòng, thì tự mình làm nên thánh sạch, cũng như Ngài là thánh sạch” (1 Ga 3:2,3) .

Trong đời này, chúng ta hiểu biết về Đức Chúa Trời chưa đầy đủ, nhưng mà chúng ta có thể mong đợi một cách hân hoan, qua bóng tối rối rắm của đời này, sau cùng mới gặp Đức Chúa Trời được. Lúc chúng ta thân mật thấy Ngài, chúng ta chắc chắn sẽ có hiểu biết Ngài sâu sắc thêm. Vậy, trong cơn đau khổ vô hạn, Gióp đã vẫn rất vui mừng rằng vào ngày sau cùng người sẽ có được quan hệ hoàn toàn cá nhân đầy đủ với Đức Chúa Trời:

“Sau khi da tôi, tức xác thịt này, đã bị tan nát (tức là chết), bấy giờ ngoài xác thịt tôi sẽ xem thấy Đức Chúa Trời; chính tôi sẽ thấy Ngài, mắt tôi sẽ nhìn xem Ngài, chớ chẳng phải kẻ khác” (Gióp 19:26,27).

Và sứ đồ Phao-lô đã thốt lên vì cuộc đời đau đớn và náo động: “Ngày nay chúng ta xem như trong một cái gương, cách mập mờ: đến bấy giờ chúng ta sẽ thấy hai mặt đối nhau” (1 Côrintô 13:12).

Chứng cứ của Kinh Cựu Ước

Những lời hứa của Kinh Tân Ước được lập nên từ sự ghi nhận lời giao ước cũ về bằng chứng về Đức Chúa Trời là Người và thực hữu. Không thể cho rằng vì quá nhấn mạnh một cách căn bản để đánh giá bản chất của Đức Chúa Trời nếu chúng ta cần phải có một sự hiểu biết thực sự về nền tảng tôn giáo mà Kinh thánh đề cập đến. Kinh Tân Ước luôn luôn nói Đức Chúa Trời là Người; mối liên hệ giữa người với người với Đức Chúa Trời mà Kinh Cựu Ước và Tân Ước nói là duy nhất/độc nhất đối với hy vọng của người Cơ Đốc chân chính. Sau đây là những minh chứng mạnh mẽ để làm rõ Đức Chúa Trời là người và hiện hữu:

- **Chúa phán:** Chúng ta hãy tạo nên loài người như hình ta và theo tượng ta (Sáng thế 1:26). Vì thế loài người được tạo theo hình và tượng của Chúa như đã được hiện ra qua các Thiên sứ. Gia cơ 3:9 nói về “... loài người mà đã được tạo nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời”. Những lời này không áp dụng đối với hình tượng tinh thần của con người vì theo bản chất, suy nghĩ của chúng ta hoàn toàn xa cách với Đức Chúa Trời, và trong nhiều đường lối về căn bản nghịch với sự Công bình của Ngài: “Vì ý tưởng ta không giống ý tưởng các người, đường lối ta cũng không giống đường lối các người, Chúa phán như vậy. Vì các tầng trời cao hơn dưới đất, nên đường lối ta luôn cao trọng hơn đường lối các người và ý tưởng ta luôn cao trọng hơn ý tưởng các người” (Êsai 55:8,9). Do vậy, hình tượng mà chúng ta chia sẻ với Đức Chúa Trời phải là hình tượng vật chất. Hễ khi nào Thiên sứ được nhìn thấy trên đất, họ được mô tả theo hình của loài người- ví dụ Áp-ra-ham đã đùa giỡn cùng Thiên sứ cách vô thức vì nghĩ rằng họ đều là những con người bình thường. Sự có được bởi sự sáng tạo theo hình của Đức Chúa Trời của chúng ta chắc chắn muốn nói rằng chúng ta có thể suy ra điều gì đó về một thực thể thực mà chúng ta không khác hơn cũng là một hình tượng. Như vậy, Đức Chúa Trời người mà chúng ta đề cập không phải là điều gì mơ hồ mà chúng ta không thể nhận biết được. Ê-sê-kiên thấy Đức

Chúa Trời ngự trên Ngai của Ngài có hình giống người”. Tất cả điều đó có một bằng chứng thực tế to lớn; vì chúng ta giống hình của Đức Chúa Trời, vì điều đó đã khắc ghi sâu đậm trên mỗi phần cơ thể của chúng ta, chúng ta phải dâng thân thể đó cho Chúa, cũng y như con người được trao cho đồng tiền có khắc hình Sê-sa để nộp cho Sê-sa (Luca 20:25).

- Chính các Thiên sứ cũng là sự phản ảnh của Đức Chúa Trời. Do vậy, Đức Chúa Trời phán cùng Môsê: “ Ta nói chuyện cùng người miệng đối miệng một cách rõ ràng, không lời dối, và người thấy hình Đức Giê-Hô-Va ”(Dân số ký 12:8). Điều này đề cập đến những chỉ dẫn cho Mô-sê của Thiên sứ đối người đã mang danh Chúa(Xuất hành 23:20,21). Nếu Thiên sứ giống hình tượng của Đức Chúa Trời thì cũng như thế Đức Chúa Trời cũng có hình tượng như Thiên sứ, chẳng hạn có hình người về thể chất mặt dù có bản chất vô cùng cao cả hơn trên xác thịt và máu. “Đức Chúa Trời phán cùng Môsê mặt đối mặt như thể một người nói cùng bạn hữu mình” (Xuất hành 33:11; Phục Truyền 34:10). Đức Chúa Trời đã mặt khải theo hình Thiên sứ có khuôn mặt và miệng tựa như chính Đức Chúa Trời vậy.
- Thi thiên 103:14 “Vì Ngài biết chúng tôi nắn nên bởi giống gì”; Ngài muốn chúng ta nhận biết Ngài là có hình người, như thể một người Cha mà chúng ta có thể tin tưởng vào. Điều này giải thích nhiều sự liên hệ đối với bàn tay, tay, mắt, vv... của Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa Trời bị coi là một mớ bản chất ở đâu đó trên trời mà phải giống với sự nhận biết của chúng ta về Đức Chúa Trời nếu chúng ta chối bỏ sự hiện diện của Ngài- thì những liên hệ này là sai lệch và không giúp ích gì cho mục đích dạy dỗ.

- Sự mô tả nơi ngự trị của Đức Chúa Trời rõ ràng cho thấy rằng Đức Chúa Trời có nơi chốn riêng tư: “Đức Chúa Trời ở trên trời”(Truyền đạo 5:2) “Ngài đã đoái nhìn xuống thế gian từ nơi thánh cao, trên ngai cao Ngài xem xét thế gian” (Thi Thiên 102:19,20); “Xin Chúa ở trên trời, là nơi Chúa ngự”. Song cụ thể hơn điều này, chúng ta đã biết Đức Chúa Trời có “Ngôi” (2 Sử ký 9:8; Thi thiên 11:4; Esai 6:1; 66:1). Ngôn từ như thế rất khó áp dụng cho một bản chất chưa làm rõ mà tồn tại đâu đó trên trời. Thật sự, bằng chứng to lớn rằng có một đền thờ/ thánh đường trên trời theo nghĩa đen mà ở đó đền thờ/thánh đường trên đất được làm khuôn mẫu (Xuất hành 25:9,40; Thithiên 11:4; 102:19; Michê 1:2,3; Hebrơ 8:1,2; 9:23,24; Khải huyền 8:3; 9:13; 11:19; 15:5). Đức Chúa Trời được gọi “xuống” khi chính Ngài mặt khải. Điều này gợi ra một nơi trên trời của Đức Chúa Trời. Không thể hiểu ý tưởng mặt khải của Đức Chúa Trời mà không công nhận bản chất hiện hữu của Ngài.
- Esai 45 có nhiều sự liên hệ bởi Đức Chúa Trời đến sự hiện diện của cá nhân Ngài trong công việc của dân Ngài: “Ta là Chúa, và không có Ai khác ngoài Ta... Ta là Chúa làm mọi sự này... Ta là Chúa đã dựng nên điều đó. Khốn thay cho kẻ nghịch với Đấng sáng tạo... Ta chính bàn tay Ta dựng nên thế gian... hãy trông cậy vào Ta, và sẽ được cứu, và dành cho tất cả muôn dân trên đất”. Câu cuối này đặc biệt chứng tỏ sự hiện hữu hình người của Đức Chúa Trời- Ngài muốn con người trông cậy đến Ngài để nhận biết sự hiện hữu của Ngài bằng đôi mắt của Đức Tin.
- Đức Chúa Trời hiện ra trong chúng ta là Chúa có lòng tha thứ, là Đấng phán cùng loài người. Song sự tha thứ và ngôn từ chỉ có thể từ con người mà đến: chúng là những việc làm của lý trí. Do vậy vua David là người được chọn lấy theo lòng Ngài (1 Samuên 13:14), cho thấy Đức Chúa Trời có tâm hồn/ suy nghĩ được mà từ đó con người ở một mức độ nào đó được giống Ngài dấu biết

rằng con người theo bản chất là không theo lòng của Ngài. Có chép rằng “Ngài đã tự trách vì dựng nên loài người trên mặt đất, và buồn rầu trong lòng” (Sáng thế 6:6), cho thấy Đức Chúa Trời là một thực thể có cảm xúc và lương tâm, không phải chỉ là khối tâm linh trừu tượng trong cõi trần gian này. Điều này giúp chúng ta đánh giá cách chúng ta thực sự có thể vừa làm hài lòng hoặc không làm đôi với Ngài, cũng như con cái đối với cha/mẹ trong đời thường.

Nếu cho rằng Đức Chúa Trời không là người...

Nếu Đức Chúa Trời không là một thực thể có thực và hiện hữu, thì khái niệm về tinh thần khó có thể nắm bắt được hay tiếp thu được. Nếu Đức Chúa Trời hoàn toàn công bình nhưng không phải là một thực thể, thì chúng ta không thể thực sự nhận biết sự công bình của Ngài bày tỏ trong con người. Hai người bỏ đạo Christendom và Jewry quan niệm rằng sự công bình của Đức Chúa Trời hiện diện trong cuộc sống chúng ta qua thánh linh mơ hồ mà ở đó bằng hình thức nào đó làm chúng ta giống hình tượng trí óc của Đức Chúa Trời và có thể chấp nhận Ngài. Ngược lại, một khi chúng ta công nhận có người được xưng là Đức Chúa Trời, thì chúng ta có thể xưng dựng tính cách của chúng ta bằng sự giúp đỡ và tác động qua lời Ngài để làm nổi bật tính cách của Đức Chúa Trời trong con người chúng ta.

Mục đích của Đức Chúa Trời là bày tỏ Ngài trong nhiều Danh vinh hiển. Danh tánh đáng nhớ, Jê-hô-va Elohim vạn quân, cho thấy (Ngài là đáng vạn quân, là lời diễn nghĩa tương đối). Nếu Đức Chúa Trời không là người, thì phần thưởng cho người theo Chúa phải có sự tồn tại phi vật chất giống Đức Chúa Trời vậy. Nhưng sự mô tả về phần thưởng của người theo Chúa trong nước sắp đến của Chúa trên đất

cho thấy sự mô tả đó có một sự tồn tại thể xác hữu hình dấu rằng không còn phụ thuộc theo sự yếu đuối của bản chất con người. Gióp ao ước vào “ngày sau” khi đó ông được sống lại trong thân thể mình (Gióp 19:25-27); Áp-ra-ham phải là một người trong số họ đã ngủ trong cát bụi của đất là người sẽ thức dậy và đến với sự sống đời đời” (Danêen 12:2) để mà ông nhận lời hứa của sự thừa hưởng cơ nghiệp đời đời trong vùng đất Canaan, là một địa điểm vật chất trên trái đất này (Sáng thế 17:8). “Các tín đồ sẽ kêu lớn vì vui mừng... hãy để họ hát lớn trên giường ngủ mình... và thi hành sự phán xét trên người ngoại đạo” (Thithiên 132:16;149:5,7). Một sự thất bại của cả người Do thái và người không gốc Do thái để hiểu được những câu như vậy cũng như chứng cứ vật chất hiện thực một cách căn bản về lời hứa trước Áp-ra-ham, đã đưa ra những quan niệm sai lầm về một “linh hồn mất tử” như thể là hình hài thực về sự tồn tại vĩnh hằng của con người. Ý nghĩ như vậy hoàn toàn thiếu đi những bằng chứng của Thánh kinh. Đức Chúa Trời là một thực thể vinh hiển và bất tử. Ngài đang thực hiện mục đích của Ngài để muôn dân có thể được mời gọi cùng sống trong nước đang đến trên đất này do Ngài lập nên, để cùng dự phần với Ngài trong cơ thể xác thịt.

Các tín đồ được hứa rằng họ sẽ thừa hưởng/ dự phần bốn tánh Đức Chúa Trời(2 Phiơơ 1:4). Nếu Đức Chúa Trời không là người, thì điều này có nghĩa là chúng ta sẽ sống mãi mãi là những linh hồn phi vật chất. Nhưng đây không phải là lời dạy của Thánh kinh. Chúng ta sẽ được ban cho một cơ thể cũng giống như Chúa Jesus vậy (Philip 3:21), và chúng ta biết rằng Ngài sẽ có cơ thể thực trong nước Chúa có tay, mắt, tai (Xa-chari 13:6; Esai 11:3). Giáo lý về tính cách của Đức Chúa Trời vì vậy liên quan đến tin lành về nước của Chúa.

Chúng ta nên hiểu rằng không thể có những khái niệm thờ phượng, tôn giáo hay mối liên hệ cá nhân với Đức Chúa Trời khi trước khi chúng ta công nhận rằng Đức Chúa Trời là người, và rằng chúng ta có trong hình tượng Ngài trong cơ thể thật. Chúng ta cần phát triển hình tượng Ngài để chúng ta có thể mặt lấy sự nhận biết trọn vẹn hình tượng thật của Ngài trong nước đang đến của Chúa. Thật ý nghĩa và dễ chịu hơn nữa khi chúng ta nhận được từ nơi Chúa như là Người cha nhân từ giàu lòng yêu thương, dạy dỗ chúng ta như Cha đối với con vậy (Phục truyền 8:5). Trong bối cảnh về sự đau đớn của Đấng Christ, chúng ta nhận được rằng “Đức Giê-hô-va lấy làm vừa ý mà làm tổn thương người, và khiến gặp sự đau đớn” (Êsai 53:10); dầu rằng có chép “ trong cơn gian truân Tôi cầu khẩn Đức Giê-hô-va, Tôi kêu cầu Đức Chúa Trời tôi, Ngài nghe tiếng tôi, và tiếng kêu cầu của tôi thấu đến tai Ngài” (Thithiên 18:6). Lời hứa của Đức Chúa Trời trước David về người kế tự mà sẽ là con trai của Đức Chúa Trời được sinh ra cách lạ lùng từ con người; nếu Đức Chúa Trời không là người, thì Ngài không thể tạo ra một người con trai như vậy.

Sự hiểu đúng về Đức Chúa Trời là chìa khóa mở nhiều lĩnh vực quan trọng của sự dạy dỗ trong Kinh thánh. Nhưng vì một lời nói đối dẫn đến lời nói đối khác, thì cũng thế quan niệm sai về Chúa Trời làm mờ hệ thống của lẽ thật mà Kinh Thánh ban cho. Nếu bạn coi phần này có sức thuyết phục, hoặc đúng phần nào thôi, thì một câu hỏi nảy ra: “Bạn có thật hiểu biết Đức Chúa Trời không?” Bây giờ chúng ta sẽ nghiên cứu tiếp lời dạy về Ngài trong Kinh thánh.

1.3 Tên và tính cách của Đức Chúa

Nếu Đức Chúa Trời tồn tại thì chúng ta nên nghĩ rằng Ngài sẽ dùng một số biện pháp để cho chúng ta biết về Ngài. Chúng ta tin rằng Kinh thánh là sự mặc khải của Đức Chúa ban cho con người, và chúng ta thấy rằng ở đó tính cách của Đức Chúa Trời được tỏ ra. Chính vì thế lời Đức Chúa Trời được miêu tả như “hạt giống” (1 Phiơơ 1:23), vì nếu như lời tác động trí óc của chúng ta thì một thể (creature) mới nảy ra ở trong chúng ta và thể này có tính cách của Đức Chúa Trời (Giacơ 1:18; 2 Côrintô 5:17). Cho nên, chúng ta gắn mình với lời Chúa và tự học càng nhiều thì chúng ta càng trở thành “giống như hình bóng Con Ngài” (Rôma 8:29), là Người đã là hình ảnh trọn vẹn của Đức Chúa Trời về tính cách (Côlôse 1:15). Đây chính là lý do tại sao nên nghiên cứu các bộ phận lịch sử của Kinh thánh; các phần này có rất nhiều ví dụ nói Đức Chúa Trời đã đối xử con người và các nước như thế nào và luôn luôn tỏ ra tính cách cơ bản của chính Ngài.

Trong tiếng Do thái, nhiều khi tên người đã phản ánh tính cách và/hoặc thông tin về người. Một số ví dụ rõ rệt:

Jesus = Vị cứu tinh vì “chính con trai ấy sẽ cứu dân mình ra khỏi tội” (Mathiơ 1:21).

Abraham= Cha của nhiều dân tộc “vì ta đặt người làm tổ phụ của nhiều dân tộc” (Sángthế 17:5).

Eva=Sự sống “vì người là mẹ đầu tiên của loài người” (Sáng thế 3:20)

Simêôn = Nghe thấy “vì Chúa đã nghe biết tôi bị ghét, nên cho thêm đứa con này” (Sáng thế 29:33).

Trong sách Giê-rê-mi 48:17, nhận biết người dân Mô-áp thì cũng gần giống như nhận biết tên của Mô-áp. Sách Thi thiên thường so sánh Đức Chúa Trời với danh Ngài, Lời Ngài và việc làm của Ngài (Thi thiên 103:1; 105:1; 106:1,2,12,13).

Bởi vậy chúng ta có thể coi rằng các tên và danh hiệu của Đức Chúa Trời sẽ cho chúng ta nhiều thông tin về Ngài. Vì có rất nhiều mặt trong tính cách và mục đích của Đức Chúa Trời, cho nên thực sự Ngài có hơn một Tên. Nên nghiên cứu tỉ mỉ tên của Đức Chúa Trời sau phép báp-têm; sự tìm hiểu thêm tính cách của Đức Chúa qua tên của Ngài là một công việc phải làm suốt đời ở trong Đức Giê-hô-va. Cho nên, những bài tiếp theo phần lớn là lời mở đầu.

Khi Mô-i-se muốn biết nhiều hơn về Đức Chúa Trời để củng cố lòng tin của mình vào lúc rất đau khổ của đời mình, thì Thiên sứ đã “hô danh Giê-hô-va: Giê-hô-va! Giê-hô-va! là Đức Chúa Trời nhân từ, thương xót, chậm giận, đầy dẫy ân huệ và thành thực, ban ơn đến ngàn đời, xá (tha thứ) đều gian ác, tội trọng, và tội lỗi” (Xuất hành 34:5-7).

Đây là bằng chứng nói rõ rằng các tên của Đức Chúa Trời gồm những tính cách của Ngài. Việc Ngài có những tên này là bằng chứng rằng Đức Chúa Trời là một thể nhân (con người) hoàn toàn không nên coi rằng một hơi thổi gió của thánh linh có thể có những tính cách đó và chúng ta cũng có thể phát triển những tính cách đó trong chúng ta, trong loài người.

Đức Chúa Trời đã chọn một tên đặc biệt, vì Ngài muốn người dân mình biết và nhớ Ngài theo tên này; đây là sự tóm tắt, sự cô lại của mục tiêu của Ngài đối với loài người.

Những người Y-sơ-ra-en đã là nô lệ ở nước Ai Cập, và họ đã cần được nhắc nhở về mục tiêu của Đức Chúa Trời với họ. Dân Isơrêlen đã làm tội mọi ở xứ Ai Cập và cần thiết được nhắc đến điều này để biết được ý muốn của Đức Chúa Trời trên họ. Môi-se được nói phải báo cho họ biết Tên của Đức Chúa Trời, vì điều đó sẽ giúp thúc đẩy họ rời Ai Cập và bắt đầu cuộc hành trình đến miền đất hứa cho mình (so sánh 1 Côrintô 10:1). Chúng ta cũng cần hiểu những nguyên tắc cơ bản liên quan đến Tên của Đức Chúa Trời trước khi chúng ta chịu phép báp-têm và bắt đầu cuộc hành trình của chúng ta đến Nước Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời đã nói cho dân Y-sơ-ra-en rằng Tên của Ngài là YAHWEH, nghĩa là “Đấng tự hữu hằng hữu” hoặc nếu dịch chính xác hơn là “Đấng sẽ tự hữu hằng hữu” (Xuất hành 3:13-15). Tên này đã được mở rộng một chút sau đó: “Đức Chúa Trời lại phán (tức là thêm) cùng Môi-se rằng: Người sẽ nói cho dân Y-sơ-ra-en như vậy: GIÊ-HÔ-VA, Đức Chúa Trời của tổ phụ các người, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp ... ấy đó là danh đời đời của ta, ấy sẽ là kỷ niệm của ta trải qua các đời” (Xuất hành 3:15).

Cho nên, tên đầy đủ của Đức Chúa Trời là “GIÊ-HÔ-VA Đức Chúa Trời”.

Kinh Cựu ước được viết chủ yếu bằng tiếng Do thái, và bài dịch tiếng Anh của chúng ta không thể tránh khỏi việc bỏ sót nhiều chi tiết khi dịch những từ Đức Chúa Trời từ tiếng Do thái ra. Một trong những cách dịch phổ biến trong những từ ngữ Do thái dịch ra Đức Chúa Trời là Elohim, nghĩa là vạn quân. Cho nên, “kỷ niệm” của Đức Chúa Trời, Tên mà Ngài muốn chúng ta nhớ đến Ngài là

YAHWEH ELOHIM

nghĩa là

Đấng mà sẽ được bộc lộ trong những người đầy sức mạnh.

Cho nên mục tiêu của Đức Chúa Trời là biểu lộ tính cách của mình và sự tồn tại vốn có của mình trong nhóm người rộng lớn. Nhờ vâng lời Ngài, chúng ta có thể phát triển một số tính cách của Đức Chúa Trời trong chúng ta ngay bây giờ, cho nên, trong ý nghĩa rất hạn chế, Đức Chúa Trời biểu lộ mình trong những tín đồ chân chính trong đời này. Nhưng mà Tên của Đức Chúa Trời là lời tiên tri về tương lai, khi trái đất sẽ đầy người giống Ngài, cả về tính cách lẫn về bản chất (so sánh 2 Phiơơ 1:4). Nếu chúng ta muốn gắn liền với mục tiêu của Đức Chúa Trời và, cũng như Đức Chúa Trời, không hề chết và sống đời đời trong sự trọn vẹn đạo đức hoàn thành, thì chúng ta phải gắn liền với Tên của Ngài. Cách để làm điều đó là chịu phép báp-têm trong “Danh” tức là Yahweh Elohim (Mathiơ 28:19). Điều này cũng làm chúng ta là con cháu (“dòng dõi”) của Áp-ra-ham (Galati 3:27-29) mà, theo lời hứa, sẽ lấy thế gian làm sản nghiệp cho đời đời (Sángthế 17:8; Rôma 4:13), lấy chúng ta làm vạn quân (Elohim) và bởi chúng ta lời tiên tri trong Danh của Đức Chúa Trời sẽ được thực hiện/ứng nghiệm. Điều này được giải thích tỉ mỉ hơn trong Bài 3.4.

1.4 Các Thiên sứ

Tất cả những ý mà chúng ta đã nói đến bây giờ trong Bài này được hợp lại để nói về các Thiên sứ:

- Làthể nhân
- mang Tên của Đức Chúa Trời
- Là cầu nối để ý tưởng Đức Chúa Trời làm việc thực hiện ý chí của Ngài
- họ phù hợp với tính cách và mục đích của Ngài
- và bằng cách ấy họ biểu lộ Ngài.

Chúng ta đã nói trong Bài 1.3 rằng một trong những từ Do thái phổ biến nhất dịch ra Đức Chúa Trời là Elohim, mà thực ra có nghĩa là vạn quân; vạn quân này mà mang Danh của Đức Chúa Trời thật có thể được gọi Đức Chúa Trời vì họ gắn liền với Ngài rất chặt chẽ. Các Đấng này là các Thiên sứ.

Bài ghi quá trình tạo ra thế giới trong Sáng thế Ký 1 nói rằng Đức Chúa Trời đã ra những mệnh lệnh nhất định về cách sáng tạo, “và việc đó được làm”. Đó chính là các Thiên sứ mà thực hiện các mệnh lệnh này: “Các Thiên sứ của Đức Giê-hô-va, là các đấng có sức lực làm theo mạng lệnh Ngài, hay vâng theo tiếng Ngài, khá ngợi khen Đức Giê-hô-va” (Thithiên103:20).

Cho nên, chúng ta có lý do để cho rằng khi chúng ta đọc về Đức Chúa Trời tạo ra thế giới, thì thực sự công việc này đã được làm do các Thiên sứ. Gióp 38:4-7 cũng gợi ý này. Lúc này rất tốt để tổng kết quá trình sáng tạo tuân theo Sáng thế Ký 1:

Ngày 1 “Đức Chúa Trời phán rằng: Phải có sự sáng; thì có sự sáng” (câu3)

Ngày 2 “Đức Chúa Trời phán rằng: Phải có một khoảng không (trời, không gian) ở giữa nước đặng phân rẽ nước (ở dưới đất) cách với nước (ở đám mây) ... thì có như vậy” (câu. 6,7)

Ngày 3 “Đức Chúa Trời phán rằng: Những nước ở dưới trời phải tụ lại (thành biển và đại dương) .. và phải có chỗ khô cạn bày ra; thì có như vậy” (câu. 9)

Ngày 4 “Đức Chúa Trời phán rằng: Phải có các vì sự sáng ... trên trời ... thì có như vậy” (câu. 14,15)

Ngày 5 “Đức Chúa Trời phán rằng: Nước phải sanh các vật ... cho nhiều, và các loài chim phải bay ... Đức Chúa Trời dựng nên các vật sống hay động (câu. 20,21) tức là, “thì có như vậy”

Ngày 6 “Đức Chúa Trời phán rằng: Đất phải sanh các vật sống ... tức súc vật, côn trùng ... thì có như vậy” (câu. 24).

Con người được tạo ra cũng vào ngày thứ sáu này. “Đức Chúa Trời phán rằng: Chúng ta hãy làm nên loài người như hình ta và theo tượng ta” (Sángthế 1:26). Chúng tôi đã giải thích câu này trong Bài 1.2. Còn bây giờ thì chúng tôi muốn nói rằng ở đây “Đức Chúa Trời” nói không phải về bản thân Đức Chúa Trời Tự hữu câu “Chúng ta hãy làm nên loài người” tỏ rằng Đức Chúa Trời nói với hơn một thực thể. Từ Do thái dịch ra Đức Chúa Trời ở đây là Elohim, nghĩa là Vạn quân, tức là nói về các Thiên sứ. Việc các Thiên sứ đã tạo chúng ta theo hình ảnh của mình có nghĩa rằng họ có cơ thể bề ngoài giống như chúng ta. Cho nên họ là các thể rất thực tế, có cơ thể, có thể sờ được, có bản chất như Đức Chúa Trời.

Bản chất trong ý nghĩa này liên quan đến cái nào đó mà vật này rất giống về cơ bản nhờ kết cấu vật chất của cả hai vật này. Kinh thánh nói về hai kiểu bản chất; dựa vào ý nghĩa vốn có của từ thì một vật không thể có cả hai bản chất này cùng một lúc.

Bản chất của Đức Chúa Trời (Bổn thể thần thánh)

Không thể có tội lỗi (trọn vẹn) (Rôma 9:14; 6:23; so sánh Thithiê 90:2; Mathiơ 5:48; Giacô 1:13)

Không thể chết, tức là sống đời đời (1 Timôthê 6:16)

Đây sức mạnh và sinh lực (Êsai 40:28).

Đây là bản chất của Đức Chúa Trời và các Thiên sứ, và bản chất này được ban cho Đức Chúa Jesus sau khi Ngài đã sống lại (Côngvụ 13:34; Khải huyền 1:18; Hebơơ 1:3). Đây chính là bản chất được hứa cho chúng ta (Luca 20:35,36; 2 Phiơơ 1:4; Êsai 40:28 so sánh câu 31).

Bản chất của con người

Bị cám dỗ, mắc tội ác (Giacơ 1:13-15) vì đầu óc vốn có hư hỏng (Jêrêmi 17:9; Mac 7:21-23)

Bị chết mất, tức là ai cũng chết (Rôma 5:12,17; 1 Côrintô 15:22)

Rất thiếu sức lực, cả về cơ thể (Êsai 40:30) lẫn về trí óc (Jêrêmi 10:23).

Đây là bản chất mà hiện nay người nào cũng có, cả người tốt cả người xấu. Bản chất này sẽ dẫn tới sự chết (Rôma 6:23). Đó đã là bản chất mà Đức Chúa Jêsu có trong đời sống của mình (Hêbơơ 2:14; Rôma 8:3; Giăng 2:25; Mac 10:18).

Đáng tiếc là tiếng Anh từ “nature” (Chú thích của người phiên dịch: Từ này có thể dịch ra tiếng Việt như tính, tính chất, bản chất, tự nhiên, thiên nhiên, bản thể, bản tánh, v.v.) khá mơ hồ: chúng ta có thể dùng nó trong câu nói như Giăng là một người có bản tính rộng lượng, tính người không chịu bủn xỉn; nhưng anh ta có thể tự hào khá nhiều về xe hơi của mình, theo tôi, đó chỉ là bản chất con người thôi. Còn trong bài nghiên cứu này chúng tôi không dùng từ nature trong ý nghĩa nói trên.

Bề ngoài của thiên chức thiên thần

Có bản chất như Đức Chúa Trời, các Thiên sứ phải vô tội và cho nên không hề chết nhờ rằng tội lỗi mang sự chết (Rôma 6:23). Họ phải có một hình thức tồn tại về cơ thể, đúng theo nghĩa của từ. Chính vì thế, lúc hiện ra trên đất, các Thiên sứ có vẻ giống người bình thường:

- Những Thiên sứ đã đến với Áp-ra-ham để nói lại lời Đức Chúa Trời cho người; họ được miêu tả như “ba người” và lúc đầu Áp-ra-ham đã đối xử họ như con người, vì về bề ngoài họ đã là như thế: “Xin các Ngài hãy cho phép người ta lấy chút nước rửa chơn các Ngài, và xin hãy nằm nghỉ mát dưới cội cây này” (Sángthế 18:4).

- Hai trong Thiên sứ đó đã đến với Lót ở thành Sô-đôm. Lại cả Lót cả nhân dân Sô-đôm đã tưởng họ là con người. “Hai thiên sứ đến Sô-đôm” và Lót đã mời họ vào nhà mình. Nhưng mà dân Sô-đôm đã đến nhà của Lót và hỏi với giọng đe dọa: Những khách đã vào nhà người buổi chiều tối này ở đâu?”. Lót đã xin, “Miễn đừng làm chi hại cho hai người kia”. Trong bài do thần linh soi dẫn họ cũng được gọi “người”: “Hai người (hai Thiên sứ) giơ tay ra” và cứu Lót; “Hai thiên sứ bèn” nói cho “Lót rằng...Ngài sai chúng ta xuống mà hủy diệt” Sô-đôm (Sángthế 19:1,5,8,10,12,13).
- Lời chú thích sự kiện này trong Kinh Tân ước xác nhận rằng các Thiên sứ có hình dạng con người: “Chớ quên sự tiếp khách; có khi kẻ làm điều đó (ví dụ Áp-ra-ham và Lót), đã tiếp đãi thiên sứ mà không biết” (Hebơơ 13:2).
- Gia-cốp cả đêm đã đánh vật với một người lạ (Sángthế 32:24), sau chúng ta được biết rằng đó là một Thiên sứ (Osê 12:4).
- Hai người nam mặc áo trắng sáng như chớp đã có mặt lúc khi Đức Chúa Jêsus sống lại (Luca 24:4) và lên trời (Côngvụ 1:10). Hoàn toàn rõ ràng đó đã là hai Thiên sứ.
- Hãy để ý đến lời suy ngẫm “thước đo của loài người, và cũng là thước đo của thiên sứ” (Khải huyền 21:17).

Các Thiên sứ không mắc tội

Các Thiên sứ, vì cùng bản chất với Đức Chúa Trời, thì họ không thể chết. Nhớ rằng tội lỗi dẫn đến sự chết, cho nên họ không thể mắc tội. Hai từ Hy Lạp và Do thái được dịch ra thiên sứ có nghĩa sứ giả; các thiên sứ là những sứ giả hoặc đầy tớ của Đức Chúa Trời mà vâng lời của Ngài, cho nên không thể cho rằng họ có thể mắc tội. Vậy, từ Hy Lạp *aggelos* mà được dịch ra những Thiên sứ cũng dịch ra những sứ giả khi nói về con người ví dụ, Giảng Báp-tít (Mathiơ 11:10) và những người do Giảng sai (Luca 7:24); những sứ giả của Đức Chúa Jêsus (Luca 9:52) và những người đi do thám Giê-ri-cô (Giacơ 2:25). Tất nhiên, những sứ giả trong ý nghĩa người đưa tin thì có thể mắc tội lỗi.

Những đoạn dưới chỉ rõ rằng tất cả những Thiên sứ (không phải chỉ một số thôi!), vì vốn phục tùng Đức Chúa Trời, cho nên không thể phạm tội:

“Đức Giê-hô-va đã lập ngôi Ngài trên các tầng trời, nước Ngài cai trị trên muôn vật (tức là trên trời không thể có cuộc nổi loạn chống Đức Chúa Trời). Hỡi các thiên sứ của Đức Giê-hô-va, là các đấng có sức lực làm theo mạng lệnh Ngài, hay vâng theo tiếng Ngài, khá ngợi khen Đức Giê-hô-va! Hỡi cả cơ binh của Đức Giê-hô-va, là tôi tớ Ngài làm theo ý chỉ Ngài, hãy ca tụng Đức Giê-hô-va!” (Thithiên 103:19-21).

“Hỡi hết thấy các thiên sứ Ngài, ... hỡi cả cơ binh Ngài, hãy ngợi khen Ngài!” (Thithiên 148:2).

“Các thiên sứ há chẳng phải đều là thần hầu việc Đức Chúa Trời, đã được sai xuống để giúp việc những người sẽ hưởng cơ nghiệp cứu rỗi hay sao?” (Hebơơ 1:13,14).

Sự nhắc lại từ “đều/tất cả” nhiều lần chỉ rõ rằng các Thiên sứ không chia thành hai nhóm, một nhóm tốt và một nhóm tội lỗi. Cần phải hiểu rõ bản chất của các Thiên sứ vì những người ngoan đạo sẽ được thưởng bằng cách chia sẻ bản chất của họ: “Những kẻ đã được kể đáng dự phần ... thì không lấy vợ gã chồng ... họ sẽ không chết được nữa, vì giống như các Thiên sứ” (Luca 20:35,36). Đây thật là một ý rất quan trọng cần phải hiểu thấu. Các Thiên sứ không thể chết: “Sự chết không thể nắm giữ Thiên sứ” (Hebơơ 2:16 Diaglott margin). Nếu các Thiên sứ có thể mắc tội, thì những người đáng được thưởng khi Đấng Christ trở về cũng có thể mắc tội. Còn nhớ rằng tội lỗi dẫn đến sự chết (Rôma 6:23), vì thế họ sẽ không có sự sống đời đời; nếu chúng ta có khả năng mắc tội thì chúng ta có khả năng chết. Vậy, nếu nói rằng các Thiên sứ có thể mắc tội, thì lời hứa của Chúa Trời về sự sống đời đời không còn ý nghĩa, vì phần thưởng của chúng ta là chia sẻ bản chất của các Thiên sứ. Câu “các Thiên sứ” (Luca 20:35,36) chỉ rõ rằng các Thiên sứ không được phân loại như tốt và có tội; chỉ có một loại Thiên sứ thôi.

Nếu các Thiên sứ có thể mắc tội thì Đức Chúa Trời sẽ không thể tác động chính đáng đến cuộc đời của chúng ta và đến sự kiện thế giới, vì Ngài đã tuyên bố rằng Ngài làm việc qua các Thiên sứ của Ngài (Timôthê 103:19-21). Họ được trở nên sống bởi do Đức Chúa Trời trong ý nghĩa là Ngài hoàn thành mọi công việc bởi thần linh/quyền phép của Ngài, hành động qua các Thiên sứ (Thithiên 104:4). Cho nên, họ hoàn toàn không thể không vâng lời của Ngài. Người theo Chúa hàng ngày phải cầu nguyện xin Nước Đức Chúa Trời được đến trên trái đất, xin ý tưởng Ngài được nên ở đất như trên trời hiện nay (Mathiơ 6:10). Nếu các Thiên sứ của Đức Chúa Trời phải đo sức với các Thiên sứ tội lỗi ở trên trời, thì ý của Ngài sẽ không được thực hiện đầy đủ ở trên trời, và cho nên ở trong Nước Đức Chúa Trời tương lai cũng sẽ có tình trạng như thế. Sống đời đời ở thế giới mà luôn luôn là chiến trường đấu tranh giữa tội lỗi và sự vâng lời - chắc không phải là một triển vọng mà cổ vũ người ta, nhưng điều này tất nhiên không xảy ra như thế.

Thiên sứ và Người theo Chúa

Có một lý do tốt để tin rằng mỗi tín đồ có thiên sứ –có lẽ một thiên sứ đặc biệt – giúp đỡ họ trong cuộc sống:

- “Thiên sứ Đức Giê-hô-va che chở xung quanh và giải cứu những kẻ kính sợ Ngài” (Thithiên 34:7).
- “... những người còn nhỏ mà tin tưởng trong ta (tín đồ yếu đuối-Xachari 13:7 so sánh Mathiơ 26:31)... trên thiên đàng thiên sứ họ luôn quan tâm đến mặt của Cha ta” (Mathiơ 18:6,10).
- “Những Cơ Đốc nhân ban đầu tận mắt chứng kiến Phiơơ có Thiên sứ che chở (Công vụ 12:14,15).
- Dân Isơraên vượt qua biển Đỏ và được Thiên sứ dẫn đưa họ vượt qua đồng vắng đến miền đất hứa. Vượt qua biển Đỏ tượng trưng lễ Báp-têm trong nước (1 Côrintô 10:1), không phải là vô lý khi cho rằng kể từ đó we ta cũng Thiên sứ dẫn dắt và giúp đỡ khi chúng ta đi qua đồng vắng của cuộc đời để đến miền đất hứa của về nước của Đức Chúa Trời. Nếu Thiên sứ coi là có tội trong ý nghĩa tội lỗi, thì lời hứa về sự che chở hay tác động của Thiên sứ trong cuộc sống chúng ta sẽ bị rửa xả thay vì được ban phước.

Chúng ta thấy, Thiên sứ là người... nên

- có bốn tánh đời đời của Đức Chúa Trời và có thân thể xác thịt
- không thể phạm tội
- luôn vâng mạng lệnh của Đức Chúa Trời
- là Đấng trung bảo để quyền phép và thánh linh Đức Chúa Trời được gửi đến và hiện hữu trong chúng ta (Thi thiên 104:4)

Nhưng mà ... ?

Nhiều hội thánh người Cơ Đốc có quan điểm rằng các Thiên sứ có thể mắc tội, và hiện nay những Thiên sứ tội lỗi này đang tồn tại và chịu trách nhiệm về tội lỗi và những vấn đề trên trái đất. Chúng ta sẽ thảo luận tỉ mỉ hơn quan niệm sai này trong bài 6. Lúc này chúng ta nêu rõ những điểm như sau:

- Có thể rằng trước khi bản thân chúng ta được tạo ra đã có sự tạo ra nào khác, ví dụ trong Sang thế Ký 1 viết về điều này. Cũng có thể rằng các Thiên sứ hiện nay đã hiểu biết “đều thiện và đều ác” (Sáng thế 3:5), cũng đã rơi vào hoàn cảnh giống hoàn cảnh của chúng ta trong đời này. Không thể loại trừ rằng một số thực thể sống trong thời đại ấy đã mắc tội; nhưng mà tất cả những điều này chỉ là sự suy đoán mà đầu óc con người ham mê đến. Kinh thánh báo những gì mà chúng ta cần biết về tình hình hiện nay, còn hiện nay không có Thiên sứ tội lỗi; tất cả những Thiên sứ đều vâng lời của Đức Chúa Trời.

- Không thể có thể tội lỗi ở trên trời vì “mắt Chúa thánh sạch chẳng nhìn sự dữ” (Habacuc 1:13). Thi thiên 5:4,5 cũng giải thích: “Kẻ ác sẽ không được ở cùng Chúa. Kẻ kiêu ngạo chẳng đứng nổi” ở nơi thiêng liêng có Đức Chúa Trời. Với tư tưởng rằng những Thiên sứ tội lỗi có thể nổi loạn chống Đức Chúa ở trên Trời hoàn toàn mâu thuẫn với cảm tưởng do những câu nói trên tạo ra.

- Từ Hy Lạp dịch ra “Thiên sứ” có nghĩa “sứ giả” và có thể có liên quan đến những con người, như chúng ta đã nêu lên rõ rồi. Những “người đưa tin” này tất nhiên có thể mắc tội.

- Tin tưởng rằng những thực thể độc ác có tội tồn tại, và có thể đổ lỗi tất cả những chuyện tiêu cực ấy trong cuộc sống vào tâm hồn của chúng là một trong những tin tưởng phổ biến nhất trong tà giáo. Những tư tưởng tà

giáo về lễ Nô-en đã vào giới giáo phái gọi mình Cơ Đốc bằng cách nào đó rồi, vậy thì những quan niệm tà giáo nói trên cũng bằng cách này.

- Chỉ có một ít đoạn trong Kinh thánh mà có thể được hiểu nhầm và ủng hộ ý về những Thiên sứ tội lỗi đang tồn tại hiện nay. Những ý này được xem xét trong cuốn “Đi tìm quý Sa-tăng” mà có thể kiểm ở nhà xuất bản này. Chúng ta không nên cho phép cho những đoạn này làm lời dạy phong phú của Kinh thánh trái với những điều ngược lại được trình bày ở đây.

Điều Bài Đọc thêm 1: “Đức Chúa Trời là Thần linh” (Giăng 4:24)

Trong bài nghiên cứu số 2 chúng ta định nghĩa chính xác hơn thần linh của Đức Chúa Trời là gì. Chúng ta có thể tóm tắt lập luận được trình bày ở đó bằng cách nói rằng Thần linh của Đức Chúa Trời là quyền phép hay hơi thở qua đó tính cách, bản tánh chính Ngài được bày tỏ ra cho con người bằng hành động mà Thần linh có được. Vì vậy “Đức Chúa Trời là Thần linh”, như Giăng 4:24 lẽ ra nên được diễn nghĩa chuẩn hơn (so sánh R.S.V., NIV.), vì Thần linh cho biết tánh cách của Ngài.

Đức Chúa Trời được mô tả như nhiều điều, như:

- “vì Đức Chúa Trời chúng ta là đám lửa thiêu đốt” (Hebơơ 12:29)
- “Đức Chúa Trời là sự sáng” (1 Giăng 1:5)
- “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” (1 Giăng 4:8)
- “Ngôi lời là Đức Chúa Trời (từ Hy Lạp “logos- chương trình, mục đích, ý muốn) (Giăng 1:1)

Do vậy, “Đức Chúa Trời là” tính cách bản tánh của Ngài. Thật là sai lầm khi lập luận rằng phẩm chất yêu thương trừu tượng “là Đức Chúa Trời”, chỉ vì chúng ta thấy rằng “Đức Chúa Trời là sự yêu thương”. Chúng ta cũng có thể gọi ai đó “tử tế quá”, nhưng điều này không có

nghĩa là họ không có sự hiện hữu vật chất- Đó là cách thức tồn tại hữu hình mà bày tỏ lòng tử tế đối với chúng ta.

Thần linh vốn là quyền phép của Đức Chúa Trời, chúng ta thường nghe hiểu Chúa truyền và hướng Thần linh của Ngài để đạt mọi sự phù hợp theo ý tưởng và tính cách của Ngài. Ngay cả, Ngài được mô tả khi tạo thánh linh (Amốt 4:13 A.V.). Để nói rằng Đức Chúa Trời là Thần linh của Ngài theo nghĩa đen thuần túy là một sự lặp đi lặp lại nhiều lần- như vậy thực sự chối bỏ sự hiện hữu của Đức Chúa Trời.

Những ví dụ đề cập Đức Chúa Trời hướng Thần linh của Ngài có rất nhiều, cho thấy sự phân biệt giữa Chúa và Thần Linh Ngài:

- “Ngài đã đặt Thần thánh mình giữa dân sự” (Esai 63:11)
- “Ta sẽ cho Thánh linh ta ngự trên người (Jesus)” (Mathiơ 12:18)
- “Cha ban thánh linh” (Luca 11:13)
- “Thánh linh đến từ thiên đàng”(Giăng 1:32)
- “Ta sẽ đổ thần ta trên mọi xác thịt”(Công vụ 2:17)

Thật sự, những sự liên hệ thường xuyên đến Thần linh của Đức Chúa Trời nên chứng tỏ đúng đắn rằng Thần linh không phải là chính Đức Chúa Trời. Những khác biệt giữa Đức Chúa Trời và Thần linh Ngài là điều khó khăn đối với những ai tin rằng Đức Chúa Trời là ba ngôi mà ở đó Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha ngang hàng với Chúa Jesus and với Thánh linh. Nếu điều này đúng, và nếu Đức Chúa Trời bị cho là không phải người, thì điều nên tiếp theo là Chúa Jesus đã và đang không phải là người.

Thật hết sức quan trọng, một Đức Chúa Trời không phải là người sẽ làm lời cầu nguyện vô nghĩa- tới mức ở đó sự cầu nguyện chỉ là cuộc đối thoại giữa lương tâm chúng ta và một khái niệm về Đức Chúa Trời đơn thuần tồn tại trong trí óc ta. Chúng ta thường được nhắc nhở rằng chúng ta cầu xin Đức Chúa Trời (Truyền đạo 5:2; mathiơ 6:9;5:16; 1 Các vua 8:30), và Chúa Jesus đang ngồi trên tay hữu Đức Chúa Trời để dâng lời cầu nguyện của chúng ta đến Đức Chúa Trời (1 Phiơơ 3:22; Hebơơ 9:24). Nếu Đức Chúa Trời không phải là người, những đoạn Kinh như

vậy trở nên vô nghĩa chẳng. Nhưng một khi Đức Chúa Trời được chúng ta hiểu là người Cha giàu lòng thương xót, thì lời cầu nguyện của chúng ta trở thành một điều rất thực và hữu hình- thật sự nói về chuyện với một người mà chúng ta tin tưởng thì rất sẵn lòng để tâm sự.

Bài đọc thêm số 2: “Nên dùng Danh tánh của Đức Chúa Trời như thế nào”

Chúng ta đã thấy rằng Danh của Đức Chúa Trời và Danh con Ngài Jesus có ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Khi chúng ta nói về Đức Chúa Trời chúng ta đang tiếp xúc đến từng khía cạnh của những mục đích tuyệt vời của Ngài về tình yêu thương và lẽ thật. Danh Chúa mà được dùng không mục đích chẳng hạn như lời nói than vãn hay bức tức, thì đó là một trong những việc làm xỉ nhục nhất mà một ai đó đối đáp với Đấng tạo thế. Vì lý do đó, những ai muốn làm hài lòng Ngài và tôn vinh Ngài sẽ luôn cố gắng không dùng Danh Chúa cách xem thường. Trong nhiều xã hội trên thế giới, sự phỉ báng hay lăng mạ đã và đang trở thành một phần chuẩn mực của ngôn ngữ hiện đại; như vậy để tách khỏi những thói quen lâu ngày trong cuộc sống sẽ không phải là việc làm dễ dàng. Lời cầu nguyện chân thành/thành tâm cầu xin sự giúp đỡ từ Đức Chúa Trời sẽ chắc chắn làm Ngài đoái tâm đến. Những ai trong sự giám sát và ảnh hưởng ví dụ con cái, cũng có thể được nhắc nhở tầm quan trọng của sự phỉ báng hay phạm thượng: “Người chớ lấy Danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời người mà làm chơi vì Đức Chúa Trời sẽ kết tội kẻ nào lấy Danh Ngài mà làm chơi” (Phục truyền 5:11).

Mặt khác, những ai khẳng định rằng hội thánh cơ đốc chân thành phải sử dụng từ ngữ Do Thái “Đức Giê-hô-va hay Đức Giê hôva trong Danh ngài. To lớn hơn hết, đây là tổ chức quan sát người nhấn mạnh rằng nếu một tín đồ tự xưng mình là chứng nhân Giê-hô-va, thì người đó không có sự liên hệ với Đức Chúa Trời.

Làm điều này, những người như thế đang dùng Danh kỳ diệu và nên thánh của Ngài to nhen nhóm lên một kiểu lòng tin vào hệ thống lãnh đạo để phát triển giới ưu tú, ở đó họ khinh bỉ những người khác chỉ đơn giản là cách phát âm từ ngữ hay cách dùng từ. Đây không muốn nói là sử dụng Danh Đức Chúa Trời là sai; nhưng chỉ thật sự phù hợp cho lời cầu xin cá nhân chúng ta một khi chúng ta nhận phép báp-têm dâng hoàng trong Danh Ngài. Tuy vậy, Kinh Tân Ước, không chỉ cho chúng ta rằng điều này là cần thiết hay được mong muốn từ Đức Chúa Trời. Ngài đã rất qui tất về sự truyền sinh linh trong Tân ước để mà Lời ấy được viết bằng tiếng Hy Lạp bằng cách sử dụng chỉ một từ “Đức Chúa Trời”- “Theos” nghĩa là “Đấng quyền năng”. Không có sự khác biệt nào được nêu ra giữa Đức Chúa Trời and Giê-hô-va, cũng không có điều rằng cụ thể nào liên quan rằng các tín đồ nên xưng mình là những cộng đồng tín đồ. Phiơơ gọi các tín đồ là cơ đốc nhân hơn là người Giê-hô-va hay tên gì đó tương tự (1 Phiơơ 4:16). Do quá nhấn mạnh cách dùng Danh “Giê-hô-va” dẫn đến việc làm giảm giá trị của việc làm và vị trí của Đức Chúa Jesus, tương tự như thế nhiều cơ đốc giữ chức phận truyền giáo quá nhấn mạnh Danh và chức phận của Chúa Jesus mà phớt lờ vị trí quyền năng của Đức Chúa Trời.

Những cách gọi Chúa khác mà một số cộng đồng cơ đốc ban đầu xưng hô cũng không dùng từ “Giê-hô-va”:

- “Quyền công dân Ysơraên” (Ephêsô 2:12)
- “Cộng đồng thống nhất và Hội thánh của những con trưởng” (Hêbơơ 12:23)
- “hội thánh của Chúa” (Công vụ 20:28)
- “Hội thánh của Đức Chúa Trời hằng sống, trụ và nền của lẽ thật vậy” (1Timôthê 3:15)
- “Nhà của Đức Chúa Trời” (1Timôthê 3:15)

Trong quá khứ, hãy để ý rằng người theo Chúa đã không xưng họ là Cơ đốc nhân; đây là ý nghĩa thuật ngữ xúc phạm, “dân của Dấng Christ” mà những kẻ thù nghịch bịa đặt ra.

Bài đọc thêm số 3: “Sự hiện ra của Đức Chúa Trời”

Những điều sau đây sẽ không dễ dàng tiếp thu trọn vẹn khi mới tìm hiểu lần đầu tiên, nhưng tầm quan trọng của chủ đề sẽ trở nên rõ ràng khi quá trình tìm hiểu của chúng ta bắt đầu. Chúng tôi đề cập điều này ở chỗ này để mà Anh/em sau khi tìm hiểu bài đọc này có một sự nhìn nhận đầy đủ sự mặt khải của Thánh kinh căn bản về chính Đức Chúa Trời.

Danh của Đức Chúa Trời chỉ có thể đồng hành với những ai mà Ngài chọn để mặc khải hoặc cho biết về Ngài. Vì thế con người và Thiên sứ cũng như Chúa Jesus đều có thể mang Danh Ngài. Đây là một nguyên tắc quan trọng đưa chúng ta hiểu nhiều hơn về Thánh kinh. Đặc biệt một người trai có thể mang Danh cha mình; thì người ấy ắt có đặc điểm giống với Cha mình, người ấy có thể có cùng Danh xưng hô- nhưng tuyệt nhiên người ấy không là một và cũng cùng là Cha. Cũng như vậy, một người đại diện cho một công ty có thể xưng mình là thay mặt/đại diện cho công ty; người này có thể liên lạc ai cùng làm ăn kinh doanh và nói, “xin chào”, công ty Unilever đây”; người này tuyệt nhiên không phải là Ngài Unilever, nhưng người này mang danh của công ty mình vì người này đang làm việc với tư cách là đại diện cho công ty. Vì vậy cũng giống như Chúa Jesus vậy.

Thiên sứ mang Danh Đức Chúa Trời

Chúng ta đã được bảo trong sách xuất hành 23:20,21 rằng Đức Chúa Trời phán cùng dân Ysơrên rằng Thiên sứ sẽ đi phía trước họ; “Danh ta ở trong họ”. Danh tánh biệt riêng của Đức Chúa Trời is Giê-hô-va. Như vậy Thiên sứ mang danh của Giê-hô-va, và vì vậy cũng có thể được xưng là Giê-hô-va hay Chúa. Chúng ta đã được bảo trong sách xuất hành 33:20 rằng không ai có thể nhìn mặt Đức Chúa Trời mà sống được; nhưng trong sách xuất hành 33:11 chúng ta thấy rằng “Chúa (Giê-hô-va)

phán cùng Môsê mặt đối mặt như thể một người nói chuyện cùng bạn mình” chẳng hạn trông rất thân mật và thoải mái. Điều này không thể là Chúa, Giê-hô-va, Ngài trong xác thịt mà nói chuyện cùng Môsê mặt đối mặt vì không ai có thể nhìn thấy Đức Chúa Trời. Thay vào đó chính là Thiên sứ mang Danh Ngài mà thi hành phận sự; cho nên khi chúng ta đọc câu chữ Chúa đang nói cùng Môsê thì lúc đó chính là Thiên sứ đã làm như vậy. (công vụ 7:30-33).

Rất nhiều thí dụ khác nữa về từ ngữ Chúa và Đức Chúa Trời mà thật chất là nói đến Thiên sứ thay vì Chúa. Thêm một thí dụ rõ hơn là Sáng thế 1:26: “Đức Chúa Trời phán: chúng ta hãy cùng tạo con người theo hình và tượng ta”.

Con người cùng với Danh Đức Chúa Trời

Một trong số các đoạn kinh rất hữu ích để chứng minh tất cả điều này là sách Giăng 10:34-36. Chính chỗ này mà người Do thái mắc sai lầm mà nhiều người cái gọi là Cơ Đốc nhân làm ngày nay. Họ nghĩ rằng Chúa Jesus đang nói rằng Chúa Jesus chính là Đức Chúa Trời. Chúa Jesus đã chỉnh lại và nói: “Chẳng phải trong luật pháp có chép, Ta nói các người là các “thần” hay sao?” Nếu Ngài gọi họ là các thần... thì làm sao nói rằng ta là... “các người là kẻ phạm thượng vì ta đã nói, ta con trai của Đức Chúa Trời?” Chúa Jesus thực sự nói “trong sách cựu ước con người được gọi là các “thần””. Ta chỉ muốn nói rằng Ta là con trai của Đức Chúa Trời; vậy tại sao các người giận dữ?” Chúa Jesus thực sự muốn dẫn lời trong sách Thithiên 82, mà ở đó các quan xét của muốn dẫn lời trong sách Thithiên 82, mà ở đó các quan xét của Ysơrôên được gọi là các “thần”.

Như đã nói trên, Danh đầy đủ của Đức Chúa Trời bằng tiến Do thái là Giê-hô-va vạn quân- Yahweh Elohim nghĩa là “Ta sẽ được trỗi hơn trong những Đấng quyền năng”. Các tín đồ chân chính sẽ là những người trong nhiều người đang sống trong thế giới hạn hẹp này sẽ trở nên đầy đủ hơn trong nước đang đến của Đức Chúa Trời. Thật đẹp để biết bao khi điều này đã được so sánh trong sách Êsai 64:4 và 1 Côrintô 2:9. “Từ

xưa người ta chưa hề biết, tai chưa hề nghe, mắt chưa hề thấy, ngoài Ngài có Đức Chúa Trời nào khác, hay vì kẻ trông đợi mình mà làm những sự ấy”. Phao lô dẫn lời này trong 1 Côrintô 2:9,10: “Như có chép rằng: Ấy là sự mắt chưa thấy, tai chưa nghe, Và lòng người chưa nghĩ đến, nhưng Đức Chúa Trời đã sắm sẵn điều ấy cho những người yêu mến Ngài. Đức Chúa Trời đã dùng Đức Thánh linh để bày tỏ những sự đó cho chúng ta”. Đoạn trong sách Esai 64 chép rằng không một ai ngoại trừ Đức Chúa Trời có thể hiểu những điều mà Ngài đã chuẩn bị cho các những người yêu mến Ngài; nhưng 1 Côrintô 2:10 chép rằng những điều đó đã được bày tỏ cùng chúng ta; vì thế chúng ta đang cảm nhận về Đức Chúa Trời: chứ không phải chúng ta đang ở gần chính Ngài trong xác thịt, nhưng sự hiện ra của Đức Chúa Trời ngay khi nhận được phép báp-têm trong Danh Ngài và nhận biết lẽ Thật.

Chúa Jesus và Danh Đức Chúa Trời

Không gì ngạc nhiên khi Chúa Jesus, con một của Đức Chúa Trời và sự hiện ra cao cả của Ngài đến con người, nên xứng đáng mang Danh Ngài. Ngài phán “Ta đến trong Danh của cha ta” (Giăng 5:43). Bởi từ sự vâng lời, Chúa Jesus đã ngự trên trời và ở cùng Đức Chúa Trời “được ban cho Danh cao quý hơn mọi Danh”- Danh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời (Philip 2:9). Vì vậy đó là tại sao chúng ta biết rằng Chúa Jesus phán trong sách khải huyền 3:12 “ Ta sẽ viết lên người (tín đồ) Danh của cha Ta... và Ta sẽ viết lên các người Danh mới của Ta”. Trong ngày phán xét Chúa Jesus sẽ ban cho chúng ta Danh của Đức Chúa Trời; rồi chúng ta sẽ mang đầy đủ Danh Đức Chúa Trời. Chúa Jesus xưng Danh này “Danh mới của Ta”. Hãy nhớ rằng, Chúa Jesus mặc khải sách khải huyền vài năm sau khi Ngài được cất lên trời và đang được ban cho Danh của Đức Chúa Trời, như được giải thích trong sách Philip 2:9. Vì thế Chúa Jesus có thể gọi Danh Đức Chúa Trời “ Danh mới của Ta”; một Danh mà gần đây Ngài được ban cho. Bây giờ chúng ta có thể hiểu chuẩn xác sách Esai 9:6, ở đó nói về Chúa Jesus như chúng ta được nhận biết. “ Danh Ngài (chú ý rằng) sẽ được xưng, “Đấng lạ lùng”, “Đấng yên ủi”, “Đấng quyền năng”, “Cha đời đời...”. Đây là lời tiên tri rằng Chúa Jesus sẽ mang tất cả mọi Danh của Đức Chúa Trời rằng Ngài

ắc sẽ hiện ra trọn vẹn hoặc bày tỏ Đức Chúa Trời cho chúng ta. Vì ý nghĩa này mà Chúa Jesus được gọi là ‘Ymanuên’, nghĩa là “Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta”, dù rằng về cá nhân Chúa Jesus không phải là Đức Chúa Trời. Như vậy, lời tiên tri trong sách Giôên 2 rằng con người gọi Danh của Giê-hô-va đã được ứng nghiệm bằng việc con người nhận lễ báp-têm trong Danh của Chúa Jesus (Công vụ 2:21 so sánh 38); và điều này cũng giải thích tại sao điều rằng về làm phép báp-têm trong Danh của Cha đã được ứng nghiệm như có chép chi tiết trong sách Công vụ, đó là báp-têm trong Danh của Chúa Jesus.

Bài 1: Câu hỏi

1. Điều gì giúp chúng ta phát triển lòng tin vào Đức Chúa Trời nhiều nhất?
 - a) Đi lễ tại nhà thờ
 - b) Tra xem Kinh thánh và cầu nguyện
 - c) Nói chuyện với những người Theo Chúa
 - d) Ngắm nhìn thiên nhiên
2. Lời định nghĩa nào về Đức Chúa Trời đúng nhất?
 - a) Chỉ là một ý niệm trong trí óc của chúng ta
 - b) Một phần của Tâm Linh trong bầu không khí
 - c) Chúa Trời không tồn tại
 - d) Một cá nhân vật chất thực tế
3. Chúa Trời có phải là
 - a) Một thể thống nhất
 - b) Ba ngôi một thể
 - c) Nhiều Chúa Trời trong một Chúa
 - d) Khó định nghĩa theo một cách nào đó?
4. Tên của Chúa Trời Yahweh Elohim có nghĩa gì?
 - a) Đáng mà sẽ có
 - b) Đáng mà sẽ được bộc lộ trong những người có sức mạnh
 - c) Vĩ đại
 - d) Sức mạnh
5. Từ Thiên sứ có nghĩa gì?
 - a) Giống con người
 - b) Được cánh che chở
 - c) Sứ giả
 - d) Người hầu việc
6. Các Thiên sứ có thể mắc tội không?
 - a) Có
 - b) Không
7. Điều gì thuyết phục bạn nhất rằng có Đức Chúa Trời hiện hữu hằng hữu?

BÀI 2

THÁNH LINH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI



2.1 Đức Thánh Linh: Lời định nghĩa

Vì Đức Chúa Trời là một cá nhân thực tế và cho nên có cảm giác và xúc cảm, thì chúng ta có thể nghĩ rằng Ngài sẽ có những biện pháp chia sẻ mong muốn và xúc cảm của mình với chúng ta, con cái của Ngài, và tác động đến cuộc đời của chúng ta một cách thích hợp với tính cách của Ngài. Đức Chúa Trời làm mọi việc đó thông qua “thần linh” của Ngài. Nếu chúng ta muốn hiểu biết Đức Chúa Trời và có mối quan hệ sinh động với Ngài thì chúng ta cần biết “thánh linh của Chúa Trời” là gì và hoạt động như thế nào.

Định nghĩa từ “spirit” một cách chính xác (Chú thích của người phiên dịch: Từ spirit trong tiếng Anh có nghĩa “thần, linh, thở, bầu không khí, quyền, v.v.) không dễ đâu. Ví dụ, nếu bạn đã dự lễ cưới thì bạn có thể nói rằng, “Bầu không khí ở đó đã thật vui vẻ!” Bằng câu này bạn muốn nói rằng bầu không khí đã tốt, mọi điều trong lễ cưới đã tốt; mọi người đã mặc áo diện, thức ăn ngon, khách nói chuyện thân ái với nhau, cô dâu có vẻ đẹp, v.v. Tất cả mọi thứ đó đã tạo ra “không khí” của lễ cưới. Cũng vậy, linh của Đức Chúa Trời tổng kết mọi điều về Ngài bằng cách nào đó. Trong Kinh Cựu ước một từ Do thái đã dịch ra spirit có nghĩa chính xác là “hơi thở” hoặc “quyền”; như vậy, Thánh Linh của Đức Chúa Trời là “sự thở” của Ngài, là bản chất sâu sắc của Đức Chúa Trời mà phản ánh ý tưởng của Ngài. Trong bài 4.3 chúng ta sẽ đưa một số ví dụ về cách dùng từ “spirit” nói về trí óc và tính tình của con người. Thánh Linh không ngang bằng hoàn toàn với quyền phép thuần túy của Chúa Trời, điều đó thấy rõ trong câu Rôma 15:19: “quyền phép của Thánh Linh Đức Chúa Trời”.

Kinh Thánh thường dạy rằng ý nghĩ của người biểu hiện qua hành động của người (Châmngôn 23:7; Mathiơ 12:34); đã phân tích hành động của mình, chúng ta đồng ý với *câu này*. Một chút minh họa về hành động của chúng ta sẽ khẳng định điều này. Trước tiên chúng ta nghĩ về việc nào đó, còn sau đó mới làm. Thần hay đầu óc chúng ta có thể cho biết rằng chúng ta đói hay cần thức ăn. Chúng ta nhìn thấy quả chuối trong nhà bếp, thì sự ham muốn của tâm trí lập tức được chuyển thành hành động; chúng ta cầm lấy, bóc vỏ và ăn. Thí vđơn giản này chỉ rõ tại sao chữ Do Thái “tinh thần” mang ý nghĩa vừa là hơi thở và trí óc và cũng là quyền lực. Về phía chúng ta, tinh thần chúng ta đề cập đến suy nghĩ và tính cách bên trong chúng ta. Trong vũ trụ vô cùng to lớn, Thần Đức Chúa Trời thì cũng thế; đây là quyền lực, và qua nó Ngài bài tỏ bản chất năng động của mình, ý tưởng và mục đích của mình. Đức Chúa Trời suy nghĩ và cho nên hành động: “Sự ta đã định sẽ xảy đến, đều ta đã toan sẽ đứng vững” (Êsai 14:24).

Quyền Phép Của Đức Chúa Trời

Trong nhiều đoạn chỉ rõ rằng thần của Chúa Trời như nhau với quyền phép của Ngài. Nhằm tạo ra thế giới, “Thần Đức Chúa Trời vận hàn trên mặt nước. Đức Chúa Trời phán rằng: Phải có sự sáng; thì có sự sáng.” (Sángthế 1:2,3).

Thần Đức Chúa Trời đã là quyền lực và bởi thần tất cả mọi cái được tạo ra, ví dụ, ánh sáng. “Thần Chúa điểm trang các tầng trời; tay Chúa tạo con rắn xảo quyết” (Gióp 26:13). Khi so sánh sách Mathiơ 12:28 và Luca 11:20 chỉ rõ “ngón tay của Đức Chúa Trời” và “Thần linh của Đức Chúa Trời” là giống nhau. “Các tầng trời được làm nên bởi lời Đức Giê-hô-va, cả cơ binh trời bởi hơi thở của miệng Ngài mà có” (Thithiên 33:6). Cho nên Thần Chúa Trời được miêu tả như: -

- hơi thở của Ngài

- lời của Ngài

- tay của Ngài.

Cho nên Thần chính là quyền lực để Ngài hoàn thành mọi việc. Vậy, những người tin Chúa cũng được sẽ sinh lại theo ý muốn của Đức Chúa Trời (Giăng 1:13), nghĩa là bởi thần của Ngài (Giăng 3:3-5). ý muốn của Ngài do thần thực hiện. Còn nói về sự tạo toàn bộ thiên nhiên, chúng ta đọc: Chúa đem Thần Chúa ra, chúng nó được dựng nên; (cho nên) Chúa làm cho mặt đất ra mới (Thithiên 104:30). Thần/quyền phép này cũng giữ vững mọi cái, cũng như mọi phương tiện để tạo mọi cái. Để nghĩ rằng chúng ta đi vấp trong cuộc đời bị thảm này mà thần Đức Chúa Trời không dành ảnh hưởng tích cực nào cả. Gióp, một người mà đã quá mệt vì cuộc đời đau khổ, được nhắc ý này do một nhà tiên tri khác: “Nếu Ngài (Đức Chúa Trời) chỉ lo tưởng đến chính mình Ngài, thâu lại về mình thần linh và hơi thở của Ngài, thì các loại xác thịt chắc chết chung nhau hết, và loài người trở vào bụi đất” (Gióp 34:14,15).

Chúng ta sẽ thấy trong bài 4.3 rằng sự sống chúng ta được giữ chính nhờ thần linh đã ban cho chúng ta và nhờ toàn thể giới được tạo ra. Chúng ta có “sinh khí” bên trong chúng ta (Sángthế 7:22 A.V. mg) do Đức Chúa Trời ban cho chúng ta lúc sinh ra (Thithiên 104:30; Sángthế 2:7). Việc này làm Ngài “Đức Chúa Trời của thần linh trên mọi xác thịt” (Dân số 27:16 so sánh Hebơơ 12:9). Vì Đức Chúa Trời là sinh khí mà giữ vững toàn thể sự tạo ra, thì thần linh của Ngài đang có mặt khắp nơi. Đa-vít đã nhìn nhận rằng Đức Chúa Trời, bởi thần linh mình, đã bất cứ lúc nào có mặt với người bất cứ nơi nào, và bởi thần/quyền phép này Ngài đã có thể biết mỗi chỗ ẩn náu trong đầu óc và ý nghĩ của Đa-vít. Vậy, thần linh của Đức Chúa Trời là biện pháp để Ngài có mặt khắp nơi, tuy bản thân Ngài đang ở trên trời.

“Chúa biết khi tôi ngồi, lúc tôi đứng dậy; từ xa Chúa hiểu biết ý tưởng tôi ... Tôi sẽ đi đâu xa Thần Chúa? Tôi sẽ trốn đâu khỏi mặt Chúa? ... Nếu tôi ... ở tại cuối cùng biển, tại đó ... cũng ... tay hữu Chúa (tức là thông qua thần linh) sẽ nắm giữ tôi” (Thithiên 139:2,7,9,10).

Hiểu biết đúng đắn chủ đề này giúp chúng ta nhận biết về Đức Chúa Trời là Đấng quyền năng, và năng lực. Nhiều người trưởng thành từ lâu vẫn có sự hiểu biết về Chúa cánh mớ hồ. Nhưng thực chất, Đức Chúa Trời chỉ là một khái niệm trong trí óc họ, ví như một hộp đen trong bộ phận của não bộ. Hiểu biết Đức Chúa Trời thật sự và sự hiện hữu thật mọi sự xung quanh chúng ta về Ngài mới có thể hoàn toàn làm thay đổi cái nhìn của chúng ta về cuộc đời. Chúng ta được bảo bọc bởi không khí/thần linh, luôn thể hiện trong mọi hoạt động, điều đó giúp chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời. Vua Davit nhận biết sự khích lệ của quyền phép tuyệt đối ấy: “Sự hiểu biết ấy quá tuyệt vời cho tôi, quá cao siêu, tôi không thể với tới được” (Thithiên 139:6). Nhưng trách phải đi đôi với sự hiểu biết ấy; chúng ta phải công nhận rằng suy nghĩ và hành động của chúng ta luôn được chúng nhận biết. Khi chúng ta tự kiểm điểm việc làm của mình trước Ngài, đặc biệt khi nghĩ đến phép Báp-têm, thì chúng ta cần phải luôn nhớ. Những lời uy nghi của Đức Chúa Trời bày tỏ cùng Giêrêmi cũng giúp chúng ta: “có điều chi người cất dấu nơi kín mà ta không nhìn thấy chẳng?, Đức Chúa Trời phán vậy. Không phải chính ta đã làm đầy đủ trời đất bằng thần linh của ta sao?” (Jerêmi 23:24).

Thánh linh

Chúng ta nhìn thấy rằng thần linh của Đức Chúa Trời là một khái niệm rất rộng; đây là đầu óc và ý tưởng của Ngài, và cả quyền phép để thực hiện ý nghĩ của mình. “Vì hấn tưởng trong lòng, thì hấn quả

thể ấy” (Châmngôn 23:7); vậy thì Đức Chúa Trời là những ý tưởng của Ngài, trong ý nghĩa này, Ngài là thần của Ngài (Giăng 4:24), tuy điều nói trên không có nghĩa rằng Đức Chúa Trời không phải là một cá nhân (xem lại bài suy ngẫm số 1). Để giúp chúng ta vật lộn với tính bao la của thần Chúa Trời, chúng ta thường đọc về “Đức Thánh Linh” của Ngài.

Thuật ngữ “Holy Spirit” (“Đức Thánh Linh”) có thể tìm thấy chủ yếu trong Kinh Tân ước. Trong A.V. dùng thuật ngữ “Holy Ghost” (“Đức Thánh Linh”) nhiều, nhưng từ này thường dịch ra “Holy Spirit” (“Đức Thánh Linh”), như viết rõ trong các lần ấn bản dịch mới. Phạm trù này tương đương với câu “the Spirit of God” (“Thánh Linh Đức Chúa Trời”) và câu “the Spirit of Lord” (“Thần của Đức Giê-hô-va”) trong Kinh Cựu ước. Điều này có thể thấy rõ dựa vào những đoạn trong sách Công vụ các Sứ đồ 2 kể rằng vào ngày lễ Ngũ tuần Thánh Linh đã được đổ trên các sứ đồ. Phi-e-rơ đã giải thích rằng điều này là sự thực hiện tiên tri của Giô-en, người đã giải thích rằng “Thần ta (Chúa Trời)” (Côngvụ 2:17) đã đổ ra. Lời ứng nghiệm chính về điều này sẽ rõ ràng vào ngày Chúa Jesus trở lại (Êsai 32:15,16). Một lần nữa, trong Luca 4:1 được ghi rằng Đức Chúa Jêsu “đầy đầy Đức Thánh Linh” ở bờ sông Giô-đanh về; tiếp theo, cũng trong đoạn này, Jêsu nói rằng mình đã thực hiện lời trong Ê-sai 61: “Thần của Chúa Giê-hô-va ngự trên ta”. Trong cả hai trường hợp (và trong nhiều trường hợp khác) Đức Thánh Linh được coi ngang với thuật ngữ “Thần Chúa Trời” trong Kinh Cựu ước. Xin chú ý thêm trong những đoạn dưới đây Đức Thánh Linh được đặt ngang bằng với quyền phép của Chúa Trời như thế nào:

- Đức Thánh Linh sẽ đến trên người (Ma-ri), và quyền phép Đấng Rất Cao sẽ che phủ người dưới bóng người” (Luca 1:35)
- “Quyền phép Đức Thánh Linh ... của dấu lạ/ phép lạ bởi quyền phép của Thánh Linh Đức Chúa Trời” (Rôma 15:13, 19)
- “Tin lành (sự truyền giáo) chúng tôi đã rao truyền ... bằng quyền phép, Đức Thánh Linh” (1 Thêsalônica 1:5).
- Lời hứa rằng những môn đồ nhận được Đức Thánh Linh đã được miêu tả như họ sẽ “được mặc lấy quyền phép từ trên cao” (Luca 24:49).
- Bản thân Jêsus đã được “xức dầu ... bằng Đức Thánh Linh và quyền phép” (Côngvụ 10:38).
- Phao-lô đã có thể ủng hộ thêm lời thuyết giáo của mình và trình bày một cách không thể chối cãi được về quyền lực Chúa Trời: “Lời nói và sự giảng của tôi ... tại sự tỏ ra Thánh Linh và quyền phép” (1 Côrintô 2:4).

2.2 Linh Cảm

Chúng ta đã định nghĩa Thánh Linh Đức Chúa Trời như là quyền phép, ý tưởng và tâm tính của Ngài, mà Ngài biểu lộ bằng những hành động do Thánh Linh của Ngài thi hành. Chúng ta đã chú ý trong đoạn nói trên đến công việc của Thánh Linh Đức Chúa Trời trong khi tạo ra thế giới “Thần Chúa điểm trang các tầng trời” (Gióp 26:13) -Thần Đức Chúa Trời vận hành trên mặt nước tiến hành việc tạo ra thế giới này (Sángthế 1:2). Còn nữa, chúng ta đọc rằng “bởi lời Đức Giê-hô-va” thế giới được làm (Thithiên 33:6), bài Sáng Thế Ký nêu lên ví dụ là những cái mà “Đức Chúa phán” phải tạo ra, thì có như vậy. Cho nên Thánh Linh Đức Chúa Trời được phản ánh rất nhiều trong lời nói của Ngài cũng như các lời của chúng ta biểu hiện một cách chính xác những ý nghĩ và ý muốn bên trong của chúng ta “chúng ta” thực sự. Đức Chúa Jêsus đã chỉ rõ một cách khôn ngoan: “Do sự đầy dẫy trong lòng (đầu óc) mà miệng mới nói ra” (Mathiơ 12:34). Vậy, nếu chúng ta muốn kiểm chế lời nói của mình thì chúng ta trước hết buộc phải chú ý đến những ý nghĩ của chúng ta. Như thế thì lời của Đức Chúa Trời là sự phản ánh của thần linh, hoặc của ý nghĩ của Ngài. Thật may quá, trong Kinh Thánh được ghi lời Đức Chúa Trời để cho chúng ta có thể hiểu thần linh hoặc tâm trí của Chúa Trời. Vua David đã nói lời và tâm hồn của Đức Chúa Trời là một (2 Samuên 7:21). Trí óc/ thần của Ngài được bày tỏ qua lời của chính Ngài. Chúa Trời đã biểu hiện thần linh của mình một cách thần diệu bằng cách ghi nhớ LINH CẢM (Inspiration). Thuật ngữ này dựa vào từ “spirit”:

IN-SPIRIT-ATION

“Spirit” có nghĩa “thở” hoặc sự thở, “Inspiration” có nghĩa “in-breathing” (“thở-vào”). Điều này có nghĩa là những lời mà người ta đã viết trong khi có được “linh cảm” của Chúa Trời đã là những lời

do Thánh Linh Chúa Trời cảm động. Phao-lô đã động viên Ti-mô-thê, tuy người đã quen biết Kinh thánh rồi, nhưng vẫn không nên quên một điều kỳ diệu rằng Kinh thánh là những lời của thần Đức Chúa Trời, và cho nên lời này có mọi điều chúng ta cần để thật hiểu biết Đức Chúa Trời:

“Từ khi con còn thơ ấu đã biết Kinh thánh vốn có thể khiến con khôn ngoan để được cứu bởi đức tin trong Đức Chúa Jêsus-Christ. Cả Kinh thánh đều là bởi Đức Chúa Trời hà hơi vào (soi dẫn), có ích cho sự dạy dỗ, quở trách, sửa trị, dạy người trong sự công bình, hầu cho người thuộc về Đức Chúa Trời được trọn vẹn (hoàn hảo) và sẵn sàng (được trang bị đầy đủ ố N.I.V.) để làm mọi việc lành” (2 Timôthê 3:15-17).

Nếu Kinh thánh, mà đã được truyền cảm cho chúng ta, có thể cho sự hiểu biết toàn diện, thì không cần ánh sáng bên trong nào cả để chỉ rõ sự thật về Chúa Trời cho chúng ta. Nhưng có rất nhiều người mà nói rằng cảm tưởng và kinh nghiệm riêng của họ là nguồn hiểu biết của họ về Đức Chúa Trời! Nếu tin tưởng vững chắc rằng lời do Đức Chúa Trời soi dẫn là đủ để trang bị mọi người cho sinh hoạt và sống trong cuộc đời cơ đốc, thì không cần một quyền phép công bằng nào nữa trong cuộc sống chúng ta. Nếu thấy vẫn cần, thì lời Đức Chúa Trời đã là không đủ cho chúng ta, trong khi Phao-lô đã hứa rằng sẽ đủ. Việc cầm Kinh thánh trong tay và tin tưởng rằng Kinh này chắc là Lời của thần Đức Chúa Trời ắc phải có lòng tin nhất định rồi. Dân Y-xơ-ra-ên, theo lý do riêng của họ, đã có thái độ không vô tư đến nội dung của lời Chúa, cũng như nhiều “người theo Chúa ngày nay. Tất cả chúng ta cần suy nghĩ kỹ về lời trong sách Hebrơ 4:2:

“Tin lành này đã rao truyền cho chúng ta cũng như cho họ(dân Ysơrơên trong đồng vắng); nhưng lời mà họ đã được nghe không ích chi hết, vì trong khi nghe, chẳng lấy đức tin nhận lời đó thuộc về mình”.

Thay vì nâng cao đến lòng tin trọn vẹn vào quyền lực của thần/lời Đức Chúa Trời đã nhận, người ta cảm thấy hay hơn nên đi đường tắt trong cuộc sống tinh thần: coi rằng quyền lực của sự công bình một cách bất ngờ rơi xuống trên chúng ta và nhờ đó chúng ta sẽ được chấp nhận do Đức Chúa Trời, không cần thử thách đau khổ trong khi hưởng cả cuộc đời mình để vâng lời Đức Chúa Trời, và nhờ đó làm cho thần Đức Chúa Trời ảnh hưởng thực sự đến trái tim chúng ta.

Vì thiếu thiện ý chấp nhận quyền lực tinh thần to lớn của lời Chúa đã dẫn nhiều “người theo Chúa” đến câu hỏi: có phải toàn bộ Kinh thánh hoàn toàn do Đức Chúa Trời cảm động không. Họ đã đưa ra giả thuyết là phần lớn lời Kinh thánh chỉ là ý kiến cá nhân của những cụ già uyên bác. Nhưng mà Phi-e-rơ bác bỏ có kết quả lý lẽ không chính xác này:

“Nhơn đó, chúng tôi càng tin lời các đấng tiên tri chắc chắn hơn, anh em nên chú ý lời đó ... trước hết phải biết rõ (ý này rất quan trọng!) rằng chẳng có lời tiên tri nào trong Kinh thánh lấy ý riêng giải nghĩa được. Vì chẳng hề có lời tiên tri nào là bởi ý một người nào mà ra, nhưng ấy là bởi Đức Thánh Linh cảm động mà người ta đã nói bởi Đức Chúa Trời” (2 Phiơrơ 1:19-21 N.I.V.).

Chúng ta cần phải tin “trước hết” rằng Kinh thánh đã do linh cảm động.

Chính vì lý do này, chúng ta hình thành nền tảng căn bản trong lời tuyên bố Đức Tin của những người Christadelphian (anh/em trong Chúa). Sự dạy dỗ về sự cảm động cũng được nhấn mạnh trong sách

Thánh Kinh (như Mathiơ 15:4; Mac 12:36; Công vụ:1:16;28:25; Hebơơ 3:7; 9:8; 10:15)

Những Người Ghi Chép Kinh Thánh

Lòng tin chắc chắn rằng toàn Kinh thánh đã được soi dẫn, cho nên, rất quan trọng; những người ghi chép Kinh thánh đã bởi thần linh cảm động một cách họ không thể chống lại được, thần linh đã cố vũ họ và những lời của họ đã không phải là lời riêng của họ. Lời Đức Chúa Trời là lẽ thật (Giăng 17:17) và dùng khiển trách và sửa trị (2 Timôthê 3:16,17), thì không có gì ngạc nhiên rằng nhiều người không thích vì lẽ thật làm tổn thương. Nhà tiên tri Giê-rê-mi đã chịu sự chống lại mạnh mẽ vì đã nói ra những lời do Đức Chúa Trời soi dẫn cho người, vậy người đã định không ghi chép và không tuyên bố những lời đã được ban cho người. Nhưng mà vì ghi lại hay không những Lời Đức Chúa Trời thuộc vào ý muốn của Chúa hơn vào mong muốn của con người, thì người đã được “cảm động bởi Đức Thánh Linh”, và người không còn cách nào khác mà phải thực hiện. “Trọn ngày tôi cứ làm trò cười, và ai cũng nhạo báng tôi... Nếu tôi nói: Tôi sẽ chẳng nói đến Ngài nữa; tôi sẽ chẳng nhơn danh Ngài mà nói nữa, thì trong lòng tôi như lửa đốt cháy, bọc kín trong xương tôi, và tôi mệt mỏi và nín lặng, không chịu được nữa” (Giêrêmi 20:7,9).

Phiơơ mô tả ý này của người soạn Kinh thánh được thực thực hiện y theo chữ Hy Lạp đề cập trong sách Công vụ 27:17,27 về chiếc thuyền bị gió cuốn mà không kiểm chế được.

Cũng giống như Baam, khi ông được yêu cầu để nguyên rửa dân Do Thái, thì thần linh/tinh thần của Đức Chúa Trời khiến ông nói ra những lời ban phước hơn là rửa xả (Dân số ký 24:1-13, so sánh Phục truyền: 23:5. Ông không thể lẫn tránh lời của Đức Chúa Trời (Dân số 22:12 và Hebơơ).

Sau đây là một số người được Đức Chúa Trời cảm động/soi dẫn để nói lời Ngài đã có lần miễn cưỡng làm theo lời Ngài, bao gồm:

Môsê (Xuất hành:4:10)

Jêrêmi (Jêrêmi:1:6)

Echêkiên (Echêkiên:3:14)

Giôna (Giôna:1:2,3)

Phaolô (Công vụ:18:9)

Timôthê (1Timôthê:4:6-14)

Balaam (Dân số:22-24)

Những gì chúng ta đã tìm hiểu, tất cả đều xác nhận trong 2 phiơơ 1:19-21- rằng lời của Đức Chúa Trời không phải là ý kiến của cá nhân người nào, mà kết quả là do con người được Đức Chúa Trời mặt khải/cảm động để ghi lại những gì Ngài bày tỏ ra. Tiên tri Amốt làm rõ: “Ngài phán ra, vậy còn ai ngoài tiên tri?” (Amốt 3:8). Trong đời Môsê, ông đã không giữ được bản tính vốn có của mình, vì ông đã được Đức Chúa Trời cảm động nên: “tất cả điều rằng này, Đức Chúa Trời đã phán cùng Môsê (Dân số 15:22-23), lời này chính Môsê nói ra (so sánh 17). Jêrêmi nói “từ miệng Chúa” và song “Đức Chúa Trời nói qua từ miệng Jeremi” (2 Sử ký 36:12,22). Điều này thật gần gũi trong mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và những người Ngài phán cho. Mỗi miệng họ chính là mỗi miệng của Ngài. Nhiều đoạn trong các bài viết của các Tiên tri, ở đó thật khó xác định những đại danh từ xưng hô nói đến Đức Chúa Trời hay Tiên tri (ví dụ Jêrêmi 17:13-15)- thật gần trong sự mặt khải lời của Ngài qua Tiên tri. Hôsê bắt đầu bằng những lời của Đức Chúa Trời (Hôsê 1:2) đưa ra lời yêu cầu của Ngài sai bảo Hôsê đi và bày tỏ tình yêu của Chúa cho dân Dothái bằng cách cưới và chung sống với phụ nữ thấp hèn. Hôsê chính là lời của Đức Chúa Trời đối với loài người, như Chúa Jesus đã được “ngôi lời trở thành xác thịt”, và cũng như vậy, chúng ta phải làm theo tinh thần/thần linh mà Đức Chúa Trời thể hiện trong lời của Ngài.

Một số bằng chứng khác về điều này là người ghi lại lời Kinh Thánh nhận biết rằng họ hoàn toàn không hiểu những điều mà họ đang ghi

chép xuống. Họ đã tìm sự giải thích đúng- ở đó là những người do Ngài mặt khải, chứ không phải chính họ viết ra, đối với chúng ta, chính họ đã thực hiện những điều họ đã ghi lại (1Phiơơ 1:9-12). Lời nói thật sự mà họ đã ghi nhận chính là không phai do họ giải thích ra, mà phải hiểu rằng đó chính là điều họ tìm thấy. Những đoạn sau cung cấp những ví dụ rõ ràng: Daneên (Daneên 12:8-10); Xachêrai (Xachêrai 4:4-13); phiơơ (Công vụ 10:17). Đứa trẻ Samuên cũng vậy không biết Giêhôva, mà vẫn nói lời Ngài (1 Samuên 3:7).

Nếu những người này chỉ được soi dẫn một chút thôi, thì chúng ta không cách nào để biết một cách thực sự Lời hay thần linh Đức Chúa Trời. Nếu những dòng viết của họ thật là Lời Chúa, thì cho nên họ phải do thần linh Đức Chúa Trời được hoàn toàn hướng dẫn và cảm động, nếu không thì dòng viết này không phải là Lời Đức Chúa Trời nguyên chất. Khi chúng ta chấp nhận rằng Lời Đức Chúa Trời là hoàn toàn của Ngài, thì ý này thúc đẩy chúng ta càng mạnh phải đọc và tuân theo Lời. “Lời Chúa rất tinh sạch, nên kẻ tội lỗi Chúa yêu mến lời ấy” (Thithiên 119:140).

Như vậy, các sách Kinh thánh là công việc của Đức Chúa Trời bởi thần linh của Ngài, không phải là tác phẩm văn học do một số người viết. Lễ thật của việc này được chỉ rõ bằng cách Kinh Tân ước nói về lời trong Kinh Cựu ước:

- Mathiơ 2:5 (R.V. mg) nói rằng Kinh được ghi vì “có lời của đấng tiên tri chép như vậy” Đức Chúa Trời đã viết nhờ họ.
- “Lời Đức Thánh Linh đã nhờ miệng vua Đa-vít mà nói tiên tri...” (Công vụ 1:16; Phi-e-rơ trích dẫn Thi thiên như thế: so sánh Hebrơơ 3:7).

Cho nên, đối với những người đầu tiên theo Chúa, những người sáng tác Kinh thánh đã là tương đối không quan trọng; điều quan trọng chính đã là lời của họ do Thánh Linh Đức Chúa Trời cảm động.

Chúng ta sẽ kết thúc phần bài học này với một số câu. Các câu này chỉ rõ rằng Đức Chúa Trời được bày tỏ đến chúng ta qua lời chép:

- Chúa Jesus nói rõ rằng “Lời ta nói là thánh linh” (Giăng 6:23); Ngài nói theo sự linh cảm từ nơi Chúa Cha (Giăng 17:8; 14:10)
- Chúng ta được mô tả như được sinh lại bởi thánh linh (Giăng 3:3-5) và lời của Ngài (1 phiơơ 1:23)
- Lời Chúa vạn quân đã phán bằng tinh thần/thánh linh của Ngài đã được các Đấng tiên tri thực hiện (Xachêrai 7:12)
- Ta sẽ đổ thần linh ta trên người, ta sẽ bày tỏ lời ta cùng người (Châm ngôn 1:23), gắn liền sự hiểu biết thật lời của Đức Chúa Trời bằng hành động cụ thể của Thần Ngài trên chúng ta- đọc sách mà không hiểu là điều vô ích, nghĩa là không nhận biết tinh thần/ý tưởng của Đức Chúa Trời bày tỏ trong chúng ta.
- Có điểm giống nhau giữa thần linh của Đức Chúa Trời và lời của Ngài trong nhiều đoạn kinh: “Thần của ta trên người, lời mà ta đặt vào miệng người...” (Esai 59:21); “vì chính lời của Ngài, và cũng chính tâm hồn/ý tưởng của Ngài” (2 Samuên 7:21); “Ta sẽ đặt thần ta trên người/vào lòng người...”; “Ta sẽ đặt luật pháp ta... vào lòng người” (Echikiên 36:27; Jerêmi 31:33)

Đức Chúa Trời “God” là ý muốn/thần của Ngài (Giăng 4:24), và Đức Chúa Trời là lời của Ngài “word” (“ngôi lời là Đức Chúa Trời”); Điều này luôn nhấn mạnh rằng lời của Ngài nói lên thần linh/ý tưởng của Ngài. Vậy thái độ của chúng ta đối với lời của Đức Chúa Trời tức là thái độ của chúng ta đối với Đức Chúa Trời. Vì lời Ngài luôn chân

thật, nên chúng ta yêu mến lời Ngài (Thiên thiên 119:140); khi chúng ta vi phạm điều răn của Ngài, thì chúng ta coi khinh lời của Ngài (Amốt 2:4). Đây chính là niềm tin vào sự linh cảm/cảm động có tác dụng thực tế mạnh mẽ.

Quyền Phép Của Lời Chúa

Thánh Linh gắn liền không phải chỉ với ý muốn/tâm tính của Ngài mà cả với quyền phép của Ngài dùng để biểu lộ những ý nghĩ ấy, vậy thì cũng có thể nghĩ rằng thần linh/lời của Ngài không phải chỉ là sự bày tỏ của ý muốn của Ngài; trong từ ấy cũng có quyền lực năng động.

Nếu hiểu rõ giá trị của quyền phép, thì chúng ta sẽ muốn dùng quyền lực này càng nhiều; mọi cảm giác bối rối về cách làm điều đó phải được khắc phục bởi sự hiểu biết rằng chúng ta vâng lời Chúa thì lời sẽ đem lại cho chúng ta quyền lực mà chúng ta rất cần để ra nhanh khỏi những cái nhỏ bé của cuộc sống này tới sự cứu rỗi. Đã trải qua nhiều thử thách, Phao-lô viết:-

“Tôi không hổ thẹn về Tin lành (lời Chúa) đâu: vì là quyền phép của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin” (Rôma 1:16).

Lu-ca 1:37 (R.V.) cũng nói về điều này: “Không việc chi Đức Chúa Trời chẳng làm được”.

Vì thế, việc nghiên cứu và áp dụng Kinh thánh trong cuộc sống chúng ta là một quá trình năng động. Việc này không giống thái độ trừu tượng lạnh nhạt của các nhà thần học và cũng không giống tinh thần “cảm thấy vui” của nhiều giáo phái theo Chúa khác, ở đó người ta chỉ nghe một số đoạn trích dẫn ngắn gọn, nhưng không cố gắng hiểu sâu hoặc áp dụng lời đó. “Lời của Đức Chúa Trời là lời sống và linh nghiệm”; “Lời có quyền phép Ngài (Chúa Trời)” (Hebơơ 4:12;1:3). “Thật là lời của Đức Chúa Trời ... cũng hành động trong anh em có lòng tin” (1 Têxalonica 2:13). Đức Chúa Trời bởi Lời làm

việc tích cực trong trí óc của những tin đồ chân chính, mỗi một khắc của ngày.

Cho nên, thông điệp cơ bản của Tin lành, mà bạn đang tìm hiểu, là quyền phép thực sự của Đức Chúa Trời; nếu bạn muốn, thì quyền phép này sẽ hoạt động trong cuộc sống của bạn để biến bạn thành con của Đức Chúa Trời, sẽ biểu lộ thần linh/ý muốn của Chúa trong cuộc sống bạn bằng cách nào đó, để chuẩn bị bạn dự phần bản chất Thánh Linh Đức Chúa Trời mà sẽ đến lúc khi Christ trở về (2 Phao-lô 1:4). Lời giảng của Phao-lô đã là “sự tỏ ra Thánh Linh và quyền phép” (1 Côrintô 2:4).

Xung quanh chúng ta có nhiều người chỉ tin một nửa rằng Kinh thánh là lời Đức Chúa Trời, mặc dù họ tuyên bố rằng cam kết với Đấng Christ. Họ cũng tuyên bố rằng họ tin vào Đức Chúa Trời, nhưng mà lại không thừa nhận rằng Ngài là một cá nhân thực tế. Khi họ bác bỏ rằng toàn bộ Kinh thánh đã do thần cảm động và bác bỏ tính tối quan trọng của Kinh thánh so với xúc cảm và niềm tin của chúng ta, và bác bỏ quyền phép của Đức Chúa Trời. Lời trong 2 Timôthê 3:5 nêu lên trong đầu óc: “bề ngoài giữ đều như đức, nhưng chối bỏ quyền phép của như đức đó”, tức là quyền phép của Phúc Âm.

Thiên hạ chế nhạo niềm tin tuyệt đối của chúng tôi vào Kinh thánh (“Các bạn không nghĩ như thế, có phải không?!”), còn đối với Phao-lô và đoàn cùng giảng cũng đã có chuyện như thế: “Lời giảng về thập tự giá, thì những người hư mất cho là điên dại; song về phần

chúng ta, là kẻ được cứu chuộc, thì cho là quyền phép của Đức Chúa Trời” (1 Côrintô 1:18).

Biết những điều này, tất cả chúng ta có phải cầm Kinh thánh trong tay mình với mức độ tôn trọng càng cao không, và có đọc Kinh thánh với lòng thiết tha hiểu biết và vâng lời càng nhiều không?

Thái Độ Của Dân Chúa Đối Với Lời Của Ngài

Khi chúng ta đọc kỹ Kinh thánh thì thấy rằng những người ghi chép Kinh thánh không phải chỉ nhận mình được soi dẫn mà cũng họ nói về những người khác ghi chép Kinh thánh như họ được soi dẫn. Đức Chúa Jêsus nói rõ nhất ý này. Lúc khi Đức Chúa Jêsus trích dẫn Thi thiên của Đa-vít, Ngài bắt đầu với lời: “Đa-vít được Đức Thánh Linh cảm động ...” (Mathiơ 22:43), bày tỏ rằng Ngài thừa nhận lời nói của Đa-vít đã do thần linh soi dẫn. Chúa Jêsus cũng đã nói về “lời chép” của Môi-se (Giăng 5:45-47), chỉ rõ rằng Ngài tin tưởng rằng chính Môi-se đã ghi chép từng chữ trong năm quyển đầu của kinh Cựu ước. Những tin đồ Cơ đốc, cái gọi là “các nhà phê bình cấp cao” nghi ngờ rằng Môi-se đã có thể ghi chép được, nhưng thái độ của Đấng Christ mâu thuẫn rõ rệt với quan điểm của họ. Ngài đã gọi lời ghi chép của Môi-se là “điều răn của Đức Chúa Trời” (Mac 7: 8,9). Cũng nhóm những người nghi ngờ không lương thiện đó tuyên bố rằng phần lớn của Kinh Cựu ước là chuyện thần thoại, nhưng Chúa Jêsus hoặc Phao-lô không bao giờ đối xử họ như thế. Đức Chúa Jêsus đã nói về nữ hoàng Sê-ba như là nhân vật lịch sử thực sự (Mathiơ 12:42); Đức Chúa đã không nói “Như chuyện kể về nữ hoàng Sê-ba ...”.

Thái độ của các Sứ đồ đã giống thái độ của Chúa của họ. Phi-e-rô đã tóm tắt nói rằng lời nói của Đấng Christ, mà người đã nghe bằng tai mình, đã được che khuất bởi “lời của các đấng tiên tri chắc chắn hơn” (2

Philostrô 1:19-21). Phi-e-rô đã tin rằng bài viết của Phao-lô thật là “kinh thánh” cũng như các “kinh thánh” khác, thường người ta nói như thế về các bản Kinh Cựu ước viết tay ... Vì thế, Phi-e-rô đã coi các bức thư của Phao-lô đáng tin cậy ngang như Kinh Cựu ước.

Trong Công vụ các Sứ đồ, các Thơ và Khải huyền (ví dụ, so sánh Công vụ 13:51; Mathiơ 10:14) nói bóng gió về Tin lành rằng tất cả các bài này đã được cảm động do Thánh linh và rằng bản viết Tin lành cũng do những người viết Kinh Tân ước cảm động. Phao-lô trong 1 Timôthê 5:18 trích dẫn cả hai nơi trong Phục truyền 25:4 (trong Kinh Cựu ước) và Luca 10:7 như “Kinh thánh”. Phao-lô nói rất rõ cho người nhà rằng lời tiên báo của người đã là của Đấng Christ, không phải của mình (Galati 1:11,12; 1 Corintô 2:13; 11:23; 15:3). Điều này đã được thừa nhận do các sứ đồ khác: vậy, Giacô

4:5 trích lời của Phao-lô từ Galati 5:17 như “Kinh thánh”.

Đức Chúa Trời đã nói với chúng ta trong Đấng Christ; cho nên không cần sự mặc khải nào nữa (Hebơrê 1:2). Có thể nhìn thấy rằng Kinh thánh nói bóng gió rằng có những bài khác do Đức Thánh Linh cảm động nhưng mà hiện nay không thể kiếm được (ví dụ, sách kẻ công bình, thư của Na-than, Ê-li, thư thứ ba của Phao-lô gửi cho Cô-rinh-tô, cũng như thư thứ ba của Giăng ngụ ý là Giăng đã viết một bức thư gửi đến giáo hội thời đó, mà bây giờ thư đã mất, còn Đi-ô-trếp đã từ chối không vâng lời bức thư đó). Tại sao những văn bản này đã mất không được giữ cho chúng ta? Rõ ràng nó đã không thích đáng cho chúng ta. Cho nên, chúng ta có thể yên trí rằng Đức Chúa Trời đã giữ được mọi thứ thích đáng cho chúng ta.

Có những người coi rằng các Kinh Tân ước đã dần dần được thừa nhận rằng được do Thánh Linh soi dẫn, nhưng mà chính các Sứ đồ coi rằng bài ghi của nhau đã được soi dẫn chắc chắn bác bỏ ý kiến này. Đã có sự ban cho thần diệu qua Thánh Linh, và điều đó có thể kiểm tra được: những chữ và lời, mà người ta tuyên bố đã nhận do Thánh Linh cảm động, có thật là như thế không (1 Côrintô 14:37; 1 Giăng 4:1; Khải huyền 2:2).

Tức là những chữ được cảm động đã được thừa nhận ngay như được cảm động. Nếu như bản thân người ta tùy mình, không được hướng dẫn cảm động, lựa chọn cái gì phải cho vào Kinh thánh chúng ta, thì cuốn Thánh kinh này không có quyền lực.

2.3 Sự Ban Cho Của Đức Thánh Linh

Trong thời gian khác nhau, khi giao thiệp với loài người, Đức Chúa Trời đã ủy quyền dùng quyền phép của Ngài (“Thánh Linh”) cho loài người. Tuy nhiên, việc đó không bao giờ có hình thức “một tờ séc để trống”, cho phép họ làm mọi việc họ muốn làm; lúc nào cũng Thánh Linh này đã được dùng vì mục đích đặc biệt. Đã hoàn thành xong việc, sự ban cho của Thánh Linh được rút ra. Chúng ta phải nhớ rằng Thánh Linh hành động bằng cách thúc đẩy thực hiện mong muốn của Ngài. Mục tiêu của Ngài nhiều khi cho phép chịu khổ trong thời gian ngắn trong cuộc sống người để dẫn đến mục tiêu lâu dài của Ngài (xem Bài 6.1), cho nên chúng ta có thể coi rằng Đức Thánh Linh của Ngài không phải lúc nào cũng sẽ được dùng để giảm bớt nỗi đau khổ của loài người trong cuộc đời này. Đã làm bớt đau, thì chắc vì một mục tiêu cao là người phải biểu lộ ý muốn của Đức Chúa Trời cho chúng ta.

Đây là sự tương phản rõ rệt với thái độ của nhiều giáo phái Cơ đốc đối với Đức Thánh Linh ngày hôm nay; nhiều người có cảm tưởng rằng lòng tin vào Đấng Christ đáng có vì mang lại lợi ích vật chất, ví dụ, chữa bệnh người nhờ Đức Thánh Linh. ý này có thể giải thích tại sao ở các nước bị xé rách bằng xung đột kiểu U-gan-đa đã xuất hiện rất nhiều người tuyên bố mình có sự ban cho chữa lành bệnh người, và về mặt lịch sử những tuyên bố như vậy thường trùng với thời hoạn nạn. Bản thân điều này làm chúng ta nghi ngờ khi nghe lời nói mình có Thánh Linh trong mình; nếu có người nào muốn thử thách điều kỳ diệu, vượt quá

cuộc sống bình thường của người hiện nay, thì dễ tuyên bố rằng mình đã tìm kiếm gì đó mà đáp ứng mọi yêu cầu.

Ngày nay, nhiều người theo Chúa tuyên bố họ có khả năng thần diệu do thần linh ban cho, nhưng lúc khi người ta hỏi họ về mục tiêu chính xác của sự ban cho của họ, thì họ không nói chắc chắn được. Đức Chúa Trời luôn khi ban cho Thánh Linh của Ngài thì đạt những mục tiêu đặc biệt, xác định rõ rệt. Chính vì thế, những ai mà đã thật có tài năng do thần linh ban cho thì họ đã biết chính xác họ phải dùng tài năng này để làm gì, và cho nên họ dùng hết tài năng, không phải đạt kết quả một phần thôi. Điều này trái ngược với tình trạng hiện nay, khi những người tuyên bố mình có tài chữa bệnh do thần linh ban cho, nhưng mà họ thử chữa bệnh và không thành công hoặc không chữa bệnh hẳn.

Còn tất cả những thí dụ dưới đây chỉ ra những lý do và mục tiêu đặc biệt khi thần linh ban ơn. Trong các ví dụ này người ta không nhận sự ban cho trên cơ sở chủ quan và người ta không thể dùng sự ban cho tùy người. Chính vì chúng ta nói về thần linh của Đức Chúa Trời, cho nên, không thể tưởng tượng rằng con người có thể quản lý cách sử dụng tài năng được ban cho, nên nhớ rằng người ta được ban gì đó nhằm thực hiện những ý muốn nhất định của Đức Chúa Trời, không phải thực hiện ý muốn của mình, vì họ dùng sự ban cho này chỉ tạm thời (Êsai 40:13).

- Thời đầu lịch sử của Y-xơ-ra-ên, họ đã nhận lệnh làm nhà tạm (“đền tạm để cúng lễ”) ở đâu nên giữ bàn thờ và những đồ vật linh thiêng khác; họ đã được chỉ dẫn rất tỉ mỉ phải làm tất cả những đồ vật cần thiết để thờ cúng Chúa Trời một cách nhũ thế nào. Nhằm thực hiện điều đó, Đức Chúa Trời đã ban Thánh Linh của Ngài cho một số người. Họ đã được “ban đầy sự khôn ngoan, tạo bộ áo cho A-rôn ...”, v.v. (Xuấthành 28:3).

- Một trong những người đó, Bết-sa-lê-ên, đã được ban “đầy đầy Thần của Đức Chúa Trời, sự khôn ngoan, sự thông sáng, và sự hiểu biết để làm mọi thứ nghề thợ, ... chế tạo đồ vàng và ... điêu khắc... và làm được mọi thứ nghề thợ” (Xuấthành 31:3-5).

- Dân số Ký 11:14-17 ghi chép rằng một phần của thần/quyền phép, được ban cho Môi-se, sau đó đã được lấy khỏi người và được ban cho những người trưởng lão của Y-sơ-ra-ên để làm cho họ có khả năng xét xử mọi bất bình trong người dân một cách đúng đắn để Môi-se giảm bớt gánh nặng việc quá. Ngay trước khi Môi-se chết, sự ban cho này khỏi người đã được chuyển cho Giô-suê, để người này cũng có thể dẫn dân Chúa một cách thích đáng (Phục truyền 34:9).

- Từ thời khi dân Y-sơ-ra-ên đã bước vào đất hứa cho họ và đến ông vua (Sau-lơ) đầu tiên, họ đã được quản lý do những người gọi là các quan xét. Trong thời đó họ đã bị kẻ thù đàn áp nhiều, nhưng mà Sách các quan xét ghi rằng Thần Đức Chúa Trời đã soi dẫn một số quan xét để họ cứu dân Y-sơ-ra-ên bằng cách phi thường khỏi bọn xâm lược - ốt-ni-ên (Các quan xét 3:10), Ghê-đê-ôn (Các quan xét 6:34) và Giép-thê (Các quan xét 1:29) làm thí dụ.

- Một quan xét khác, Sam-sôn, đã do thần cảm động để giết con sư tử (Các quan xét 14:5,6); giết 30 người (Các quan xét 14:19) và thoát khỏi sợi dây buộc tay người (Các quan xét 15:14). Cho nên, “Đức Thánh Linh” này đã không được ban cho Sam-sôn mãi mãi -Thánh Linh đã cảm hoá người để người thực hiện những việc nhất định và sau đó đã được rút lại.

- Khi Đức Chúa Trời có thông điệp cho dân sự Ngài, thần linh của Ngài cảm động ai đó để rao truyền lời của Ngài. Khi mạng lệnh hoàn tất, sự ban cho của thánh linh để nói lời Chúa thay mặt Ngài được cất đi/lấy lại, và lời của những người đó một lần nữa cũng chính là những lời củachính những cá nhân ấy, hơn không phải là lời chép của Đức Chúa Trời. Một trong số các thí dụ:

“Thần của Đức Chúa Trời đến trên Xacharai... và phán cùng họ (dân sự). Nên Chúa phán: Tại sao các ngươi phạm điều rằng dạy của Ngài...?” (2 Sử ký 24:20)

Tham khảo 2 sử ký 15:1,2 và Luca 4:18,19 để biết thêm một số thí dụ.

Từ những điều nói trên, chúng ta phải hiểu rõ rằng việc nhận sự ban cho của Thần Đức Chúa Trời để sử dụng với mục đích nhất định không phải là:

- Sự bảo đảm cho cứu rỗi
- Cái mà phú cho cả đời của người này
- Sức lực thần diệu bên trong họ
- Cái nào đó mà người nhận nhờ cảm giác cá nhân ở trạng thái mê li.

Cần phải nói rằng có nhiều suy luận lờ mờ về sự ban cho của Đức Thánh Linh. Người ta tuyên bố đã thu nhận được Đức Thánh Linh, và trong nhiều Hội trường Tin lành người thuyết giáo lúc lắc củ cà rốt của sự ban do thần cảm động trước mắt của những người mà coi đã “thu nhận Jêsus. Nhưng chúng ta phải hỏi: Sự ban cho việc gì? Không thể tưởng tượng rằng người ta không biết chính xác họ có sự ban cho việc gì. Sam-sôn đã nhận được sự ban cho của thần linh để giết sư tử (Các quan xét 14:5,6); lúc khi người đứng trước mặt sư tử gặm hết thì người đã biết chính xác người đã nhận thần linh để làm gì. Người đã không nghi ngờ gì cả. Điều này hoàn toàn trái ngược với những người mà ngày nay thông báo đã nhận sự ban cho của Đức Thánh Linh, nhưng mà không thể làm công việc đặc biệt gì cả; hoặc không biết họ có sự ban cho mục đích gì.

Chắc chắn không có sự thay thế nào, nhưng để kết luận rằng những người ấy đã trải qua cảm xúc mạnh mẽ xuất phát từ tính Cơ Đốc giáo, và cái vòng hình chữ U cứ lần lượt biến thái độ của họ vào trong cuộc sống đã để lại trong họ cảm giác kỳ lạ của tính mới trong lòng của bản thân. Nhận biết điều này, họ đã nắm lấy những đoạn kinh thánh có đề cập sự ban cho của thánh linh, và kết luận rằng, “đây chính là điều mà ta đã trải qua!” và ông mục sư hỗn hờ sờ vào cằm họ và nói, “chết thật! Ngợi khen Chúa” và dùng trường hợp ấy như là bằng chứng khi cố thuyết phục người khác đón nhận thánh linh. Căn nguyên của sự bất chước ngậy ngô này ở chỗ thiếu sự hiểu biết kinh thánh trước khi họ tiếp nhận tin kính Chúa.

Khi chúng ta chống lại sự dối trá của chính tình cảm mình (Jêrêmi 17:9), chúng ta phải đứng trên hòn đá chắc chắn của nguyên lý/tính cơ bản của thánh kinh. Không gì cần thiết để hiểu rõ Ngài hơn là nghiên cứu cách thức mà thần Đức Chúa Trời hoạt động trong chúng ta. Tất cả chúng ta đều nghĩ rằng quyền năng của Đức Chúa Trời đang vận hành trong cuộc sống của chúng ta. Nhưng hãy tự hỏi: Bằng cách nào và tại sao Ngài làm như vậy? Chúng ta có thực sự có được sự ban cho của thánh linh giống như những người ấy đã làm được chép trong kinh thánh? Nếu chúng ta thật sự muốn hiểu biết về Ngài và có mối liên hệ sống động với Ngài, thì chúng ta sẽ nhận biết sự cần thiết để hiểu đúng đắn những điều này.

Những Lý Do Để Ban Cho Vào Thế Kỷ Thứ Nhất

Hãy nhớ lại những nguyên lý cơ bản mà chúng ta tìm hiểu về sự ban cho của thánh linh, và bây giờ chúng ta bước sang lời ghi chép trong Tân Ước nói về sự ban cho của thánh linh xảy ra trong hội thánh đầu tiên (ví dụ một nhóm tín đồ còn sống đến sau ngày Chúa Jesus thăng thiên).

Mệnh lệnh cuối cùng của Đấng Christ đối với các sứ đồ đã là họ phải đi khắp thế giới để giảng Tin lành (Mac 16:15,16). Họ đã làm như vậy, trong lời tiên báo trước hết họ nói về sự chết và sự sống lại của Đấng Christ. Còn phải nhớ rằng lúc đó là người ta đã chưa biết Kinh Tân ước như chúng ta đang biết bây giờ. Họ đã đứng ở các chợ và các nhà thờ đạo Do thái và nói về người Jêsus từ Na-xa-rét, chuyện này nghe rất lạ một thợ mộc từ Y-sơ-ra-ên đã là người trọn vẹn, đã chết và sau đó đã được sống lại và làm đúng theo lời tiên tri trong Kinh Cựu ước và bây giờ người ta được mời chịu phép báp-têm và tuân theo gương của Ngài.

Vào những ngày đó, những giáo phái khác cũng đã cố gắng tăng số tín đồ. Đã phải có một cách nào đó chứng tỏ trước loài người rằng lời tiên báo do những tin đồ Cơ đốc giảng là lời của bản thân Đức Chúa Trời, không phải là lý luận của một nhóm người đánh cá từ miền bắc Y-sơ-ra-ên.

Ngày nay, chúng ta lấy Kinh Tân ước về công việc và học thuyết của Jêsus để chứng tỏ rằng thông điệp đó là của Đức Chúa Trời; nhưng vào những ngày đó, lúc trước khi Kinh đã được ghi lại và có thể được dùng, Đức Chúa Trời đã cho phép những người thuyết giáo dùng Đức Thánh Linh của Ngài để nhấn mạnh lẽ thật của những chuyện họ kể lại. Đó đã là lý do đặc biệt để sử dụng sự ban cho trong tâm nhìn của thế giới; lúc đó việc Kinh Tân ước chưa có cũng đã gây khó khăn cho những tin đồ mới muốn nâng cao thêm niềm tin của mình. Rất nhiều vấn đề thực tế mà xuất hiện giữa họ đã không có cách giải quyết rõ rệt; họ đã có ít phương tiện để quản lý quá trình tự nâng cao Đức tin của mình vào Đấng Christ. Chính vì những lý do này sự ban cho của Đức Thánh Linh đã soi dẫn họ, để họ có thể hướng dẫn những tin đồ đầu tiên thông qua lời truyền lại cảm động, đến lúc khi lời tiên báo và lời dạy của Jêsus trong Kinh Tân ước được chép và bắt đầu lưu hành.

Cũng như trước đây, lý do ban Đức Thánh Linh đã cực kỳ rõ ràng:-

- “Ngài (Đấng Christ) đã lên nơi cao (lên trời) ... và ban các ơn (thiên lương) cho loài người ... để các thánh đồ được trọn vẹn về công việc của chức dịch (sự giảng) và sự gây dựng thân thể Đấng Christ”, tức là những tin đồ (Ephêsô 4:8,12).

- Vậy, Phao-lô đã viết cho những tin đồ ở tại Rô-ma, “Tôi rất mong mỗi đến thăm anh em, đặt thông đồng sự ban cho thiên lương cùng anh em, hầu cho anh em được vững vàng” (Rôma 1:11).

Cách sử dụng sự ban cho để xác nhận lời giảng Tin lành có thể đọc dưới đây:

- “Tin lành chúng tôi đã rao truyền cho anh em, không những bằng lời nói thôi, mà còn bằng quyền phép, Đức Thánh Linh và sức mạnh của sự chắc chắn nữa” (1 Têsalônica 1:5 so sánh 1 Côrintô 1:5,6).

- Phao-lô đã có thể nói về “những sự mà Đấng Christ tôi làm ra để khiến dân không gốc Do thái vâng phục Ngài, bởi lời nói và bởi việc làm (thần diệu), bởi quyền phép của dấu lạ/ phép lạ,

bởi quyền phép của Thánh Linh Đức Chúa Trời” (Rôma 15:18,19).

- Còn về những người thuyết giáo Tin lành, chúng ta đọc: “Đức Chúa Trời cũng dùng những dấu lạ/ sự lạ và đủ thứ phép màu, lại dùng sự ban cho của Đức Thánh Linh ... để làm chứng với các kẻ đó” (Hebơơ 2:4).

- Cuộc vận động truyền giáo Tin lành ở tại Síp đã được ủng hộ bằng những phép màu, cho nên “quan trấn thủ (thủ lĩnh) thấy sự đã xảy đến, bèn tin, lấy làm lạ về đạo” (Công vụ 13:12).

Như vậy, những phép màu đã dẫn người đến lòng kính trọng thực sự về đạo được giảng. Cũng ở tại thành Y-cô-ni “Chúa làm những phép lạ dấu lạ, mà chứng về lời ân điển của Ngài” (Công vụ 14:3).

Tất cả những điều này được tổng kết trong lời nói về những sứ đồ phục tùng mệnh lệnh đi thuyết giáo: “Các môn đồ ... đi ra giảng đạo khắp mọi nơi, Chúa cùng làm với môn đồ, và lấy các phép lạ cặp theo lời giảng mà làm cho vững đạo” (Mac 16:20).

Các Việc Đặc Biệt Trong Thời Kỳ Đặc Biệt

Vậy thì sự ban của thần linh đã được ban cho để thực hiện những việc đặc biệt trong thời kỳ đặc biệt. Điều này chỉ rõ sự sai lầm của những ai thông báo rằng sự ban cho thần diệu là một kinh nghiệm suốt cả đời của một người. Các sứ đồ, kể cả Phi-e-rơ, đã được “đầy đầy Đức Thánh Linh” vào ngày lễ Ngũ tuần, ngay sau khi Đức Chúa Jêsus lên trời (Công vụ 2:4). Vậy, họ đã bắt đầu nói các thứ tiếng nước ngoài nhằm phát động giảng đạo Tin lành một cách lạ lùng. Khi chính quyền đã cố gắng kiểm soát họ chặt chẽ hơn, “Phi-e-rơ đầy đầy Đức Thánh Linh” đã có thể trả lời với sức thuyết phục cho họ (Công vụ 4:8). Khi họ đã ra nhà tù họ nhờ sự ban cho đã có thể tiếp tục đi giảng “ai nấy đều được đầy đầy Đức Thánh Linh, giảng đạo Đức Chúa Trời cách dạn dĩ” (Công vụ 4:31).

Người quan tâm đọc sẽ thấy rằng Kinh không có nói rằng “họ đã được đầy đầy Đức Thánh Linh rồi” trước khi làm việc này hay khác. Họ đã

được đầy dẫy Đức Thánh Linh để làm những việc nhất định, nhưng mà đã phải được đầy dẫy lại để đạt được mục đích khác trong dự tính của Đức Chúa Trời. Cũng như vậy, Phao-lô đã được “đầy dẫy Đức Thánh Linh” làm phép báp-têm, nhưng mấy năm qua, người đã cần lại “đầy dẫy Đức Thánh Linh” nhằm phạt mù mắt một người xấu (Công vụ 9:17; 13:9).

Nói về sự ban cho kỳ diệu, Phao-lô đã viết rằng những tin đồ đầu tiên đã có sự ban cho “theo lượng sự ban cho của Đấng Christ” (Ephêsô 4:7). Từ Hy Lạp “sự đo lường” có nghĩa “phần có hạn hoặc mức độ” (Sách hướng dẫn đọc của Strong). Chỉ Jesus mới có sự ban cho không có chừng mực nào, tức là có quyền tự do tuyệt đối sử dụng nó tùy ý muốn của Ngài (Giăng 3:34).

Bây giờ chúng ta định rõ những sự ban cho của Thánh Linh được nêu lên trong thế kỷ thứ nhất.

Những Sự Ban Cho Của Thánh Linh Vào Thế Kỷ Thứ Nhất

Lời tiên tri

Từ Hy Lạp nhà tiên tri có nghĩa là một người nào đó mà nói trước lời của Đức Chúa Trời tức là một người nào đó mà được soi dẫn nói lời của Đức Chúa Trời, trong đó cả báo trước về những sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai (xem 2 Phiơrô 1:19-21). Vậy, “những người tiên tri” những người có sự ban cho tiên tri - đã đi “từ thành Giê-ru-sa-lem xuống thành An-ti-ốt. Trong nhóm có một người tên là A-ga-bút đứng dậy, bởi Đức thánh Linh nói tiên tri rằng sẽ có sự đói kém trên khắp đất; thật vậy, sự đói kém này xảy đến trong đời Cơ-lốt trị vì. Các môn đồ bèn định, mỗi người tùy sức riêng mình, gửi một món tiền đóng góp cho anh em” (Công vụ 11:27-29). Lời tiên tri này thuộc loại rất dứt khoát và nó thực hiện một cách rõ rệt trong mấy năm qua, còn những ai mà hiện nay tuyên bố rằng mình có sự ban cho tiên tri thì không phải là như vậy; quả thật, vào lúc ban đầu, hội thánh đã tin chắc rằng một số trong họ thật có sự ban cho và họ đã dành nhiều thời gian và tiền của để làm nhẹ bớt những gian khổ tương lai đã được tiên tri. Có thể tìm ít thí dụ kiểu như thế trong những giáo

phái gọi là được đẩy dẩy Đức Thánh Linh vào những ngày nay. Thật ra, nếu sự ban cho nói tiên tri ta có được, thì chúng ta cũng có thể ghi lại những lời tiên tri ấy and qui trọng lời ấy tương tự như chúng ta coi trọng Thánh kinh vậy!

Sự Chữa Bệnh

Vì các sứ đồ đã giảng tin mừng (Tin lành) rằng Nước Đức Chúa Trời sẽ tới để làm trần gian hoàn hảo, thì họ đã phải xác nhận lời tiên báo của họ bằng phép màu để nhìn trước thời tương lai sẽ thế nào, khi “những kẻ mù sẽ mở mắt, những kẻ điếc sẽ khỏi. Bây giờ, kẻ què sẽ nhảy như con nai... (Êsai 35:5,6). Trong Bài 5 có thêm về bối cảnh trong Nước Đức Chúa Trời. Khi Nước Đức Chúa Trời sẽ được dựng nên trên đất, những lời hứa như thế mới sẽ hoàn thành, người ta sẽ không có sự mơ hồ Nước đã dựng nên chưa. Vì thế, muốn xác nhận lời tiên báo thần diệu của Chúa về Nước tương lai thì phải trong hình thức rõ rệt thuyết phục, không thể chối cãi được; vì lý do này nhiều khi những tin đồ đầu tiên chữa bệnh bằng cách thần diệu trước mắt quần chúng đông đảo.

Một thí dụ kinh điển có thể thấy khi Phi-e-rơ chữa một người què xin bố thí, cứ mỗi một buổi sáng người được đem đặt tại cửa đền. Công vụ 3:2 nói rằng người ta đã đem đặt người ở chỗ đó hằng ngày, vì thế người làm cảnh tượng quen thuộc. Khi người được chữa nhờ Phi-e-rơ dùng sự ban cho của Thánh Linh, thì “người liền nhảy, đứng lên và bước đi cùng hai người vào đền thờ, vừa đi, vừa nhảy... Cả dân chúng đều thấy người bước đi và ngợi khen Đức Chúa Trời. Người ta nhận là chính người đó đã ngồi tại Cửa Đẹp đền thờ đăng xin bố thí; nên đều bỏ ngõ và sống sờ về việc đã xảy đến cho người. Người ấy đang cầm tay Phiro ... thì cả dân chúng lấy làm lạ, chạy đến cùng các người đó ở nơi hiên cửa...” (Công vụ 3:7-11).

Lúc đó Phi-e-rơ đã lao ngay vào cuộc nói chuyện ở ngoài trời về sự sống lại của Đấng Christ. Đã có bằng chứng không thể bị bác và nghi ngờ được trước mắt bằng cách chữa lành người bố thí, vậy, chúng ta có thể biết chắc chắn rằng họ đã tiếp nhận lời của Phi-e-rơ là lời của Đức Chúa Trời. Cửa đền thờ vào “giờ cầu nguyện” (Công vụ 3:1) chắc đã đóng

người xung quanh như chợ đông người vào buổi sáng ngày thứ bảy. Đức Chúa Trời đã chọn chính chỗ này để xác nhận lời của Ngài bằng phép màu rất rõ như vậy. Cũng trong Công vụ 5:12 chúng ta đọc rằng “có nhiều phép lạ dấu lạ được làm ra trong dân bởi tay các sứ đồ”. Lời khai của những người chữa lành thuộc phái Ngũ tuần và cùng những nhóm khác tựa như thế quay xung quanh các sự kiện xảy ra trong những nhà thờ giấu giếm gì đó xa đường trung tâm, và giữa những tin đồn bị thổi miên với tinh thần chờ đợi rằng phép màu buộc phải xảy ra, mà họ không biểu diễn trước quần chúng không có tình cảm với họ.

Xin phép nói rằng tác giả sách này có kinh nghiệm đáng kể tranh luận về những vấn đề này với những người tuyên bố mình có sự ban do thần linh cho, và tôi cũng chứng minh nhiều người tuyên bố có sự ban do thần linh cho. Song bằng chứng cá nhân của tôi dựa vào quan sát nhiều sự kiện chữa lành không có kết quả, tốt nhất là chữa bệnh một phần, và tôi không cần cho thêm chi tiết đặc biệt; mỗi tín đồ lương thiện thuộc những giáo phái này sẽ thú nhận rằng nhiều chuyện như thế đang xảy ra. Trong nhiều trường hợp tôi đã nói với các bạn có thiện chí mà tuân theo giáo phái Ngũ tuần: “Tôi không phải không tin rằng các bạn không thể có quyền lực to lớn này. Nhưng mà Đức Chúa Trời luôn luôn chỉ rõ ai có quyền phép của Ngài và ai không có; cho nên không có gì vô lý khi tôi yêu cầu các bạn biểu diễn sự việc cho tôi và sau đó tôi sẽ có thể tiếp nhận luận điểm của các bạn, mà hiện nay tôi chưa có thể làm việc này thuận với Kinh thánh”. Chưa bao giờ người ta cho tôi “cuộc biểu dương họ có thần linh và quyền phép”.

Ngược với thái độ của tôi, những người theo đạo Do thái chính thống vào thế kỷ thứ nhất đã không nhận khả năng rằng những người theo Chúa đã có sự ban cho thần diệu của Thánh Linh Đức Chúa Trời. Ngay cả họ đã phải thú nhận rằng “Người này làm phép lạ nhiều lắm” (Giăng 11:47) và “Vì cả dân thành Giê-ru-sa-lem đều biết rõ thật họ đã làm ra một phép lạ sờ sờ; chúng ta chối không nổi” (Công vụ 4:16). Cũng như những người mà đã nghe các Sứ đồ nói các tiếng xứ mình thì “sững sờ” (Công vụ 2:6).

Đám đông nhìn thấy phép lạ của Chúa bình phẩm: “Chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy kiểu này” (Mac 2:12), như thể họ đã nhìn thấy nhiều phép lạ giả tạo kiểu giống như các hội thánh xưng mình làm được ngày nay, nhưng những phép lạ Đức Chúa Jesus làm hoàn toàn khác xa với cái mà họ tự xưng mình làm được. Những biểu hiện kính sợ từ công chúng không xảy ra ngày nay đối với những cách huyền ảo trong cách cầu nguyện của một nhóm giáo phái. Những sự kiện tương tự không xảy ra hiện nay hưởng ứng lời ba hoa của giáo phái Ngũ tuần. Một điều đáng chú ý trong cuộc tranh luận này là việc ngay cả những người có thái độ tốt đối với những tin đồn giáo phái Ngũ tuần hiện nay cũng có thể phủ nhận một cách có cơ sở rằng họ thật làm phép kỳ diệu. Vì đủ chỉ một phép lạ được quảng cáo rầm rộ khắp thành Giê-ru-sa-lem, thì nếu làm phép lạ thực sự tại quảng trường Trafalgar ở Luân đôn hoặc trong Công viên Nyaharuru ở Nairobi thì toàn thế giới sẽ thừa nhận rằng những sự ban thiêng liêng kỳ dị của Đức Chúa Trời đã được ban cho người ta cũng vào những ngày hôm nay.

Thay vào đó, Giáo phái ngũ tuần mong đợi thế giới nắm lấy kiểu bằng chứng sau đây làm lý do cho niềm tin của mình:

- Chữa bệnh đau bụng; quá trình chữa bệnh thường được làm sau buổi cầu nguyện
- Người tàn tật đi lại bình thường
- Thị giác hay thính giác được hồi phục mất dần thường tái phát như lúc ban đầu.
- Những suy sụp được cất đi/quá đi

Đối với các thí dụ này phải nhắc tới một thực tế rằng các xe cứu thương đưa bệnh nhân đến trung tâm chữa bệnh T.O để hàn gắn cuộc thập tự chinh tại Nairobi, Kenya; các tài xế đối mặt với tình trạng tiến thoái lưỡng nan hoặc là ở lại hay quay về, ở lại vì những nạn nhân không được cứu chữa. Thế nhưng thách thức kêu gọi mọi người đến nhóm lại bằng những bảng quảng bá công cộng “hãy chờ đợi một phép màu”. Theo tâm lý học, giai đoạn được lập ra cho tất cả những gợi ý tự động... Không

đoạn nào trong kinh Tân ước có gợi ý nêu bậc tính cách tâm lý cần phải có trước khi phép lạ xảy ra. Rõ ràng một số người được chữa bệnh trong thế kỷ đầu tiên không có đức tin- tức không biết Chúa Jesus là ai (Giăng 5:13; 9:36).

Những lời lẽ tương tự của tâm lý đạt được bởi do dồn ép đầu óc bằng lời cầu nguyện lặp đi lặp lại, nhịp trống hay nhạc ồn ào. Rõ ràng rằng bất kỳ sự nhận biết lý trí nào về Đức Chúa Trời- bất cứ điều gì khác đều bị lấn át do những cách sinh hoạt không đúng đó. Tác giả viết sách này có thể nhớ lại những lần tham dự các buổi nhóm nhiều chỗ khác nhau, và mỗi lần đều trải qua sự mệt mỏi đầu óc do phải tranh luận để giữ được sự tôn kính thánh kinh, hài hoà và hợp lý và chống lại sự căm dỗ khỏi lôi cuốn trong theo nhịp trống, nhạc và vỗ tay. Tất cả điều này biểu hiện tính cần thiết mở đầu cho phép lạ của giáo phái Ngũ tuần là bằng chứng cụ thể rằng sự chữa lành do những tin đồ giáo phái Ngũ tuần là kết quả của phép đối xử về xúc cảm và tâm lý, không phải nhờ tác động trực tiếp của Thần Đức Chúa Trời. Ngược lại, Phi-e-rơ đã có thể sử dụng sự ban cho thực sự làm phép lạ chữa lành những người ngoài đường (Côngvụ 5:15); Phao-lô đã sử dụng sự ban cho kỳ dị trước mắt của bản thân Quan trấn thủ không theo đạo làm chứng (Côngvụ 13:12,13), cũng được chứng kiến do nhiều người dân theo đạo đa thần ở thành Lít-tơ (Côngvụ 14:8-13). Như chính mục tiêu và bản chất của sự ban cho thần linh đã yêu cầu, các việc này đã được thực hiện trước mắt quần chúng và không thể bằng cách này hay khác bị chún vai coi thình, việc đó chỉ có một cách giải thích và thừa nhận là ở đây thật có mặt quyền phép của Đức Chúa Trời do những người đầy tớ của Ngài phô bày một cách công khai. Một trong những phép mầu chữa lành do Đấng Christ làm đã gây ấn tượng tương tự: “Ai nấy đều (những người nhìn thấy) lấy làm lạ, ngợi khen Đức Chúa Trời, mà rằng: Chúng tôi chưa hề thấy việc thế này” (Mac 2:12).

Các Thứ Tiếng

Các sứ đồ, trong đó một số người là những người đánh cá thô thiển, đã nhận nhiệm vụ vĩ đại phải đi khắp thế giới, giảng Tin lành (Mac

16:15,16). Có lẽ họ đã phản ứng ngay, “Nhưng chúng tôi không biết nói các thứ tiếng!” Ngay cả lúc đó họ đã không thể nói, “Tôi đã không thạo tiếng ở trường”, vì họ đã không đi học. Có câu cho biết rằng tất cả họ “là người dốt nát không học” (Côngvụ 4:13) lúc khi vấn đề xuất hiện. Ngay cả những người thuyết giáo có trình độ học vấn cao hơn (ví dụ, Phao-lô) vẫn thấy sự cản trở về ngôn ngữ thật là ghê gớm. Khi những tân tin hữu đã đến, thì họ chỉ có thể dựa vào nhau để học hành (vì Kinh Tân ước chưa được như sách viết), còn nếu không hiểu tiếng của nhau thì khó lắm.

Để khắc phục khó khăn này, khả năng nói và hiểu các ngoại ngữ (“tongues” “các lưỡi”) được ban cho. Tất nhiên, chúng ta phải thấy rõ sự khác nhau quả quyết giữa cách hiểu “các thứ tiếng” này và ý kiến của nhiều người theo Chúa tuyên bố mình đã lại được sinh ra và gọi những âm thanh không thể hiểu được mà họ phát âm ở trạng thái mê li như là “các thứ tiếng”. Sự nhầm lẫn này có thể được thấy rõ nếu giải thích rằng Kinh thánh định nghĩa “tongues” như “các ngoại ngữ”.

Vào ngày Lễ gặt của người Do thái, ngay sau khi Đấng Christ đã lên trời, các sứ đồ đã “được đầy dẫy Đức Thánh Linh, khởi nói các thứ tiếng khác... Dân chúng chạy đến (lại tỏ ra sự ban cho trước mắt quần chúng!), ai nấy đều sững sờ vì mỗi người đều nghe các môn đồ nói tiếng xứ mình. Chúng đều sợ hãi và lấy làm lạ mà rằng: Hết thấy người đó, há chẳng phải là người Ga-li-lê sao? Vậy thì, sao chúng ta nghe ai nấy đều nói tiếng (nói lưỡi, còn từ Hy Lạp ở đây được dịch ra các thứ tiếng) riêng của xứ chúng ta sanh đẻ? Nào người Bạt-thê, Mê-đi ... chúng ta đều nghe họ lấy tiếng chúng ta mà nói... Ai ai đều sợ hãi” (Côngvụ 2:4-12). Chắc chắn người ta không nói hai lần về sự sợ hãi và sự ngạc nhiên của mình, nếu họ đã chỉ nghe từ mumbo-jumbo vô nghĩa kiểu lời nói của những người hiện nay tuyên bố mình có sự ban cho biết nói ngoại ngữ; tuyên bố như thế sẽ gây thái độ chế nhạo nhỏ nhen hoặc lãnh đạm với người nghe, không phải gây sự sợ hãi và lòng tin vì người ta nghe và hiểu tiếng mình trong Công vụ 2.

Ngoài sự tương đương rõ rệt giữa “tongues” (“các cái lưỡi, các thứ tiếng”) và “languages” (“các ngôn ngữ, các thứ tiếng”) trong Công vụ 2:4-11 ra, “các cái lưỡi” đã được dùng với ý nghĩa rõ “các thứ tiếng” trong những phần khác của Kinh Tân ước; câu “các nước, các dân tộc, các tiếng” dùng năm lần trong Khải huyền khi nói về các dân tộc của thế giới (Khải huyền 7:9; 10:11; 11:9; 13:7; 17:15). Từ Hy Lạp “các lưỡi” xuất hiện trong bài dịch Hy Lạp của Kinh Cựu ước (gọi là “Septuagint”) với nghĩa các thứ tiếng (xem Sáng thế 10:5; Phục truyền 28:49; Danêl 1:4).

1 Côrintô 14 gồm điều rằng dạy phải áp dụng sự ban cho biết nói các thứ tiếng như thế nào; câu 21 trích dẫn Êsai 28:11 nói về cách dùng sự ban cho này để nói về dân Giu-đa: “Trong luật pháp cho phép rằng: Chúa phán: Ta sẽ nhờ những người nói tiếng lạ, và môi miệng người ngoại quốc mà phán cho dân này”. Còn Êsai 28:11 lúc đầu nói về bọn xâm lược Y-sơ-ra-ên nói với dân Giu-đa bằng những thứ tiếng (“lưỡi”) mà họ không hiểu. Trong câu nói trên dùng từ “các lưỡi” và “môi”, nhưng rõ ràng nói về các thứ tiếng nước ngoài. Trong 1 Côrintô 14 có nhiều dấu hiệu rằng “các lưỡi” liên quan đến ngoại ngữ. Trong đoạn này, Phao-lô được cảm động phê bình những sự kiện lạm dụng những sự ban cho khác nhau mà đã xảy ra trong giáo phái lúc đầu, và đoạn này giải thích bản chất của sự ban cho nói các tiếng và tiên tri. Xin cho phép chúng tôi bình luận tóm tắt bài này. Câu 37 là câu then chốt:

“Nếu ai tưởng mình là tiên tri, hay là được Đức Thánh Linh soi sáng, thì người ấy hãy biết rằng đều tôi viết cho anh em đây là mạng lịnh của Chúa”.

Nếu ai tuyên bố mình có sự ban cho của thần linh, thì như thế người đó phải đồng ý rằng những mệnh lệnh trước kia về cách dùng sự ban cho này đã do Đức Chúa Trời soi sáng. Nếu hiện nay có người nào không tuân theo những mệnh lệnh đó thì theo đó một cách công khai rằng họ coi thường lời do Chúa Trời soi sáng. Các câu 11-17:

“Vậy nếu tôi chẳng biết nghĩa của tiếng nói đó, thì người nói tiếng sẽ coi tôi là mọi, và tôi cũng coi họ là mọi nữa.

ấy vậy, vì anh em nôn nả ước ao các sự ban cho thiêng liêng, hay tìm cho được dư dật đặng gây dựng Hội thánh.

Bởi đó, kẻ nói tiếng lạ, hãy cầu nguyện để được thông giải tiếng ấy.

Vì nếu tôi cầu nguyện bằng tiếng lạ, thì tâm thần tôi cầu nguyện, nhưng trí khôn tôi lơ lửng.

Vậy thì tôi sẽ làm thế nào? Tôi sẽ cầu nguyện theo tâm thần, nhưng cũng cầu nguyện bằng trí khôn. Tôi sẽ hát theo tâm thần, nhưng cũng hát bằng trí khôn.

Bằng không, nếu người chỉ lấy tâm thần mà chúc phước, thì người tầm thường ngồi nghe, chẳng hiểu người nói gì, thế nào họ theo lời chúc phước mình mà đáp lại rằng “A-men” được?

Thật vậy, lời chúc phước của người vẫn tốt lành; song kẻ khác chẳng nhờ đó mà được gây dựng”.

Nói tiếng mà những người dự lễ không hiểu vì thế là vô nghĩa. Bắt buộc phải tránh nói tiếng mumbo-jumbo vì giáo dân có thể nói “A-men” như thế nào sau một “cầu nguyện” bằng lời nói lấp bắp không thể hiểu được? Hãy nhớ rằng “A-men” có nghĩa là “Cứ như thế”, tức là Tôi hoàn toàn đồng ý với mọi từ trong cầu nguyện này. Phao-lô nói rằng nói bằng tiếng mà anh em không hiểu là không gây dựng họ.

Tôi nhớ mỗi lần phân phát tờ bướm bên ngoài khu nhà truyền giáo Billy Graham để kêu gọi dân sự trở lại thừa nhận quan điểm dựa trên kinh thánh hơn là quan điểm của Cơ Đốc. Có một người phụ nữ sôi nổi cố thuyết phục tôi rằng giáo phái Christadelphian là sai trái và nói lấp bắp bằng tiếng lạ khoảng 10 phút. Điều đó không gây dựng cho chút gì cả; và giống hệt như những điều mà phao lô khuyên không nên làm.

Câu 18:

“Tôi tạ ơn Chúa tôi, Tôi nói tiếng lạ hơn cả anh em”

Vì rằng ông đi nhiều nơi để truyền giảng, nên ông luôn cần sự ban cho nói được nhiều thứ tiếng hơn người.

Câu 19:

“Nhưng thà tôi lấy năm lời bằng trí khôn mình mà rao giảng trong Hội thánh, để được dạy bảo kẻ khác, hơn là lấy một vạn lời bằng tiếng la”.

Điều này rất đơn giản. Một câu ngắn về Đấng Christ bằng tiếng Anh sẽ đem lại cho tôi nhiều lợi hơn so với nhiều tiếng đồng hồ nghe dạy bằng tiếng nước ngoài hay bằng mumbo-jumbo.

Câu 22:

“Thế thì, các thứ tiếng là một dấu, chẳng cho người tin Chúa, song cho người chẳng tin; còn như lời tiên tri là một dấu, chẳng phải cho người không tin, song cho người tin Chúa.”

Cho nên, ngoại ngữ cần chủ yếu để giảng Tin lành cho người ngoài. Còn hiện nay, người ta thường tuyên bố mình có “các thứ tiếng” chỉ trong nhóm tín đồ hoặc (chắc chắn) chỉ có ảo tưởng trong đầu mình, gọi là trong kinh nghiệm riêng của họ, lúc họ một mình. Rất nhiều người nhận khả năng nói các tiếng nước ngoài bằng cách thần diệu để phổ biến Tin lành. Vào đầu những năm 1990, đã có cơ hội mở cửa để giảng về Đấng Christ ở Đông Âu, nhưng (cái gọi là) những giáo phái tin lành đã buộc phải phân phát sách báo của mình bằng tiếng Anh vì có trở ngại về tiếng! Nhất định, nếu thật có *sự ban cho nói ngoại ngữ thì phải dùng tài này, có phải không?* Nhà truyền đạo nổi tiếng tên là Reinhardt Seiber, có công nhận sự hiện diện của thánh linh, nhưng ông vẫn phải nói và giảng cho anh em ở Kampala, Uganda thông người phiên dịch.

Câu 23:-

“Vậy, khi cả Hội thánh nhóm lại một nơi, nếu ai nấy đều nói tiếng lạ, mà kẻ kẻ tầm thường hoặc người chẳng tin vào nghe, họ há chẳng nói anh em là điên cuồng sao?”

Chính điều này xảy ra. Khắp Tây Phi, cả những người theo đạo Hồi giáo và cả theo đạo đa thần đã chế nhạo cư xử kỳ lạ của những người tuyên bố mình có sự ban cho nói ngoại ngữ. Ngay cả một tín đồ trung bình đạo Thiên Chúa Giáo rẽ dự hội họp giáo phái Ngũ tuần thì chắc sẽ bị cấm đoán nghĩ rằng những tín đồ này điên cuồng.

Câu 27:-

“Ví bằng có người nói tiếng lạ, chỉ nên hai hoặc ba người là cùng; mỗi người phải nói theo lượt mình, và phải có một người thông giải.”

Cần phải có hai hoặc ba người nói các thứ tiếng trong một lễ. Chắc trong số người nghe có thể có đại diện cho ba tiếng khác nhau nhiều nhất. Buổi lễ có thể mất liên tục, nếu mỗi một câu của người phát biểu phải dịch hơn hai lần. Nếu tại lễ ở Trung tâm Luân đôn muốn dùng ngoại ngữ vì có người Anh đến dự và một số người du lịch Pháp và Đức có mặt, thì những người phát biểu phải bắt đầu như sau:-

Mục sư: Chào buổi tối!

Người nói tiếng thứ nhất: Bon soir (tiếng Pháp)

Người nói tiếng thứ hai: Guten abend (tiếng Đức).

Nhưng mà đương nhiên họ phải nói “theo lượt mình”, một người sau người khác. Sự lộn xộn xảy ra nếu họ nói đồng thời. Song, ngày nay, tôi đã nhìn thấy khi một người bắt đầu nói thì, chủ yếu do bản chất xúc cảm nói các tiếng, nhiều người khác cũng bắt đầu nói đồng thời. Tôi nhận thấy rằng một khi có một người nào đó bắt đầu, thì những người khác lập tức bị tác động và làm theo như thế. Dường như hội thánh tại thành Côrintô có một số người đã sinh hoạt y hệt như giáo phái ngữ tuần và người khác làm như vậy ngày nay.- tức là họ tự tạo cho mình đạt đến trạng thái hờ hỷ hay vui sướng. Và Phaolô thẳng thắn phê bình cách làm như vậy.

Sự ban cho nói tiếng ngoại quốc nhiều khi được dùng cùng sự ban cho tiên tri, để lời tiên báo do Đức Chúa Trời cảm động đã có thể được nêu lên (nhờ sự ban cho tiên tri) bằng một tiếng vốn xa lạ cho bản thân người nói (nhờ sự ban cho nói ngoại ngữ). Một ví dụ khi cả hai sự ban cho này được dùng có thể tìm thấy trong Công vụ 19:6. Vì thế, nếu trong buổi lễ ở Luân đôn có những người Anh và nhiều khách Pháp đến dự, còn người phát biểu nói tiếng Pháp, thì những người Anh có mặt sẽ “không được gây dựng”. Cho nên phải có mặt sự ban cho phiên dịch các thứ tiếng (hoặc ngoại ngữ) để mọi người có thể hiểu được trong ví dụ của chúng ta thì dịch từ tiếng Pháp ra tiếng Anh. Cũng thế, nếu người được hỏi do một

người nào đó mà nói tiếng Pháp, thì người phát biểu sẽ không thể hiểu người hỏi nếu không được giúp đỡ, ngay cả người có thể có sự ban cho nói bằng tiếng Pháp, mặc dù bản thân người vốn không biết tiếng này. Bởi vậy, sự ban cho phiên dịch phải có để giúp trong việc này.

Nếu không có người được ban cho phiên dịch vào lúc cần thiết, thì không nên sử dụng sự ban cho nói tiếng: "...phải có một người thông giải. Nếu không có ai thông giải, thì người đó phải làm thinh ở trong Hội thánh" (1 Côrintô 14:27,28). Khi hiện nay nhiều người tuyên bố mình được ban cho các lưỡi và bắt đầu nói các thứ tiếng, nhưng chẳng có ai hiểu họ được, và họ nói không có phiên dịch, thì đó chính là một ví dụ hoàn toàn không tuân theo mệnh lệnh nói trên.

Câu 32,33:-

"Tâm thần của các đấng tiên tri phục theo các đấng tiên tri. Vả, Đức Chúa Trời chẳng phải là Chúa sự loạn lạc, bèn là Chúa sự hoà bình."

Khi chúng ta nói về sự ban cho của Đức Thánh Linh, thì không nên coi rằng người đó sẽ ra khỏi lĩnh vực ý thức bình thường; con người vẫn kiểm chế tinh thần mình, thần linh không phải là một sức lực tiếp quản con người đến mức mà người hành động vô thức/không điều khiển mình. Có khi người ta nói sai rằng ma quỷ hoặc ác thần ám ảnh/ngự ở người không được cứu chuộc (xem Bài 6.3), còn Đức Thánh Linh đầy dẫy chỉ những người theo đạo thôi. Nhưng trong 1 Côrintô 14:32 nói về sức lực tinh thần mà người có phải dẫn tới mục đích đặc biệt; đây không phải là sức lực thiện năng động đối lập với sức lực ác vốn thuộc bản chất con người. Ngoài ra, trước đây chúng tôi đã chỉ rõ rằng quyền phép này của Đức Thánh Linh đổ trên các sứ đồ trong thời gian nhất định để làm công việc nhất định, quyền phép không phải luôn luôn có mặt với họ.

Mong muốn có được sự ban cho nói ngoại ngữ để dùng chúng sao cho giúp ích tình yêu thương của Đức Chúa Trời và ghét bỏ sự huyền ảo/không nề nếp, điều này hình như giáo phái ngừ tuần bỏ ngoài tai trong cách sinh hoạt ngày nay của họ.

Câu 34

“Đàn bà phải nín lặng trong đám hội của anh em: họ không cho phép nói tại nơi đó, nhưng phải phục tùng cũng như luật pháp dạy.”

Khi nói về cách dùng sự ban cho của thần linh, ý nói trên xác nhận một cách không chối cãi được rằng người nữ không nên dùng sự ban cho trong lễ hội. Người ta không tuân theo câu nói trên, nếu nói mumbo-jumbo khi xúc cảm của một người nghe kích thích xúc cảm của người nghe khác. Phụ nữ, trẻ con kể cả người nào cũng thật mong muốn có sự ban cho có thể bị tác động bởi kích thích này, cho nên ở trạng thái mê li họ có thể nói ra những lời khác nhau mà có thể được hiểu sai như ngoại ngữ.

Nhiều sự kiện nổi tiếng trong những giáo phái hiện nay khi người nữ tuyên bố mình nói các tiếng và tiên tri không thể tương giao với lời rằng rõ rệt của câu nói trên. Lý lẽ mĩa mai, liều lĩnh rằng Phao-lô đã ghét đàn bà đã được bác bỏ mấy câu sau: “Nếu ai tưởng mình là tiên tri, hay là được Đức Thánh Linh soi sáng, thì người ấy hãy biết rằng đều tôi viết cho anh em đây là mạng lịnh của Chúa” (1 Côrintô 14:37) - không phải của bản thân Phao-lô.

Bất kỳ tín hữu nào ham thích tìm hiểu Kinh Thánh cần phải công nhận rằng những điều rằng trong 1corintô 14 phải làm theo cách nghiêm túc; công khai không tuân theo lời dạy đó thì sẽ nói lên rằng chúng ta thiếu sự tin kính trọn vẹn trong lời tràn đầy linh cảm của Thánh kinh- hoặc là tự xưng mình là không nhận được sự ban cho thánh linh, để nhận ra rằng có ai đó thiếu đi sự ban cho sẽ chối bỏ và cho rằng điều rằng 1Côrintô 14 là lời dạy của Chúa cho chúng ta. Lôgích của cách lập luận này là kể lể, thật sự là tai hại. Trong quan điểm của họ, vậy làm cách nào anh/em luôn là thành viên của hội thánh như thế hay là sẵn lòng thông công với họ?

Lưu ý trong phần bài giảng này, rõ ràng giáo phái, xưng mình có khả năng nói ngoại ngữ đã được chứng minh một cách khoa học. có tỉ lệ thất sủng/khủng hoảng cao khi so sánh với người có nền tảng khác. Keith

Meador, là giáo sư khoa tâm thần tại đại học Vanderbilt Mỹ, thực hiện công trình nghiên cứu để phân tích mối liên hệ giữa thất sủng và nền tảng tôn giáo. Ông thấy rằng tỉ lệ thất sủng nghiêm trọng trong những người của giáo phái ngũ tuần là 5,4 phần trăm so với 1,7 phần trăm trong tổng số nhóm được nghiên cứu. Kết quả của quá trình nghiên cứu được đăng trên nhật báo “Bệnh viện và Tâm thần cộng đồng”, tháng 12, 1992.

Một bài báo thú vị khác cũng đưa ra kết luận tương tự, cho biết tờ “quan hệ quốc tế”, ngày 11/02/1993; tựa đề nói lên chính mình: “Giáo phái ngũ tuần xếp đầu hình minh họa tại đường biểu diễn màu xanh”. Tại sao có điều này? Chắc chắn phải có liên hệ một vấn đề là do kinh nghiệm có sự hiện diện của thánh linh/nói tiếng lạ mà giáo phái này xưng mình có, không khác hơn là trò mâu thuẫn tâm lý khổ hạnh.

2.4 Sự Lấy Lại Sự Ban Cho

Tín đồ sẽ lại dùng sự ban cho thần diệu của Thần Đức Chúa Trời để biến thể gian này thành Nước Đức Chúa Trời, sau khi Đấng Christ trở về. Vì thế, sự ban cho được gọi “quyền phép của đời (thời kỳ) sau” (Hebơơ 6:4,5); và Giô-ên 2:26-29 miêu tả nhiều sự ban cho của thần linh đổ ra trên dân Y-sơ-ra-ên sau khi họ ăn năn. Còn có câu rằng sự ban cho này sẽ lại được cho tín đồ sau khi Đấng Christ trở về là điều chứng minh đây đủ rằng sự ban cho này chưa có hiện nay và mọi tín đồ theo Chúa nên nhìn sáng mắt cả Kinh thánh cả những sự kiện trên thế giới và thấy rằng Đức Chúa sắp phải trở về (xem Phụ lục 3).

Trong Kinh thánh có những lời tiên tri rõ rệt là, vào lúc nhất định bắt đầu từ thế kỷ thứ nhất, khi sự ban cho đã được, đến lúc khi Đấng hiện ra lần thứ hai, sự ban cho sẽ phải được rút:-

“Các lời tiên tri sẽ hết, sự ban cho nói tiếng lạ sẽ thôi, sự (ban cho) thông biết hầu bị bỏ. Vì chúng chúng ta hiểu biết chưa trọn vẹn, nói tiên tri cũng chưa trọn vẹn; song lúc sự trọn lành đã đến, thì sự chưa được trọn lành sẽ bị bỏ” (1 Côrintô 13:8-10). Sự ban cho chỉ là “tạm thời” (G.N.B.).

Sự ban cho của thần linh trong thể kỳ thứ nhất đã phải được rút “lúc sự trọn lành đã đến”. Lúc này không thể là sự đến lần thứ hai của Đấng Christ, nhờ rằng vào lúc đó sự ban sẽ lại được cho một lần nữa. Từ Hy Lạp dịch ra “trọn lành” có nghĩa chính xác là cái mà trọn vẹn hoặc hoàn thành; từ này không có nghĩa nhất thiết là điều gì đó vô tội.

Một điều trọn vẹn sẽ phải thay thế cho sự hiểu biết cục bộ mà những tín đồ đầu tiên theo Chúa đã có nhờ sự ban cho tiên tri. Hãy nhớ rằng sự tiên tri đã là sự ban cho nói lên lời do Đức Chúa cảm động; chính những bài ghi chép lời đó làm ra Kinh thánh.

Vào thể kỳ thứ nhất, người tin đồ trung bình chắc chỉ biết một đoạn Kinh Tân ước nếu so sánh với Kinh mà chúng ta biết bây giờ. Người đó có thể nghe vai lời tiên tri của người trưởng lão ở nhà thờ mình về một số vấn đề thực tế; người thời đó có thể biết nét đại cương của cuộc đời Đấng Jêsus, và rất may nếu đã nghe đọc một hai bức thư của Phao-lô. Nhưng mà sau khi bài ghi chép lời tiên tri được hoàn thành và bắt đầu lưu hành, đã không cần phải có sự ban cho tiên tri nữa. Cái mà đã là trọn vẹn và bằng cách ấy đã thay thế cho sự ban cho của thần linh, vì thế, là Kinh Tân ước trọn vẹn:-

“Cả Kinh thánh đều là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn, có ích cho sự dạy dỗ, quở trách, sửa trị, dạy người trong sự công bình, hầu cho người thuộc về Đức Chúa Trời được trọn vẹn (hoàn hảo)” (2 Timôthê 3:16,17).

Cái mà làm trọn vẹn, hoặc hoàn hảo, là “cả Kinh thánh”; cho nên lúc khi “cả Kinh thánh” được soi dẫn và ghi chép, “cái mà đã trọn vẹn” đã đến rồi, và sự ban cho kỳ diệu phải được rút.

Bây giờ câu Ê-phê-sô 4:8-14 xếp rất đúng chỗ để hoàn thành trò chơi lắp hình tốt đẹp:-

“Ngài (Đấng Jêsus) đã lên nơi cao (trời), ... ban các ơn (thần linh) cho loài người” vì đã “gây dựng thân thể Đấng Christ: cho đến chừng chúng ta thấy đều hiệp một trong đức tin và trong sự hiểu biết Con Đức Chúa Trời, mà nên bậc thành nhơn... Ngài muốn chúng ta không như trẻ con nữa, bị người ta lừa đảo, bị mưu chước dỗ dành làm cho lầm lạc, mà dẫy động và dõ dỏi theo chiều gió của truyền giáo giả”.

Những sự ban cho của thể kỳ thứ nhất đã phải được cho đến lúc khi đã xuất hiện một người trọn vẹn, hoặc người trưởng thành, và 2 Timôthê 3:16,17 nói rằng “người thuộc về Đức Chúa Trời được trọn vẹn” vì được soi dẫn bởi “cả Kinh thánh”. Cô-lô-se 1:28 cũng dạy rằng sự trọn vẹn nảy ra bởi hưởng ứng Lời Đức Chúa Trời. Bắt đầu từ lúc khi toàn thể Kinh thánh đã có rồi, thì không còn cơ chân chính nào nữa để bảo chữa mình bị bối rối vì thấy có rất nhiều đạo do giáo phái khác nhau đề nghị. Chỉ có một Kinh thánh, và vì “lời Cha tức là lẽ thật” (Giăng 17:17), thì bằng cách nghiên cứu những trang của Kinh thánh chúng ta có thể tìm thấy sự “hiệp một trong đức tin”, chính một đức tin mà Ephê-sô 4:13 nói đến. Những tín đồ chân chính theo Chúa, bởi vậy, đã có một đức tin rồi; trong ý nghĩa này họ đã hoàn hảo (“trọn vẹn”) như kết quả của “cái mà đã trọn vẹn” hoặc cái hoàn hảo tức là Đạo của Đức Chúa Trời được ghi chép và hoàn thành.

Trước khi bước sang bài khác, Tôi tranh thủ xin bạn chú ý Ephê-sô 4:14 so sánh như thế nào tình trạng dưới chức dịch của sự ban cho kỳ diệu với tình trạng tuổi ấu chưa được soi sáng; và, trong văn cảnh tiên tri, những sự ban cho kỳ dị phải được rút thế nào. 1 Cô-rin-tô 13:11 nói cũng thế. Cho nên, làm om sòm tuyên bố mình có sự ban cho của thần linh không phải là dấu hiệu của sự trưởng thành do Đức Chúa Trời soi sáng. Hiện nay mọi bạn đọc có thể tiến bộ bằng cách đánh giá càng cao Lời Đức Chúa Trời được ghi chép, vui mừng vì có được tính chất trọn vẹn

của mặt khải căn bản của Đức Chúa Trời về mình cho chúng ta bởi Lời này, và hưởng ứng Lời Chúa một cách khiêm tốn.

Xưng mình có khả năng nói ngoại ngữ:

Tóm lại, một số điểm nữa đề cập đến xưng hô của một số giao phái xem mình được ban cho nói tiếng lạ:

- Kiểu nói tiếng lạ hiện nay có khuynh hướng lặp lại những âm tiết ngắn giống nhau chẳng hạn: “Lala, lala, lala, shama,shama. Jesus, Jesus..” Đây không phải là cú pháp gắn liền với bất cứ ngôn ngữ nào; khi nghe ai đó nói ngoại ngữ, có thể suy đoán rằng họ đang giao tiếp nhau cái gì đó theo mâu từ mà họ sử dụng dù là chúng ta không hiểu những từ này. Song, nói ngoại ngữ hiện đại không công nhận việc này, và nhấn mạnh việc làm đó không nhằm gây dựng hội thánh, là mục đích cơ bản của sự ban cho trong thế kỷ đầu tiên.
- Một số người ngũ tuần xưng rằng họ việc họ nói tiếng lạ là dấu hiệu nhận được sự cứu rỗi và cho nên sẽ đồng hành trong mọi cuộc giao tiếp của họ. Tôn xưng này gây ra khó khăn khi mô tả hội thánh đầu tiên ví như cơ thể, ở đó mỗi người nhận sự ban cho khác nhau thì đều có các chi thể khác nhau. Không người nào là tay hay chân, và cũng như vậy, không riêng ai nhận một sự ban cho nào ví dụ các thứ tiếng 1 Côrintô 12:17,27-30 làm rõ điều này:
- “Nếu một thân thể chỉ có mắt, vậy thính giác đâu?, nếu cả thân thể chỉ nghe, vậy khứu giác đâu?... Bấy giờ anh em là thân thể của Đấng Christ, đều là anh em trong Chúa. Đức Chúa Trời đặt người này phụ trách trong hội thánh, đầu tiên là các sứ đồ, thứ hai các tiên tri, thứ ba các thầy dạy, sau đó là phép lạ, tiếp đến là sự ban cho chữa bệnh, giúp đỡ, quản lý, truyền bá ngôn ngữ. Vậy có phải đều thuộc việc làm của sứ đồ? Hay của các tiên tri? Hay của các thầy dạy? Hay của tất cả người làm phép lạ? Có phải chỉ là sự ban cho phép chữa bệnh? Hay tất cả nói ngoại ngữ? Hay tất cả điều thông giải/ phiên dịch?

Quan điểm này cũng nói rõ ở đầu chương này:

- Đối với người này, thì được thánh linh ban cho lời khôn ngoan; đối với người khác, được ban cho sự hiểu biết; người kia thì được thêm

lên Đức tin, người kia thì được ban cho phép chữa bệnh; người kia hiểu biết nhiều về thánh linh; người thì nói tiên tri; người thì làm phép lạ; người thì thông hiểu ngoại ngữ; người thì phiên dịch/thông giải ngoại ngữ; nhưng tất cả làm mỗi việc từ một thánh linh mà ra, mỗi người làm mỗi việc đều theo ý từ thánh linh cả. Vì thân thể chỉ có một, và có nhiều chi thể, tất cả chi thể đều là một thân thể, nhiều nhưng chỉ một thân thể; với Đấng Christ cũng vậy” (1 Côrintô 12:8-12)

Nhấn mạnh như thế thì không thể xem thường được. Chúng ta không thể nói rằng mỗi đạo kinh tân ước có cách áp dụng như nhau đối với mỗi tín đồ (Xem Mathiơ 10:9,10; Mac 16:17; Luca 10:4; Công vụ 15:23-29); sẽ là thật hợp lý khi liên hệ việc một số anh/em nói tiếng lạ trong hội thánh đầu tiên theo cách nghĩ về thân thể/chi thể sẽ hợp lý.

Một vấn đề khác trong cách lập luận của giáo phái ngũ tuần, cho là Philip cải đạo nhiều người tại samari, thí dụ họ được nhận phép Baptem bằng nước sau khi hiểu lời Chúa, nhưng họ không nhận sự ban cho của thánh linh; vì sau đó, Phêrô và Giăng bước đến gần họ: “ ai, khi nào thánh linh ban xuống, cầu nguyện cho họ, để họ nhận thánh linh... rồi đặt tay lên họ, rồi họ nhận thánh linh...Simôn thấy rằng khi tay các sứ đồ đặt lên, thì thánh linh được ban” (Công vụ 8:4-18). Sự hiện đến của thánh linh bằng việc đặt tay lên ai đó là cách làm duy nhất, mà hiếm thường xảy ra bởi một số giáo phái ngày nay. Cho nên, Phaolô muốn viếng thăm Rôma để đem đến họ sự ban cho của thánh linh (Roma 1:11 so sánh Ephêsô 4:12). Vì thế , một khi thế hệ các sứ đồ được ban cho năng lực đó chết đi, thì không còn sự ban cho xảy ra kể từ đó. Nếu thật sự, sự ban cho của thánh linh có thể nhận được bằng lời cầu nguyện, thì thật khó hiểu tại sao Phaolô đã phải viếng thăm Rôma để chuyển sự ban cho cho họ ở đó, hay tại sao bằng cách đặt tay của các sứ đồ, thì thánh linh được ban xuống?”

Những người ngũ tuần khác nói rằng nói ngoại ngữ không phải là bằng chứng nói lên đã nhận sự cứu rỗi. Điều này nhấn mạnh một điều là luôn

có sự khác biệt chính trong giáo lý trong quan điểm của họ. Như thế, một số người có khả năng thu hút người khác tin rằng nước của Đức Chúa Trời sẽ lập trên đất, người khác cho rằng nước của Đức Chúa Trời sẽ lập trên trời. Những người thu hút cơ đốc xưng rằng thánh linh bảo họ thờ phượng Mary và đức giáo hoàng, trong khi đó một số người kêu gọi nhóm ngũ tuần cho rằng họ có nhận thánh linh bảo họ lên án đức giáo hoàng là người chối Chúa Jesus, và lên án giáo lý Cơ đốc. Song Chúa Jesus đã nói trước rằng những ai có đấng yên ủi, “tức thánh linh”, sẽ hướng dẫn đến lẽ thật... trong ngày đó, anh em sẽ không cần hỏi ta điều gì cả... đấng yên ủi... sẽ dạy các người mọi điều, và đem tất cả mọi điều để anh em nhớ, bất cứ điều gì như ta đã nói cùng các người” (Giăng 16:13, 23; 14:26).

Lẽ ra không nên có sự chia rẽ trong giáo lý căn bản ở họ, nên cho thấy rằng họ xưng mình có sự ban cho nói tiếng lạ/ban cho thánh linh không thể xem cách nghiêm túc. Sự bất lực nổi bật của một số người này để điều chỉnh niềm tin của họ cho thấy rằng họ chưa được hướng dẫn biết lẽ thật và hiểu biết đầy đủ đấng yên ủi.

- Điểm quan trọng nhất mà một số nói tiếng lạ đã không đúng với lời kinh thánh. Sự ban cho của thánh linh ở Ephêsô 4:11 không đề cập chuyện này, chỉ có ở cuối trong sách 1 côrintô 12:28-30. Thật sự, chỉ có ba đoạn trong Tân ước đề cập sự ban cho của thánh linh (Công vụ 2:4; 10:46; 19:6).

Xưng mình nói ngoại ngữ và làm phép lạ đang được một số người cơ đốc có khả năng thu hút thực hiện phải được xem xét đối với thông tin mà chúng ta đã trình bày trong bài nghiên cứu này đề cập đến thánh linh của Đức Chúa Trời. Nét cơ bản để làm điều này là bất cứ điều gì những người này xưng mình có được, thì điều đó không thể là kết quả do họ có được thánh linh. Bất cứ ai lập luận rằng họ có nhận sự ban cho, luôn có một công việc nặng nề để trả lời những lập luận theo kinh thánh mà chúng ta đã tìm hiểu.

Tuy nhiên, sẽ là hợp lý khi trông đợi một số lời giải thích tại sao hiện tượng chữa bệnh và tiếng lạ (theo cách nói không ý nghĩa) xảy ra.

Theo ước tính, người ta phát hiện rằng con người chỉ sử dụng một phần não bộ thấp nhất là 1 phần trăm, và cũng phát hiện ra rằng bộ não có sự kiểm soát toàn bộ cơ thể; cho nên bằng cách chính họ tin rằng lửa không thể cháy, người Hindu đã bước đi trên lửa bằng chân không nhưng không bị bỏng. Trong thời kỳ kích thích cao, có thể chúng ta sử dụng tỉ lệ bộ nhớ lớn hơn bình thường, để mà chúng ta có khả năng đạt đến hiệu quả. Trong lúc háo hức chiến thắng, người lính hoàn toàn không nhận biết rằng bàn tay của mình đã bị mất tới vào giờ sau đó.

Trong điều kiện tin tưởng mạnh mẽ và sự kích động âm nhạc, cùng người lãnh đạo thu hút, hoàn toàn có thể những điều nằm ngoài kinh nghiệm của con người sẽ xảy ra. Phép lạ mà người cơ đốc ngày nay xưng hô cũng y như trường hợp ngoại lệ như kinh nghiệm bao quát của tôn giáo khác; cho nên những người thờ phượng dùng ma thuật trải qua hiện tượng nói một cách vô nghĩa, và đạo hồi cũng xác nhận phép lạ y như những phép lạ cơ đốc nhân hiện đại người xưng mình. Song, quan điểm đầy đủ về sự ban cho của thánh linh có trong thế kỷ đầu cho thấy sự cao quý của người cơ đốc chân chính đối với giáo phái khác; vấn đề là phép lạ của cơ đốc ngày nay cũng y như phép lạ của những giáo phái khác, đều cho thấy sự ban cho thánh linh trong thế kỷ đầu ngày nay không còn nữa.

Nhiều thông tin rõ ràng trong vấn đề này được trình bày trong giáo lý ngũ tuần của William Campbell (Hội thánh của Đấng Christ năm 1967). Ông cho biết nhiều giáo phái tà đạo có đặc điểm tương tự khi nói tiếng lạ. Cho nên ở kawaii, các thầy tế lễ thần Oro bày tỏ ý muốn họ bằng âm thanh giống nhau được những thầy tế lễ khác thông giải. Điều này cũng y như trong các buổi nhóm của giáo phái ngũ tuần. Trong thế kỷ thứ nhất, những thầy tế lễ tà đạo dường như ở trạng thái quá xúc động (trạng thái tâm thần) lúc đó họ rao truyền Đấng Christ là kẻ đáng bị nguyên rủa. Phao lô dùng điều này để phê bình cách thức một số hội thánh tại thành Côrin bắt chước sự cuồng tín của tà đạo khi sử dụng sự ban cho thánh linh- vậy có bằng chứng nào rõ ràng hơn rằng cảm giác sung sướng không có nghĩa là chúng ta có nhận sự ban cho thánh linh? Cần nhớ rằng nhận sự ban cho thánh linh không có nghĩa Chúa chấp nhận

chúng ta, cho nên đó không phải là dấu hiệu của sự cứu rỗi (Thithiên 68:18 so sánh Ephesô 4:8; và xem cách thức Sao lợ dân Isơrơen có sự ban cho nhưng đã không được cứu rỗi). Ngay cả lời cầu nguyện được ứng nghiệm, được là vinh hiển ở giáo phái ngũ tuần... đều không phải là bằng chứng mà chúng ta có mối liên hệ với Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời đáp lời cầu nguyện của một số người để trả lời một người tùy theo sự ngổ ngẩn của họ và khẳng định họ theo cách họ đã chọn (Echikiên 14:4).

Sự thắng thế liên tục của hồi giáo trước cơ đốc phổ biến ở Châu phi chắc chắn sẽ không có nếu người cơ đốc làm những phép lạ và có quyền năng của các sứ đồ trong thế kỷ đầu tiên. Và những ai thực sự có Đấng an ủi của sự ban cho của thánh linh sẽ làm những việc to lớn hơn điều mà Chúa Jesus từng làm (Giăng 14:12,16). Lời bào chữa mà cơ đốc nhân có thể làm phép lạ như thế nếu họ thêm lên đức tin, gặp phải những khó khăn lớn. Một là họ có sự ban cho làm phép lạ từ đấng yên ủi, hay là họ không có được, và nếu họ xứng mình có thể làm được – “những việc lớn hơn điều này người sẽ làm” (Giăng 14:12)- không phải là người có thể làm.

Thế kỷ đầu dùng sự ban cho đã không yêu cầu gặp trực tiếp người được chữa bệnh – phép lạ được thực hiện từ xa. Ngoài ra, phép lạ đã không luôn yêu cầu niềm tin của người được chữa bệnh (Luca 22:51). Không có phép chữa bệnh nào mà không thành công trong thế kỷ đầu, ngược lại ngày nay không làm được. Cũng dễ dàng dự báo phép lạ cách chính xác, ngược lại ngày nay thì rất khó. Chúng ta hay đặt câu hỏi: Ai, theo tư tưởng ngũ tuần và truyền giáo, là người cơ đốc điển hình, những người thấy giả làm phép lạ giả? (Mathiơ 7:22,23; 24:24; 2 têsalônica 2:9,10)?

2.5 Thánh kinh, quyền lực duy nhất

Từ những gì chúng ta xem xét trong bài đọc này, thần/hơi thở của Đức Chúa Trời liên hệ tới ý muốn và mục đích, và quyền năng mà Ngài vận hành trong mọi hoạt động. Chúng ta đã nhấn mạnh rằng hơi thở/thần của Ngài bày tỏ đến chúng ta bằng lời của Ngài. Nhiều vấn đề của người Cơ đốc không nhận biết rõ điều này. Thật khó tin rằng quyền năng to lớn như thế được cung cấp trong một cuốn sách, trong số đó chúng ta thấy rất khó hiểu. Thật sẽ cảm nhận có nhiều hình thức khác khi Đức Chúa Trời mặt khải cho dân sự Ngài, khác hơn kinh thánh. Vì bản chất con người dễ mắc sai lầm của chúng ta (Jerêmi 17:9) tìm thấy lẽ thật chân thật trong lời Chúa (Giăng 17:17) thật khó tiếp thu. Nhiều người từ bỏ sự lôi cuốn này bằng cách xưng hình thức mặt khải khác hấp dẫn hơn theo suy nghĩ tự nhiên. Sau đây là một số ví dụ:

Tôn Giáo	Hình thức mặt khải khác tự xưng	Ưu thế của con người/sự thu hút của điều này
Chứng nhân Giê hô va	Hình thành hội quan sát, được xem như được cảm động	Cố gắng của cá nhân không đòi hỏi để nghĩ ra sự thông giải đúng kinh thánh; là giải đáp cho mọi điều
Nhà thờ LaMã	Công bố của Đức giáo hoàng, ý kiến của các linh mục, họ xưng là sự phản ánh thật ý muốn của Đức Chúa Trời	Như cầu đọc kinh thánh riêng không đòi hỏi- trong quá khứ, giáo lý Cơ đốc đã cản trở và ngăn cấm điều này. Tin cậy vào con người hơn là phải cố gắng nỗ lực xác nhận sự việc cho chính mình
Hội Cơ Đốc truyền giáo	Sách của giáo phái này	Bỏ qua nhu cầu tin vào giáo lý thánh kinh bị xem là khó chấp nhận-Sách kinh của Hội này đưa ra cơ hội cứu rỗi toàn cầu, trong khi kinh thánh nói rằng nhiều người sống và chết không có hy

		vọng do không được gọi để hiểu biết Kinh thánh
Cơ Đốc truyền giáo	Một sự sáng bên trong coi như là thánh linh	Họ tin rằng những điều họ cảm nhận đúng, nghĩ rằng Thần của Đức Chúa Trời/hơi thở hướng dẫn và truyền cảm họ theo cách làm không hề xuất phát từ kinh thánh

Những điều này nhấn mạnh nhu cầu công nhận căn bản kinh thánh là lời Chúa, và tìm kiếm đoạn kinh để hiểu lẽ thật. Câu hỏi “một kinh thánh, nhiều hội thánh – tại sao? Is trả lời phổ biến khi mỗi hội thánh công nhận và hiểu kinh thánh như thế nào, ở mức độ nào, xưng mình là hình thức mặt khải thần của Đức Chúa Trời, thí dụ: ý Chúa, giáo lý và tư tưởng, cùng với kinh thánh.

Nếu anh em mong muốn tìm một nhà thờ chân thực, một đức tin chân thực và phép báptem (Ephêsô 4:4-6), lời kêu gọi phải đến anh em thật mạnh mẽ và rõ ràng- “Hãy trở lại với kinh thánh”. Thỉnh thoảng hãy đọc qua các chương đầu sách công vụ; Rõ ràng cách lập luận dựa trên kinh thánh, tính lôgích của Phiorơ đã thật sự động lòng anh em và làm họ cải đạo về với Chúa hơn là các phép lạ mà họ làm.

Bài đọc thêm số 4: Đức Thánh linh là Người?

Bài học 2.1 và 2.2 đã đưa ra bằng chứng sâu sắc rằng thần của Đức Chúa Trời là nói đến quyền năng của Ngài, nói lên ý tưởng của Ngài theo nghĩa rộng. Vì cách thần của Đức Chúa Trời hành động là một sự phản ánh chính xác bản chất và nhân cách của Ngài, một số người lập luận rằng thần của Ngài là người và cũng là Đức Chúa Trời. Đọc lại cẩn thận những đoạn trước sẽ chỉ rõ rằng thánh linh/thần của Ngài chính là quyền năng và ý muốn của Ngài; nếu là như vậy, thì không có cách nào lại xem ý muốn và quyền năng Ngài là người. Điện là sức mạnh không vô

hình có thể tạo ra kết quả cho người điều khiển nó, nhưng nó không thể là người. Tình yêu là một phần của tính cách con người, nhưng nó không thể là người. Hơi thở/ thánh linh của Đức Chúa Trời bao gồm tình yêu, là phần tính cách của Ngài, và cũng nói đến quyền năng của Ngài, nhưng không thể nói đến một người hoàn toàn khác biệt Ngài.

Rõ ràng khi có quan điểm sai lầm (về thánh linh là người) đã rõ ràng, thì nhiều Cơ đốc tin vào giáo lý ba ngôi một thể. Rõ ràng điều này nói lên có ba thực thể thần đều giống nhau, Chúa Cha, Chúa Thánh linh và Chúa Jesus. Cũng là người cơ đốc cho rằng Đức Chúa Trời không phải là người, nhưng họ tin rằng có Đức Thánh linh; tức có sự mâu thuẫn ở đây. Và họ coi Đức Thánh linh là Cha của Chúa Jesus. Chúng ta sẽ phải hiểu rằng người này đã đến thế gian thật và làm cho Mary có mang thai Chúa Jesus. Đây chỉ là một sự lập lại tín ngưỡng của người không tin Chúa xưa kia rằng có một thần nào đó giáng trần và quan hệ với một phụ nữ, và sinh ra một Đấng nửa người nửa thần để thờ phượng.

Một lý do hợp lý để tin rằng ba ngôi bắt nguồn từ tư tưởng của người không biết Chúa hình thành trong giáo lý Cơ đốc – do vậy lời không xảy ra trong kinh thánh. Khi công nhận tư tưởng này rằng Đức Chúa Trời là ba ngôi, người Cơ đốc bị buộc phải công nhận huyền bí rằng quyền năng /thần của Đức Chúa Trời là người, cũng là Đức Chúa Trời dù không phải Đức Chúa Trời. Khi đối mặt với thứ tự không đúng, thì một lối lẩn tránh phổ biến nhất đối với những người này là xưng rằng Đức Chúa Trời là một huyền bí, và chúng ta nên chấp nhận những điều như thế theo đức tin mà không cần một lời giải thích trình tự nào.

Điều này thực sự bỏ qua sự đối chiếu trong kinh Tân ước với sự huyền bí của Đức Chúa Trời bày tỏ qua lời và việc làm của Chúa Jesus:

- “ Hỡi anh em, Tôi không muốn anh em thờ ơ với sự mầu nhiệm này” (Rôma 11:25)
- “ Giảng dạy của Chúa Jesus... sự mất khả năng mầu nhiệm” (Rôma 16:25)
- “Tôi giảng giải cho anh em sự mầu nhiệm...” (1Côrintô 15:51)

- “Đã bày tỏ cho chúng ta sự mâu nhiệm của ý Ngài” (Ephêsô 1:9; 3:3)
- Giảng dạy của Phaolô là phải bày tỏ sự mâu nhiệm của kinh thánh” (Ephêsô 6:19; Côlôsc 4:3)
- “Sự mâu nhiệm... bây giờ được bày tỏ cho các thánh đồ” (Côlôsc 1:26,27)
-

Từ lời nhấn mạnh này, giờ đây không còn sự mâu nhiệm nào dính líu đến giáo lý căn bản nào nữa, mà sẽ là có ai đó vẫn còn trong tối tăm mà cho rằng sự mâu nhiệm còn đó. Phải chăng người như thế không lo lắng danh của kinh thánh về nước “Babylon”, một hệ thống tôn giáo sai lệch đã được mô tả trong sách Khải huyền, là điều huyền bí sao? (Khải huyền 17:5). Lời ngụ ý rõ ràng là hệ thống này tuyên xưng rằng tín ngưỡng của họ là một điều huyền bí; nhưng những tín đồ chân chính hiểu và nhận ra sự huyền bí của người phụ nữ đó (khải huyền 17:7)

Tất nhiên, cách lập luận mơ hồ như thế xuất phát từ những người đem sự hiểu biết của mình về Đức Chúa Trời dựa trên những điều chủ quan thí dụ như kinh nghiệm, những hoạt động không rõ ràng, mơ hồ của một số thể lực tâm linh bên ngoài vào trí óc của họ. Nếu chúng ta được coi là biết khiêm nhường trong lời dạy của Đức Chúa Trời, thì chúng ta cũng cần phải sử dụng quyền năng cơ bản trong cách lập luận và suy diễn để khám phá thông điệp đó.

Chưa khi nào có người truyền giảng phúc âm, ghi nhận trong kinh thánh, lại nói “này là sự mâu nhiệm hoàn toàn”, anh em không thể nào hiểu được”. Thay vào đó, chúng ta có thể đọc và hiểu để kêu gọi mọi người qua cách lập luận và đưa ra kết luận cụ thể từ kinh thánh.

Trong quá trình giảng điều căn bản phúc âm mà chúng ta đang xem xét trong bài học này, Phaolô đã “lý giải những điều đó từ kinh thánh/ sách kinh một cách công khai và rõ ràng, rằng Đấng Christ phải trải qua sự chết và sống lại” (công vụ 17:2,3). Đây là cách lý giải kinh thánh có thứ tự, và hệ thống trên cả tuyệt vời; và lời ghi chép đưa ra câu: “Phaolô,

theo cách của mình là hợp lý”. Đây là cách làm bình thường của ông (công vụ 18:19). Tiếp tục trong công việc trong những ngày vận động ở thành Côrintô, Phaolô lý giải trong nhà hội mỗi lần có lễ Sabat, và thuyết phục người Do thái... khi họ mâu thuẫn với chính họ...” (Công vụ 18:4-6). Những ai đã cải đạo đã đi qua quá trình thuyết phục bởi cách lập luận dựa trên kinh thánh của Phaolô.

Khi Phaolô chịu sự thử thách lúc cuối đời, cũng cách lập luận đó tiếp tục cảm động sự trông cậy chắc chắn của Phaolô về tương lai: “ông lý giải về sự công bình, tiết độ, và sự xét đoán sẽ đến (công vụ 24:25).

Vì sự cải đạo của chúng ta dựa trên một quá trình lập luận, chúng ta nên đưa ra lời giải thích kinh thánh phù hợp cho sự trông cậy và giáo lý của chúng ta:

“Hãy luôn sẵn lòng trả lời cho mọi người hỏi mình lý do của hy vọng có được trong anh em tại sao tin Chúa” (1 phiêrô 3:15)

Bằng cách nói nghiêm túc về kinh nghiệm cá nhân của chính mình thì không phải là đưa ra lý do sự trông cậy phức tạp. Sự trông cậy không ngừng kinh nghiệm cá nhân như là phương tiện mà nhiều cơ đốc truyền giáo truyền giảng, làm nổi bật sự thiếu hiểu lời lập luận hợp lý cho sự trông cậy của mình. Một vốn từ trời dạy trong những người cơ đốc như thế làm cho họ có thể chia sẻ những điều mà Chúa đã làm trong cuộc đời tôi...những lời cá nhân ấy trái ngược hoàn toàn với lời của Phaolô: “chúng tôi không tự mình giảng, mà là Đấng Christ” (2 Côrintô 4:5) – và là một người đã có mối liên hệ cá nhân với ChúaJesus hơn ai hết.

Cách thức hợp lý, lô gích trong cách nói chuyện của chúng ta nên tạo ra mối liên hệ với Đức Chúa Trời trong những ngày chúng ta còn sống. Ví dụ mà chúng ta phải làm luôn luôn là người cơ đốc tiên phong dùng khả năng lập luận để tìm ra giải pháp cho vấn đề quản lý (Công vụ 6:2). Các bức thư trong Kinh Tân Ước cũng chấp nhận dùng tính lôgích của kinh thánh đối với người đọc. Vì thế theo cách lập luận của các thầy tế lễ như thế nào trong luật pháp Môsê, chúng ta có thể hiểu chi tiết về công việc của Đấng Christ (Hebơrô 5:3). Khi nói về tình yêu to lớn của Đức Chúa

Trời qua Chúa Jesus, Phaolô đề nghị rằng này là công việc lập luận của anh em để hoàn toàn dâng chúng ta cho Đức Chúa Trời (Rôma 12:1). Lời đáp trình tự của chúng ta theo thuật ngữ kinh thánh thì chính là cái xuất phát từ lời của Đức Chúa Trời.

Khi nhìn nhận vấn đề này, rõ ràng không đúng khi cho rằng thánh linh của Đức Chúa Trời là người, không phải là Đức Chúa Trời, nhưng là Đức Chúa Trời- và đối lập với điều này bằng cách nói rằng mọi điều là một huyền bí, lập luận đó là không phù hợp, không chấp nhận được theo lời kinh thánh. Nếu chúng ta không rút ra kết luận lôgic từ kinh thánh, thì tất cả việc tìm hiểu kinh thánh trở nên vô ích, và không cần có kinh thánh nữa, mà bị xem như là điều tầm thường hay mẫu văn chương hấp dẫn nào đó. Đây chính là tất cả mà hiện có trên các kệ sách của nhiều người cơ đốc nhân.

Tuy nhiên, về phía họ, một số người mà tin rằng thần Đấng Chúa Trời là người không sẵn sàng đưa ra lý do dựa theo thánh kinh. Câu trích dẫn nói về thánh linh của Đấng Chúa Trời bằng ngôn ngữ cá nhân, thí dụ “Đấng yên ủi” trong Giăng 14-16, hay câu nói thánh linh “biết buồn”.

Chúng ta chứng minh trong bài nghiên cứu 4.3 rằng thần/hơi thở của một người có thể bị xao động (Công vụ 17:16), gặp khó khăn (Sáng thế 41:8) hay vui sướng (Luca 10:21). Tinh thần, bản chất, trí óc và mục đích sinh hành động, nên ví như là một người, nhưng thật chất đây không phải là nghĩa này. Thì Thần của Chúa cũng được ví y như thế.

Phải hiểu rằng kinh thánh thường dùng ngôn từ nhân cách hóa khi Ngài nói về những việc có tính trừu tượng, ví dụ sự khôn ngoan thì được nói về một phụ nữ trong thi thiên 9:1. Điều này chứng minh cho chúng ta một người có sự khôn ngoan sẽ như thế nào trong thực tế; “sự khôn ngoan” không thể hiện hữu trong trí óc con người, và như vậy nên nhân cách hóa được dùng. Để tham khảo thêm, hãy đọc bài đọc thêm 5, “nguyên tắc nhân cách hóa”.

Lá thư của Phaolô bắt đầu bằng lời chào đề cập đến Đấng Chúa Trời và Chúa Jesus, nhưng không hề đề cập đến thánh linh (Rôma 1:7; 1 Côrintô 1:3; 2 Côrintô 1:2; Galatê 1:3; Ephêsô 1:2; Philip 1:2; Colôse 1:2; 1 Têsalônica 1:1; 2 Têsalônica 1:2; 1 Timôthê 1:2; 2 Timôthê 1:2; Tit 1:4;

Philêmôn 3). Thật là lạ nếu Ông xem thánh linh là một phần của đầu Chúa cũng như giáo lý ba ngôi giả thuyết một cách sai trái. Thánh linh đã được đổ đầy trên các sứ đồ (Công vụ 2:17,18); Mac 12:2; Luca 6:13; Giăng 21:10 và Công vụ 5:2). Làm thế nào chúng ta nhận được một phần của con người? Chúng ta được ban cho thánh linh của Đấng Chúa Trời (1 Giăng 4:13). Điều này sẽ vô nghĩa nếu thánh linh là người. Coi thánh linh là người thật sự là thánh linh được mô tả bằng tiếng hy lạp giống/ ngôi trung (xem trong AV of 1 Giăng 2:27, gọi là “nó”). Đây có nghĩa là khi chúng ta đọc các đoạn kinh nói về thánh linh bằng từ “ngài”, chúng ta hoàn toàn thấy rằng sự nhân cách hóa của quyền lực/sức mạnh, chứ không phải nói đến con người thật.

Bài đọc thêm số 5: Nguyên tắt nhân cách hóa

Một số người gặp khó khăn khi chấp nhận cách nhân cách hóa của từ “ma quỷ”, vì “ma quỷ” thường nói đến trong kinh thánh như thể là người thật và có lẽ làm một số người nhầm lẫn. Điều này sẽ được giải thích dễ dàng bằng việc chỉ ra rằng đó là một đặc tính nhận biết của kinh thánh, và trung lập, đề cập đến vật vô tri vô giác như sự khôn ngoan, giàu có, tội lỗi, nhà thờ cũng được nhân cách hóa, nhưng trong trường hợp từ “ma quỷ” thì một số lý thuyết được đan xen nhau. Một số điểm sau minh họa điều này:

Sự khôn ngoan được nhân cách hóa:

“Phước người nào tìm sự khôn ngoan, người nào được sự thông sáng. Vì được hơn là tiền bạc, cái được sẽ to lớn hơn vàng ròng, Sự khôn ngoan quý báu hơn châu ngọc, chẳng một báu vật nào mà con ưa thích mà sách kịp được.” (Châm ngôn 3:13-15)

“Sự khôn ngoan đã xây dựng nhà mình, sự khôn ngoan tạc thành bầy trụ của người” (Châm ngôn 9:1-2)

Những câu này, sự thật phần còn lại của chương, cho thấy sự khôn ngoan được nhân cách hóa như là người phụ nữ, nhưng vì điều này, không một ai có ý kiến sự khôn ngoan là một phụ nữ đẹp theo nghĩa đen lang thang

trên đất; tất cả nhận biết rằng một đặc tính hết sức cần thiết mà tất cả chúng ta nên cố gắng có được.

Sự giàu có được nhân cách hóa:

“không ai có thể hầu hai chủ: hoặc là ghét người này mà yêu người kia, hoặc trọng người này mà khinh bỏ người kia. Các ngươi không thể hầu Đấng Chúa Trời mà lại hầu Mamôn nữa” (Mathiơ 6:24)

Ở đây, sự giàu có ví như người chủ. Nhiều người cố sức làm giàu và như vậy sự giàu có trở thành chủ của họ. Chúa Jesus bảo chúng ta rằng chúng ta không thể làm như vậy và hầu Đấng Chúa Trời đồng thời như thế. Lời dạy rất đơn giản và hiệu quả, nhưng không một ai công nhận qua câu nói trên rằng sự giàu có chính là một người có tên Mamôn.

Tội lỗi được nhân cách hóa:

“... bất cứ ai phạm tội là kẻ hầu của tội lỗi” (Giăng 8:34). “Tội lỗi đã cai trị trên sự chết” (Rôma 5:21). “Anh em há chẳng biết rằng nếu anh em đã nộp mình làm tội tở để vâng phục kẻ nào, tức là làm tội tở cho kẻ mình vâng phục, hoặc làm tội của tội lỗi đến sự chết, hoặc làm tội tở của sự vâng phục để được nên công bình sao?” (Rôma 6:16)

Cũng giống như sự giàu có, tội lỗi được nhân cách hóa để cập đến người chủ và những ai phạm tội là tội tở của chúng. Không một bài đọc có lý nào minh chứng để công nhận Phao lô dạy dỗ rằng tội lỗi là người.

Thánh linh được nhân cách hóa:

“Khi thần của lễ thật đến, Ngài hướng dẫn các người vào lễ thật: vì Ngài không nói về chính mình...” (Giăng 16:13)

Chúa Jesus dạy các môn đồ rằng họ sẽ nhận quyền năng của thánh linh, điều này được ứng nghiệm vào ngày lễ ngũ tuần, như đã được ghi nhận trong công vụ 2:3-4, “các môn đồ thấy lưỡi rời rạc từng cái một như lưỡi bằng lửa hiện ra đậu trên mỗi người trong số họ. Và khi họ được ban thánh linh”, đã cho họ sức mạnh to lớn để làm phép lạ và chứng tỏ rằng quyền năng họ làm đến từ Đấng Chúa Trời. Thánh linh không phải là người, đó là quyền năng, nhưng khi Chúa Jesus đang nói về thánh linh Ngài dùng đại từ nhân xưng “Ngài”.

Sự chết được nhân cách hóa:

“Thấy một con ngựa vàng hiện ra, Người cỡi trên ngựa ấy tên là Sự chết” (Khải huyền 6:8)

Nước Isơraen được nhân cách hóa:

“Ta sẽ dựng lại người, thì người sẽ được dựng, hỡi gái đồng trinh Isơraen! Người sẽ lại cầm trống cơm làm trang sức...” (Jerêmi 31:4). “Ta nghe Ep-ra-im vì mình than thở rằng: Ngài đã sửa phạt tôi, tôi bị sửa phạt như con bò tơ chưa quen ách. Xin Chúa cho tôi trở lại, thì tôi sẽ được trở lại vì Chúa là Đấng Chúa Trời tôi” (Jerêmi 31:18)

Đoạn kinh này cho thấy rõ rằng đấng tiên tri không nói đến nửa đồng trinh theo nghĩa bình thường hay nói Ep-ra-im là người, mà là nói đến dân tộc Isơraen, và đã được nhân cách hóa, cũng như thế nước Anh đôi khi được nhân cách hóa là “Britannia” hay “John Bull”. Không có người nam hay phụ nữ nào nhưng khi họ được nói đến trong sách hay được minh họa trong tranh, thì mọi người biết điều đó ý muốn nói đến nước Anh.

Các tín đồ trong Đấng Christ được nhân cách hóa:

“Cho đến lúc tất cả chúng ta đều hiệp một trong đức tin và trong sự hiểu biết Con Đấng Chúa Trời, mà nên bậc thành nhơn, được tẩm thuốc vốc trọn vẹn của Đấng Christ” (Ephêsô 4:13). “Chỉ có một thân thể” (Ephêsô 4:4). “Anh em là thân của Đấng Christ, và là chi thể của thân” (1 Côrintô 12:27). “... “Đấng Christ là đầu hội thánh: và Ngài là cứu Chúa của hội thánh” (Ephêsô 5:23). “Ngài là cũng chính là đầu của thân thể, tức là đầu hội thánh... tôi (Phaolô) lấy làm vui về sự tôi đã chịu khổ sở vì anh em, tôi lại vì thân thể Đấng Christ, là hội thánh, mà đem xác thịt mình chịu hết các điều còn lại trong sự thương khó của Ngài” (Colôse 1:18,24). “Tôi đã gả anh em cho một chồng mà thôi, dâng anh em như người trinh nữ tinh sạch cho Đấng Christ” (2 Corintô 11:2). “...lễ cưới chiên con tôi, và vợ Ngài đã sửa soạn” (Khải huyền 19:7).

Những đoạn trên nói đến cộng đồng người là người tín đồ chân thật trong Chúa Jesus, đôi khi nói đến “hội thánh”, dù điều này không nên nhầm lẫn với hội thánh chính thống hiện tại, mà không còn được xem là tín đồ chân chính trong Đấng Christ.

Người tín đồ chân chính phải là người biết và tin lời dạy thực trong kinh thánh, là người được coi là trinh nữ trong sạch, cho thấy tính trong sạch trong cuộc sống mà họ cần làm, một thân thể, một thực thể đúng đắn vì thân thể tự nhiên có nhiều chức năng, hội thánh cũng vậy, có nhiều trách nhiệm và thực hiện nhiều chức năng khác nhau. Khi hội thánh được nói đến như là “thân thể”, thì không ai có thể lẫn lộn thân thể chỉ là một cá nhân, họ cũng không thể lẫn lộn ma quỷ hay satan là một quái vật nào hay thiên sứ sa ngã mà nhiều sách dịch như thế.

Bài đọc thêm 6: Thuyết Calvin (Lời dạy của nhà cải cách tin lành giáo phái John Calvin và các môn đệ của Ông ta)

Cách đây vài trăm năm, Calvin giảng dạy rằng có sự định trước trong cuộc đời chúng ta để mà quyết định theo ý chí của chúng ta không ảnh hưởng đến sự cứu rỗi của chúng ta; chúng hoặc được định trước nhận được sự cứu rỗi hoặc không được nhận. Khái niệm này đã thay đổi theo nhiều ý kiến hiện đại:

- Không phải bỏ công sức tìm hiểu kinh thánh hay tôn giáo vì nếu chúng ta được cứu thì chắc chắn sẽ được.
- Rằng có ma quỷ làm chúng ta phạm tội và gây ra khó khăn cuộc đời chúng ta, không hề liên quan đến ý muốn chúng ta. Khái niệm sai lầm này đã được chứng minh trong bài học thêm 6.
- Rằng không cần cầu xin sự quan tâm của Đức Chúa Trời trong cuộc sống, ví dụ cầu sự bình an khi đi đường, vì mọi điều được định trước rồi. Người ta có câu nghe quá dư thừa tại phi trường, trong phòng đợi rằng “nếu đến lượt bạn, thì sẽ đến thôi”.
- Hội thánh truyền giáo giảng rằng không thể tin hay hiểu kinh thánh nếu không có thánh linh soi dẫn chúng ta.

Có rất nhiều lập luận theo kinh thánh hợp lý để phủ nhận những kiểu triết lý trên:

- Nó làm vô nghĩa toàn khái niệm vâng lời Đấng Chúa Trời. Chúng ta luôn được giảng rằng phải giữ điều răn của Đấng Chúa Trời, làm theo chúng ta có thể làm hài lòng Ngài hay không hài lòng. Khái niệm điều răn của Chúa bị vô nghĩa nếu Đấng Chúa Trời ép buộc chúng ta vâng phục. Đấng Christ ban sự cứu rỗi cho những ai vâng phục Ngài” (Hebơơ 5:9)
- Hebơơ 11 cho biết sự can thiệp của Đấng Chúa Trời trong cuộc đời chúng ta và sự ban cho sự cứu rỗi đều liên quan đến đức tin của chúng ta. Nhiều ví dụ trong kinh thánh khi cầu xin Đấng Chúa Trời giải cứu trong lúc hoạn nạn bị vô nghĩa nếu mọi chuyện đã được định trước. Cũng như vậy, ý tưởng cứu rỗi là kết quả đức tin chúng ta trong Đấng Christ cũng bị vô nghĩa.
- Baptem là điều kiện tiên quyết để được cứu rỗi (Mac 16:16; Giăng 3:3-5). Thuyết Calvin đã bác bỏ điều này. Tuy nhiên, sự cứu rỗi chỉ có được qua việc làm của Đấng Christ (2 Timôthê 1:10), chứ không thông khái niệm trừu tượng về sự định sẵn. Chúng ta phải luôn ý thức thông công với Ngài bằng việc làm baptem. Rôma 6:15-17 bảo chúng ta thay đổi chủ lúc baptem, từ lối sống tội lỗi thành lối sống vâng lời. “Anh em đem mình làm tôi mà vâng phục tội lỗi, tôi tớ của tội lỗi là sự vâng phục của anh em”. Ngôn từ này cho biết ý chí tự nguyện hoàn toàn trái ngược với thuyết định sẵn vô điều kiện. Sự ban cho qua việc vâng phục giáo lý kinh thánh (Rôma 6:17).
- Rằng không có chỗ nào Đức Chúa Trời nói trước nếu chúng ta hoàn toàn đã được định trước. Không có chỗ nào cho việc truyền giảng; song kinh thánh vừa là mệnh lệnh vừa là bằng thí vụ cụ thể, cho thấy nhờ có truyền giảng lời Chúa nên đàn ông đàn bà nhận biết được sự cứu rỗi. “Chữ ... cứu rỗi” (Côngvụ 13:26) phải đến người nam trước.
- Chúng ta sẽ chịu sự xét đoán tùy theo công việc mình làm (Khải huyền 22:12). Vậy tại sao, hành động tự do của chúng ta không chút gì dính líu đến sự cứu rỗi? Phaolô nói rằng người Do Thái xét thấy mình không xứng đáng hưởng sự sống đời đời đã chối bỏ lời Chúa (Công vụ 13:46). Họ tự xét lấy lòng mình- Đức Chúa Trời không ngăn cản họ. Nếu chúng ta nói rằng Đức Chúa Trời định trước người

này nhận sự cứu rỗi và người kia thì chịu sự đoán phạt, thì Đức Chúa Trời hoàn toàn ép anh em trở thành người có tội, cũng như vậy Ngài có thể bắt ép chúng ta trở thành người công bình. Vì tội lỗi của Adam, “sự chết đã đến con người, từ đó tất cả đều có tội” (Rôma 5:12). Đây là lý do tại sao con người phải chết, là hình phạt vì tội lỗi (Rôma 6:23), tức không phải vì Đức Chúa Trời bắt ép họ trở thành người có tội trước khi Adam phạm tội.

- 1 Côrintô 10 và nhiều đoạn kinh khác trình bày nhiều thí vụ về anh em trong quá khứ có mối liên hệ với Đức Chúa Trời, nhưng rồi bỏ dỡ, là một sự cảnh báo cho các tín đồ. Vấn đề là anh em rất dễ “xa cách sự ân điển” (Galati 5:4) nghĩa là không thể hệ thống cứu rỗi “đã được cứu thì luôn được cứu” mà thuyết Calvin đòi hỏi. Cách duy nhất là luôn hiểu kinh thánh cách chân thực thì chúng ta sẽ được cứu rỗi (1Timôthe 4:16).
- Chúa Jesus giảng sự thông hiểu lời Đức Chúa Trời tùy vào mức độ nỗ lực của ý chí chúng ta. “Ai đọc, hãy để người ấy hiểu” (Mathiô 24:15). Do vậy, chúng ta tự giác hiểu lời Đức Chúa Trời- chúng ta không cần chịu sự ép buộc nào. Có sự giống nhau giữa điều này và lời mà Chúa Jesus thường dùng: “Ai có tai nghe... để họ nghe”, hay hiểu. Có tai để nghe đồng nghĩa với việc đọc lời Chúa. Vì thần của Đức Chúa Trời được bày tỏ qua lời của Ngài thật to lớn đến nỗi Chúa Jesus nói rằng những lời Ngài phán “đều là thần linh” (Giăng 6:23), không thể cho rằng thần linh của Đức Chúa Trời hoạt động trên con người, không liên hệ với lời Ngài, để thúc ép con người vâng lời.
- “Bất cứ Ai muốn đều có thể nhận lấy nước của sự sống cách tự do” (khải huyền 22:17), bằng việc đáp lời của sự sống chép trong kinh thánh. Ở đây hoàn toàn tự nguyện hơn là định sẵn không liên hệ sự ao ước cá nhân của chúng ta đối với sự cứu rỗi. Cũng như vậy Công vụ 2:21: “Ai gọi/ ứng danh ta sẽ được cứu” bằng việc nhận phép báptem trong danh ấy.

Bài đọc thêm 7: “Anh em sẽ nhận sự ban cho của thánh linh” (Công vụ 2:38)

Phêrô nói trước đám đông vào ngày lễ ngũ tuần, kêu gọi dân sự ăn năn, chịu phép rửa tội và nhận sự ban cho của thánh linh. Sự liên hệ này với sự ban cho thần của Đức Chúa Trời nằm trong bối cảnh các sứ đồ dùng sự ban cho để nói ngoại ngữ trước dân chúng, làm như vậy họ làm ứng nghiệm lời tiên tri của Giêrêm về sự ban cho phép lạ (Công vụ 2:16-20). Thật hợp lý khi cho rằng Phêrô hứa sự ban cho phép lạ trước dân Do thái đang lắng nghe ông. Đám đông là người Do thái, không phải là người ngoài gốc Do thái (Công vụ 2:5). Lời tiên tri của Giêrêm về sự ban cho chủ yếu nói đến người Do thái. Do vậy, Phêrô chỉ cho họ: “lời hứa dành cho anh em, và con cháu anh em” (Công vụ 2:39), có lẽ theo lời tiên tri của Giêrêm thánh linh ban cho người Do thái và con cháu họ (Công vụ 2:17 so sánh Giêrêm 2:28-32). Có thể có một gợi ý ở đây lời hứa sự ban cho phép lạ chỉ có trong hai thế hệ—những người nghe Phêrô và con cái của họ mà thôi.

Chúng ta đã chỉ ra rằng vào cuối thế kỷ đầu tiên (khoảng 70 năm sau kể từ ngày thuyết giảng của Phêrô, sự ban cho của thánh linh không còn nữa. Điều này đã được ghi nhận bởi lịch sử. Trong suốt hai thế hệ đó, sự ban cho của thánh linh cũng đến người không gốc Do thái: “và thuộc về hết thảy mọi người ở xa, tức là bao nhiêu người mà Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta sẽ gọi” (Công vụ 2:39). Lưu ý cách người không gốc Do thái được mô tả là “người ở xa” trong Êphêso 2:14-17.

Tuy nhiên, có lý do hợp lý để tin những điều xảy ra trong Công vụ 2 chỉ là một phần của sự ứng nghiệm những lời tiên tri Giêrêm 2 nói. Sự ứng nghiệm chính sẽ đến khi Isơrelen bị tấn công và quân tấn công hủy diệt (Giêrêm 2:20), và khi Isơrelen ăn năn và trong sự thông công vui sướng cùng Đức Chúa Trời (Giêrêm 2:27). “và điều này sẽ qua đi, rằng ta sẽ đổ ra thánh linh của ta...” (Giêrêm 2:28). Không phải tới lúc những điều kiện định sẵn được nhìn thấy giúp chúng ta tìm kiếm sự ứng nghiệm khác về việc làm của Giêrêm, một phần trong những lời đó, lời ứng nghiệm đã được nhìn thấy vào ngày lễ ngũ tuần như mô tả trong công vụ 2.

Lời hứa ban cho thánh linh sau khi nhận phép báptem cần để chúng ta tham khảo ngày nay. Chỉ có một thánh linh, nhưng được bày tỏ bằng nhiều cách khác nhau (1 Corintô 12:4-7; Ephêsô 4:4). Trong thế kỷ đầu tiên, sự ban cho thánh linh bày tỏ qua ban cho làm phép lạ; ngày nay sự ban cho đã không còn nữa, hoàn toàn hợp lý khi thấy sự ứng nghiệm lời hứa ban cho thánh linh theo cách khác. Sự ban cho của thánh linh có thể nói đến sự ban cho là thánh linh hay sự ban cho mà thánh linh nói đến-ví dụ ban cho sự tha thứ và sự cứu rỗi mà Đức Chúa Trời đã hứa qua lời của Ngài. “sự hiểu biết của Đức Chúa Trời” (Colôse 1:10) có nghĩa là sự hiểu biết mà Đức Chúa Trời có được. “Tình yêu của Đức Chúa Trời” và “tình yêu của Đấng Christ” (1 Giăng 4:9; 3:17; 2 Corintô 5:14) có nghĩa là tình yêu mà Đức Chúa Trời và Chúa Jesus dành cho chúng ta hoặc tình yêu mà chúng ta dành cho Chúa. “Lời của Đức Chúa Trời” nghĩa là lời về Đức Chúa Trời hay lời đến từ Đức Chúa Trời. “sự ban cho “của” thánh linh do vậy cũng nói đến sự ban cho mà thánh linh làm xảy ra và nói đến cũng như sự ban cho bao gồm quyền năng của thánh linh.

Sự ban cho của thánh linh: Sự tha thứ ?:

Rôma 5:16 và 6:23 mô tả sự cứu rỗi như “sự ban cho” so sánh với “sự ban cho” of thánh linh trong Công vụ 2:38. Thật sự Công vụ 2:39 dẫn chứng sách Giôn 2:32 để nói về sự cứu rỗi ví như sự ban cho của thánh linh vậy. Đối chiếu của Phiơơ về sự ban cho được hứa cho những người “ở xa” trích trong Esai 57:19: “Bình an (với Đức Chúa Trời qua sự cứu rỗi) ở cùng người ở xa”. Ephêsô 2:8 cũng mô tả sự ban cho của thánh linh như sự cứu rỗi, nói rằng “bởi một thánh linh, chúng ta đến gần Đức Chúa Trời” (Ephêsô 2:18). Ephêsô trích Esai 57:19: “anh em trước đây xa cách nay được gần bởi huyết của Đấng Christ. Vì Chúa là sự bình an của chúng ta... đã đến và giảng sự bình an cho anh em ngày trước còn xa cách”. Esai 30:1 kết tội dân Do thái tìm sự tha thứ theo ý mình hơn là theo sự ban cho của Đức Chúa Trời: họ bao phủ bằng sự chuột tội chứ không bởi thánh linh của ta, họ càng tăng thêm tội lỗi hơn là giảm bớt”. Esai 44:3 mô tả sự tha thứ ngày sau của dân Isơơen: “Ta sẽ đổ nước lụt trên đất khô (đất cằn cỗi theo nghĩa thánh linh- Esai 53:2): Ta sẽ đổ

thánh linh của ta trên dòng dõi ta, và phước của ta sẽ trên con cháu người”. Phước cho dòng dõi của Apraham là sự tha thứ qua Đấng Christ (Công vụ 3:25,26)- ở đây cũng giống như Ngài đổ thánh linh trên dân Do thái. Đây rõ ràng là ngôn từ của Giôn 2 và công vụ 2. Galati 3:14 tập hợp tất cả điều này: “phước của Apraham (sự tha thứ) có thể đến người dân ngoài gốc Do thái qua Đấng Christ; rằng chúng ta có thể nhận lời hứa của thánh linh”. Như vậy, 1 Côrintô 6:11 nói thánh linh của Đức Chúa Trời rửa sạch tội lỗi của chúng ta. Ở đây có sự tương đương trong sách Rôma giữa chúng ta nhận “ân điển... sự chuộc tội... thánh linh” (Rôma 1:5; 5:11, 8:15), cho thấy mối liên hệ giữa sự ban cho (“ân điển”) of thánh linh và sự tha thứ đem đến sự chuộc tội. Thật khó để nói Tân ước dựa trên ngôn từ và khái niệm của Cựu ước là bao, đặc biệt theo quan điểm đọc giả và ảnh hưởng do thái giáo mà các lá thư có được. Nhiều lần trong Giosê, Đức Chúa Trời hứa ban đất hứa cho dân Ngài – “miền đất mà Đức Chúa Trời người ban cho người có nó”, là một cụm từ thông thường. Phần đối lập của miền đất trong lời giao ước mới là sự cứu rỗi; đó là tại sao sự ban cho của thánh linh gắn cùng với sự tha thứ tội lỗi.

Galati 3:2,5 so sánh 3:8-11, so sánh việc nhận thánh linh với việc nhận sự ban phước của sự cứu rỗi và tha thứ từ Apraham. “Lời hứa của thánh linh” (Galati 3:14) được nói trong hoàn cảnh về lời hứa cho Apraham. Phao lô lập luận của mình trong bài giảng của Phiorơ.

Phiorơ Công vụ 2	Phaolô Galati 3
Hãy chịu phép báptem trong danh của Đấng Christ	Chịu phép báptem trong Đấng Christ
Trong số anh em... càng nhiều	Trong số các anh em
Cho các anh em... và cả anh em ở xa	Không phải là người Giada hay người không gốc Do thái
Cả những ai tin [và chịu báptem] đều như nhau và điều giống nhau... đồng	Anh em đều là một [chịu báptem trong] Chúa Jesus.

lòng... một lòng	
Khi họ nghe giảng [liền chịu phép baptem và nhận lời hứa ban cho thánh linh]	Anh em nhận [lời hứa]thánh linh bởi đức tin
Lời hứa ban thánh linh... lời hứa để cho anh em	Vậy thì anh em...người kế tự theo lời hứa [dành cho Apraham]

Do vậy, ban cho thánh linh đã hứa nên hiểu cũng giống như là lời hứa dành cho Apraham, ban sự tha thứ trong sự công bình, và ban sự cứu rỗi trong nước của dòng dõi Ngài, Chúa Jesus. Phiosơ trong công vụ 3:19 kêu gọi dân sự “hãy ăn năng... hãy cải đạo, để tội lỗi được tha thứ”; trong công vụ 2:38 ông giảng: “Hãy ăn năng... hãy chịu baptem [so sánh “cải đạo”]... nhận sự ban cho thánh linh”. Sự ban cho này hẳn là tội lỗi được tha thứ.

Phiosơ khuyên bảo dân Giuda hãy ăn năng trước khi họ có thể nhận sự ban cho, và bằng sự cầu nguyện riêng tư nữa. Có thể hiểu rằng sự ban cho thánh linh là một cách mô tả lời cầu nguyện được đáp. Sự ban điều tốt đẹp cho lời cầu nguyện của họ cũng tương tự như sự ban cho thánh linh (Mathiơ 7:11 so sánh Luca 11:13). Philip 1:19 so sánh “sự cầu nguyện của anh em, và ban thánh linh từ Đấng Christ”. Tương tự, 1 Giăng 3:24 nói rằng chúng ta được ban cho thánh linh là kết quả của sự vâng theo lời dạy của Chúa; câu 22 viết rằng sự làm theo điều dạy của Chúa thì lời cầu nguyện của ta sẽ được đáp. Vì vậy, sự tự tin của anh em có được là vì lời cầu nguyện của chúng ta được Chúa biết (1Giăng 5:14) và cũng do nhận thánh linh (1 Giăng 3:21,24; 4:13), hãy thấy rằng những điều này đều giống nhau.

“qua ân điển /sự ban cho của Chúa Jesus chúng ta sẽ được cứu” (Công vụ 15:11). Song, sự ân điển thường gắn liền lời cầu nguyện được đáp. (ví dụ Xuất hành 33:12; 34:9; Dân số 32:5; Thithiên 84:11; 2Côrintô 12:9; Hebơơ 4:16; Gia cơ 4:6 so sánh câu 3). Xachari 12:10 tiên tri về ngày cuối tuôn trào sự ban cho ẩn điển và đồ cần dùng” xuống dân Giuda. Điều này tóm lại những gì chúng ta gợi ý – lời cầu nguyện (“đồ cần

dùng”) đem sự ban cho thánh linh trong ý nghĩa tha thứ, rằng sự ban cho thánh linh cho lời cầu nguyện được đáp dành riêng cho sự ăn năn của dân Giuda trong thế kỷ đầu và ngày sau rốt. Trong cùng hoàn cảnh như thế, Phaolô nói “sự ban cho thánh linh và lời gọi của Đức Chúa Trời hãy ăn năn và sự tha thứ (Rôma 11:29)

Đấng Yên Ủi:

Cũng quan điểm này viết về lời hứa của Đấng yên ủi trong Giăng 14 và 16. Chủ yếu, ý này nói đến quyền năng lạ lùng được ban cho các sứ đồ, họ là những người đầu tiên nhận lời hứa; quan điểm này cũng áp dụng cho chúng ta theo ý nghĩa bình thường. Sự ban cho là làm cho anh em nhớ lại mọi điều ta đã phán cùng các người” (Giăng 14:26) nhằm giúp cho việc ghi chép kinh thánh được tốt đẹp. Chính chữ “làm nhớ lại” giới hạn phép lạ của lời hứa đấng yên ủi dành cho các sứ đồ, là những người cùng truyền giảng với Chúa Jesus. Họ chỉ có thể nhớ lại lời giảng của Chúa Jesus chính nhờ đấng an ủi. Ngôn từ lời hứa của “đấng yên ủi” cũng có thể áp dụng cho quyền năng giúp kinh thánh được trọn vẹn. Như vậy, chúng ta kết luận rằng lời hứa này hay khác của thánh linh đã được ứng nghiệm bằng các phép lạ trong thế kỷ đầu, nhưng ngày nay áp dụng cho chúng ta trong sự bày tỏ thánh linh là những lời trong kinh thánh.

Tất nhiên, thần của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ bằng chữ, nhưng đây chỉ là một phần mặt khải so với sự hoàn hảo mà bây giờ chúng ta có trong kinh thánh (1 Corintô 13:9-13). Từ thời điểm đó không còn sự mặt khải nào được viết lại kể từ ngày sự ban cho thánh linh được cất đi khi Phần Kinh Tân ước hoàn thành. Lời hô hào của giáo lý phái truyền giáo và những ấn phẩm khác, muốn nói rằng kinh thánh chưa được mặt khải trọn vẹn – thánh linh không còn ban cho nữa ngày nay chứng minh như vậy. Nếu chúng ta phải sử dụng đầy đủ sự mặt khải của Đức Chúa Trời trong kinh thánh, chúng ta phải dùng mỗi khía cạnh, vừa trong Cựu ước và Tân ước, thì lúc đó con cái của Đức Chúa Trời mới càng trở nên trọn vẹn cách đầy đủ của Đức Chúa Trời như bày tỏ trong kinh thánh.

Bài đọc thêm 8: “Những người tin sẽ được các dấu lạ này” (Mac 16:17)

Đã có nhiều tranh luận về vấn đề này rằng bất cứ ai thực sự tin sẽ nhận ban cho làm phép lạ. Tuy nhiên, điều này chứng minh quá nhiều – “họ sẽ bắt rắn trong tay; và nếu họ uống cái gì độc hại, cũng không hại gì, hễ đặt tay lên người đau, thì người đau sẽ lành” (Mac 16:18). Đây không phải là lời hứa những điều theo lý thuyết có thể xảy ra nếu tín đồ có đức tin đầy đủ; đây là những lời hứa chắc chắn về những gì sẽ do các tín đồ làm được. Nếu phép lạ không được thực hiện phổ biến, thì lời hứa của câu này không thể áp dụng cho chúng ta ngày nay. Anh em có thể nhớ lại cách Phaolô bắt con rắn độc mà không bị cắn (Công vụ 28:3-7), càng nhấn mạnh/ khẳng định cho lời giảng của ông luôn được Đức Chúa Trời giúp đỡ.

Trong số những người Cơ đốc thích làm nổi người tự xưng mình nhận được sự ban cho phép lạ trong suốt 100 năm qua, không có một bằng chứng thực sự nào đối với quyền năng đó được thực hiện. Nếu mỗi tín đồ không thể hoặc không làm dấu lạ phổ biến, thì lời hứa này không thể áp dụng cho chúng ta ngày nay. Điều này giúp chúng ta đưa ra kết luận mà chúng ta đã làm từ bài học về thánh linh: những tín đồ thế kỷ đầu được ban cho phép lạ, nhưng phép lạ không còn tồn tại ngay khi kinh Tân ước được viết trọn vẹn.

Câu cuối sách Mac 16 gợi ý rằng phép lạ được ban cho những ai tin đã nhằm phục vụ cho mục đích cụ thể để nhấn mạnh cho lời của kinh thánh: “những người tin sẽ được các dấu lạ này... họ ra đi, và truyền giảng tin lành cho mọi người, Chúa Jesus bước cùng họ, và nhấn mạnh lời giảng bằng những dấu lạ kèm theo” (Mac 16:17,20). Một khi lời phán được chép thành kinh cách trọn vẹn, như chúng ta có được trong kinh Tân ước ngày nay, không còn phải có dấu lạ dành cho con cái Chúa nữa.

Lưu ý:

Để làm rõ lời hô thán nhận được sự ban cho thánh linh, năm 1989 hai cuộc hội đàm công khai được tổ chức giữa mục sư cơ đốc truyền giáo,

John LiLiekas, và hai người Christadelphians John Allfree và người viết sách này. Đề tài thảo luận là: Phải chăng ban cho phép lạ của thánh linh được nhận ngày nay không? Lời mời được gửi đến nhiều hội thánh khắp nước Anh., số người tham dự ước tính trên 1.000 người. Thật hợp lý khi cho rằng bằng chứng tốt nhất cho sự ban cho đã được đem ra thảo luận. Bản lược ghi cuộc thảo luận hiện có tại: 49 The Woodfields, South Croydon, Surrey CR2 OHJ England.

Bài 2: Câu hỏi

1. Trong các từ dưới đây những từ nào có nghĩa Thần?
 - a) Quyền phép
 - b) Thánh
 - c) Thở
 - d) Bụi.
2. Đức Thánh Linh là gì?
 - a) Con người
 - b) Quyền phép
 - c) Quyền phép của Đức Chúa Trời
 - d) Bộ phận của Ba ngôi một thể.
3. Kinh thánh đã được viết như thế nào?
 - a) Người ta đã ghi chép những ý riêng của mình
 - b) Người ta đã ghi chép những gì họ tưởng Đức Chúa Trời muốn nói
 - c) Bằng cách soi sáng con người, nhờ Thần Đức Chúa Trời
 - d) Một số đoạn đã được soi dẫn, một số thì không.
4. Trong những câu dưới đây câu nào là lý do tại sao những sự ban kỳ diệu của Đức Thánh Linh đã được cho?
 - a) ủng hộ sự giảng Tin lành bằng miệng
 - b) Phát triển hội giáo lúc đầu
 - c) Buộc con người phải công bình
 - d) Cứu các sứ đồ khỏi khó khăn cá nhân.
5. Chúng ta có thể hiểu biết lẽ thật của Đức Chúa Trời như thế nào?
 - a) Một phần nhờ Kinh thánh, một phần nhờ suy nghĩ của bản thân mình
 - b) Nhờ Đức Thánh Linh nói thẳng những điều cho chúng ta
 - c) Chỉ nhờ có Kinh thánh
 - d) Nhờ những người làm chức tế lễ\thầy tế.
6. Hãy nêu một số tên gọi về sự ban cho của Thánh linh có trong thế kỷ thứ nhất?
7. Khi nào sự ban cho tiếng lạ được lấy đi? Hôm nay chúng ta có thể có được không?
8. Làm thế nào Thánh linh hoạt động trong cuộc sống chúng ta ngày nay?

BÀI 3

**LỜI HỨA CỦA ĐỨC
CHÚA TRỜI**

3.1 Lời hứa của Đức Chúa Trời: Lời mở đầu

Đến lúc này trong bài nghiên cứu, chúng ta đã hiểu sâu Đức Chúa Trời là ai và Ngài hành động như thế nào. Đồng thời chúng ta đã bộc lộ nhiều sự hiểu ý sai lầm phổ biến về những điều này. Bây giờ chúng tôi muốn xem kỹ hơn những điều mà Đức Chúa Trời “đã hứa cho kẻ kính mến Ngài” (Giacơ 1:12; 2:5) và giữ điều răn của Ngài (Giăng 14:15). Nếu chúng ta mở kinh Tân ước, sách đầu tiên chúng ta đọc là bản ghi chép lời kinh tưởng là do Mathiơ giảng. Từ đầu Ông giới thiệu trong câu đầu rằng Chúa Jesus là dòng dõi vua David, dòng dõi Apraham, và ghi lại gia phả để chứng tỏ lời này (sách Luca cũng ghi như vậy). Điều này có vẻ quen thuộc khi bắt đầu đọc. Vấn đề ở đây là những tín đồ ban đầu nhận biết rằng sự ứng nghiệm lời hứa cho Apraham và David qua Chúa Jesus Christ là nền tảng của thông điệp cơ đốc. Phaolô đã giảng như vậy (Galati 3:8).

Những lời hứa của Đức Chúa Trời trong Kinh Cựu ước là những cái mà chính là sự trông cậy của tín đồ Cơ đốc chân chính. Trong lúc đứng trước tòa xét xử người sống hay chết, Phao-lô đã nói về phần thưởng tương lai, và người đã sẵn sàng mất hết chỉ vì trông chờ phần thưởng này: “Hiện nay tôi bị đoán xét, vì trông cậy lời Đức Chúa Trời đã hứa cùng tổ phụ chúng tôi... vì sự trông cậy đó mà tôi bị ... kiện cáo/kết tội” (Côngvụ 26:6,7). Người đã dành phần lớn của đời mình để giảng “tin lành nầy về lời hứa ban cho tổ phụ chúng ta, rằng Đức Chúa Trời bởi khiến Đức Chúa Jêsus sống lại thì đã làm ứng nghiệm lời hứa đó” (Côngvụ 13:32,33). Phao-lô đã giải thích rằng lòng tin vào lời hứa này đã đem lại hy vọng sống lại sau khi chết (Côngvụ 26:6-8 so sánh 23:8), sự hiểu biết về sự đến của Đức Chúa Jêsus để phán xét và về Nước Đức Chúa Trời ngày sau (Côngvụ 24:25; 28:20,31). Phải hiểu rằng trông cậy của người cơ đốc chân chính là “trông cậy của Israen”. Đức Chúa Trời ban Con Ngài để cứu dân Do thái là việc làm đầu tiên (Galati 4:4,5); tin lành ví như là vật thực cho dân Israen (Mac 7:27), và chỉ vì họ không đón nhận

nên ấn điển của Đức Chúa Trời đã dành cho các dân tộc khác dự phần trong lời hứa cứu rỗi.

Tất cả những điều này làm chìm chuyện thần thoại rằng Kinh Cựu ước chỉ là một chuyện thiếu mạch lạc về lịch sử của dân Y-sơ-ra-ên và không nói về sự sống đời đời., Để hiểu lời hứa về sự cứu rỗi đã được giải thích thì cần phải hiểu sách phúc Âm của người Cơ đốc. Đức Chúa Trời không phải đột ngột quyết định 2000 cách đây 2000 cho chúng ta một sự sống vĩnh viễn nhờ Đức Chúa Jêsus. Mục đích này đã là với Ngài từ lúc đầu:-

“Trông cậy sự sống đời đời, - là sự sống mà Đức Chúa Trời không thể nói dối đã hứa từ muôn đời về trước, tới kỳ chỉ định, Ngài đã bày tỏ lời của Ngài (về điều này) ra bởi sự giảng dạy” (Tit 1:2,3).

“Sự sống đời đời vốn ở cùng Đức Chúa Cha và đã bày tỏ ra cho chúng tôi rồi” (1 Giăng 1:2).

Hiểu rằng mục tiêu của Đức Chúa Trời ban cho sự sống đời đời cho dân mình đã có với Ngài từ lúc ban đầu, chắc Ngài không im lặng về ý này trong suốt 4000 năm quan hệ với loài người mà được ghi chép trong Kinh Cựu ước. Thật, Kinh Cựu Ước chứa chan lời tiên tri và lời hứa nói càng tỉ mỉ về sự trông cậy mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho dân mình. Chính vì thế, chúng ta rất cần hiểu sâu những lời hứa của Đức Chúa Trời cho tổ phụ Giu-đa để chúng ta nhận sự cứu rỗi: cần đến mức mà Phao-lô đã nhắc cho những tín đồ trong Ê-phê-sô rằng lúc họ chưa biết điều này họ đã “không có Đấng Christ, bị ngoại quyền công dân trong Y-sơ-ra-ên, chẳng dự vào giao ước của lời hứa, ở thế gian không có sự trông cậy và không có Đức Chúa Trời” (Ephêsô 2:12)- mặc dù tất nhiên họ đã nghĩ rằng những tin tưởng đa thần của họ thời trước đã đem lại sự trông cậy và sự hiểu biết nhất định về Đức Chúa Trời. Tính chất nghiêm trọng của tình trạng không biết lời hứa của Đức Chúa Trời ghi trong Kinh Cựu ước chính ở chỗ là sống “ở thế gian không có sự trông cậy và không có Đức Chúa Trời”. Hãy nhớ rằng Phao-lô đã định nghĩa rằng sự trông cậy trong đạo Cơ đốc là “trông cậy lời Đức Chúa Trời đã hứa cùng tổ phụ chúng ta (Giu-đa)” (Côngvụ 26:6).

Điều thật buồn là có ít giáo phái mà nhấn mạnh những đoạn này trong Kinh Cựu ước, tuy nên làm như thế. Tín đồ Cơ đốc đã thoái hoá thành một tôn giáo dựa vào Kinh Tân ước - hơn nữa, càng thấy thêm khuynh hướng chỉ trích dẫn một số tiết từ Kinh này là thôi. Đức Chúa Jêsus đã nhấn mạnh rõ rệt:

“Nếu không nghe Môi-se và các đấng tiên tri, thì đâu có ai từ kẻ chết sống lại, chúng nó cũng chẳng tin vậy” (Luca 16:31).

Đầu óc bình thường có thể tưởng rằng tin vào sự sống lại của Chúa Jêsus là đủ rồi (so sánh Luca 16:30), nhưng Đức Chúa Jêsus đã nói rằng nếu không hiểu Kinh Cựu ước thật sâu sắc thì không đủ để làm việc này.

Thấy rằng tinh thần của các sứ đồ sau khi Đấng Christ bị đóng đinh vào giá chữ thập đã sa sút, Đấng Christ đã truy nguyên họ không chú ý kỹ lưỡng đến Kinh Cựu ước:-

“Đức Chúa Jêsus bèn phán rằng: Hỡi những kẻ đại dột, có lòng chậm tin (một cách đúng mức) lời các đấng tiên tri nói! Há chẳng phải Đấng Christ chịu thương khó thể ấy, mới được vào sự vinh hiển mình sao? Rồi, Ngài bắt đầu từ Môi-se rồi kể đến mọi đấng tiên tri mà cắt nghĩa cho hai người đó những lời chỉ về Ngài trong cả Kinh thánh (Luca 24:25-27)”.

Xin chú ý rằng Đấng nhấn mạnh rằng toàn bộ Kinh Cựu ước đã nói về Ngài. Vấn đề ở chỗ không phải các sứ đồ chưa bao giờ đọc hay nghe những lời của Kinh Cựu ước, nhưng mà họ đã chưa hiểu lời ấy một cách đúng mức, và cho nên họ không thể tin lời một cách chân thật. Vậy, sự hiểu đúng đắn lời Chúa Trời, không phải chỉ sự đọc lời này thôi, rất cần thiết để phát triển niềm tin chân chính. Những người Giu-đa đã cuồng tín đọc Kinh Cựu ước (Côngvụ 15:21), nhưng vì họ đã chưa hiểu liên hệ giữa Kinh và công việc của Chúa Jêsus và Tin lành, họ đã chưa thật tin Tin lành, và Đức Chúa Jêsus đã nói cho họ:-

“Nếu các người tin Môi-se, cũng sẽ tin Ta; bởi ấy là về Ta mà người đã chép. Nhưng nếu các người chẳng tin những lời người chép, các người há lại tin lời Ta sao? (Giăng 5:46,47)”.

Mặc dù họ đã đọc Kinh thánh nhiều, họ vẫn chưa thấy lời tiên báo thực sự về Đức Chúa Jêsus, tuy họ đã muốn nghĩ rằng họ chắc chắn sẽ được cứu rỗi. Đức Chúa Jêsus đã phải nói cho họ:-

“Các người dò xem Kinh thánh (tức là một cách đúng mức so sánh Công vụ 17:11), vì tưởng (tin chắc) bởi đó được sự sống đời đời: ấy là Kinh thánh làm chứng về ta vậy” (Giăng 5:39).

Còn chuyện này cũng có thể xảy ra với nhiều người mà hiểu biết những nét đại cương của một số sự kiện và lời dạy trong Kinh Cựu ước: nhưng đây chỉ là sự hiểu biết mà họ nắm bắt tình cờ. Lời tiên báo kỳ diệu về Đấng Christ và Tin lành về Nước Đức Chúa Trời vẫn không đến với họ. Mục đích của những bài này chính là dẫn bạn ra khỏi hoàn cảnh này bằng cách thuyết minh ý nghĩa thực sự của những lời hứa chủ yếu của Kinh Cựu ước:-

- Trong vườn Ê-đen
- Cho Nô-ê
- Cho Áp-ra-ham
- Cho Đa-vít

Thông tin về những lời hứa này có thể tìm thấy trong năm quyển sách ban đầu của Kinh thánh (từ Sáng thế Ký đến Phục Truyền) do Môi-se ghi chép, và trong những lời tiên tri trong Kinh Cựu ước. Tất cả những nguyên lý cơ bản của Tin lành của đạo Cơ đốc có mặt ở đây. Phao-lô đã giải thích rằng lời giảng của người về Tin lành đã không nói “chỉ khác hơn là đều các đấng tiên tri và Môi-se đã nói sẽ đến, tức là Đấng Christ phải chịu thương khó, và bởi sự sống lại trước nhứt từ trong kẻ chết, phải rao truyền ánh sáng ra cho dân sự” (Côngvụ 26:22,23), và vào những ngày cuối cùng người vẫn nói như trước: “từ buổi sáng đến chiều, người (Phao-lô) cứ làm chứng và giảng giải với họ về nước Đức Chúa Trời, lấy luật pháp Môi-se và các đấng tiên tri mà nói cho họ” (Côngvụ 28:23).

Sự trông cậy của Phao-lô, một người lãnh đạo thuộc linh trong đạo Cơ đốc, phải làm động cơ thúc đẩy cả chúng ta; vì sự trông cậy này đã là

ánh sáng rực rỡ trong đoạn cuối đường hầm của cuộc đời người, nó cũng phải như thế cho mọi người tín đồ nghiêm túc. Được phấn khởi với động cơ thúc đẩy này, bây giờ chúng ta có thể “dò xem Kinh thánh”.

3.2 Lời hứa ở Ê-đen

Một chuyện cảm động về sự sa ngã của con người được kể trong Sáng thế Ký chương 3. Con rắn đã bị nguyên rủa vì nói sai lời Chúa Trời và cám dỗ Ê-va không theo lời này. Người nam và người nữ đã bị phạt vì không theo lệnh. Nhưng tia hy vọng giải toả hoàn cảnh đen tối này khi Đức Chúa Trời nói cho con rắn:-

“Ta sẽ làm cho mày cùng người nữ, dòng dõi mày cùng dòng dõi của người nữ nghịch thù (căm thù, đối lập) nhau. Người sẽ dày đạp đầu mày, còn mày sẽ cắn gót chân người” (Sáng thế 3:15).

Tiết này gồm ý rất tập trung; chúng ta cần phải định nghĩa rất kỹ nhiều từ được dùng ở đây. “Dòng dõi” có nghĩa người nối dõi hay con cháu, nhưng từ này cũng có thể liên quan đến những người liên quan với “dòng dõi” cá biệt. Sau này chúng ta sẽ thấy rằng “dòng dõi” của áp-ra-ham đã là Đức Chúa Jêsus (Galati 3:16), còn nếu chúng ta “trong” Đức Chúa Jêsus nhờ phép báp-têm, thì chúng ta cũng là dòng dõi (Galati 3:27-29). Từ “dòng dõi” này cũng liên quan đến khái niệm về tinh dịch (1 Phiơơ 1:23); vậy, dòng dõi thật sẽ có nét đặc trưng của bố mình.

Cho nên, dòng dõi của con rắn phải liên quan đến cái có những nét giống nhau của họ hàng con rắn:-

- bóp méo lời Chúa Trời
- nói dối
- hướng dẫn những người khác phải mắc tội.

Chúng ta sẽ thấy trong Bài 6 rằng điều nói trên không phải một người cụ thể nào đó làm, nhưng ở trong mọi người chúng ta có

- “người cũ của chúng ta” bởi xác thịt (Rôma 6:6)
- “người có tánh xác thịt” (1 Côrintô 2:14)
- “người cũ là người bị hư hỏng bởi tư dục dốt dành (Ephêsô 4:22)
- “người cũ cùng việc làm/hành động nó” (Côlôsc 3:9).

“Người” mắc tội này ở trong chúng ta là “ma quỷ” được miêu tả trong Kinh thánh, là dòng dõi của con rắn.

Dòng dõi của người nữ đã là cá nhân đặc biệt - “còn mây (dòng dõi của con rắn) sẽ cắn gót chân người” (Sángthế 3:15). Người này đã phải liên tục tiêu diệt dòng dõi của con rắn, tức là tội - “người sẽ dày đạp đầu mây”. Đòn đánh trúng đầu con rắn là đòn chí tử - vì bộ não của nó ở trong đầu nó. Chỉ có một người duy nhất có khả năng tốt nhất làm dòng dõi này của người nữ phải là Đức Chúa Jêsus:-

Đức Chúa Jêsus-Christ đã phá hủy (nhờ thập tự giá) sự chết (và bởi vậy huỷ phá quyền lực của tội lỗi – Rôma 6:23), dùng Tin lành phô bày sự sống và sự không hề chết ra cho rõ ràng (2 Timôthê 1:10).

“ Đức Chúa Trời đã làm rồi: vì có tội lỗi, Ngài sai chính Con mình lấy xác thịt giống như xác thịt tội lỗi chúng ta, và đã đoán phạt tội lỗi trong xác thịt “, tức là ma quỷ trong Kinh thánh, dòng dõi của con rắn (Rôma 8:3).

Đức Chúa Jêsus “đã hiện ra để cất tội lỗi đi” (1 Giăng 3:5).

“Người khá đặt tên là Jêsus (có nghĩa “Cứu Chúa”), vì chính con trai ấy sẽ cứu dân mình ra khỏi tội” (Mathiơ 1:21).

Theo nghĩa đen, Đức Chúa Jêsus đã “bởi một người nữ sanh ra” (Galati 4:4) như là con trai của Ma-ri, mặc dù Đức Chúa Trời là Chúa Cha của Ngài. Vậy trong ý nghĩa này, Đấng Christ cũng là dòng dõi của người nữ, mặc dù do Đức Chúa Trời làm ra bằng cách Chúa không dùng với

người nào nữa. Dòng dõi này đã phải tạm thời bị thương bởi tội lỗi, dòng dõi của con rắn - “còn mấy sẽ cắn gót chân người” (Sángthế 3:15). Con rắn cắn gót chân người thường làm tổn thương tạm thời, còn đòn đánh trúng đầu con rắn có tính lâu dài. Nhiều hình ảnh ở đây có nguồn gốc ở Kinh thánh: “đập vào đầu” (tức là làm thất bại hoàn toàn hoặc chặn đứng điều gì đó) có lẽ dựa vào lời tiên tri về Đức Chúa Jêsus đánh đập đầu con rắn.

Sự đoán phạt tội lỗi, dòng dõi của con rắn, trước hết đã xảy ra bởi hy sinh Đấng Christ trên cây thánh giá - xin bạn chú ý rằng sự thắng lợi của Đấng Christ đối với tội lỗi được miêu tả trong thời quá khứ. Vết thương tạm thời ở gót chân mà Đức Chúa Jêsus đã chịu, bởi vậy, gắn liền với sự chết của Đấng trong suốt ba ngày. Sự sống lại của Đấng đã chứng minh rằng vết thương này chỉ tạm thời so với đòn chí tử mà Đấng đã giáng cho tội lỗi. Điều thú vị là những văn kiện lịch sử không gắn liền với Kinh thánh cho biết rằng những người bị xử tử phải chết bởi đóng đinh vào giá chữ thập đã bị đóng đinh vào chân đến cọc cây. Như vậy Đức Chúa Jêsus đã bị “thương gót chân” bởi sự chết của Ngài. Êsai 53:4,5 miêu tả Đấng Christ như bị thương do ý muốn Đức Chúa Trời bởi sự chết trên giá chữ thập. Câu này nói bóng gió đến lời tiên tri trong Sáng thế Ký 3:15 rằng Đấng Christ sẽ bị thương bởi dòng dõi của con rắn. Tuy nhiên, cuối cùng Đức Chúa Trời đã hoạt động bằng tội lỗi/sự chết mà Đấng Christ phải đương đầu, ở đây nói rằng chính Ngài đang làm tổn thương (Êsai 53:10), bằng cách kiềm chế thể lực xấu mà làm tổn thương Con Ngài. Và như thế Đức Chúa Trời hoạt động kể cả trong thử thách đau đớn của mọi con cháu của Ngài.

Mâu Thuẫn Ngày Hôm Nay

Nhưng trong đầu óc của bạn có thể xuất hiện một câu hỏi: “Nếu Đức Chúa Jêsus đã tiêu diệt tội lỗi và sự chết (dòng dõi của con rắn) thì tại sao những cái đó vẫn tồn tại hiện nay?” Câu trả lời là: trên giá chữ thập Đức Chúa Jêsus đã tiêu diệt thể lực tội lỗi trong bản thân mình: lời tiên tri của Sángthế 3:15 trước hết nói về xung đột giữa Đức Chúa Jêsus và tội lỗi. Hiện nay điều này có nghĩa là: vì Đấng đã mời chúng ta chia sẻ

thắng lợi của Ngài, thì cuối cùng chúng ta cũng có thể chế ngự tội lỗi và cái chết. Những người mà đã không được mời chia sẻ thắng lợi của Ngài, hoặc từ chối đề nghị này, tất nhiên sẽ mắc tội lỗi và chịu chết. Mặc dù những tín đồ chân chính cũng chịu tội lỗi và chết, nhưng nhờ liên hệ của họ với dòng dõi của người nữ bằng cách chịu phép báp-têm trong Đấng Christ (Galati 3:27-29), họ có thể được tha tội và cho nên cuối cùng được cứu rỗi khỏi sự chết mà là hậu quả của tội lỗi. Như thế, trong tương lai Đức Chúa Jêsu “đã hủy phá sự chết” trên giá chữ thập (2 Timôthê 1:10), mặc dù sự chết vẫn sẽ có cho đến lúc khi mục đích của Đức Chúa Trời về trái đất được thực hiện vào cuối Ngàn năm, khi người ta thật sẽ không chết nữa – khi đó cái chết không bao giờ nữa có mặt trên trái đất: “Vì Ngài phải cầm quyền (tại giai đoạn ban đầu của Nước Đức Chúa Trời) cho đến chừng đặt những kẻ thù nghịch dưới chơn mình. Kẻ thù bị hủy diệt sau cùng, tức là sự chết” (1 Côrintô 15:25,26).

Nếu chúng ta “chịu phép báp-têm trong Đấng Christ” thì những gì được hứa về Đức Chúa Jêsu, ví dụ trong Sángthế 3:15, sẽ thành lời hứa cho chúng ta; những lời hứa đó sẽ không phải là những đoạn thú vị của Kinh thánh nữa, mà sẽ là những lời tiên tri và lời hứa được làm ra trực tiếp cho chúng ta! Như dòng dõi của người nữ, chúng ta cũng sẽ chịu đựng thắng lợi của tội lỗi đối với chúng ta cho thời gian ngắn. Cho đến khi Đức Chúa Jêsu sẽ trở về trong đời ta, chúng ta cũng sẽ bị thương ở chân như Đức Chúa Jêsu và chúng ta cũng sẽ chết. Nhưng nếu chúng ta thật là dòng dõi của người nữ thì “vết thương” đó sẽ chỉ tạm thôi. Những người mà đã chịu phép báp-têm trong Đấng Christ một cách đúng đắn bởi ngâm mình vào nước sẽ liên hệ mình với sự chết và sự sống lại của Đấng - khi lên khỏi nước (xem Rôma 6:3-5).

Nhưng nếu chúng ta thật là dòng dõi của người nữ, thì đời sống của chúng ta sẽ phản ánh những lời của Sángthế 3:15 - sẽ thường xuyên cảm thấy có xung đột (“nghịch thù”) ở trong chúng ta, giữa cái đúng và cái sai. Sứ đồ vĩ đại Phao-lô miêu tả một xung đột gần như bệnh tình thần phân lập giữa tội lỗi và bản thân mình mà đã hoành hành ở trong người (Rôma 7:14-25).

Sau khi chịu phép báp-têm trong Đấng Christ, xung đột này với tội lỗi mà vốn có ở trong chúng ta sẽ gay gắt hơn - và sẽ tiếp tục xảy ra trọn đời chúng ta. Về một ý nghĩa nhất định, xung đột này phức tạp, vì sức lực của tội lỗi mạnh lớn. Nhưng về mặt khác, không phức tạp, nhờ chúng ta đang trong Đấng Christ mà đã đấu tranh và đã thắng lợi trong xung đột này rồi. Xin chú ý trong Ephêsô 5:23-32 những tín đồ đã được miêu tả như người nữ, vì nếu chúng ta là dòng dõi của người nữ thì chúng ta cũng là người nữ.

Hạt giống đầu tiên của dòng dõi con rắn là Cain. Nếu con rắn không hiểu sự chết, thì Cain đã hiểu lẽ thật và sự dối trá, Cain hiểu Đức Chúa Trời đòi hỏi ông phải làm gì, nhưng ông làm theo ý nghĩ của con rắn, làm cho ông phạm tội mưu sát và nói dối.

Cũng như dòng dõi của người nữ tượng trưng cho cả Đức Chúa Jêsus cả những người cố gắng có tính nét như Đấng, thì dòng dõi của con rắn nói về cả tội lỗi (“cái xấu” trong Kinh thánh) cả những người thích bộc lộ tính nét của tội lỗi và con rắn. Loài người như thế coi thường hoặc xuyên tạc Lời Đức Chúa Trời và điều này cuối cùng sẽ dẫn họ vào xấu hổ tội lỗi và họ bị xa lánh với Đức Chúa Trời, giống như chuyện xảy ra với A-đam và Ê-va. Biết rằng dân Giu-đa đã là dân thực sự làm Đức Chúa Jêsus chết - tức là làm tổn thương dòng dõi của người nữ vào chân - thì có thể coi họ đã là ví dụ đầu tiên của dòng dõi con rắn. Điều này đã được Giảng Báp-tít và Đức Chúa Jêsus xác nhận:

“Bởi Giảng thấy nhiều người dòng Pha-ri-si và Sa-đu-sê (nhóm người Giu-đa đã kết tội Đức Chúa Jêsus) đến chịu phép báp-têm mình, thì bảo họ rằng: Hỡi dòng dõi (tức là sinh do, tạo ra do) rắn lục kia, ai đã dạy các ngươi tránh khỏi cơn giận ngày sau? (Mathiơ 3:7).

“Đức Chúa Jêsus biết ý tưởng họ, thì phán rằng ... Hỡi dòng dõi rắn lục; bay vốn là loài xấu, làm sao nói được sự tốt?” (Mathiơ 12:25,34).

Thế giới - ngay cả giới tôn giáo - cũng có những tính nết con rắn này. Chỉ ngừng người mà đã chịu phép báp-têm trong Đấng Christ mới gắn liền với dòng dõi của người nữ; tất cả những người khác, đến mức độ khác nhau, là dòng dõi của con rắn. Đức Chúa Jêsus đã đối xử những người dòng dõi của con rắn như thế:-

- Ngài đã giảng dạy cho họ trong tinh thần tình thương và sự lo lắng thực sự, song
- Ngài đã không cho phép cá tính và đầu óc của họ ảnh hưởng đến Ngài, và
- Ngài đã chỉ rõ cho họ tính nết yêu thương nhờ lối sống của Ngài.

Nhưng vì tất cả những điều này họ vẫn ghét Đấng Christ. Sự cố gắng của bản thân Đấng Christ vâng lời của Đức Chúa Trời đã làm họ ghen. Ngay cả gia đình (Giăng 7:5; Mac 3:21) và những bạn thân của Đấng (Giăng 6:66) đã chắn ngang và một số lại còn xa lánh không đi với Ngài nữa. Phao-lô cũng đã thử thách việc này và người thương xót với những ai mà trước đã đứng ra cùng với người trong bất cứ khó khăn nào:-

“Tôi lấy lễ thật bảo anh em, lại trở nên thù nghịch của anh em sao?” (Galati 4:14-16).

Lẽ thật không bao giờ được mọi người ưa thích; biết điều đó và sống kiểu chúng ta nên sống luôn luôn tạo ra nhiều vấn đề khác nhau cho chúng ta, ngay cả dẫn tới bất bớ hành hạ:-

“Nhưng, như bấy giờ, kẻ sanh ra theo xác thịt bất bớ kẻ sanh ra theo Thánh Linh (là bởi lời hằng sống và bền vững của Đức Chúa Trời ở 1 Phi-e-rơ 1:23), thì hiện nay cũng còn là thể ấy” (Galati 4:29).

“Kẻ gian tà là điều gồm ghê tởm cho người công bình; và người ngay thẳng lấy làm điều gồm ghê tởm cho kẻ gian tà” (Châm ngôn 29:27). Luôn có sự đối nghịch giữa con dân Chúa và người không tin Chúa.

Nếu chúng ta thực sự đồng lòng với Đấng Christ, chúng ta phải trải qua một phần đau đớn của Đấng Christ, để cho chúng ta cũng có thể cùng chia phần thưởng vinh quang của Đấng. Phao-lô lại cho một ví dụ tuyệt vời về điều này:-

“Lời này chắc chắn lắm: Vì bằng chúng ta chết với Ngài (Đấng Christ), thì cũng sẽ sống với Ngài; lại nếu chúng ta chịu thử thách nổi, thì sẽ cùng Ngài đồng trị... vậy nên, ta... chịu hết mọi sự (2 Timôthê 2:10-12).

“Nếu họ đã bắt bỏ ta, ắt cũng bắt bỏ các người... vì Danh ta họ sẽ lấy một điều đó đãi các người” (Giăng 15:20,21).

- tức là bởi vì chúng ta chịu phép báp-têm trong danh Đức Chúa Jêsus (Công vụ 2:38; 8;16).

Đứng trước những câu như vậy, có thể bị cám dỗ cãi lý: “Nếu tất cả những điều liên quan đến Đức Chúa Jêsus, dòng dõi của người nữ, là như thế, thì tốt nhất tôi không tham gia”. Nhưng mà đương nhiên chúng ta không bao giờ bị buộc phải chịu thử thách mà chúng ta không thể đương đầu một cách hợp lý. Rõ ràng Đấng Christ đã cần hy sinh để hoàn toàn gắn chúng ta với Ngài, sự liên kết của chúng ta với Đấng Christ sẽ đem lại một cách thành công đến phần thưởng vinh hiển đến nỗi mà “những sự đau đớn bây giờ chẳng đáng so sánh với sự vinh hiển hầu đến, là sự sẽ được bày ra trong chúng ta” (Rôma 8:18). Ngay cả lúc bây giờ, sự hy sinh của Đấng làm cho những người cầu nguyện xin giúp trải qua những chấn thương của cuộc đời, đối với Đức Chúa Trời, có sức thuyết phục đặc biệt lớn. Và có thể bổ sung thêm sự cam đoan rục rỏ này mà được nhấn mạnh trong Kinh thánh trong giáo phái Christadelphian:-

“Đức Chúa Trời là thành tín, Ngài chẳng hề cho anh em bị cám dỗ quá sức mình đâu; mà mở lối cho ra khỏi, để anh em có thể chịu được” (1 Côrintô 10:13).

“Ta đã bảo các người những điều đó, hầu cho các người có lòng bình yên trong Ta. Các người sẽ có sự hoạn nạn trong thế gian, nhưng hãy cứ vững lòng, Ta đã thắng thế gian rồi!” (Giăng 16:33).

“Đã vậy thì chúng ta sẽ nói làm sao? Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?” (Rôma 8:31).

3.3 Lời hứa cho Nô-ê

Lịch sử loài người sau thời A-đam và Ê-va càng phát triển thì con người đã trở nên ngày càng xấu. Tình trạng đã đến giai đoạn khi nền văn minh đã tuyệt vọng về đạo đức đến mức mà Đức Chúa Trời đã định phá hủy hệ thống kiểu đó trừ Nô-ê và gia đình của người (Sángthế 6:5-8). Người được bảo phải đóng một chiếc tàu ở đó người và mỗi cặp của các loài vật sẽ sống trong khi hết thiên hạ sẽ bị phá hoại bởi nạn lụt. Xin tranh thủ nói rằng có nhiều lý do dựa vào cơ sở khoa học để nghĩ rằng nạn lụt to lớn đã thật xảy ra, ngoài những lời tuyên bố rõ rệt của Kinh thánh ra! Xin chú ý rằng thiên hạ (tức là quả đất theo ý nghĩa của từ) đã không bị hủy hoại, nhưng mà chỉ loài người xấu sống trên nó: “các xác thịt hành động trên mặt đất” (Sángthế 7:21). Đức Chúa Jêsus (Mathiơ 24:37) và 2 Phi-e-rơ 3:6-12) đã thấy rằng việc phán xét thiên hạ thời Nô-ê giống sự kiện sẽ xảy ra khi Đấng Christ lại đến. Vậy, tính chất đồi bại tuyệt vọng của con người thời Nô-ê có thể được so sánh với thiên hạ hiện hay mà có thể bị phạt khi Đấng Christ trở về.

Vì con người có tội nặng và dự tính tự hủy diệt quả đất này đã bắt đầu được thực hiện, thì đã xuất hiện sự tin tưởng, kể cả trong những người theo đạo Cơ đốc, rằng quả đất này sẽ bị hủy hoại. Ý này tỏ rõ tình trạng thiếu sự đánh giá đúng đắn lời tiên báo cơ bản của Kinh thánh rằng Đức Chúa Trời tích cực quan tâm đến tình hình trên quả đất, và rằng sắp tới Đức Chúa Jêsus Christ lại đến nhằm dựng nên Nước Đức Chúa Trời trên quả đất này. Nếu con người được cho phép hủy hoại quả đất thì lời hứa này sẽ không thể thực hiện được. Bằng chứng quan trọng rằng Nước Đức Chúa Trời sẽ có trên trái đất này có thể tìm trong Bài 4.7 và Bài 5. Một

số ví dụ dưới đây có thể chứng minh đầy đủ rằng quả đất và hệ mặt trời sẽ không bị hủy hoại:-

- “Trái đất mà Ngài đã sáng lập đời đời” (Thithiên 78:69).
- “Đất cứ còn đời đời” (Truyền đạo 1:4).
- “Mặt trời, mặt trăng... hết thấy ngôi sao... các trời... Ngài lập cho vững - các vật ấy đến đời đời vô cùng” (Thithiên 148:3-6).
- “Thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết Đức Giê-hô-va, như các dòng nước che lấp biển” (Êsai 11:9; Dân số 14:21) khó làm nếu Đức Chúa Trời cho phép trái đất tự phá hoại. Lời hứa này đã chưa được thực hiện.
- “Đức Chúa Trời đã tạo dựng đất và làm ra nó, đã lập cho nó bền vững, chẳng phải dựng nên là trống không, bèn đã làm nên để dân ở” (Êsai 45:18). Nếu Đức Chúa Trời đã làm ra quả đất chỉ nhằm nhìn thấy nó bị phá hủy thì công việc của Ngài đã vô ích.

Nhưng trong Sáng thế Ký Đức Chúa Trời đã hứa tất cả những điều đó cho Nô-ê rồi. Vì người đã bắt đầu sống trong thế gian mới do nạn lụt làm ra thì có lẽ Nô-ê sợ rằng lại có thể có sự hủy hoại hàng loạt. Sau nạn lụt đó, mỗi lần khi trời bắt đầu mưa, ý này đã liền gợi lên trong tâm hồn của người. Và vì vậy Đức Chúa Trời đã lập giao ước (một loạt lời hứa) là sự này sẽ không bao giờ xảy ra nữa:-

“Còn phần ta đây, ta lập giao ước cùng các người... Ta (xin chú ý đến sự nhấn mạnh vào “Ta” là một điều kỳ diệu của Đức Chúa Trời định hứa con người mà sẽ chết!) lập giao ước cùng các người, và các loài xác thịt chẳng bao giờ lại bị nước lụt hủy diệt, và cũng chẳng có nước lụt để hủy hoại đất nữa” (Sáng thế 9:9-12).

Giao ước này được chứng minh bởi cầu vồng:-

“Phàm lúc nào ta góp các đám mây (mưa) trên mặt đất và phàm móng hiện ra trên tầng mây, thì ta sẽ nhớ lại sự giao ước của ta đã lập cùng các người... sự giao ước đời đời của Đức Chúa Trời

cùng các loài xác thịt có sự sống ở trên đất... Đó (móng trời) là dấu chỉ sự giao ước” (Sángthế 9:13-17).

Vì đây là một giao ước đời đời giữa Đức Chúa Trời và loài người và thú vật của trái đất, do đó trái đất phải có loài người và thú vật sống đời đời trên nó. Điều này tự nó là bằng chứng Nước Đức Chúa Trời sẽ có trên đất hơn là trên trời.

Như vậy, lời hứa cho Nô-ê là nền móng của Tin lành về Nước Ngài; lời ấy chỉ ra Đức Chúa Trời rất quan tâm đến quả đất này, và Đức Chúa Trời có một mục tiêu đời đời với quả đất. Ngay cả khi Ngài tức giận vẫn nhớ lại sự thương xót (Habacut 3:2), và tình thương của Ngài to lớn đến nỗi là Ngài chăm lo cả về động vật (1 Côrintô 9:9 so sánh Giô-na 4:11).

3.4 Lời Hứa Cho Áp-Ra-Ham

Tin lành do Đức Chúa Jêsus và các sứ đồ giảng đã không khác về cơ bản với cách hiểu Tin lành của Áp-ra-ham. Đức Chúa Trời thông qua Kinh thánh “đã rao truyền trước cho Áp-ra-ham” (Giăng 3:8). Những lời hứa này có tính chất quyết định đến mức là Phi-e-rơ đã bắt đầu và kết thúc lời công bố Tin lành trước người nghe với lời đó (Côngvụ 3:13,25). Nếu chúng ta có thể hiểu Áp-ra-ham đã được dạy những gì, vậy thì chúng ta sẽ có một hình ảnh cơ bản về Tin lành của Cơ đốc. Có cả những dấu hiệu khác chỉ rằng “tin lành” không phải là điều mà mới bắt đầu vào thời Đức Chúa Jêsus:-

- “Còn chúng tôi, thì rao truyền cho các anh em tin lành này về lời hứa ban cho tổ phụ (Giu-đa) chúng ta, ... Đức Chúa Trời... đã làm ứng nghiệm lời hứa đó” (Côngvụ 13:32,33).
- “Tin lành Đức Chúa Trời là Tin lành xưa kia Đức Chúa Trời đã dùng các đấng tiên tri Ngài (ví dụ Áp-ra-ham, Sángthế 20:7) mà hứa trong Kinh thánh” (Rôma 1:1,2).

- “Vì ấy bởi điều đó mà Tin lành cũng đã giảng ra cho kẻ chết” (1 Phiơơ 4:6) tức là những tin đồ mà đã sống và chết trước thế kỷ thứ nhất.
- “Vì tin lành này đã rao truyền cho chúng ta cũng như cho họ” (Hebơơ 4:2) tức là Y-sơ-ra-ên trong sa mạc.

Những lời hứa cho Áp-ra-ham có hai chủ đề chủ yếu:

- (1) những điều về dòng dõi của Áp-ra-ham (con cháu đặc biệt) và
- (2) những điều về đất được hứa cho Áp-ra-ham.

Những lời hứa này được thuyết minh trong Kinh Tân ước, và, tiếp tục tuân theo đường lối chúng ta - làm cho Kinh thánh tự giải thích mình - chúng ta sẽ phối hợp những lời dạy của cả hai Kinh để cho chúng ta hình dung đầy đủ giao ước được làm với Áp-ra-ham.

Áp-ra-ham lúc đầu đã sống ở U-rơ, một thành phố phần vịnh thuộc vùng I-rắc hiện nay. Khảo cổ học hiện nay cho thấy mức độ văn minh cao vào thời Áp-ra-ham. Đã có hệ thống ngân hàng, các cơ quan nhà nước và cơ sở hạ tầng cần thiết. Không biết gì khác, Áp-ra-ham đã sống trong thành này; như chúng ta biết, như một người lịch duyệt từng trải. Nhưng sau đó, lời kêu gọi to lớn lạ thường của Đức Chúa Trời đã đến với người phải bỏ cuộc đời rắc rối này và khởi đi một cuộc hành trình đến xứ đã hứa cho mình. Chính xác đâu và chính xác cái gì đã không được nói rõ. Tất cả những điều nói trên đã trở thành một cuộc hành trình dài 1500 dặm. Xứ đó đã là Ca-na-an, đã là Y-sơ-ra-ên hiện nay.

Thỉnh thoảng trọn đời của người, Đức Chúa Trời đã hiện ra trước Áp-ra-ham và nhắc lại và mở rộng những lời hứa của Ngài cho người. Những lời hứa này là nền tảng của Tin lành của Đấng Christ, lời kêu gọi này đã tới Áp-ra-ham và hiện nay cũng lời kêu gọi này đang tới chúng ta, những người thật sự theo Chúa, phải bỏ những điều tạm thời của đời này và tiến lên trong cuộc đời với lòng tin và tiếp nhận những lời hứa của Đức Chúa Trời ở giá trị thực sự của nó, sống bởi Lời của Ngài. Chúng ta có thể tưởng tượng Áp-ra-ham đã ngẫm nghĩ về những lời hứa này trong

cuộc hành trình như thế nào. “Bởi đức tin, Áp-ra-ham vâng lời Chúa gọi, đi đến xứ mà mình sẽ nhận làm cơ nghiệp: người đi mà không biết mình đi đâu” (Hebơơ 11:8).

Khi chúng ta nghĩ lần đầu tiên về những lời hứa của Đức Chúa Trời, thì chúng ta cũng có thể cảm thấy rằng chúng ta không biết chính xác xứ được hứa cho mình, là Nước Đức Chúa Trời, sẽ thế nào. Nhưng mà đức tin của chúng ta vào Lời Đức Chúa Trời phải lớn đến nỗi mà chúng ta cũng ham vâng lời.

Áp-ra-ham đã không phải là một người du cư đi lang thang mà không có gì tốt hơn mà tranh thủ phó mặc số phận với lời hứa này. Người xuất khỏi hoàn cảnh mà rất giống về cơ bản hoàn cảnh của bản thân chúng ta. Những quyết định phúc tạp, hành hạ đã đứng trước mặt của người giống như những quyết định mà cũng có thể đứng trước mặt của chúng ta lúc khi chúng ta suy nghĩ có nên nhận và tuân theo những lời hứa của Đức Chúa Trời không - những cái nhìn kỳ quặc của các bạn đồng nghiệp, cái nhìn ranh mãnh trong mắt người hàng xóm (“Anh ta mê đạo!”)... Áp-ra-ham chắc quen rồi những điều này. Động cơ thúc đẩy mà Áp-ra-ham đã cần để đi qua tất cả những thử thách này phải thật to lớn. Một điều duy nhất làm động cơ thúc đẩy thông qua tất cả những năm hành trình lâu dài là lời hứa. Người đã cần phải nhớ những lời đó và hàng ngày suy ngẫm về ý nghĩa thực sự của nó đối với người.

Bởi biểu lộ đức tin tương đương và hành động theo nó, chúng ta có thể có danh dự cũng như Áp-ra-ham - được gọi là bạn của Đức Chúa Trời (Êsai 41:8), tìm kiếm sự hiểu biết về Đức Chúa Trời (Sángthế 18:17) và có hy vọng chắc chắn về sự sống đời đời trong Nước. Một lần nữa chúng tôi nhấn mạnh rằng Tin lành của Đấng Christ dựa vào những lời hứa này cho Áp-ra-ham. Muốn tin tưởng thực sự vào lời tiên báo của đạo Cơ đốc, chúng ta cũng cần phải biết vững chắc những lời hứa cho Áp-ra-ham. Không có những lời này thì đức tin của chúng ta không còn là Đức tin. Cho nên chúng ta cứ tha thiết đọc nhiều lần những cuộc đối thoại giữa Đức Chúa Trời và Áp-ra-ham.

ĐẤT

- 1) “Người hãy ra khỏi quê hương... mà đi đến xứ ta sẽ chỉ cho” (Sángthế 12:1).
- 2) Áp-ra-ham “vừa đi vừa đóng trại... trở về Bê-tên (ở Trung tâm Y-sơ-ra-ên). Đức Giê-hô-va phán cùng Áp-ra-ham rằng: Hãy ngước mắt lên, nhìn từ chỗ người ở cho đến phương bắc, phương nam, phương đông và phương tây: Vì cả xứ nào người thấy, ta sẽ ban cho người và cho dòng dõi người đời đời... Hãy ... đi khắp trong xứ; vì ta sẽ ban cho người xứ này” (Sángthế 13:3,14-17).
- 3) “Đức Giê-hô-va lập giao ước cùng Áp-ra-ham, mà phán rằng: Ta cho dòng dõi người xứ này, từ sông Ê-díp-tô cho đến sông lớn kia, tức sông Ơ-phơ-rát” (Sángthế 15:18).
- 4) “Ta sẽ cho người cùng dòng dõi người xứ mà người đương kiêu ngạo, tức toàn xứ Ca-na-an, làm cơ nghiệp đời đời” (Sángthế 17:8).
- 5) “ấy chẳng phải bởi luật pháp mà có lời hứa cho Áp-ra-ham... lấy thế gian làm cơ/gia nghiệp” (Rôma 4:13).

Chúng ta thấy ở đây sự mặt khải cho Áp-ra-ham phát triển không ngừng:-

- 1) Có một xứ mà tôi muốn Áp-ra-ham đi tới.
- 2) Áp-ra-ham đã tới vùng rồi. Áp-ra-ham và dòng dõi của người sẽ sống đời đời ở đây. Xin chú ý lời hứa này về sự sống đời đời được ghi chép như thế nào, không quyến rũ và không nhấn mạnh; nếu đã là tác giả con người thì chắc chắn đã viết trong không khí cực kỳ phấn khởi.
- 3) Xứ đã hứa cho mình đã được xác định chính xác hơn.
- 4) Áp-ra-ham đã không trông đợi rằng người sẽ nhận điều hứa trong suốt cuộc đời này- người đã phải là “người xa lạ” ở xứ này, tuy sau này người sẽ sống ở đây đời đời. Ý ở đây là người sẽ chết và sau đó người sẽ được sống lại để có thể nhận điều hứa này.
- 5) Được Đức Thánh Linh soi dẫn, Phao-lô đã thấy rõ ý nghĩa của lời hứa cho Áp-ra-ham là người sẽ thừa kế cả đất.

Kinh thánh nhắc cho chúng ta rằng Áp-ra-ham đã chưa nhận những điều hứa cho mình trọn đời của mình:-

“Bởi đức tin, người kiều ngụ (kiểu ở tạm) trong xứ đã hứa cho mình, như trên đất ngoại quốc, ở các trại” (Hebơơ 11:9).

Người đã sống như người ngoại quốc trên đất này, có lẽ với cảm giác không an toàn và khó chịu của người lánh nạn bình thường. Người đã sống cơ cực với dòng dõi của mình trên đất của mình. Cùng con cháu của mình, Y-sác và Gia-cốp (những lời hứa đã được lặp lại cho họ), người đã “chết trong đức tin chưa nhận lãnh những điều hứa cho mình; chỉ trông thấy và chào mừng những điều đó từ đằng xa, xưng mình là kẻ khách và bộ hành trên đất” (Hebơơ 11:13).

Xin chú ý bốn giai đoạn trong quá trình này:-

- Biết về những lời hứa như chúng ta đang làm trong những bài này.
- Trở thành tin chắc về những lời hứa này nếu đã có quá trình thuyết phục Áp-ra-ham thì cần thời gian lâu hơn bao nhiêu đối với chúng ta?
- Đi theo lời này bởi chịu phép báp-têm trong Đấng Christ (Galati 3:27-29).
- Xưng với thế giới bởi lối sống của mình rằng thế giới hiện có này không phải là nhà thật sự của chúng ta, nhưng chúng ta sống với sự trông cậy rằng thời đại tương lai đó sẽ có trên đất.

Áp-ra-ham trở thành anh hùng và một người nêu gương vĩ đại cho chúng ta, nếu chúng ta đánh giá những điều này. Sự thừa nhận rõ rệt rằng những lời hứa sẽ được thực hiện trong tương lai đã đến với ông già một mỗi lúc khi vợ người chết; quả thật, người đã cần phải mua một phần đất được hứa cho người để chôn vợ trong đó (Côngvụ 7:16). Thật, Đức Chúa Trời đã “chẳng ban cho người sản nghiệp gì trong xứ nầy, dầu một thẻo đất lọt bàn chân cũng không, nhưng Ngài hứa ban xứ nầy làm kỷ vật cho người” (Côngvụ 7:5). Dòng dõi của Áp-ra-ham hiện nay cũng có thể cảm thấy khó chịu khi mua hoặc thuê tài sản - tại sao họ phải làm như

thế trên đất mà đã được hứa sẽ thành sản nghiệp riêng của họ cho mãi mãi!

Nhưng Đức Chúa Trời giữ lời hứa của mình. Một ngày cần phải đến khi Áp-ra-ham và tất cả những người nhận lời hứa sẽ được thưởng. Hebơơ 11:13,39,40 nói hoàn toàn rõ:-

“Hết thấy những người đó đều chết trong đức tin, chưa nhận lãnh những điều hứa cho mình. Vì Đức Chúa Trời có sẵn sẵn đều tốt hơn cho chúng ta, hầu cho không chúng ta ra họ không đạt đến sự trọn vẹn được”.

Tất cả những người tin đồ chân chính sẽ cho nên được thưởng cũng vào lúc đó, tức là trước ngôi Ngài phán quyết vào ngày cuối cùng (2 Timôthê 4:1,8; Mathiơ 25:31-34; 1 Phiơơ 5:4). Do đó mà phải tồn tại để chịu đoán xét, vậy, Áp-ra-ham và những người khác mà biết về những lời hứa này phải được sống lại lúc trước sự phán xét. Nếu bây giờ họ chưa nhận điều hứa và họ chỉ sẽ nhận nó sau khi họ sống lại và bị đoán xét vào lúc Đấng Christ lại đến, thì không có cách nào nữa mà phải thừa nhận rằng hiện nay Áp-ra-ham nằm nghỉ vô ý thức, đang chờ Đấng Christ lại đến; tuy thế, vẫn kính màu khảm ở các nhà thờ khắp châu Âu miêu tả Áp-ra-ham hiện nay đang ở trên trời nếm mùi phần thưởng được hứa vì đã sống với niềm tin. Hàng nghìn người trong suốt hàng trăm năm đã tiếp nhau đi qua các bức tranh này và nhận ý này một cách ngoan đạo. Bạn có lòng dũng cảm dựa vào Kinh thánh để ra khỏi hàng/cách nhìn này không?

Dòng Dõi

Như đã giải thích trong Bài 3:2, lời hứa về dòng dõi trước tiên liên quan đến Đức Chúa Jêsu và cả đến những ai “trong Đấng Christ” và cho nên chúng ta cũng được coi là dòng dõi của Áp-ra-ham:-

1)“Ta sẽ làm cho người nên một dân lớn; ta sẽ ban phước cho người... và các chi tộc nơi thế gian sẽ nhờ người mà được phước” (Sángthế 12:2,3).

- 2) “Ta sẽ làm cho dòng dõi người như bụi trên đất; thế thì, nếu kẻ nào đếm được bụi trên đất, thì cũng sẽ đếm được dòng dõi người vậy... Cả xứ nào người thấy, ta sẽ ban cho người và dòng dõi người đời đời” (Sángthế 13:15,16).
- 3) “Người hãy ngó lên trời, và nếu người đếm được các ngôi sao thì hãy đếm đi... Dòng dõi người cũng sẽ như vậy... Ta cho dòng dõi người xứ này” (Sángthế 15:5, 18).
- 4) “Ta sẽ cho người cùng dòng dõi người... xứ Ca-na-an, làm cơ nghiệp đời đời. Vậy, ta sẽ làm Đức Chúa Trời của họ” (Sángthế 17:8).
- 5) Ta “sẽ... thêm dòng dõi người nhiều như sao trên trời, đông như cát bờ biển, và dòng dõi đó sẽ chiếm được cửa thành quân nghịch... Các dân thế gian đều sẽ nhờ dòng dõi người mà được phước” (Sángthế 22:17,18).

Vả lại, sự hiểu biết của áp-ra-ham về “dòng dõi” đã mở rộng liên tục:-

- 1) Lúc đầu người chỉ đã được bảo rằng bằng cách gì đó người sẽ có cực kỳ nhiều con cháu, và thông qua “dòng dõi” của người cả thế gian sẽ được ban phước.
- 2) Tiếp theo, người đã được bảo rằng người sẽ có dòng dõi gồm nhiều người. Những người đó sẽ có sự sống đời đời, cùng người, trong xứ ở đâu người đã đến rồi, tức là Ca-na-an.
- 3) Người đã được bảo rằng dòng dõi người sẽ nhiều giống như các ngôi sao trên trời. Điều này có thể làm nảy ra trong óc người ý là người sẽ có nhiều con cháu được Đức Thánh Linh soi sáng (sao trên trời), cũng như nhiều con cháu tự nhiên (như “bụi trên đất”).
- 4) Những lời hứa trước đã được nhấn mạnh thêm và kiên quyết nói rằng nhiều người mà sẽ trở thành cùng dòng dõi sẽ có thể có quan hệ cá nhân với Đức Chúa Trời.
- 5) Dòng dõi sẽ thắng kẻ thù của mình.

Xin chú ý rằng dòng dõi đã phải mang lại “phước” để cho người nào cũng khắp thế giới có thể có phước này được. Trong Kinh thánh ý về

phước nhiều khi liên hệ với sự tha tội lỗi. Xét cho cùng, đây là một phước mà người thương mến Đức Chúa Trời bao giờ cũng mong ước. Vì thế chúng ta đọc những điều như, “Phước thay cho người nào được tha sự vi phạm mình” (Thithiên 32:1); “Cái chén phước lành” (1 Côrintô 10:16), miêu tả chén rượu nho tượng trưng cho huyết của Đấng Christ, và bởi chén này có thể được tha thứ.

Một con cháu duy nhất của Áp-ra-ham mà đã mang lại sự tha thứ tội lỗi cho loài người là, tất nhiên, Đức Chúa Jêsus, và Kinh Tân ước ủng hộ mạnh mẽ những lời hứa cho Áp-ra-ham:-

Đức Chúa Trời “không nói: Và cho các dòng dõi người, như chỉ về nhiều người; nhưng nói: Và cho dòng dõi người, như chỉ về một người mà thôi, tức là Đấng Christ” (Galati 3:16).

“... Giao ước Đức Chúa Trời đã lập với tổ phụ chúng ta, khi Ngài phán cùng Áp-ra-ham rằng: Các dân thiên hạ sẽ nhờ dòng dõi người mà được phước. Đức Chúa Trời đã rước con (tức là dòng dõi) Ngài lên, rồi trước hết sai Người xuống ban phước cho các người, mà đặt ai nấy trong bọn các người tránh khỏi tội lỗi mình” (Côngvụ 3:25,26).

Xin chú ý Phi-c-rơ trích dẫn và thông giải Sángthế 22:18 như thế nào:-

Dòng dõi = Chúa Jêsus

Phước = sự tha thứ tội lỗi.

Lời hứa rằng Đức Chúa Jêsus, dòng dõi, sẽ thắng những kẻ thù của Ngài bây giờ xếp chỗ rất đúng, nếu chúng ta đọc lời hứa này và nhắc đến điều Người đã đắc thắng tội lỗi mà là kẻ thù lớn nhất của dân ChúaTrời, và cho nên của cả Đức Chúa Jêsus.

Kế Thừa Cùng Dòng Dối

Nhưng bây giờ phải hiểu hoàn toàn rõ rằng Áp-ra-ham đã hiểu những nguyên lý cơ bản của Tin lành Cơ đốc. Nhưng đó đã là những lời hứa cực kỳ quan trọng cho Áp-ra-ham và dòng dõi của người, Đức Chúa Jêsus. Còn người nào khác ra sao? Ngay cả dòng dõi của Áp-ra-ham về thân thể vẫn không trở thành cùng dòng dõi đặc biệt một cách tự động

(Giăng 8:39; Rôma 9:7). Bằng cách gì đó chúng ta cần phải trở thành bộ phận mật thiết của Đức Chúa Jêsus để chúng ta chia sẻ những lời hứa cho dòng dõi. Cách này chính là phép báp-têm trong Đức Chúa Jêsus-Christ (Rôma 6:3-5); nhiều khi chúng ta đọc về phép báp-têm nhân danh Đấng Christ (Côngvụ 2:38; 8:16; 10:48; 19:5). Galati 3:27-29 đã chỉ rõ hoàn toàn:-

“Anh em thấy đều (tức là nếu nhiều người!) chịu phép báp-têm trong Đấng Christ, đều mặc lấy Đấng Christ vậy. Tại đây không còn chia ra người Giu-đa hoặc người Gơ-réc (người ngoại đạo Do thái); không còn người tôi mọi hoặc người tự chủ; không còn đàn ông hoặc đàn bà, vì (nhờ đang là) trong Đức Chúa Jêsus-Christ (bởi phép báp-têm), anh em thấy đều làm một. Lại nếu anh em thuộc về Đấng Christ (bởi phép báp-têm trong Ngài), thì anh em là dòng dõi của Áp-ra-ham, tức là kẻ kế tự theo lời hứa”.

- Lời hứa về sự sống đời đời trên đất, thông qua sự nhận “phước” được tha thứ thông qua Đức Chúa Jêsus. Chính bởi chịu phép báp-têm trong Đấng Christ, dòng dõi, chúng ta chia sẻ những lời hứa được ban cho Đấng Christ; và bởi vậy Rôma 8:17 gọi chúng ta “kẻ đồng kế tự với Đấng Christ”.

Bạn hãy nhớ rằng phước đã phải xuống đến loài người khắp thế giới, nhờ dòng dõi; và dòng dõi đã phải trở thành một nhóm người rộng khắp thế giới, giống như cát trên bờ biển và các ngôi sao trên trời. Vì họ đầu tiên nhận được phước thì họ đã trở thành dòng dõi. Tức là, nhờ một hạt giống (duy nhất) thì “người ta (tức là nhiều người) sẽ kể dòng dõi ấy là dòng dõi của Chúa” (Thithiên 22:30). Chúng ta có thể tóm tắt hai bộ phận của lời hứa cho Áp-ra-ham:-

(1) Đất

Áp-ra-ham và dòng dõi của người, Đức Chúa Jêsus, và những người trong Đấng Christ sẽ thừa kế đất Ca-na-an và, trong ý nghĩa mở rộng, cả trái đất, và sống ở đó mãi mãi. Trong đời này họ sẽ không

nhận đất, nhưng họ sẽ nhận vào ngày cuối cùng, khi Đức Chúa Jêsus trở lại về.

(2) Dòng dõi

Đầu tiên đó đã là Đức Chúa Jêsus. Thông qua Đấng Christ những tội lỗi (“kẻ thù”) của loài người sẽ được khắc phục, để cho phước tha thứ có thể có được khắp thế giới.

Bởi phép báp-têm nhân danh Đức Chúa Jêsus-Christ chúng ta trở thành bộ phận của dòng dõi.

Cả hai chủ đề này nảy ra trong lời giảng của Kinh Tân ước, và không có gì ngạc nhiên ở chỗ là nhiều khi người ta nghe lời giảng này và chịu phép báp-têm sau đó. Chính ở đây đã và đang là con đường để cho lời hứa đó trở thành lời hứa cho chúng ta. Bây giờ chúng ta có thể hiểu tại sao Phao-lô, lúc người già rồi và đứng trước mặt sự chết, đã có thể gọi sự trông cậy của mình là “sự trông cậy của dân Y-sơ-ra-ên (Côngvụ 28:20): sự trông cậy thật sự của tín đồ theo Chúa là sự trông cậy vốn có của dân Giu-đa. Lời của Đấng Christ rằng “sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến” (Giăng 4:22) cũng phải liên quan đến sự cần thiết phải trở thành người Giu-đa được Đức Thánh linh soi sáng, do đó mà chúng ta có thể được lợi trong lời hứa cứu rỗi bởi Đấng Christ mà đã được ban cho tổ phụ Giu-đa.

Chúng ta đọc rằng những người đầu tiên theo Chúa đã giảng:-

- 1) “Tin lành về nước Đức Chúa Trời
và

- 2) danh Đức Chúa Jêsus-Christ” (Côngvụ 8:12).

Đây chính là hai điều được giải thích cho Áp-ra-ham nhưng gọi hơi khác một chút:-

- 1) Những lời hứa về xứ và
- 2) Những lời hứa về dòng dõi.

Xin tranh thủ nói rằng “Tin lành” về Nước và Đức Chúa Jêsus được tóm tắt lại thành lời “giảng về Đấng Christ” (Côngvụ 8:5 so sánh câu 12). Người ta hay hiểu câu này như: “Đức Chúa Jêsus yêu thương bạn! Bạn

chỉ nói bạn tin rằng Đấng Christ đã chết vì bạn và bạn sẽ được cứu rỗi ngay!” Nhưng mà câu “Đấng Christ” rõ ràng tóm tắt lại nhiều lời giảng về Đấng và về Nước đời sau. Tin mừng về Nước này mà được giảng cho Áp-ra-ham đã đóng vai trò lớn tại giai đoạn ban đầu giảng Tin lành.

Ở thành Côrintô, Phao-lô “trong ba tháng giảng luận một cách dạn dĩ ở đó; giải bày những điều về nước Đức Chúa Trời mà khuyên dỗ các người nghe mình” (Côngvụ 19:8); Ở thành Ephêsô, người đã đi khắp nơi “giảng về nước Đức Chúa Trời” (Côngvụ 20:25), và tiếng hót vĩnh biệt của người ở Rô-ma cũng là như vậy, “Người cứ làm chứng và giảng giải với họ về nước Đức Chúa Trời, lấy luật pháp... và các đấng tiên tri mà gắng sức khuyên bảo họ về Đức Chúa Jê-sus” (Côngvụ 28:23,31). Việc cần phải nói nhiều điều thế chỉ rõ rằng lời cơ bản truyền lại Tin lành về Nước và Đức Chúa Jê-sus không phải chỉ là chuyện nói “Hãy tin Đức Chúa Jê-sus” thôi. Mặc khải của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham chi tiết hơn câu này, và những điều được hứa cho người là nền tảng của Tin lành Cơ đốc chân chính.

Chúng ta đã chỉ rõ rằng phép báp-têm trong Đấng Christ biến chúng ta thành bộ phận của dòng dõi, và bởi vậy chúng ta có khả năng thừa kế lời hứa (Galati 3:27-29), nhưng phép báp-têm tự nó vẫn chưa đủ để giành cho chúng ta sự cứu rỗi được hứa. Chúng ta phải ở lại trong dòng dõi, trong Đấng Christ, nếu chúng ta phải nhận điều hứa cho dòng dõi. Cho nên, phép báp-têm chỉ là sự bắt đầu; chúng ta đã bước vào chạy đua mà chúng ta phải chạy vậy. Đừng quên rằng, về mặt gen/di truyền, bản thân sự thuộc về dòng dõi của Áp-ra-ham không có nghĩa rằng Đức Chúa Trời chấp nhận chúng ta. Những người Do thái là dòng dõi của Áp-ra-ham về mặt nhất định, nhưng việc này không có nghĩa rằng họ có thể được cứu rỗi một cách không chịu phép báp-têm và không làm cuộc đời mình theo Đấng Christ và gương của Áp-ra-ham (Rôma 9:7,8; 4:13,14). Đức Chúa Jê-sus đã nói cho dân Giu-đa: “Ta biết rằng các ngươi là dòng dõi Áp-ra-ham, nhưng các ngươi tìm để giết ta... Nếu các ngươi là con Áp-ra-ham, thì chắc sẽ làm công việc của Áp-ra-ham” (Giăng 8:37,39),

mà là sống với Đức tin Đức Chúa Trời và Đấng Christ, dòng dõi được hứa (Giăng 6:29).

“Dòng dõi” phải có tính cách của tổ tiên mình. Nếu chúng ta phải là dòng dõi thực sự của Áp-ra-ham, thì cho nên chúng ta cần không phải chỉ chịu phép báp-têm thôi mà cả có niềm tin rất thật sự vào những lời hứa của Đức Chúa Trời, đúng như người đã có. Chính vì thế người được gọi là “Cha hết thấy những kẻ tin... cũng noi theo dấu đức tin mà Áp-ra-ham, tổ phụ chúng ta, đã có trước” (Rôma 4:11,12). “Vậy anh em hãy nhận biết (tức là thật suy nghĩ sâu sắc!) rằng những Ai có đức tin là con cháu thật của Áp-ra-ham” (Galati 3:7).

Niềm tin thật sự phải hiện ra qua công việc nào đó, nếu không thì, theo cách nhìn của Đức Chúa Trời, đây không phải là niềm tin (Giacơ 2:17). Chúng ta bày tỏ tin tưởng ở những lời hứa mà chúng ta đã nghiên cứu bằng cách chịu phép báp-têm trước hết, do đó mà lời này đến trực tiếp với chúng ta (Galati 3:27). Vậy, bạn có thật tin lời hứa Đức Chúa Trời không? Đây là một câu hỏi mà chúng ta phải hỏi mình liên tục trong suốt cả đời.

Giao Ước Cũ Và Mới

Đến lúc này, chúng ta phải rõ là những lời hứa cho Áp-ra-ham tóm tắt lại Tin lành của Đấng Christ. Một loạt lời hứa đã do Đức Chúa Trời ban cho dân Giu-đa trong văn cảnh của luật pháp Môi-se. Những lời hứa này đã nói rõ rằng nếu dân Giu-đa theo luật này thì họ sẽ được phước trong cuộc đời thực tế này (Phục truyền 28). Trong loạt lời hứa, hoặc “giao ước”, này đã không nói lời hứa thẳng thắn về sự sống đời đời. Vì vậy, chúng ta thấy rằng đã được làm hai “giao ước”:-

- 1) Với Áp-ra-ham và dòng dõi của người đã được hứa sự tha thứ và sự sống đời đời trong Nước Đức Chúa Trời lúc Đấng Christ trở về. Lời hứa này cũng được làm ở Ê-đen và với Đa-vít.

2) Với dân Giu-đa vào thời Môi-se đã được hứa cho họ sẽ có hòa bình và hạnh phúc trong cuộc đời hiện nay nếu họ tuân theo luật pháp do Đức Chúa Trời ban cho Môi-se.

Đức Chúa Trời đã hứa cho Áp-ra-ham sự tha thứ và sự sống đời đời trong Nước Ngài, nhưng điều đó có thể có chỉ nhờ sự hy sinh của Đức Chúa Jêsus. Bởi lý do này chúng ta đọc là sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá đã làm chắc chắn những lời hứa cho Áp-ra-ham (Galati 3:17; Rôma 15:8; Đanêên 9:27; 2 Côrintô 1:20), vì thế máu của Đấng được gọi “huyết của sự giao ước mới” (giao ước, Mathiơ 26:28). Chính để nhớ điều này, Đức Chúa Jêsus đã nói rằng chúng ta nên nâng chén rượu nho tượng trưng cho máu Ngài để tưởng nhớ điều này (xem 1 Côrintô 11:25): “Chén này là giao ước mới trong huyết ta” (Luca 22:20). Hoàn toàn vô lý “bẻ bánh” để tưởng nhớ Đức Chúa Jêsus và công việc của Đấng nếu chúng ta chưa hiểu những điều này.

Sự hy sinh của Đức Chúa Jêsus đã làm sự tha thứ và sự sống đời đời trong Nước Đức Chúa Trời có thể có được; cho nên Đấng đã làm những lời hứa cho Áp-ra-ham chắc chắn; Đấng đã làm “bảo lãnh cho một cái giao ước rất tôn trọng hơn cái trước” (Hebơơ 7:22). Hebơơ 10:9 nói về Đức Chúa Jêsus “bỏ điều (giao ước) trước, đặt lập điều sau”. Câu này chỉ rõ rằng khi Đức Chúa Jêsus đã xác nhận những lời hứa cho Áp-ra-ham, thì Ngài làm hết một giao ước khác, tức là giao ước được ban cho qua Môi-se. Những câu về Đức Chúa Jêsus xác nhận giao ước mới bởi sự chết mà chúng ta đã trích dẫn rồi có ý là đã có một giao ước cũ mà Đấng Christ thay thế hết rồi (Hebơơ 8:13).

Câu này có nghĩa là mặc dù giao ước liên quan đến Đấng Christ được làm đầu tiên, giao ước này chưa vận hành trong chúng ta cho đến khi Đấng Christ chết, cho nên giao ước này được gọi giao ước “mới”. Mục tiêu của giao ước “cũ” được làm qua Môi-se là báo trước về công việc của Đức Chúa Jêsus và nêu bật tầm quan trọng của niềm tin vào những lời hứa về Đấng Christ (Galati 3:19, 21). Ngược lại, niềm tin vào Đấng Christ xác nhận lẽ thật của luật pháp được ban cho Môi-se (Rôma 3:31).

Phao-lô tổng kết một cách rất hay: “Luật pháp đã như thầy giáo để dẫn chúng ta đến Đấng Christ, hầu cho chúng ta bởi đức tin mà được xưng công bình” (Galati 3:24). Chính vì mục đích này luật pháp đã được giữ gìn nhờ Mô-se, và vẫn có ích cho công tác nghiên cứu của chúng ta. Những điều này khó hiểu khi đọc lần đầu tiên; chúng ta có thể tổng kết như sau:-

Những lời hứa liên quan đến Đấng Christ được nói cho Áp-ra-ham là Giao ước Mới.

Những lời hứa cho dân Y-sơ-ra-ên liên tưởng với luật pháp được ban cho Môi-se là Giao ước Cũ.

Đấng Christ đã chết. Giao ước Cũ đã hết (Cô-lô-se 2:14-17). Giao ước Mới đã bắt đầu có tác dụng.

Bởi lý do này, những việc như sự đánh thuế thập phân, sự tuân giữ Ngày Sa-bát, v.v., mà đã là bộ phận của Giao ước Cũ, hiện nay không cần nữa, xin xem Bài 9.5. Giao ước Mới sẽ được làm với dân gốc Y-sơ-ra-ên khi họ hối hận và chấp nhận Đấng Christ (Giê-rê-mi 31:31,32; Rô-ma 9:26,27; Echê-kiên 16:62; 37:26), mặc dù, tất nhiên, nếu hiện nay, người Do thái nào làm việc này và chịu phép báp-têm trong Đấng Christ, có thể vào Giao ước Mới (ở đây không có sự phân biệt người Do thái hay không phải là người Do thái (Galati 3:27-29)).

Sự đánh giá đúng những điều này làm chúng ta nhận thức tính chắc chắn của lời hứa của Đức Chúa Trời. Những người hay hoài nghi một cách bất công đã tố cáo những người đầu tiên thuyết giáo Thiên Chúa là họ không có lời truyền lại xác thực. Phao-lô đã trả lời rằng bởi vì Đức Chúa Trời đã xác nhận lời hứa của Ngài gắn liền với sự chết của Đấng Christ rồi, thì hy vọng mà họ đã giảng không phải là một việc mạo hiểm nhưng là một đề nghị hoàn toàn chắc chắn: “Thật như Đức Chúa Trời là thành tín, lời chúng tôi nói với anh em cũng chẳng phải khi thì phải khi thì chẳng vậy. Con Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Jê-sus-Christ, mà chúng tôi... đã giảng ra trong anh em, chẳng phải là vừa phải vừa không đâu, nhưng trong Ngài chỉ có phải mà thôi. Vì rằng cũng như các lời hứa của

Đức Chúa Trời đều là phải trong Ngài cả, ấy cũng bởi Ngài mà chúng tôi nói “A-men” (2 Côrintô 1:17-20).

Tất nhiên, điều này phá hoại quan điểm, Thế, tôi đoán rằng có thể có lẽ thật nào đó trong tất cả những điều này...”, có phải không?

3.5 Lời Hứa Cho Đa-Vít

Đa-vít, cũng như Áp-ra-ham và nhiều người khác nhận lời hứa của Đức Chúa Trời, đã gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Người đã lớn lên như con út trong gia đình lớn, ở nước Y-sơ-ra-ên, vào năm 1000 trước công lịch, điều đó có nghĩa là con trai phải chần cừ và chạy việc vặt cho các anh trai thích (1 Samuên 15-17). Trong thời đó người đã đạt mức độ đức tin Chúa Trời mà ít người có lúc đó.

Đã đến một ngày khi nước Y-sơ-ra-ên đứng trước sự thách thức sống hay chết từ dân Phi-li-tin sống ở vùng lân cận; họ được thách phải gửi một người của mình đấu địch với một người lực sĩ Gô-li-át, người vô địch từ trại quân Phi-li-tin, với điều kiện là ai thắng thì bên người đó sẽ thống trị bên thua. Nhờ Đức Chúa Trời giúp đỡ, Đa-vít đã đánh thắng Gô-li-át với ná bắn đá và trở thành được quần chúng yêu mến hơn vua của họ (Sau-lơ). “Lòng ghen hung dữ như Âm phủ” (Nhã ca 8:6), những lời này tỏ ra là đúng vì Sau-lơ đã bắt bớ Đa-vít trong 20 năm tiếp theo khi săn đuổi người như kẻ phản bội khắp vùng đồng vắng ở miền nam Y-sơ-ra-ên.

Cuối cùng Đa-vít đã trở thành vua, và vì muốn bày tỏ mình đánh giá cao lòng yêu thương của Đức Chúa Trời đối với mình trong lúc bị hoang tàn trong cuộc đời thì người đã định xây dựng một cái đền cho Đức Chúa Trời. Còn Đức Chúa Trời trả lời rằng con trai của Đa-vít, Sa-lô-môn, sẽ xây đền, và Đức Chúa Trời muốn xây dựng nhà cho Đa-vít (2 Samuên

7:4-13). Sau đó có lời hứa nhắc lại nhiều điều được nói cho Áp-ra-ham và đã bổ sung thêm một số chi tiết thêm:-

“Khi các ngày người đã mãn, và người ngủ với các tổ phụ người, thì ta sẽ lập dòng giống người kế vị người, là dòng giống do người sanh ra, và ta sẽ khiến cho nước nó bền vững. Nó sẽ xây một đền thờ cho danh ta, và ta sẽ khiến cho ngôi cùng nước đó bền vững đời đời. Ta sẽ làm Cha nó, nó sẽ làm con ta. Nếu nó phạm tội ác, tất ta sẽ sửa phạt nó bằng roi và thương vít loài người; nhưng ta sẽ không rút ân điển ta khỏi nó như ta rút khỏi Sau-lơ, là kẻ ta đã trừ diệt khỏi trước mặt người. Như vậy, nhà người và nước người được bền vững trước mặt người đời đời; ngôi người sẽ được vững lập đến mãi mãi” (câu 12-16).

Dựa vào những bài nghiên cứu trước, chúng ta sẽ coi “dòng giống” phải là Đức Chúa Jêsus. Cách miêu tả Đấng như con trai của Đức Chúa Trời (2 Samuên 7:14) xác nhận điều này, nhiều chỗ trong Kinh thánh cũng nói như thế:-

- “Ta là ... hậu tự của Đa-vít”, Đức Chúa Jêsus đã nói (Khải huyền 22:16).
- Đức Chúa Jêsus “theo xác thịt thì bởi dòng dõi vua Đa-vít sanh ra” (Rôma 1:3).
- Theo lời hứa, Đức Chúa Trời bèn bởi dòng dõi người (Đa-vít) mà dựng lên cho dân Y-sơ-ra-ên một Cứu Chúa, tức là Đức Chúa Jêsus “ (Côngvụ 13:23).
- Thiên sứ đã nói cho nữ đồng trinh Ma-ri về con trai của Ma-ri, Jêsus: “Chúa, là Đức Chúa Trời, sẽ ban cho Ngài ngôi Đa-vít là tổ phụ (tổ tiên) Ngài... nước Ngài vô cùng” (Luca 1:32,33). Điều này gắn liền lời hứa về dòng dõi của Đa-vít, trong Samuên 7:13, với Đức Chúa Jêsus.

Khi đã gắn liền chặt chẽ dòng dõi với Đức Chúa Jêsus, rất nhiều chi tiết trở thành đầy ý nghĩa:-

1) Dòng dõi

“Dòng dõi người kế vị người... Ta sẽ làm cha nó, nó sẽ làm con ta.” “... Ta sẽ đặt trên ngôi người một con người sanh ra” (2 Samuên 7:12,14; Thithiên 132:10,11). Đức Chúa Jêsus, dòng dõi, đã phải là một người nối dõi của Đa-vít về thân thể theo nghĩa của từ, và con nữa, có Đức Chúa Trời làm Cha. Điều này có thể hoàn thành được chỉ nếu sinh ra từ nữ đồng trinh, như Kinh Tân ước miêu tả; mẹ của Đức Chúa Jêsus đã là Ma-ri, người nối dõi của Đa-vít (Luca 1:32), nhưng Đấng Christ đã không có Cha là con người. Đức Chúa Trời đã tác động một cách thần diệu đến dạ con của Ma-ri bởi Đức Thánh Linh để Ma-ri có thể thụ thai Jêsus, và vì thế, Thiên sứ đã giải thích, “cho nên con thánh sanh ra, phải xưng là Con Đức Chúa Trời” (Luca 1:35). “Sự sinh ra từ nữ đồng trinh” đã là một phương pháp duy nhất để thực hiện chính xác lời hứa này cho Đa-vít.

2) Nhà

“Nó sẽ xây một đền thờ cho danh ta” (2 Samuên 7:13), câu này chỉ rõ rằng Đức Chúa Jêsus sẽ xây dựng đền thờ cho Đức Chúa Trời cả theo nghĩa của từ cả theo nghĩa thiêng liêng. Ê-chê-ki-en 40-48 miêu tả quá trình xây dựng một đền thờ ở Giê-ru-sa-lem trong Nghìn năm (1000 năm đầu tiên của Nước Đức Chúa Trời sau khi Đức Chúa Jêsus trở lại đất). “Nhà” của Đức Chúa Trời là ở nơi mà Ngài thích ở, và Êsai 66:1,2 nói rằng Ngài sẽ đến ở trong trái tim của những người khiêm nhường đối với lời của Ngài. Cho nên Đức Chúa Jêsus đang xây dựng một đền thờ thiêng liêng làm bởi những tin đồ chân chính để Đức Chúa Trời ở đó. Sự miêu tả Đức Chúa Jêsus như là hòn đá móng của đền thờ Đức Chúa Trời (1 Phiơơ 2:4-8) và những người theo Chúa như đá sống xây đền thờ (1 Phiơơ 2:5) bây giờ xếp rất đúng chỗ trong trò chơi lắp hình.

3) Ngôi

“Ta sẽ khiến cho ngôi cùng nước nó (của Đấng Christ) bền vững đời đời... nhà người (của Đa-vít) và nước người... ngôi người sẽ được vững lập đến mãi mãi” (2 Samuên 7:13,16 so sánh Êsai 9:6,7). Cho nên Nước của Đấng Christ sẽ đặt vào nước của Đa-vít ở Y-sơ-ra-ên; điều này có

nghĩa là Nước Đức Chúa Trời đời sau sẽ là sự sáng lập lại nước Y-sơ-ra-ên hãy xem Bài 5.3 để biết thêm chi tiết. Muốn thực hiện lời hứa này, Đấng Christ phải thống trị trên “ngôi” của Đa-vít, hoặc nơi cầm quyền. Theo nghĩa của từ, đây đã là ở Giê-ru-sa-lem. Điều này thêm một bằng chứng rằng Nước phải được sáng lập ở đây trên trái đất để thực hiện những lời hứa này.

-4) Nước

“Nhà người và nước người được bền vững trước mặt người đời đời” (2 Samuên 7:16), câu này gợi ý là Đa-vít sẽ chứng kiến sự sáng lập Nước đời đời của Đấng Christ. Cho nên đây đã là lời hứa gián tiếp rằng người sẽ được sống lại lúc Đấng Christ trở về để cho người có thể tận mắt thấy Nước đang sáng lập khắp thế giới, với Đức Chúa Jêsus thống trị từ Giê-ru-sa-lem.

Những điều rất quan trọng này được hứa cho Đa-vít cần hiểu thật sâu. Đa-vít đã nói với niềm vui về những điều đó như là “một giao ước đời đời... đó là cả sự cứu rỗi và cả sự ước ao của ta” (2 Samuên 23:5). Những điều này cũng liên quan đến sự cứu rỗi của chúng ta; ước ao của chúng ta cũng phải là cùng vui hưởng nó. Vậy, một lần nữa, xin nêu rõ vấn đề là những điều dạy này rất quan trọng. Tấn bi kịch ở chỗ là một số giáo lý Cơ đốc dạy các điều mâu thuẫn rất rõ với những lẽ thật tuyệt diệu này:-

- Nếu Đức Chúa Jêsus “đã tồn tại trước” về thân thể, tức là đã tồn tại như con người trước khi sinh ra, thì những lời hứa rằng Đức Chúa Jêsus sẽ là “dòng dõi”, hoặc con cháu, của Đa-vít thành vô lý.
- Nếu nước Đức Chúa Trời sẽ ở trên trời thì Đức Chúa Jêsus không thể sáng lập lại nước Y-sơ-ra-ên của Đa-vít, và kể cả Đấng không thể thống trị từ “ngôi”, hoặc nơi thống trị, của Đa-vít. Những sự này, theo từng chữ, đã trên đất và cho nên sự sáng lập sự này lại cũng phải ở chỗ cũ.

Sự thực hiện trong Sa-lô-môn phải không?

Sa-lô-môn, con trai thực sự của Đa-vít, đã thực hiện một phần lời hứa cho Đa-vít. Người đã xây dựng một đền thờ thực sự cho Đức Chúa Trời (1 Các Vua 5-8), và vương quốc của người đã phồn vinh. Muôn dân từ khắp nơi đã gửi đại diện để chào Sa-lô-môn (1 Các Vua 10), và dùng đền thờ, người được phước thiêng liêng. Sự thống trị của Sa-lô-môn đã định hướng đến sự thực hiện cang đầy đủ hơn những lời hứa cho Đa-vít mà sẽ có thể được thấy trong nước Đấng Christ.

Một số người cho rằng là những lời hứa cho Đa-vít đã được thực hiện hoàn toàn trong Sa-lô-môn, không thể đồng ý vì:-

- Nhiều bằng chứng trong Kinh Tân ước chỉ rõ rằng “dòng dõi” đã là Đấng Christ, không phải Sa-lô-môn.
- Đa-vít hình như đã gắn liền những lời hứa của Đức Chúa Trời cho mình với lời cho Áp-ra-ham (1 Sử Ký 17:27 = Sáng thế 22:17,18).
- Nước của “dòng dõi” đã phải đời đời, còn nước của Sa-lô-môn đã không đời đời.
- Đa-vít nhận thức rằng lời hứa nói về sự sông đời đời, không phải trực tiếp về gia đình thực sự của người: “Nhà ta dầu chẳng phải như vậy trước mặt Đức Chúa Trời, song Ngài đã lập với ta một giao ước đời đời” (2 Samuên 23:5).
- Dòng dõi của Đa-vít là Mê-si, Cứu Chúa mà cứu khỏi tội lỗi (Êsai 9:6,7; 22:22; Giêrêmi 33:5,6,15; Giăng 7:42). Nhưng sau đó Sa-lô-môn đã bỏ Đức Chúa Trời (1 Các Vua 11:1-13; Nahum 13:26) vì đã kết hôn với phụ nữ thuộc người ngoại sự trồng cây của Y-sơ-ra-ên.

Bài đọc thêm 9: Sự hủy diệt Trời và Đất (Khải huyền 21:1; 2Phiơơ 3:6-12):

Mục đích của Đức Chúa Trời là dựng nước của Ngài trên đất (xem bài 5), Không thể có được khi nghĩ rằng Ngài sẽ hủy diệt hành tinh này, xem bài 3.3 đã chứng minh rằng Ngài luôn hứa không làm như vậy. Câu nói về sự hủy diệt trời và đất phải được xem xét theo nghĩa bóng.

Sách Phiơơ cho thấy điểm giống nhau giữa xét đoán trên đất trong thời kỳ Nô-a và điều sẽ xảy ra trong ngày Chúa Jesus trở lại. Thế gian ngày ấy đã bị hủy diệt bởi nước lụt: trời và đất ngày nay... để dành cho lửa đốt trong ngày xét đoán (2 Phiơơ 3:6,7)

Phiơơ chỉ ra sự khác biệt giữa nước là tác nhân hủy diệt trong kỳ Nô-a, và lửa sẽ được dùng ngày Chúa trở lại. “Trời và đất” trong kỳ Nô-a đã bị hủy diệt thật sự (theo nghĩa đen) – “mọi xác thịt tội lỗi đều bị diệt” (Sáng thế 7:21 so sánh 6:5,12). “Trời và đất ở đây nói đến hệ thống của các sự vật và tổ chức. Những ai hiểu sai thông điệp này có khuynh hướng bỏ qua sự hủy diệt trời được đề cập tới. Vấn đề này không thể xem xét theo nghĩa đen – Trời và đất là nơi ở của Đức Chúa Trời (Thithiên 123:1), ở đó không có tội lỗi (Habacuc 1:13; Thithiên 65:4,5), nói về sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (thithiên 19:1). Nếu các câu ấy nói đến điều gì đó theo nghĩa bóng, thì “đất” cũng phải như vậy.

Những đoạn sau đây chứng minh cách thức trời và đất trong các đoạn kinh thánh không xem xét theo nghĩa đen, nhưng nói đến một hệ thống sự vật on đất:

- “Tôi xem đất: nầy, là vô hình và trống không; xem các tầng trời: không có các sự sáng... vì Đức Chúa Trời đã phán: cả đất sẽ hoan vu (Do thái)... bởi cớ đó đất sẽ xấu thắm, các tầng trời sẽ tối đen” (Giêrêmi 4:23-28). Đây là lời tiên tri sự xét đoán xảy đến trời và đất và dân Isơơren, ở đó họ khóc lóc (không phải là trời và đất theo nghĩa đen).
- Môse trước kia nói trước dân Isơơren rằng: “Hỡi trời, hãy lắng tai, tôi sẽ nói; và đất hãy nghe những lời của miệng tôi” (Phục truyền 32:1). Điều này nhấn mạnh rằng chỉ có hai loại người mà Ông muốn

nói: thứ nhất “các trưởng lão của các chi phái” và thứ 2 “tất cả dân sự Isơraen” (Phục truyền 31:28,30). Các trưởng lão ví như “các tầng trời” và những người dân thường ví như là “đất”.

- Esai bắt đầu bài tiên tri của mình: “Hỡi các tầng trời, hãy nghe; hỡi đất, hãy lắng nghe; Hỡi các quan trưởng Sôdôm, hãy lời của Đức Giêhôva; hỡi dân Gômôrơ, hãy để tai vào luật pháp của Đức Chúa Trời chúng ta” (Esai 1:2,10). Lại một lần nữa, có sự giống nhau giữa trời và các quan trưởng; và giữa đất và dân sự.
- “Ngài kêu các tầng trời trên cao, và trên đất, đặt đoán xét dân sự Ngài” dân Isơơen (Thi thiên 50:4). Câu này đã rõ ràng và không cần phải giải thích.
- “Ta sẽ lay chuyển các dân tộc... Ta sẽ lay chuyển trời và đất” (Hagai 2:7,21).
- “Vì gương ta đã uống đủ ở trên trời; này, nó sẽ xuống trên Êđôm.. Gương của Đức Giêhôva ướm đầy máu... vì có sự tể tự Đức Giê va ở Bốt ra, và có sự đánh giết lớn ở đất Êđôm” (Esai 34:5,6). Ở đây, Trời được nói bằng Êđôm; lời tiên tri trước rằng “Cả cơ binh trên trời sẽ tan tác” (Esai 34:4) cũng nói đến sự tan tác của thành Êđôm.
- Trời và đất được đề cập như là sự tan tác trong Esai 13 nói đến người dân Babilon. Hàng loạt các câu nói về Babilon mà chúng ta đọc Đức Chúa Trời “sẽ khiến các tầng trời rung rinh, và đất sẽ thay chỗ... bấy giờ ai nấy như con hươu bị đuổi, như bầy chiên không người nhóm lại, sẽ trở lại cùng dân mình, sẽ trốn về sứ mình” (Esai 13:13,14). Chạy khỏi trời và đất cũng tương tự như dân sự gặp. Hebơơ 9:26 tiên tri về “ngày cuối của thế gian” đã xảy ra trong thế kỷ đầu tiên.-ngày đó dân Do thái hầu như bị diệt bấy giờ.

Tất cả được cất giữ trong tâm trí, hy vọng cho thấy sự liên hệ kinh tân ước đến trời và đất trong ngày Chúa Jesus tái lâm sẽ là một hệ thống những sự vật mà chúng ta sẽ chứng kiến khi nước của Chúa dựng nên.

Xem xét kỹ hơn sách 2 Phiơơ 3 khẳng định điều này. Khi mô tả trời và đất sẽ chấm dứt như thế nào, câu 13 viết tiếp: “Tuy nhiên, theo lời hứa, chúng ta trông chờ trời mới và đất mới, ở đó sự công bình sống với nhau”. Đây trích dẫn lời hứa của Đức Chúa Trời trong Esai 65:17: “Này,

Ta tạo trời mới và đất mới”. Các câu còn lại của Esai 65 tiếp tục mô tả hệ thống những điều mới lạ, như thể một sự hoàn hảo trên đất:

- “Này, Ta tạo thành Giêrusalem sự vui mừng... họ sẽ không phải xây và một nơi ở mới... ở đó sẽ không có trẻ con chết non... muông sói và chiên con sẽ ăn chung” (Esai 65:18-25).

Sự ban phước này rõ ràng nói đến nước đang đến của Đức Chúa Trời trên đất – đất mới trời mới sẽ làm thay đổi cái cũ khổ khó này.

Bài đọc thêm 10: Lời Hô Thán “British Isoroen”

Quan điểm này được phát triển bởi những người ủng hộ hội nguồn sáng của H.W.Armstrong cho rằng lời hứa dành cho Apraham đã được ứng nghiệm ở nước Anh và dân Mỹ, họ hô thán rằng họ là chi phái của Ephraim và Manasseh. Thành viên của phong trào “Người Anh gốc Do thái” tin rằng các Đức vua và hoàng hậu của nước Anh sinh từ dòng dõi Giuda, sinh từ dòng dõi vua David. Để minh chứng cho lý thuyết của mình, họ kết luận rằng dân Giuda đã bị ruồng bỏ khi dân sự của Đức Chúa Trời và người Anh được chọn thay vì họ.

Nếu lời lập luận trong bài 3 đúng, thì rõ ràng là sự hô thán này không có cách nào minh chứng thuyết phục được. Sau đây là một số ý để tham khảo thêm:

- Vì mọi người đều đã phạm tội” (Rôma 3:23), cho nên Đấng Christ chịu chết để làm cho con người có cơ hội đến với sự cứu rỗi. Bất kỳ dân tộc nào ở đó chúng ta được sinh ra nếu chúng ta chịu phép baptem trong Christ thì trở thành một phần không tách rời dân Isoroen (Galati 3:27-29). Chúng nhận mạng lệnh để truyền giảng khắp thế gian, làm phép baptem cho những ai tin (Mac 16:15,16); cho nên Do thái mới bao gồm dân sự khắp nơi, không riêng gì dân tộc Anh.
- Thật khó để tìm hiểu nguồn gốc dân tộc Anh và Mỹ; nước họ là tập hợp các dân tộc khác nhau khắp nơi trên thế giới. Chỉ vì ai đó sinh ra ở những nước ấy không có nghĩa là họ là dân tộc được chọn của Đức Chúa Trời.

- Người Anh gốc Do Thái hô thán rằng phước hứa cho dòng dõi Apraham đã ứng nghiệm tại dân Anh, không liên quan gì đến việc họ vâng lời Chúa hay không. Quan điểm này trái ngược với nguyên tắc rằng phước của Đức Chúa Trời đến do biết vâng lời Đức Chúa Trời. Sách Levi 26 và Phục truyền 28 phát họa sự ban phước đến dân tộc Isơrơen nếu họ biết vâng lời Ngài; sự rửa xả đến với họ nếu họ bất phục. Hô thán rằng Đức Chúa Trời đã ban dân Anh phước hạnh này không liên quan gì đến việc họ vâng lời Chúa hay không, chắc chắn đã vi phạm những điều mà Đức Chúa Trời dạy.
- Ngụ ý rằng Đức Chúa Trời đã ruồng bỏ dân Isơrơen và đón nhận dân Anh khi căn cứ vào đoạn trong Rôma 11:1,2: “Đức Chúa Trời đã bỏ dân Ngài chăng? Vì Phaolô cũng là dân Isơraen, dòng dõi Apraham... Đức Chúa Trời đã không bỏ dân mà Ngài biết đến.
- Nước của Đức Chúa Trời đã là nước Isơrơen trong quá khứ (2 Sử ký 9:8). Nước này đã bị lật đổ vì sự bất phục của họ, nhưng nước Chúa sẽ được dựng lại (Echikien 21:25-27). Nước Chúa sẽ trở lại Gierusalem (Mica 4:8) khi đó Chúa Jesus cai trị trên Ngôi David (Luca 1:32).
- Dân Do thái sống khắp nơi hiện giờ sẽ phải được đem về từ mọi miền đất nước về nơi mà họ đạ ra đi: “Ta sẽ đem con cái Isơrơen ra khỏi giữa các nước mà trong các nước ấy chúng nó đã ra đi. Ta sẽ nhóm chúng nó lại từ bốn phương, và đem chúng nó về trong đất riêng của chúng nó.” (Exechien 37:21,22). Điều này ứng nghiệm khi chính người Isơrơen trở về quê hương mình; lời ứng nghiệm trọn vẹn sẽ là nước của Đức Chúa Trời, sự trở về của dân Do thái hẳn chẳng còn bao lâu nữa.

Bài 3: Câu hỏi

1. Lời hứa nào của Đức Chúa Trời báo trước về cuộc đấu tranh liên tục giữa tội và lẽ thật?
 - a) Lời hứa cho Nô-ê
 - b) Lời hứa trong vườn Ê-đen
 - c) Lời hứa cho Đa-vít
 - d) Lời hứa cho Áp-ra-ham
2. Câu nào nói đúng về lời hứa trong vườn Ê-đen?
 - a) Dòng dõi của con rắn là Ma vương-Lucifer
 - b) Đấng Christ và những người thiện là dòng dõi của người nữ
 - c) Dòng dõi của con rắn đã bị tổn thương tạm thời do Đấng Christ
 - d) Dòng dõi của người nữ đã bị tổn thương bởi sự chết của Đấng Christ.
3. Dòng dõi của Áp-ra-ham sẽ sống đời đời ở đâu?
 - a) Trên trời
 - b) ở thành Giê-ru-sa-lem
 - c) Trên đất
 - d) Một số trên trời và một số trên đất.
4. Điều nào được hứa cho Đa-vít?
 - a) Một người nối dõi vĩ đại sẽ thống trị đời đời
 - b) Dòng dõi của người sẽ có Nước trên Trời
 - c) Dòng dõi sẽ là con trai của Đức Chúa Trời
 - d) Dòng dõi của người, Đức Chúa Jê-sus, sẽ sống trên Trời trước khi sinh ra trên đất.
5. Làm thế nào chúng ta trở nên dòng dõi của Áp-ra-ham?
6. Trái đất chắc chắn sẽ bị hủy diệt?
7. Làm thế nào lời hứa của Đức Chúa Trời chứng minh câu trả lời của bạn cho câu hỏi số 6?
8. Hãy giải thích lời hứa trong vườn Ê-đen sách sáng thế 3:15

BÀI 4

**ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ
SỰ CHẾT**

4.1 Bản chất của con người

Đa số con người dường như dành ít thời giờ để ngẫm nghĩ về sự chết, hoặc về bản tính của cá nhân mình mà là nguyên nhân cơ bản của sự chết. Còn khi thiếu sự tự vấn và tự tra xét thì người thiếu sự hiểu biết bản thân mình, và cho nên người ta trôi dạt suốt đời, ra quyết định theo ý của ao ước tự nhiên của mình. Người ta từ chối, mặc dù hết sức che giấu, không mấy quan tâm một vấn đề là sự sống rất ngắn và chẳng bao lâu nữa sự cuối cùng của sự chết sẽ đến với chúng ta. “Vì, sự sống của anh em là chi? Chẳng qua như hơi nước, hiện ra một lát rồi lại tan ngay.” “Rốt lại, chúng ta là kẻ phải chết, giống như nước đổ trên đất, không hốt lại được.” “Ban mai họ tựa như cây cỏ xanh tươi: sáng ngày nở bông và tốt tươi; buổi chiều người ta cắt nó và nó héo” (Giacơ 4:14; 2 Samuen 14:14; Thithiên 90:5,6). Môi-se, thật là một người biết suy nghĩ, thừa nhận điều này và cầu nguyện Đức Chúa Trời: “Cầu xin Chúa dạy chúng tôi biết đếm các ngày chúng tôi, hầu cho chúng tôi được lòng khôn ngoan” (Thithiên 90:12). Cho nên, xét thấy sự ngắn ngủi của cuộc sống, chúng ta phải coi rằng giành được tính khôn ngoan thực sự là điều số một.

Loài người phản ứng tính cứu cánh/ của sự chết (ngày cuối của cuộc đời) một cách khác nhau. Một số nền văn hóa đã cố gắng làm sự chết và lễ tang một bộ phận của cuộc sống, làm giảm cảm giác của sự mất mát và của tính cứu cánh. Đa số người gọi mình tín đồ theo Chúa đã kết luận rằng con người có linh hồn bất tử hay một yếu tố bất tử ở trong mình mà sống qua sự chết và sau đó đi tiếp đến một nơi thưởng hay phạt nào đó. Vì sự chết là một vấn đề cơ bản và bi kịch nhất trong kinh nghiệm của con người và chắc rằng trí óc con người nhiều lần đã cố gắng giảm sức va chạm tinh thần, cho nên đã xuất hiện hàng loạt lý luận sai liên quan đến sự chết và bản chất sâu sắc của con người. Như thường xuyên, lý luận đó phải được phân tích dựa vào Kinh thánh để tìm được lẽ thật thực sự về vấn đề sống còn này. Nên nhớ rằng lời nói dối đầu tiên nêu trong Kinh thánh là lời của con rắn trong vườn Ê-đen. Ngược với lời tuyên bố

rõ ràng của Đức Chúa Trời rằng con người “chắc sẽ chết” nếu đã phạm tội (Sángthế 2:17), thì con rắn đã quả quyết, “Hai người chẳng chết đâu” (Sángthế 3:4). Sự cố gắng phủ định tính cứu cánh và tính tuyệt đối của sự chết đã trở thành nét đặc trưng của tất cả những đạo sai. Hoàn toàn rõ ràng đặc biệt trong lĩnh vực này, một lời dạy sai dẫn tới lời dạy sai khác, và khác, và khác nữa. Ngược lại, một lời lẽ thật dẫn tới mọi lời lẽ thật khác, như được chỉ trong 1 Côrintô 15:13-17. Nói như thế, Phao-lô chuyển từ một lẽ thật đến lẽ thật khác (xin chú ý cách nói “nếu... nếu... nếu...”).

Muốn hiểu bản chất thực sự của chúng ta, nên hiểu Kinh thánh nói gì về việc tạo ra con người. Chuyện này được viết với lời giản dị, và nếu hiểu theo nghĩa của từ, thì không để chúng ta nghi ngờ gì nữa con người chính xác là gì về bản chất (xem ý kiến Sai 18 nói về ý nghĩa đen của Sángthế Ký). “Giê-hô-va Đức Chúa Trời bèn lấy bụi đất nắn nên hình người... nơi (đất) mà có người (A-đam) ra; vì người là bụi, người sẽ trở về bụi (Sángthế 2:7; 3:19). Hoàn toàn không có ý nói ở đây rằng con người có tính không hề chết vốn có gì cả; không có bộ phận gì cả trong người mà sẽ tiếp tục sống sau khi chết.

Kinh thánh nhấn mạnh rõ một điều là con người về cơ bản được tạo chỉ bằng bụi thôi; “Chúng tôi là đất sét” (Êsai 64:8); “người... bởi đất mà ra, là thuộc về đất” (1 Côrintô 15:47); con người “được cất trên nền bụi cát” (Gióp 4:19); “và loài người trở lại bụi đất” (Gióp 34:14,15). Áp-ra-ham đã nhận rằng người “vốn là tro bụi” (Sángthế 18:27). Ngay sau khi không tuân theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời trong vườn Ê-đen, Đức Chúa Trời đã “đuổi loài người ra khỏi vườn... vì loài người giơ tay lên cũng hái trái cây sự sống mà ăn và được sống đời đời chẳng” (St 3:24,22). Nếu con người đã vốn có yếu tố không hề chết trong người thì việc này đã không cần.

Sự Không Hề Chết Có Điều Kiện

Tin lành có ý được lặp lại thường xuyên là con người có thể tìm cách để giành được sự sống đời đời và không hề chết nhờ việc làm của Đấng

Christ. Đây là một cách duy nhất để sống mãi mà Kinh thánh nêu lên, vì thế cho nên, tư tưởng rằng người có sự đau khổ đời đời có ý thức vì đã phạm sai lầm thì không được Kinh thánh ủng hộ. Một con đường duy nhất để giành sự sống mãi mãi là theo lệnh của Đức Chúa Trời, và những ai vâng lời sẽ sống đời đời trong trạng thái trọn vẹn, đây là phần thưởng cho sự công bằng của họ.

Những đoạn tiếp theo có thể chứng minh đầy đủ rằng sự không hề chết này có điều kiện, đây không phải là một cái gì đó mà chúng ta vốn có:-

- “Đấng Christ... dùng Tin lành phô bày sự sống và sự không hề chết ra cho rõ ràng” (2 Timôthê 1:10).
- “Nếu các người không ăn thịt của Con người, cũng không uống huyết Ngài, thì chẳng có sự sống trong các người đâu (tức là vốn có trong người). Ai ăn thịt và uống huyết ta thì được sự sống đời đời; nơi ngày sau rốt, ta sẽ khiến người đó sống lại” nhằm cho “sự sống đời đời” này cho ai đó (Giăng 6:53,54). Trong suốt đoạn 6, Đấng Christ dùng lý lẽ thuyết phục rằng Ngài là “bánh của sự sống”, và chỉ nhờ hưởng ứng Ngài một cách đúng đắn mới có thể có hy vọng về sự không hề chết (Giăng 6:47,50,51,57,58).
- “Đức Chúa Trời đã ban sự sống đời đời cho chúng ta, và sự sống ấy ở trong Con Ngài” (1 Giăng 5:11). Không có hy vọng về sự không hề chết cho những ai mà không phải “trong Đấng Christ”. Chỉ thông qua Đấng Christ mới có thể giành được sự không hề chết; Đấng Christ là “cội rễ của sự sống (đời đời)” (Côngvụ 3:15 A.V. mg.) - “cội rễ của sự cứu rỗi đời đời cho kẻ vâng lời Ngài” (Hêbơr 5:9). Cho nên, sự không hề chết cho loài người chỉ phát sinh nhờ việc làm của Đấng Christ.
- Người tín đồ thực sự tìm kiếm sự không hề chết, và vì người phẫn đấu làm việc đó thì người sẽ được thưởng bởi sự ban cho sự sống đời đời, bởi cái mà người vốn không có (Rôma 2:7; 6:23; Giăng 10:28). Thân thể phải chết của chúng ta “phải mặc lấy sự không hề chết” vào khi Đấng Christ trở về (1 Côrintô 15:53); vậy thì sự chẳng hề chết là một cái được hứa, chưa có được bây giờ (1 Giăng 2:25).

Nếu Chúa Jesus đã không sống lại, thì những người đã chết trong đức tin cũng không sống lại” (1Côrintô 15:18). Như vậy họ không có “linh hồn bất tử.” để nhận phần thưởng trên trời khi chết.

- Một mình Đức Chúa Trời vốn có sự không hề chết (1 Timôthê 6:16).

4.2 Linh hồn

Dưới ánh sáng những ý nói trên thì không thể tưởng tượng được rằng con người có linh hồn không hề chết hay một yếu tố không hề chết vốn có trong người. Bây giờ chúng ta sẽ cố gắng thấy rõ sự hỗn loạn xung quanh từ linh tâm hồn.

Hai từ Do thái và Hy Lạp được dịch ra linh hồn trong Kinh thánh (Nephesh và Psuche tương ứng) cũng được dịch ra như:-

Thân thể Hơi thở

Sinh vật Trái tim

Tâm trí Con người

Tự mình

Bởi vậy, linh hồn liên quan đến con người, thân thể hoặc tự mình. Tín hiệu báo nguy nổi tiếng “Save our soul (SOS) có nghĩa rõ rệt “Hãy cứu chúng tôi khỏi sự chết!”. Cho nên, linh hồn là người, hoặc sự tóm tắt tất cả những sự mà làm ra con người. Có thể hiểu được, cho nên, rằng nhiều bản dịch hiện đại của Kinh thánh (thí dụ N.I.V.) ít khi dùng từ linh hồn, còn dịch từ này người hay con người để thay vào. Các con vật do Đức Chúa Trời tạo ra được gọi là “các vật sống... các vật sống hay động” (Sángthế 1:20,21). Từ Do thái ở đây được dịch ra vật là nephesh mà cũng được dịch ra linh; ví dụ trong Sáng thế Ký 2:7: “... thì người trở nên một loài sanh linh”. Vậy thì, con người là linh, cũng như các con vật là các linh. Sự khác biệt duy nhất giữa loài người và động vật là ở chỗ con

người khá hơn về trí óc; về thân thể người được làm theo hình ảnh Đức Chúa Trời (Sángthế 1:26; xem Bài 1.2), một điều khác nữa là một số người được gọi phải biết Tin lành và nhờ Tin lành họ có sự trông cậy rằng sự không hề chết được mở ra cho họ (2 Timôthê 1:10). Còn về phần bản chất cơ bản của chúng ta và bản chất của sự chết chúng ta thì không có sự khác biệt giữa con người và con vật:-

“Việc xảy đến cho con loài người làm sao, thì xảy đến cho loài thú cũng vậy; sự xảy đến cho hai loài giống h lẫn với nhau (xin chú ý rằng câu này được lặp lại hai lần). Sự chết của loài nầy cũng như sự chết của loài kia... loài người chẳng hơn gì loài thú... Cả thấy đều (tức là con người và con vật) qui vào một chỗ (mồ); cả thấy do bụi đất mà ra, cả thấy sẽ trở về bụi đất” (Truyền đạo 3:19,20). Tác giả này được soi dẫn viết truyền đạo đã cầu trời xin Đức Chúa Trời giúp người ta hiểu đúng sự thật không thể chối cãi được này là “chúng (loài người) biết rằng họ không hơn là loài thú” (Truyền đạo 3:18). Bởi vậy, có thể cho rằng nhiều người sẽ coi sự thật này khó tiếp nhận được; thực vậy, có thể cảm thấy làm nhục khi nhận thức rằng bởi bản chất chúng ta chỉ là con vật thôi, sống sót nhờ bản năng tự bảo toàn, sống sót của các cá thể thích nghi và sự sinh đẻ. Trong bản dịch N.I.V. của Truyền đạo 3:18 có nói rằng Đức Chúa Trời thử thách con người bởi chỉ rõ cho người rằng người chỉ là con vật thôi; tức là những người mà khiêm nhường đầy đủ để làm dân chân chính của Chúa thì sẽ thực hiện lẽ thật của điều này, còn ai không thì sẽ trượt sự thử thách này. Triết lý của chủ nghĩa nhân đạo, tức là tư tưởng rằng loài người có tầm quan trọng và giá trị cao nhất, đã truyền đi dần dần khắp thế giới trong suốt thế kỷ thứ hai mươi. Một nhiệm vụ lớn đứng ra là phải làm sạch tư duy của chúng ta khỏi ảnh hưởng của chủ nghĩa nhân đạo. Những lời đơn giản trong Thi thiên 39:5 giúp chúng ta: “Mỗi người, dầu đứng vững, chỉ là hư không”. “Người ta đi, chẳng có quyền dẫn đưa bước của mình” (Giêrêmi 10:23).

Một trong những điều cơ bản nhất mà chúng ta biết là tất cả những thân thể con người, thực vậy, tất cả những “các vật sống” ở cuối cùng sẽ chết. Linh hồn, cho nên, sẽ chết; đây là một điều hoàn toàn ngược với

cái không hề chết. Không có gì ngạc nhiên ở chỗ là khoảng một phần ba tất cả những câu dùng từ dịch ra linh hồn trong Kinh thánh gắn liền với sự chết và sự hủy diệt tâm hồn. Bản thân cách dùng từ linh hồn trong ý nghĩa như thế chỉ rõ rằng linh hồn không phải là một cái mà không bao giờ bị pha huỷ và không hề chết:-

- “Linh hồn nào phạm tội sẽ chết” (Echikiên 18:4).
- Đức Chúa Trời có thể làm mất linh hồn (Mathiơ 10:28). Những đoạn khác nói về những tâm hồn bị làm mất là: Echikiên 22:27; Châmngôn 6:32; Lêviký 23:30.
- Tất cả những “người” ở trong thành Hát-so bị diệt bởi lưỡi gươm (Giôsê 11:11; so sánh Giôsê 10:30-39).
- “... phàm sanh vật... đều chết hết” (Khải huyền 16:3; so sánh Thithiên 78:50).

Từ Do thái “nephesh” dịch chữ “linh hò” cũng được dịch là “xác chết” trong dân số 9:6. Không ai có thể không muốn linh hồn mình chết, ví dụ xuống âm phủ (thithiên 89:48).

- Nhiều khi Luật pháp Môi-se đã yêu cầu rằng “người” nào không tuân theo những điều luật nhất định phải bị diệt (ví dụ Dân số Ký 15:27-31).
- Lời nói về tâm hồn bị ngột hơi hoặc bị gài bẫy có nghĩa là nếu ta hiểu rằng linh hồn có thể chết (Châmngôn 18:7; 22:25; Gióp 7:15).
- Không người nào có thể bảo tồn mạng sống mình “ (Thithiên 22:29).
- Đấng Christ “đã đổ mạng sống mình cho đến chết”, do đó mà “mạng sống”, hoặc sự sống, đã làm của tế chuộc tội (Êsai 53:10,12).

Đa số các câu có từ linh hồn gắn liền từ này với con người hay thân thể hơn với tia lửa bất diệt trong chúng ta. Dưới đây là một số ví dụ rõ rệt:-

- “Máu của kẻ” (Giêrêmi 2:34).
- “Khi người nào àm chứng bị bắt thề rồi... không thốt nên lời... Khi ai sẽ đặng đến một vật ô uế... Khi ai nói sơ ý thề thốt” (Lêviký 5:1-4).

- “Hỡi linh hồn ta... Mọi điều gì trong ta... Hỡi linh hồn ta, hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va... Ngài cho miệng người được thỏa các vật ngon” (Thithiên 103:1,2,5).

- Dân số Ký 21:4 chỉ rằng một nhóm người có thể có một “lòng”. Cho nên “tấm lòng” không thể liên quan đến tia lửa của tính không hề chết cá nhân ở trong mỗi một chúng ta.

- “Ai muốn cứu sự sống mình thì sẽ mất; còn ai vì cơ ta... mà mất sự sống, thì sẽ được cứu” (Mac 8:35).

Bằng chứng này là đủ để thấy rằng tâm hồn không liên quan đến yếu tố tâm linh trong con người do thần linh cảm động; ở đây linh hồn (từ Hy Lạp psuche) chỉ có nghĩa cuộc sống của con người, theo cách dịch ở đây.

4.3 Tâm Linh của con người

Trong trí óc của nhiều người có sự lẫn lộn bất hạnh giữa linh hồn và tâm linh. Tình hình đó làm trầm trọng thêm vì một điều là trong một số ngôn ngữ và bài dịch Kinh thánh thì hai từ Tiếng Anh linh hồn và tâm linh có một ý nghĩa như nhau. Linh Hồn về cơ bản liên quan đến tất cả những phần tử của con người đôi khi cũng có thể liên quan đến “linh”. Tuy vậy, thường hai từ linh hồn và tâm linh có ý nghĩa khác nhau, như dùng trong Kinh thánh; hồn và linh có thể được đổi chỗ/thay thế nhau (Hebơr 4:12).

Từ Do thái và Hy Lạp được dịch ra “linh” trong Kinh thánh (Ruach và Pneuma tương ứng) cũng được dịch ra một cách như thế này:-

Sự sống	Thần linh
Tâm trí	Gió
Hơi thở	

Chúng ta đã nghiên cứu cách hiểu thần linh trong Bài 2.1. Đức Chúa Trời dùng thần linh của Ngài để giữ gìn các vật tự nhiên được tạo ra,

gồm cả con người. Thánh linh của Đức Chúa Trời ở trong con người cho nên là sức sống ở trong người. “Xác chẳng có hồn thì chết” (Giacơ 2:26). “Đức Chúa Trời... hà sanh khí (hơi thở) vào lỗ mũi (của A-đam); thì người trở nên một loài sanh linh “vật sống [Sángthê 2:7]” . Gióp nói về “sanh khí của Đức Chúa Trời” như có “trong lỗ mũi tôi” (Gióp 27:3 so sánh Êsai 2:22). Bởi thế, sinh khí ở trong chúng ta được ban cho chúng ta vào lúc sinh ra và tồn tại đến chừng nào mà thân thể còn sống. Khi thần linh của Đức Chúa Trời được rút ra khỏi một “thể” thì “thể” này chết luôn - thần linh là sức sống. Nếu Đức Chúa Trời “thâu lại về mình thần linh và hơi thở của Ngài, thì các loài xác thịt chắc chết chung nhau hết, và loài người trở về bụi đất. Nếu ông có sự thông sáng, hãy nghe điều này” (Gióp 34:14-16). Câu cuối cùng nói ám chỉ rằng con người coi rằng rất khó chịu cách giải thích bản chất thực sự của người một cách như thế.

Khi Đức Chúa Trời lấy thần linh của Ngài ra khỏi chúng ta vào lúc chết, thì không phải chỉ thân thể của chúng ta chết mà cả toàn bộ ý thức của chúng ta ngừng. Khi Đa-vít đã nhận thức ý này thì người đã bắt đầu tin cậy Đức Chúa Trời hơn sinh vật cũng rất yếu đuối như con người. Thi thiên 146:3-5 là lời phản đối mạnh mẽ những tư tưởng của chủ nghĩa nhân đạo: “Chớ nhờ cậy nơi các vua chúa, cũng đừng nhờ cậy nơi con loài người, là nơi không có sự tiếp trợ. Hơi thở tắt đi, loài người bèn trở về bụi đất mình; trong chính ngày đó các mưu mô/tính toán nó liền mất đi. Phước cho người nào có Đức Chúa Trời của Gia-cốp giúp đỡ mình”.

Lúc chết, “bụi tro (sê) trở vào đất y như nguyên cũ, và thần linh trở về nơi Đức Chúa Trời, là Đấng đã ban nó” (Truyền đạo 12:7). Chúng ta đã chỉ rõ trước đây rằng Đức Chúa Trời có mặt khắp nơi nhờ thần linh của Ngài. Trong ý nghĩa này “Đức Chúa Trời là Thần” (Giăng 4:24). Khi chúng ta chết, chúng ta trút hơi thở cuối cùng của chúng ta, tức trong nghĩa là thần linh ở trong chúng ta ra khỏi chúng ta. Thần linh này được hấp thu vào thần linh của Đức Chúa Trời mà khắp nơi xung quanh chúng ta; vậy thì lúc chết “thần linh trở về nơi Đức Chúa Trời”.

Vì thần linh của Đức Chúa Trời giữ vững được tất cả mọi vật được sáng tạo ra, thì trong động vật cũng xảy ra quá trình chết này. Loài người và loài thú có thần linh, hay sinh khí, như nhau ở trong mình. “Việc xảy đến cho con loài người thế nào, thì xảy đến cho loài thú cũng vậy; sự xảy đến cho hai loài giống hần với nhau. Sự chết của loài này cũng như sự chết của loài kia; hai loài đều thở một (tức là như nhau) thứ hơi (thần linh), loài người chẳng hơn gì loài thú” (Truyền đạo 3:19). Tác giả nói tiếp rằng không có sự khác biệt có thể thấy rõ thần của loài người hay hồn của loài thú mất đi (truyền đạo 3:21). Cách miêu tả loài người và loài thú có thần linh như nhau và sự chết như nhau muốn nhắc rằng loài người và loài thú, cả hai đều, có sinh khí nhờ Đức Chúa Trời ban cho (Sáng thế 2:7; 7:15) và đã bị hủy diệt như nhau trong nạn lụt: “Các xác thịt hành động trên mặt đất đều chết ngột, nào chim, nào súc vật, nào thú rừng, nào con trùng, và mọi người. Các vật có sanh khí trong lỗ mũi... đều chết hết. Mọi loài... đều bị hủy diệt” (Sáng thế 7:21-23). Chúng tôi tranh thủ xin bạn chú ý Thi thiên 90:5 so sánh sự chết và nạn lụt như thế nào. Bài ghi chép trong Sáng thế Ký 7 chỉ rõ rằng, nói bằng thuật ngữ phổ biến, con người thuộc cùng loại với “mọi xác thịt... hết các loài”. Chính là vì con người có sinh khí như nhau ở trong mình cũng như chúng.

4.4 Sự chết là sự vô thức

Tuân theo những gì mà chúng ta đã biết được cho đến bây giờ, thì trong khi chết con người hoàn toàn không ý thức gì. Trong khi Đức Chúa Trời sẽ nhớ lại hành động của những ai chịu trách nhiệm với Ngài (Malachi 3:16; Khải 20:12; Hebơơ 6:10), trong khi đó, Kinh thánh không có ý nào nói rằng chúng ta có ý thức gì đó trong suốt trạng thái chết. Khó tranh cãi những lời tuyên bố rõ rệt về điều này:-

- “Hơi thở tắt đi, loài người bèn trở về bụi đất mình” (Thithiên 146:4).

- “Kẻ chết chẳng biết chi hết... sự yêu, sự ghét, sự ganh gổ của họ thấy đều tiêu mất từ lâu” (Truyền đạo 9:5,6). Không có “sự khôn ngoan... dưới Âm phủ” (truyền đạo 9:10), không có ý nghĩ và cho nên không có ý thức.
- Gióp nói rằng, khi chết, người sẽ “như đã không hề có” (Gióp 10:19); người đã thấy sự chết là sự lãng quên, sự vô thức và trạng thái hoàn toàn không tồn tại mà chúng ta đã có trước khi sinh ra.
- Loài người chết cũng như loài thú (Truyền đạo 3:18), nếu con người về mặt ý thức sống sau sự chết ở một nơi nào đó thì loài thú cũng phải như thế, còn cả Kinh thánh cả khoa học đều im lặng về chuyện này.
- Đức Chúa Trời “nhớ lại rằng chúng ta bằng bụi đất. Đời loài người như cây cỏ; người sanh trưởng khác nào bông hoa nơi đồng ... kìa nó chẳng còn, chỗ nó không còn nhìn biết nó nữa” (Thithiên 103:14-16).

Sự chết thật sự là sự vô thức, ngay cả cho những người thiện, điều này được chứng minh bởi lời cầu xin nhiều lần của những đầy tớ của Đức Chúa Trời xin phép cho cuộc đời của họ kéo dài ra, vì họ đã biết rằng sau khi chết họ sẽ không thể ngồi khen và ca ngợi Đức Chúa Trời, nhớ rằng sự chết là trạng thái vô ý thức. Ê-xê-chia (Êsai 38:17-19) và Đa-vít (Thithiên 6:4,5; 30:9; 39:13, 115:17) là ví dụ tốt cho ý này. Sự chết được lặp lại nhiều lần và chỉ tựa như giấc ngủ hay sự nghỉ ngơi, kể cả những người thiện, cũng như những người hung ác (Gióp 3:11,13,17; Daneên 12:13).

Bằng chứng đầy đủ đã cho chúng ta thấy để thắng thường tuyên bố rằng quan điểm phổ biến là những người công bình đi lên nước hạnh phúc và phần thưởng trên trời ngay sau khi họ chết thì không thể tìm thấy trong Kinh thánh đâu cả. Học thuyết chân chính về sự chết và về bản chất con người đem lại cảm giác yên tĩnh sâu sắc. Sau mọi chấn thương và sự đau đớn của cuộc sống con người, mồ là nơi lãng quên hết. Đối với những người mà đã không biết những đòi hỏi của Đức Chúa Trời thì sự lãng

quên sẽ kéo dài mãi mãi. Không bao giờ còn gọi lên nữa những thành tích đã qua của cuộc đời bi kịch và chưa trọn vẹn của con người; những sự hy vọng và sự sợ hãi vô ích của đầu óc con người tự nhiên sẽ không được thực hiện và sẽ không bị đe dọa.

Khi nghiên cứu Kinh thánh, thì chúng ta phát hiện một hệ thống của lẽ thật; buồn nhưng mà cũng có một hệ thống của những sai lầm trong tín ngưỡng tôn giáo của con người vì thiếu chú ý đến Kinh thánh. Những cố gắng liều lĩnh của con người làm dịu bớt tính cứu cánh của sự chết /gần kề với cái chết, đã dẫn người đến tin tưởng rằng người có linh hồn trường tồn. Một lần khi đã thừa nhận rằng yếu tố trường tồn tồn tại ở trong con người thì cần phải nghĩ tiếp là vật này phải đi nơi nào đó sau khi chết. Điều này đã dẫn tới ý là vào lúc chết phải có sự khác biệt nhất định giữa số phận của những người thiện và hung ác. Để hòa giải việc này, đã được kết luận rằng cần phải có một nơi mà ở đó những linh hồn trường tồn tốt đi đến, gọi là Thiên đường, và một nơi khác dành cho những linh hồn trường tồn xấu, gọi là địa ngục. Chúng ta đã chỉ rõ trước đây là tuân theo Kinh thánh linh hồn không hề chết thì không thể có được. Còn bây giờ sẽ được phân tích những tư tưởng sai khác vốn có trong lý luận phổ biến:-

1. Phần thưởng cho cuộc đời của chúng ta được ban cho vào lúc chết trong hình thức ấn định linh hồn trường tồn/bất tử của chúng ta sang nơi nhất định.
2. Sự phân li giữa những người thiện và ác xảy ra vào lúc chết.
3. Phần thưởng cho người thiện/công bình là đi lên trời.
4. Nếu mọi người có linh hồn trường tồn, vậy thì mọi người buộc phải vào Thiên đường hoặc là vào địa ngục.
5. Những linh hồn hung ác sẽ đi nơi trừng phạt gọi là địa ngục.

Mục đích của sự phân tích của chúng ta không phải chỉ phủ định thôi; bởi xem xét những ý này chi tiết hơn, chúng ta sẽ nêu ra nhiều yếu tố của lẽ thật ở Kinh thánh, là bộ phận rất quan trọng của hình ảnh thực sự về bản chất của con người.

4.5 Sự sống lại

Kinh thánh nhấn mạnh rằng những người công bình sẽ được thưởng vào lúc sống lại, khi Đấng Christ trở lại (1 Têxalônica 4:16). Công việc thứ nhất mà Đấng Christ sẽ làm là làm sống lại những người tín đồ chân chính đã chết (xem Bài 4.8), tiếp theo là sự phán xét xảy ra. Nếu linh hồn đã lên trời lúc chết thì sẽ không cần sống lại. Phao-lô đã nói rằng nếu không có sự sống lại thì mọi cố gắng vâng lời Đức Chúa Trời của chúng sẽ không có nghĩa gì (1 Côrintô 15:32). Chắc chắn người đã không nói như thế nếu người tin rằng mình cũng sẽ được thưởng và linh hồn của người sẽ lên trời lúc chết, phải không? Ẩn ý là người đã tin rằng sự sống lại về thân thể là một hình thức thưởng công duy nhất. Đấng Christ đã cổ vũ chúng ta bởi hy vọng là đời sống trung tín hiện này sẽ được trả lại vào lúc “sống lại” (Luca 14:14).

Chúng ta một lần nữa phải nói lại rằng Kinh thánh không dạy bảo về hình thức tồn tại gì đó ngoài hình thức thân thể ra - điều này liên quan đến Đức Chúa Trời, Đấng Christ, các Thiên sứ và loài người. Lúc trở về, Đấng Christ “sẽ biến hóa thân thể hèn mạt chúng ta ra giống như thân thể vinh hiển Ngài” (Philip 3:20,21). Vì bây giờ Ngài có hình thức thân thể theo nghĩa của từ và có sinh lực hoàn toàn bằng Thánh Linh không phải bằng máu, vậy chúng ta cũng sẽ được thưởng tương tự. Trong ngày phán xét chúng ta sẽ nhận lãnh tùy theo chúng ta đã sống cuộc đời này trong hình thức xác thịt (2 Côrintô 5:10). Những người đã sống cuộc đời xác thịt sẽ được để lại với thân thể bị chết hiện hữu mà sau đó sẽ lại mục nát thành bụi; trong khi những người trong cuộc sống đã cố gắng làm cho đầu óc xác thịt được khắc phục bởi đầu óc Thánh Linh, “bởi thánh Linh mà gạt sự sống đời đời” (Galati 6:8) trong hình thức thân thể đầy Thánh Linh.

Có thêm nhiều bằng chứng là những người công bình sẽ được thưởng trong hình thức thân thể. Một khi đã công nhận điều này, thì tầm quan trọng lớn của sự sống lại sẽ trở nên rõ ràng. Thân thể hiện có của chúng

ta rõ rằng ngừng tồn tại lúc chết; nếu chúng ta chỉ có thể nếm mùi sự sống đời đời và không hề chết trong hình thức thân thể, thì từ đó sự chết phải là trạng thái vô thức, đến lúc khi thân thể của chúng ta được tái sinh và được ban cho bản chất của Đức Chúa Trời.

Toàn bộ 1 Cô-rinh-tô 15 nói tường tận về sự sống lại; ai đọc kỹ lưỡng thì luôn luôn sẽ được đền ơn. 1 Côrintô 15:35-44 giải thích rằng cũng như hạt giống được gieo và tiếp theo mọc lên khỏi đất để do Đức Chúa Trời ban thân thể, thì những người chết sẽ đứng lên cũng như thế để được thưởng bởi thân thể. Như Đấng Christ đã lên khỏi mộ và biến hóa thân thể hay chết của mình thành thân thể không hề chết, thì tín đồ chân chính theo đạo sẽ nhận phần thưởng như vậy (Philip 3:21). Thông qua phép báp-têm chúng ta gắn bó mình với sự chết và sự sống lại của Đấng Christ, biểu hiện tin tưởng của chúng ta là chúng ta sẽ cùng chia phần thưởng mà Đấng nhận thông qua sự sống lại (Rôma 6:3-5). Thông qua cùng chia những sự đau đớn của Đấng bây giờ, chúng ta cũng sẽ cùng chia thưởng công của Đấng: “Chúng tôi ... mang (hiện nay) sự chết của Đức Chúa Jêsus trong thân thể mình, hầu cho sự sống của Đức Chúa Jêsus cũng tỏ ra trong thân thể chúng tôi” (2 Côrintô 4:10). “Đấng làm cho Đức Chúa Jêsus-Christ sống lại từ trong kẻ chết cũng sẽ dùng Thánh Linh Ngài mà khiến thân thể hay chết của anh em lại sống” (Rôma 8:11). Với sự trông cậy này, cho nên chúng ta trông đợi “sự cứu chuộc thân thể chúng ta” (Rôma 8:23), và nhờ thân thể Ngài chúng ta sẽ được ban cho sự sống mãi mãi.

Dân Đức Chúa Trời đã hiểu sự trông cậy này về phần thưởng thể xác, theo nghĩa của tư, từ thời xưa. Áp-ra-ham được hứa rằng cá nhân người sẽ thừa kế đất Ca-na-an cho mãi mãi một cách chắc chắn đến nỗi mà người đã đi khắp nơi trong xứ đó (Sángthế 13:17; xem Bài 3.4). Người đã tin lời hứa này và đã phải tin rằng, trong tương lai, thân thể mình bằng cách nào đó sẽ lại sống và thành bất tử để lời hứa này có thể được thực hiện.

Gióp đã bày tỏ rõ sự hiểu biết ông thế nào, mặc dù thân thể người sẽ do sâu bọ ăn tan nát trong mồ, người sẽ nhận thưởng mình trong hình thức thể xác: “Đấng cứu chuộc tôi vẫn sống, đến lúc cuối cùng... sẽ đứng trên đất. Sau khi da tôi, tức xác thịt này, đã bị tan nát (R.A.V.; giun làm tan nát thân thể), bấy giờ, xác thịt tôi sẽ xem thấy Đức Chúa Trời; chính tôi sẽ thấy Ngài, mắt tôi sẽ nhìn xem Ngài, chớ chẳng phải kẻ khác: lòng tôi hao mòn trong mình tôi” (Gióp 19:25-27). Hy vọng của Êsai đã cũng thế: “Những thân thể chết của tôi... trỗi dậy” (Êsai 26:19).

Chúng ta có thể tìm thấy những lời như thế nói về sự chết của La-xa-rô, bạn thân của Đức Chúa Jêsus. Thay vì an ủi các em gái của người cách nói là linh hồn của người đã lên trời, Đức Chúa Jêsus-Christ nói về ngày sống lại: “Anh người sẽ sống lại”. Sự đáp lại ngay của Ma-thê, em gái của La-xa-rô, chỉ rõ rằng những người đầu tiên theo Chúa đã hiểu điều này đến mức nào: “Ma-thê thưa rằng: Tôi vẫn biết rằng đến sự sống lại ngày cuối cùng, anh tôi sẽ sống lại” (Giăng 11:23,24). Cũng như Gióp, cô ta đã không coi rằng sự chết là cửa vào cuộc sống hạnh phúc trên trời, nhưng mà, ngược lại, đã mong đợi một cách hân hoan sự sống lại “ngày cuối cùng” (so sánh với “lúc cuối cùng” của Gióp). Đức Giê-hô-va hứa: “Hễ ai đã nghe Cha và học theo Ngài... ta sẽ làm cho người đó sống lại nơi ngày sau rốt” (Giăng 6:44,45).

4.6 Sự phán xét

Lời dạy của Kinh thánh về sự phán xét là một trong những nguyên tắc cơ bản của đức tin mà phải được hiểu rõ trước khi chịu phép báp-têm (Công v 24:25; Hebơơ 6:2). Kinh thánh thường nói về “ngày phán xét” (thí dụ 2 Phiơơ 2:9; 3:7; 1 Giăng 4:17; Giuđê 6), là thời khắc khi những ai mà được ban sự hiểu biết về Đức Chúa Trời sẽ nhận thưởng. Tất cả mọi người phải “ứng hầu trước tòa án Đức Chúa Trời” (Rôma

14:10); chúng ta “ứng hầu trước tòa án Đức Chúa Trời” (1 Côrintô 5:10) để nhận sự bù đắp cho cuộc đời chúng ta thời hình thức thể xác.

Khi Đa-ni-ên nhận sự hiện ra/điềm báo thấy Đấng Christ lại đến lần thứ hai, thì thấy tòa phán xét có ngai (Đan 7:9-14). Những câu chuyện thí dụ giúp làm những chi tiết rõ hơn. Chuyện về “ta-lân” so sánh sự phán xét khi người chủ trở về nhà, gọi các đầy tớ và đánh giá họ đã dùng tiền mà người chủ để lại cho họ như thế nào (Mathiơ 25:14-29). Chuyện về những người đánh cá so sánh lời kêu gọi của đạo Tin lành với lưới đánh bắt tất cả các loài người; sau đó họ ngồi xuống (so sánh với ngai trong ngày phán xét) và tách cá tốt khỏi cá xấu (Mathiơ 13:47-49). Cách giải thích hoàn toàn rõ: “Đến ngày tận thế ... các thiên sứ sẽ đến và chia kẻ ác với người công bình ra”.

Dựa vào những gì mà chúng ta nhìn thấy đến bây giờ, phải cho rằng sau sự trở về của Đức Chúa Jesus và sự sống lại, thì tất cả những người được gọi để tiếp nhận Tin lành tập hợp ở một chỗ nhất định vào lúc đặc biệt khi họ gặp Đấng Christ. Họ sẽ cần phải báo cáo, còn Đấng Christ sẽ quyết định họ có đáng thưởng để vào Nước hay không. Chỉ vào lúc này mới những người công bình được thưởng. Tất cả những ý này được tập trung trong câu chuyện thí dụ về con cừu và con dê: “Khi Con người ngự trong sự vinh hiển mình mà đến với các thiên sứ thánh, thì Ngài sẽ ngồi trên ngai vinh hiển của Ngài (ngai Đa-vít ở thành Giê-ru-sa-lem, Luca 1:32,33). Muôn dân (tức là nhân dân gồm tất cả các dân tộc) nhóm lại trước mặt Ngài, rồi Ngài sẽ chia người này với người khác ra, như kẻ chăn chiên chia chiên với dê ra; để chiên ở bên hữu và dê ở bên tả. Bấy giờ, vua sẽ phán cùng những kẻ ở bên hữu rằng: Hỡi các người được Cha ta ban phước, hãy đến mà nhận lấy nước thiên đàng đã sắm sẵn cho các người” (Mathiơ 25:31-34).

Kế thừa Nước Đức Chúa Trời, nhận được điều hứa đã ban cho Áp-ra-ham – đây là thưởng công cho người công bình. Nhưng mà điều này chỉ sẽ có sau sự phán xét lúc Đấng Christ trở về. Vì thế, lúc Đấng Christ chưa trở về, thì không thể nhận được phần thưởng được hứa là làm cho

thân thể sống mãi; cho nên chúng ta phải kết luận rằng từ lúc chết cho đến lúc sống lại người theo Chúa hoàn toàn không có sự tồn tại có ý thức, vì không thể tồn tại trong hình thức nào đó nếu không có thân thể.

Một nguyên tắc lặp lại nhiều lần trong Kinh thánh là lúc Đấng Christ lại đến thì lúc đó mới phần thưởng được ban cho không phải trước lúc đó:-

- “Khi Đấng làm đầu(Đức Chúa Jêsus) các kẻ chăn chiên hiện ra, anh em sẽ được mảo triều thiên vinh hiển” (1Phiơơ 5:4 so sánh 1:13).
- “Đức Chúa Jêsus-Christ... sẽ đoán xét kẻ sống và kẻ chết nhân sự đến của Ngài và nước Ngài... mảo triều thiên của sự công bình đã để dành cho ta; Chúa là quan án công bình, sẽ ban mảo ấy cho ta trong ngày đó” (2 Timôthê 4:1,8).
- Lúc Mê-si trở về vào những ngày sau cùng, “nhiều kẻ ngủ trong bụi đất (so sánh Sángthế 3:19) sẽ thức dậy, kẻ thì để được sự sống đời đời, kẻ thì để chịu sự xấu hổ” (Đanêen 12:2).
- Lúc khi Đấng Christ bắt đầu phán xét, thì mọi người “ở trong mồ mả... và ra khỏi; ai đã làm lành thì sống lại để được sống, ai đã làm dữ thì sống lại để bị xét đoán” (Giăng 5:25-29).
- “Ta (Đức Chúa Jêsus-Christ) đến mau chóng, và đem phần thưởng theo với ta, để trả cho mỗi người tùy theo công việc họ làm” (Khải huyền 22:12). Chúng ta không lên trời để nhận phần thưởng - Đấng Christ đem nó từ trời cho chúng ta.

Câu nói rằng Đức Chúa Jêsus đem lại phần thưởng cho chúng ta ngụ ý rằng phần thưởng này đã được chuẩn bị cho chúng ta trên trời rồi, nhưng sẽ được đem xuống trên đất cho chúng ta vào lúc Chúa Jesus trở lại; chính trong ý nghĩa này “sư thừa kế” xứ đã hứa cho Áp-ra-ham và cho chúng ta được “để dành trong các tầng trời cho anh em, là kẻ bởi đức tin nhờ quyền phép của Đức Chúa Trời giữ cho, để được sự cứu rỗi gần hiện ra trong kỳ sau rốt” khi Đấng Christ trở lại (1Phiơơ 1:4,5).

Đánh giá đúng điều này, chúng ta có thể giải thích một câu thường hiểu lầm trong Giăng 14:2,3: “Ta (Đức Chúa Jêsus) đi sẵn sẵn cho các người một chỗ (so sánh phần thưởng “để dành trong các tầng trời”). Khi ta đã

đi, và đã sẵn sàng cho các người một chỗ rồi, ta sẽ trở lại đem các người đi với ta, hầu cho ta ở đâu thì các người cũng ở đó”. Đức Chúa Jêsus nói ở nơi khác rằng Ngài sẽ lại đến để ban cho chúng ta phần thưởng của chúng ta (Khải huyền 22:12), và chúng ta đã nhìn thấy rằng phần thưởng sẽ được ban cho ở ngôi phán xét. Đấng Christ sẽ trị vì trên ngôi Đa-vít ở thành Giê-ru-sa-lem “đời đời” (Luca 1:32,33). Đấng Christ sẽ sống thời gian vô tận ở đây trên đất, và Đấng Christ sẽ ở đâu trong nước Đức Chúa Trời trên đất thì chúng ta cũng sẽ ở chỗ đó. Lời hứa của Đấng Christ “đem các người đi với ta” (“receive you unto myself”) cho nên có thể được hiểu như câu miêu tả Đấng Christ tiếp nhận chúng ta vào lúc phán xét. Trong Ma-thi-ơ 1:20, có từ Hy Lạp “lấy” (“receive you unto myself”), từ này cũng được dùng khi nói rằng Giô-sép “lấy” Ma-ri làm vợ. Bởi vậy, ở đây từ này không có nghĩa là bắt buộc phải đổi chỗ này sang chỗ khác về phía Đức Chúa Jêsus trong ý nghĩa vật chất.

Vì phần thưởng sẽ được ban cho chỉ vào lúc phán xét khi Đấng Christ lại trở về, thì những người thiện và ác đều đi cùng một chỗ lúc chết, tức là mồ. Không có sự phân biệt nào cả vào lúc chết. Những bằng chứng tiếp theo chứng nhận điều này:-

- Giô-na-than đã là người thiện nhưng Sau-lơ thì ác, mà “lúc chết chẳng bị lìa khỏi nhau” (2 Samuên 1:23).
- Sau-lơ, Giô-na-than và Sa-mu-ên đã đi cùng một chỗ vào lúc chết (1 Samu ên28:19).
- Áp-ra-ham, người thiện, đã “được qui về nơi tổ tông”, hay tổ tiên, lúc chết; họ đã là những người sùng bái thần tượng (Sángthế 25:8; Truyền đạo 24:2).
- Những người khôn ngoan và điên cuồng về mặt tinh thần chịu chết như nhau (Truyền đạo 2:15,16).

Tất cả những điều này trái ngược rõ ràng với những lời xác nhận của một số giáo phái Cơ đốc phổ biến. Lời giảng của họ rằng những người thiện lên trời ngay sau khi chết phá hủy sự cần thiết của hai sự kiện, sự sống lại và phán xét. Tuy chúng ta đã thấy rằng hai sự kiện này là những sự kiện rất quan trọng trong dự tính cứu rỗi của Đức Chúa Trời,

và cho nên trong Tin lành. Theo quan niệm phổ biến, một người thiện khi chết thì được thưởng bởi lên trời, còn tiếp theo có những người khác lên trời vào ngày sau, tháng sau, năm sau. ý này trái ngược rõ ràng với lời giảng của Kinh thánh rằng tất cả những người thiện sẽ được thưởng cùng nhau, cùng một lúc:-

- Con chiên được chia ra khỏi con dê vào lúc phán xét, từng cái một. Khi sự phán xét đã kết thúc, Đấng Christ sẽ nói cho tất cả các con chiên ở bên hữu,

“Hỡi các người được Cha ta ban phước, hãy đến mà nhận lấy nước thiên đàng đã sắm sẵn cho các người” (Mt 25:34). Vì thế, tất cả chiên con thừa hưởng Nước Chúa cùng lúc. (So sánh 1 Côrintô 15:52)

- Vào lúc “mùa gặt” khi Đấng Christ trở về và phán xét, tất cả những ai đã làm việc trong Chúa sẽ “cùng nhau vui mừng” (Giăng 4:35,36 so sánh Mathiơ 13:39).

- Khải huyền 11:18 xác định “giờ phán xét kẻ chết” như là thời điểm Đức Chúa Trời sẽ “thưởng cho tôi tớ Chúa... các thánh... các người kính sợ danh Chúa” tức là tất cả những người cùng theo Chúa nhau.

- Hebrơ 11 là sách kể về nhiều người công bình từ khỏi Kinh Cựu ước. Đoạn 13 chú thích: “Hết thấy những người đó đều chết trong đức tin, chưa nhận lãnh những điều hứa cho” Áp-ra-ham liên quan đến sự cứu rỗi bởi vào Nước Đức Chúa Trời (Hebrơ 11:8-12). Nghĩa là, vào lúc chết, những người này không phải từng người lần lượt đi lên trời để nhận thưởng. Nguyên nhân của điều đó được viết trong hai câu 39,40: Họ “chưa hề nhận lãnh điều đã được hứa cho mình. Vì Đức Chúa Trời có sắm sẵn điều tốt hơn cho chúng ta, hầu cho ngoại chúng ta ra họ không đạt đến sự trọn vẹn được”. Việc ban cho phần thưởng được hứa bị hoãn lại vì đó là ý của Đức Chúa Trời là tất cả các người trung tín sẽ “trọn vẹn được” cùng nhau, cùng một lúc. Điều đó sẽ xảy ra vào lúc phán xét, khi Đấng Christ trở lại.

4.7 Phần thưởng ở đâu: trên trời hay trên đất?

Ngoài những lý do nói trên, những ai vẫn còn cảm thấy rằng trời, không phải là đất, sẽ là nơi của Nước Đức Chúa Trời, tức là nơi nhận phần thưởng được hứa, cần phải giải thích thêm những điều tiếp theo:-

-Người cầu nguyện Đức Giê-hô-va xin cho nước Đức Chúa Trời được đến (tức là cầu nguyện xin Đấng Christ lại đến), nhờ đó những mong muốn của Đức Chúa Trời sẽ thực hiện trên đất, cũng như đã thực hiện trên trời rồi (Mathiơ 6:10). Cho nên chúng ta cầu nguyện xin Nước Đức Chúa Trời được đến ở đất. Đây là tấn bi kịch rằng hàng nghìn người không suy nghĩ mà cầu nguyện lời này hàng ngày, trong khi vẫn tin tưởng rằng Nước Đức Chúa Trời bây giờ đã hoàn toàn được dựng trên trời, còn trái đất sẽ bị phá hủy.

- “Phước cho những kẻ nhu mì, vì sẽ hưởng được đất” (Mathiơ 5:5) không phải... vì linh hồn của họ sẽ đi lên trời. Chỗ này cũng liên hệ đến Thi thiên 37 mà nhấn mạnh rằng phần thưởng cuối cùng cho những người thiện sẽ ở trên đất. Chính tại chỗ ở đâu kẻ ác đã có ưu thế tạm thời, người thiện sẽ được trả lại sự sống đời đời và nhận chính đất này mà trước đây đã do kẻ ác thống trị (Thi thiên 37:34,35). “Người công bình sẽ nhận được đất... Người mà Đức Chúa Trời ban phước cho sẽ nhận được đất... Người công bình sẽ nhận được đất, và ở tại đó đời đời” (Thi thiên 37:11,22,29). Sống trên xứ đã hứa đời đời có nghĩa là sự sống đời đời trên trời không thể có được.

- “Đa-vít... đã chết và chôn rồi... Vua Đa-vít chẳng hề lên trời” (Công vụ 2:29,34). Ngược lại, Phi-e-rơ đã giải thích rằng người đã hy vọng sẽ sống lại từ kẻ chết vào lúc khi Đấng Christ trở về (Công vụ 2:22-36).

- Trái đất là phạm vi hoạt động giao dịch của Đức Chúa Trời với loài người: “Các tầng trời thuộc về Đức Giê-hô-va; nhưng Ngài đã ban đất cho con cái loài người” (Thi thiên 115:16).

- Khải huyền 5:9,10 kể lại điểm báo những người công bình sẽ nói gì khi được đến ngôi phán xét: “Đấng Christ đã làm cho chúng ta nên nước, và thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời chúng ta; những người ấy sẽ trị vì trên mặt đất”. Cảnh miêu tả Nước Đức Chúa Trời trên đất được hoàn toàn không phù hợp quan niệm mơ hồ là chúng ta sẽ được hưởng hạnh phúc ở chỗ nào đó trên trời.

- Những lời tiên tri của Đa-ni-ên hai đoạn 2 và 7 vẽ phác các lực lượng chính trị kế tiếp nhau mà cuối cùng sẽ được thay bởi Nước Đức Chúa Trời lúc khi Đấng Christ trở về. Quyền thế của Nước này sẽ “ở dưới cả trời”, và sẽ đầy “khắp đất” (Đanêên 7:27; 2:35 so sánh câu 44). Và Nước đời đời này “sẽ được ban cho dân các thánh của Đấng Rất Cao” (Đanêên 7:27); cho nên phần thưởng cho họ sẽ là sự sống đời đời trong Nước này mà phải được đặt trên đất, ở dưới trời.

4.8 Trách nhiệm Tín đồ với Đức Chúa Trời

Nếu con người vốn có linh hồn trường tồn, người buộc phải có số phận đời đời ở nơi nào đó hoặc ở nơi được thưởng hoặc ở nơi bị phạt. ý này có nghĩa là mọi người có trách nhiệm với Đức Chúa Trời. Ngược lại, chúng ta đã chỉ rõ rằng Kinh thánh giảng như thế nào về loài người vốn giống loài thú, không có sự bất tử vốn có. Tuy vậy, một số người đã được đề nghị có triển vọng sự sống đời đời trong Nước Đức Chúa Trời. Rõ hoàn toàn rằng không phải ai nào đã sống sẽ được sống lại; cũng như con vật, con người sống và chết, phân hủy thành bụi. Nhưng mà vì sẽ có sự phán xét và một số người sẽ bị phạt và một số được thưởng bởi sự sống đời đời, thì chúng ta phải kết luận rằng trong loài người sẽ có loại người mà sẽ được sống lại nhằm được phán xét và được thưởng.

Việc ai sẽ được sống lại ai không thuộc vào việc họ có trách nhiệm trước tòa không. Cơ sở để phán xét chúng ta sẽ là việc chúng ta đã làm theo sự dạy dỗ của Chúa như thế nào khi đã hiểu biết về lời Đức Chúa Trời. Đấng Christ đã giải thích: “Người nào bỏ ta ra và không nhận lãnh lời ta, đã có kẻ xét đoán rồi; lời ta đã rao giảng, chính lời đó sẽ xét đoán họ nơi ngày sau cùng” (Giăng 12:48). Những ai mà đã không biết hoặc đã không hiểu lời nói của Đấng Christ, và cho nên đã không có khả năng nhận hoặc bỏ Đấng Christ, thì sẽ không chịu trách nhiệm trước tòa. “Phàm những kẻ không (biết) luật pháp (của Đức Chúa Trời) mà phạm tội, cũng sẽ không luật pháp mà hư mất; còn những kẻ có luật pháp (tức là biết nó) mà phạm tội, thì sẽ bị luật pháp đoán xét” (Rôma 2:12). Vậy, những ai đã không biết những yêu cầu của Đức Chúa Trời sẽ hư mất như con vật; trong khi những ai cố ý vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời thì cần phải bị đoán xét, và cho nên phải được sống lại để đứng trước tòa này.

Đức Chúa Trời cho rằng “chưa có luật pháp, thì cũng không kể là tội lỗi”; “tội lỗi là sự trái luật pháp (của Đức Chúa Trời)”; “luật pháp cho người ta biết tội lỗi” (Rôma 5:13; 1 Giăng 3:4; Rôma 3:20). Không biết luật pháp của Đức Chúa Trời như được bày ra trong Lời của Ngài, thì con người không bị quy “tội lỗi”, và cho nên họ sẽ không bị đoán xét và sẽ không được sống lại. Những ai không biết Lời Chúa sẽ cho nên ở lại kẻ chết cũng như con vật và thực vật, có hoàn cảnh như nhau. “Người nào... không hiểu biết gì, giống như thú vật phải hư mất” (Thithiên 49:20). “Chúng nó bị định xuống Âm phủ như một bầy chiên” (Thithiên 49:14).

Sự hiểu biết của chúng ta về đường lối của Đức Chúa Trời làm chúng ta có trách nhiệm với Ngài vì những hành động của chúng ta, và cho nên chúng ta phải sống lại và đứng trước ngôi phán xét. Cho nên, nên hiểu rằng không phải chỉ những người thiện và người chịu phép báp-têm sẽ được sống lại mà tất cả những người chịu trách nhiệm với Đức Chúa Trời vì đã hiểu biết về Ngài rồi. Trong Kinh thánh ý này lặp lại nhiều lần:-

- Giăng 15:22 chỉ rõ rằng sự hiểu biết Lời mang lại trách nhiệm: “Nếu ta (Đức Chúa Jêsus) không đến và không phán dạy họ, thì họ chẳng có tội lỗi gì; song bây giờ họ không có thể bào chữa/chối tội được tội lỗi mình”.

- Rô-ma 1:20-21 cũng nói rằng đã biết Đức Chúa Trời rồi thì con người “không thể chữa mình được”.

- “Hễ ai đã nghe Cha và học theo Ngài... ta (Đấng Christ) sẽ làm cho người đó sống lại nơi ngày sau rốt” (Giăng 6:44,45).

- “Bằng có ai không nghe theo lời ta mà đáng tiên tri nhân danh ta nói, thì ta sẽ hời tội người đó” (Phục truyền 18:19)

- Đức Chúa Trời chỉ “nhắm mắt làm ngơ” trước những hành động của những ai mà thật không biết gì về con đường của Ngài. Còn những ai mà biết về đường lối của Ngài thì Ngài quan tâm và phải hưởng ứng Ngài (Côngvụ 17:30).

- “Vì vua Bên-xát-sa biết rằng phải khiêm nhường trước sự cao thượng của Đức Chúa Trời, nhưng người đã chối bỏ, nên người đã bị đoán phạt”(Danêên 5:22)

- “Đầy tớ nầy đã biết ý chủ mình, mà không sửa soạn sẵn và không theo ý ấy, thì sẽ bị đòn nhiều. Song đầy tớ không biết ý chủ, mà làm việc đáng phạt, thì bị đòn ít (ví dụ, bởi để chết). Vì ai đã được ban cho nhiều, thì sẽ bị đòi lại nhiều; và ai đã được giao cho nhiều, thì sẽ bị đòi lại nhiều hơn” (Luca 12:47-48) thế ai là hơn Đức Chúa Trời?

- “Cho nên, kẻ biết làm điều lành mà chẳng làm, thì phạm tội” (Giacơ 4:17).

-Trách nhiệm đặc biệt của Israen đối với Đức Chúa Trời đã là vì Ngài soi rọi họ về bản thân Ngài (A-mốt 3:2). “nên ta định cho các người phải gươm đao, các người thấy đều cuối xuống và bị giết; vì ta đã kêu, các người không đáp lại; ta đã nói, các người không lắng nghe; nhưng các người đã làm điều ra ghét” (Esai 65:12)

- Bởi lời dạy về trách nhiệm này, “chúng nó (những ai) đã biết đường công bình, rồi lại lui đi về lời răn thánh đã truyền cho mình, thế thì thà rằng không biết là hơn” (2 Phiơơ 2:21). Những đoạn thích hợp khác gồm có: Giăng 9:41; 3:19; 1 Ti-mô-thê 1:13; Ô-sê 4:14; Phục Truyền 1:39.

Sự hiểu biết về Đức Chúa Trời làm chúng ta có trách nhiệm với ngôi phán xét, do đó những ai không biết thì sẽ không được sống lại, nhờ là họ không cần được phán xét, và vì không biết thì họ “giống như thú vật phải hư mất”(Thithiên 49:20). ý rằng không phải tất cả những ai sống thời xưa sẽ được sống lại được nói rõ nhiều lần:-

- Dân nước cổ xưa Ba-by-lôn sẽ “không thức dậy nữa” sau khi chết vì đã không biết Đức Chúa Trời thực sự (Giêrêmi 51:39; Êsai 43:17).

- Êsai đã động viên mình: “Hỡi Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi (của Israen), ngoài Ngài từng có chủ khác cai trị chúng tôi (ví dụ, của Phi-li-xtín và Ba-by-lôn)... Họ đã chết, sẽ không sống (lại) nữa, đã thành âm hồn không dậy nữa... cho đến sự ghi nhớ họ... hư không” (Êsai 26:13,14). Xin chú ý đến chỗ nhấn mạnh ba lần rằng họ không sống lại: “Sẽ không sống (lại)... không dậy nữa... sự ghi nhớ họ hư không”. Ngược lại, dân Y-sơ-ra-ên có triển vọng sống lại vì họ hiểu biết Đức Chúa Trời thực sự: “Những kẻ chết của Ngài (của Y-sơ-ra-ên) sẽ sống, những xác chết của tôi đều trỗi dậy”(Êsai 26:19).

- Nói về dân Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời, chúng ta đã được cho biết rằng vào lúc Đấng Christ trở về, “nhiều kẻ ngủ trong bụi đất sẽ thức dậy, kẻ thì được sự sống đời đời, kẻ thì để chịu sự xấu hổ như nhục đời đời” (Đanêên 12:2). Vậy, “nhiều”, không phải tất cả, người Do thái sẽ được sống lại nhờ trách nhiệm của họ với Đức Chúa Trời như là dân Ngài đã chọn. Những ai trong họ hoàn toàn không biết gì về Đức Chúa Trời thực sự của họ “sẽ ngã xuống, và không dậy được nữa”, vì họ đã không thể tìm được “lời Đức Giê-hô-va” (Amốt 8:12,14).

Chúng ta bây giờ đã học được rằng:-

1. Sự hiểu biết về Lời Đức Chúa Trời mang lại trách nhiệm với Ngài.
2. Chỉ những người có trách nhiệm sẽ được sống lại và phán xét.
3. Những ai không biết về Đức Chúa Trời chân chính, cho nên, sẽ vẫn chết như con vật.

Những ẩn ý của kết luận này đánh mạnh vào lòng tự trọng của con người và vào những điều mà chúng ta vốn tin: hàng triệu người, cả hiện nay cả trong suốt hết thời xưa, mà đã không hiểu biết Tin lành thật sự; những người mắc bệnh tinh thần nặng mà không thể hiểu được lời truyền lại của Kinh thánh; các đứa bé và trẻ con mà đã chết trước khi lên tuổi đủ để hiểu đúng Tin lành; tất cả những nhóm người này rơi vào loại người mà không có sự hiểu biết thật sự về Đức Chúa Trời, và cho nên không chịu trách nhiệm với Ngài. Điều đó có nghĩa rằng họ sẽ không được sống lại, bất chấp địa vị tinh thần của bố mẹ họ. Điều này hoàn toàn đối ngược với chủ nghĩa nhân đạo và tất cả những mong ước và cảm tưởng vốn có; tùy sự khiêm nhường thực sự với Lời Chúa về lẽ thật cuối cùng, cùng quan điểm khiêm tốn thích hợp về bản chất mình, sẽ làm chúng ta thừa nhận lẽ thật này. Sự nghiên cứu vô tư những sự kiện của kinh nghiệm con người, ngay cả không có sự chỉ đạo của Kinh thánh, cũng sẽ dẫn chúng ta đến kết luận rằng những nhóm người nói trên không thể có triển vọng về sự sống tương lai.

Những câu hỏi của chúng ta về đường lối của Đức Chúa Trời trong vấn đề này cực kỳ không đúng: “Hỡi người, người là ai, mà dám cãi lại cùng Đức Chúa Trời?” (Rôma 9:20 A.V. mg). Chúng ta có lẽ thừa nhận là không hiểu được, nhưng mà chúng ta không phải bao giờ tố cáo Đức Chúa Trời đã làm việc bất công hoặc không chính đáng. Ẩn ý là Đức Chúa Trời có thể không âu yếm hoặc lầm lẫn về mặt nào đó mở triển vọng kinh khủng khi Đức Chúa Trời toàn năng, Cha và Tạo hoá, đối xử con người do Ngài tạo ra một cách vô lý và bất công. Chuyện về vua Đa-vít mất con của mình có thể giúp chúng ta; 2 Sa-mu-êl 12:15-24 ghi rằng Đa-vít đã cầu trời rất nhiều vì con khi con còn sống, nhưng người đã nhận tính cứu cánh của sự chết của con như sự thực: “Khi đứa trẻ còn

sống, ta kiêng ăn và khóc lóc, vì ta nghĩ rằng: Nào ai biết; có lẽ Đức Giê-hô-va sẽ thương xót ta, và cho đứa trẻ được sống chẳng. Nhưng bây giờ nó đã chết, ta kiêng ăn làm chi? Ta có thể làm cho nó trở lại ư?... nó không trở lại cùng ta”. Sau đó Đa-vít đã an ủi vợ mình, và đã sớm có một đứa con khác.

Cuối cùng phải nói rằng nhiều người, khi đã nắm được nguyên tắc này về trách nhiệm với Chúa Trời, cảm thấy rằng họ không muốn hiểu biết thêm về Ngài nếu họ bắt đầu có trách nhiệm với Ngài và với sự phán xét. Tùy đến mức nào đó, hình như những người này đang có trách nhiệm với Chúa Trời rồi, vì sự hiểu biết về Lời Chúa đã làm họ nhận thức sự thật rằng Đức Chúa Trời đang làm việc trong những cuộc đời của họ và đề nghị quan hệ thực sự với Ngài. Cần phải nhớ mãi rằng “Đức Chúa Trời là sự yêu thương”, Ngài “không muốn cho một người nào chết mất”, và “đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời” (1 Giăng 4:; 2 Phiêrô 3:9; Giăng 3:16). Đức Chúa Trời muốn chúng ta ở trong Nước Ngài.

Vinh dự và đặc quyền này mang lại trách nhiệm một cách không thể tránh được. Tùy nó đã không được phác họa quá nặng hay phiền hà cho chúng ta; nếu chúng ta thật sự yêu Chúa, thì chúng ta sẽ đánh giá đúng rằng lời của Ngài đề nghị cứu rỗi không phải là phần thưởng tự động cho những công việc nhất định, mà là mong ước yêu thương về phía của Ngài làm hết mà Ngài có thể làm được cho con cái mình, ban cho họ sự sống đời đời trong hạnh phúc, bằng cách họ phải đánh giá đúng bản tính tuyệt diệu của Ngài.

Lúc khi chúng ta đã đánh giá và nghe tiếng gọi của Đức Chúa Trời cho chúng ta nhờ Lời Ngài, thì chúng ta sẽ nhận thức rằng, trong khi chúng ta đi qua đám đông, Đức Chúa Trời tích cực theo dõi chúng ta, thiết tha tìm thấy trong chúng ta những dấu hiệu hưởng ứng lòng yêu thương của Ngài, không chờ đợi lúc khi chúng ta thất bại trong cuộc sống và không thể hết sức tuân theo trách nhiệm của mình. Không bao giờ con mắt yêu thương này bỏ quên chúng ta; không bao giờ chúng ta có thể quên hay

xóa sự hiểu biết của chúng ta về Ngài để nuông chiều xác thịt, rồi khỏi trách nhiệm với Đức Chúa Trời. Ngược lại, chúng ta có thể và nên vui hưởng sự gần gũi đặc biệt mà chúng ta có với Đức Chúa Trời, và tin vào lòng yêu thương to lớn của Ngài, lớn đến nỗi mà chúng ta luôn luôn nên cố gắng hiểu biết được về Ngài càng nhiều. Lòng yêu thương con đường của Đức Chúa Trời và mong muốn hiểu biết con đường này để chép lại càng chính xác sẽ mạnh hơn sự kính sợ tự nhiên trước tính chất thần thánh tối cao của Ngài.

4.9 Địa ngục

Quan niệm phổ biến về địa ngục là một nơi trừng phạt những linh hồn không hề chết hung ác ngay sau khi chết, hoặc là một nơi làm đau khổ cho những ai bị từ chối/không tiếp lúc phán xét. Theo chúng tôi, Kinh thánh dạy rằng địa ngục là mồ ở đó mọi người đi đến lúc chết.

Nói về từ, thì từ gốc Do thái sheol được dịch ra hell (địa ngục) có nghĩa một nơi che phủ. Hell là cách nói sheol kiểu Anh; do đó, khi chúng ta đọc hell chúng ta đọc một từ chưa được dịch hoàn toàn. Từ helmet (mũ sắt) theo từng chữ là hell-met, có nghĩa là vật để che đầu. Theo Kinh thánh, nơi che, hoặc hell, này là mồ. Có nhiều ví dụ khi từ nguyên gốc sheol được dịch ra mồ. Thực vậy, một số bài dịch Kinh thánh hiện đại ít khi dùng từ địa ngục, dịch nó chính xác hơn là mồ. Một số ví dụ khi từ sheol này được dịch như mồ sẽ phá hoại quan niệm phổ biến về địa ngục như là nơi có lửa và làm đau khổ cho người ác:

- “Nguyện kẻ ác phải... nín lặng nơi Âm phủ” (sheol [Thithiên 31:17]) họ sẽ không kêu thét vì đau đớn.
- Đức Chúa Trời sẽ chuộc linh hồn tôi khỏi quyền Âm phủ” (sheol [Thithiên 49:15]) tức là tâm hồn hay thân thể của Đa-vít sẽ được sống lại khỏi mồ, hay địa ngục.

Tin tưởng rằng địa ngục là nơi trừng phạt những người ác từ đó họ không thể trốn thoát thì không thể phù hợp với ý là: người thiện có thể đi địa ngục (mồ) và lại ra. Ô-sê 13:14 xác nhận điều này: “Ta sẽ cứu chúng nó (dẫn Chúa) khỏi quyền lực của Âm phủ (sheol), và chuộc chúng nó ra khỏi sự chết”. Điều này được trích dẫn trong 1 Côrintô 15:55 và gắn liền với sự sống lại lúc khi Đấng Christ trở về. Cũng vậy trong hoàn cảnh sự đến lần thứ hai (xem Bài 5.5), “sự chết và Âm phủ cũng đem trả những người chết mình có” (Khải huyền 20:13). Xin chú ý sự tương đương giữa sự chết, tức là mồ, và địa ngục (xem cả Thithiên 6:5).

An-ne nói rất rõ trong 1 Samuên 2:6: “Đức Giê-hô-va khiến cho chết, cho sống (bởi sự sống lại); Ngài đem người xuống mồ mả (sheol), rồi khiến lại lên khỏi đó”.

Xét thấy rằng địa ngục là mồ, có thể cho rằng những người thiện sẽ được cứu khỏi mồ bởi sự sống lại để sống đời đời. Hoàn toàn có thể vào địa ngục, tức là mồ, và sau đó ra khỏi nó bởi sự sống lại. Một ví dụ quan trọng nhất là Đức Chúa Jêsus: “Ngài chẳng bị để nơi Âm phủ, và xác thịt Ngài chẳng thấy sự hư nát” (Côngvụ 2:31), vì Đấng Christ được sống lại. Xin chú ý sự tương đương giữa Ngài và xác thịt hay thân thể. Câu nói rằng thân thể “chẳng bị để nơi Âm phủ” ẩn ý là thân thể đã ở đây trong suốt một thời gian, tức là thân thể đã ở trong mồ trong suốt ba ngày. Việc Đấng Christ đã vào địa ngục thật là bằng chứng rõ ràng chứng kiến rằng không phải chỉ những người thiện mới vào nơi này.

Cả người thiện và người ác đều vào địa ngục, tức là mồ. Vì thế, Đức Chúa Jêsus “đã đặt mồ người với những kẻ ác” (Êsai 53:9). Có những ví dụ tương tự khi những người công bình vào địa ngục, tức là mồ. Gia-cốp đã nói rằng người sẽ “để tang luôn xuống chốn âm phủ (địa ngục)” cùng con trai Giô-sép của mình (Sángthế 37:35).

Một trong những nguyên tắc của Đức Chúa Trời là: sự trừng phạt tội lỗi là sự chết (Rôma 6:23; Giacô 1:15). Trước đây chúng ta đã cho thấy rằng sự chết là trạng thái hoàn toàn vô thức. Tội lỗi dẫn tới sự hủy diệt toàn

diện, không phải tới sự đau khổ đời đời (Mathiơ 21:41, 22:7; Mac 12:9; Giacơ 4:12), cũng chắc chắn người ta đã bị hủy diệt bởi nước Lụt (Luca 17:27,29), và cũng những người Do thái đã chết trong đồng vắng (1 Côrintô 10:10). Trong cả hai sự kiện này những người có tội bị chết hơn là bị đau đớn đời đời. Cho nên, không thể có rằng những người ác bị phạt bởi thời gian đau khổ và đau đớn vô tận có ý thức.

Chúng ta cũng đã thấy rằng Đức Chúa Trời không đổ tội hoặc không ghi nó vào hồ sơ của chúng ta nếu chúng ta không biết lỗi Chúa (Rôma 5:13). Những người đó sẽ tiếp tục ở trong sự chết. Những người mà đã biết yêu cầu của Đức Chúa Trời sẽ được sống lại và bị phán xét khi Đấng Christ trở về. Nếu họ ác thì sự trừng phạt cho họ sẽ là sự chết, vì đây là phán quyết cho tội lỗi. Bởi vậy, sau khi đã đến trước ngai Đấng Christ họ sẽ bị phạt và sau đó lại chết một lần nữa, ở lại chết mãi mãi. Đó sẽ là “lần chết thứ hai” và Khải huyền 2:11; 20:6 nói thế. Những người này sẽ chết lần thứ nhất, sự chết này là trạng thái hoàn toàn vô thức. Họ sẽ được sống lại và bị phán xét khi Đấng Christ trở về, và sau đó bị trừng phạt bởi sự chết lần thứ hai mà cũng như lần chết thứ nhất sẽ hoàn toàn vô thức. Lần này người chết trong mãi mãi.

Chính trong ý nghĩa này sự trừng phạt cho tội là đời đời, vì sự chết của họ sẽ không hết. Ở lại chết cho mãi là sự trừng phạt đời đời. Trong Kinh thánh có thể tìm thấy một ví dụ kiểu như thế trong Phục truyền Luật lệ Ký 11:4. Chỗ này miêu tả sự hủy diệt hấn quân đội của Pha-ra-ôn trong Biển Đỏ do Đức Chúa Trời như sự phá hủy đã xảy ra cho mãi mãi để cho chính quân đội này không bao giờ nữa quấy rầy Israen: “...các người, bị Đức Giê-hô-va lấp nước Biển Đỏ lại, và hủy diệt chúng nó đến ngày nay”.

Ngay cả trong thời Kinh Cựu ước những người theo Chúa đã hiểu rằng sẽ có sự sống lại vào ngày cuối cùng, sau đó những người ác chịu trách nhiệm sẽ trở về mồ. Gióp 21:30,32 nói rõ: “Kẻ hung ác được khỏi (tức là sống lại), và trong ngày thanh nộ, nó được thoát?... Nó sẽ được đưa (sau đó) đến huyết mã”. Một trong những chuyện thí dụ về sự trở về của

Đấng Christ và về sự phán xét về những người ác bị chém trước mặt Đấng (Luc a19:27). Điều này khó phù hợp ý tưởng là những người ác tồn tại mãi mãi một cách có ý thức, bị đau đớn liên tục. Trong bất cứ tình huống nào, đó là sự trừng phạt thật vô lý- sự đau đớn mãi mãi cho những hành động trong suốt 70 năm. Đức Chúa Trời không thích thú làm phạt người ác; cho nên, phải coi rằng Ngài sẽ không bắt họ phải chịu phạt cho thời gian vô tận (Echikiên 18:23,32; 33:11 so sánh 2 Phiơơ 3:9).

Những người bỏ Chúa thường gắn liền địa ngục với sự hình dung đám lửa và đau đớn. Điều này khác hẳn với Kinh thánh giảng về địa ngục (mồ). “Chúng nó bị định xuống Âm phủ (địa ngục) như một bầy chiên; sự chết sẽ chặn giữ chúng nó” ngụ ý về mồ như là một nơi của sự lãng quên yên ổn. Tâm hồn, hoặc thân thể, của Đấng Christ tuy trong địa ngục ba ngày nhưng vẫn không bị hư nát (Côngvụ 2:31). Điều đó đã không thể có nếu địa ngục là nơi có lửa. Echikiên 32:26-30 miêu tả những quân nhân mạnh bạo từ các nước xung quanh nằm bình yên trong những mồ mình: “Những lính chiến mạnh bạo đã ngã xuống (trong trận đánh)... đã xuống nơi Âm phủ với khí giới đánh giặc của mình, và người ta đã đặt gươm dưới đầu chúng nó... và sẽ nằm... với những kẻ xuống trong hầm hố”. Cảnh này liên quan đến phong tục chôn chiến sĩ cùng với vũ khí mình và để gươm dưới đầu xác chết. Dù sao đây là sự miêu tả “địa ngục” là mồ. Cảnh những quân nhân nằm bình yên trong địa ngục (tức là trong những mồ của họ) ít giống quan niệm về địa ngục như nơi có lửa. Những đồ vật chất (ví dụ, gươm) đi cùng người cùng “địa ngục”, điều đó chỉ rõ rằng địa ngục không phải là vũ đài đau đớn về tinh thần. Vậy, Phi-e-rơ đã nói với một người ác, “Tiền bạc ngươi hãy hư mất với ngươi” (Côngvụ 8:20).

Bài ghi những thử thách của Giô-na cũng mâu thuẫn với ý này. Bị một cá lớn nuốt, “Giô-na từ trong bụng cá cầu nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, mà rằng... tôi kêu cầu Đức Giê-hô-va... Từ trong bụng cá/ Âm phủ, tôi kêu la” (Giôna 2:1-3). Chỗ này so sánh “bụng Âm phủ” với bụng cá voi. Bụng cá voi thật đã là nơi che, mà là ý nghĩa cơ bản của từ sheol dịch ra địa ngục. Rõ ràng đây không phải là nơi có lửa, và Giô-na

đã ra khỏi “bụng Âm phủ” khi cá voi đã nôn người ra. Chuyện này sẽ được so sánh với sự sống lại của Đấng Christ khỏi địa ngục (mồ)- xem Mathiơ 12:40.

Đám Lửa Bóng Bẩy/Trong Nghĩa Bồng

Tuy vậy, Kinh thánh thỉnh thoảng dùng hình ảnh ngọn lửa bất diệt để miêu tả cơn giận của Đức Chúa Trời với tội lỗi mà sẽ dẫn người phạm tội tới sự hủy diệt hoàn toàn trong mồ. Thành Sô-đôm đã chịu hình phạt bằng “lửa đời đời” (Giu-đe câu. 7), nghĩa là đã bị phá hoại hoàn toàn vì dân cư rất ác. Ngày nay, thành này đổ nát, chìm xuống nước biển Chết; nó chẳng bằng cách nào đang cháy nếu chúng ta phải hiểu lửa đời đời theo nghĩa đen. Cũng như Giê-ru-sa-lem bị đe dọa với đám lửa đời đời của cơn giận của Đức Chúa Trời vì những tội lỗi của Y-sơ-ra-ên: “Thì ta sẽ đặt lửa nơi cửa thành, lửa ấy sẽ thiêu hủy cung điện của Giê-ru-sa-lem, không bao giờ tắt” (Giêrêmi 17:27). Vì Giê-ru-sa-lem được tiên tri làm thủ đo của Nước tương lai (Êsai 2:2-4; Thithiên 48:2), Đức Chúa Trời đã không muốn chúng đọc lời này theo từng chữ. Các tòa nhà lớn của Giê-ru-sa-lem đã bị thiêu hủy bởi lửa (2 Các Vua 25:9), nhưng đám lửa này đã không cháy đời đời. Lửa tượng trưng cho sự giận dữ/trừng phạt của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi, nhưng sự giận dữ của Ngài không phải đời đời (Gierêmi 3:12). Lửa sẽ biến mọi thứ cháy thành tro bụi; chúng ta biết tiền lương của tội lỗi là sự chết, trở về bụi đất. Đây có lẽ là tại sao lửa được dùng như là hình ảnh nói về hình phạt đối với tội lỗi.

Cũng như thế Đức Chúa Trời đã phạt đất Ê-đôm bằng lửa “ngày đêm chẳng tắt, hăng bay lên những luồng khói; đất sẽ hoang vu từ đời nọ qua đời kia... chim cú chim quạ sẽ ở đó... gai gốc sẽ mọc lên trong lâu đài” (Êsai 34:9-15). Thấy rằng con vật và động vật đã phải tồn tại trên đất Ê-đôm bị đổ nát, thì cách nói về đám lửa đời đời nên gắn liền với cơn giận của Đức Chúa Trời và sự phá hoại hoàn toàn chỗ này, không nên hiểu nó theo nghĩa từng từ /nghĩa đen.

Những câu Do thái và Hy lạp được dịch ra “đời đời” có nghĩa chính xác là “trong suốt thời đại”. Có khi câu này liên quan đến tính vô tận theo

nghĩa của từ, ví dụ khi nói về thời đại của Nước, nhưng không phải lúc nào cũng thế. Echikiên 32:14,15 nói rằng những pháo đài và tháp sẽ trở thành những hang cho đời đời đến khi thần linh đổ trên chúng ta. Đây là một trong những cách hiểu tính đời đời của đám lửa đời đời.

Thỉnh thoảng cơn giận của Đức Chúa Trời với những tội lỗi của Giê-ru-sa-lem và Y-sơ-ra-ên bị đốt cháy: “Cơn giận và sự thanh nộ của ta sẽ đổ xuống trên xứ này (Giê-ru-sa-lem)... sẽ đốt cháy hết, chẳng tắt bao giờ” (Giêrêmi 7:20; những ví dụ khác gồm có Ca thương 4:11 và 2 Các Vua 22:17).

Đám lửa cũng được gắn liền với sự phán xét tội lỗi do Đức Chúa Trời, đặc biệt vào lúc khi Đấng Christ trở về: “Vì vậy, ngày đến, cháy như lò lửa. Mọi kẻ kiêu ngạo, mọi kẻ làm sự gian ác sẽ như rơm cỏ... Ngày ấy đến, thiêu đốt chúng nó” (Malachi 4:1). Khi rơm cỏ, hoặc ngay cả thân thể con người, bị cháy đốt thì nó thành bụi. Vật chất nào đó, đặc biệt xác thịt con người, không thể cháy đời đời. Cho nên, ý nghĩa của câu lửa đời đời không thể có liên quan đến sự đau đớn đời đời theo nghĩa của từ. Đám lửa không thể cháy mãi nếu không có gì để cháy. Nên chú ý rằng “địa ngục” bị “quăng xuống hồ lửa” (Khải huyền 20:14). Điều này chỉ rõ rằng địa ngục không phải cũng như “hồ lửa”; nó là sự phá hủy hoàn toàn. Bởi cách nói tượng trưng của Sách Khải huyền, chúng ta được chỉ cho rằng mồ phải được phá hủy hoàn toàn, vì vào cuối Nghìn năm sẽ không có sự chết bao giờ.

Gehenna

Trong Kinh Tân ước có hai từ Hy Lạp được dịch ra địa ngục. Hades là từ tương đương từ Do thái sheol mà chúng ta đã thảo luận trước rồi. Gehenna là tên của nơi đổ rác đúng ở ngoài thành Giê-ru-sa-lem ở đó đổ thải từ thành phố bị đốt. Những nơi đổ rác tiêu biểu cho nhiều thành phố đang phát triển ngày hôm nay (ví dụ, Núi tỏa khói ở ngoài thành Ma-ni-la tại Phi-li-pin). Như danh từ riêng tức là tên của một nơi cụ thể - đã không nên dịch từ mà để nó nguyên như Gehenna, hơn là dịch nó như địa ngục. Gehenna là một từ Xy-ri tương đương với từ Do thái Ge-ben-Hinnon. Nơi này đã ở gần Giê-ru-sa-lem (Giôsuê 15:8), và vào thời

Đấng Christ đó đã là đồng rác. Xác của bọn phạm tội đã bị bỏ vào đám lửa mà luôn luôn cháy ở đấy, vậy thì Gehenna đã bắt đầu tượng trưng cho sự phá hủy hoàn toàn và sự loại bỏ.

Cần phải nói lại một lần nữa rằng những gì bị bỏ vào đám lửa đó đã không ở lại đời đời ở đấy - thể xác phân hủy thành bụi. “Đức Chúa Trời chúng ta (sẽ) là đám lửa hay thiêu đốt” (Hebơơ 12:29) vào ngày phán xét; đám lửa của cơn giận của Ngài với những bọn phạm tội lỗi sẽ thiêu đốt phá hủy chúng hơn là để lại chúng trong trạng thái chỉ bị đốt sém bởi nó và vẫn còn sống qua được. Trong thời khi Đức Chúa Trời đã lần đầu tiên phán xét dân Y-sơ-ra-ên của Ngài từ tay của dân Ba-by-lôn, Gehenna đã đầy với xác chết của những người có tội lỗi trong dân Chúa (Giêrêmi 7:32,33).

Dùng từ Gehenna, Đức Chúa Jêsus-Christ đã gom lại một cách tài giỏi nhiều ý từ Kinh Cựu ước. Đấng Christ đã nói nhiều lần rằng những ai bị loại bỏ bên ngôi phán xét lúc Ngài trở về sẽ đi “xuống địa ngục (Gehenna), trong lửa chẳng hề tắt; đó là nơi sâu bọ của chúng nó chẳng hề chết” (Mac 9:43,44). Gehenna phải gọi lên trong đầu óc người Do thái những ý về sự loại bỏ và sự phá hủy thân thể, và chúng ta thấy đám lửa đời đời là một thành ngữ miêu tả cơn giận của Đức Chúa Trời với tội lỗi và sự phá hủy đời đời những người có tội lỗi bởi sự chết.

Câu nói “đó là nơi sâu bọ của chúng nó chẳng hề chết” rõ ràng là bộ phận của cũng thành ngữ này về sự phá hủy toàn diện không thể tưởng tượng được những sâu bọ không bao giờ chết theo nghĩa của từ. Việc Gehenna đã là nơi phạt những lần trước những người ác trong dân Chúa nêu lên càng rõ Đấng Christ sử dụng hình ảnh Gehenna này rất thích hợp.

Bài đọc thêm 11: Địa Ngục

Nhà thờ cơ đốc Lamã giảng rằng linh hồn của người tin Chúa đi đến một nơi gọi là “địa ngục” sau khi chết, là một căn nhà dở dang giữa “thiên đàng” và “âm phủ”. Họ giảng rằng có một nơi làm trong sạch tội, ở đây linh hồn sẽ chịu đau đớn trong chốc lát trước khi trở nên xứng đáng nhận sự cứu rỗi trên thiên đàng. Lời cầu nguyện, thập nến, và ban phát tiền bạc cho hội thánh của một người nào đó và bạn bè thì được coi là cơ hội để rút ngắn khoản khắc linh hồn chịu đau đớn trong địa “ngục”. Lỗi lầm to lớn của quan điểm này có lẽ xuất phát từ những đoạn sau:

- Thánh kinh hoàn toàn không liên quan đến sự hiện hữu những nơi này
- Chúng ta đã tìm hiểu linh hồn tức là thân thể của chúng ta, không phải là yếu tố bất tử bên trong chúng ta, và “âm phủ” là nấm mồ, không phải là nơi trừng phạt.
- Người công bình chưa bao giờ được hứa nhận sự cứu rỗi trên thiên đàng. Ban sự sống sẽ diễn ra tại ngôi phán xét ngày Chúa tái lâm, không phải là thời điểm nào đó sau khi chết khi đó chúng ta ra khỏi ‘địa ngục’ (Mathiơ 25:31-34; Khải huyền 22:12).
- Mọi người công bình nhận phần thưởng mình cùng lúc, không phải mỗi người nhận sự sống vào thời điểm khác nhau. (Hebơơ 11:39,40; 2Timôthê 4:8).
- Sự chết là sự vô thức hoàn toàn, không phải là những hoạt động mà giáo lý địa ngục đưa ra.
- Chúng ta được rửa sạch tội lỗi bằng phép baptem trong Đấng Christ và hình thành một niềm tin vững chắc trong công việc trong khi ta còn sống, không phải trải qua một khoản khắc chịu đau đớn sau khi chết. Chúng ta được giảng rằng hãy “rửa sạch chất men cũ” khỏi tội lỗi trong cuộc sống chúng ta (1 Côrintô 5:7); hãy tự rửa chúng ta khỏi việc làm của tội lỗi (2 Timôthê 2:21; Hebơơ 9:14). Cho nên, rửa tội chúng ta phải là lúc này, trong cuộc sống này, không phải là trong địa ngục, nơi chúng ta đến sau khi chết. “Bấy giờ là ngày của sự cứu rỗi... bấy giờ là thời khắc được chấp nhận” (2 Côrintô 6:2). Sự vâng lời của chúng ta trước Đức Chúa Trời trong

phép baptem và hình thành tình cách nên thánh trong cuộc đời này, sẽ đem chúng ta đến sự cứu rỗi (Galati 6:8)-chứ không phải trải qua một khoản thời gian trong ‘địa ngục’.

- Những nỗ lực của nhiều người khác để cứu chúng ta bằng cách đốt nến và ban dâng hiến cho nhà thờ, sẽ không ảnh hưởng gì đến sự cứu rỗi chúng ta. “bạn chúng tin cậy nhờ cậy vào tài sản mình... không một ai trong số họ có thể chuộc tội anh em nó được, hoặc đóng giá chuộc người nơi Đức Chúa Trời ...hầu cho người được sống mãi mãi. (Thithiên 49:6-9).

Bài đọc thêm 12: Ma và hồn ma

Tin tưởng con người tiếp tục sống thành con người khác hoặc sinh vật khác do thần linh nắm giữ, là một trong những cách mà người ta cố thuyết phục chính mình cái chết chưa phải là hết.

Chúng ta đã tìm hiểu thần của con người nói đến hơi thở/sức sống bên trong con người, trở về với Chúa ngay khi chết (Truyền đạo 12:7). Nghĩa là tinh thần của con người không quanh quẩn như cái gọi “là ma”, tinh thần không tự do có được người khác hay động vật để mà tính cách của người đó vẫn tồn tại ở họ. Mỗi chúng ta sẽ chịu xét đoán về những điều mình làm (2 Côrintô 5:10). Nếu hành động và tính cách của chúng ta là chức năng của một người trước đó, thì khái niệm xét đoán và ban thưởng của Đức Chúa Trời cho chúng ta tùy công việc mình làm (khải huyền 22:12) trở nên vô nghĩa.

Linh hồn trở về với Chúa lúc chết, và tất cả ý thức chúng ta đều mất hết. Bất kỳ cố gắng nào để tiếp xúc người chết cho thấy sự hiểu lầm nghiêm trọng lời dạy của kinh thánh liên quan đến chuyện này (Xem Esai 8:19,20). Kinh thánh hoàn toàn chỉ rõ rằng con người không trở về với ngôi nhà hay quê hương trước của họ sau khi họ chết; không thể có điều gì như thế cái gọi là “linh hồn” hay “ma” ám ảnh nơi nào đó sau khi người đó chết. Gióp 20:7-9 không có thể bày tỏ điều này bằng từ ngữ trau chuốt: “con người sẽ chết mãi mãi y như một đụn đất vậy; người ta thấy người sẽ nói, hỡi đâu rồi? Người ta sẽ không tìm thấy hỡi nữa...

mắt đã thấy tôi sẽ không còn thấy tôi nữa; họ không hề trở về nhà mình nữa, và xứ sở người chẳng còn biết người” (Gióp 7:9,10). Chấp nhận cách khiếm tốn điều này sẽ đưa chúng ta bỏ qua lời hô thần rằng họ đã nhìn thấy hồn ma của người chết và ám ảnh ngôi nhà củ của họ. Kinh nghiệm như thế thật ra chỉ là tính tưởng tượng của trí óc.

Bài đọc thêm 13: Chúng ta sẽ trông giống ai khi chúng ta được sống lại?

Chúng ta đã tìm hiểu sự sống đời đời và được biến đổi theo bản chất của Đức Chúa Trời được ban phát cho người trung tín sau khi xét đoán. Đấng Christ trước hết sẽ gọi dậy những người dính líu đến sự phán xét, và rồi xét đoán họ sau khi họ được đem trước mặt Ngài. Thấy rằng ban thưởng bản chất bất tử được ban lúc xét đoán, tiếp đó những người được gọi dậy nhận lấy sự chết trước cả mọi người. Nếu họ được gọi dậy trong thân thể bất tử, thì không có lý do nào cho ngôi xét đoán để ban thưởng.

Chúng vào nước của Chúa ngay sau khi chịu sự xét đoán (Mathiơ 25:34); người trung tín sẽ không được vào nước của Đức Chúa Trời trước sự xét đoán. “xác thịt và máu sẽ không hưởng nước của Đức Chúa Trời (vì vậy)... chúng ta sẽ được thay đổi... vì tính hay hư nát phải mặc lấy sự không hư nát, và thân hay chết này phải mặc lấy sự bất tử” (1 Côrintô 15:50,51,53), xảy ra tại ngôi xét đoán, là nơi chúng ta sẽ vào nước của Chúa.

Tuy nhiên, sứ đồ Phaolô được ban ơn thường nói sự sống lại theo ý nghĩa là “sự sống lại của sự sống”-sự sống lại của người công bình, người mà sẽ nhận sự sống đời đời sau khi chịu xét đoán. Tất nhiên, Ông hiểu rằng “sẽ có sự gọi dậy của người chết, cả người công bình và không công bình” (Công vụ 24:15). Ông hẳn nhận biết rằng người có trách nhiệm sẽ ra khỏi nấm mồ; họ làm điều tốt thì đến sự sống; họ làm điều ác thì đến sự chết” (Giăng 5:29).

Theo nghĩa tích cực, Phaolô dường như thường liên hệ “sự sống lại” khi Ông giảng về “sự sống lại từ kẻ chết”. Người công bình ra khỏi nấm mồ

đến với sự sống đời đời-sau khi ra khỏi đất họ sẽ chịu sự xét đoán và nhận sự sống đời đời. Toàn bộ quá trình này là “sự sống lại”. Có sự khác biệt giữa ra “khỏi ngôi mộ” và ‘sống đời đời’. Phaolô giảng về sự cố gắng của Ông để sống một cuộc đời cơ đốc , “bằng bất cứ giá nào, tôi luôn cố giành lấy sự sống lại từ kẻ chết” (Philip 3:11). Vì Ông tin Ông sẽ được sống lại để chịu sự xét đoán dù trong trường hợp nào; Ông cố gắng giành lấy sự sống lại.

Một số ví dụ khác về sự sống lại nghĩa là sự sống cho người công bình (So sánh Luca 14:14) gồm Luca 20:35;Giăng 11:24; 1 Côrintô 15:21,42; Hebơơ 11:35; Khải huyền 20:6. Trong thi thiên 17:15 David nói đến việc nhận phần thưởng ngay lúc Ông thức dậy. Ông đã có cùng quan điểm về sự sống lại, dù ông biết rằng ngày xét đoán sẽ có. Cách dùng cụm từ : “sự sống dậy”, trong 1 Côrintô 15 giải thích 1Côrintô 15:52-“người chết sẽ đem lên không hư nát”. Thật đáng giá trị cụm từ “kẻ chết”

đôi khi (và đặc biệt 1 Côrintô 15) liên hệ đến người chết công bình, sẽ được sống lại để nhận sự sống đời đời ngày xét đoán: 1 Côrintô 15:13,21,35,42; 1 Têsalônica 4:16; Philip 3:11; Khải huyền 14:13; 20:5,6.

1 Têsalônica 4:16,17 liệt kê sự kiện liên hệ đến ngày Chúa tái lâm:

1. Đấng Christ sẽ trở lại y như Ngài đã ra đi
2. Người chết sẽ được gọi dậy
3. Người có trách nhiệm còn sống trong ngày xét đoán sẽ được cất đi đến ngôi xét đoán

Sự ban cho sự sống đời đời ngay sau khi nhóm lại gặp Chúa (Mathiơ 25:31-34); 13:41-43); do vậy sự bất tử không ban cho lúc sống lại, mà sự sống lại đến có trước sự nhóm lại. Chúng ta đã tìm hiểu tất cả người công bình sẽ được ban thưởng cùng lúc đó (Mathiơ 25:34, Hebơơ 11:39-40). Điều này không thể có nếu sự bất tử được ban ngay khi sống lại, do vậy sự sống lại có trước sự nhóm lại của người có trách nhiệm đang sống.

Tuy nhiên cần phải lưu ý quan niệm của chúng ta về thời gian hoàn toàn là bản chất con người, với Đức Chúa Trời thì không bị ràng buộc bởi ai. Có thể tìm hiểu sâu hơn trình tự thời gian về các sự kiện cụ thể sẽ diễn

ra trong thời khắc Chúa Jesus tái lâm. Sự sống lại và thay đổi của chúng ta thành không chết dưới ngai xét đoán được mô tả như thể “nhanh như chớp mắt” (1 Côrintô 15:51,52). Thời điểm sẽ xảy ra trong khoảng thời gian Chúa tái lâm, nhất là những ai chịu sự xét đoán. Một nguyên tắc cơ bản của kinh thánh rằng mỗi người trong ngày xét đoán sẽ tự chịu trách nhiệm cho việc mình đã làm dưới ghế đoán xét, và sẽ có cuộc nói chuyện với quan xét, Chúa Jesus (Mathiơ 25:44; truyền đạo 3:17; 12:14; Luca 12:2,3; 19:23; Exechien 18:21,22; 1 Timôthê 5:24,25; Rôma 14:11,12). Ban vô số người chịu trách nhiệm, chúng ta phải cho rằng ý nghĩa thời gian sẽ bị gián đoạn hay eo hẹp để tất cả mọi người chịu xét đoán ngay tại chỗ, từng người một. Thấy rằng thời gian sẽ rất eo hẹp lúc đó, để mà suốt quá trình sống lại và xét đoán xảy ra “trong chớp mắt”, có thể hiểu rằng sự sống lại đôi khi được nói đến như là phương tiện qua đó người công bình sẽ được ban cho sự sống đời đời. Tuy nhiên, vì sự nhanh chóng, chúng ta có thể sẽ được cất lên từ mộ đến ngai xét đoán, rồi bởi ân điển của Chúa, chúng ta nhận sự sống. Vấn đề chúng ta đề cập từ đầu rằng kinh thánh cho biết sự sống đời đời sẽ ban trong ngày xét đoán không phải là lúasống lại. Vì lý do này 1 Tesalônica 4:17 nói về người công bình được gọi đến ngai xét đoán bởi tiếng kèn lớn, trong 1 Côrintô 15:52 nói đến cũng chiếc kèn đó sẽ thổi lên ngay khi ban cho sự sống. Điều này giải thích tại sao Phaolô nghĩ về sự sống lại giống với sự chấp nhận tại ngai xét đoán. (thí dụ Philip 1:23).

Bài đọc thêm 14: sống sung sướng cực độ

Những người giáo hội truyền giáo tin rằng người công bình được sống sung sướng trên thiên đàng khi Chúa tái lâm. Theo đó họ cho rằng trái đất sẽ bị hủy diệt. Trong bài đọc số 9 chúng ta hiểu rằng điều này không thể có được. Chúng ta cũng đã tìm hiểu trong bài học 4.7 rằng nơi ban thưởng sẽ là trên đất, không phải trên trời. Những tin tưởng sai lầm này do dựa vào lời giải thích lầm lẫn trong đoạn kinh 1 Tesalônica 4:16,17: “Chúa sẽ từ trời xuống... và người chết trong Đấng Christ sẽ sống dậy

trước: kể đó người đang sống sẽ được cất đi cùng với họ giữa đám mây để gặp Chúa trong không gian: và chúng ta sẽ ở đó cùng Ngài”.

Ngoài quan điểm nguy hại do dựa vào chỉ một đoạn kinh thánh, nên chú ý rằng không hề có sự đề cập đến người công bình được cất lên thiên đàng. Đấng Christ xuống từ trời trước lúc các tín đồ gặp Ngài. Đấng Christ sẽ cai trị đời đời trên ngai David tại Giêrusalem và chúng ta sẽ ở cùng Ngài trên đất. Do vậy, không thể cho rằng chúng ta sẽ cùng Chúa đời đời lơ lửng trên không trung được. “Không trung” mở ra chỉ vài km trên bề mặt trái đất nghĩa là không trung không thể liên hệ đến thiên đàng, nơi ở của Đức Chúa Trời.

Từ Hylạp dịch “cất lên” có nghĩa được cất đi; không có nghĩa nói đến một hướng cụ thể nào. Trong Levi 6:4 và Phục truyền 28:31 mô tả cất đi hàng hóa do trộm cướp. Trong công vụ 8:39: “thần của Đức Chúa Trời đem Philip đi người hoạn quan không nhìn thấy Philip đâu cả... nhưng Philip được tìm thấy tại Azotus sau đó”. Điều này ghi lại cách Philip được đem đi từ nơi này đến nơi khác hết sức lạ lùng.

Khi Đấng Christ trở lại, người có trách nhiệm sẽ được họp lại tại nơi phán xét; họ sẽ được ở lại để làm theo ý mình. Có thể phương tiện đi lại của chúng ta đến nơi ấy có lẽ sẽ bằng đường hàng không.

Chúa Jesus phán “trong ngày đó Con người sẽ hiện ra... hai người đang trên đồng ruộng; một người sẽ được cất đi, người kia thì ở lại” (Luca 17:30,36). Điều này cho thấy cùng hình ảnh được đem đi bất ngờ. Môn đồ nôn nóng hỏi Ngài, “Sự ấy sẽ xảy ra tại nơi đâu, thưa Thầy? Ngài phán cùng họ: xác chết ở đâu, chim ó nhóm tại đó” (Luca 17:37). Khi chim ó bay một cách bình thường trong không trung rồi đáp xuống nơi nào có xác chết trên đất, vì thế người có trách nhiệm sẽ được đem đi đến nơi mà họ sẽ phải gặp Chúa trong ngày phán xét.

Một lần nữa chúng ta phải nhấn mạnh tầm quan trọng của lời dạy nói về ngai xét đoán của Đấng Christ; người có liên can phải có mặt ở đó, ở đó người công bình sẽ được ban thưởng. Đọc hời hợt đoạn kinh 1 Tesalônica 4:16,17 có thể làm chúng ta kết luận người liên can sẽ được cất đi vào không trung và ở đó cùng Chúa đời đời. Chúng ta biết rằng người liên can sẽ được nhóm lại tại nơi phán xét, có thể bằng phương tiện hàng không và được ban thưởng tùy theo việc mình làm.

Bài 4: Câu hỏi

1. Sau sự chết xảy ra cái gì?
 - a) Tâm hồn lên Thiên đường
 - b) Chúng ta vô thức
 - c) Linh hồn được giữ ở nơi nào đó đến lúc phán xét
 - d) Những linh hồn ác xuống địa ngục và những linh hồn công bình lên Thiên đường
2. Linh hồn là gì?
 - a) Bộ phận không hề chết của con người
 - b) Một từ có nghĩa thân thể, con người, vật sống
 - c) Hoàn toàn như linh
 - d) Cái nào đó mà đi Thiên đường hay địa ngục sau sự chết
3. Sự chết có phải là trạng thái vô thức?
 - a) Có
 - b) Không
4. Địa ngục là gì?
 - a) Nơi dành cho những người ác
 - b) Sự đau đớn trong cuộc đời này
 - c) Mồ
5. **Miêu tả bản chất con người?**
6. **Hãy nêu ra hai câu kinh thánh chứng tỏ rằng sự chết là trạng thái vô thức?**
7. **Anh/em biết gì về ngôi phán xét của Đấng Christ?**
8. **Ai sẽ được sống lại và bị phán xét?**

BÀI 5

NƯỚC CỦA ĐỨC
CHÚA TRỜI



5.1 Lời định nghĩa Nước Đức Chúa Trời

Những điều chúng ta đã nghiên cứu trước chỉ rõ rằng mục tiêu của Đức Chúa Trời là thưởng những người thành tín của Ngài bởi sự sống đời đời khi Đấng Christ trở lại. Sự sống đời đời này sẽ ở trên đất; những lời hứa lặp lại của Đức Chúa Trời về điều này không bao giờ ẩn ý là những người thành tín lên trời. Chỉ có Chúa Jesus lên trời thôi, Ngài hứa cùng môn đồ dù họ không thể đi cùng (Giăng 13:33), nhưng Ngài sẽ trở lại thế gian và cai trị đời đời trên đất (Giăng 14:3). Sự cứu rỗi và sự sống đời đời của chúng ta sẽ trong thân thể xác thịt (Rôma 8:11,23), nơi nhận sự cứu rỗi sẽ là nước của Đức Chúa Trời thực hữu, hằng hữu trên đất. “Tin lành của nước Đức Chúa Trời” (Mathiơ 4:23) được rao truyền cho Áp-ra-ham trong hình thức những lời hứa của Đức Chúa Trời về sự sống đời đời trên đất (Galati 3:8). Cho nên, “nước Đức Chúa Trời” là thời kỳ sau khi Đấng Christ trở về và những lời hứa này được thực hiện. Trong khi Đức Chúa Trời một cách cao nhất ngay bây giờ vẫn là Vua của toàn bộ được sáng tạo ra, thì Ngài đã cho con người tự nguyện cai trị thế giới và cuộc đời riêng tùy ý mình. Vậy, hiện nay thế giới gồm có “nước của loài người” (Đanêên 4:17).

Lúc Đấng Christ trở về, “nước của thế gian sẽ thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị vì đời đời” (Khải huyền 11:15). Lúc đó ý muốn và ao ước của Đức Chúa Trời sẽ được thực hiện hoàn toàn và công khai trên trái đất này. Do đó lệnh của Đức Chúa Jêsus, chúng ta phải cầu nguyện: “Nước Cha được đến; ý Cha được nên, ở đất như trời” (Mathiơ 6:10). Bởi lý do này “nước Đức Chúa Trời” là một câu có thể thay cho câu “nước thiên đàng” (Mathiơ 13:11 so sánh Mac 4:11). Xin chú ý rằng chúng ta không bao giờ đọc về “nước trên trời”; đây là nước của trời mà sẽ được dựng nên trên đất do Đấng Christ lúc trở về. Vì ý muốn của Đức Chúa Trời do những thiên sứ trên trời sẵn sàng tuân theo (Thithiên 103:19-21), thì trong nước Đức Chúa Trời tương lai sẽ cũng thế, lúc đó trái đất chỉ sẽ có người công bình sống mà cho nên “giống như các thiên sứ” (Luca 20:36).

Sự vào nước Đức Chúa Trời lúc Đấng Christ trở về, cho nên, là kết quả cuối cùng của tất cả những cố gắng của chúng ta trong quá trình theo Chúa trong đời này (Mathiơ 25:34; Côngvụ 14:22); nếu như thế thì cách hiểu vấn đề này một cách đúng đắn có ý nghĩa sự sống. Chưa dịch trang 154-155. Sự giảng của Phi-líp về “Đấng Christ” được định như sự giảng “Tin lành của nước Đức Chúa Trời và danh Đức Chúa Jêsus-Christ” (Côngvụ 8:5,12). Nhiều nơi lần lượt nhắc cho chúng ta rằng “nước Đức Chúa Trời” về gánh nặng quan trọng trong đời truyền giảng của Phaolô (Côngvụ 19:8; 20:26; 28:23,31). Vì thế, hết sức quan trọng để chúng ta hiểu hoàn toàn rõ giáo lý căn cơ về Nước Đức Chúa Trời, nhớ rằng điều này làm bộ phận sống còn của đạo Tin lành. “Phải trải qua nhiều nỗi khó khăn mới vào được nước Đức Chúa Trời” (Côngvụ 14:22); đây là ánh sáng trong cuối đường hầm của đời này, và cho nên là động cơ thúc đẩy người phải hy sinh nhiều trong đời sống của người chân chính theo Chúa.

Nê-bu-cát-nết-sa, vua của Ba-by-lôn, đã muốn biết tương lai của thế giới (xem Đanêên 2). Người được ban sự hiện thấy một pho tượng lớn gồm có các kim loại khác nhau. Đa-ni-ên đã giải nghĩa cái đầu bằng vàng là tượng trưng cho vua Ba-by-lôn (Đanêên 2:38). Sáu người phải có các đế quốc nhỏ hơn liến tiếp ở khu vực xung quanh Y-sơ-ra-ên, và mọi việc kết thúc bởi “những ngón chân nửa sắt nửa đất sét, nước đó cũng nửa mạnh nửa giòn” (Đanêên 2:42).

Sự thăng bằng cán cân lực lượng trong thế giới hiện nay được chia ra giữa nhiều nước, một số nước mạnh, một số nước yếu. Sau đó Đa-ni-ên đã nhìn thấy một hòn đá nhỏ đập vào bàn chân pho tượng, phá hoại nó, và hòn đá hóa ra thành núi lớn đầy khắp đất (Đanêên 2:34,35). Hòn đá này đã tượng trưng cho Đức Chúa Jêsus (Mathiơ 21:42; Côngvụ 4:11; Ephêso 2:20; 1 Phiơrô 2:4-8). “Núi” mà Đấng sẽ tạo nên trên toàn thế giới tượng trưng cho Nước Đức Chúa Trời đời đời mà sẽ được dựng nên lúc sự đến lần thứ hai. Lời tiên tri này tự nó là bằng chứng rằng Nước sẽ trên đất, không phải trên trời.

Việc Nước sẽ được dựng nên hoàn toàn trên thực tế chỉ khi Đấng Christ trở về là chủ đề của nhiều đoạn khác. Phao-lô nói về Đức Chúa Jêsus đoán xét kẻ sống và kẻ chết “nhân sự đến của Ngài và nước Ngài” (2 Timôthê 4:1). Mi-chê 4:1 bắt được ý của Đa-ni-ên về nước Đức Chúa Trời như núi lớn: Xảy ra trong những ngày sau rốt, núi của nhà Đức Giê-hô-va sẽ lập lên”; tiếp theo người miêu tả nước này trên đất sẽ giống gì (Michê 4:1-4). Đức Chúa Trời sẽ ban cho Đức Chúa Jêsus ngôi Đa-vít ở Giê-ru-sa-lem: “Ngài sẽ trị vì đời đời ... nước Ngài vô cùng” (Luca 1:32,33). Việc này cần phải có điểm xuất phát nhất định khi Đức Chúa Jêsus bắt đầu trị vì trên ngôi Đa-vít, và nước của Đấng bắt đầu có. Đó sẽ xảy ra lúc Đấng Christ trở về. “Nước Ngài vô cùng” liên hệ với Đanêên 2:44: “Chúa trên trời sẽ dựng nên một nước không bao giờ bị hủy diệt, quyền nước ấy không bao giờ để cho một dân tộc khác”. Khải huyền 11:15 dùng từ tương tự để miêu tả sự đến lần thứ hai như thế nào, “Từ nay nước của thế gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị vì đời đời”. Một lần nữa, phải có thời gian nhất định khi nước của Đấng Christ và sự trị vì bắt đầu trên đất; điều này sẽ có lúc Đấng Christ trở về.

5.2 Nước Đức Chúa Trời chưa được thiết lập

Có một ý niệm là Nước Đức Chúa Trời hiện nay tồn tại đầy đủ, bao gồm những tín đồ hiện có, đây là giáo hội. Trong khi có triển vọng những tín đồ chân chính đã được cứu và ban cho khả năng có nơi trong Nước, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa rằng hiện nay chúng ta không thể ở lại trong Nước một cách hoàn toàn, nhờ đến điều là Đấng Christ chưa trở về để dựng nên nó.

Dựa vào những ý vừa mới học được, chúng ta thấy rõ “rằng thịt và máu chẳng hưởng nước Đức Chúa Trời” (1 Côrintô 15:50). Tài sản của chúng

ta là sự cứu rỗi sẽ được bày tỏ trong ngày cuối (1 Phiêrô 1:4,5). Chúng ta kế tự nước Ngài đã hứa cho kẻ kính mến Ngài” (Giacô 2:5), nhờ rằng phép báp-têm làm chúng ta kế thừa những lời hứa cho Áp-ra-ham mà làm nguyên lý cơ bản của Tin lành về Nước Ngài (Mathiô 4:23, Galati 3:8, 27-29). Vì thế, chúng ta tình cờ gặp những lời hứa thừa kế Nước Chúa lúc Đấng Christ trở về, khi những lời hứa cho Áp-ra-ham sẽ được thực hiện (Mathiô 25:34; 1 Côrintô 6:9,10; 15:50; Galati 5:21; Ephêsô 5:5). Bản thân việc sử dụng những tư nói về sự kế thừa tương lai chỉ rõ rằng hiện nay Nước Ngài chưa thuộc về những tín đồ.

Đức Chúa Jêsus đã kể chuyện thí dụ để sửa cho những ai tưởng “rằng nước Đức Chúa Trời sẽ hiện ra ngay. Vậy, Ngài phán rằng: Có một vị thái tử đi phương xa, đăng chịu phong chức làm vua rồi trở về”. Trong khi ấy người đã để lại các đầy tớ mình phải nhận trách nhiệm nhất định. “Khi người đã chịu phong chức làm vua rồi, trở về, đòi các đầy tớ... đến”, và đoán xét họ (Luca 19:11-27).

Vị thái tử tượng trưng cho Đấng Christ đi “phương xa” trên trời để nhận nước Cha Ngài, cùng vậy Đấng sẽ trở về lúc phán xét, tức là khi đến lần thứ hai. Cho nên, không thể có được tình trạng “các đầy tớ” chiếm hữu nước bây giờ, trong khi Chúa đi vắng.

Những câu dưới cho thêm bằng chứng:-

- “Nước của ta chẳng phải thuộc về thế gian (thời kỳ) này”, Đức Chúa Jêsus đã nói thẳng thắn (Giăng 18:36). Tuy thế, bây giờ trong thời đó, Đấng đã có thể nói, “Ta là vua” (Giăng 18:37), chỉ rằng địa vị làm vua của Đấng Christ lúc này không có nghĩa là Nước của Đấng bây giờ dựng nên rồi. Ngay cả những người thành tín trong thế kỷ thứ nhất được miêu tả như đang trông đợi “nước Đức Chúa Trời” (Mac 15:43).
- Đấng Christ đã nói với những môn đồ mình rằng sẽ không uống rượu vang nữa “cho đến ngày mà ta sẽ uống trái nho mới cùng các người ở trong nước của Cha ta” (Mathiô 26:29). Câu này ẩn ý là nước Chúa phải có ở trong tương lai, người ta đã hiểu như thế này lời giảng của Đấng Christ về sự “rao truyền

tin lành (tức là sự tuyên bố trước) của nước Đức Chúa Trời” (Luca 8:1). “Phước cho kẻ sẽ (trong tương lai) được ăn bánh trong nước Đức Chúa Trời”, họ đã ủng hộ (Luca 14:15).

- Lu-ca22:29,30 tiếp tục: “Ta ban nước cho các người... để các người được ăn uống chúng bàn trong nước ta”.

- Đức Chúa Jêsu đã giải thích những dấu lạ báo trước về sự đến lần thứ hai của Đấng Christ, và kết thúc như, “Khi các người thấy những điều ấy xảy ra, hãy biết nước Đức Chúa Trời gần đến” (Luca 21:31). Đây là lời vô lý nếu nước đang tồn tại bây giờ, trước sự đến lần thứ hai.

- “Phải trải qua nhiều nỗi khó khăn mới vào được nước Đức Chúa Trời” (Côngvụ 14:22). Không có gì đáng ngạc nhiên khi mọi tín đồ chịu đau đớn tha thiết cầu nguyện xin nước được đến (Mt 6:10).

- Đức Chúa Trời đã “gọi anh em đến nước Ngài” (1 Têsalôni 2:12); để hưởng ứng chúng ta phải tìm kiếm lối vào nước đó thông qua sự sống được thần linh soi sáng ngày bây giờ (Mathiơ 6:33).

Nước của Chúa trong lòng Anh em?

Nhiều người cơ đốc chính thống tin rằng nước Chúa tồn tại trong tâm hồn tín đồ do dựa vào đoạn: “nước của Chúa ở trong Anh em” (Luca 17:21). Câu này được dịch một cách chính xác “nước của Chúa ở giữa anh em” (xem A.V.mg). Câu văn cho thấy Chúa Jêsu giảng cho người Pharasi (câu 20); “các người” tức nói đến họ. Họ chưa phải là người tin đồ chắc chắn-nước của Chúa hẳn chưa dựng trong lòng họ.

Người Do thái công khai bày tỏ lòng sốt sắn của họ trước công chúng khi tìm kiếm Đấng cứu thế. Trong đoạn, nước Chúa dường như là chủ đề của Chúa cứu thế, rằng Ngài là vua của nước Chúa. Do vậy, khi Chúa Jêsu vào thành Giêrusalem, dân chúng kêu la: “Đáng ngợi khen, phước cho Đấng nhơn danh Chúa trời mà đến: phước cho nước đến, là nước vua Davít, tổ phụ chúng ta” (Mac 11:9,10). Giảng baptist giảng rằng “nước thiên đàng đang trong tầm tay/ đến gần. Vì ấy là Người được tiên tri trước” (Mathiơ 3:2,3). Trong đoạn Luca 17:20-24, Chúa Jêsu đáp câu

hỏi về “khi nào nước của Đức Chúa Trời đến” bằng cách nói về sự trở lại của “Con người”.

Ý của Chúa Jesus là người Giuda chú tâm quá nhiều đến trông đợi Đấng cứu thế đến thế gian, mong đợi người hiện ra bất ngờ, mà họ đã không nhận ra Đấng cứu thế – “nước của Chúa” đang ở giữa họ bằng con người Jesus khiêm tốn. Chúa Jesus nhắc nhở họ: “nước của Đức Chúa Trời (Đấng cứu thế) không phải bằng sự phô trương... này là, nước của Chúa đang ở giữa các người” (Luca 17:20,21).

5.3 Nước Đức Chúa Trời trong quá khứ

Nước Đức Chúa Trời là thưởng công tương lai cho những tín đồ. Vậy, đây là động cơ thúc đẩy họ cố gắng hiến cuộc sống mình để theo gương Đấng Christ một lối gì đó mà sẽ bao hàm sự đau đớn và sự khó ở gần gũi. Cho nên có thể coi rằng họ sẽ nóng lòng mong muốn hết mức đánh giá đúng và hiểu được những thứ phép màu của thời kỳ tương lai. Đó sẽ là sự tổng cộng của tất cả những cố gắng do thần linh soi sáng cho họ, và là lời tuyên bố đầy đủ về Đức Chúa Trời mà họ yêu như Cha mình.

Kinh thánh gồm rất nhiều chi tiết nói về Nước sẽ giống gì, và bạn có thể mất cả đời tìm kiếm ra một số ví dụ. Một trong những con đường mà chúng ta có thể đi vào để hiểu một số nguyên tắc cơ bản của Nước Ngài tương lai này là nhận thức rằng Nước Đức Chúa Trời đã tồn tại trong quá khứ trong hình thức nước Y-sơ-ra-ên. Nước này phải được dựng nên lại khi Đấng Christ trở về. Nhiều chỗ trong Kinh thánh cho chúng ta thông tin về nước Y-sơ-ra-ên, để chúng ta hiểu về nét đại cương Nước Đức Chúa Trời tương lai sẽ được tổ chức như thế nào.

Đức Chúa Trời được miêu tả nhiều lần như “vua của Y-sơ-ra-ên” (Êsai 44:6 so sánh Êsai 41:27; 43:15; Thithiên 48:2; 89:18; 149:2); nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên đã là nước của Ngài. Họ đã bắt đầu làm nước Đức Chúa

Trời bởi làm giao ước với Đấng tại núi Si-na-i, sau khi họ trốn thoát khỏi Ai cập qua biển Đỏ. Nếu họ muốn giữ sự giao ước, họ sẽ “thành một nước (Đức Chúa Trời)... cùng một dân tộc thánh” (Xuất hành 19:5,6). Đến đó “Khi Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai cập ... Y-sơ-ra-ên (đã) thành nước Ngài” (Thi thiên 114:1,2). Sau khi đã làm giao ước này, Y-sơ-ra-ên đi qua đồng vắng của Si-na-i và định cư trong xứ Ca-na-an đã hứa cho mình. Vì Đức Chúa Trời đã Vua của họ, thì họ đã được cai trị do “các Quan xét” (ví dụ, Ghê-dê-ôn và Sam-sôn), không phải do các vua. Các quan xét này đã không phải là các vua, nhưng những người quản lý được hướng dẫn bởi Đức Chúa và quản trị những bộ phận nhất định của đất nước hơn quản trị cả xứ. Họ nhiều lần do Đức Chúa Trời đứng lên nhằm những mục đích đặc biệt, thí dụ, dẫn Y-sơ-ra-ên biết hối hận và cứu họ khỏi kẻ thù của họ. Khi những người Y-sơ-ra-ên xin quan xét Ghê-dê-ôn làm vua của họ, người đã trả lời: “Ta chẳng quản trị các người... Đức Giê-hô-va sẽ quản trị các người” (Các quan xét 8:23).

Quan xét cuối cùng đã là Sa-mu-ên. Trong đời của người ngày đó, dân Y-sơ-ra-ên đã xin một vua để giống như các dân tộc xung quanh họ (1 Samuên 8:5,6). Trong suốt lịch sử, những người trung tín với Đức Chúa Trời đã bị cám dỗ đánh giá thấp quan hệ chặt chẽ với Đức Chúa Trời, và hy sinh tính gần gũi này vì sự giống nhau với thế giới xung quanh họ. Trong thế giới hiện nay những cám dỗ này rất sắc sảo. Đức Chúa Trời đã kêu than cho Sa-mu-ên: “ấy... từ chối ta đó, hầu cho ta chẳng cai trị chúng nó nữa” (1 Samuên 8:7). Tuy thế, Đức Chúa Trời đã ban vua cho họ, bắt đầu từ Sau-lơ hung ác. Sau người đó Đa-vít, người công bình, đã đến, và con cháu người đã lần lượt kế tiếp người. Những vua có trí óc do thần linh soi sáng đã nhận thức rằng họ đang quản trị Y-sơ-ra-ên thay mặt cho Đức Chúa Trời hơn dựa vào quyền riêng mình.

Đã nắm nguyên lý cơ bản này, chúng ta có thể hiểu cách miêu tả sự trị vì của Sa-lô-môn, con trai của Đa-vít, trên “ngôi của Ngài (Đức Chúa Trời) đặt làm vua cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời, Chúa chúng ta ” (2 Sử ký 9:8; 1 Sử ký 28:5; 29:23). Triều đại Sa-lô-môn đầy bình an và phần vinh vĩ đại đã chỉ hướng tới (hoặc đã là tiêu biểu cho) Nước Đức

Chúa Trời tưng lai. Chính vì thế đã được nhấn mạnh một điều rằng người là vua thay nhân danh Đức Chúa Trời, cũng như Đức Chúa Jêsu sẽ ngồi trên ngai của Đức Chúa Trời như Vua dân Y-sơ-ra-ên nhân danh Đức Chúa Trời (Mathiơ 27:37,42; Giăng 1:49; 12:13).

Chưa dịch trang 160-161

Sự phán xét của Đức Chúa Trời

Bởi Sa-lô-môn đã bỏ Chúa, nước của Y-sơ-ra-ên bị chia thành hai phần; Rô-bô-am, con trai của Sa-lô-môn, đã quản trị những chi phái của Giu-đa, Bên-gia-min và một nửa chi phái của Ma-na-se, còn Giê-rô-bô-am đã quản trị mười chi phái khác. Nước có mười chi phái được tên Y-sơ-ra-ên, hoặc ép-ra-im, trong khi nước có hai chi phái được tên Giu-đa. Nhân dân của tất cả những chi phái này, về phần lớn, đã tuân theo gương xấu của Sa-lô-môn họ đã yêu cầu phải tin vào Đức Chúa Trời thực sự, trong khi đó đã sùng bái những thần tượng của các dân tộc xung quanh. Nhiều lần Đức Chúa Trời đã xin họ, qua những nhà tiên tri, hối hận, nhưng không có kết quả. Bởi đó, Ngài đã trừng phạt họ bằng việc đưa họ ra khỏi nước Y-sơ-ra-ên đến các nước của những kẻ thù của họ. Việc này xảy ra thông qua dân A-se-ri và Ba-by-lôn đã xâm chiếm Y-sơ-ra-ên và bắt họ ra đi: “Chúa dung thứ chúng nhiều năm, và thử thách họ bằng Thần linh và các tiên tri của Chúa mà làm chứng nghịch cùng chúng; nhưng chúng không lắng tai nghe, nên Chúa phó chúng vào tay dân tộc của các xứ (xung quanh)” (Nêhêmi 9:30).

Nước Y-sơ-ra-ên có mười chi phái đã hoàn toàn không có vua tốt nào cả. Giê-rô-bô-am, A-háp, Giô-a-cha và khác được ghi trong Sách Các Vua như những người sùng bái thần tượng. Vua cuối cùng của họ là Hô-sê, trong thời đó nước Y-sơ-ra-ên đã bị do A-se-ri đánh bại, và mười chi phái bị đem làm nô dịch (2 Các Vua 17). Từ đó, họ không bao giờ trở về.

Nước Giu-đa có hai chi phái đã có một số vua tốt (ví dụ Ê-xê-chia và Giô-si-a), mặc dù đa số đã là ác. Vì dân đã phạm tội nhiều lần thì Đức Chúa Trời đã lật đổ Giu-đa như nước Ngài trong thời Sê-đê-kia, vua cuối cùng của họ. Điều đó đã xảy ra bởi dân Ba-by-lôn xâm chiếm và bắt giữ và đem họ về Ba-by-lôn (2 Các Vua 25). Họ đã ở lại tại Ba-by-lôn trong

suốt 70 năm, sau đó một phần người đã trở về Y-sơ-ra-ên dưới sự lãnh đạo của E-xơ-ra và Nê-hê-mi. Họ không bao giờ có vua riêng và được cai trị bởi những người Ba-by-lôn, Hy lạp và Rô-ma. Đức Chúa Jêsus được sinh ra trong thời kỳ Rô-ma thống trị. Vì dân Y-sơ-ra-ên đã không nhận Đức Chúa Jêsus, thì những người Rô-ma đã xâm chiếm họ vào năm 70 A.D. và phân tán họ khắp thế giới. Chỉ trong suốt 100 năm gần đây họ mới bắt đầu trở về, vậy, báo trước về sự trở về của Đấng Christ (Xem Phụ lục 3).

Ê-xê-chi-ên 21:25-27 tiên tri rằng nước Đức Chúa Trời sẽ hết, nếu coi nó là nước Y-sơ-ra-ên: “Về phần người, vua chúa Y-sơ-ra-ên (tức là Sê-đê-kia), người gian ác bị thương đến chết kia, ngày của người đã đến... Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hãy cất mũ này (tức là Sê-đê-kia sẽ không làm vua nữa), lột mão triều thiên này; sự này chẳng giống như trước nữa... Ta sẽ úp đổ, úp đổ, úp đổ nó; sự này cũng sẽ không còn nữa, cho đến chừng nào Đấng đáng được sẽ đến, thì ta sẽ giao cho”. Các nhà tiên tri lần lượt than vãn về sự chấm dứt nước Đức Chúa Trời (Hôsê 10:3; Cathương 5:16; Giê-rê-mi 14:21; Đan-ê 8:12-14).

Sự úp đổ gấp ba lần ghi trong Echikiên 21:25-27 liên quan đến ba cuộc xâm lược do Nê-bu-cát-nét-sa, vua của Ba-by-lôn, tiến hành. Học sinh thận trọng sẽ thấy trong những câu này một ví dụ khác về cách đối xử nước Đức Chúa Trời và vua như nhau; Sê-đê-kia đã lật đổ nước Đức Chúa Trời (xem phần 5.2). Nước Đức Chúa Trời trong hình thức nước Y-sơ-ra-ên đã chấm dứt: “Ta... sẽ dứt nước của nhà Y-sơ-ra-ên” (Hô-sê 1:4). “Sự này cũng sẽ không còn nữa, cho đến chừng nào...” có nghĩa rằng nước sẽ phục hồi khi “Đấng đáng được, thì ta (Đức Chúa Trời) sẽ giao cho”. Đức Chúa Trời sẽ “ban cho Ngài (Đức Chúa Jêsus) ngôi Đa-vít là tổ phụ Ngài... nước Ngài vô cùng” (Luca 1:32,33) khi Đấng Christ trở về. Cho nên, lời hứa phục hồi nước sẽ thực hiện lúc đó.

Sự phục hồi Y-sơ-ra-ên

Lời tiên tri trong Kinh Cựu ước gồm một chủ đề thật lớn là sự phục hồi Nước Đức Chúa Trời lúc khi Mê-si trở về. Các môn đồ của Đấng Christ

đã nắm ý luôn: “Những người nhóm tại đó thưa cùng Ngài rằng: Lạy Chúa, có phải trong lúc này Chúa sẽ lập lại nước Y-sơ-ra-ên chăng?”, tức là Có phải Ê-xê-chi-ên 21:27 sẽ được thực hiện bây giờ không? Đức Chúa Jê-sus đã đáp rằng kỳ hạn chính xác của lúc đến lần thứ hai họ không bao giờ sẽ biết, tùy ngay sau đó những thiên sứ nói chắc chắn rằng Đấng sẽ thật trở về vào lúc nhất định (Côngvụ 1:6-11).

Vì thế, sự phục hồi nước Đức Chúa Trời, Y-sơ-ra-ên sẽ xảy ra vào lúc hiện ra lần thứ hai. Vậy thì Phi-c-rơ đã rao giảng rằng Đức Chúa Trời sẽ sai “Đức Chúa Jê-sus-Christ... mà trời phải rước về (tức là Đấng phải ở lại ở đó) cho đến kỳ muôn vật đổi mới, là kỳ mà Đức Chúa Trời thuở xưa đã phán trước bởi miệng các thánh tiên tri” (Côngvụ 3:20,21). Sự đến lần thứ hai sẽ mang lại sự dựng nên lại nước Đức Chúa Trời như là sự phục hồi nước Y-sơ-ra-ên cũ.

Sự phục hồi nước Đức Chúa Trời thật là chủ đề của tất cả “các thánh tiên tri (về Đức Chúa Trời):-

- “Ngôi sẽ bởi sự nhân từ mà bền lập; và trong trại Đa-vít (lúc sự đến lần thứ hai Lu-ca 1:32,33) sẽ có một Đấng (Đức Chúa Jê-sus) lấy lễ thật ngồi lên, sẽ đoán xét... và vôi vàng làm sự công bằng” (Êsai 16:5).
- “Trong ngày đó, ta sẽ dựng lại nhà tạm của Đa-vít (tức là “ngôi” của Đa-vít của Lu-ca 1:32,33), là nhà đã đổ, và tu bổ lại những chỗ rách nát của nó. Ta sẽ dựng lại những nơi đổ nát và xây nó lại như ngày xưa” (A-mốt 9:11). Câu cuối nói rõ về sự phục hồi.
- “Con cái chúng nó (của Y-sơ-ra-ên) sẽ y như ngày trước; hội chúng nó sẽ đứng vững trước mặt ta” (Giêrêmi 30:20).
- “Ta sẽ khiến những phu tù Giu-đa và những phu tù Y-“Đức Giê-hô-va ... sẽ còn kén chọn Giê-ru-sa-lem” (Xa-cha-ri 2:12), làm nó thủ đô của Nước rộng khắp thế giới của Ngài (so sánh Thithiên 48:2; Êsai 2:2-4).

- “Vì Đức Chúa Trời ở cùng dân Isơrơen, vì vậy khi nước Ngài được tái lập người ta sẽ biết rằng Đức giêhôva đang ở đó” (Exechien 35:9,10 so sánh 48:35).

sơ-ra-ên trở về; gây dựng lại chúng nó như hồi trước... Trong chốn này là nơi các người nói... thì người ta sẽ còn nghe tiếng kêu vui... Vì ta sẽ khiến những phu tù của đất này trở về, làm cho như trước... trong chỗ này (Giê-ru-sa-lem) là chỗ bị hoang vu... *lại sẽ có những gia cư của kẻ chăn chiên...* những bầy sẽ lại qua” (Giêrêmi 33:7-13).

Sự trở về của Đấng Christ để dựng nên Nước này thật là “sự trông cậy của Y-sơ-ra-ên” và chúng ta phải gắn liền với nó bởi phép báp-têm.

5.4 Nước Đức Chúa Trời trong tương lai

Phần 1 và 3 của Bài này đã mang lại khá nhiều thông tin liên quan đến Nước này sẽ như thế nào. Chúng ta đã thấy rằng Áp-ra-ham được hứa là thông qua Dòng dõi của Áp-ra-ham các dân tộc khắp thế giới sẽ được phước; Rôma 4:13 mở rộng điều này có ý là toàn thế giới sẽ được thừa kế do những người nào trong Dòng dõi của Áp-ra-ham, tức là, Đấng Christ. Hình ảnh tiên tri của Đanêên 2 giải thích Đấng Christ sẽ trở về như hòn đá nhỏ và sau đó nước sẽ dần dần lan rộng khắp thế giới như thế nào (so sánh Thithiên 72:8). Điều đó có nghĩa rằng Nước Đức Chúa Trời sẽ không phải chỉ ở Giê-ru-sa-lem hoặc đất Y-sơ-ra-ên, như một núi gì đó, mặc dù những vùng này chắc sẽ làm trung tâm của nó.

Những người đi theo Đấng Christ trong đời này sẽ là vua “và thầy tế lễ... những người ấy sẽ trị vì trên mặt đất” (Khải huyền 5:10). Chúng ta sẽ cai trị những thành với kích cỡ và số lượng khác nhau; một người sẽ cai trị mười thành, người khác thì năm thành (Luca 19:17). Đấng Christ sẽ chia sự đồng trị trái đất cùng chúng ta (Khải huyền 2:27; 2 Timôthê

2:12). “Sẽ có một vua (Đức Chúa Jêsus) lấy nghĩa trị vì, các quan trưởng (những tín đồ) lấy lễ công bình mà cai trị” (Êsai 32:1; Thithiên 45:16).

Đấng Christ phải trị vì đời đời trên ngôi Đa-vít được dựng lại (Luca 1:32,33), nghĩa là Đấng Christ sẽ có vị trí và chức vụ cai trị của Đa-vít mà đã là ở Giê-ru-sa-lem. Vì Đấng Christ sẽ trị vì từ Giê-ru-sa-lem, thì nó sẽ là thủ đô của Nước tương lai. Chính trong vùng này đền thờ sẽ được xây dựng (Exêkiên 40-48). Trong khi những người sẽ cầu Trời ở khắp nơi trên trái đất (Malachi 1:11), đền thờ này sẽ là điểm tập trung sự thờ phượng của thế giới. Các dân tộc “sẽ lên đó hàng năm dâng thờ lạy trước mặt Vua, là Đức Giê-hô-va vạn quân, và giữ lễ lều tạm” xung quanh đền thờ ở Giê-ru-sa-lem (Xa-cha-ri 14:16).

Cuộc hành hương hàng năm đến Giê-ru-sa-lem cũng được tiên tri trong Ê-sai 2:2,3: “Trong những ngày sau rốt, núi (Nước – Đanêên 2:35,44) của nhà (đền thờ) Đức Giê-hô-va sẽ được lập vững trên đỉnh các núi (tức là Nước Đức Chúa Trời và đền thờ sẽ được đề cao hơn các nước của các dân tộc)... Mọi nước sẽ đổ về đó, và nhiều dân tộc sẽ đến mà nói rằng: Hãy đến; chúng ta hãy lên núi Đức Giê-hô-va, nơi nhà Đức Chúa Trời của Gia-cốp: Ngài sẽ dạy chúng ta về đường lối Ngài... Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn, lời Đức Giê-hô-va sẽ ra từ Giê-ru-lem”. Hình như đây là hình ảnh về những ngày ban đầu của Nước, vì người ta truyền bá kiến thức về sự trị vì của Đấng Christ cho người không gốc Do Thái, và họ đi lên đến “núi của Nước Đức Chúa Trời mà sẽ dần dần lan rộng khắp thế giới. Ở đây chúng ta thấy một hình ảnh hăng hái thực sự trong thờ phượng.

Một trong những tấn bi kịch lớn nhất cho con người ngày nay là phần lớn người thờ phượng Đức Chúa Trời vì những lý do chính trị, xã hội, văn hóa hay xúc cảm, không phải trên cơ sở thực sự hiểu biết Ngài như Cha và Tạo hóa của họ. Trong Nước sẽ có lòng hăng hái khắp thế giới ham tìm hiểu những đường lối của Đức Chúa Trời; người ta sẽ có một động cơ thúc đẩy mạnh đến nỗi mà họ sẽ đi từ khắp nơi trên trái đất đến Giê-ru-sa-lem nhằm hiểu biết thêm về Đức Chúa Trời.

Thay cho sự lộn xộn và sự bất công được tạo ra do những hệ thống pháp luật và sự thi hành công lý sẽ có một bộ luật chung là “luật và lời của Đức Giê-hô-va” do Đấng Christ tuyên bố từ Giê-ru-sa-lem. “Mọi nước sẽ đổ về” những kỳ họp giảng dạy với ý rằng sự khát khao cùng chung tìm ra sự hiểu biết thực sự về Đức Chúa Trời sẽ giảm đi những sự va chạm tự nhiên giữa các dân tộc, như nó xảy ra giữa những người mà cố gắng hiển mình cho kiếm được sự hiểu biết này trong đời sống này.

Sự miêu tả tất cả các dân tộc đang đổ về Giê-ru-sa-lem giống như hình ảnh trong Êsai 60:5 ở đâu những người Do thái cùng với những người không phải là Do thái “cùng đổ” về để thờ lạy Đức Chúa Trời ở Giê-ru-sa-lem. Chỗ này nối lại hoàn hảo với lời tiên tri về Nước Chúa trong Xa-cha-ri 8:20-23:-

- “Các dân tộc và dân cư nhiều thành đều đến, và dân cư thành nầy đi đến thành khác mà nói rằng: Chúng ta hãy đi mau (A.V. mg.so sánh Xa-cha-ri 14:16 hàng năm), đừng nài xin ơn Đức Giê-hô-va, và tìm kiếm Đức Giê-hô-va vạn quân; ta cũng sẽ đi. Như vậy có nhiều dân tộc và nhiều nước mạnh sẽ đến tìm kiếm Đức Giê-hô-va vạn quân tại Giê-ru-sa-lem... mười người từ mọi thứ tiếng trong các nước ra, nắm chặt vạt áo của một người Giu-đa, mà nói rằng: Chúng ta sẽ đi cùng các người, vì chúng ta có nghe rằng Đức Giê-hô-va ở cùng các người”.

Điều này tạo hình ảnh là dân Do thái được đặt “ở đầu đàn, chớ chẳng phải đuôi” của các dân tộc nhờ họ hối hận và vâng lời (Phục truyền 28:13); nên tảng của dân Do thái về chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời sẽ được mọi người đánh giá đúng. Tình trạng những giáo phái theo Chúa hiện nay không biết điều này sẽ hết bất ngờ. Lúc đó người ta sẽ hăng hái thảo luận những điều này đến nỗi mà họ có thể nói với dân Do thái, “chúng tôi có nghe rằng Đức Giê-hô-va ở cùng các người”. Sau đó cuộc nói chuyện sẽ quay xung quanh những điều thiêng liêng, không phải về những ảo tưởng rỗng tuếch mà chứa đầy ý nghĩ hiện nay trên thế gian.

Đã cam kết ngoan đạo càng nhiều thì không có gì ngạc nhiên nếu Đấng Christ “sẽ làm sự phán xét trong các nước... Bấy giờ họ sẽ lấy gươm rên lưỡi cày, lấy giáo rên lưỡi liềm. Nước này chẳng còn giá gươm lên nghịch cùng nước khác, người ta chẳng còn tập sự chiến tranh” (Êsai 2:4). Quyền lực tuyệt đối của Đấng Christ và sự công bằng chung trong phân xử những sự tranh chấp sẽ dẫn tới tình trạng khi các nước sẽ tự nguyện đổi vũ khí quân sự của họ thành máy móc nông nghiệp, và bỏ không luyện quân. “Trong ngày vua ấy, người công bình sẽ hưng thịnh” (Thithiên 72:7) tính chất tinh thần sẽ được đề cao lúc đó, và người ta sẽ tôn trọng những người phản ánh những tính nét của Đức Chúa Trời trong tình yêu, thương xót, công bằng, v.v. Nó trái ngược hẳn với sự đề cao những người kiêu ngạo, tự khẳng định và có nhiều khát vọng ích kỷ.

Việc “lấy gươm rên lưỡi cày” sẽ làm bộ phận của sự biến đổi càng lớn trong nông nghiệp xảy ra trên đất đai. Do tội lỗi của A-đam, đất đã bị rửa sả vì người (Sángthế 3:17-19), điều đó dẫn tới sự lao động lớn lao hiện nay để nhận thức ăn bởi nó. Trong Nước “sẽ có dư dật ngũ cốc trên đất và trên đỉnh các núi (thời xưa đất cằn cỗi); bông trái nó sẽ ào ào như cây trồng ở Li-ban” (Thithiên 72:16). “Kẻ cày sẽ theo kịp kẻ gặt, kẻ đập nho theo kịp kẻ gico giống. Các núi sẽ nhỏ rượu ngọt ra” (A-mốt 9:13). Sự màu mỡ của đất sẽ được cải tạo như thế, và sự rửa sả về đất được tuyên bố trong Ê-đen sẽ được khử.

Sản xuất nông nghiệp rộng lớn như thế sẽ thu hút nhiều người. Những nhà tiên tri về Nước tạo cảm tưởng rằng người ta sẽ trở về lối sống nông nghiệp tự túc:

“Ai nấy sẽ ngồi dưới cây nho mình và dưới cây vả mình, không ai làm cho lo sợ” (Michê 4-4).

Sự tự túc này sẽ vượt qua những thói lạm dụng vốn có trong mọi hệ thống thuê lao động trả tiền mặt. Mất cả đời lao động để làm những người khác giàu lên lúc đó sẽ thành điều quá khứ.

“Dân ta sẽ xây nhà và (mình) ở, trồng vườn nho và ăn trái. Họ chẳng xây nhà cho người khác ở, chẳng trồng vườn nho cho người khác ăn... những kẻ lựa chọn của ta sẽ hằng hưởng công

việc tay mình làm. Họ sẽ không nhọc mình vô ích nữa...” (Êsai 65:21-23).

Êsai 35:1-7 gồm lời tiên tri vô song đất cằn cỗi sẽ thay đổi như thế nào, dẫn tới hơi thoảng vui vẻ và hạnh phúc hầu như toát ra khỏi đất, nhờ những người làm việc trên nó có lối sống thoải mái hơn và được thần linh soi sáng: “Đồng vắng... sẽ vui vẻ; nơi sa mạc sẽ mừng rỡ, và trở hoa như bông hường. Nó... vui mừng, cất tiếng hát hân hỷ... Vì có những dòng nước trào lên trong đồng vắng, và những suối chảy ra trong nơi sa mạc. Cát nóng sẽ biến ra hồ”. Ngay cả sự công kích vốn có giữa con vật sẽ được loại bỏ: “muông sói với chiên con sẽ ăn chung”, và trẻ con sẽ có thể chơi với những con rắn (Êsai 65:25; 11:6-8).

Cũng như sự nguyên rửa được làm với vật tự nhiên sẽ giảm bớt nhiều, thì sự nguyên rửa loài người cũng sẽ nhỏ đi. Vậy thì Khải huyền 20:2,3 nói bằng tiếng tượng trưng về ma quỷ (tội lỗi và hậu quả của nó) bị “xiềng lại”, hoặc bị kiểm chế, đến Ngàn năm. Tuổi thọ tối đa sẽ tăng đến nỗi mà khi người nào chết 100 tuổi, thì được coi là chết trẻ (Êsai 65:20). Phụ nữ sẽ ít đau đớn hơn khi đẻ con (Êsai 65:23). “Bấy giờ, những kẻ mù sẽ mở mắt, những kẻ điếc sẽ rõ tai. Bấy giờ, kẻ què sẽ nhảy như con nai, lưỡi kẻ câm sẽ hát” (Êsai 35:5,6). Điều đó sẽ nhờ những sự ban cho Thánh Linh thần diệu mà lại có (so sánh Hebơơ 6:5).

Không thể nhấn mạnh quá nhiều rằng không nên coi Nước Đức Chúa Trời là một nơi cực lạc kiểu con đảo nhiệt đới mà những người thiện sẽ được hưởng giống như những người khoái tắm nắng ở giữa nơi tiên cảnh. Mục đích cơ bản của Nước Đức Chúa Trời là làm sáng danh Đức Chúa Trời đến khi trái đất đầy dẫy vinh quang Ngài “như nước đầy tràn biển” (Ha-ba-cuc 2:14). Mục đích cuối cùng của Đức Chúa Trời là: “Nhưng ta chỉ sự hằng sống ta mà quả quyết rằng, sự vinh quang của Đức Giê-hô-va sẽ đầy dẫy khắp trái đất” (Dân số 14:21). Vinh quang Đức Chúa Trời có nghĩa là dân cư của trái đất sẽ đánh giá đúng, ngợi khen và chép lại những thuộc tính thiện của Ngài; vì thế giới sẽ có tình trạng như thế thì Đức Chúa Trời sẽ cho phép cho trái đất vật chất cũng phản ánh điều

này. Cho nên, “người công bình sẽ nhận được đất (trong Nước) làm cơ nghiệp, và được khoái lạc về bình yên dư dật (do thần linh soi sáng)” (Thithiên 37:11), hơn khoái lạc cuộc sống dễ dàng. Những ai “đói khát sự công bằng... sẽ được no đủ” bởi nó trong Nước (Mathiơ 5:6).

Bản thân ý về chiếm hữu sự sống đời đời trong Nước nhiều khi được dùng như cà rốt để xúi người ta quan tâm đến Chúa. Tuy thế, trong lúc đó chúng ta sẽ chiếm hữu nó gần như ngẫu nhiên so với một lý do thực sự để chúng ta ở trong Nước là làm sáng danh Đức Chúa Trời. Thời gian còn lại sau khi chúng ta chịu phép báp-têm, chúng ta sẽ phải càng đánh giá đúng điều này. Đối với tác giả, thì chỉ mười năm sống trong niềm vui của sự trọn vẹn tuyệt đối và sự hiểu biết tốt về Đức Chúa Trời sẽ đáng tất cả những chấn thương của đời này. Một ý rằng trạng thái khoái trá này sẽ kéo dài mãi mãi làm trí óc nổ luôn và đưa chúng ta ra khỏi những khuôn khổ sự nhận thức của con người.

Ngay khi chúng ta xem xét thông qua những thuật ngữ vật chất hơn, sự chiếm hữu Nước Đức Chúa Trời nên thành động cơ thúc đẩy cao nhất cho chúng ta để xem thường những sự thuận lợi của thế giới trần tục và sự quá thiên về vật chất. Thay cho ý nghĩ quá mức về tương lai gần, Đức Chúa Jêsus đã khuyên, “Nhưng trước hết, hãy tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các người mọi điều ấy nữa” (Mathiơ 6:30-34). Tất cả mọi cái mà chúng ta bây giờ có thể tưởng tượng được và phấn đấu đạt được đều không thể so sánh được với sự hoàn thành cuối cùng khi ở trong Nước Đức Chúa Trời.

Chúng ta cần phải tìm kiếm “sự công bằng (của Đức Chúa Trời)”, tức là cố gắng phát triển sự yêu thương đối với bản tính của Đức Chúa Trời, có nghĩa rằng chúng ta muốn ở trong Nước Đức Chúa Trời bởi vì sự công bằng sẽ được tôn lên ở đó, bởi vì chúng ta muốn trở thành hoàn toàn trọn vẹn về đạo đức, không phải bởi vì cá nhân chúng ta muốn tránh chết và sống một cuộc sống dễ dàng mãi mãi.

Thật nhiều quá sự trong cây của Tin lành được giới thiệu bằng cách mà kêu cầu tính ích kỷ của con người. Rõ ràng động cơ thúc đẩy chúng ta đến Nước Đức Chúa Trời thay đổi rất nhiều hàng ngày. Những điều mà chúng tôi đề nghị ở đây là lý tưởng ; điều chúng tôi xét trước hết là học được Tin lành và chỉ rõ sự phục tùng của chúng tôi với Chúa trong phép báp-têm theo lý do tuân theo Đức Chúa Trời với lòng yêu thương. Cách đánh giá đúng sự trong cây mà Đức Chúa Trời đang dâng tặng và lý do chính xác tại sao chúng ta muốn ở trong Nước Đức Chúa Trời sẽ tăng lên và trưởng thành sau khi chúng ta chịu phép báp-têm.

5.5 Một ngàn năm

Đến điểm này trong công tác nghiên cứu cuộc sống trong Nước, một độc giả chăm chú có thể hỏi, Có phải hình như hình ảnh Nước Đức Chúa Trời giống cách nhìn của con người quá, phải không? Những người trong Nước sẽ tiếp tục sinh con (Êsai 65:23) và ngày cả tiếp tục chết (Êsai 65:20). Những người này sẽ có những bất hòa mà Đấng Christ sẽ dàn xếp (Êsai 2:4), và vẫn sẽ cần làm ruộng để sống được, tùy việc sẽ dễ hơn nhiều so với bây giờ. Mọi điều đó khác xa những lời hứa là những người công bình sẽ nhận sự sống đời đời, và có được bản chất giống như Đức Chúa Trời và thành tương tự với các thiên sứ mà không lấy vợ gả chồng và không sinh đẻ (Luca 20:35,36). Câu trả lời là ở chỗ rằng phần thứ nhất của Nước Đức Chúa Trời sẽ kéo dài 1000 năm - “Một ngàn năm” (xem Khải huyền 20:2-7). Trong suốt Một ngàn năm này sẽ có hai nhóm người trên trái đất:-

1. Những thánh đồ -những người trong chúng ta mà trong cuộc đời này đã tuân theo Đấng Christ một cách có thể chấp nhận được, họ sẽ được ban cho sự sống đời đời trước ngai phán xét. Xin chú ý: thánh đồ có nghĩa là người được gọi và có liên quan đến tín đồ chân chính nào cũng được.

2. Những người bình thường, hay chết mà đã không biết Tin lành vào lúc khi Đấng Christ trở về tức là họ đã không chịu trách nhiệm trước ngai phán xét.

Khi Đấng Christ lại đến, hai người sẽ ở ngoài đồng, một người được rước đi (phán xét), còn một bị để lại (Luca 17:36); những ai “bị để lại” sẽ trong nhóm thứ hai này.

Đã nhận bản chất của Đức Chúa Trời trước ngai phán xét, những thánh đồ sẽ không thể chết hay sinh con cái. Cho nên, cảnh miêu tả những người có cái này trong Nước phải liên quan đến nhóm thứ hai những người đang sống vào lúc khi Đấng Christ trở về, nhưng họ đã không biết những yêu cầu của Đức Chúa Trời. Thường công cho người công bình là được “làm cho những người ấy nên nước, và thầy tế lễ... những người ấy sẽ trị vì trên mặt đất” (Khải huyền 5:10). Các vua cần phải trị vì những người nào đó; những người mà đã không biết về Tin lành vào lúc sự đến lần thứ hai sẽ, cho nên, được để sống để được trị vì. Thông qua ở “trong Đấng Christ” chúng ta sẽ chia thưởng công của Đấng mà là làm vua của thế giới: “Kẻ nào thắng... ta sẽ ban cho quyền trị các nước: kẻ đó sẽ cai trị bằng một cây gậy sắt... khác nào chính ta đã nhận quyền cai trị đó nơi Cha ta” (Khải huyền 2:26,27).

Truyện ngụ ngôn của Đấng Christ về nén bạc xếp rất đúng chỗ những người đầy tớ trung thành đã được thưởng mười hay năm thành phố để cai trị trong Nước (Luca 19:12-19). Sự hiểu biết về đường lối của Đức Chúa Trời sẽ không lan rộng ngay khi Đấng Christ được tuyên bố Vua ở Giê-ru-sa-lem; người ta sẽ đi đến Giê-ru-sa-lem nhằm tìm kiếm thêm hiểu biết thêm về Đức Chúa Trời (Êsai 2:2,3). Cũng xin nhớ đến núi trong Đanê 2:35,44 (tượng trưng cho Nước Đức Chúa Trời) dần dần mở rộng khắp trái đất. Nghĩa vụ của những thánh đồ chính sẽ là mở rộng kiến thức về Đức Chúa Trời và bởi vậy Nước của Ngài.

Khi Y-sơ-ra-ên đã là nước Đức Chúa Trời lúc trước, nghĩa vụ của những thầy tế lễ đã là dạy sự thông biết về Đức Chúa Trời (Malachi 2:5-7). Vì

mục đích này họ đã được cử làm trong những thành phố khác nhau khắp Y-sơ-ra-ên. Khi Nước sẽ được dựng nên lại bằng cách vinh hiển, những thánh đồ sẽ tiếp quản vai trò những thầy tế lễ (Khải huyền 5:10).

Nếu Đấng Christ đến ngày hôm nay:

1. Những người chết có trách nhiệm sẽ được gọi lên và cùng với những người sống có trách nhiệm được đưa đến ngôi phán xét.
2. Những người ác có trách nhiệm sẽ bị phạt bởi sự chết, còn những người công bình được ban sự sống đời đời. Những nước chống lại Đấng Christ cũng sẽ được phán xét.
3. Những người công bình thời đó sẽ cai trị những người sống lúc đó những không chịu trách nhiệm với Đức Chúa Trời; họ sẽ giảng Tin lành cho họ như các vua và “thầy tế lễ” (Khải huyền 5:10).
4. Tình trạng này sẽ kéo dài 1000 năm. Trong suốt thời này, tất cả những người bị chết sẽ nghe Tin lành và cho nên sẽ chịu trách nhiệm với Đức Chúa Trời. Những người này sẽ sống lâu hơn và hạnh phúc hơn nhiều.
5. Vào cuối Một ngàn năm sẽ có cuộc nổi loạn chống lại Đấng Christ và những thánh đồ mà Đức Chúa Trời sẽ dẹp tan (Khải huyền 20:8,9).
6. Khi 1000 năm kết thúc, tất cả những người đã chết trong suốt thời này sẽ được sống lại và phán xét (Khải huyền 20:5, 11-15).
7. Những người ác trong họ sẽ bị hủy diệt, còn những người công bình sẽ đến với chúng ta để sống đời đời.

Mục đích của Đức Chúa Trời đối với trái đất sẽ, bởi vậy, được hoàn thành. Trái đất sẽ được đầy bởi những người công bình không hề chết. Tên của Đức Chúa Trời Yahweh Elohim (có nghĩa là Ngài mà sẽ được bày ra trong nhóm những vị mạnh bạo) lúc đó sẽ được làm trọn. Không bao giờ còn tội lỗi nữa, và cho nên sự chết, có trên trái đất; lời hứa rằng dòng dõi của con rắn sẽ bị hủy diệt hoàn toàn bởi giày đạp đầu nó sẽ được làm trọn đầy đủ (Sáng thế 3:15). Trong suốt Một ngàn năm, Đấng Christ sẽ cầm quyền “cho đến chừng nào đặt những kẻ thù nghịch dưới

chân mình. Kẻ thù bị hủy diệt sau cùng, tức là sự chết... Khi muôn vật đã phục Ngài (Đức Chúa Trời), thì bấy giờ chính mình Con sẽ phục Đấng (Đức Chúa Trời) đã làm cho muôn vật phục mình, hầu cho Đức Chúa Trời làm muôn sự trong muôn sự” (1 Côrintô 15:25-28).

Đây là “cuối cùng... là lúc Ngài (Đấng Christ) sẽ giao nước lại cho Đức Chúa Trời là Cha” (1 Côrintô 15:24). Điều gì sẽ tiếp theo giai đoạn này khi Đức Chúa Trời là “muôn sự trong muôn sự”, chúng ta không được nói; những điều chúng ta biết chỉ là chúng ta sẽ có sự sống đời đời, bản chất như Đức Chúa Trời, và chúng ta sẽ sống để ca ngợi và làm Đức Chúa Trời vui lòng. Đây là điều đoán chừng để tiếp tục hỏi càng nhiều tình trạng sau Một ngàn năm sẽ thế nào.

Sự hiểu “Tin lành về nước Đức Chúa Trời” có ý nghĩa sống còn cho sự cứu rỗi của mỗi một người đọc những lời này. Xin phép chúng tôi cầu xin bạn đọc lại bài này và tìm kiếm trong Kinh thánh những đoạn được trích dẫn.

Đức Chúa Trời muốn chúng ta ở trong Nước của Ngài. Toàn thể mục đích của Ngài đã được dành cho chúng ta thực sự tham gia hơn chỉ để biểu hiện khả năng sáng tạo của Ngài. Phép báp-têm gắn liền chúng ta với những lời hứa về Nước này. Khó tin rằng phép báp-têm, cùng với mấy năm liền phục tùng khiêm tốn lời Đức Chúa Trời, có thể đem chúng ta tới lối vào thời kỳ đời đời vinh hiển đó. Dù sao, lòng tin của chúng ta vào lòng yêu thương bao la của Đức Chúa Trời phải thật sắt đá. Dù những vấn đề gần gũi của chúng ta thế nào, đương nhiên chúng ta không có lý do hợp lý để chống lại lời kêu gọi của Tin lành, phải không?

“Nếu Đức Chúa Trời giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?” (Rôma 8:31).

“Những sự đau đớn bây giờ chẳng đáng so sánh với sự vinh hiển hầu đến, là sự sẽ được bày ra trong chúng ta” (Rôma 8:18).

“Sự hoạn nạn nhẹ và tạm của chúng ta sinh cho chúng ta sự vinh hiển cao trọng đời đời, vô lượng vô biên” (2 Côrintô 4:17).

Bài đọc thêm 15: Nghĩa gốc/nghĩa đen của chữ nước Chúa

Bài mô tả nghĩa gốc nước Chúa qua lời tiên tri sách cụt ước thường bị những nhà thần học và thành viên của nhiều giáo phái mĩa mai. Họ cho rằng ngôn từ ấy được nói theo nghĩa bóng về một nơi nào đó để ban thưởng, không phải diễn ra trên đất, cho rằng hành tinh này sẽ bị thiêu đốt.

Để trả lời cho vấn đề này, phải hiểu rằng qui tắc nền tảng trong việc tìm hiểu kinh thánh là chúng ta phải luôn dùng kinh thánh để giải thích trừ phi có lý do hợp lý để giải thích bằng thánh linh. Ví dụ, câu đầu của sách Khải huyền cho chúng ta biết sự mặt Khải hoàn toàn là nghĩa tượng trưng/nghĩa bóng (Khải huyền 1:1), hướng dẫn chúng ta hiểu về điều đó. Cũng có thể do sáng kiến hay chủ nghĩa thực tế trong cách sử dụng ngôn từ để biết được đoạn kinh nào đó phải được hiểu theo nghĩa bóng/tượng trưng. Do vậy, khi chúng ta đọc chữ đất lung lay/rung chuyển như người say rượu loạn choạng (Êsai 24:20), cách sử dụng ngôn từ như vậy cho thấy chúng ta nên hiểu theo nghĩa tượng trưng. Ngược lại, ngôn từ dùng để mô tả nước của Chúa hầu đến thì rất dễ hiểu theo nghĩa gốc của từ; không có một hướng dẫn/lời gợi ý để chúng ta xem xét khi nào hiểu theo nghĩa bóng hay nghĩa đen.

Có thể do năng lực của con người để có đức tin trọn vẹn để tin rằng nước của Chúa sẽ đến trên đất, nên họ soạn ra giáo lý giải thích theo nghĩa khác. Quan điểm nước thiên đân lập nên trên trời mơ hồ, không chi tiết, do vậy không có cơ sở để tin, đức tin cũng không cần đòi hỏi hay khích lệ nhiều. Nếu thật sự bài mô tả người què được chữa lành, hay đồng vắng/sa mạc được làm cho màu mỡ, chỉ là nghĩa bóng, thì vấn đề phải được giải đáp cụ thể và thuyết phục: “Tượng trưng cho điều gì?” Các đoạn này mô tả nước của Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta không tin chắc điều gì đoạn kinh đề cập là tượng trưng cho, thì chúng ta không biết tin lành về nước Chúa, và do vậy không thể trông cậy bất kỳ nơi nào ở đó.

Thêm nữa, chúng ta nên nắm rõ những bằng chứng được trình bày qua các bài học, Đức Chúa Trời thiết lập mục đích đời đời với con người trên

đất; thì Ngài sẽ không thể hủy diệt hành tinh này, vì Ngài đã hứa cho dòng dõi của Apraham. Do vậy, chúng ta mong đợi có sự mô tả nghĩa gốc trong kinh thánh về nước của Chúa sẽ đến trên đất.

Đoạn sau khẳng định điều này:

- “Đức Chúa Trời đã dựng nên các tầng trời, tức là Đức Chúa Trời đã tạo đất và làm ra nó, đã lập cho nó bền vững, chẳng phải dựng nên nó trống không, bèn làm nên nó để dân ở” (Êsai 45:18). Tạo ra đất sẽ trở nên vô ích nếu Đức Chúa Trời hủy diệt nó; nhưng ngược lại, Đức Chúa Trời tạo đất để cho người công bình sống.

- “Đời này qua đời khác đến nhưng đất cứ còn luôn” (Truyền đạo 1:4)

- “Ngài lập vững các thành tố của hệ mặt trời đến đời đời vô cùng (thi thiên 148:6).

- Thời gian 1.000 năm được chép trong sách Khải Huyền 20:4 cũng nên hiểu theo nghĩa gốc của từ, để khớp với những lời tiên tri nói về bản chất của thời kỳ này. Ngay trong sách Khải Huyền không phải mọi con số đều được hiểu theo nghĩa bóng. Nhiều lời liên hệ bằng từ “thứ 3” là những ví dụ rõ ràng. Nổi bậc nhất, ngàn năm được mô tả trong Hebrơ 4:4-9 như ngày nghỉ ngơi sabat. Với Chúa, “một ngày bằng một 1.000 năm” (2 Phiơ 3:8). Sau 6 “ngày” của 1.000 năm theo ý muốn của Chúa trên đất, ngày sabat sẽ đến 1.000 năm.

Theo ngày sáng thế thuộc kinh thánh, 6.000 năm từ ngày sáng tạo đến sau công nguyên là 2.000 năm (sự sáng tạo vào khoảng 4000 trước công nguyên/trước Chúa). Điều này muốn nói rằng bắt đầu thiên niên kỷ mới có thể vào khoảng 2.000 sau năm công nguyên. Tất cả chúng ta, thời gian có hạn. Đối mặt viễn cảnh trong ngày Chúa Jesus tái lâm, chúng ta cần tranh thủ giây phút gần gũi trong đời này để chuẩn bị cho sự trở lại của Ngài.

Bài đọc thêm 16: Tóm tắt sử của nước Isơơen

Apraham: ông được gọi rời bỏ xứ Ur of the Chaldees; người Do thái đầu tiên. Đức Chúa Trời hứa cùng ông ban cho vùng đất Canaan. Ông chết trước khi nhận lợi hứa này.

Aisac: Apraham sửa soạn dâng con một Aisac làm của tế. Vì Apraham trung tín, Đức Chúa Trời dành lời hứa Ngài cho Apraham mà thế. Tự nguyện chịu chết Aisac chết vì vâng lời mạng lệnh của cha mình là hình thức nói đến Đấng Christ. Lời hứa đã được thay thế cho Aisac (Sáng thế 26:3-5).

GiaCốp: là con Aisac. Lời hứa trước cũng lập lại cho ông. Ông có 12 người con-Reuben lớn tuổi nhất, Benjamin nhỏ tuổi nhất. Levi là con trai sinh ra nhiều người con là thầy tế lễ. Giôsep là người ưu ái nhất.

Giô sep: Khi còn là cậu bé, ông có hai giấc chiêm bao điềm báo rằng ông sẽ là người cai trị trên anh em của mình. Những người anh trở nên ganh tị, đem bán ông làm nô lệ ở xứ Ai cập. Nơi đây Ông làm quan, và tổ chức buổi họp tìm cách sử dụng ngô cho suốt 7 năm khô hạn làm khổ sở cả vùng. Suốt thời kỳ đó, Giacop và các con mình đến sống cùng Giôsep tại xứ Ai Cập. Họ và con cháu sống ở Goshen, một phần đất của Ai cập. Một thời gian sau, vua Pharaoh hành hạ dân Isơrơen và bắt họ làm nô lệ.

Môse, người được sinh ra lúc bấy giờ; ông được cất giấu bụi cỏ nện lúc mới sinh, sau được công chúa vua Pharaoh tìm thấy và nhận làm con nuôi. Khi còn là tuổi niên thiếu, ông giết người Aicập vì đánh người đồng hương mình. Môse chạy nạn sang xứ Midian và sinh sống ở đó 40 năm làm người chăn chiên cùng Jethro. Bấy giờ Đức Chúa Trời hiện đến Ông trong bụi lửa. Ông được sai bảo quay lại gặp Pharaoh và bảo người thả người Do thái về. Ông làm nhiều phép lạ để chứng tỏ ông thực sự là người làm theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, Pharaoh không đồng ý thả dân Isơrơen đi, nên Đức Chúa Trời giáng 10 tai họa trên đất Ai cập, thí dụ ếch nhái, tối tăm, mưa đá, và cuối cùng Ngài giết con đực đầu lòng ở xứ này. Dân Isơrơen phải giết một con chiên và bệch máu trên thành cửa nhà. Điều này chỉ rõ rằng hình thức mà Chúa Jesus có thể cứu chuộc chúng ta ra khỏi sự chết. Điều này đã được gọi là ngày lễ vượt qua.

Exodus: cuối cùng dân Isơrơen được phép rời xứ Ai cập. Họ được thiên sứ của Đức Chúa Trời dẫn đường ban ngày là trụ mây, ban đêm là trụ lửa. Lính của vua Pharaoh đuổi họ đến biển đỏ. Nước mở đường cho người dân Do thái đi qua và nước chảy trở lại nhấn chìm quân lính. Rồi

Dân Isơrơen đi qua đồng vắng hướng về miền đất hứa Canaan. Đức Chúa Trời ban cho dân Ngài nước để uống từ khe đá, và bánh mana mỗi sáng. Khi dân Ngài đến núi Sinai, Đức Chúa Trời đưa ra 10 điều răn dạy và luật lệ. Rồi họ tạo nên nước của Đức Chúa Trời. Chúa bảo họ dựng lễ tạm được gọi là đền thờ để thờ phượng Ngài. Các thầy tế lễ thượng phẩm và các thầy tế lễ khác cùng dâng của lễ cho Đức Chúa Trời. Mọi chức năng của đền thờ và nghi thức tế lễ đều tiên tri về Chúa Jesus.

Đất hứa, cuối cùng dân sự đến nơi. 12 thám báo được phái đi, 10 người trong số đó sau khi tìm hiểu trở về và báo rằng muốn sở hữu vùng đất này sẽ rất khó khăn. Hai người thám báo kia, Giôse và Caleb, thưa sự thật – họ bảo rằng họ có thể tiến vào vùng đất và sở hữu được nếu biết tin tưởng/trông cậy lời hứa của Chúa. Vì dân sự đồng quan điểm với 10 người thám báo kia, Isơrơen phải lang thang trên đồng vắng 40 năm cho tới khi những người từ 20 tuổi trở lên khi ra khỏi Aicập chết đi.

Giôse là người kế tục Môse, dẫn đưa dân sự vào vùng đất Canaan. Thành phố đầu tiên giành được là Giêricô, là nơi Rahab sống, sau là thành Ai. Khi họ sống ổn định trong xứ, dân sự được các quan thay phiên nhau cai quản mặt dù Đức Chúa Trời là vua thực sự. Các quan gồm Gideon, Jephthah và Samson. Họ giải cứu dân sự khỏi kẻ thù khi họ ăn năng không phạm tội với Đức Chúa Trời. Lịch sử của Isơrơen là ví dụ đầy đủ về dân Isơrơen không làm theo lời dạy của Đức Chúa Trời, hình phạt của là các cuộc xâm lược của các nước lân cận, nhiều lần họ ăn năng, thì Chúa giải cứu họ, rồi lại tiếp tục phạm tội. Vị quan cuối cùng là Samuel. Dưới sự cai quản của mình, dân sự rời bỏ Chúa, không xem Ngài là vua nữa mà cầu xin một vua là người giống như các nước láng giềng.

Các vị vua: Vua đầu tiên là Saulơ, ban đầu là vị vua giỏi, sau đó trở nên tội lỗi, không vâng phục Đức Chúa Trời và bắt bớ David. Sau đó ông chết, David trở thành vị vua thứ nhì và được xem là một trong những vua tốt của dân sự. Đức Chúa Trời lập lời hứa cùng ông. Sau đó Ông chết, Solomon con trai lên làm vua, lúc đầu là vị vua tốt, nhưng vì không giữ trọn đức tin bởi nhiều vợ từ các nước láng giềng. Sau khi ông chết, đất nước bị chia cắt- 10 chi phái hợp thành nước Isơrơen, ban đầu Jeroboam

cai quản; 2 chi phái kia, một là Giuđa và Benjamin hợp thành nước Giuđa, ban đầu Rhoboam con vua Solomon cai quản.

Nước Isơrơen (10 chi phái) không có vị vua nào tốt cả. Họ liên tục phản bội Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời phái nhiều tiên tri bảo họ ăn năn nhưng họ không nghe. Sau đó nước Assyrians xâm lược nước họ, và bắt họ làm nô lệ. Họ bị đưa đi khắp nơi trên thế giới.

Nước Giuđa (2 chi phái) có vài vị vua tốt (như Asa, Hzekiah), nhưng nói chung họ cũng không vâng lời Đức Chúa Trời. Nước Babylons xâm lược họ và bắt họ làm nô lệ ở babylons suốt 70 năm. Từ đó họ không có được một vị vua nào nữa. Sau 70 năm, dưới tài lãnh đạo của Ezra, Nehemiah, Joshua (thầy tế lễ bấy giờ) và Zerubbabel, quan thống đốc, họ trở về xứ Isơrơen. Đầu tiên, họ bị nước Persia, rồi Greece và cuối cùng Rôma cai trị. Họ bị cai trị bởi Rôma khi đó Chúa Jesus được sinh ra. Vì dân Do thái khinh Ngài, nên Đức Chúa Trời khiến Rôma hủy diệt thành Giêrusalem năm 70 sau Chúa, và cuối cùng tất cả người Do thái bị trục xuất ra khỏi quê hương mình.

Những năm gần đây, người Do thái bắt đầu trở về quê hương mình, chỉ một phần trong kinh cựu ước ứng nghiệm. Sự hồi phục của nhà nước Isơrơen là một dấu báo chắc chắn chẳng bao lâu nữa Chúa Jesus sẽ trở lại và tái lập nước Isơrơen, nước của Đức Chúa Trời.

Bài 5: Câu hỏi

1. Câu nào là thời kỳ dựng nên Nước Đức Chúa Trời ?
 - a) Đã luôn luôn được dựng nên rồi
 - b) Lúc Đấng Christ trở về
 - c) Vào ngày Ngũ tuần trong thế kỷ thứ nhất
 - d) Trong trái tim những tín đồ lúc thay đổi tín ngưỡng/cải đạo
2. Có phải Nước của Chúa đã tồn tại từ lâu? Nếu thế, vậy giống thể nào?
3. Khi nào kết thúc?
4. Một ngàn năm là gì ?
 - a) Sự trị vì An Đielm/Ôn Trời trong trái tim chúng ta
 - b) 1000 năm trị vì do những tín đồ trên Trời
 - c) 1000 năm trị vì do Sa-tan trên trái đất
 - d) 1000 năm đầu tiên của Nước Đức Chúa Trời tương lai trên đất
5. Nước Chúa như thế nào?
6. Những tín đồ hiện nay sẽ làm gì trong suốt Một ngàn năm ?
 - a) Cai trị những người hay chết
 - b) Cai trị trên Trời
 - c) Chúng ta không biết
 - d) Sống trên hành tinh khác
7. Lời về Nước Đức Chúa Trời đã được giảng:
 - a) Chỉ trong Kinh Tân ước
 - b) Chỉ bởi Đức Chúa Jêsus và các sứ đồ
 - c) Trong cả hai Kinh Cựu ước và Tân ước
 - d) Chỉ trong Kinh Cựu ước

BÀI 6

**ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ
TỘI LỖI**

6.1 Đức Chúa Trời và Ma Quỷ

Nhiều giáo phái trong dân theo Chúa, cùng nhiều đạo khác, tin rằng có một vật hoặc quái vật gọi là Ma quỷ hoặc Sa-tan, là sự khởi đầu những vấn đề trong thế giới và trong cuộc đời của chúng ta và chịu trách nhiệm về tội lỗi mà chúng ta phạm. Kinh thánh dạy rõ rằng Đức Chúa Trời có mọi quyền lực. Chúng ta đã thấy trong Bài 1.4 rằng các Thiên sứ không thể mắc tội. Nếu chúng ta thật tin những điều này, thì không thể có một vật siêu tự nhiên nào đang hoạt động trong thế giới này đối kháng Đức Chúa Trời Toàn năng. Nếu chúng ta tin rằng vật như thế thật sự tồn tại thì trong trường hợp ấy chúng ta rõ ràng nghi ngờ quyền tối cao của Đức Chúa Trời Toàn năng. Vấn đề này quan trọng đến nỗi mà sự hiểu đúng đắn về ma quỷ và sa-tan cần phải coi là học thuyết sống còn. Chúng ta được nói trong Hebơơ 2:14 rằng Đức Chúa Jêsu đã hủy diệt ma quỷ bởi sự chết mình, cho nên đến khi chúng ta không hiểu đúng đắn về ma quỷ, chúng ta không thể hiểu công việc và bản chất của Đức Chúa Jêsu.

Trong thế giới nói chung, đặc biệt trong cái gọi là thế giới Cơ đốc, có quan niệm rằng những điều tốt trong cuộc sống xuất phát từ Đức Chúa Trời và những điều xấu thì từ Ma quỷ hay Sa-tan. Đây không phải là quan niệm mới; ngay cả đây không phải là quan niệm chỉ hạn chế trong dân bô Chúa. Ví dụ, dân Ba-by-lôn đã tin rằng có hai Chúa Trời, một Chúa của cái tốt và ánh sáng, và một Chúa của cái xấu và bóng tối, và rằng hai Chúa đó khóa chặt trong cuộc tử chiến. Si-ru, vua vĩ đại của Ba tư, đã tin điều đó. Bởi vậy, Đức Chúa Trời đã nói cho người, "Ta là Đức Giê-hô-va, không có Đấng nào khác, ngoài ta không có Đức Chúa Trời nào khác nữa... ấy chính ta là Đấng gây nên sự sáng và dựng nên sự tối tăm (N.I.V. "tai họa"), làm ra sự bình an và dựng nên sự tai vạ; chính ta, là Đức Giê-hô-va, làm mọi sự đó" (Êsai 45:5-7,22). Đức Chúa Trời tạo ra sự bình an và Ngài tạo ra sự tối tăm, hoặc tai họa. Đức Chúa Trời là tác giả, Ngài sáng tạo "tối tăm" và tội lỗi trong ý nghĩa này. Trong ý nghĩa này có sự khác biệt giữa "tai họa" và tội lỗi là khuyết điểm của

con người; tội lỗi đã vào trong thế gian bởi con người, không phải bởi Đức Chúa Trời(Rôma 5:12).

Đức Chúa Trời nói cho Si-ru và dân Ba-by-lon rằng “ngoài ta không có Đức Chúa Trời nào khác nữa”. Từ Do thai (el) được dịch ra “Chúa” có nghĩa cơ bản là (sức mạnh, hay nguồn năng lực). Đức Chúa Trời nói rằng không tồn tại một nguồn năng lực nào cả ngoài Ngài ra. Đây chính là lý do tạo sao một tín đồ thật tin vào Đức Chúa Trời không thể thừa nhận quan niệm về ma quỷ siêu tự nhiên hoặc những yêu ma.

Đức Chúa Trời: Đấng tạo ra tai họa

Kinh thánh gồm rất nhiều ví dụ khi Đức Chúa Trời mang “tai họa” vào đời sống của loài người và vào trong thế giới này. Amôt 3:6 nói rằng nếu trong thành phố có sự tai vạ, thì Đức Chúa Trời đã làm cái đó. Ví dụ, nếu trong thành phố có động đất, thường có cảm giác là “ma quỷ” có mưu đồ về thành phố này, và đã gây ra thiên tai này. Nhưng tín đồ thực sự phải hiểu rằng chính Đức Chúa Trời có trách nhiệm về nó. Vậy, Míchê 1:12 nói rằng “tai vạ từ Đức Giê-hô-va đổ xuống đã tới cửa Giê-ru-sa-lem”. Trong sách của Gióp chúng ta đọc rằng Gióp, một người thiện, đã mất các thứ mà người có trong cuộc đời. Sách dạy rằng sự thử thách (tai họa) trong đời sống cá nhân không có tỷ lệ thuận với họ phục tùng hay không phục tùng Đức Chúa Trời. Gióp đã thừa nhận rằng “Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi” (Gióp 1:21). Người không nói (Đức Giê-hô-va đã ban cho, Sa-tan lại cất đi). Người đã giải thích cho vợ mình: “Sự phước mà ta thay Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta lãnh lấy, còn sự tai họa mà tay Ngài giáng trên chúng ta, lại cũng chẳng lấy sao? (Gióp 2:10). Trong phần cuối sách, bạn bè của Gióp đã an ủi người về “các tai họa mà Đức Giê-hô-va đã giáng trên người” (Gióp 42:11 so sánh 19:21, 8:4). Cho nên, Đức Chúa Trời là nguồn gốc của “tai họa” trong ý nghĩa là Đấng cao hơn cả mà cho phép cho những vấn đề xảy ra trong đời sống chúng ta.

“Chúa sửa phạt kẻ Ngài yêu... Vì bông anh em chịu sửa phạt... về sau sanh ra bông trái công bằng và bình an cho những kẻ đã chịu luyện tập như vậy” (Hebơơ 12:6-11), ý này chỉ rõ rằng những thử thách mà Đức

Chúa Trời cho chúng ta cuối cùng dẫn tới sự sinh trưởng tinh thần của con người. Xảy ra việc chống lại lời Đức Chúa Trời với bản thân lời Ngài, khi người ta nói rằng ma quỷ là một vật mà buộc chúng ta mắc tội lỗi và hành động không lương thiện, trong khi những vấn đề được đem lại vào đời sống chúng ta, dẫn tới sự phát triển "bông trái công bình và bình an" trong chúng ta. Quan điểm chính thống về ma quỷ va phải vào những vấn đề nghiêm trọng ở đây. Những đoạn đặc biệt nghiêm trọng là những đoạn nói về việc phó một người đến quỷ Sa-tan "hầu cho linh hồn được cứu", hay "hầu cho họ học biết đừng phạm thượng nữa" (1 Côrintô 5:5; 1 Timôthê 1:20). Nếu quỷ Sa-tan là một vật có xu hướng khiến loài người mắc tội và gây tác động tiêu cực đến tinh thần con người, thì tại sao những đoạn này nói về (Sa-tan) một cách (tích cực)? Sự trả lời ở điều rằng đối thủ, "Sa-tan" hay khó khăn trong đời sống, có thể đưa đến tác động tích cực về mặt tinh thần trong đời sống của tín đồ.

Nếu chúng ta thừa nhận rằng tai họa xuất phát từ Đức Chúa Trời, thì lúc đó chúng ta có thể cầu trời xin giải quyết bằng cách nào đó những vấn đề của chúng ta, ví dụ cất chúng đi. Nếu Ngài không làm điều đó, chúng ta hiểu rằng những vấn đề đó được phó cho chúng ta để làm ích cho chúng ta về mặt tinh thần. Còn trong khi chúng ta tin rằng có một tai họa gọi là ma quỷ hoặc sa-tan gây ra những vấn đề cho chúng ta, thì lúc đó không có cách nào để thỏa thuận với họ. Sự bất tài, bệnh, sự chết đột ngột hay thiên tai phải chỉ được coi là vận rủi thôi. Nếu ma quỷ là một Thiên sứ mạnh mẽ có tội, thì, vì mạnh hơn chúng ta nhiều, chúng ta sẽ không có cách nào nữa mà chịu thương khó trong tay ma quỷ. Ngược lại, chúng ta được an ủi rằng dưới sự điều khiển của Đức Chúa Trời "mọi sự (trong đời sống) hiệp lại làm ích" cho những tín đồ (Rôma 8:28). Cho nên, trong đời sống của tín đồ không có cái như "vận".

Nguồn gốc của tội lỗi

Cần phải nhấn mạnh rằng tội lỗi sinh ra từ bên trong chúng ta. Tội lỗi chính do chúng ta làm. Tất nhiên, rất thích tin rằng đó đã không phải tội của bản thân chúng ta khi chúng ta mắc tội. Chúng ta đã có thể thoải mái mắc tội và sau đó tha thứ mình mà nghĩ đó là tội của ma quỷ, và nên đổ lỗi của mình hoàn toàn vào đầu ma quỷ. Có nhiều ví dụ khi, vì

đã hành động cực kỳ ác, người có tội xin khoan dung bởi lý do là, theo người, mình đã bị ma quỷ ám ảnh vào lúc đó và, cho nên, đã không chịu trách nhiệm về mình. Nhưng hoàn toàn đúng rằng những lời xin lỗi rất yếu đuối này được phán xét như không đứng vững một chút nào, và người đã bị tuyên án.

Chúng ta cần nhớ rằng “tiền công của tội lỗi là sự chết” (Rôma 6:23); tội lỗi dẫn tới sự chết. Nếu chúng ta mắc tội thì đó không phải là tội lỗi của chúng ta mà là của ma quỷ, vậy thì Đức Chúa Trời công bằng nên trừng phạt ma quỷ hơn chúng ta. Nhưng bản thân việc chúng ta bị phán xét vì tội lỗi riêng của mình chỉ rõ rằng chúng ta chịu trách nhiệm về những tội lỗi của mình. Quan niệm này về ma quỷ như một con người đặc biệt bên ngoài chúng ta, hơn nguyên tắc về tội ở trong chúng ta, là sự cố gắng chuyển trách nhiệm về tội lỗi của chúng ta khỏi mình. Đây là một ví dụ thêm về những người từ chối không đồng ý lời dạy trong Kinh thánh liên quan đến bản chất của con người: bản chất vốn có tội.

“Chẳng sự gì từ ngoài người vào trong có thể làm dơ dáy người được... Vì thật là tự trong, tự lòng người mà ra những ác tưởng, sự dâm dục, trộm cướp, giết người... kiêu ngạo, điên cuồng. Hết thấy những điều xấu ấy sinh ra từ trong lòng thì làm cho dơ dáy người” (Mac 7:15-23).

Quan niệm rằng có cái gì đó đẩy tội lỗi tồn tại ngoài chúng ta mà vào trong chúng ta và khiến chúng ta mắc tội thì không hợp với lời giảng thẳng thắn của Đức Chúa Jêsus ở đây. *Hết thấy những điều xấu ấy sinh ra từ trong lòng, tự lòng người.* Chính vì thế, trong thời nạn lụt, Đức Chúa Trời đã nghĩ rằng “tâm tánh loài người vẫn xấu xa từ khi còn tuổi trẻ” (Sángthế 8:21). Gia-cơ 1:14 kể chúng ta bị cám dỗ như thế nào: “Mỗi người (đây là quá trình xảy ra như nhau cho mọi người) bị cám dỗ khi mắc tư dục xui giục mình (“sự thèm muốn xấu xa”, N.I.V.)”. Chúng ta bị cám dỗ bởi tình dục của mình, sự thèm muốn xấu xa của mình; không phải bởi cái gì đó từ ngoài chúng ta. “Những điều chiến đấu tranh cạnh trong anh em bởi đâu mà đến?”, hỏi Gia-cơ; “Há chẳng phải từ tình dục anh em vẫn hay tranh chiến trong quan thể mình sao?” (Giacơ 4:1). Mỗi

người chúng ta có những sự cảm dỗ đặc biệt của mình. Cho nên, nó phải được sinh ra do những thèm muốn xấu xa của bản thân mình, vì nó là của riêng chúng ta. Đã được nói thật đúng rằng chúng ta là kẻ thù xấu nhất của bản thân mình.

Sách Rô-ma quan tâm nhiều đến tội lỗi, nguồn gốc của nó và thắng nó như thế nào. Điều rất đáng chú ý là trong sách này ít nói về Ma quỷ và Sa-tan; trong văn cảnh nói về nguồn gốc của tội lỗi Phao-lô không đề cập đến Ma quỷ hay Sa-tan. Cũng thế, “ma quỷ” có mặt trong khái niệm của Kinh Tân ước. Nếu có một vật bên ngoài mà làm chúng ta mắc tội thì nó chắc chắn phải được đề cập đến nhiều trong Kinh Cựu ước, phải không? Nhưng có sự lặng thinh rất thâm thúy và đầy ý nghĩa về điều này. Bài ghi về giai đoạn Thủ lãnh, hay Y-sơ-ra-ên trong đồng vắng, chỉ rằng trong thời đó dân Y-sơ-ra-ên đã mắc tội khá nhiều. Nhưng Đức Chúa Trời đã không báo trước cho họ về một vật hay sức lực siêu tự nhiên mạnh mẽ mà có thể vào trong họ và làm họ mắc tội. Thay cho đó, Ngài đã cổ vũ họ chuyên tâm lời Ngài, để họ tránh không đi theo đường lối của xác thịt riêng mình (ví dụ Phục truyền 27:9,10; Giô-sê 22:5).

Phao-lô" than vãn: "Điều lành chẳng ở trong tôi đâu, nghĩa là trong xác thịt tôi... vì tôi không làm điều lành mình muốn...bằng tôi làm điều mình không muốn, ấy chẳng phải là tôi làm điều đó nữa, nhưng là tội lỗi ở trong tôi vậy" (Rô-ma 7:18-21). Ở chỗ này người không đổ tội mình mắc vào đầu của một vật ngoài nào đó gọi ma quỷ. Người đã coi rằng chính bản chất xấu xa riêng mình là nguồn gốc thực sự của tội lỗi: "ấy chẳng phải là tôi làm điều đó nữa, nhưng là tội lỗi ở trong tôi vậy. Vậy tôi thấy có luật nầy trong tôi: khi tôi muốn làm điều lành, thì điều dữ dấn dập theo tôi (tức là ở trong)". Như thế, người nói rằng điều đối lập với mặt tinh thần xuất phát khỏi cái nào đó mà người gọi "tội lỗi ở trong tôi". Mọi người ngẫm nghĩ về linh hồn cũng sẽ tự nhận thức như vậy. Nên chú ý rằng ngay cả một người quan trọng nhất theo Chúa như Phao-lô đã không thấy bản tính của mình thay đổi sau khi người đã thay đổi tín ngưỡng, cũng người đã không ở vào một cái thế đã không mắc tội và đã không thể mắc tội. Phong trào (phái Phúc âm) hiện nay khai là họ ở thế

này, và cho nên để Phao-lô trong hàng ngũ người “không được cứu” vì lời nói của người trong Rôma 7:15-21. Những tiết này đã chứng minh rằng những lời khai của họ có điều trở ngại lớn. Đa-vít, rõ ràng một người thiện khác, đã giải thích cũng thế sự có tội bất biến của bản chất riêng của người: “Tôi sanh ra trong sự gian ác, mẹ tôi đã thụ thai tôi trong tội lỗi” (Thithiên 51:5).

Kinh thánh khá dứt khoát về bản chất vốn xấu của con người. Nếu đánh giá đúng điều này, thì không cần phát minh một cá nhân tưởng tượng ngoài bản chất của con người ra mà chịu trách nhiệm về những tội lỗi của chúng ta. Giêremi 17:9 nói rằng lòng người xấu xa và dối trá kinh khủng đến nỗi mà chúng ta thật không thể đánh giá đúng quy mô to lớn của sự có tội mình (?). Đức Chúa Jêsus cũng gọi bản chất con người như vốn xấu trong Mathiơ 7:11. Truyền đạo 9:3 (nguyên bản Hebrơ) đã không thể nói rõ hơn: “Lòng loài người đầy dẫy sự hung ác”. Ê-phê-sô 4:18 giải thích lý do tại sao con người vốn xa cách Đức Chúa Trời bởi “sự ngu muội ở trong họ, và vì lòng họ cứng cõi”. Chính vì chúng ta mù về tinh thần và có lòng ngu muội, chính vì lối nghĩ riêng bên trong chúng ta mới xa cách Đức Chúa Trời. Ga-la-ti 5:19 nói tương tự về những tội lỗi của chúng ta như “các việc làm của xác thịt”; đây chính là xác thịt của bản thân chúng ta, là bản chất vốn có của con người mà khiến chúng ta mắc tội. Không có đoạn nào giải thích nguồn gốc tội lỗi ở trong chúng ta hình như nó do ma quỷ bỏ vào; khuynh hướng có tội là một điều mà chúng ta vốn có từ lúc sinh ra; đây là bộ phận cơ bản của bản chất loài người.

6.2 Ma quỷ và Sa-tan

Có những từ của nguyên bản Kinh thánh vẫn còn chưa được dịch ra (“Ma-môn”, trong Mathiơ 6:24, là một ví dụ từ tiếng Xy-ri). Từ (sa-tan) là một từ Do thái không được dịch ra có nghĩa (kẻ thù), còn (devil) (ma

quỷ) là cách dịch một từ Hy Lạp (diabolos) mà có nghĩa kẻ nói dối, kẻ thù hoặc kẻ buộc tội giả. Nếu chúng ta phải tin rằng Sa-tan và Ma quỷ là nhân vật ngoài chúng ta mà chịu trách nhiệm về tội lỗi, thì mỗi lần chúng ta gặp từ này trong Kinh thánh, chúng ta cần phải gắn liền nó với nhân vật hung ác này. Cách dùng từ này trong Kinh thánh chỉ rõ rằng nó có thể được dùng như tính từ bình thường để miêu tả con người bình thường. Điều này làm chúng ta không nghĩ rằng từ ma quỷ và sa-tan, như được dùng trong Kinh thánh, tự nó liên quan đến một nhân vật hoặc thể xấu xa cao thượng nào đó ở ngoài chúng ta.

Từ “sa-tan” trong Kinh thánh

1 Các Vua 11:14 chỉ rằng “Đức Giê-hô-va khiến nổi lên một kẻ thù (từ Do thái này được dịch “sa-tan” ở những chỗ khác) nghịch cùng Sa-lô-môn, là Ha-đát, người Ê-dôm”. “Đức Chúa Trời lại khiến nổi lên một kẻ thù nghịch khác (sa-tan khác), là Rê-xôn... Rê-xôn làm kẻ thù địch (sa-tan) cùng Y-sơ-ra-ên” (1 Vua 11:23,25). Điều này không có nghĩa rằng Đức Chúa Trời đã khiến nổi lên một nhân vật siêu tự nhiên hay một Thiên sứ để làm sa-tan\kẻ thù cùng Sa-lô-môn; Ngài đã khiến nổi lên những người bình thường. Mathiơ 16:22,23 cung cấp một ví dụ khác. Phi-e-rơ đã thử khuyên ngăn Đức Chúa Jêsus đừng đi đến Giê-ru-sa-lem để chết trên thánh giá. Đức Chúa Jêsus đã cau mặt lại và nói cho Phi-e-rơ: “Sa-tan, hãy lui ra đằng sau ta... người chẳng nghĩ đến việc Đức Chúa Trời, song nghĩ đến việc người ta”. Như vậy, Phi-e-rơ được gọi sa-tan. Bài ghi này chỉ cực kỳ rõ rằng Đấng Christ đã không nói với Thiên sứ hay quái vật vào lúc đó; Đấng đã nói với Phi-e-rơ.

Vì từ “sa-tan” chỉ có nghĩa kẻ thù thôi, thì một người tốt, ngay cả bản thân Đức Chúa Trời có thể được chỉ định như “sa-tan”. Thực chất, tự nó không có gì mang tính chất tội lỗi trong từ này (-trong bản thân từ). ý nghĩa của từ “sa-tan” gắn liền với tội lỗi một phần là do việc bản chất vốn có tội của bản thân chúng ta là “sa-tan” hay kẻ thù lớn nhất của chúng ta, và cũng do cách dùng từ này trong các tầng lớp xã hội khác nhau để liên quan đến cái gì đó tượng trưng cho tội lỗi. Bản thân Đức Chúa Trời có thể làm sa-tan cho chúng ta bằng cách đem lại những thử

thách vào cuộc đời chúng ta, hay bằng cách cứ tiếp tục đi theo con đường hoạt động có hướng sai lầm mà chúng ta lao mình vào. Nhưng việc Đức Chúa Trời có thể được gọi “sa-tan” không có nghĩa rằng bản thân Ngài tội lỗi.

Hai sách của Sa-mu-ên và Sử ký là những bài tường thuật tương tự cùng một sự kiện nhưng bằng ngôn ngữ khác nhau. 2 Samuên 24:1 ghi rằng: “Đức Giê-hô-va... giục lòng Đa-vít nghịch cùng ... Y-sơ-ra-ên” để làm cho người điều tra số dân Y-sơ-ra-ên. Bài tường thuật tương tự trong 1 Sử ký 21:1 nói rằng “Sa-tan nổi lên muốn làm hại cho Y-sơ-ra-ên, bèn giục Đa-vít” điều tra số dân. Trong một đoạn Đức Chúa Trời làm giục lòng, còn trong đoạn khác thì Sa-tan làm điều đó. Kết luận duy nhất là Đức Chúa Trời đã hành động như (sa-tan) hay kẻ thù cùng Đa-vít. Ngài cũng đã làm như vậy khi đem lại thử thách vào cuộc sống của người đến nỗi mà Gióp đã nói về Đức Chúa Trời: “Lấy năng lực tay Chúa mà rượt đuổi tôi” (Gióp 30:21;); (Ngài đang hành động như sa-tan cùng tôi), đây chính là ý cơ bản mà Gióp đang nói.

Từ “Ma quỷ” trong Kinh thánh

Từ “ma quỷ” cũng có hoàn cảnh như thế. Đức Chúa Jêsus đã nói rằng đã chọn mười hai anh em (môn đồ), và một trong anh em là ma quỷ, phải không? Đấng đã nói về Giu-đa ích-ca-ri-ốt... đã là người cũng phải chết như bao người khác. Đấng đã không nói về một cá nhân có sừng, hoặc cái gọi là (vật thể thần linh) nào cả. Từ “ma quỷ” ở đây có nghĩa đơn giản là con người ác. 1 Timmôthê 3:11 cung cấp một ví dụ khác. Vợ của những chấp sự trong nhà thờ không nên “nói xấu”; từ Hy Lạp nguồn gốc ở đây là (diabolos), chính từ này ở những chỗ khác được dịch ra “ma quỷ”. Vậy, Phao-lô báo trước cho Tít rằng các bà già trong đại hội quốc dân “đừng nói xấu” hay không nên là “ma quỷ” (Tít 2:3). Và cũng thế, người đã nói cho Ti-mô-thê (2 Timôthê 3:1,3) rằng Trong ngày sau rốt... *người ta đều...* hay phao vu/nói bậy (ma quỷ)”. Điều này không có nghĩa rằng những con người sẽ biến thành những vật siêu phàm, nhưng rằng họ sẽ càng hung ác. Xuất phát từ tất cả những điều nói trên phải hoàn toàn

rõ rằng hai từ “ma quỷ” và “sa-tan” không liên quan đến một Thiên sứ đã phạm tội hay đến một nhân vật có tội ở ngoài chúng ta.

Tội lỗi, Sa-tan và Ma quỷ

Hai từ “sa-tan” và “ma quỷ” được dùng một cách bóng bẩy để miêu tả những xu hướng tự nhiên có tội ở trong chúng ta, chúng ta đã nói về nó trong Bài 6.1. Đây chính là (sa-tan) hay kẻ thù chủ yếu của chúng ta. Họ cũng đã được nhân cách hóa, và trong tư cách này có thể nói về họ như “ma quỷ” kẻ thù của chúng ta và kẻ vú khống lẽ thật. Chính (con người) tự nhiên của chúng ta giống vậy thật là ma quỷ. Liên hệ giữa ma quỷ và những mong muốn xấu của chúng ta tội lỗi ở trong chúng ta - được thấy rõ trong nhiều đoạn: “Vì con cái (chúng ta) có phần về huyết và thịt, nên chính Đức Chúa Jêsus cũng có phần vào đó, hầu cho Ngài bởi sự chết mình mà hủy diệt kẻ cầm quyền sự chết, là ma quỷ” (Hebơơ 2:14). Ma quỷ được miêu tả ở đây một cách như chịu trách nhiệm về sự chết. Nhưng “tiền công của tội lỗi là sự chết” (Rôma 6:23). Cho nên tội lỗi và sự chết phải song song với nhau. Gia-cơ 1:14 cũng nói rằng những mong muốn xấu cám dỗ chúng ta, dẫn chúng ta đến tội lỗi và bởi đó đến sự chết; nhưng Hebơơ 2:14 nói rằng ma quỷ đem lại sự chết. Cũng trong câu này có nói rằng Đức Chúa Jêsus đã có bản chất như chúng ta nhằm hủy diệt ma quỷ. Xin đối chiếu ý này với Rôma 8:3: “Đức Chúa Trời... đã vì cớ tội lỗi sai chính Con mình lấy xác thịt giống như xác thịt tội lỗi chúng ta (nghĩa là đã có bản chất con người), và đã đoán phạt tội lỗi trong xác thịt”. Điều này chỉ rõ rằng ma quỷ và những xu hướng tội lỗi là thuộc tính vốn có của bản chất con người là như nhau trên thực tế. Điều rất quan trọng mà chúng ta phải hiểu được là Đức Chúa Jêsus đã bị cám dỗ đúng như chúng ta. Nếu chúng ta hiểu sai học thuyết về ma quỷ thì chúng ta sẽ không thể đánh giá đúng bản chất và công việc của Đức Chúa Jêsus. Chỉ vì Đức Chúa Jêsus đã có bản chất con người như chúng ta “ma quỷ” ở trong người thì chúng ta mới có hy vọng cứu vớt (Hebơơ 2:14-18; 4:15). Bằng cách khắc phục những mong muốn của bản thân bản chất con người của mình, ma quỷ theo Kinh thánh, Đức Chúa Jêsus đã có thể hủy diệt ma quỷ trên thánh giá (Hebơơ 2:14). Nếu ma quỷ là một cá nhân thì sau đó nó phải không tồn tại nữa. Hebơơ 9:26 nói rằng

Đấng Christ đã hiện ra để “dâng mình làm tế lễ để cất tội lỗi đi”. Hebrơ 2:14 đối được ý này với lời nói rằng bởi sự chết Đấng Christ đã hủy diệt ma quỷ trong bản thân mình. Bởi sự chết, trong ý nghĩa triển vọng Đức Chúa Jêsus đã tiêu diệt “thân thể của tội lỗi” (Rôma 6:6), tức là bản chất con người, tội lỗi được bày ra trong (trong hình thức) thân thể của chúng ta.

“Kẻ nào phạm tội là thuộc về ma quỷ” (1 Giăng 3:8), vì tội lỗi là hậu quả chịu thua những mong muốn xấu xa tự nhiên của bản thân chúng ta (Giacơ 1:14,15), mà Kinh thánh gọi là “ma quỷ”. Vả, Con Đức Chúa Trời đã hiện ra để hủy phá công việc của ma quỷ” (1 Giăng 3:8). Nếu chúng ta nói đúng rằng ma quỷ là những mong muốn xấu của chúng ta, vậy thì công việc của những mong muốn xấu của chúng ta, tức là nó dẫn tới hậu quả như thế nào, là những tội lỗi của chúng ta. Điều này được xác nhận trong 1 Giăng 3:5: “Đức Chúa Jêsus-Christ đã hiện ra để cất tội lỗi đi”. Điều này xác nhận rằng “những tội lỗi của chúng ta” và “công việc của ma quỷ” là như nhau. Côngvụ 5:3 cung cấp một ví dụ nữa về liên hệ giữa ma quỷ và những tội lỗi của chúng ta. Phi-e-rơ nói cho A-na-nia: “Sao quỷ Sa-tan đã đẩy đẩy lòng người?” Sau đó trong câu 4 Phi-e-rơ nói “Đều đó nhập vào lòng người thế nào?” Nhập cái xấu gì đó vào lòng chúng ta là như nhau với Sa-tan đẩy đẩy lòng chúng ta. Nếu bản thân chúng ta nhập cái gì đó, ví dụ một kế hoạch có tội, thì nó bắt đầu ở trong chúng ta. Nếu phụ nữ thụ thai, nó không tồn tại ở ngoài bà ấy; nó bắt đầu ở trong bà ấy. Giacơ 1:14,15 cũng dùng cách nói này khi miêu tả tư dục của chúng ta cưu mang và sanh ra tội ác, còn tội ác sanh ra sự chết như thế nào. Thi thiên 109:6 làm con người có tội tương tự với (satan: “Hãy đặt một kẻ ác cai trị nó, cho kẻ cừu địch (Sa-tan) đứng bên hữu”, tức là nắm người dưới quyền mình (so sánh Thithiên 110:1).

Sự nhân cách hóa

Dù như thế nào, bạn có lý do để đáp lại: “Nhưng thật có nói hình như ma quỷ là một cá nhân chứ!” ý này hoàn toàn đúng; Hebrơ 2:14 nói về “kẻ cầm quyền sự chết, là ma quỷ”. Nếu đọc Kinh thánh một chút thôi vẫn

có thể thấy rằng ở đây dùng sự nhân cách hóa nhiều nói về một tư tưởng trừu tượng một cách hình như về con người. Vậy, Châm ngôn 9:1 nói về một đàn bà có tên “Sự khôn ngoan” mà xây dựng nhà, và Rôma 6:23 so sánh tội lỗi với người phát lương mà trả tiền công bởi sự chết. Điểm đặc trưng này được thảo luận tiếp theo trong ý kiến sai 5. Ma quỷ của chúng ta, (diabolos), nhiều khi tượng trưng cho những mong muốn xấu của chúng ta. Song bạn không thể có được tính ác trừu tượng; những mong muốn xấu mà có trong lòng người không thể tồn tại một cách tách ra khỏi người; “ma quỷ” được nhân cách hóa. Tội lỗi nhiều khi được nhân cách hóa như là người chủ (ví dụ Rôma 5:21; 6:6,17; 7:3). Có thể hiểu rằng cho nên “ma quỷ” cũng được nhân cách hóa, như là “ma quỷ” cũng gắn liền với tội lỗi. Cũng thế, Phao-lô nói rằng ở trong chúng ta hình như có hai nhân vật, ở trong xác thịt chúng ta (Rôma 7:15-21): con người của xác thịt, “ma quỷ”, đối phó con người của Thần linh. Dù sao, hoàn toàn rõ ràng không có hai cá nhân thật đối phó nhau ở trong chúng ta theo nghĩa của từ. Bộ phận tội lỗi này của bản chất chúng ta được nhân cách hóa như “điều ác” (Mathiơ 6:13 R.V.) ma quỷ theo Kinh thánh. Câu Hy Lạp này được dịch ra “điều ác” ở đây đã được dịch “kẻ gian ác” trong 1 Côrintô 5:13, chỉ rõ rằng khi con người nhượng bộ trước tội lỗi, thì “điều ác” của người đó bản thân người đó trở thành một “điều ác”, hay “ma quỷ”.

Ma quỷ và “Sa-tan” trong văn cảnh chính trị

Hai từ “ma quỷ” và “sa-tan” này cũng được dùng để miêu tả cấp độ có cái ác và tội lỗi trong thiên hạ mà chúng ta phải sống. Hệ thống cấp bậc xã hội, chính trị và tôn giáo giả mạo của loài người có thể được xem bởi phạm trù “ma quỷ”. Ma quỷ và sa-tan trong Kinh Tân Ước nhiều khi gắn liền với chính quyền chính trị và xã hội của hai hệ thống Do Thái và Rô-ma. Vậy, chúng ta đọc về ma quỷ quăng người tin vào ngục (Khải huyền 2:10), khi nói về giới cầm quyền Rô-ma bắt những tín đồ vào tù. Cũng trong văn cảnh đó chúng ta đọc về hội thánh ở Bết-gâm ở đâu đã có ngôi của quỷ Sa-tan- tức là một nơi cai trị thuộc địa Rô-ma ở Bết-gâm, ở đâu cũ đã có một nhóm người tin. Chúng ta không thể nói rằng bản thân Sa-tan, nếu nó tồn tại, đã có ngôi riêng mình ở Bết-gâm.

Tội lỗi cá nhân được định nghĩa như sự trái luật pháp của Đức Chúa Trời (1 Giăng 3:4). Nhưng tội lỗi được bày tỏ một cách tập thể như một lực lượng chính trị xã hội chống lại Đức Chúa Trời là một lực lượng mạnh hơn cá nhân; chính lực lượng tập thể này có khi được nhân cách hóa như một nhân vật hùng mạnh gọi là ma quỷ. Trong ý nghĩa này I-ran và các chế độ đạo Hồi khác đã gọi Hoa kỳ “Sa-tan vĩ đại” tức là kẻ thù to lớn đối phó sự nghiệp của họ, nói ba thuật ngữ chính trị và tôn giáo. Hai từ “ma quỷ” và “sa-tan” nhiều khi được dùng trong Kinh thánh chính một cách như thể này.

Để kết luận, có lẽ đúng mà phải nói rằng muốn hiểu đối tượng này thì so với đối tượng nào khác ở đây rất cần dựa vào toàn cảnh cân đối của toàn bộ Kinh thánh, không phải tạo ra những học thuyết đồ sộ dựa vào một số câu gồm câu lời cuốn hình như liên quan đến những tin tưởng phổ biến về ma quỷ. Bài 6.1 và phần này sẽ đền đáp sự đọc lại chu đáo và hay cầu nguyện. Theo chúng tôi, quan điểm mang tính chất học thuyết được trình bày ở đây là đường lối duy nhất để có thể hiểu một cách hợp lý tất cả những đoạn liên quan đến ma quỷ và sa-tan. Hai từ này có thể được dùng như tính từ bình thường, hoặc ở một số chỗ từ này liên quan đến tội lỗi mà là ở trong bản chất con người của chúng ta. Một số đoạn mà được hiểu sai nhiều nhất và được trích dẫn để ủng hộ những tư tưởng phổ biến được xem xét trong Bài Đọc thêm kèm theo bài này.

Những ai khó đồng tình với những kết luận của chúng tôi cần tự hỏi mình: (1) Tội lỗi có được nhân cách hóa không? Rõ ràng có. (2) “Sa-tan” có thật có thể được dùng như tính từ bình thường không? Có. (3) Có thể cho nên có vấn đề thực sự nào trong việc nhận rằng tội lỗi được nhân cách hóa như kẻ thù chúng ta/sa-tan? Trong các bức thư của Giăng và trong Tin lành (xem R.V.) thế giới nhiều khi được nhân cách hóa; có tên nào nữa tốt để nhân cách hóa hơn tên “sa-tan” hay “ma quỷ” không?

6.3 Quỷ

Các phần trước đã giả thích tại sao chúng ta không tin rằng ma quỷ hay sa-tan là một cá nhân hoặc quái vật. Nếu chúng ta thừa nhận rằng ma quỷ không tồn tại thì từ đó chắc chắn những quỷ mà được coi là đầy tớ cho ma quỷ cũng không tồn tại. Nhiều người hình như nghĩ rằng Đức Chúa Trời ban cho chúng ta những điều tốt của đời sống, còn ma quỷ và những quỷ của nó cho chúng ta những điều xấu, và cất đi những điều tốt mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta.

Kinh thánh dạy rõ rằng Đức Chúa Trời là nguồn gốc của mọi quyền phép, và rằng Ngài chịu trách nhiệm về cả những điều tốt cả những điều xấu trong cuộc đời của chúng ta:

“Ta tạo sự sáng, và sự tối: Ta tạo sự bình an, và tai vạ: ta Đức Chúa Trời người làm tất cả sự này” (Êsai 45:7).

“Tai họa từ Đức Chúa Trời sai xuống đã tới cửa Giêrusalem” (Michê 1:12)

“kèn thổi trong thành, thì dân sự há chẳng sợ sao? Sự tai vạ há có xảy ra cho một thành kia nếu mà Đức Chúa Trời chẳng làm? (Amôt 3:6)

Cho nên, lúc khi chúng ta trải qua thử thách, chúng ta phải chấp nhận rằng nó từ Đức Chúa Trời ra, không đổ tội vào đầu ma quỷ hoặc những quỷ. Gióp là người đã mất nhiều của cải mà Đức Chúa Trời ban cho, nhưng ông không hề nói: “ma quỷ đã lấy đi tất cả của cải Đức Chúa Trời ban cho”. Hãy lắng nghe ông nói gì sau đó:

“Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va (không phải những quỷ) lại cất đi; đáng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va” (Gióp 1:21).

“Phước mà tay Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta lãnh lấy, còn tai họa mà Ngài giáng trên chúng ta, chúng ta lại chẳng lãnh lấy sao?” (Gióp 2:10)

Một khi chúng ta hiểu rằng mọi sự do Chúa tạo ra thì khi chúng ta có khó khăn nào trong cuộc sống, chúng ta nên cầu xin Chúa giúp đỡ, và nếu Ngài chưa đáp, thì chúng ta tin rằng Ngài muốn thử thách chúng ta

để chúng ta trưởng thành tính cách của chúng ta và muốn chúng ta nên người cho tương lai:

“Hỡi con, chớ để người chịu sự sửa phạt của Chúa, và khi Chúa trách, chớ ngã lòng; vì Chúa sửa phạt kẻ Ngài yêu, hễ ai mà Ngài nhận làm con, thì cho roi cho vọt. Vì anh em chịu sửa phạt, ấy là Đức Chúa Trời đãi anh em như con, vì có người nào là con mà cha không sửa phạt? Nhưng nếu anh em không bị sửa phạt mà người khác phải chịu, thì anh em là con ngoại tình, chớ không phải là con thật” (Hebơơ 12:5-8).

Đức Chúa Trời là nguồn gốc của mọi quyền phép

Đức Chúa Trời là nguồn gốc của mọi quyền phép

“Ta là Giê hôva, không ai khác ngoài ta, không có thần nào ngoài ta (tiếng Do thái từ “thần” nói đến sức “mạnh” (Êsai 45:5)

“Có thần nào khác ngoài Ta? Không có vầng đá nào Ta biết không biết đến” (Êsai 44:8)

“Giêhôva, ấy là Đức Chúa Trời, chớ không ai khác hơn Ngài” (Phục truyền 4:35)

Những câu này lặp lại nhiều lần trong kinh thánh. Vì Đức Chúa Trời là nguồn của mọi quyền năng và chỉ có Ngài mà thôi, vì Ngài hay ghen tị, Ngài thường nhắc nhở chúng ta (Xuất hành 20:5; phục truyền 4:24)

Đức Chúa Trời ghen tị khi dân Ngài bắt đầu tin vào những Chúa khác, nếu họ nói cho ngài, (Ngài là Đức Chúa Trời vĩ đại, Đức Chúa Trời hùng mạnh, nhưng nói thật tôi tin rằng vẫn có một số chúa khác ngoài Ngài ra, tùy họ không phải mạnh như Ngài). Chính vì thế chúng ta không thể tin rằng có những quỷ hay ma quỷ đang tồn tại cũng như Đức Chúa Trời thực sự. Đây chỉ là sai lầm mà dân Y-sơ-ra-ên đã làm. Phần lớn của Kinh Cựu ước dành để chỉ dân Y-sơ-ra-ên đã làm Đức Chúa Trời không bằng lòng bởi tin vào những chúa khác cũng như tin vào Ngài. Chúng ta sẽ thấy trong Kinh thánh rằng “những ma quỷ” mà người ta tin vào hiện nay thật rất giống những chúa giả mạo mà dân Y-sơ-ra-ên đã tin vào.

Các Quỷ Là Những Thần Tượng

Trong 1 Cô-rinh-tô, Phao-lô giải thích tại sao những người theo Chúa hoàn toàn không có gì chung với sự sùng bái thần tượng hay tin vào những điều như thế. Trong thời Kinh thánh người ta đã coi rằng những quỷ là những chúa nhỏ và có thể sùng bái họ để chấm dứt những vấn đề xuất hiện trong đời sống của họ. Cho nên họ đã làm mô hình của những quỷ, giống nhau với thần tượng, và đã sùng bái nó. Điều này giải thích tại sao Phao-lô dùng hai từ “quỷ” và “thần tượng” một cách thay thế cho nhau trong bức thư mình:- “Đồ người ngoại đạo cúng tế là cúng tế các quỷ, chớ không phải cúng tế Đức Chúa Trời. Vậy tôi không muốn anh em thông đồng với các quỷ nếu có ai nói với các anh em rằng: Cái này đã dâng làm của cúng, thì chớ ăn...” (1 Côrintô 10:20,28). Vậy thì những thần tượng và những quỷ thực là như nhau. Xin chú ý Phao-lô nói như thế nào rằng họ cúng tế “các quỷ (các thần tượng), chớ không phải cúng tế Đức Chúa Trời” ố những quỷ không phải là Đức Chúa Trời, và vì chỉ có một Chúa thôi thì có nghĩa rằng những quỷ hoàn toàn không có quyền phép thực sự, họ không phải là những chúa. Điều này được nói rất rõ trong 1 Côrintô 8:4:- “Vậy, về... của cúng tế các thần tượng, chúng ta biết thần tượng (tượng tự với quỷ) trong thế gian thật là hư không, chỉ có một Đức Chúa Trời, chớ không có thần nào khác”. Một thần tượng, hay một quỷ, hoàn toàn không tồn tại. Chỉ có một Đức Chúa Trời, hay quyền phép, thực sự trên thế giới. Phao-lô tiếp tục (câu 5,6):-

“Thật người ta xưng có các thần khác... (hình như có nhiều chúa và có nhiều đức giê-hô-va [cũng như hiện nay người ta tin vào nhiều loại quỷ - một quỷ khiến bạn mất việc, một quỷ khác khiến vợ anh bỏ anh, v.v.]) về phần chúng ta (những tín đồ thực sự), chỉ có một Đức Chúa Trời mà thôi, là Đức Chúa Cha, muôn vật bởi Ngài mà ra (cả tốt cả xấu, như chúng ta đã thấy trong những phần trước)”.

Dân sự trong thời Tân ước tin vào ma quỷ là thần tượng hay các thần như trong công vụ 17:16-18; điều này mô tả cách thức Phaolô truyền giảng ở Ethens, một thành phố thờ hình tượng, nên họ thờ thần tượng khác nhau. Sau khi nghe vậy, Phaolô giảng tin lành, dân thành nói rằng: “Ông có vẻ là người tạo ra các thần/ma quỷ: vì ông giảng cho họ nghe biết Chúa

Jesus và sự sống lại”. Vì thế dân thành nghĩ rằng Jesus và sự sống lại là ma quỷ và thần tượng mới. Nếu chúng đọc hết chương, chúng ta sẽ thấy cách thức Phaolô kiên trì giảng cho họ nghe, trong câu 22, ông nói: “anh em mê tín” nghĩa là thờ phượng thần tượng, ông giải thích rằng Đức Chúa Trời không hiện hữu trong thần của họ. Hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời là nguồn lực duy nhất. Nếu Ngài không ở trong ma quỷ/thần tượng, thì thần tượng không có quyền năng nào vì không có nguồn quyền năng khác trong vũ trụ này, tức nó không tồn tại.

Nếu trở về Kinh Cựu ước, có thêm bằng chứng rằng “quỉ” là như nhau với những thần tượng. Phục truyền 28:22;-28,59-61 tiên tri rằng bệnh tâm thần sẽ là một trong những hình phạt vì thờ phượng hình tượng/ma quỷ. Điều này giải thích sự liên hệ của ma quỷ qua bệnh tâm thần trong kinh Tân ước. Nhưng hãy lưu ý ngôn từ ma quỷ gắn liền với nó là bệnh, không phải là tội lỗi. Chúng ta không bàn đến Đấng Christ đuổi quỉ,... Phải lưu ý kinh thánh nói về người có quỉ ám/bệnh, không phải nói rằng quỉ hay/thần tượng gây ra bệnh. Bản dịch Kinh Cựu ước ra tiếng Hy Lạp (Septuagint) đã dùng từ (daimonion) cho “thần tượng” trong Phục truyền 32:17 và Thi thiên 106:37; còn từ này được dịch ra “quỉ” trong Kinh Tân ước. Thi thiên 106:36-39 miêu tả những sai lầm của dân Y-sơ-ra-ên và so sánh những thần tượng của Ca-na-an với những quỉ:-

“Họ (dân Y-sơ-ra-ên) “hầu việc hình tượng chúng nó, là điều gây làm cái bẫy cho mình. Họ bắt con trai con gái mình mà cúng tế ma quỷ, làm đổ huyết vô tội ra, tức là huyết của con trai con gái mình, mà họ cúng tế cho hình tượng xứ Ca-na-an... vì thế họ làm ô uế công việc mình làm, làm gái điếm”.

Rõ ràng quỉ/ma là tên gọi khác nói đến thần tượng. Đức Chúa Trời mô tả sự thờ phượng thần tượng của dân sự là thờ công việc họ làm... ý muốn của họ” vì sự tin tưởng ma quỷ của họ xuất phát từ trí tưởng tượng của con người; thần tượng họ tạo ra là bởi công việc họ làm. Vì vậy những người tin ma/quỉ ngày nay tin tưởng vào những điều do con người tưởng, sự sáng tác của con người, không phải là điều Đức Chúa Trời dạy chúng ta.

Phục truyền 32:15-24 mô tả Đức Chúa Trời giận dữ khi dân Ngài tin vào ma quỷ: “Isơrơen xem nhẹ hòn đá nền của sự cứu rỗi”. Họ khiêu khích Ngài bằng việc thờ phượng hình tượng, làm điều gớm ghiếc. Họ dâng của lễ cho thần tượng, không phải là Chúa của họ; thờ phượng thần mà họ không hề biết... tổ tiên họ không kính sợ... Đức Chúa Trời phán, Ta sẽ giấu mặt ta khỏi họ... vì họ là dòng dõi rất bướng bỉnh, con cháu không biết đức tin. Họ khiêu khích ta giận dữ như thể ta không phải là Đức Chúa Trời của họ; họ khiêu khích ta bởi tính tự cao của họ... Ta sẽ chất tội ác lên họ.

Vì vậy, Đức Chúa Trời mô tả ma quỷ là cách nói về thần tượng, điều gớm ghiếc, và tính kiêu ngạo-là những thứ không đáng trông cậy, và không hề tồn tại. Tin vào ma quỷ nói lên đức tin yếu ớt vào Đức Chúa Trời. Tin vào những điều Đức Chúa Trời tạo vừa tốt và vừa xấu trong cuộc sống là điều không dễ dàng. Suy nghĩ những điều bất lợi do ai đó tạo ra thì dễ dàng hơn, vì khi chúng ta nói chúng từ trời xuống, thì chúng ta cần phải tin rằng Đức Chúa Trời sẽ cất đi hay suy cho kỹ chúng sẽ giúp ích cho chúng ta.

Quỉ trong Kinh Tân ước

Nhưng bạn có thể nói, “Còn thế nào là tất cả những đoạn trong Kinh Tân ước mà nói rõ về những quỉ?”

Một điều phải hoàn toàn rõ: Kinh thánh không thể mâu thuẫn với mình, đây là Lời của Đức Chúa Trời Toàn năng. Nếu ai nói rõ cho chúng ta rằng Đức Chúa Trời mang lại những vấn đề cho chúng ta và rằng Ngài là nguồn của mọi quyền phép, thì Kinh thánh không thể cũng nói rằng những quỉ là những chúa nhở chống lại Đức Chúa Trời mang lại những điều này cho chúng ta. Chúng tôi coi quan trọng một điều rằng từ “những quỉ” chỉ thấy bốn lần trong Kinh Cựu ước và luôn luôn nó miêu tả sự sùng bái thần tượng, nhưng từ này thấy nhiều lần trong bài ghi Tin lành. Chúng tôi đoán rằng đó là vì, trong thời ghi Tin lành, dùng ngôn ngữ hàng ngày người ta đã nói rằng mỗi bệnh mà họ không hiểu lý do thì nói nó là tội của quỉ. Nếu những quỉ thật tồn tại và chịu trách nhiệm về những bệnh và vấn đề của chúng ta, thì chúng ta chắc đọc nhiều hơn

về chúng trong Kinh Cựu ước. Nhưng chúng ta không đọc gì cả về chúng trong văn cảnh này ở đó.

Nói rằng những quỷ được đuổi ra khỏi người nào đó có nghĩa người đã chữa bệnh tâm thần, hay một bệnh nào đó mà người ta chưa hiểu thời đó. Những người sống vào thế kỷ thứ nhất đã có khuynh hướng đổ tội về mọi cái mà họ không thể hiểu được vào đầu của những vật tâm tánh gọi là “quỷ”. Vì với trình độ kiến thức y học thời đó, họ khó hiểu những bệnh tâm thần và nói họ bị “quỷ ám”. Trong thời Kinh Cựu ước, tinh thần ác hay không sạch được coi là tâm trạng tinh thần bị rối loạn (các quan xét 9:23; 1 Samuên 16:14; 18:10). Trong thời Kinh Tân ước, cách nói về người bị ám do ác thần/quỷ đã liên quan đến những bệnh tâm thần. Liên quan giữa quỷ và bệnh được chỉ rõ ở đây: “Người ta đem cho Đức Chúa Jêsu nhiều kẻ bị quỷ ám, Ngài lấy lời nói mà đuổi quỷ ra; ... vậy cho được ứng nghiệm lời nói của Đấng tiên tri Ê-sai (trong Kinh Cựu ước) đã nói rằng: Chính Ngài đã lấy tội nguyên của chúng ta, và gánh bịnh hoạn của chúng ta” (Mathiơ 8:16,17). Cho nên, tội nguyên và bệnh của người ta là như nhau với bị “quỷ” và “ác thần” ám. Khi đã chữa bệnh rồi, thì những người “bị quỷ ám” trở thành người lại có “bộ tỉnh táo” Mác 5:15; Lu-ca 8:35. Thế là nói rằng người “bị quỷ ám” là nói một cách khác rằng người có bệnh tâm thần tức là không có bộ tỉnh táo. Câu nói những ai “bị quỷ ám” đã được “cứu” hay “lành” Ma-thi-ơ 4:24; 12:22; 17:18 có nghĩa rằng tình trạng bị quỷ ám là một cách khác miêu tả bệnh.

Luca 10:9 Chúa Jesus bảo 70 môn đồ hãy đi và “chữa người bệnh”. Họ trở về và nói (câu 17): “vì Danh Chúa các quỷ phục tùng chúng tôi”- một lần nữa ma quỷ và bệnh tâm thần là một. Đôi khi các sứ đồ chữa bệnh nhân danh Chúa Jesus và ở đây chúng ta có thí dụ về điều này (Xem công vù:6; 9:34).

Ngôn từ của lịch sử

Vì thế chúng ta thấy rằng kinh tân ước dùng ngôn ngữ của ban ngày để miêu tả người mất bệnh quỷ ám nếu họ bệnh tâm thần hay mất bệnh không chữa được. Chính quyền Rôma đương thời và tin ngưỡng văn hóa

Hylạp rằng quỷ ám con người, làm cho con người mất bệnh điên. Những người cơ đốc đó tin có ma quỷ tồn tại nói rằng tín ngưỡng hình tượng đương thời của họ tại khu vực này hoàn toàn chính xác. Kinh thánh được viết bằng ngôn từ sao cho dân sự có thể hiểu được. Vì cách dùng ngôn từ của lịch sử không có nghĩa là Chúa Jesus tin ma quỷ. Cũng như trong tiếng Anh, chúng ta có từ “người điên” để miêu tả người bệnh tâm thần. Về nghĩa gốc, bệnh có nghĩa là ai đó bị trắng ăn/ám. Cách đây vài năm, người ta thường tin nếu người nào đi chơi đêm khi trăng tỏ, thì họ có thể bị trắng ăn và mất bệnh tâm thần. Ngày nay chúng ta dùng từ người điên để mô tả người điên, nhưng không có nghĩa chúng ta tin điên do trăng gây ra.

Nếu những từ này được chép và đọc đi đọc lại 2.000 năm – nếu Chúa Jesus không trở lại-người ta nghĩ rằng chúng ta tin trăng gây bệnh điên, họ mắc sai lầm vì chúng ta chỉ dùng từ ngữ ngày nay như Chúa Jesus dùng cách đây 2000 năm. Tương tự, chúng ta mô tả sự rối loạn di truyền nào đó. Chúa Jesus không phải được sinh ra vào ngày 25/12; nhưng người viết bài này vẫn dùng ngày Giáng sinh khi nói nói đến ngày đó mặt dù tôi không tin chúng ta phải giữ lễ mừng ngày sinh nhật của Chúa. Tên các ngày trong tuần được đặt theo sự thờ phượng hình tượng –ví dụ chủ nhật nghĩa là ngày dành để thờ phượng mặt trời; Thứ bảy là ngày thờ phượng hành tinh sao thổ, thứ hai thờ phượng mặt trăng,... để dùng những tên này không có nghĩa chúng ta cũng tin thần tượng như người thờ thần tượng mà thời đó họ đặt tên trùng với ngôn từ ngày nay. Khi Danêen đặt lại tên gọi “Belteshazzar”, tên nói lên một thần, lời chép trong Danêen 4:19 gọi ông “Beltaeshazzar” mà không ám chỉ từ này nói về một ý nghĩa sai lệch. Tôi nói đến đức giáo hoàng là cách để nói đến ai đó mặt dù tôi nghĩa là sai khi tin rằng ông là đức giáo hoàng hay cha xứ. (Mathiơ 23:9).

Có một huyền thoại trong thời Exechiên rằng đất Isơrơên là xui xẻo cho người nào ở đó. Điều này không đúng và Đức Chúa Trời lý giải cho dân Ngài cứ gọi bình thường cho đến ngày nay: “Đức Chúa Trời phán, vì họ bảo các người, hỡi đất này nuốt người ta, và làm mất con cái của dân

mày đi, cũng vì cổ đó, mày chẳng nuốt người ta nữa... (Exechiên 36:13,14). Quan niệm chung của thờ thần tượng rằng biển là quái vật đáng sợ vì muốn nuốt chửng đất. Điều này rõ ràng là không đúng, kinh thánh thường dùng hình ảnh này để giúp người đọc ban đầu nắm được ý nghĩa: xem Gióp 7:12; Amôt 9:3; Giêrêmi 5:22; Thithiên 89:9; Habacut 3:10; Mathiơ 14:24; Mac 4:37. Thần thoại Assyrian quái vật biển này là “Rahab”; và điều giống với tên đặt cho quái vật biển ở Aicập trong Esai 51:9.

Biết rằng kinh thánh bởi Đức Chúa Trời mà có, thì không thể nói kinh thánh chỉ phản ánh ảnh hưởng của thần tượng trong thời kỳ kinh thánh được viết. Chắc chắn Đức Chúa Trời muốn đề cập gián tiếp tín ngưỡng đương thời của họ để chỉ chúng ta Ngài là nguồn của quyền năng. Ngài là Đấng cai trị “quái vật” biển để mà nó làm theo ý Ngài. Cho nên Ngài chỉnh sửa sai lầm của họ đối với tín ngưỡng của họ khi tin vào quyền lực nào đó trong thế gian nằm ngoài sự cai trị của Đức Chúa Trời. Và do vậy, kinh thánh không xa sai lệch khi làm bề mặt người cuồng tín khi tin vào quái vật quây phá giữa biển khơi hay cho rằng biển là quái vật.

Một thí dụ khác mô tả chớp và bão tụt như “rắn lợng”(Gióp 26:13; Esai 27:1). Điều này rõ ràng đang nói đến tín ngưỡng đương thời của người thờ thần tượng, họ tin chớp và mây hội tụ là điều báo con rắn lớn. Đoạn này không đưa ra ý tưởng điên rồ như vậy, hay dùng cách giải thích khoa học. Họ cũng công nhận Thượng đế điều khiển mọi sự. Thái độ của Đấng Christ trước tín ngưỡng vào ma quỷ đương thời cũng tương tự theo quan điểm: rõ ràng phép lạ của Ngài chứng tỏ quyền phép Đức Chúa Trời là tuyệt đối và hoàn hảo, và vô hạn trên sự mê tín của con người tin có ma quỷ. Những người tin rằng Tân ước có chép về ma quỷ cho là những chuyện như thế thực sự tồn tại, thì đồng nghĩa với việc biển cả cũng là quái vật, chớp cũng là con rắn khổng lồ. Đây chỉ là đề cập đến sức mạnh; cần nhận biết kinh thánh dùng ngôn từ của đương thời khi chép sách, không nhất thiết là có ủng hộ tín ngưỡng của họ khi dùng các ngôn từ của xã hội đương thời. Chúng tôi cũng đã trình bày cách dùng ngôn từ của chúng tôi có phần giống vậy. Kinh thánh viết như vật để khẳng định lẽ thật cơ bản như chúng ta đã tìm hiểu qua bài học 6.1; và 6.2-Chúa là quyền năng cho tất cả. Ngài biết đến sự thử thách của chúng

ta; tội lỗi sinh ra từ lòng dạ chúng ta- tất cả có thể đem lại ý nghĩa bằng việc kính trọng quyền năng lớn lao của Đức Chúa Trời muốn cứu chúng ta. Cái gọi “nhà phê cấp cao” đang tìm kiếm mối liên hệ giữa ngôn từ kinh thánh với tín ngưỡng và quan niệm về văn hóa đương thời mà từ đó kinh thánh được viết nên. Những việc làm này có thể hiểu được. Khi hiểu kinh thánh dùng ngôn từ có thể gián tiếp nói đến tín ngưỡng người bản xứ, làm như vậy để nói lên Đức Chúa Trời chỉ có một mà thôi, là Đấng lớn hơn hết.

Khi nắm rõ điều này, thật ngạc nhiên khi có nhiều thí dụ trong kinh Tân ước dùng ngôn từ đương thời mà ngôn từ đó không bị sửa lại.

- Người Pharasi buộc Chúa Jesus vì làm phép lạ nhờ quyền phép của thần Beelzebul. Chúa phán: “Nếu ta nhờ Beelzebul mà trừ quỷ, thì con các ngươi nhờ ai mà trừ quỷ?(Mathiơ 12:27). 2 Các vua 1:2 cho chúng ta biết Beelzebul là thần giả của dân Philistines. Chúa Jesus không nói, “hãy xem 2 Các vua 1:2 phán Beelzebul là thần giả, nên cách buộc tội của các ngươi không đúng”. Không, Ngài nói như thể Beelzebul có tồn tại vì Ngài muốn đem câu chuyện này để giảng cho dân chúng. Bằng thể ấy, Ngài nói về chuyện đuổi quỷ-Ngài không luôn miệng nói, “thực ra, quỷ không tồn tại”, mà Ngài giảng bằng ngôn từ của đương thời.
- Công vụ 16:16-18 là lời chép của Luca khi nhận linh cảm: “một phụ nữ trẻ có thần linh của thầnPython lại gặp chúng tôi”. Lời giải thích trong đoạn Diaglott, Python là tên của một thần giả mà người ta tin ở thế kỷ đầu, có thể cũng giống thần Apollo. Vì vậy thần Python hoàn toàn không có thực, nhưng Luca không nói rằng Cô gái này bị thần Python ám. Cũng như thế kinh thánh không nói Chúa Jesus đuổi quỷ cái không tồn tại, mà là ngôn từ của xã hội đương thời.
- Luca 5:32 chép lời Chúa Jesus giảng cho dân Do thái tội lỗi: “Ta đến không phải để gọi người công bình...”. Ngài đang ám chỉ, “Ta đến không phải để gọi những ai tự cho mình là công bình”. Nhưng Chúa Jesus vẫn nói theo ngôn từ của họ, về chuyên môn, dù Ngài đang dùng ngôn từ không đúng. Luca 19:20-23 chỉ Chúa Jesus dùng ngôn từ không đúng của một đàn ông biệt tài trong thí dụ đó để lý

giải với người này, nhưng Ngài không chỉnh ngôn từ sai mà người đàn ông dùng.

- Kinh thánh thường nói về mặt trời mọc và lặn ; đây là cách gọi của con người, nhưng về mặt khoa học là không đúng. Cũng như vậy, bệnh tâm thần ám chỉ theo từ chuyên môn là dùng ngôn từ không đúng khi nói đến quỷ. Công vụ 5:3 nói Anania nói dối đức thánh linh. Sự thật, điều này không hề có, song điều Anania suy nghĩ việc mình cần làm là nói sự thật, mặt dù là không đúng.
- Có nhiều thí dụ về cách dùng ngôn từ để có thể hiểu trong thời kỳ đó, nhưng bây giờ thì không gần gũi với chúng ta; ví dụ: “Lấy da dê da” (Gióp 2:4) gián tiếp muốn nói đến tập quán xưa khi mua bán da để đổi lấy vật có giá trị tương đương; một nam điểm bị gọi là chó (Phục truyền 23:18). Thì ngôn từ ma quỷ là cũng là trường hợp tương tự.
- Trong ngày Chúa Jesus, người Do thái nghĩ rằng họ là người công bình vì họ là thuộc dòng dõi Apraham Chúa Jesus đãi họ như người công bình (Mathiơ 9:12,13), và phán: “Ta biết các ngươi là dòng dõi Apraham”(Giăng 8:37). Nhưng Ngài không cho họ là người công bình; Ngài nhấn mạnh trong Giăng 8:39-44 họ không phải là hạt giống Apraham. Vì vậy Chúa Jesus đối xử tín ngưỡng của họ bình thường mà không đối đầu ngay với họ, thay vào đó Ngài cố chứng minh điều Ngài nói. Chúng ta đã tìm hiểu rằng đây là phương cách của Đức Chúa Trời đối đãi với tín ngưỡng của người thờ thần tượng, chuyện rất phổ biến trong thời cựu ước. Thái độ của Đấng Christ đối với ma quỷ trong thời Tân ước cũng tương tự; phép lạ Đức Chúa Trời ban cho đã thể hiện rõ bệnh tật do Đức Chúa Trời giáng xuống, không bởi quyền lực nào, như thế chính Đức Chúa Trời là người có quyền năng chữa bệnh cho họ.
- Phaolô trích dẫn từ thơ hy lạp, họ viết nên những bài thơ nổi tiếng nhưng không liên quan đến kinh thánh, để làm bất ngờ những ai tin những bài thơ đó (Tit 1:12; Công vụ 17:28). Những điều chúng gợi ý được phaolô lấy làm thí dụ trong lời đáp của mình khi tìm kiếm bàn thờ dâng “vị thần vô danh”, ví dụ thần thờ hình tượng họ cho là tồn tại, nhưng dân Athens thì xem nhẹ. Thay vì quở trách họ vì tin

điều bày bụa, Phaolô đưa họ đến sự hiểu biết Đức Chúa Trời thật mà từ lâu họ không hề biết. (công vụ 17:22,23)

- Ephêsô 2:2 nói về “hoàn tử cầm quyền chốn không trung”. Rõ ràng điều này gián tiếp nói đến quan niệm huyền bí về Zoroaster-điều người ta tin tưởng. Phaolô nói rằng trước kia họ sống dưới quyền “hoàn tử cầm quyền chốn không trung”. Trong câu này, Phaolô định nghĩa câu này “thần –thái độ của co người vận hành...” trong con người bình thường. Trước kia họ tin vào thần tượng; bây giờ Phaolô nhấn mạnh thực sự quyền năng mà họ tin tưởng chính là do đầu óc tội lỗi của họ nghĩ ra. Do vậy, ý tưởng thần tượng được gián tiếp nói đến, mà không quở trách cụ thể, mà còn chỉ ra lẽ thật khi nói về tội lỗi.
- Công vụ 28:3-6 mô tả răn độc tấn công Phaolô, quán trên tay ông. Người dân xung quanh xem Phaolô là kẻ giết người, nhưng “lẽ công bình chẳng khứng cho sống”. Suy nghĩ như thế trong hoàn này hoàn toàn không đúng. Nhưng Phaolô không giải thích cho họ chi tiết; ông làm phép lạ-ông rẩy răn lục vào lửa mà chẳng hề chi hết.
- Phép lạ củ aChúa Jesus mắc lỗi trước cái nhìn của dân chúng, thí dụ, ma quỷ, vì Ngài không chinh ngôn từ họ dùng. Do vậy, sách Luca 5:21 dân Do thái đưa ra hai lời nói sai: rằng Jesus là kẻ phạm thượng, và Chỉ có Đức Chúa Trời tha thứ mà thôi. Chúa Jesus không chinh họ bằng lời; mà Ngài làm phép lạ để chứng tỏ họ đã nói sai.
- Tin vào Đấng Christ cũng như “làm hay hơn nói”. Ngài hiếm lên án ý nghĩ sai của họ trực tiếp, cho nên Ngài không lên án luật pháp Môse không thể cứu rỗi, nhưng Ngài chứng tỏ bằng hành động như chữa người bệnh trong ngày Sabat. Khi Ngài bị buộc tội oan mình là người Samari, nhưng Ngài không phủ nhận (Giăng 8:48,49) so sánh 4:7-9) dù tổ phụ của Ngài rất quan trọng trong chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời (Giăng 4:22).
- Ngay cả khi dân Do thái cố ý đưa ra kết luận sai trái rằng Chúa Jesus “tự cho mình ngang bằng với Đức Chúa Trời”(Giăng 5:18), nhưng Chúa vẫn không phủ nhận; thay vào đó Ngài tranh luận hết sức mạnh mẽ rằng phép lạ của Ngài nói lên Ngài nhân danh Đức Chúa Trời mà làm, nên Ngài không thể ngang hàng với Đức Chúa

Trời. Cũng như vậy, phép lạ Chúa Jesus làm cho thấy lầm lỗi khi tin vào ma quỷ. Phép chữa bệnh cho người què tại bờ hồ của Ngài cho thấy sự cuồng tín về huyền thoại người Do thái trong ngày lễ vượt qua có một thiên sứ chạm vào nước hồ Bethesda để truyền phép chữa bệnh cho nó. Huyền thoại này được ghi lại mà không chối bỏ thẳng thắn tính huyền bí của nó; ghi chép phép lạ của Đấng Christ là để nói lên việc làm sai trái của dân sự. (Giăng 5:4).

- 2 Phiơơ 2:4 nói về người tội lỗi đi đến Tartarus (dịch trong nhiều bản là “Âm phủ”). Tartarus là nơi huyền bí trong thế giới nước; song Phiơơ không chính quan niệm sai đó, nhưng ông dùng nó làm biểu tượng của sự hủy diệt và trừng phạt tội lỗi. Cách dùng từ Gehenna của Chúa cũng như vậy. (Xem bài 4.9)

Có phải Ma quỷ gây ra bệnh điên?

Ai tin ma quỷ tồn tại phải tự hỏi mình câu này: “lúc tôi bệnh, có phải do ma quỷ gây ra không?” Nếu anh em nghĩ sự liên hệ của kinh Tân ước về ma quỷ là các thần nhỏ đi quanh đâu đó để gây tội lỗi, thì anh em phải trả lời “có”. Trong trường hợp đó, làm sao anh em giải thích chuyện nhiều căn bệnh bị coi là ma quỷ ám ngày nay dùng thuốc để chữa khỏi hay đã kiểm soát được? Bệnh sốt rét là một thí dụ điển hình. Hầu hết người dân ở Châu Phi tin cho đến tận bây giờ rằng sốt rét là do ma quỷ gây ra, nhưng chúng ta biết rằng bệnh sốt rét có thể điều trị bằng thuốc kí ninh hay được phẩm khác. Hay anh em vẫn nói rằng vì ma quỷ nhìn thấy viên thuốc nhỏ màu vàng trôi xuống cổ họng thì chúng cảm thấy sợ hãi và bay khỏi? Một số căn bệnh Chúa Jesus đã chữa bị dân sự mô tả là ma quỷ ám, đã được khoa học ra là bệnh uốn ván hoặc bệnh động kinh-hai bệnh này dùng thuốc có thể làm giảm bệnh.

Một người bạn của tôi đến từ làng cách Kampala ở Uganda. Anh ta bảo tôi rằng người ta thường tin bệnh sốt rét do ma quỷ gây ra, nhưng khi họ chứng kiến thuốc có thể chữa khỏi dễ dàng, họ không còn gán ghép cho ma quỷ nữa. Tuy nhiên, khi ai đó mắc bệnh sốt rét não (bệnh làm người ta mất bệnh tâm thần), thì họ vẫn nói là do ma quỷ gây ra. Một bác sĩ đến từ thị trấn cạnh bên và tặng họ viên thuốc chống sốt rét liều mạnh để chữa cho họ, nhưng họ từ chối vì họ bảo họ cần cái gì đó để đuổi quỷ,

chứ không phải bệnh sốt rét. Sau đó bác sĩ quay lại và nói: “Tôi có thuốc có thể đuổi quỷ”; người bệnh lập tức uống vào và bệnh thuyên giảm. Liều thuốc thứ hai cũng giống liều đầu. Bác sĩ không tin có ma quỷ, nhưng ông đã dùng ngôn từ của thời đại để hiểu con người- cũng giống “nhà vật lý tài ba”, Chúa Jesus của chúng ta cách đây 2.000 năm.

Bài đọc thêm 17: Ma thuật

Bài đọc thêm này được viết chủ yếu dành để phục vụ cho nhu cầu người dân ở Châu phi và một số vùng trên thế giới, là nơi ma thuật nét phổ biến của đời sống hàng ngày. Những anh em lớp thánh kinh dựa vào ma thuật, các bác sĩ châu phi và nhiều người khác không đồng tình với lễ thật thánh kinh. Tuy nhiên, Tôi phải công nhận là chi phí cho bác sĩ rẻ hơn và dễ gặp gỡ hơn thầy thuốc, kết hợp với thành công của họ, dễ hấp dẫn họ hơn. Chúng ta cần nhìn vấn đề bằng cái nhìn kinh thánh và trình tự. Đây là cách duy nhất anh em tìm sức mạnh để chống lại sự cám dỗ để dùng những người này(giảng cho họ).

Hô thần của Ma thuật

Trước tiên, hô thần mà những ngà ma thuật này thành công cần được phân tích. Chúng ta có thể tin chắc sự phóng đại trong lời hô thần làm họ thành công. Cách chữa bệnh của họ chưa bao giờ được làm công khai để mọi người cùng xem. Nếu sự thật họ thật sự thành công, thì họ đã vào làm việc tại bệnh viện rồi và khắp thế giới điều có. Tình trạng chính xác của căn bệnh mà họ chữa cũng chưa bao giờ được biết đến-họ đã thực sự làm giảm bệnh bao nhiêu thì không ai biết rõ.

Ai trong các anh em gặp phải sự cám dỗ thế này thì cần phải tự hỏi liệu bạn có bằng chứng rõ ràng quyền phép của họ chưa- ví dụ bạn đã từng nhìn thấy (không phải nghe nói) một ai đó bị cưa cánh tay tại máy cưa đi đến gặp thuật sĩ và trở lại làm việc với cánh tay lành chưa? Đây là bằng chứng chúng ta cần trước khi chúng tỏ ý tin tưởng điều họ nói. Phục truyền 13:1-3 càng quyền năng: Isơrơen được dạy bảo nếu phù thủy nào

làm dấu lạ tựa phép lạ, họ không nên tin người đó trừ khi họ nói đúng theo lời của Đức Chúa Trời. Vì thầy pháp không tin lẽ thật trong kinh thánh-nên chúng không dễ bị cám dỗ khi xem họ có quyền năng thật sự vì mọi quyền phép đều từ nơi Chúa. (Rôma 13:1; 1 Côrintô 8:4-6).

Thứ hai, hình thức than phiền họ gặp phải là rõ ràng. Chúng ta biết rằng chúng ta chỉ sử dụng khoảng 1% bộ não của chúng ta. Phần còn lại nằm ngoài sự kiểm soát của chúng ta để điều khiển một cách có ý thức (không hoài nghi, chúng ta sẽ làm vậy trong nước của Chúa). Không nhận ra điều này, đầu óc chúng ta có ảnh hưởng vật lý trên cơ thể chúng ta. Vì vậy, các nhà tâm lý học được người ta biết đến để chữa người mắc bệnh huyết áp bằng cách bảo họ tập trung tưởng tượng máu của họ được tạo nên và hoạt động bình thường. Các bác sĩ công nhận thỉnh thoảng cách chữa bệnh như thế là có, hoàn toàn không dựa vào phương pháp y khoa truyền thống. Tương tự, quá căng thẳng đầu óc có thể gây ra bệnh ung thư dạ dày và đau đầu. Thư giãn đầu óc hay tập thể dục theo một phương pháp nào đó sẽ làm mất đi căn bệnh. Nhưng nếu, ví dụ, cánh tay chúng ta bị máy cưa cắt, thì không có cách luyện tập thể dục nào có thể làm nó liền trở lại. Mà đây chỉ là bệnh mà đầu óc chúng ta có thể kiểm soát được, người thầy pháp dường như có thể ảnh hưởng. Vì chúng ta hiểu hoàn toàn hoạt động của não mình, nên có vẻ là do các thầy pháp sử dụng quyền năng này mà ta không có. Nhưng sự thật không phải như vậy, chẳng qua là sự tác động của họ lên đầu óc chúng ta, nên đem đến kết quả mà thôi.

Cội nguồn của Quyền năng:

Tuy nhiên, mọi quyền năng là của Đức Chúa Trời. Điều tốt lẫn điều xấu ví dụ bệnh bởi Đức Chúa Trời mà ra, không phải do thầy pháp. Đây là một chủ đề rất phổ biến trong kinh thánh: Esai 45:5-7; Michê 1:12; Amot 3:6; Xuất hành 4:11; Phục truyền 32:39; Gióp 5:18. Tất cả điều này sẽ được bù đắp bằng việc đọc cẩn thận. Theo đó, Ngài là Đấng để chúng ta nên cầu nguyện nếu chúng ta bệnh, Ngài làm điều con người có thể do dùng thuốc để chữa bệnh. Nếu chúng ta nhờ pháp sư/phù thủy để chữa bệnh, thì chúng ta hướng đến những người tự cho mình có quyền năng

cao hơn “quyền lực tối tăm” giúp họ chữa bệnh cho chúng ta. Nhưng chúng ta biết rằng quyền năng mà chúng ta tin không tồn tại. Đức Chúa Trời mới chính là nguồn của quyền năng. Hưởng đến ma thuật là tin rằng Đức Chúa Trời không có quyền năng, không phải là Đức Chúa Trời tạo ra bệnh đau, bèn là quyền năng do thầy pháp làm nên.

Suy nghĩ như thế sẽ không làm hài lòng Chúa, vì Ngài biết rằng chính Ngài đã làm nên bệnh đau, và có quyền năng. Dân Isơrơen chọn tin vào Đức Chúa Trời, nhưng cũng tin những quyền năng khác hành động trên cuộc đời họ, nên họ cũng thờ hình tượng hướng về các thần đó. Vì vậy, Đức Chúa Trời căm giận họ và không chọn họ làm dân sự Ngài (Phục truyền 32:16-24). Đối với Đức Chúa Trời, Trừ phi chúng ta tin trọn vẹn nơi Đức Chúa Trời, thì chúng ta không thực sự Ngài chi cả. Chúng ta sẽ không gì khác hơn dân Isơrơen nếu chúng ta vừa tin Chúa vừa công nhận có những quyền năng ngoài Đức Chúa Trời ra hay chúng ta trong cây và tài năng của thầy cúng trong cuộc sống. Câu chuyện về lịch sử thờ hình tượng của Isơrơen vừa dài và thất vọng là bài học cho chúng ta. Chúng ta đừng nên đi theo hay học hỏi cách tin tưởng của những anh em như thế.

“Sự sáng và sự tối có thông đồng nhau được chăng? Có thể nào hiệp đền thờ Đức Chúa Trời với hình tượng được sao? Vì chúng ta là đền thờ của Đức Chúa Trời hằng sống.... Hãy ra khỏi giữa chúng nó, hãy phân rẽ ra khỏi chúng nó... Ta sẽ làm Cha các người, và các người làm con trai, con gái ta, Chúa toàn năng phán như vậy” (2 Côrintô 6:14-17)

Nếu chúng ta thực sự cố gắng và hy sinh để tránh xa những điều như vậy, thì chúng ta tin chắc chắn rằng chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời. Theo lẽ tự nhiên, cha chăm lo con mình khi nó đau. Vậy có khó khăn để củng cố đức tin và tin rằng Cha trên trời chăm lo chúng ta hơn thế nữa?

Thực tế, thầy pháp chỉ có ảnh hưởng đối với những ai tin vào họ. Tương tự, ai có mất đi người thân thường đi gặp ông/bà đồng bóng hay thầy pháp và cầu họ giúp tìm gặp người chết. Bà đồng sẽ bảo họ nhắm mắt

lại và tưởng tượng ra khuôn mặt của người chết thật kỹ. Người cầu có thể nhìn kỹ vào bức hình của người chết để họ nhớ lại rõ hơn. Bà đồng có thể đoán ý tưởng của người cầu cộng với chút phóng đại rồi bắt đầu nói người chết có vẻ thật để mà người cầu cảm thấy thuyết phục, nghĩ rằng bà đồng nhìn thấy người chết còn sống. Hãy để ý, không có bằng chứng rõ ràng cho thấy người chết còn sống. Nhưng người cầu không tin hay nghe theo, thì không mang lại kết quả nào.

Thầy pháp người thường giải vua Pharaoh và Nebuchadnezzar giấc mơ của họ không chịu trách nhiệm về lời của họ trừ phi họ thành công hợp lý. Rõ ràng họ sử dụng kỹ xảo đọc ý tưởng người khác rất nhiều. Tuy nhiên, khi Đức Chúa Trời can thiệp cuộc đời của người cầu mà thầy pháp giúp đỡ như Đức Chúa Trời can thiệp cuộc đời của Pharaoh và Nebuchadnezzar, thì họ trở nên bất lực. Tương tự, Balak tin quyền phép của Balaam rửa xả con người-Balak dùng nhiều tiền để trả công cho Balaam, vì họ tin Balaam biết được chuyện quá khứ rằng “kẻ nào người rửa xả, thì bị rửa xả” (Dân số 22:6). Nhưng Balaam, người chẳng khác thầy pháp, nhận thấy năng lực bình thường của mình xuất đi khi người đối mặt với dân Isơren. Rõ ràng, loại người đó không có quyền năng nào khi đối mặt với con cái Chúa, dù họ có tiếng tăm cỡ nào.

Ma thuật trong kinh thánh ?

Ý nghĩa thực tế của câu này là nếu chúng ta bị cám dỗ để gặp thầy mo/lang băm, thì chúng ta phải tin tuyệt đối nơi Ngài. Chúng ta sẽ không đạt điều gì tốt đẹp nếu chúng ta tin vào ma thuật; thầy mo cũng vậy. Tin cậy vào thầy mo, dựa vào quyền năng của họ nghĩa là chúng ta không tin cậy vào quyền năng của Chúa. Nếu chúng tin lời chép về Pharaoh, Balak và Nebuchadnezzar đề cập ở phần trên, thì chúng ta sẽ không thể gặp thầy lang với tin tưởng họ sẽ ảnh hưởng cuộc đời chúng ta. Những thí dụ đã xem xét cho thấy rằng ma thuật không thể hơn quyền năng Chúa như chúng ta đã biết qua sự gọi đến của Chúa và phép baptem.

Phaolô gọi ma thuật là “việc làm của xác thịt”, dị giáo (giáo lí không chính thống), ngoại tình và khiêu dâm (Galati 5:19-21). Ông nói: “Ta

giảng cho anh em như ta từng nói trước kia; là điều ông thường nhấn mạnh, ai là điều như vậy sẽ không vào nước Chúa đâu. Trong luật Mose cũng dạy như thế, ma thuật hay đồng bóng và những người đem con cái mình qua lửa đều bị giết ngay (Phục truyền 18:10,11; Xuất hành 22:18). Ai đem con mình qua lửa không phải là phù thủy thực- thầy pháp và kẻ thờ hình tượng dạy rằng để chống lại ma lực của tội lỗi, thì con cái của họ cần phải đem qua lửa thì sẽ được an toàn. Như vậy, chúng ta thấy rằng người thầy pháp và người cần đến họ phải bị giết; trong lời giao ước mới hình phạt cho việc làm như thế là không được vào nước Chúa.

Dùng ma thuật làm phương tiện lừa bịp cho cá nhân là việc làm Đức Chúa Trời không muốn. Mọi vấn đề, chúng ta cần phải nhìn Chúa làm cuộc đời chúng ta, chúng ta phải tự hỏi chính mình cách nghiêm túc: “Chúa thực sự muốn chúng ta làm điều này không? Khi tôi làm điều này Chúa bên cạnh tôi không?. Sự lên án ma thuật của Đức Chúa Trời, tôi nghĩ rằng câu trả lời thẳng thắn là không, Đức Chúa Trời không muốn chúng ta làm vậy. Samuel gọi ma thuật là “sự nghịch” với lời Đức Chúa Trời (tiếng Do thái gọi là “hành động khiêu khích” (1 Samuên 15:23). Khi khiêu khích Đức Chúa Trời, Dân Isơrơen đã tin vào thần tượng và đồng bóng (Phục truyền 32:16-19), hoàn không thể nghĩ ra. Đức Chúa Trời nhấn mạnh Ngài muốn Isơrơen đánh đuổi dân Canaan vì họ tin và ma thuật, là điều gớm ghiếc trước mặt Chúa; song họ vẫn cùng nhau đeo đuổi (Phục truyền 18:9-14). Chúng ta là người dự phần trong lời hứa dân Isơrơen, là người tín đồ chịu phép báptem, chúng ta đừng làm những việc mà người đời bên ta làm không đúng, nếu không chúng khó thể nào vào nước của Đức Chúa Trời. Nếu cho rằng chúng ta không dùng ma thuật, thầy mo dùng mà, thì ta không có tội là điều hoàn toàn không đúng. Nếu chúng ta hy vọng tác động của ma thuật khó lòng có ảnh hưởng đối với chúng ta, thì chúng ta sẽ dễ dàng vượt qua sự thu hút của nó.

Nhờ ơn phước của Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ vượt qua những ngày khó khăn tới, tất cả hướng đến nước của sự sáng, lẽ thật và vinh hiển.

“vì họ không tin vào tình yêu của lễ thật để được cứu... nên Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ sự ảo giác/sự thất vọng, họ sẽ tin vào sự dối trá... nhưng chúng tôi luôn hết lòng tạ ơn Chúa luôn luôn vì anh em, anh em yêu dấu của Đức Chúa Trời... hỡi anh em, hãy đứng vững, nắm bắt những điều đã khuyên bảo anh em, bằng lời hay bằng thư. Bây giờ, Chúa Jesus và Đức Chúa Trời, cha chúng ta yêu thương chúng ta, yên ủi chúng ta luôn và trông cậy, ban ơn phước, yên ủi tâm hồn và làm anh em vững lòng tự tin trong ăn nói và công việc (2 Tesalônica 2:10-17).

Bài đọc thêm 18: Điều gì đã xảy ra trong vườn Eden?

Sáng thế 3:4-5: “con rắn nói cùng người nữ, người sẽ không chết: vì Đức Chúa Trời biết chắc rằng ngay khi người ăn vào, mắt người sẽ mở, người sẽ bằng Đức Chúa Trời, biết điều thiện và điều ác”.

Lời giải thích chung: Cho rằng con rắn ở đây là thiên sứ phạm tội, gọi là Satan là không đúng và bị đuổi ra khỏi thiên đàng vì tội lỗi, người đến thế gian và quyến dụ Eve phạm tội.

Lời Bình:

1. Đoạn này nói về “con rắn”. Chữ “Satan” và “ma quỷ” không hề đề cập trong sách Sáng thế. Đối chúng ta, con rắn là thực, bò bằng bụng, là bằng chứng con rắn trong vườn Eden là loài rắn theo nghĩa gốc/nghĩa bình thường. Những người tin theo cách khác thì cho rằng hễ khi nào họ nhìn thấy rắn, tức là Satan.
2. Con rắn chưa bao giờ được nói là thiên sứ.
3. Không gì phải ngạc nhiên khi Sáng thế ký không hề nói đến ai đó bị đuổi ra khỏi thiên đàng.
4. Tội lỗi sinh ra sự chết (Rôma 6:23). Thiên sứ không thể chết (Luca 20:35-36), nên thiên sứ không thể phạm tội. Phần thưởng cho sự công bình tương đương với các thiên sứ không thể chết (Luca 20:35-

- 36). Nếu thiên sứ phạm tội, thì người công bình có thể sẽ phạm tội và sẽ chết, tức họ không thể hưởng sự sống đời đời.
5. Những người liên quan trong Sáng thế ghi lại sự sa ngã của con người là Đức Chúa Trời, Adam, Eve và con rắn ngoài ra không còn ai khác. Không có bằng chứng nào cho thấy có gì đó ở bên trong con rắn ép nó làm. Phaolô giảng con rắn “nhưng tôi ngại rằng khi xưa Eve bị cám dỗ bởi mưu chước con rắn kia” (2 Côrintô 11, 3). Đức Chúa Trời bảo con rắn: “vì ngươi làm điều này...” (sáng thế 3:14). Nếu Satan dùng con rắn, thì tại sao nó không được nói đến và tại sao không chịu phạt?
 6. Adam đổ lỗi Eve khi phạm tội: “người nữ cho tôi trái cây đó”(sáng thế 3:12). Eve đổ lỗi con rắn: “con rắn dụ dỗ/đánh lừa tôi, nên tôi ăn”(sáng thế 3:13).
 7. Nếu cho rằng ngày nay con rắn không thể nói và lý giải giống con rắn trong vườn Eden, hãy nhớ:
 - a) con lừa được khiến biết nói và lý giải với người (Balaam): “bởi có một con vật câm nói tiếng người ta, mà ngăn cấm sự điên cuồng của người tiên tri đó. (2 Phiơơ 2:16).
 - b) Con rắn là một trong những loài động vật thông minh nhất” (Sáng thế 3:1). Lời nguyên rủa trên nó có thể làm mất đi khả năng mà nó nói chuyện cùng Adam và Eve.
 8. Đức Chúa Trời đã tạo ra con rắn (sáng thế 3:1); một loài khác gọi là “Satan” đã không biến thành con rắn; nếu chúng ta tin điều này, tức chúng ta có thể nói rằng ai đó có thể vào cuộc đời của người nào đó và điều khiển người đó. Đây là ý tưởng của người thờ hình tượng, không phải từ kinh thánh. Nếu nói rằng Đức Chúa Trời lẽ ra đừng tạo ra con rắn vì tội lỗi của nó, nó dụ dỗ Adam và Eve phạm tội. Hãy nhớ rằng, tội lỗi vào thế gian từ con người (Rôma 5:12); con rắn là vô luân (không căn cứ trên tiêu chuẩn đạo đức), tức c nói theo khả năng quan sát tự nhiên của nó, và không thể chịu trách nhiệm trước Chúa, nên không phạm tội.

Một số người gợi ý rằng con rắn trong sáng thế 3 liên hệ đến các thiên thần. Tuy nhiên, từ Do thái thông thường “con rắn”, dùng trong sáng thế

3, hoàn toàn không liên quan đến từ “các thiên sứ”. Từ Do thái dịch “các thiên thần” cơ bản là “vật lửa” và được dịch “con rắn lửa” trong dân số 21:8, nhưng đây không phải là từ được dịch “con rắn” trong sáng thế 3. Từ Do thái “đồng thau” cùng gốc từ “con rắn” trong sáng thế 3. Đồng thau tượng trưng tội lỗi (các quan 16:21; 2 Samuen 3:34; 2 Các vua 25:7; 2 Sử ký 33:11; 36:6), do vậy con rắn có thể liên quan đến tội lỗi, nhưng không là thiên sứ phạm tội.

Lời giải thích gợi ý, đoạn sau viết:

1. không có lý do nào để hoài nghi những chương đầu của sáng thế nên hiểu theo nghĩa đen/gốc về những gì chúng ta được biết về sự sáng tạo và sa ngã của con người. “con rắn” là con rắn bình thường. Vấn đề, ngày nay chúng ta thấy rắn bò bằng bụng hầu ứng nghiệm lời nguyên trên con rắn ban đầu (sáng thế 3:14), chứng minh điều này. Tương tự, chúng ta thấy người nam và người nữ chịu cực khổ khi bị nguyên rủa từ sáng thế. Chúng ta có thể hiểu Adam và Eve là người nam và người nữ như ngày nay chúng ta có nam và nữ, nhưng hưởng một hình thức tồn tại tốt hơn, cho nên con rắn xưa là loài có thực dù nó hoàn toàn thông minh hơn hẳn rắn ngày nay.
2. Sau đây là những gợi ý thêm cho các chương đầu của sáng thế cũng nên hiểu theo nghĩa gốc:
 - Chúa Jesus liên hệ lời ghi chép về sáng tạo Adam và Eve làm cơ sở cho việc truyền giảng của Ngài về hôn nhân và ly dị (Mathiơ 19:5-6); ở đây không có gợi ý cho thấy Ngài hiểu theo nghĩa bóng.
 - “vì Adam được tạo trước, rồi Eve. Adam không bị cám lừa(bởi con rắn), nhưng Eve mắc lừa đã phạm tội” (1 Timôthê 2:13-14)- Phaolô cũng vậy, hiểu theo nghĩa gốc. Và quan trọng nhất, ông viết “con rắn dụ dỗ Eve vì nó ranh ma”(2 Côrintô 11:3)- hãy để ý Phaolô không đề cập “ma quỷ” dụ dỗ Eve.
 - Có bằng chứng nào cho thấy lời chép sự sáng tạo và sa ngã nên hiểu theo nghĩa bóng? Thế được tạo trong 6 ngày theo sáng thế 1. Rằng sự sáng tạo và sa ngã là các ngày với 24 giờ cho thấy rằng mọi vật được tạo vào các ngày khác nhau không thể tồn tại hữu ích cho nhau trong hình thái của nó trong nhiều ngày sáng tạo. Rằng sự sáng tạo

và sa ngã không là 1.000 năm hay lâu hơn được chứng minh bởi vấn đề Adam được tạo vào ngày thứ sáu, nhưng chết sau ngày thứ 7 ở tuổi 930 (Sáng thế 5:5). Nếu ngày thứ 7 là khoảng thời gian 1.000 năm thì Adam có lẽ là sống nhiều tuổi hơn thế.

- Các bằng chứng về ngày sáng tạo cũng có thể tìm trong luật Sabat sách Xuất hành 20:10,11. Luật Sabat có 24 giờ nghỉ ngơi vì Đức Chúa Trời nghỉ ngơi vào ngày thứ 7, vì đã làm trong 6 ngày (dân Isơrơden làm việc và giữ lễ Sabat). Cây cối được tạo vào ngày thứ 2 có lẽ dựa vào loài ong,... được tạo vào ngày thứ 6. Một khoảng trống giữa sự sáng tạo là không phù hợp.
- 3. vì rắn bị rửa sả nên phải bò bằng bụng (sáng thế 3:14), điều này muốn nói rằng ngày trước nó có chân, có khả năng lý giải, nó có thể trong hình dạng loài động vật gần gũi với con người mặt dù nó vẫn là loài vật- một loài vật mà Đức Chúa Trời đã tạo” (Sáng thế 3:1,14).
- 4. Có lẽ con rắn ăn trái của sự hiểu biết, giải thích sự tinh ranh của nó. Eve “thấy trái thì... trái làm cho con người khôn” (sáng thế 3:6). Làm cách nào Eve thấy điều này trừ phi Eve nhìn thấy kết quả do ăn trái trong sự sống của cái gì đó cũng như vậy? Có thể Eve đã nói chuyện với rắn khá lâu trước câu chuyện được chép trong sáng thế 3. Lời đầu tiên chéo về con rắn và Eve: “này, có phải Đức Chúa Trời đã nói...” (sáng thế 3:1)- từ “này” có thể ngụ ý đó là sự kéo dài của câu chuyện hôm trước không ghi vào.

Bài đọc thêm 19: Lucifer – Quỷ Sứ

Esai 14:12-14: “Hỡi sao mai, con trai của sáng sớm kia, sao ngươi từ trời sa xuống ! Hỡi kẻ giày đạp các nước kia, ngươi bị chặt xuống đất là thế nào! Ngươi vẫn bụng dạ bảo rằng: Ta sẽ lên trời, sẽ nhắc ngai ta lên trên các ngôi sao Đức Chúa Trời: Ta sẽ ngồi trên núi hội về cuối cùng phương bắc: Ta sẽ lên trên cao những đám mây, Ta sẽ trở nên Đấng rất cao.”

Lời giải thích phổ biến:

Người ta cho rằng Lucifer là thiên thần có quyền năng phạm tội trong thời Adam và bị đuổi đến thế gian, và quấy rối con dân Chúa.

Lời bình:

1. Từ “ma quỷ”, “Satan”, “thiên sứ” không hề nói đến trong chương này. Đây là đoạn duy nhất trong kinh thánh có chép từ Lucifer.
2. Không có bằng chứng nào cho thấy Esai 14 mô tả điều gì đó xảy ra trong vườn Eden; nếu có, thì tại sao chúng ta có 3.000 năm từ thời sáng thế trước khi được báo điều thực sự sẽ xảy ra ở đó?
3. Lucifer được mô tả như thể giun bao phủ và bị con người khinh khi vì người không còn quyền năng nữa sau khi bị đuổi ra khỏi thiên đàng; vì vậy không có minh chứng nào để nghĩ rằng Lucifer đang ở thế gian làm người tín đồ lầm lạc.
4. Tại sao Lucifer bị hình phạt vì có chép, “ta sẽ lên trời”, nếu người đã có ở đó rồi?
5. Lucifer mục nát trong mồ người: “sự sang trọng với tiếng đồn cầm của người đều xuống nơi âm phủ. Một dòi làm nệm cho người, sâu bọ thì làm mền! Vì rằng thiên sứ không thể chết (Luca 20:35-36), nên Lucifer không thể là thiên sứ; ngôn từ trở nên thích hợp hơn đối với con người.
6. Câu 13 và 14 có mối liên hệ 2 Tesalônica 2:3-4, về con người tội lỗi- nên Lucifer nói về người khác- không là thiên sứ.

Lời giải thích gợi ý:

1. Bản dịch mới, và những ấn bản hiện đại khác đã trình bày đoạn Esai 13-23 là những khó khăn của nhiều nước, ví dụ Babylon, Tyre, Ai cập. Esai 14:4 trình bày hoàn cảnh của các câu chúng ta đang xem xét: “người sẽ dùng lời thí dụ này nói về vua Babylon rằng: sao kẻ bạo ngược đã tiệt đi, thành ỨC HIẾP ĐÃ ĐỨT ĐI...”. Lời tiên tri nói về vua babylon gọi là Lucifer. Khi sa ngã: “những kẻ thấy người sẽ ngó chăm người; và nhìn người cách ý tứ mà rằng: có phải người này là kẻ đã làm rung rinh đất, lay động các nước...” (câu 16). Do vậy, Lucifer nói rõ là người.

2. Vì Lucifer là vua con người, “mọi vua các nước... sẽ nói và bảo người, “kia người cũng yếu đuối như chúng ta ư! (câu 9-10). Lucifer là vua cũng như các vua khác thôi.
3. Câu 20 chép dòng dõi Lucifer sẽ bị diệt. Câu 22 chép dòng dõi Babylon sẽ bị diệt, như nhau. Lucifer mong muốn lên thiên đàng, và Babylon cũng thế (Giêrêmi 51:53); “vì sự phán xét nó thấu đến tận trời và lên tận vòng khung”(Giêrêmi 51:9).
4. Hãy nhớ đây là “thí dụ về vua Babylon”. Lucifer nghĩa là “saomai”, là vì sao sáng nhất. Trong thí dụ này, vì sao quyết định lên trời cao... lên rất cao hơn vì sao khác” (câu 13). Vì điều này, vì sao bị đuổi đến trần gian. Vì sao tượng trưng vua Babylon. Chương 4 Danien giải thích vua Babylon Nebuchadnezzar kêu căng thâm dò các nước lớn người đã dựng, cho rằng người đã chinh phục các nước bằng sức mạnh của mình, không phải vì Chúa làm cho ông thành công. “sự kêu căn người sẽ bị nhấn chìm, biết đến tận trời” (câu 22). Vì điều này “người đã bị đuổi khỏi loài người, ăn cỏ của bò, thân mình ước đắm vì sương giá, tóc mình bị nhấn chìm như lông chim ưng, móng tay người như vuốt chim”. Sự khiêm nhường bất ngờ của một trong số quyền lực bậc nhất trong thế gian trong sự điên cuồng là một sự kiện gây ấn tượng để nói về thí dụ sự sa ngã của sao mai từ trời xuống thế gian. Vì là biểu tượng về người quyền lực ví dụ sáng thế 37:9; Esai 13:10 (thì nói về vua Babylon); Ezechien 32:7 (thì nói về vua Aicập); Danien 8:10 so sánh câu 24. Lên trời và sa ngã xuống trần gian là thành ngữ kinh thánh thường được dùng để nói lên tính tự cao hay tính khiêm nhường- xem Gióp20:6; Giêrêmi 51:53 (thì nói về Babylon); Ca thương 2:1; Mathiơ 11:23 (thì nói về Capernaum): “người, Capernaum, được đem lên trời cao, sẽ bị đem xuống địa ngục”.
5. Câu 17 kết tội Lucifer làm thế gian hoang tàn, hủy diệt thành ở đó; đừng thả phụ tù trở về nhà họ... nơi mà làm cho đầy thành người”... “chiết lấy vàng. Đây là lời mô tả sách lược quân sự của Babylon- muốn sang bằng cả thành (như họ từng làm thành Giêrusalem), đem tù nhân đi nơi khác/đi đây và không cho trở về quê hương (như họ đã từng làm đối người Dothái), dựng thành mới, lấy vàng cống hiến

- từ dân tộc họ hà hiếp. Do vậy, cần nhấn mạnh rằng Lucifer sẽ không đem chôn cất những vật ấy như các vua khác từng làm, ngụ ý người chỉ là con người như họ, thân thể cũng được chôn cất mà thôi.
6. Câu 12 chép Lucifer phải bị “chặt bỏ tận gốc”, ngụ ý người là cây. Điều này cung cấp thêm mối liên hệ sách Danien 4:8-16 khi vua Nebuchadnezzar và Babylon bị xem như cây bị đốn ngã.
 7. Babylon và Assyria là những cụm từ được thay thế nhau trong sách tiên tri, do vậy nói về sự suy tàn hay tiêu vong của vua Babylon, câu 25 chép “Ta sẽ đập tan dân Assyria...”. Tiên tri về Babylon trong Esai 47 được chép nhiều lần nói về Assyria trong Nahemi 3:3-5, 18 và Zepheni 2:13, 15; và 2 Sử ký 33:11 chép vua Assyria bắt Manasseh làm nô lệ sứ Babylon-cho thấy cách dùng từ có thể hoán chuyển cho nhau. Amốt 5:27 chép Isơrơen phải bị làm kiếp nô lệ ở tận Damascus” ví dụ ở Assyria, nhưng Stephen trích lời “tận Babylon” (Công vụ 7:43). Ezra 6:1 mô tả vua Babylon Darius ra lệnh cho phép dựng lại đền thờ. Dân Do thái ngợi khen Đức Chúa Trời vì làm thay lòng /ý nghĩ vua Assyria (Ezra 6:22), cho biết lời này là những từ có thể chuyển đổi cho nhau. Tiên tri Esai 14 và các chương khác rất phù hợp với nhau khi mô tả sự xâm lược của Assyria do Sennacherib dưới triều vua Hezekiah cầm đầu. Câu 25 mô tả sự sụp đổ của Assyria. Câu 13 thì dễ hiểu hơn nếu nói đến xứ Assyria phạm thượng bao vây thành Giesusalem, giành lấy đền thờ cho thần của họ. Vị vua Assyria đầu tiên, Tilgath-Pilneser, cũng đã làm như thế (2 Sử ký 28:20, 21); Esai 14:13: “vì người nói trong lòng người, ta sẽ lên trời... (tượng trưng đền thờ và liêu tàm- 1 các vua 8:30; 2 Sử ký 30:27; Thithiên 20:2, 6; 11:4; Hebơơ 7:26). Ta sẽ ngự trên nhà hội núi (núi Zion) ở phía bắc” (Gierusalem-thithiên 48:1, 2)
 8. Do vậy, cần hiểu rằng “Ta sẽ lên trời” là cách cường điệu như trong 1 Samuen 5:12; 2 Sử ký 28:9; Ezra 9:6; thithiên 107:26.

Bài đọc thêm 20: Chúa Jesus trước sự cám dỗ

“Mathiơ 4:1-11: “bấy giờ chúa thánh linh đưa Chúa Jesus đến nơi đồng vắng, để chịu ma quỷ cám dỗ. Ngài đã kiêng ăn 40 ngày và đêm, sau thì đói. Quỷ cám dỗ đến gần Ngài, mà nói rằng: Nếu người phải là Con Đức Chúa Trời, thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi. Đức Chúa Jesus đáp: có lời chép rằng: người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời. Ma quỷ bèn đem Ngài vào nơi thành thánh, đặt Ngài trên nóc đền thờ, và nói rằng: Nếu người phải là Con Đức Chúa Trời, thì hãy gieo mình xuống đi; vì có lời chép rằng Chúa sẽ truyền các thiên sứ gìn giữ Người, thì các Đấng ấy sẽ nâng người trong tay, kéo chân người vấp nhằm đá chẳng. Đức Chúa Jesus phán: cũng có lời chép rằng: người đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời. Ma quỷ lại đem Ngài lên trên núi rất cao, chỉ cho Ngài các nước thế gian, cùng sự vinh hiển các nước ấy; mà nói rằng: “ví bằng Người sắp mình trước mặt ta mà thờ lạy, thì ta sẽ cho người hết thấy mọi sự này. Đức Chúa Jesus bèn phán cùng họ rằng: “Hỡi quỷ Satan người hãy lui ra! Vì có lời chép rằng: Người phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời Người, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi. Ma quỷ bèn bỏ đi, liền có thiên sứ liền đến hầu việc Ngài.”

Lời giải thích phổ biến:

Đoạn kinh đề cập câu chuyện nói về ma quỷ cám dỗ Chúa Jesus phạm tội, đưa ra một vấn đề và đưa Chúa vào tình huống cám dỗ.

Lời bình:

1. Chúa Jesus chịu cám dỗ trong mọi việc như chúng ta”(Hebơơ 4:15), và “mỗi người bị cám dỗ khi mắc tư dục xúi dục mình”(Gia cơ 1:14). Chúng ta bị cám dỗ bởi “ma quỷ” của tư dục và ham muốn tội lỗi, Chúa Jesus cũng vậy. Chúng ta không bị cám dỗ sự xấu ngay bên cạnh chúng ta, thôi thúc chúng ta phạm tội-tội lỗi và cám dỗ xuất phát từ “bên trong, từ lòng người mà ra những ác tưởng” (Mac 7:21).
2. Sự cám dỗ không thể hiểu theo nghĩa gốc:

- Mathiơ 4:8 ngụ ý rằng Chúa Jesus bị đưa lên núi cao để nhìn thấy các nước thế gian, cùng sự vinh hiển các nước ấy “trong giây phút”(Luca 4:5). Không có ngọn núi nào cao để có thể nhìn thấy cả thế gian. Và tại sao độ cao của ngọn núi làm Chúa Jeus có thể thấy cả thế gian? Trái đất hiện là khối cầu, không có điểm nào trên bề mặt của nó từ đó làm cho ta nhìn thấy thế gian bất cứ lúc nào.
- So sánh Mathiơ 4 và Luca 4 cho thấy sự cám dỗ được mô tả theo thứ tự khác nhau. Mac 1:13 chép rằng Chúa Jesus ở nơi đồng vắng chịu quỷ Satan cám dỗ 40 ngày”, trong khi Mathiơ 4:2-3 chép “khi Ngài kiêng ăn 40 ngày... quỷ cám dỗ đến gần Ngài...”. Luca 4:13 chép “ma quỷ dùng hết cách cám dỗ Ngài rồi, bèn tạm lìa Ngài; Mathiơ 4:11 chép “Ma quỷ bèn bỏ đi, liền có thiên sứ đến gần mà hầu việc Ngài. Vì kinh thánh tự nó không thể mâu thuẫn, chúng ta có thể kết luận sự cám dỗ như thế cứ lặp đi lặp lại theo thứ tự khác nhau. Cám dỗ làm biến đổi đá thành bánh mì là một ví dụ cụ thể. Điều này sẽ phù hợp hết sức thú vị nếu sự cám dỗ này xảy ra trong trí óc của Chúa Jesus. Với bản chất chúng ta, khi thiếu thức ăn sẽ ảnh hưởng đến trí óc và cơ thể chúng ta, và do vậy đầu óc Chúa có lẽ sẽ dễ dàng tưởng tượng nhiều thứ. Chỉ vài ngày không ăn có thể gây ra tình trạng nói sảng (so sánh 1 Samuen 30:12). Sự tương tự giữa ổ bánh và viên đá được Chúa Jeus đề cập trong Mathiơ 7:9, và rõ ràng những hình ảnh này thường hỗn loạn trong đầu óc giằng vật của Ngài- mặt dù luôn được kiểm soát bởi nhận được lời của Đức Chúa Trời.
- Có thể Chúa Jesus bảo người chép phúc âm ghi nhận sự cám dỗ của Ngài, và để kể lại bằng lời quá trình căng thẳng Ngài trải qua, Ngài có lẽ dùng phương pháp theo nghĩa bóng, xem Mathiơ 4 và Luca 4.
- Ma quỷ khó thể dẫn Ngài qua đồng vắng và đường phố Giêrusalem và họ leo lên nóc đền thờ trước sự ngỡ ngàng của người Do thái tò mò. Josephus không ghi chép điều chi như vậy-giả sử điều đó gây ra xáo trộn. Tương tự, nếu sự cám dỗ xảy ra nhiều lần trong 40 ngày cũng như ngày cuối (sự cám dỗ hai lần, phải biết rằng Mathiơ và Luca nhận biết sự cám dỗ theo trình tự khác nhau), Bằng cách nào Chúa Jesus có thời gian đi đến cao gần đó (mà có thể là núi Hermon ở phía bắc

Isơrơen), để trèo lên đỉnh và leo xuống, trở lại đồng vắng, rồi lặp lại việc như thế? Sự cám dỗ của Ngài đều xảy ra trong đồng vắng, nên Chúa Jesus không thể rời đồng vắng để đến Giêrusalem hay đến núi cao. Do vậy, những chuyện này không thể xảy ra theo nghĩa gốc của từ.

- Nếu ma quỷ là người thật, người không tôn kính lời Đức Chúa Trời và thích làm người khác phạm tội, thì tại sao Chúa Jesus trích lời kinh thánh để thắng quỷ? Theo quan điểm chung, đây không phải là đuổi quỷ đi. Hãy để ý Chúa Jesus trích kinh thánh mỗi lần. Nếu quỷ là ham muốn tội lỗi trong lòng Chúa Jesus, thì có thể hiểu rằng vì có lời của Đức Chúa Trời trong lòng Ngài và nhắc nhở chính mình trước cám dỗ, Ngài vượt qua ham muốn xấu xa đó. Thi thiên 119:11 hết sức phù hợp và tiên tri về sự thử thách của Chúa trong đồng vắng: “Tôi đã giấu lời Chúa trong lòng tôi, để tôi không phạm tội cùng Chúa”.
- Mathiơ 4:1 chép rằng Chúa Jesus được Đức thánh linh đưa đến đồng vắng để chịu ma quỷ cám dỗ”. Đây là thánh linh của Đức Chúa Trời ngự trên Ngài (Mathiơ 3:16). Thật là một điều kỳ lạ vì thánh linh của Đức Chúa Trời dẫn Chúa Jesus vào đồng vắng để mà Ngài bị cám dỗ bởi người siêu phàm, là kẻ nghịch với Đức Chúa Trời.

Lời giải thích gợi ý:

1. khi Chúa Jesus chịu phép báptem ở sông Jordan bởi Giăng, Ngài nhận quyền năng của thánh linh (Mathiơ 3:16). Ngay khi Ngài ra khỏi nước, Ngài bị đưa đến đồng vắng chịu cám dỗ. Biết rằng Ngài đã có quyền năng của thánh linh to biến đá thành bánh, ra khỏi ngôi nhà mà không hề bị tổn thương... sự cám dỗ này hẳn đã giăng vạt trong tâm trí Ngài. Nếu có ai đó gợi ý điều này với Chúa Jesus thì Ngài biết rằng người đó phạm tội, rồi sự cám dỗ trở nên ít xảo quyệt hơn nếu sự cám dỗ xuất phát từ tâm trí của Chúa Jesus.
2. Sự cám dỗ để có nước thế gian cho mình hẳn là quyền năng hơn nếu sự cám dỗ xuất phát từ bên trong Chúa Jesus. Tâm trí Chúa Jesus hẳn đã đầy dẫy thánh linh và trạng thái mệt mỏi của tâm trí do

kiêng ăn, thì có khuynh hướng làm lệch lạc đoạn kinh là cho Ngài có thể dùng nó đối phó dễ dàng tình huống Ngài gặp phải.

Đứng trên núi cao nhớ lại tiên tri Exechien cho thấy Nước giống như thế núi cao (Exechien 40:2), và Giảng thấy “Giêrusalem thánh” từ “hòn núi lớn và cao” (Khải huyền 21:10). Chúa Jesus thấy nước thế gian thì nước tương lai cũng giống vậy (Luca 4:5), ví dụ trong Nước, khi “Nước của thế gian trở nên là Nước của Chúa, Đấng Christ chúng ta”(Khải huyền 11:15). Có lẽ Ngài đang nghĩ đến Mose lang thang sau 40 năm trong đồng vắng (so sánh 40 ngày của Ngài) nhìn về đất hứa từ đồi Nebo. Trong Danien 4:17,25,32; 5:21 nhấn mạnh Đấng rất cao cai trị nước con người và ban bất cứ ai Ngài thích”; Chúa Jesus hẳn biết rằng chỉ có Đức Chúa Trời, không ai khác có thể ban cho Ngài Nước. Do vậy không thể có sự cám dỗ nếu quái vật hô thần có khả năng ban cho Chúa Jesus Nước/thế gian trong khi Ngài biết rõ chỉ có Đức Chúa Trời mới có quyền đó. Tuy nhiên, Chúa Jesus biết rằng ban cho Cha Ngài ban cho thế gian là sự vui sướng của Đức Chúa Trời. Có thể là “ma quỷ” trong lòng Chúa Jesus làm cho Ngài muốn có thế gian ngay. Ngài hẳn đã lý giải, Đức Chúa Trời đã giao mọi quyền cho Ngài (Giăng 5:26,27), trong khả năng Ngài vừa có quyền năng ban sự sống và lấy lại sự sống (Giăng 10:18) dù mọi quyền năng được giao phó cho Ngài sau khi chết và sự sống lại (Mathiơ 28:18).

3. Nhờ quen thuộc kinh thánh, Đấng Christ hẳn biết sự giống nhau giữa Ngài và tiên tri Eli, tinh thần của ông suy sụp sau 40 ngày trong đồng vắng (1 Các vua 19:8) và Mose không dự cơ nghiệp vùng đất sau 40 năm trong đồng vắng. Chúa Jesus, sau 40 ngày, ở trong tình trạng tương tự như họ-đối mặt khả năng thất bại. Môse và Eli thất bại vì sự yếu đuối của con người- không vì người được gọi “ma quỷ”. Cũng như sự yếu đuối của con người, Satan hay tai họa, cám dỗ Chúa Jesus.
4. “Ma quỷ bảo Ngài rằng, nếu ngươi là Con của Đức Chúa Trời...” (Luca 4:3). Hẳn có sự cám dỗ trong tâm trí của Chúa, và tự hỏi Ngài có thực sự là Con của Đức Chúa Trời, thấy rằng ai đó nghĩ rằng Ngài là con của Giôsep (Luca 3:23; Giăng 6:42) hay không hợp

pháp (vì vậy giảng 9:29 ngụ ý), và lời chép chính thức của hội thánh mô tả Ngài là Con của Giôsép (Mathiơ 1:1,16; Luca 3:23. Ngài là người duy nhất không có Cha là người. Philip 2:8 ngụ ý Chúa Jesus hiểu Ngài chính là người như chúng ta, suy ra có thể Ngài bị cám dỗ không tin mình là Con của Đức Chúa Trời, hay hiểu nhầm bản chất của mình.

5. Đức Chúa Trời kiểm điều khiển sự cám dỗ để dạy dỗ phần thực linh cho Chúa Jesus. Chúa Jesus trích đoạn kinh để thêm sức cho mình chống lại sự ham muốn tội lỗi của mình, đoạn kinh trích từ phục truyền; nói về sự thử thách của Isơơen trong đồng vắng. Chúa Jesus rõ ràng thấy sự liên hệ giữa sự thử thách của mình và của họ.:

Phục truyền 8	Mathiơ 4/Luca 4
“Đức Chúa Trời người dẫn người 40 năm trong đồng vắng để làm người biết khiêm tốn, để thử thách, để hiểu lòng người nghĩ gì, người có giữ lời ta không (câu 2)	“Chúa Jesus bị dẫn bởi thánh linh” 40 ngày” trong “đồng vắng” Chúa Jesus chịu thử cám dỗ. Chúa Jesus đã vượt qua bằng cách trích kinh thánh từ lòng mình (Thithiên 119:11).
“Ngài làm cho người biết khiêm tốn, làm cho người đói, cho người ăn bánh mana... để Ngài làm cho người hiểu rằng con người không chỉ sống nhờ bánh, mà còn bởi lời của Ngài”(câu 3)	“Sau đó Chúa đói”. Giảng 6 Chúa Jesus giải thích bánh mana là bởi lời Chúa mà Ngài sống trong đồng vắng. Chúa Jesus hiểu rằng phần thực linh Ngài sống bởi lời Đức Chúa Trời. “Ngài đáp...Có chép rằng, Con người không chỉ sống nhờ bánh mà còn bởi lời của Đức Chúa Trời.
“người sẽ xem xét	Chúa Jesus nhận biết sự

lòng ta như Cha sửa phạt con mình, thì Đức Chúa Trời cũng sửa phạt người thế ấy” (câu 5)	thử thách mình. Đức Chúa Trời sửa phạt Con Ngài, Jesus- 2 Samuen 7:14; Thithiên 89:32
--	---

Vì vậy, Chúa Jesus cho chúng ta biết cách tìm hiểu và học hỏi lời của Ngài-Ngài tự đặt mình vào vị trí của Isơơen trong đồng vắng, và do vậy học bài học qua kinh nghiệm của họ cho mình bởi sự thử thách trong đồng vắng.

Bài đọc thêm 21: Chiến tranh trên thiên đàng

“Khải huyền 12:7-9: “bấy giờ có một cuộc chiến tranh trên trời: Michen và các sứ người tranh chiến cùng con rồng, rồng cũng cùng các thiên sứ mình tranh chiến lại; song chúng nó không thắng, và chẳng còn thấy nơi chúng nó ở trên trời nữa. Con rồng lớn đó bị quăng xuống, tức là con rắn xưa, gọi là ma quỷ và Satan, đồ dành cả thiên hạ; nó đã bị quăng xuống đất, các thiên sứ nó cũng bị quăng xuống với nó”.

Lời giải thích phổ biến:

Đây là một trong các đoạn kinh thánh được dùng để gợi ý rằng có sự nổi loạn trên thiên đàng giữa các thiên sứ, hậu quả là ma quỷ và thiên sứ nó bị quăng xuống đất trong hình con rắn, họ bắt đầu gây tội lỗi và khó khăn trên đất.

Lời Bình:

1. Những gì chúng ta đã tìm hiểu đến giờ cần phải được nói đến đoạn này. Chúng ta thấy rằng thiên sứ không thể phạm tội và không hề có sự nổi loạn trên trời. Trong đoạn này cần phải được giải thích nào đó để chứng tỏ thiên sứ không thể phạm tội hay là đáng gây cho người làm tội lỗi, phải hiểu rằng tội lỗi trong chúng ta, không phải bên ngoài chúng ta (Mac 7:20-23).

2. Con rắn bị quăng ra khỏi thiên đàng, ngụ ý rằng ban đầu nó ở đó. Nhưng con rắn thật trong vườn Eden được Đức Chúa Trời tạo từ bụi đất (sáng thế 1:24-25). Không có một ngụ ý nào cho thấy ma quỷ từ trời xuống và vào trong con rắn.
3. Hãy lưu ý rằng không có sự liên hệ nào ở đây nói về thiên sứ phạm tội hay chống lại Đức Chúa Trời, mà chỉ là chiến tranh trên thiên đàng. Không hề có khả năng nào cho thấy ai đó đánh với Đức Chúa Trời trên trời: “Không ai có thể chống lại điều ta làm” (Phục truyền 32:39).
4. Sau sự kiện xúc động câu 7-9, câu 10 chép rằng có một tiếng lớn từ trời, bấy giờ sự cứu rỗi và năng lực hiện ra, nước của Đức Chúa Trời, và quyền năng của Đấng Christ: vì kẻ hà hiếp anh em bị quăng xuống vì họ ức hiếp anh em trước mặt Đức Chúa Trời ngày đêm”. Nếu câu 7-9 xảy ra từ buổi sáng thế trước Adam và Eve, thì làm sao người ta nói rằng sau khi satan sa ngã, thì sự cứu rỗi và nước Chúa hiện đến? Sau tội lỗi của Adam, loài người bắt đầu lịch sử buồn, tội tổ của tội lỗi và thất bại- trạng thái hầu như không mô tả là sự cứu rỗi và nước của Đức Chúa Trời. Vì vui mừng rằng ma quỷ bị quăng xuống đất. Tại sao có sự vui mừng nếu Ngài trở lại bắt đầu bằng tội lỗi và tai họa cho con người? Nếu sự sụp đổ từ thiên đàng xuống thế gian được hiểu theo nghĩa bóng, không phải theo nghĩa đen, sự tượng trưng sự sụp đổ quyền lực (như Esai 14:12); Giêrêmi 51:53; Cathương 2;1; Mathiơ:23), những đoạn này giúp hiểu rõ hơn, ý nghĩa hơn. Nếu những điều này xảy ra trước thời Adam, hay ngay trước sự sa ngã của con người, thì làm cách nào ma quỷ hà hiếp anh em chúng ta” trong khi chúng không tồn tại?
5. Không đoạn nào cho thấy tất cả những chuyện xảy ra trong vườn Eden. Điểm quan trọng được chép trong Khải huyền 1:1 và 4:1- rằng Khải huyền là lời tiên tri về những điều sắp xảy ra. Nên không có lời mô tả nào về những điều xảy ra trong vườn Eden, nhưng những lời tiên tri xảy ra lúc nào đó sau thế kỷ thứ nhất khi mà sự mặt Khải là sự ra đời của Chúa Jesus. Bất kỳ ai kính sợ lời Chúa sẽ thấy rằng lời lập luận này ngăn ngừa mọi cố gắng để suy luận Khải huyền 12 đến vườn Eden. Vấn đề được trả lời là tại sao ma quỷ và thông tin về

điều xảy ra trong vườn Eden nên gìn giữ đến phần cuối kinh thánh trước khi được bày tỏ.

6. Con rồng lớn là... con rắn xưa” (khải huyền 12:9). Con rồng có “7 đầu và 10 sừng” (câu 3), nên nghĩa gốc không phải là con rắn. Nó được gọi là “con rắn xưa cho thấy nó có đặc tính của con rắn trong vườn Eden trong ý nghĩa là kẻ lừa dối như con rắn xưa. Tương tự, “cái nọc sự chết là tội lỗi” (1 Côrintô 15:56), nhưng điều đó không có nghĩa là sự chết là con rắn thực. Nó có tính cách của con rắn bởi việc làm của nó với tội lỗi.
7. Ma quỷ bị quăng xuống thế gian và hết sức kêu hãnh vì nó biết nó chỉ có thời gian ngắn ngủi” (9câu 12). Nếu ma quỷ bị quăng xuống vườn Eden, thì nó có cơ hội để hành hạ con người từ bấy lâu nay-mà hầu như chỉ có thời gian ngắn ngủi để tàn phá/phá hoại.
8. Làm cách nào ma quỷ lừa a dối “cả thế gian” (câu 9) trước lúc nó bị quăng khỏi thiên đàng, phải thấy rằng không có một ai trong thế gian trước Adam?
9. Câu 4 chép rằng con rồng đuôi con rồng kéo một phần ba các ngôi sao trên trời đem quăng xuống đất. Nếu câu này hiểu theo nghĩa thực- và Khải huyền 12 phải được hiểu theo nghĩa thực để ủng hộ ý kiến phổ biến-vì kích thước lớn của con rồng- một phần ba vũ trụ (hay hệ mặt trời) có đuôi của rồng. Không có cách nào khác hơn là hành tinh này phải đủ lớn để chứa nổi loài vật lớn như thế nằm trên nó. Hầu hết các vì sao lớn hơn trái đất – làm sao một phần ba nằm trên đất? Người ta ước tính một phần ba các vì sao sẽ chiếm khoảng 5 vạn dặm. đây là đuôi con rắn sẽ dài như thế! Hãy nhớ rằng những điều này đã xảy ra, hay sẽ xảy ra, sau thế kỷ thứ nhất sau công nguyên thì lời tiên tri này xảy ra.
10. Xem xét đoạn này và nhiều đoạn khác trong Khải huyền 12 và (cả phần tiên tri) cho thấy không thể có sự ứng nghiệm bằng nghĩa đen. Không gì ngạc nhiên khi chúng ta được báo đầu tiên trong Khải huyền 1:1 thông điệp đã được dấu báo-ví dụ dùng dấu lạ, biểu tượng. Để nhấn mạnh đoạn Khải huyền 12, Khải huyền 12:1, mô tả theo hành động tuần tự là “dấu lớn”.

11. Xem điều ma quỷ làm khi còn nó còn trên đất, không có lời mô tả nào về nó làm con người phạm tội; quả thật câu 12-16 cho thấy ma quỷ thất bại khi muốn quấy rối trên đất. Điều này mâu thuẫn với lời giải thích phổ biến.
12. Một trong những vấn đề theo chốt khi hiểu đoạn kinh này có ủng hộ quan điểm chiến tranh thực trên trời hay không, có phải “thiên đàng” được chép theo nghĩa đen hay nghĩa bóng. Bài trước chúng ta giải thích thiên đàng có thể nói đến một nơi quyền năng theo nghĩa bóng. Khải huyền hiện là sách chép theo nghĩa bóng, chúng ta hy vọng đây là trường hợp phải xem xét.

Người nữ trong câu 1 “người đàn bà có mặt trời bao bọc, dưới chân có mặt trăng và trên đầu có mào triều thiên bằng 12 ngôi sao”. Những thiên thể cũng như người đàn bà trên trời không thể hiểu theo nghĩa đen. Đàn bà này không thể được mặt trời bao bọc theo nghĩa đen, hay các ngôi sao cỡ bằng quả đất trên đầu bà.

Một dấu khác hiện ra trên trời trong câu 3-con rồng lớn sắc đỏ. Điều này thường hiểu theo nghĩa bóng, nhưng tại sao nó như vậy, nên hiểu rằng thiên đàng được nói trong câu 1 theo nghĩa bóng không? Câu 4 cho thấy con rồng quăng một phần 3 ngôi sao trên trời xuống đất. Chúng ta thấy rằng vì kích thước ngôi sao và quả đất, điều này không thể nói đến ngôi sao thiên đàng theo nghĩa đen. Nước của Đức Chúa Trời sẽ lập trên đất (Danien 2:44; Mathiơ 5:5), sẽ không thể có được nếu đất bị hủy diệt do ngôi sao lớn rơi xuống từ trời.

Người đàn bà trên thiên đàng sanh một con trai,... “đứa trẻ ấy được tiếp lên tới Đức Chúa Trời và nơi ngôi Ngai” (câu 5). Ngai của Chúa trên trời. Nếu người đàn bà có trên trời rồi, thì tại sao con bà phải được cất lên trời làm chi? Người đàn bà hẳn là tượng trưng điều gì đó trên đất mặt dù trên thiên đàng theo nghĩa bóng. Rồi bà trốn vào đồng vắng (câu 6). Nếu bà là đang ở trên thiên đàng theo nghĩa đen, điều này có nghĩa có đồng vắng trên thiên đàng. Ý nghĩa sẽ hợp lý hơn khi hiểu người đàn bà trên thiên đàng theo nghĩa bóng, rồi trốn vào đồng vắng theo nghĩa bóng hoặc nghĩa đen trên đất.

Chúng ta tìm hiểu câu 7-“bấy giờ có cuộc chiến tranh trên trời”. Những câu liên hệ đến thiên đàng trong Khải huyền 12 là nghĩa bóng, đồng thời

khớp với quan điểm chiến tranh trên trời cũng ở nghĩa bóng. Cách hiểu phải như vậy, vì không có cuộc nổi loạn hay tội lỗi nào trên trời ở nghĩa đen (mathiơ 6:10; thi thiên 5:4,5; Habacut 1:13). Quan điểm chung cho rằng thiên sứ tội lỗi bị nhốt chặt trong địa ngục; chúng không có trên thiên đàng. Nên chúng không thể là các thiên sứ ở nghĩa đen.

Người viết hiện tại đôi khi hỏi những người tin vào quan điểm chính thống câu hỏi sau: “anh có thể cho tôi biết sử về ma quỷ trong kinh thánh ngắn gọn, theo lời giải thích đoạn kinh thánh của bạn như thế nào? Lời đáp hết sức mâu thuẫn. Theo lập luận của giáo lý chính thống, câu trả lời đại khái như sau:

- a) ma quỷ là thiên sứ trên thiên đàng bị quăng ra khỏi vườn Eden. Người bị quăng trên đất sáng thế 6
- b) Người đã đến thế gian và lập gia đình sáng thế 6
- c) Trong thời gióp, người đã đến thiên đàng và thế gian
- d) Trong thời Esai người bị quăng khỏi thiên đàng và đến thế gian
- e) Trong Xachari 3 người trở lên thiên đàng
- f) Người trở lại thế gian trong Mathiơ 4

Người bị đuổi khỏi khi Chúa Jesus chết, tức theo quan điểm phổ biến “hoàng tử của thế gian” bị “đuổi”.

- g) Có lời tiên tri về ma quỷ bị “quăng khỏi” trong khả huyền 12
- h) Ma quỷ bị xiềng trong khả huyền 20, nhưng người và thiên sứ nó bị xiềng trong sáng thế, theo quan điểm phổ biến trong Giu đê câu 6. Nếu người bị buộc bởi xiềng xích đời đời thì làm cách nào lại bị xiềng xích trong khả huyền 20?

Từ đây vấn đề trở nên rõ ràng, theo quan điểm phổ biến, ma quỷ bị quăng khỏi vườn Eden phạm tội không thể có thực vì rằng người được mô tả vẫn còn trên trời sau khi bị “đuổi khỏi”. Chúng ta cần phải hiểu rằng thiên đàng và ma quỷ được nói theo nghĩa bóng.

Lời giải thích gợi ý:

1. để cố gắng sắp xếp giải thích chương này đầy đủ là nằm ngoài phạm vi những điểm lưu ý hiện tại của chúng tôi. Giải thích đầy đủ những câu kinh này đòi hỏi sự hiểu biết trọn vẹn khả huyền để giải thích và hiểu theo từng vấn đề.

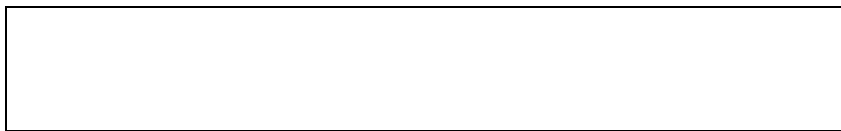
2. Cuộc chiến trên thiên đàng theo nghĩa bóng-ý nói là nơi quyền năng- hẳn là giữa hai phe nhóm quyền lực, mỗi bên có các môn đệ của mình hay thiên sứ. Hãy nhớ rằng chúng ta đã tìm hiểu ma quỷ và Satan thường liên hệ đến hệ thống chế độ Lamã và Do thái giáo.
3. Rằng ma quỷ-rồng đỏ tượng trưng một loại quyền lực chính trị nào đó cũng được cho biết bởi nó “có mào triều trên đầu nó” (câu 3). Khải huyền 17:9,10 cũng nói đến con rồng này: “đầu óc này có sự khôn ngoan”-ý nói đừng cố hiểu động vật này theo nghĩa đen- “7 đầu là 7 ngọn núi”...đây là 7 vị vua”. Một trong những vị vua này “trong thời gian ngắn” có lẽ liên hệ đến con ma quỷ-rồng đỏ “có sự ngắn ngủi” trong Khải huyền 12:12.

Bài 6: Câu hỏi

1. Ai chịu trách nhiệm cuối cùng về những vấn đề và thử thách của chúng ta?
 - a) Đức Chúa Trời
 - b) Sự may rủi
 - c) Một vật có tội gọi là Sa-tan
 - d) Những vật có tội gọi là các ma quỷ
2. Cái gì chịu trách nhiệm về sự cám dỗ chúng ta phải mắc tội?
 - a) Bản thân bản chất con người của chúng ta
 - b) Đức Chúa Trời
 - c) Những ác thần
 - d) Một vật có tội gọi là sa-tan
3. Từ “ma quỷ” có nghĩa gì?
 - a) Tội lỗi
 - b) Con rắn
 - c) Kẻ nói xấu
 - d) Ma vương
4. Từ “sa-tan” có nghĩa gì?
 - a) Người có tội
 - b) Loài thú
 - c) Kẻ thù
 - d) Vua của các quỷ
5. Từ “Satan” có thể ám chỉ người tốt được không?
6. Nói một cách bóng bẩy, (sa-tan) và (ma quỷ) có thể liên quan đến cái gì?
 - a) Tội lỗi và sự cám dỗ
 - b) Các lực lượng hùng ác trong vũ trụ bên ngoài
 - c) Con rồng
7. Chúng ta nên hiểu (quỷ) như thế nào, dựa vào Kinh Tân ước?
 - a) Những thiên sứ có tội
 - b) Các bệnh
 - c) Cách nói thông thường về những bệnh mà, theo người ta, do (quỷ) gây ra
 - d) Những nhân vật thần linh
8. Anh /em hiểu gì về con Rắn trong vườn Eden?

BÀI 7

**GIA PHẢ CỦA CHÚA
JESUS**



7.1 Những lời tiên tri về Đức Chúa Jêsus trong Kinh Cựu ước

Bài 3 đã giải thích mục tiêu của Đức Chúa Trời cứu rỗi loài người tập trung xung quanh Đức Chúa Jêsus-Christ như thế nào. Tất cả những lời hứa của Ngài cho Ê-va, Áp-ra-ham và Đa-vít đã nói về Đức Chúa Jêsus như là một người nối dõi của họ theo nghĩa đúng của từ. Thực vậy, toàn bộ Kinh Cựu ước lưu ý và tiên tri về Đấng Christ. Luật pháp Môi-se, mà dân Y-sơ-ra-ên phải tuân theo thời trước Đấng Christ, luôn luôn hướng sự chú ý vào Đức Chúa Jêsus: “Luật pháp đã như thầy giáo dạy dẫn chúng ta đến Đấng Christ” (Galati 3:24). Vậy, vào lễ Vượt qua, phải giết một con chiên con trong trạng thái rất tốt (Xuấthành 12:3-6); điều đó đã tượng trưng cho sự hy sinh của Đức Chúa Jêsus, “Chiên Con của Đức Chúa Trời, là Đấng cất tội lỗi thế gian” (Giăng 1:29; 1 Côrintô 5:7). Trạng thái tuyệt vời của tất cả những con vật tế lễ đã lưu ý đến tính nét trọn vẹn của Đức Chúa Jêsus (Xuấthành 12:5 so sách 1 Phiơơ 1:19).

Trong Thi thiên và lời của những nhà tiên tri của Kinh Cựu ước có rất nhiều lời tiên tri về điều Mê-si sẽ thế nào. Họ đặc biệt tập trung vào điều Đấng sẽ chết như thế nào. Đạo Do thái đã từ chối không chấp nhận tư tưởng về Mê-si mà phải chết có lẽ chỉ vì họ đã không chú ý đến những lời tiên tri này, xin nêu lên một số ví dụ dưới đây:

Lời tiên tri trong Kinh Cựu ước

“Đức Chúa Trời tôi ôi!
Đức Chúa Trời ơi! sao
Ngài lại bỏ tôi?” (Thithiên 22:1)

“Tôi là... vật khinh dễ của
dân sự . Hễ kẻ nào thấy

Sự ứng nghiệm trong Đấng Christ

Đây chính là lời nói của Đức Chúa Jêsus trên giá chữ thập (Mathiơ 27:46).

Dân Y-sơ-ra-ên đã khinh dễ Đức Chúa Jêsus và chế nhạo Đấng (Luca 23:35; 8:53); họ

tôi đều nhạo cười tôi. Trề môi, lắc đầu, mà rằng:Người phú thác mình cho Đức Giê-hô-va, Ngài khá giải cứu người; Ngài khá giải cứu người” (Thithiên 22:6-8).

“Lưỡi tôi dính nơi ổ gà... chúng nó đâm lủng tay và chân tôi” (Thithiên 15,16).

“Chúng nó chia nhau áo xống tôi, bắt thăm về áo dài tôi (Thithiên 22:18).

đã lắc đầu (Mathiơ 27:29) và nói lời này khi Đấng treo trên giá chữ thập (Mathiơ 27:43).

Điều này đã ứng nghiệm trong khi Đấng Christ khát trên giá chữ thập (Giăng 19:28). Sự đâm lủng tay chân gắn với cách đóng đinh đã dùng.

Sự ứng nghiệm chính xác điều này có thể tìm trong Mathiơ 27:35.

Xin chú ý rằng Thithiên 22:22 được trích dẫn một cách đặc biệt gắn với Đức Chúa Jêsus trong Hebơơ 2:12.

“Tôi đã trở nên một kẻ lạ cho anh em tôi, một người ngoại bang cho các con trai mẹ tôi. Vì sự sốt sắng về đền Chúa tiêu nuốt tôi?” (Thithiên 69:8,9).

“Chúng nó ban mật đắng làm vật thực tôi, và cho uống giấm trong khi khát?” (Thithiên 69:21).

Chỗ này miêu tả rõ cảm giác của Đấng Christ thấy xa lạ với anh em Do thái của mình và gia đình riêng (Giăng 7:3-5; Mathiơ 12:47-49).

Câu này được trích dẫn trong Giăng 2:17.

Điều này đã xảy ra khi Đấng Christ ở trên giá chữ thập (Mathiơ 27:34).

Toàn bộ Êsai 53 là một lời tiên tri xuất sắc về sự chết và sự sống lại của Đấng Christ, mỗi một tiết của nó đã thực hiện rõ ràng. Xin nêu lên hai ví dụ thôi:-

“Như chiên câm ở trước mặt kẻ hốt lông, người chẳng từng mở miệng” (Êsai 53:7).

Đấng Christ, Chiên Con của Đức Chúa Trời, đã im lặng trong khi xét xử (Mathiơ 27:12,14).

“Người ta đã đặt mồ người với những kẻ ác, nhưng khi chết, người được chôn với kẻ giàu” (Êsai 53:9)

Đức Chúa Jêsus bị đóng đinh cùng bọn phạm tội hung ác (Mathiơ 27:38), nhưng bị chôn trong cái huyệt của một người giàu (Mathiơ 27:57-60).

Không có gì ngạc nhiên rằng Kinh Tân ước nhắc nhở cho chúng ta rằng “luật pháp và các đấng tiên tri” của Kinh Cựu ước là cơ sở để chúng ta hiểu Đấng Christ (Côngvụ 26:22; 28:23; Rôma 1:2,3; 16:25,26). Bản thân Đức Chúa Jêsus đã cảnh cáo rằng nếu chúng ta không hiểu đúng “Môi-se và các đấng tiên tri”, thì chúng ta không thể hiểu Ngài (Luca 16:31; Giăng 5:46,47).

Việc luật pháp Môi-se đã chỉ ra Đấng Christ và những nhà tiên tri đã tiên tri về Đấng phải là bằng chứng đầy đủ rằng Đức Chúa Jêsus đã chưa tồn tại về thân thể trước khi sinh ra. Học thuyết giả về (sự tồn tại trước) của Đấng Christ về thân thể làm lời hứa lặp đi lặp lại rằng Đấng sẽ là dòng dõi (người nối dõi) của Ê-va, Áp-ra-ham và Đa-vít hoàn toàn vô lý. Nếu Đấng đã tồn tại trên trời trong thời gian hứa, thì Đức Chúa Trời đã không đứng đắn khi hứa một người nối dõi cho những người này mà sẽ là Mê-si. Bảng phả hệ của Đức Chúa Jêsus được ghi trong Mathiơ 1 và Luca 3 chỉ rõ rằng phả hệ của Đức Chúa Jêsus kéo trở về chính những người mà đã được ban lời hứa do Đức Chúa Trời.

Lời hứa cho Đa-vít về Đấng Christ không cho phép sự tồn tại vật chất của Đấng Christ vào lúc hứa: “Ta sẽ lập dòng giống ngươi kế vị ngươi,

là dòng giống do người sanh ra... Ta sẽ làm cha nó, nó sẽ làm con ta” (2 Samuên 7:12,14). Xin chú ý đến thời tương lai dùng ở đây. Vì Đức Chúa Trời sẽ làm Cha của Đấng Christ, thì Con Chúa đã không thể tồn tại rồi trước lời hứa. Câu rằng dòng giống này sẽ “do người sanh ra” chỉ rõ rằng Đấng đã cần phải là một người nối dõi của Đa-vít theo đúng nghĩa của từ. “Đức Giê-hô-va đã thề quyết với Đa-vít... Ta sẽ đặt trên ngôi người một con người sanh ra” (Thithiên 132:11).

Sa-lô-môn đã là sự ứng nghiệm đầu tiên của lời hứa, nhưng lúc hứa người đã tồn tại về cơ thể rồi (2 Samuên 5:14), lời hứa cho Đa-vít về con cháu ruột thịt, mà sẽ là con trai của Đức Chúa Trời, sẽ được ứng nghiệm một cách quan trọng nhất bởi Đấng Christ (Luca 1:31-33). “Ta sẽ nối lên cho Đa-vít một Nhánh công bình” (Giêrêmi 23:5) tức là Mê-si.

Thời tương lai cũng được dùng trong những lời tiên tri khác về Đấng Christ. “Ta sẽ lập lên cho chúng (Y-sơ-ra-ên) một đấng tiên tri như (Môi-se)” (Phục truyền 18:18) được trích dẫn trong Công vụ 3:22,23, ở đó “Đấng tiên tri” được định rõ như Đức Chúa Jê-sus. “Một gái đồng trinh (Ma-ri) sẽ chịu thai, sinh ra một trai, và đặt tên là Em-ma-nu-ên” (Êsai 7:14). Điều này đã được thực hiện rõ ràng khi Đấng Christ sinh ra (Mathiơ 1:23).

7.2 Sự sinh ra từ nữ đồng trinh

Bài ghi quan niệm và sự sinh ra của Đấng Christ không cho phép ý rằng Đấng Christ đã tồn tại trước. Những người theo học thuyết giả về (Ba ngôi một thể) đi đến kết luận rằng, cùng một lúc, đã có ba nhân vật trên trời, và sau đó một trong họ đã đi mất và bằng cách nào đó trở thành một thai trong tử cung của Ma-ri, còn hai nhân vật khác ở lại trên trời. Chúng ta đã thấy trong Kinh thánh rằng toàn bộ thực thể gồm cả Đức Chúa trời tồn tại trong hình thức thân thể, vật chất. Cho nên, đã tin vào (sự tồn tại trước), chúng ta chỉ phải kết luận rằng Đấng Christ đã xuống

bằng cách gì đó từ trên trời và vào tử cung của Ma-ri. Toàn thể thần học phức tạp này là hoàn toàn ở ngoài lời giảng của Kinh thánh. Bài ghi sự khởi đầu của Đấng Christ không đem căn cứ nào nghĩ rằng Đấng về thân thể đã bỏ trời và vào Ma-ri. Tình trạng thiếu chứng minh cho điều đó là (khâu xích thiếu mất) to lớn trong quan niệm (Ba ngôi một thể).

Thiên sứ Gáp-ri-ên đã hiện đến Ma-ri với lời truyền lại rằng “người sẽ chịu thai và sinh một con trai mà đặt tên là Jêsus. Con trai ấy nên tôn trọng, được xưng là Con của Đấng Tối Cao... Ma-ri bèn thưa rằng: Tôi chẳng hề nhận biết người nam nào, thì làm sao được sự đó? (tức là Ma-ri đã là đồng trinh) Thiên sứ truyền rằng: Đức Thánh linh sẽ đến trên người, và quyền phép Đấng Tối Cao sẽ che phủ người dưới bóng mình, cho nên con thánh sinh ra, phải xưng là Con Đức Chúa Trời” (Luca 1:31-35).

Hai lần được nhấn mạnh rằng Đức Chúa Jêsus sẽ là Con Đức Chúa Trời sau khi sinh ra; rõ ràng Con Đức chúa trời đã không tồn tại trước khi sinh ra. Cũng xin chú ý đến sử dụng thời tương lai nhiều lần ví dụ “con trai ấy sẽ nên tôn trọng”. Nếu Đức Chúa Jêsus đã tồn tại lúc khi thiên sứ nói cho Ma-ri lời này, thì Đấng đã nên tôn trọng rồi. Đức Chúa Jêsus đã là “hậu tự” của Đa-vít (Khải huyền 22:16), từ Hy Lạp (genos) có nghĩa là Đức Chúa Jêsus được (sinh khỏi) Đa-vít

Quan niệm về Đức Chúa Jêsus

Bởi Đức Thánh Linh (hơi/quyền phép của Đức Chúa Trời) tác động đến Ma-ri, và người đã có thể thụ thai Jêsus một cách không giao thiệp với người nam. Như vậy, Giô-sép đã không phải là bố thực sự của Đức Chúa Jêsus. Cần phải hiểu rằng Đức Thánh Linh không phải là con người (xem Bài 2); Đức Chúa Jêsus đã là Con Đức Chúa Trời, không phải của Đức Thánh Linh. Bởi việc Đức Chúa Trời dùng Thánh Linh Ngài với Ma-ri, “cho nên con thánh sanh ra” của Ma-ri được (xưng là Con Đức Chúa Trời) (Luca 1:35). Việc từ “cho nên” được dùng có nghĩa rằng nếu Đức Thánh Linh đã không tác động đến tử cung của Ma-ri, thì Đức Chúa Jêsus, Con Đức Chúa Trời đã không thể bắt đầu tồn tại.

Việc Đức Chúa Jêsus đã được (chịu thai) trong tử cung của Ma-ri (Luca 1:31) cũng là bằng chứng rằng Đấng Christ đã không thể tồn tại về mặt thân thể trước lúc đó. Nếu chúng ta (nhập vào) một tư tưởng nào đó, nó bắt đầu ở trong chúng ta. Giống như Đức Chúa Jêsus được chịu thai ở trong lòng của Ma-ri - Đấng đã bắt đầu ở đó như một thai, cũng như một con người nào khác. Giăng 3:16, một câu nổi tiếng nhất trong Kinh thánh, ghi rằng Đức Chúa Jêsus đã là “Con một” (Sự chú giải của người phiên dịch: Câu này được dịch ra tiếng Anh như “Con một sinh ra”.) của Đức Chúa Trời. Hàng triệu người trích dẫn câu này không suy nghĩ nó ẩn ý gì. Nếu Đức Chúa Jêsus được “sinh ra”, Đấng đã (bắt đầu) (một từ liên quan đến từ “sinh ra”) lúc khi Ma-ri được thụ thai trong tử cung. Nếu Đức Chúa Jêsus được sinh ra bởi Đức Chúa Trời như bố, thì đây là bằng chứng rõ rệt rằng Cha của Đấng cao tuổi hơn Ngài - Đức Chúa Trời không có bắt đầu (Thithiên 90:2) và cho nên Đức Chúa Jêsus không thể là Bản thân Đức Chúa Trời (Bài 8 phát triển vấn đề này).

Điều quan trọng là Đức Chúa Jêsus được “sinh ra” bởi Đức Chúa Trời, không phải được chế tạo, như A-đam trước tiên. Điều này giải thích tính chất chặt chẽ của sự gắn liền của Đức Chúa Trời với Đức Chúa Jêsus - “Đức Chúa Trời vốn ở trong Đấng Christ, làm cho thế gian lại hòa với Ngài” (2 Côrintô 5:19). Việc Đấng Christ được sinh ra bởi Đức Chúa Trời, không phải chỉ được làm ra khỏi bụi, cũng giúp giải thích thêm khuynh hướng vốn có của Đấng với đường lối của Đức Chúa Trời, Cha của Ngài.

Êsai 49:5,6 gồm lời tiên tri gắn liền với Đấng Christ như sự sáng của thế gian, mà Đấng đã thực hiện (Giăng 8:12). Đấng được miêu tả khi suy nghĩ về “Đức Giê-hô-va là Đấng đã lập ta làm tôi tớ Ngài từ trong bụng mẹ”. Đấng Christ, bởi vậy, được do Đức Chúa Trời “đã lập” trong tử cung của Ma-ri, bởi quyền phép của Đức Thánh Linh của Ngài. Lòng của Ma-ri rõ ràng đã là nơi xuất phát Đấng Christ về cơ thể.

Chúng ta đã thấy trong Bài 7.1 rằng Thi thiên 22 tiên tri lời nói của Đấng Christ trên cây thập tự. Đấng đã suy nghĩ rằng Đức Chúa Trời “rút tôi khỏi lòng mẹ... Từ trong tử cung tôi đã được giao cho Chúa; Chúa là Đức Chúa Trời tôi từ khi tôi lọt lòng mẹ” (Thi thiên 22:9,10). Vào lúc đang chết này, Đấng Christ đã nhìn lại nguồn gốc của mình trong lòng của mẹ Ma-ri của mình, đã lập ra bởi quyền phép của Đức Chúa Trời. Bản thân sự miêu tả Ma-ri trong Tin lành như “mẹ” của Đấng Christ tự nó phá hoại ý rằng Đấng đã tồn tại trước khi do Ma-ri sinh ra.

Ma-ri đã là con người bình thường, với bố mẹ người thông thường. ý này được chứng minh do điều rằng Ma-ri đã có một người bà con mà sinh ra Giăng Báp-tít, một người bình thường (Luca 1:36). Tư tưởng của người theo Chúa rằng Ma-ri đã không có bản chất con người bình thường có nghĩa là Đấng Christ đã không thể đồng thời làm “con của con người” và “con Đức Chúa Trời”. Đây là danh nghĩa đọc nhiều lần trong Kinh Tân ước. Đấng đã là “con của con người” vì có người mẹ là một phụ nữ hoàn toàn bình thường, và là “con Đức Chúa Trời” bởi tác động của Đức Chúa Trời đến Ma-ri thông qua Đức Thánh Linh (Luca 1:35), có nghĩa là Đức Chúa Trời là Cha của Đấng. Sự sắp xếp tốt đẹp này bị hủy bỏ nếu Ma-ri đã không phải là phụ nữ bình thường.

“Ai có thể từ sự “ô uế mà lấy ra được đều thanh sạch? Chẳng một ai!... Loài người là chi, mà lại là thanh sạch? Kể do người nữ sanh ra là gì, mà lại là công bình? Kể nào bị người nữ sanh ra, sao cho là trong sạch được?” (Gióp 14:4; 15:14; 25:4). ý này đánh giá khả năng sự thụ thai tinh khiết, cả về Ma-ri lẫn về Đức Chúa Jêsus.

Ma-ri, vì đã “bởi người nữ sinh ra”, với bố mẹ con người bình thường, đã phải có bản chất con người không tinh sạch của chúng ta, và bà đã truyền nó cho Đức Chúa Jêsus mà đã “bởi một người nữ sanh ra” (Galati 4:4). Cách nói về điều Đấng “sanh ra” nhờ sự trung gian của Ma-ri là một bằng chứng thêm rằng Đấng đã không thể tồn tại về thân thể nếu bà không đẻ Đấng. Diaglott nêu ra Galati 4:4: “Được làm ra bởi một người nữ”. Đấng Cứu thế phải là “dòng dõi từ người nữ” (Sáng thế

3:15)-lời hứa xảy ra trong bài ghi chép sách sáng thế của nhiều gia phả trên nền tảng của người nam.

Bài ghi Tin lành thường xuyên tỏ ra bản chất con người của Ma-ri. Đấng Christ đã phải quở trách mẹ mình ít nhất ba lần vì thiếu nhận thức thánh linh (Luca 2:49; Giăng 2:4); bà đã không hiểu lời Đấng nói (Luca 2:50). Đây chính là hành động mà chúng ta coi phụ nữ với bản chất con người phải có, người con trai của bà đã là con của Đức Chúa Trời, và cho nên có nhận thức tinh thần cao hơn bà, mặc dù Đấng cũng chia sẻ với bản chất con người. Giô-sép đã ăn ở với Ma-ri sau khi Đấng Christ được sinh (Mathiơ 1:25), và không có lý do nào nghĩ rằng họ đã không có quan hệ vợ chồng bình thường từ lúc đó trở đi.

Lời nói về “mẹ và anh em” của Đấng Christ trong Mathiơ 12:46,47, cho nên, ẩn ý rằng Ma-ri đã có các con khác sau Đức Chúa Jêsus. Đức Chúa Jêsus chỉ là “con đầu lòng”. Lời dạy giáo lý Cơ đốc rằng Ma-ri đã vẫn còn đồng trinh và đã đi lên trời, bởi vậy, hoàn toàn không dựa vào Kinh thánh. Như con người với bản chất hay chết, Ma-ri đã phải già đi và chết; ngoài ra, chúng ta đọc trong Giăng 3:13, “chưa hề có ai lên trời”. Việc Đấng Christ đã có bản chất con người (xem Hebơrơ 2:14-18; Rôma 8:3) có nghĩa rằng mẹ của Đấng cũng phải có bản chất con người, vì Cha đã không có.

7.3 Vị trí của Đấng Christ trong dự tính của Đức Chúa Trời

Đức Chúa Trời không quyết định dự tính của mình do khích lệ của tình thế và bổ sung thêm mục tiêu của mình cùng sự phát triển lịch sử loài người. Đức Chúa Trời đã có dự tính toàn diện được trình bày rõ ràng từ lúc ban đầu tạo ra (Giăng 1:1). Cho nên, lòng mong muốn có Con đã có mặt trong dự tính của Ngài từ lúc đầu. Toàn thể Kinh Cựu ước biểu hiện

những mặt khác nhau của dự tính cứu rỗi trong Đấng Christ của Đức Chúa Trời.

Chúng ta đã chỉ rõ nhiều lần rằng thông qua những lời hứa, những lời tiên tri của các nhà tiên tri, Luật pháp Môi-se thì Kinh Cựu ước thường xuyên biểu hiện mục tiêu của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Vì Đức Chúa Trời đã biết rằng Ngài sẽ có Con, thì Ngài đã bắt đầu công tác sáng tạo (Hebơơ 1:1,2, sách bằng tiếng Hy Lạp; “bởi” trong A.V. dịch tốt hơn là “vì”). Chính vì Đấng Christ những thời kỳ lịch sử loài người được cho phép do Đức Chúa Trời (Hebơơ 1:2 [Hy Lạp]). Điều này có nghĩa rằng những lời mà Đức Chúa Trời đã mặc khải cho con người trong suốt hàng năm, như được ghi trong Kinh Cựu ước, có đầy đủ liên quan đến Đấng Christ.

Sự tối cao của Đấng Christ và tầm quan trọng to lớn và cơ bản của Đấng Christ đối với Đức Chúa Trời chúng ta rất khó nhận thức thấu đáo. Cho nên, có thể nói đúng rằng Đấng Christ đã tồn tại trong trí óc và mục tiêu của Đức Chúa Trời từ lúc đầu, tùy người chỉ bắt đầu tồn tại về thân thể nhờ Ma-ri sinh ra Đấng. Hebơơ 1:4-7,13,14 nhấn mạnh rằng Đấng Christ đã không phải là thiên sứ; trong khi trong cuộc đời hay chết Đấng đã kém thiên sứ hơn (Hebơơ 2:7), Đấng Christ đã được đặt lên cao- địa vị cao hơn họ nhiều, vì Đấng Christ là “Con một” (Giăng 3:16) của Đức Chúa Trời. Chúng ta đã chỉ rõ trước rằng hình thức tồn tại duy nhất, như Kinh thánh dạy, là sự tồn tại trong hình thức thân thể, cho nên Đấng Christ đã không tồn tại như (thần linh) trước khi sinh ra. 1 Phi-e-rơ 1:20 tổng kết: Đấng Christ “”đã định sẵn trước buổi sáng thế, và hiện ra trong cuối các thời kỳ”.

Đức Chúa Jêsu là một điểm then chốt của Tin lành mà Đức Chúa Trời “đã dùng các đấng tiên tri Ngài mà hứa trong Kinh thánh, về Con Ngài, theo xác thịt thì bởi dòng dõi của Đa-vít sanh ra, theo thần linh của sự nên thánh, thì bởi sự sống lại của Ngài từ trong kẻ chết, được tỏ ra là Con Đức Chúa Trời có quyền phép, tức là Đức Chúa Jêsu-Christ, Chúa chúng ta” (Rôma 1:1-4).

Lịch sử của Đấng Christ có thể tổng kết một cách như thế này:

1. Được hứa trong Kinh Cựu ước tức là trong dự tính của Đức Chúa Trời;
2. Được tạo ra như con người về thân thể bởi sinh ra từ nữ đồng trinh, như dòng dõi của Đa-vít;
3. Nhờ tính nét trọn vẹn (“thần linh của sự nên Thánh”) trong cuộc đời hay chết
4. Đấng được sống lại, và lại thông báo công khai mình là Con Đức Chúa Trời bởi lời giảng của các sứ đồ được Đức Thánh Linh soi sáng.

Đức Chúa Trời biết trước

Chúng ta có thể được giúp để đánh giá Đấng Christ đã là sâu sắc đến mức nào trong trí óc của Đức Chúa Trời vào lúc đầu, trong khi chưa tồn tại về cơ thể, nếu chúng ta đồng ý với sự thật là Đức Chúa Trời biết hết các sự kiện sẽ xảy ra trong (tương lai). Ngài có sự biết trước toàn diện. Cho nên Đức Chúa Trời có thể nói và nghĩ về những điều chưa tồn tại, một cách hình như nó đang tồn tại. Toàn bộ kiến thức về tương lai mà Đức Chúa Trời có là như thế. Đức Chúa Trời “gọi những sự không có như có rồi” (Rôma 4:17). Do vậy, Ngài có thể phán “sự cuối cùng từ buổi đầu tiên, và đã nói từ thuở xưa những sự chưa làm nên. Ta phán rằng: Mưu của ta sẽ lập, và ta sẽ làm ra mọi sự ta đẹp ý” (Êsai 46:10). Do đó, Đức Chúa Trời có thể nói về người chết hình như họ đang còn sống, và có thể nói về người hình như người đã sống trước khi sinh ra.

“Mưu”, hoặc lời của Đức Chúa Trời, đã tiên tri về Đấng Christ từ lúc ban đầu; Đấng đã luôn luôn có mặt trong mục tiêu hoặc “sự đẹp ý” của Đức Chúa Trời. Cho nên, điều hoàn toàn chắc chắn đã là Đấng Christ về thân thể sẽ được sinh ra vào lúc nhất định; Đức Chúa Trời sẽ thực hiện trong Đấng Christ mục tiêu Ngài đã nói. Tính chắc chắn của điều mà Đức Chúa Trời biết trước, cho nên, được phản ánh qua tính chắc chắn của lời Ngài. Trong Kinh thánh tiếng Do thái dùng thì quá khứ (hoàn thành tiên tri), nghĩa là dùng thời quá khứ để miêu tả những điều tương lai mà Đức Chúa Trời đã hứa. Vậy, Đa-vít đã nói, “ấy đây là đền của

Giê-hô-va Đức Chúa Trời” (1 Sử ký 22:1), trong khi đến này mới đã được hứa do Đức Chúa Trời. Đa-vít đã tin vào lời hứa này đến nỗi mà đã dùng thời hiện tại để miêu tả những vật tương lai. Trong Kinh thánh có rất nhiều ví dụ về sự biết trước của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã hoàn toàn chắc chắn là Ngài sẽ thực hiện những lời nói cho Áp-ra-ham rằng Ngài đã nói cho người: “Ta cho dòng dõi người xứ này...” (Sángthế 15:18) vào lúc khi Áp-ra-ham chưa có dòng dõi. Cũng trong thời đó, trước khi dòng dõi (Y-sác/Đấng Christ) sinh ra, Đức Chúa Trời đã hứa: “Ta đặt người làm tổ phụ của nhiều dân tộc” (Sángthế 17:5). Thật, Đức Chúa Trời “gọi những sự không như có rồi”.

Vì thế, Đấng Christ đã nói trong phần sự về Đức Chúa Trời “đã giao hết mọi vật trong tay Con (Đấng Christ)” (Giăng 3:35) như thế nào, mặc dù lúc đó chưa phải là như thế. Chúa “đã đặt mọi vật dưới chân Người (Đấng Christ)... song hiện nay chúng ta chưa thấy mọi vật phục Ngài” (Hêbơơ 2:8).

Đức Chúa Trời đã nói về dự tính cứu rỗi bởi Đức Chúa Jêsu “dùng miệng các thánh tiên tri phán từ thuở trước” (Luca 1:70). Vì những người này gắn liền rất chặt chẽ với chương trình của Đức Chúa Trời, thì Ngài nói về họ hình như họ đã tồn tại vào lúc ban đầu, theo nghĩa của từ, mặc dù rõ ràng việc không phải là như thế. Thay cho điều đó, chúng ta có thể nói rằng các nhà tiên tri đã có mặt trong chương trình của Đức Chúa Trời từ lúc đầu. Giê-rê-mi là ví dụ hàng đầu. Đức Chúa Trời đã nói cho người: “Trước khi người sanh ra, tôi đã biết riêng người, lập người làm kẻ tiên tri cho các nước” (Giêrêmi 1:5). Như thế, Đức Chúa Trời đã biết hết về Giê-rê-mi lúc trước sáng chế. Một cách như thế Đức Chúa Trời nói về Si-ru, vua Ba tư, trước khi người sinh ra và dùng cách nói hình như người đang tồn tại (Êsai 45:1-5). Hêbơơ 7:9,10 là một ví dụ khác nói về sự tồn tại của một người nào đó trong khi người chưa sinh ra lúc đó.

Cũng như nói về Giê-rê-mi và những nhà tiên tri hình như họ đang tồn tại ngay cả lúc trước sáng chế, bởi vai trò của họ trong chương trình của

Đức Chúa Trời, thì những người tin thực sự cũng được nói hình như họ đã tồn tại lúc đó. Hoàn toàn rõ ràng chúng ta về thân thể đã chưa tồn tại lúc đó, ngoại trừ trong trí óc của Đức Chúa Trời ra. Đức Chúa Trời “đã cứu chúng ta, đã gọi chúng ta bởi sự kêu gọi thánh... theo ý riêng Ngài chỉ định, theo ân điển đã ban cho chúng ta trong Đức Chúa Jêsu-Christ từ trước muôn đời vô cùng” (2 Timôthê 1:9). Đức Chúa Trời “trước khi sáng chế, Ngài đã chọn chúng ta trong Đấng Christ... Ngài đã định trước cho chúng ta... theo ý tốt của Ngài” (Ephêsô 1:4,5). Toàn thể ý về những cá nhân được do Đức Chúa Trời biết trước từ lúc ban đầu, và được (lựa chọn) (định trước) để được cứu, chỉ rõ rằng họ đã tồn tại trong ý của Đức Chúa Trời vào lúc ban đầu (Rôma 8:27; 9:23).

Dưới ánh sáng của tất cả những ý nói trên, không có gì đáng ngạc nhiên rằng Đấng Christ, như là sự tổng thể thống nhất của mục tiêu của Đức Chúa Trời, được nói hình như Đấng đã tồn tại từ lúc ban đầu trong ý và chương trình của Đức Chúa Trời, mặc dù về mặt thân thể Ngài đã không thể làm như thế. Đấng Christ đã là “Chiên Con đã bị giết từ buổi sáng thế” (Khải huyền 13:8). Đức Chúa Jêsu đã không chết lúc đó theo nghĩa của từ; Đấng Christ đã là “Chiên Con của Đức Chúa Trời” được hy sinh trên cây thập tự 4000 năm sau (Giăng 1:29; 1 Côrintô 5:7). Cũng như bằng cách lựa chọn Đức Chúa Jêsu từ lúc ban đầu (1 Phiêrô 1:20), những người tin đã được chọn cũng bằng cách đó (Ephêsô 1:4; trong câu này cũng được dùng từ Hy Lạp “lựa chọn” này). Chúng ta khó nhận thức tất cả những điều này vì chúng ta không thể tưởng tượng được Đức Chúa Trời hoạt động như thế nào ngoài khái niệm về thời gian. (Đức tin) là khả năng nhìn xem xét những điều này dựa vào quan điểm của Đức Chúa Trời, một cách không bị kiểm chế bởi thời gian.

7.4 “Ban đầu có Ngôi Lời”,

Giăng 1:1-3

“Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời. Ban đầu Ngài ở cùng Đức Chúa Trời. Muôn vật bởi Ngài làm nên” (Giăng 1:1-3).

Khi được hiểu đúng, những câu này xác nhận và mở rộng những kết luận trong phần trước. Tuy nhiên, đoạn này được hiểu nhầm nhiều nhất dùng để giải thích rằng Đức Chúa Jêsus đã tồn tại trên trời trước khi sinh ra. Cách hiểu đúng những câu này xoay quanh sự nhận thức đúng “Ngôi Lời” có nghĩa gì trong văn cảnh này. Nó không gắn liền trực tiếp với một cá nhân, vì một cá nhân không thể “ở cùng Đức Chúa Trời” và còn nữa là Đức Chúa Trời cùng một lúc. Từ Hy Lạp (logos) được dịch ra “ngôi lời” ở đây tự nó không có nghĩa (Đức Chúa Jêsus). Từ này thường được dịch “lời”, nhưng mà cũng như:-

Sự tính toán	Sự nghiệp
Sự truyền đạt	Học thuyết
Mục đích	Lời giảng
Nguyên nhân	Châm ngôn
Tin	

Nói từ “lời” và thay nó bằng từ “ông ta” chỉ vì trong tiếng Hy Lạp từ (logos) thuộc giống đực. Nhưng điều này không có nghĩa rằng nó gắn liền với con người, Đức Chúa Jêsus. Bài dịch ra tiếng Đức (Lu-te) nói về “das Wort” (thuộc giống trung); bài dịch ra tiếng Pháp (Segond) nói về “la parole” trong giống cái, điều này chỉ rõ rằng “lời” không bắt buộc chỉ vào một người đàn ông.

“Ban đầu”

“Logos” có thể một cách chính xác gắn liền với ý bên trong mà được bày tỏ ra ngoài bởi những lời và bởi cách truyền đạt nào nữa. Ban đầu Đức Chúa Trời đã có (logos) này. Mục tiêu duy nhất này được tập trung vào Đấng Christ. Chúng ta đã chỉ rõ Thần Đức Chúa Trời đưa những ý bên trong của Ngài vào hoạt động như thế nào, bởi liên hệ giữa Thánh Linh Ngài của Lời Ngài (xem Phần 2.2). Vì Thần Đức Chúa Trời đã thảo ra

chương trình của Ngài về loài người và đã soi dẫn Lời ghi của Ngài từ lúc ban đầu, thì do đó nó cũng truyền ý về Đấng Christ trong hoạt động và những lời của mình. Đấng Christ đã là (logos) của Đức Chúa Trời, và cho nên Thần Đức Chúa Trời đã bày tỏ chương trình của Đức Chúa Trời về Đấng Christ trong tất cả những hoạt động của mình. Điều này giải thích tại sao trong Kinh Cựu ước có rất nhiều tình tiết tiêu biểu cho Đấng Christ. Tuy vậy, không thể nhấn mạnh quá nhiều rằng bản thân Đấng Christ đã không phải là “ngôi lời”. Chính chương trình cứu thế qua Đấng Christ của Đức Chúa Trời đã là “ngôi lời”. (Logos) (“Ngôi Lời”) được dùng nhiều trong Tin lành về Đấng Christ ví dụ “lời của Đấng Christ” (Cô-lô-se 3:16; so sánh Mathiơ 13:19; Giăng 5:24; Công-vụ 19:10; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:8, v.v.). Xin chú ý rằng (logos) chủ yếu là về Đấng Christ, không phải bản thân Đấng Christ. Khi Đấng Christ sinh ra, “ngôn lời” này đã biến thành hình thức bằng da bằng thịt “ngôi lời đã trở nên xác thịt” (Giăng 1:14). Cá nhân Đức Chúa Jê-sus đã là (ngôi lời trở nên xác thịt) hơn “ngôi lời”; cá nhân Đấng đã trở nên “ngôi lời” nhờ Ma-ri sinh ra hơn thời kỳ nào đó trước.

Dự tính, hay lời tiên báo, về Đấng Christ đã là cùng Đức Chúa Trời lúc ban đầu, nhưng đã được tỏ ra công khai trong cá nhân Đấng Christ, và sự giảng Tin lành về Đấng trong thế kỷ thứ nhất. Vậy, Đức Chúa Trời đã nói lời Ngài cho chúng ta bởi Đấng Christ (Hebơ-rơ 1:1,2). Nhiều lần được nhấn mạnh rằng Đấng Christ đã nói lời Đức Chúa Trời và làm phép màu theo lời lệnh của Đức Chúa Trời nhằm tỏ ra Đức Chúa Trời cho chúng ta (Giăng 2:22, 3:34; 7:16; 10:32,38; 14:10,24).

Phao-lô đã vâng lời lệnh của Đấng Christ đi giảng Tin lành về Ngài “cho muôn dân”: “Lời giảng Đức Chúa Jê-sus-Christ, theo sự tỏ ra về lẽ mầu nhiệm, là lẽ đã giấu kín từ mọi đời trước, mà bây giờ được bày ra... cho mọi dân đều biết” (Rô-ma 16:25,26 so sánh 1 Cô-rin-tô 2:7). Sự sống đời đời đã có thể được ứng nghiệm cho loài người chỉ nhờ công việc của Đấng Christ (Giăng 3:16; 6:53); song lúc ban đầu Đức Chúa Trời đã có dự tính này để đề nghị sự sống đời đời cho con người, vì đã biết rằng Ngài đã làm của tế lễ mà Đức Chúa Jê-sus sẽ thực hiện. Của lễ này đã

biểu lộ hoàn toàn chỉ sau khi Đức Chúa Jêsus sinh ra và chết: “Sự sống đời đời... mà Đức Chúa Trời... đã hứa từ muôn đời về trước; tới kỳ chỉ định, Ngài đã bày tỏ lời (về sự sống) của Ngài ra bởi sự giảng dạy” (Tít 1:2,3). Chúng ta đã thấy rằng những nhà tiên tri về Đức Chúa Trời được đề cập hình như họ đã luôn luôn tồn tại (Luca 1:70) trong ý nghĩa là “ngôi lời” mà họ nói đã tồn tại cùng Đức Chúa Trời từ lúc ban đầu.

Những câu chuyện thí dụ của Đức Chúa Jêsus đã tỏ ra nhiều điều; bằng cách ấy Ngài đã ứng nghiệm lời tiên tri về Ngài, “Ta sẽ mở miệng ra mà nói lời ví dụ, ta sẽ rao báo những điều kín nhiệm từ khi dựng nên trời đất” (Mathiơ 13:35). Cho nên, “ban đầu... ngôi lời ở cùng Đức Chúa Trời” để “trở nên xác thịt” lúc khi Đấng Christ sinh ra.

“Ngôi Lời là Đức Chúa Trời”

Bây giờ chúng ta có thể suy nghĩ về ý nghĩa của câu “Ngôi Lời là Đức Chúa Trời”. Những dự định và ý của chúng ta là vốn có của chúng ta. (Tôi đi Luân đôn) là một (lời) hoặc một sự truyền đạt mà bày tỏ mục tiêu của tôi, vì đó là mục tiêu của tôi. Chương trình của Đức Chúa Trời về Đấng Christ cũng có thể hiểu như thế. “Hắn (người) tưởng trong lòng thế nào, thì hắn quả thế ấy” (Châm ngôn 23:7), và Đức Chúa Trời nghĩ thế nào, thì Ngài quả thế ấy. Vì vậy, lời hoặc cách nghĩ của Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời: “ngôi lời là Đức Chúa Trời”. Vì thế, có liên hệ rất chặt chẽ giữa Đức Chúa Trời và ngôi lời của Ngài: lối song hành kiểu Thithiên 29:8 phổ biến: “Tiếng Đức Giê-hô-va làm cho đồng vắng rung động; Đức Giê-hô-va khiến đồng vắng... rung động”. Những câu kiểu “Đức Giê-hô-va phán: Nhưng các người chẳng nghe ta” (Giêrêmi 25:7) phổ biến trong những nhà tiên tri. Trên thực tế Đức Chúa Trời muốn nói (Các người chẳng nghe Lời ta được nói do những nhà tiên tri). Đa-vít đã lấy lời Chúa làm ngọn đèn và ánh sáng (Thithiên 119:105), song người cũng suy nghĩ: “Đức Giê-hô-va ôi! thật Ngài làm ngọn đèn tôi. Nhờ Ngài tôi sẽ soi sáng sự tối tăm tôi” (2 Samuên 22:29), chỉ sự tương đồng giữa Đức Chúa Trời và lời của Ngài. Vì thế, có thể hiểu khi người ta nhân cách hóa lời của Đức Chúa Trời như Bản thân Ngài, nghĩa

là người ta nói hình như đây là một con người, mặc dù không phải là như thế (xin xem Bài đọc thêm 5 (Nguyên tắc nhân cách hóa)).

Đức Chúa Trời là lẽ thật tự nó (Giăng 3:33; 8:26; 1 Giăng 5:10), và cho nên lời của Đức Chúa Trời cũng là lẽ thật (Giăng 17:17). Bằng cách tương tự, Đức Chúa Jêsus gắn liền mình với lời mình chặt chẽ đến nỗi mà Ngài nhân cách hóa lời mình: “Người nào bỏ ta ra và không nhận lãnh lời ta, đã có kẻ xét đoán rồi; lời ta đã rao giảng, chính lời đó sẽ xét đoán họ nơi ngày sau cùng” (Giăng 12:48). Đức Chúa Jêsus nói về ngôn lời của mình hình như nó thật là con người, tức là bản thân Ngài. Những lời nói của Ngài được nhân cách hóa vì nó được gắn liền thật chặt chẽ với Đức Chúa Jêsus.

Lời Đức Chúa Trời cũng được nhân cách hóa như con người, tức là như bản thân Đức Chúa Trời, trong Giăng 1:1-3. Vậy, chúng ta được cho biết về Ngôn Lời rằng “Muôn vật bởi Ngài làm nên” (Giăng 1:3). Dù thế, “Đức Chúa Trời dựng nên” muôn vật bởi lời lệnh của Ngài (Sáng thế 1:1). Chính vì thế, Ngôn Lời của Đức Chúa Trời được nói một cách hình như đây là Bản thân Đức Chúa Trời. Từ đó một điều đáng chú ý về mặt cầu nguyện là thông qua lời Đức Chúa Trời trong lòng ta Đức Chúa Trời có thể đến thật rất gần với chúng ta. Đức Chúa Trời nói về dân Isơrơen phạm luật để giữ ngày Sabat, và họ phạm Đức Chúa Trời (Êxêchiel 22:26). Ngài là Lời của Ngài, khinh thường lời Ngài tức là khinh thường Ngài. Thái độ của chúng ta đối với lời của Ngài chính là thái độ của chúng ta đối với Chúa. Vì vậy, Saolơ phạm tội “vì tội lỗi mình phạm Đức Chúa Trời và vì chẳng có vâng theo lời của Ngài” (1 Sử ký 10:13).

Chúng ta thấy rõ từ Sáng thế Kỳ 1 rằng Đức Chúa Trời đã là Tạo Hóa, bởi ngôn lời của Ngài hơn bởi cá nhân Đấng Christ (Giăng 1:1-3). “Các tầng trời được làm nên bởi lời Đức Giê-hô-va, cả cơ binh (tức là các ngôi sao) trên trời bởi hơi thở của miệng Ngài mà có... Ngài phán thì việc liền có” (Thi thiên 33:6,9). Ngay cả hiện nay chính bởi ngôi lời của Ngài quá trình sáng tạo tự nhiên tiếp tục: “Ngài ra lệnh mình trên đất, lời của

Ngài chạy rất mau. Ngài cho mưa tuyết như lông chiên... Ngài ra lệnh... nước bèn chảy” (Thithiên 147:15-18).

Ngôi lời của Đức Chúa Trời là quyền phép sáng tạo của Ngài, Ngài đã dùng nó trong khi Đức Chúa Jêsus sinh ra trong tử cung của Ma-ri. Ngôi lời, chương trình của Đức Chúa Trời đã do Đức Thánh Linh của Ngài khởi động (Luca 1:35), đã dẫn đến sự thụ thai Đấng Christ. Ma-ri thừa nhận điều đó khi hưởng ứng tin tức rằng sắp tới Ma-ri thụ thai Đấng Christ: “Xin sự ấy xảy ra cho tôi như lời người truyền!” (Luca 1:38).

Chúng ta đã thấy rằng Ngôi Lời/Thần Linh của Đức Chúa Trời phản ánh mục tiêu của Ngài mà đã được tuyên bố suốt hết Kinh Cựu ước. Điều này là lẽ thật đến mức nào có thể thấy trong Công vụ 13:27, ở đó người ta nói về Đức Chúa Jêsus hình như sự như nhau với lời của các nhà tiên tri trong Kinh Cựu ước: “(Dân Do thái) chẳng nhìn biết Đức Chúa Jêsus... lời của các đấng tiên tri”. Khi Đấng Christ đã sinh ra, toàn bộ Ngôi Lời/Thần Linh của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong cá nhân Đức Chúa Jêsus-Christ. Được linh cảm, sứ đồ Giăng đã hân hoan chương trình của Đức Chúa Trời về sự sống đời đời đã được bày tỏ qua Đấng Christ một cách như thế nào, còn những môn đồ đã có thể tiếp xúc và nhìn thấy Đấng về thân thể. Người lúc đó đã nhận thức rằng họ đã tiếp xúc với Ngôi Lời của Đức Chúa Trời, với toàn thể chương trình cứu vớt trong Đấng Christ (1 Giăng 1:1-3). Trong khi chúng ta không thể thấy Đấng Christ về thân thể, chúng ta cũng có thể vui mừng rằng bởi sự hiểu Ngài một cách thật sự chúng ta có thể biết được thật sâu sắc mục tiêu của Đức Chúa Trời về chúng ta và do đó tin chắc vào sự sống đời đời (1 Phiơơ 1:8,9). Chúng ta cần phải hỏi mình: “Tôi có thật biết Đấng Christ?” Chấp nhận rằng một người tốt tên Jêsus đã từng tồn tại là không đủ. Bởi việc không ngừng nghiên cứu Kinh thánh và cầu nguyện, có thể nhanh chóng nhận thức Đấng Christ như Cứu Chúa của cá nhân bạn và liên kết bạn với Ngài bởi phép báp-têm.

Bài đọc thêm 22: Chúa Jesus thuộc lịch sử

Nếu ai đó cho rằng không có bằng chứng nào cho thấy Jeus người Nazaret tồn tại, thì chính sự tồn tại của người cơ đốc thật khó giải thích. Người ta đang đòi hỏi sự lựa chọn đáng kính sợ mong đợi ai đó tin tưởng rằng hàng triệu người trên thế giới hơn 2.000 năm qua đã đặt niềm tin của mình vào ai đó không có thực và có đức tin to lớn nơi Người mà họ được khích lệ để truyền giảng về Người khắp thế gian, ngay cả chịu sự bất bớ và chết chóc.

Người cơ đốc và người Do thái nói chung không mấy khó khăn khi chấp nhận rằng Mohamad có tồn tại nhưng bác bỏ lời dạy và tuyên xưng của người. Sự thật, chúng ta chấp nhận rằng hầu hết những nhận vật lịch sử nổi tiếng tồn tại mà không đòi hỏi sự xem xét bằng chứng mang tính cốt lõi. Thông thường, các bài phân tích đưa ra các sự kiện lịch sử được công nhận rộng rãi. Ví dụ như cuộc chiến của Hastings xảy ra vào năm 1066, người ta đã tìm thấy bằng chứng cụ thể không thể bỏ qua.

Sự thật một số người từ chối thẳng thừng có sự tồn tại của Jesus người Nazaret là dấu hiệu của sự phản đối quá đáng, một sự ham muốn để tìm lời bào chữa thuận lợi cho mình để che lấp lý do chấp nhận sự cứu rỗi của Ngài. Điều này hết sức đúng khi người ta công nhận chính những người Do thái công nhận rằng người gọi là Jesus có tồn tại vào thế kỷ đầu tiên. Những bằng chứng lịch sử sau đây về sự tồn tại của Jesus Nazaret cho thấy Ngài không thể bị không thừa nhận theo kiểu phát minh thần học của con người. Nhiều thông tin hữu ích trong phân đoạn này được Gary Habermas thu thập được, “bằng chứng xưa về cuộc đời Chúa Jesus”.

1. Tacitus là nhà sử học người Rôma viết hai cuốn sách chính về thế kỷ đầu (“chuyện kể về lịch sử” và “lịch sử”), hai cuốn sách này đề cập Chúa Jesus và người cơ đốc. Ông viết trong cuốn “chuyện lịch sử” (khoảng năm 115 sau Chúa).

“một giai cấp bị ghét vì sự gớm ghiếc của họ, dân chúng gọi là “cơ đốc nhân”. Christus, từ Người mà tên có chứa gốc từ, chịu đau đớn bởi hình phạt dã man trong kỳ cai trị của Tiberius dưới bàn tay của một trong các chính quyền đại diện/quan toà, Pontius Pilate”.

Hoàng đế Tiberius cai trị từ năm 14-37 sau Công nguyên, trong thời gian này Chúa Jesus bị giết (theo lời ghi chép này). Tacitus cũng mô tả tin tưởng của những nhóm người này bùng nổ không chỉ Judaea mà còn ở Roma, ông tiếp tục mô tả người cơ đốc bị ghét rất nhiều, nhiều người bị xử tử ở Roma. Tất cả điều này khớp với bài ghi chép về Jesus trong kinh Tân Ước, các sứ đồ và môn đồ ban đầu truyền giảng ở Judaea, sau đó khắp thế giới Roma, trong đó có Roma, họ bị chống đối quyết liệt.

2. Suetonius là một nhà sử học khác người Roma, bình luận về sự cai trị của Claudius (năm 41-54 sau công nguyên): “vì người Do thái tại Roma gây ra phiền toái liên miên dưới sự xúi giục của Chrestus, Claudius trục xuất họ ra khỏi thành”. “Chrestus” là chữ viết khác về “Christ”. Trùng hợp, Công vụ 18:2 mô tả hai người Do thái tên Aquila và Priscilla phải rời khỏi Roma vì sự hành hạ người Do thái.

Suetonius bình luận về sự bắt bớ người cơ đốc trong thời Nero: “sau trận cháy lớn tại Roma... hình phạt cũng áp đặt đối với người cơ đốc, một giáo phái xứng ra một tín ngưỡng mới và tính nghịch”. Sự ghi chép này ý nói đến nhóm người gọi là “người cơ đốc” trong thế kỷ đầu cho thấy một người gọi là Christ tồn tại vào thế kỷ thứ nhất.

3. F.F.Bruce chú ý đến sự kiện rằng sự liên hệ đến lịch sử của người Địa trung hải do nhà sử học Thallus chép khoảng năm 52 sau C.N. Bruce cho biết có một học giả tên Julius Africanus trích dẫn từ Thallus, che bai lời mô tả về sự tối tăm lúc Chúa Jesus bị đóng đinh là do nhật thực. Điều này cho thấy Thallus viết bằng chứng về sự đóng đinh Chúa Jesus xảy ra vài năm trước khi ông viết sử năm 52 sau CN.

4. Pliny, một viên chức chính quyền Rôma, đề cập nhiều về sự tồn tại của một nhóm người rất hăng hái gọi là cơ đốc nhân vào những năm cuối của thế kỷ thứ nhất. Vì sự lễ kỷ niệm sự chết của Chúa (ăn bánh uống chén) là nói đến Ngài: “họ có thói quen gặp nhau một ngày cố định nào đó trước khi trời sáng, họ ca hát thánh ca về Chúa

Jesus”. Đế chế Roma Trajan và Hadrian, hai người đề cập những vấn đề liên quan đến người cơ đốc. Sự tồn tại của nhóm người này từ thế kỷ đầu và sự bền bỉ phi thường trong suốt thời gian bị hành hạ cho thấy họ là các môn đồ của một nhân vật lịch sử có thật mà đã từng sống trong thế kỷ thứ nhất.

5. Talmud, một cuốn sách kinh Do thái, trong Sanhedrin 43a nói về sự chết của Jesus. Người ta công nhận rằng một phần cuốn Talmud có từ ngày thời kỳ đầu của quá trình biên soạn cuốn sách này (khoảng năm 70-200 sau CN):

“Trong đêm của ngày lễ vượt qua Yeshu (Jesus) bị treo nọp. Vì 40 ngày trước ngày hành hình xảy ra, có một sứ giả đi đến và khóc, “người sắp bị ném đá vì người đã làm phép thuật và dụ dỗ dân Isrôen bỏ đạo mình. Ai nói điều gì tốt cho Người, hãy bước đến trước mặt người” nhưng vì không có ai được đưa đến trước mặt Người, nên người bị đóng đinh vào đêm lễ vượt qua”.

“bị nọp” có thể là cùng nghĩa “đóng đinh”-từ được dùng giống như trong Tân ước (Galati 3:13; Luca 23:39). Đoạn này mô tả người Do thái muốn Chúa Jesus bị ném đá, nhưng đề cập rằng Ngài bị treo”. Lời giải thích cho điều này được đưa ra trong lời giải thích Tân ước người Do thái phải sử dụng luật pháp Rôma để xử tội chết Chúa Jesus.

Sanhedrin 43a cũng mô tả 5 người môn đồ của Jesus bị xét đoán và xử tử, một lần nữa cho thấy theo truyền thống người Do thái đã tin tưởng vào sự tồn tại của Chúa Jesus lịch sử. Sanhedrin 106b chép Chúa Jesus chết năm 33 tuổi; như Tân ước đã chép. Maier trích từ tài liệu do thái thế kỷ thứ 5 ghi “Toledoth Jesu”, chép rằng các môn đồ cố cướp thân thể Chúa Jesus sau khi Ngài chết, nhưng người làm vườn tênJuda biết được kế hoạch của họ và dời thân Chúa Jesus đi nơi khác và nọp cho người Do thái. Justin Martyr bài viết vào năm 150 sau CN chép rằng người Do thái phái sứ giả đặc biệt để báo rằng thân của Chúa Jesus đã bị cướp.

Trong số những bằng chứng này cho thấy người Do thái của thế kỷ đầu sau CN tin tưởng có sự tồn tại và cái chết to lớn của Jesus lịch sử.

6. Nhà soạn kịch Hy Lạp, Lucian, viết vào thế kỷ thứ hai, nói đùa người cơ đốc thờ phượng một người bị đóng đinh đến ngày nay’.

7. Josephus là nhà sử học nổi tiếng nhất của thế kỷ thứ nhất. Trong bài viết tên “đời sống cổ xưa”, được viết năm 90-95 sau CN, ông đề cập Giacơ, em Chúa Jesus. Ông cũng nói trong phần khác của cùng cuốn sách bằng những từ ngữ làm nổi bật hình ảnh của Tân ước về Chúa Jesus:

“bấy giờ có người tên Jesus, một người khôn ngoan...Ngài là người đem lại những thành công kinh ngạc... Ngài là Christ...Ngài hiện ra cùng họ vào ngày thứ 3, y như tiên tri đã báo trước và hàng ngàn điều kỳ diệu khác liên quan đến Ngài”

Vì vậy trong đoạn này, một số người cho rằng nó có một số điểm thêm vào. Rằng vẫn có lý do khi dùng đoạn này để ủng hộ sự tranh luận rằng có người tên Jesus Nazaret sống trong thế kỷ thứ nhất được cung cấp bởi một số điểm xem xét sau:

- Các học giả nổi tiếng ủng hộ đoạn đầu tiên này là nguyên bản, cho biết đoạn này được chép cùng thể loại với tác phẩm của Josephus
- Không có bằng chứng nào cụ thể nào để gọi là có sự thêm bớt.
- Giáo sư Schlomo Pines cho rằng tái bản tiếng Ả-rập của tác phẩm Josephus đã được khám phá gần như là còn nguyên vẹn. Đoạn ghi lại sự kiện xảy ra hồi đó, nhưng lại không lời tuyên bố giáo lý chính cụ thể nói đến sự sống lại và cứu thế của Chúa Jesus được chép trong đoạn trích trên. Điều này có vẻ hợp lý vì rằng Josephus là người Do thái. Pines lần đầu cho phát hành những phát hiện của mình ra công chúng trong tạp chí “Thời báo New York” 12/02/1972, trong đó ông trích đoạn bàn luận của Josephus nói về Jesus trong ấn bản tiếng Ả-rập: “Lúc đó có một người khôn ngoan tên Jesus. Đạo đức của người rất tốt và được coi là người có đức độ. Nhiều người Do thái và các nước trở thành môn đồ của Ngài. Pilate đem Chúa ra đóng đinh đến chết. Những người trở thành môn đồ của Chúa không từ bỏ mối tình thầy trò. Họ chép rằng Ngài đã hiện ra trước họ sau ba ngày chôn và Ngài vẫn còn sống; theo đó, Ngài là đáng cứu thế liên quan đến người mà các tiên tri đã kiểm lại các phép lạ”.
- Lời giải thích này khớp với Tân ước cách lạ lùng

Bài đọc thêm 23: “Ta đến từ trời

“Bánh của Đức Chúa Trời là Đấng từ trời xuống, và ban sự sống cho thế gian... Ta từ trời xuống” (Giăng 6:33,38).

Những từ này và những từ khác như thế sử dụng sai khi ủng hộ quan điểm sai rằng Jesus thực tế đã có trên thiên đàng trước khi ngài được sinh ra. Tuy nhiên, những điểm sau đây cần lưu ý:

1. Người tin thuyết Chúa Ba Ngôi xem những từ này theo nghĩa đen để chứng minh quan điểm của họ. Tuy nhiên, nếu chúng ta xem xét theo nghĩa đen, thì điều này có nghĩa bằng cách nào đó Chúa Jesus trôi xuyên xuyên qua bầu trời theo nghĩa đen. Kinh thánh không chỉ không đề cập vấn đề này, mà ngôn từ Chúa Jesus chịu thai từ một đứa bé trong lòng Mary trở nên vô nghĩa. Giăng 6:60 mô tả lời dạy về bánh mana nói rằng “thật khó nuốt vào”; nên chúng ta cần hiểu rằng ngôn từ được dùng ở đây là theo nghĩa bóng.
2. Trong Giăng 6, Chúa Jesus giảng bánh mana tượng trưng cho chính Ngài. Bánh được ban xuống từ trời với ý nghĩa là chính là Đức Chúa Trời là người có trách nhiệm tạo ra nó trên đất; bánh không phải rơi xuống theo nghĩa vật chất từ Ngai của Đức Chúa Trời trên thiên đàng. Do vậy, sự đến của Đấng Christ từ trời phải được hiểu như vậy; Ngài được tạo trên đất bởi thánh linh vận hành trong lòng Mary (Luca 1:35).
3. Chúa Jesus phán “bánh mà ta cho các người là thịt ta”(Giăng 6:51). Người theo thuyết Chúa Ba Ngôi cho rằng đó là một phần thân thể của Đức Chúa Trời trong Chúa Jesus từ trời xuống. Nhưng Chúa Jesus phán rằng này là thân thể ta là bánh từ trời mà đến. Cũng như vậy, Chúa Jesus liên hệ bánh từ trời với chính Ngài “Con người”(Giăng 6:62), không phải là Đức Chúa Con.
4. Cũng trong đoạn Giăng 6, nhiều bằng chứng cho thấy Chúa Jesus không ngang bằng với Đức Chúa Trời. “Đức Chúa Trời hằng sống sai ta đến” (Giăng 6:57) cho thấy rằng Chúa Jesus và Đức Chúa

Trời không thể là ngang hàng; chi tiết “Ta sống bởi Cha”(Giăng 6:57) thì không thể là đồng sống như thuyết Chúa Ba Ngôi.

5. Nên hỏi: Khi nào và bằng cách nào Chúa Jesus từ trời xuống? Thuyết Chúa Ba Ngôi dùng câu này trong Giăng 6 để chứng minh rằng Chúa Jesus có từ trước từ trời xuống. Giăng về sự ban cho Chúa Jesus của Đức Chúa Trời, Chúa phán “Cha ta ban cho các ngươi bánh” từ trời. Khi Chúa Jesus đang giảng những từ này, thì Ngài đã đến với ý nghĩa là Ngài được ban bởi Đức Chúa Trời. Vì điều này, Ngài có thể dùng thì quá khứ: “Ta là bánh của sự sống đã đến từ trời”(câu 51). Nhưng Ngài cũng nói về “sự đến” như là bánh từ trời bằng sự chết của Ngài trên thập tự giá: “Bánh mà ta sẽ ban cho các ngươi là thân thể ta, là bánh mà ta sẽ ban cho vì sự sống của thế gian”(câu 51). Vì vậy, chúng ta nói Chúa Jesus ở đây từ trời xuống vẫn đang trong quá trình xuống và vẫn phải xuống qua sự chết của Ngài trên thập tự. Chi tiết này chứng tỏ rằng “xuống” nói đến Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài, không phải là nói đến sự sinh của Chúa Jesus. Đức Chúa Trời nhìn thấy sự đau khổ của dân Ngài tại Ai cập và đã xuống để cứu họ qua việc làm của Mose. Ngài nhìn thấy sự ràng buộc của chúng ta trước tội lỗi, và đã xuống hoặc bày tỏ chính mình Ngài bằng cách sai Chúa Jesus để dẫn dắt chúng ta ra khỏi cảnh nô lệ, áp bức.

Bài đọc thêm 24: Chúa Jesus đã tạo ra thế gian?

“Ấy chính Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được, là Đấng sanh ra đầu hết thấy mọi vật dựng nên. Vì muôn vật đã được dựng nên trong Ngài, bất luận trên trời, dưới đất, vật thấy được, vật không thấy được, hoặc ngôi vua, hoặc quyền cai trị, hoặc chấp chánh, hoặc cầm quyền, đều là bởi Ngài và vì Ngài mà được dựng nên cả. Ngài có trước muôn vật, và muôn vật đứng vững trong Ngài. Ấy cũng chính Ngài là đầu của thân thể, tức là đầu hội thánh. Ngài là ban đầu, sanh trước nhưt

từ trong những kẻ chết, hầu ...”(Cô-lô-se 1:15-18). Đây là đoạn làm cho chúng ta có cảm giác rằng chính Chúa Jesus đã tạo ra thế gian.

1. Nếu điều này đúng, thì nhiều đoạn khác bị mâu thuẫn chép rằng Chúa Jesus chưa có trước khi sinh. Lời chép trong sáng thế rõ ràng dạy rằng Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo. Hoặc Chúa Jesus hoặc Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo; Nếu chúng ta nói rằng Chúa Jesus là đấng sáng tạo trong khi sáng thế chép Đức Chúa Trời là đấng sáng tạo, chúng ta nói rằng Chúa Jesus ngang bằng với Đức Chúa Trời. Trong trường hợp này, không thể giải thích nhiều câu cho thấy sự khác biệt giữa Đức Chúa Trời và Chúa Jesus
2. Chúa Jesus là “sinh ra đầu”, ngụ ý là đầu tiên. Không có bằng chứng cho thấy Chúa Jesus là “sinh đầu” của Đức Chúa Trời trước lúc dựng nên thế gian. Đoạn 2 Samuen 7:14 và thi thiên 89:27 tiên tri rằng người kế tự vua David sẽ trở thành “sinh đầu” của Đức Chúa Trời. Rõ ràng Ngài không thể có khi những đoạn kinh này được chép, nên không thể Ngài đã có lúc sáng thế. Chúa Jesus trở thành “Con của Đức Chúa Trời quyền năng” bởi sự sống lại từ kẻ chết (công vụ 13:32,33). Do vậy Chúa Jesus trở thành Đấng sanh đầu của Đức Chúa Trời bởi sự sống lại. Hãy để ý Con đứng bên tay hữu của Cha liên hệ như là Đấng sanh đầu (sáng thế 48:13-16), và Đấng Christ được đem lên bên tay hữu Đức Chúa Trời sau khi Ngài sống lại (Công vụ 2:32; Hebơơ 1:3).
3. Với ý nghĩa đó, Chúa Jesus được mô tả là Đấng sanh đầu từ kẻ chết (Cô-lô-se 1:18), một cụm từ tương đương với “sinh đầu của mọi loài” hay sự sáng tạo (Cô-lô-se 1:15). Ngài nói về mình là “đấng sinh ra đầu tiên trong những kẻ chết...ngay từ buổi đầu của sự sáng thế của Đức Chúa Trời”(Khải huyền 1:5; 3:14). Chúa Jesus là đầu tiên của sự sáng tạo con người không hư mất, mà sự sống lại và sinh lại như những người con của Đức Chúa Trời được làm trở nên có thể bởi sự chết và sống lại của Chúa Jesus (Ephê-sô 2:10; 4:23,24; 2 cô-rin-tô 5:17). “trong Đấng Christ những tín đồ chân chính sẽ được trở nên sống. Nhưng mỗi người theo thứ tự của mình: Đấng Christ là trái đầu mùa, sau đó các tín đồ sẽ được khi Chúa trở lại” (1 CÔ-rin-tô 15:22,23). Điều này tương tự như Cô-lô-se 1. Chúa Jesus là người đầu

tiên sống lại từ cõi chết và không chết nữa, Ngài là người đầu tiên của sự sáng tạo, người tín đồ chân chính sẽ được như thế ngày Chúa trở lại.

4. Sự sáng tạo được nói đến trong Cô-lô-sê 1 liên hệ đến sự sáng tạo, không phải nói đến sáng thế kỷ. Qua công việc của Chúa Jesus “vì muôn vật đã được dựng nên...ngôi...quyền cai trị” Phaolô không nói rằng Chúa Jesus tạo ra mọi vật và đưa ra sông, núi, chim,...các thành phần của sự sáng tạo mới này nói đến những phần thưởng mà chúng ta sẽ được trong nước của Đức Chúa Trời. “Ngài... quyền cai trị” nói đến cách thức mà các tín đồ được sống lại sẽ là các “vua” và người truyền giảng, và chúng ta sẽ trị vì trên đất” (khải huyền 5:10). Những điều này được làm nên bởi công việc của Chúa Jesus. “trong Ngài muôn vật được tạo thành trên trời” (Cô-lô-sê 1:16 R.V). Ephê-sô 2:6 chúng ta nhận thấy các tín đồ tin Chúa sẽ ngồi trong các nơi trên trời”. Nếu ai ở trong Chúa bởi phép báp-têm, người ấy là sự sáng tạo mới (2 Cô-rin-tô 5:17). Được ở trong Đấng Christ, chúng ta được cứu bởi sự chết của Ngài (Cô-lô-sê 1:22). Hành tinh hữu hình này không thể được tạo bởi do đang ở trong Đấng Christ. Vì vậy, những câu này dạy rằng vị trí thiêng liêng được đặt lên cao đã trở nên có thể bởi Đấng Christ mà chúng ta đang có và sẽ gặp trong tương lai. Trời và đất chứa mọi vật cần phải được đem lại gần bởi huyết của Chúa trên thập tự (Cô-lô-sê 1:16,20), cho thấy rằng “mọi vật...trên trời” nói đến các tín đồ bây giờ đang ngồi trong nơi trên trời... đang ở trong Đấng Christ”, không phải là tất cả mọi vật xung quanh chúng ta.
5. Nếu Chúa Jesus là đấng sáng tạo, sẽ thật kỳ lạ khi Ngài phán: “...ngay từ lúc sáng thế Đức Chúa Trời đã tạo chúng...”(Mac 10:6). Điều này có vẻ như thể Ngài đã hiểu Đức Chúa Trời là đấng sáng thế, chứ không phải bởi Ngài. Và theo nghĩa đen nếu Ngài tạo thế gian, thì cũng phải có Đức Chúa Trời làm việc này.

Bài đọc thêm 25: “Trước khi chưa có Apraham, là có ta” (Giăng 8:58)

Những từ này thường được vận dụng sai khi dạy rằng Chúa Jesus có trước Apraham. Tuy nhiên, những lời sau đây rất đúng nển tìm hiểu sâu hơn:

1. Chúa Jesus không nói “Trước khi chưa có Apraham, đã có ta”. Ngài là người kế tự theo lời hứa của Apraham; chúng ta làm vô nghĩa lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho Apraham nếu chúng ta nói rằng Chúa Jesus thực tế có trước khi Apraham có.
2. Đoạn Giăng 8:58 là đoạn thuyết giảng của Đấng Christ cùng dân Do thái nói về Apraham. Khi đoạn này được đề cập, Apraham là người to lớn nhất trong chúng ta. Chúa Jesus phán “Ta bây giờ đứng ở đây đáng trọng hơn Apraham”. Khi họ đứng đó, Chúa Jesus là người được tôn trọng hơn là Apraham. Ngài phán “Ta bây giờ, quan trọng hơn Apraham trước kia”. Thì có thể hiểu từ “trước” trong Giăng 8:58 bằng cách tham chiếu về thời gian với ý nghĩa là: trước khi Apraham có, Đấng Christ đã nằm trong chương trình của Đức Chúa Trời ngay từ lúc sáng thế. Điều này phải như thế vì Chúa Jesus có trước Apraham với ý nghĩa là Ngài có trước Apraham trong ý nghĩa của tính chất quan trọng.
3. Bằng chứng của đoạn này có trong Giăng 8:56: “cha người Apraham vui mừng nhìn thấy ngày của ta; người đã thấy rồi và mừng rỡ”. Là lần duy nhất Apraham được ghi là cười và vui mừng là khi người được ban lời hứa rằng ông sẽ có dòng dõi; người hiểu rằng chắc chắn lời hứa có sự liên hệ đến Chúa Jesus (sáng thế 17:17). Apraham biết đến Đấng Christ qua lời hứa giao ước cho người liên hệ đến Chúa Jesus. Người kín đáo bình phẩm về sự hy sinh của Jesus tương lai: “trên núi củc Đứcgiêhôva sẽ sắm sẵn” (sáng thế 22:14). Trong ý

nghĩa đó Chúa Jesus nói về Apraham như nhìn thấy người. Khi nói về lời hứa Chúa Jesus phán: “trước khi có Apraham, là ta có”. Ngài hiểu lời hứa của Đức Chúa Trời cho Apraham đã cho thấy chương trình về Chúa Jesus mà Đức Chúa Trời định trước khi sáng thế. Mục đích đó, có trước khi có Apraham, đã được bày tỏ cho Apraham qua lời hứa cho người, và bây giờ được ứng nghiệm trước người Dothái vào thế kỷ thứ nhất, như họ đang đứng quanh Ngài, “ngôi lời (lời hứa) trở thành xác thịt”.

4. Người ta thường cho rằng Chúa Jesus nói gián tiếp bằng tên thánh khi Ngài phán “Có ta”. Chúng ta giải thích trong bài đọc thêm 3 rằng Chúa Jesus và những người dân thường có thể mang Danh của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, có thể Chúa Jesus chỉ dùng thì hiện tại của động từ “là”. Người hàng xóm của người mù được sáng mắt hỏi nhau rằng có phải người này cũng là người thường ngồi ăn xin: “một số nói: đúng là hắn; người khác nói: “người giống hắn; nhưng Chúa nói: “Ta là”. Người mù nói “là tôi”, thì cũng như Chúa Jesus nói “Ta là” trong giăng 8:58. Nếu chúng ta có thể nói Chúa Jesus đã phán “ta là” chứng tỏ Ngài là Đức Chúa Trời, thì chúng ta phải kết luận rằng người mù cũng chính là “Đức Chúa Trời”. Tuy nhiên, nên hiểu rằng Giêhôva, tên Thánh, thực sự nghĩa là “Ta sẽ là Ta”(Xuất hành 3:14) không phải là “ta là”

Bài đọc thêm 26: Melchizedek

Nhiều lớp thánh kinh nói đồng ý thành tâm lời của sứ đồ Phiosơ khi người viết: “Phaolô anh em rất yêu dấu của chúng ta...trong những bức thư ...ở trong có mấy đoạn khó hiểu, mà những kẻ dốt nát và không tin giải sai ý nghĩa, cũng họ giải sai các phần kinh thánh khác, chuốc lấy sự hư mất riêng về mình.”(2 Phiosơ 3:15,16). Điều này chắc chắn áp dụng lời bình của Phaolô về Melchizedek chép trong Hebơơ; chính bản thân người thừa nhận người tìm hiểu sâu, nói về những sự việc chỉ hiểu được bởi những người tín đồ chín chắn (Hebơơ 5:10,11,14). Do vậy, đây

không phải theo thứ tự để dùng giáo lý căn bản khi giảng những câu này; cũng không phải các đoạn Melchizedek đan xen trong tâm trí của những người vẫn còn đang học hỏi giáo lý căn bản củathánh kinh.

“Melchizedek là vua của Salem, thầy tế lễ của Đức Chúa Trời rất cao đã đi rước Apraham và chúc phước cho trong khi người thắng trận các vua trở về” được nói như “người không cha, không mẹ, không gia phả, không có ngày đầu mới sanh, cũng không có ngày qua đời, như vậy là giống Con Đức Chúa Trời” (Hebơơ 7:1,3). Từ đây một số người tranh cãi rằng Chúa Jesus thực tế đã có trước khi sinh, nên không có cha mẹ là người.

Chúa Jesus có Cha (Đức Chúa Trời) và mẹ (Mary) và gia phả (xem Mathiơ 1, Luca 3 và so sánh Giăng 7:27). Melchizedek không thể đề cập đến Ngài cách riêng tư. Hơn nữa, Melchizedek được “giống Con của Đức Chúa Trời”; người không phải là chính Chúa Jesus, nhưng có một số điểm giống nhau với người mà người chép kinh nhằm mục đích dạy dỗ. “Sau hình ảnh so sánh về Melchizedek xuất hiện một thầy tế lễ khác”, Chúa Jesus (Hebơơ 7:15), người được sắp đặt làm thầy tế lễ “sau Melchizedek” (Hebơơ 5:5,6)

Tiếng Do thái Melchizedek không thể xem xét theo nghĩa đen. Nếu Melchizedek thực sự không cha, không mẹ, thì người duy nhất hẳn phải là chính Đức Chúa Trời; Người là người duy nhất không có ngày bắt đầu (1Timôthê 6:16; thi thiên 90:2). Nhưng điều này mâu thuẫn với Hebơơ 7:4: “Hãy nghĩ xem người này đáng được tôn trọn biết dường nào”, con người đã nhìn thấy người (Đức Chúa Trời thì không thể) và đem của lễ dâng Đức Chúa Trời. Nếu người được gọi là người, thì người hẳn phải có cha mẹ thực sự. Hiện “người không cha, không mẹ, không gia phả” hẳn phải liên hệ đến vấn đề gia phả và cha mẹ người do không được chép lại. Cha mẹ của hoàng hậu Esther không được chép lại, nên lịch sử bản thân của người được mô tả tương tự. Mordecai nuôi dưỡng Esther, đưa con gái của Chú mình: vì người không cha, không mẹ... Mordecai đem về làm con gái mình khi cha mẹ người chết đi”(Esther 2:7).

Sánh sáng thế thường trải qua một quá trình để đưa ra lịch sử bản thân của gia phả của tất cả các nhân vật để cho chúng ta tìm hiểu. Nhưng Melchizedek hiện đến trong bối cảnh bất ngờ, không một lời ghi chép nào về cha mẹ người, mất gốc đầy bất ngờ. Song không gì nghi ngờ rằng ông cũng đáng được trân trọng; ngay cả Apraham đã nộp phần mười cho người, và được ban phước bởi người, qua đó cho thấy sự cao trọng của Melchizedek đối với Apraham.

Phaolô không phải đang luyện tập thánh kinh. Thực ra có những vấn đề thực tế trong thế kỷ thứ nhất mà lý giải về Melchizedek phải giải quyết. Người Do thái lập luận rằng:

“anh em người cơ đốc bảo chúng tôi rằng Jesus này là thầy tế lễ cao cả của chúng ta, dâng lời cầu nguyện của chúng ta và cầu thay chúng ta trước Đức Chúa Trời. Nhưng thầy tế lễ phải có gia phả rõ ràng, cho thấy Ngài từ chi phái Levi. Nhưng đâu sao, chính anh em thừa nhận Chúa Jesus đã từ chi phái của Giuda (Hebơơ 7:14). Đáng tiếc, đối với chúng ta Apraham là người lãnh đạo cao thượng và là một mẫu của chúng ta (Giăng 8:33,39), và chúng ta sẽ không tôn kính Jesus này”.

Phaolô trả lời cho vấn đề này:

“hãy nhớ Melchizedek. Sáng thế cho biết rằng người thầy cao cả đó đã không gia phả; Đáng cứu thế vừa là vua và thầy cao cả mà chức phận làm thầy theo trình tự hay mẫu mực của Melchizedek (Hebơơ 5:6 so sánh thi thiên 110:4). Apraham kém hơn Melchizedek, nên anh em nên hướng lòng tôn kính mình từ Apraham đến Chúa Jesus và không nên tiếp tục thắc mắc hay xem quá quan trọng về gia phả (xem 1 timôthê 1:4). Nếu anh em suy ngẫm Melchizedek là mẫu người về Chúa Jesus, thì anh em sẽ hiểu biết tốt hơn về việc làm của Chúa Jesus.

Bài 7: Câu hỏi

1. Hãy nêu ra hai lời tiên tri về Chúa Jesus?
2. Đức Chúa Jêsus đã tồn tại về thân thể trước khi sinh ra không?
 - a) Vâng
 - b) Không
3. Có thể nói Đức Chúa Jêsus đã tồn tại trước khi sinh ra trong ý nghĩa nào?
 - a) Như Thiên sứ
 - b) Như bộ phận của Ba ngôi một thể
 - c) Như thần linh
 - d) Chỉ trong ý và mục tiêu của Đức Chúa Trời
4. Câu nào trong số những câu này nói thật về Ma-ri?
 - a) Ma-ri đã là một phụ nữ trọn vẹn, vô tội lỗi
 - b) Ma-ri đã là một phụ nữ bình thường
 - c) Ma-ri đã thụ thai Đức Chúa Jêsus bởi Đức Thánh Linh
 - d) Hiện nay Ma-ri đưa lời cầu xin của chúng ta cho Đức Chúa Jêsus
5. Đức Chúa Jêsus đã tạo ra trái đất, phải không?
 - a) Vâng
 - b) Không
6. Anh/em hiểu gì sách Giăng 1:1-3 “Ban đầu có ngôi lời?” Có nghĩa là gì?
7. Tại sao Anh/em nghĩ rằng thật hết sức quan trọng khi chắc chắn Chúa Jesus đã hiện hữu thể chất trước khi sinh ra không.

BÀI 8

BẢN CHẤT CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI



8.1 Bản chất của Đức Chúa Jêsus: Lời mở đầu

Một trong những tấn bi kịch lớn nhất trong tư tưởng của người Cơ đốc là Đức Chúa Jêsus-Christ đã không được tôn trọng và đề cao do Ngài đã thắng tội lỗi, bởi sự phát triển tính nét trọn vẹn. Học thuyết phổ biến về ba ngôi một thể làm Đức Chúa Jêsus bản thân Đức Chúa Trời. Vì Đức Chúa Trời không thể bị cám dỗ được (Giacơ 1:13) và không có khả năng mắc tội, thì điều này có nghĩa rằng Đấng Christ đã không cần thật vật lộn (?đấu tranh chống) tội lỗi. Cho nên, sự sống của Đấng trên đất chỉ đã sự giả mạo, sự trải qua (sống để nhận, sống sót?) kinh nghiệm con người, nhưng không có tình cảm thực sự về thể khó xử của tính thần và thần thể thuộc loài người, vì bản thân Đấng đã không bị tác động bởi nó.

Ở điểm cực đoan khác, những nhóm kiểu Môc-môn và Nhân chứng Giê-hô-va đã không thể đánh giá đúng phép mầu của Đấng Christ là một Con trai duy nhất của Đức Chúa Trời. Như thế, Đấng Christ đã không thể làm thiên sứ hay con trai tự nhiên của Giô-sép. Một số người đưa ra giả thuyết rằng, trong quá trình sống, bản chất của Đấng Christ đã giống bản chất của A-đam lúc trước sa ngã. Ngoài việc thiếu bằng chứng cho quan điểm này trong Kinh thánh ra, giả thuyết này không đánh giá đến mức rằng A-đam đã do Đức Chúa Trời lấy bụi tạo ra người, trong khi Đức Chúa Jêsus được tạo ra bởi sinh ra từ trong tử cung Ma-ri qua Đức Chúa Trời. Vì thế, mặc dù Đức Chúa Jêsus đã không có cha con người, Đấng Christ được thụ thai và sinh hoàn toàn như nhau với chúng ta. Nhiều người không thể chấp nhận rằng một con người với bản chất tội lỗi như chúng ta đã có thể có tính nét trọn vẹn. Chính điều này làm trở ngại cho đức tin thực sự vào Đấng Christ.

Để tin rằng Đức Chúa Jêsus đã có bản chất như chúng ta, nhưng về tính người thì vô tội lỗi, luôn luôn khắc phục những sự cám dỗ, thì không dễ dàng đâu. Cần mất nhiều thời gian suy nghĩ về bài Tin lành về sự sống trọn vẹn của Đấng Christ, gắn liền với nhiều đoạn trong Kinh thánh phủ

nhận rằng Đấng Christ là Đức Chúa Trời, để đi đến sự am hiểu và đức tin vững chắc vào Đấng Christ thực sự. Tưởng tượng rằng Đấng Christ đã là Đức Chúa Trời Tự Hữu, cho nên, một cách tự động là trọn vẹn thì dễ hơn nhiều. Song cách nhìn này hạ thấp tính chất vĩ đại của thắng lợi mà Đức Chúa Jêsu đã giành chống tội lỗi và bản chất con người.

Đấng đã có bản chất con người; Đấng đã chia sẻ mọi khuynh hướng tội lỗi của chúng ta (Hebơơ 4:15), Thế nhưng, Đấng Christ đã khắc phục nó nhờ đã trung tín với đường lối của Đức Chúa Trời và tìm sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời để khắc phục tội lỗi. Đức Chúa Trời đã vui lòng giúp đến mức mà “Đức Chúa Trời vốn ở trong Đấng Christ, làm cho thế gian lại hòa với Ngài” bởi một Con trai của riêng Ngài (2 Côrintô 5:19).

8.2 Sự khác biệt giữa Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsu

Cần phải giữ một cân bằng rất chính xác giữa những đoạn nhấn mạnh “Đức Chúa Trời vốn ở trong Đấng Christ” đến mức độ nào và những đoạn nêu bật tính chất con người của Đấng Christ. Những đoạn cuối của bài kinh không thể chứng minh về phương diện kinh thánh rằng Đức Chúa Jêsu là Đức Chúa Trời Tự Hữu, “Đức Chúa Trời thực của Đức Chúa Trời thực”, như học thuyết của Ba ngôi một thể tuyên bố hết sức sai lệch. (Câu “Đức Chúa Trời thực của Đức Chúa Trời thực” được dùng tại Hội đồng Nicea năm 325 A.D., ở đó tư tưởng về Đức Chúa Trời như Ba ngôi một thể được công bố lần đầu tiên; những người đầu tiên theo Chúa đã chưa biết tư tưởng này.) Từ Ba ngôi một thể không bao giờ tìm thấy trong Kinh thánh. Bài 9 sẽ nghiên cứu sâu hơn về sự toàn thắng của Đấng Christ đối với tội lỗi và về vai trò của Đức Chúa Trời trong việc đó. Vì chúng ta bắt đầu học, thì xin nhớ rằng sự cứu rỗi thuộc vào sự hiểu đúng đắn về Đức Chúa Jêsu-Christ thực sự (Giăng 3:36; 6:53; 17:3). Đã am hiểu một cách đúng đắn sự chế ngự tội lỗi và sự chết của

Đấng Christ, chúng ta mới có thể chịu phép báp-têm trong Đấng Christ nhằm chia sẻ sự cứu rỗi.

Một trong những lời tổng kết rõ nhất quan hệ giữa Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus tìm thấy trong 1 Timôthê 2:5: “Chỉ có một Đức Chúa Trời, và chỉ có một Đấng Trung bảo ở giữa Đức Chúa Trời và loài người, tức là Đức Chúa Jêsus-Christ, là người”. Sự ngẫm nghĩ về những lời nêu bật dẫn tới những kết luận sau:-

- Đã có chỉ một Đức Chúa Trời, không thể Đức Chúa Jêsus cũng là Đức Chúa Trời; nếu Cha là Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus cũng là Đức Chúa Trời, thì có hai Đức Chúa Trời. “Về phần chúng ta, chỉ có một Đức Chúa Trời mà thôi, là Đức Chúa Cha” (1 Côrintô 8:6). Cho nên Đức Chúa Cha là Đức Chúa Trời duy nhất. Bởi vậy, không thể có một thể riêng lẻ gọi là Đức Chúa Trời-Con trai như học thuyết sai về ba ngôi một thể tuyên bố. Kinh Cựu ước cũng miêu tả Giê-hô-va, một Đức Chúa Trời, như Cha (ví dụ Êsai 63:16; 64:8).
- Thêm vào một Đức Chúa Trời, có một đấng trung bảo ở giữa, con người Christ Jêsus “... và chỉ có một Đấng Trung bảo...”. Từ “và” này chỉ vào sự khác biệt giữa Đấng Christ và Đức Chúa Trời.
- Đấng Christ như “đấng trung bảo” có nghĩa là Đấng là người môi giới (người trung gian). Người môi giới giữa một người tội lỗi và Đức Chúa Trời vô tội không thể là Đức Chúa Trời Tự Hữu vô tội; đó phải là một con người vô tội, với bản chất con người tội lỗi. “Đức Chúa Jêsus-Christ, là người” làm chúng ta không nghi ngờ nữa về điều này. Mặc dù Phao-lô viết lúc sau khi Đức Chúa Jêsus đã lên trời rồi, người không nói về “Đức Chúa Trời Christ-Jêsus”.

Chúng ta được nhắc nhở nhiều lần rằng “Đức Chúa Trời không phải là người” (Dân số 23:19; Hô-sê 11:9); song Đấng Christ rõ ràng là “con trai của con người”, trong Kinh Tân ước Đấng được nhiều lần gọi “con người Christ-Jêsus”. Bởi vì một người mà có sự chết, cũng bởi một người mà

có sự sống lại của những kẻ chết” (1 Côrintô 15:21). Đấng đã là “Con của Đấng Rất Cao” (Luca 1:32). Đức Chúa Trời như “Đấng Rất Cao” có nghĩa rằng chỉ Ngài là cao nhất mà thôi; Đức Chúa Jêsus như “Con của Đấng Rất Cao” có nghĩa rằng Đấng Christ không thể làm Đức Chúa Trời Tự Hữu đích thân. Cách nói về Cha và Con, bản thân các từ Cha và Con được dùng về Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus làm hiển nhiên rằng họ không phải là một. Trong khi con trai có thể có một số nét giống bố mình, con vẫn không thể làm cá nhân hoàn toàn như bố, kể cả không thể có tuổi như nhau với bố mình.

Đồng thời, có nhiều sự khác biệt rõ ràng giữa Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus mà chỉ rõ rằng Đức Chúa Jêsus đã không phải là bản thân Đức Chúa Trời:-

Đức Chúa Trời	Đức Chúa Jêsus
“Đức Chúa Trời chẳng bị ... cám dỗ” (Giacơ 1:13). Đức Chúa Trời không thể chết Ngài có bản chất không hề chết (Thithiên 90:2; 1 Timôthê 6:16). Đức Chúa Trời không được nhìn thấy do con người (1Timôthê 6:16; Xuấnhành 33:20).	Đấng Christ đã “bị thử thách trong mọi việc cũng như chúng ta” (Hebơơ 4:15). Đấng Christ đã chết trong suốt ba ngày (Mathiơ 12:40; 16:21). Người ta đã nhìn thấy Đức Chúa Jêsus và sờ đến Ngài (1Giăng 1:1 nhấn mạnh điều này)

Khi chúng ta bị cám dỗ, chúng ta bắt buộc phải chọn giữa tội lỗi và sự vâng lời của Đức Chúa Trời. Nhiều khi chúng ta chọn không vâng lời Đức Chúa Trời; Đấng Christ đã phải cũng đứng trước sự lựa chọn như thế, nhưng luôn luôn đã chọn phải vâng lời. Cho nên, Đấng Christ đã có khả năng mắc tội, mặc dù không bao giờ thật làm như thế. Không thể tưởng tượng được rằng Đức Chúa Trời đã có khả năng mắc tội. Chúng tôi đã chỉ rõ rằng dòng dõi của Đa-vít được hứa trong 2 Samuên 7:12-16

đã là Đấng Christ. Câu 14 nói về khả năng phạm tội của Đấng Christ: “Nếu nó phạm tội ác, tất ta sẽ sửa phạt nó”.

8.3 Bản chất của Đức Chúa Jêsus

Từ “bản chất” liên quan đến những gì mà chúng ta vốn có, về cơ bản. Chúng tôi đã chỉ trong Bài 1 rằng Kinh thánh chỉ nói về hai kiểu bản chất: bản chất của Đức Chúa Trời và bản chất của con người. Bởi bản chất Đức Chúa Trời không thể chết, bị cám dỗ, v.v. Rõ ràng Đấng Christ đã không có bản chất như Đức Chúa Trời trong đời sống mình. Cho nên, Đấng đã có bản chất hoàn toàn của con người. Từ lời định nghĩa của chúng tôi về từ bản chất phải thấy rõ rằng Đấng Christ đã không thể có hai bản chất đồng thời. Rất quan trọng rằng Đấng Christ đã có thể bị cám dỗ cũng như chúng ta (Hebơr 4:15), bởi vì nhờ Đấng Christ đã khắc phục một cách trọn vẹn những cám dỗ này Ngài mới có thể giành sự tha thứ cho chúng ta. Những mong muốn (thèm muốn, ao ước) sai lầm mà là cơ sở của những cám dỗ của chúng ta ra từ trong lòng của chúng ta (Mac 7:15-23), từ trong bản chất con người của chúng ta (Giacơ 1:13-15). Cho nên, Đấng Christ cần phải có bản chất con người để cho Đấng có thể thử thách và khắc phục những cám dỗ này.

Hebơr 2:14-18 trình bày ý này rất chi tiết:-

“Vì con cái (chúng ta) có phần về huyết và thịt (bản chất con người), nên chính Đức Chúa Jêsus cũng có phần (tức là “cùng chia sẻ”, R.S.V.) vào đó (bản chất), hầu cho Ngài bởi sự chết mình mà hủy diệt... ma quỷ... Vì quả thật không phải Ngài đến vừa giúp các thiên sứ, bèn là vừa giúp đồng đội của Áp-ra-ham. Nhân đó, Ngài phải chịu làm giống như anh em mình trong mọi sự... trở nên thầy tế lễ thượng phẩm, hay thương xót và trung tín, đặt đền tội cho loài người. Vả, vì chính mình Ngài chịu

khổ trong khi bị cám dỗ, nên có thể cứu những kẻ bị cám dỗ vậy.”

Đoạn này cực kỳ quan trọng một điều là Đức Chúa Jêsus có bản chất con người: “Chính Đức Chúa Jêsus cũng có phần vào đó” (Hebơơ 2:14). Câu này dùng ba từ với ý nghĩa như nhau chính để làm vấn rõ hoàn toàn). Đấng “có phần vào đó”; câu đã có thể là cũng có phần vào Đó, nhưng câu này nhấn mạnh rằng Đấng đã “cũng có phần vào đó”. Hebơơ 2:16 xem xét tương tự vấn đề Đấng Christ đã không có bản chất thiên sứ, vì đã là dòng dõi của Áp-ra-ham mà đã đến nhằm mang lại sự cứu rỗi cho các tín đồ mà sẽ trở thành dòng dõi của Áp-ra-ham. Do đó, Đấng Christ đã cần có bản chất con người. Về mọi mặt, Đấng đã phải “chịu làm giống như anh em mình trong mọi sự” (Hebơơ 2:17), để cho Đức Chúa Trời có thể ban ơn sự tha thứ cho chúng ta bởi sự hy sinh của Đấng Christ. Nói rằng Đức Chúa Jêsus đã không có bản chất hoàn toàn con người là, cho nên, có nghĩa là không biết gì về những cơ sở cơ bản của tin mừng về Đấng Christ.

Khi những tín đồ mà đã chịu phép báp-têm mắc tội, họ có thể đến với Đức Chúa Trời xưng tội mình trong lời cầu xin nhờ Đấng Christ (1Giăng 1:9); Đức Chúa Trời biết rằng Đấng Christ bị cám dỗ mắc tội giống như họ, nhưng Đấng đã là trọn vẹn, khắc phục chính sự cám dỗ mà họ không khắc phục được. Do đó, “Đức Chúa Trời (có thể) tha thứ anh em (chúng ta) trong Đấng Christ vậy” (Ephêso 4:32). Cho nên, rất quan trọng đánh giá đúng Đấng Christ đã bị cám dỗ đúng như chúng ta như thế nào, và Đấng đã cần phải có bản chất như chúng ta để điều này có thể xảy ra. Hebơơ 2:14 nói rõ rằng Đấng Christ có bản chất “huyết và thịt” để việc này có thể được làm. “Đức Chúa Trời là Thần” (Giăng 4:24) về bản chất và mặc dù Ngài có thân thể vật chất, nhưng như “Thần” Ngài không có thịt và huyết. Việc Đấng Christ có bản chất “xác thịt” có nghĩa là không cách nào để Đấng Christ đã có bản chất như Đức Chúa Trời trong suốt đời mình.

Tất cả những cố gắng lúc trước của loài người giữ lời Đức Chúa Trời, tức là khắc phục sự cám dỗ hoàn toàn, đã không thành công. Bởi vậy, “Đức Chúa Trời... đã vì cố tội lỗi sai chính Con mình lấy xác thịt giống như xác thịt tội lỗi của chúng ta, và đã đoán phạt tội lỗi trong xác thịt” (Rm 8:3 A.V. mg.).

“Tội lỗi” gắn liền với sự thiên về tội lỗi mà chúng ta có bởi bản chất. Chúng ta đã chịu thua nó rồi, và tiếp tục chịu thua tội lỗi, và “tiền công của tội lỗi là sự chết”. Muốn ra khỏi tình trạng gay go này, con người đã cần được giúp từ bên ngoài. Bản thân con người hình như đã không có khả năng trở thành hoàn hảo; đã và đang không thể cứu chuộc xác thịt ở trong xác thịt. Cho nên, Đức Chúa Trời đã can thiệp và ban cho chúng ta Con một của Ngài mà đã có “xác thịt tội lỗi” như chúng ta và tất cả những thúc giục mắc tội như chúng ta. Khác với người khác, Đấng Christ đã khắc phục mọi sự cám dỗ, mặc dù Đấng Christ đã có thể chịu thua và mắc tội cũng như chúng ta. Rôma 8:3 miêu tả bản chất con người của Đấng Christ như “xác thịt tội lỗi”. Một số câu trước đó, Phao-lô đã nói rằng “đều lành chẳng ở” trong xác thịt, và xác thịt vốn một cách tự nhiên chống lại sự vâng lời Đức Chúa Trời (Rôma 7:18-23). Trong văn cảnh này, những điều chúng ta đọc về “xác thịt tội lỗi” của Đấng Christ trong Rôma 8:3 trở nên càng kỳ diệu. Chính nhờ điều này và nhờ Đấng Christ đã khắc phục mặt xác thịt, thì chúng ta mới có cách thoát khỏi xác thịt chúng ta; Đức Chúa Jêsus đã nhận thức sâu sắc tính chất tội lỗi của bản chất riêng mình. Một lần Đấng Christ được gọi “Thầy nhân từ”, ẩn ý là Đấng “nhân từ” và trọn vẹn về bản chất. Đấng đã trả lời: “Sao người gọi ta là nhân từ ? Chỉ có một Đấng nhân từ, là Đức Chúa Trời” (Mac 10:17,18). Trong trường hợp khác, người ta đã bắt đầu làm chứng về tính chất vĩ đại của Đấng Christ nhờ hàng loạt phép lạ tuyệt vời Đấng Christ đã làm. Đức Chúa Jêsus đã không lợi dụng điều này vì “nhận biết mọi người, và không cần ai làm chứng về người nào, bởi Ngài tự hiểu thấu mọi điều trong lòng người ta” (Giăng 2:23-25, văn bản Hy Lạp). Bởi vì biết sâu sắc bản chất con người (“Ngài tự hiểu thấu mọi điều” này), Đấng Christ đã không muốn người ta ngợi khen điều thiện trong cá nhân Ngài, vì biết bản chất con người ác đến mức nào.

8.4 Nhân tính (Phần người, Bản tính con người trong) của Đức Chúa Jêsus

Sách Phúc Âm cung cấp nhiều ví dụ về Đức Chúa Jêsus đã có bản chất con người đến mức nào. Một bài ghi rằng Đấng Christ đã mỗi một và phải ngồi để uống nước khỏi cái giếng (Giăng 4:6). “Đức Chúa Jêsus khóc” khi La-xa-rô mất (Giăng 11:35). Một lúc quan trọng nhất khi Đấng Christ chịu thương khó cuối cùng sẽ là bằng chứng đầy đủ về nhân tính của Đấng Christ: “Hiên nay tâm thần ta bối rối”, Đấng Christ đã chấp nhận khi cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời để cứu giúp Ngài hoàn thành sự chết trên cây thập tự đến cùng (Giăng 12:27). Đấng Christ đã “cầu nguyện rằng: Cha ơi! Nếu có thể được, xin cho chén này (phải chịu thương khó và chết) lìa khỏi Con! Song không theo ý muốn Con, mà theo ý muốn Cha” (Mathiơ 26:39). Chỗ này nêu rõ rằng về mặt nào đó ý thích, hay nguyện vọng, của Đấng Christ đã khác với nguyện vọng của Đức Chúa Trời.

Suốt đời Đấng Christ đã làm nguyện vọng mình phục tùng nguyện vọng của Đức Chúa Trời chuẩn bị cho sự thử thách cuối cùng bởi cây thập tự: “Ta không thể tự mình làm nổi việc gì; ta xét đoán theo điều ta nghe, và sự xét đoán ta là công bình, vì ta chẳng tìm ý muốn của ta, nhưng tìm ý muốn của Đấng đã sai ta” (Giăng 5:30). Sự khác nhau này giữa ý muốn của Đấng Christ và ý muốn của Đức Chúa Trời là bằng chứng đầy đủ rằng Đức Chúa Jêsus đã không phải là Đức Chúa Trời.

Suốt hết cuộc đời chúng ta được mong lớn lên trong sự hiểu biết về Đức Chúa Trời càng sâu, học theo những thử thách mà chúng ta trải qua trong cuộc đời. Đức Chúa Jêsus nêu gương to lớn cho chúng ta trong việc này. Không ai đã thể hiện sự hiểu biết toàn diện về Đức Chúa Trời vào lòng, chúng ta cũng không. Từ tuổi thơ ấu, “Đức Chúa Jêsus khôn ngoan càng thêm, thân hình càng lớn (tức là sự trưởng thành về thần linh, so sánh Ephêso 4:13), càng được đẹp lòng Đức Chúa Trời và người ta” (Luca 2:52). “Con trẻ lớn lên, và mạnh mẽ” (Luca 2:40). Hai câu này miêu tả

sinh động Đấng Christ đã trưởng thành về thân thể đồng thời với thần linh như thể nào; quá trình lớn lên đã xảy ra trong Đấng Christ cả về cơ thể lẫn về thần linh. Nếu “Con là Đức Chúa Trời”, như Athanasian Creed tuyên bố liên quan đến Ba ngôi một thể, thì việc này không thể có được. Ngay cả lúc cuối đời, Đấng Christ đã thừa nhận rằng Đấng không biết chính xác lúc đến lần thứ hai, song Cha thì biết (Mác 13:32). Ngài hỏi nhiều điều trước các thầy về luật pháp khi mới 12 tuổi, là người ham học; và Ngài thường nói về những điều Ngài đã học và được dạy bởi Cha mình (Đức Chúa Trời).

Sự phụ tùng ý muốn của Đức Chúa Trời là một việc mà tất cả chúng ta cần phải học suốt cả đời. Đấng Christ cũng đã cần phải trải qua quá trình học phục tùng Cha mình, như đứa con nào cũng phải làm. “Dầu Ngài là Con, cũng đã học tập vâng lời (tức là vâng lời Đức Chúa Trời) bởi những sự khốn khổ mình đã chịu, và sau khi đã được làm nên trọn vẹn rồi (tức là đã trưởng thành về thần linh), thì trở nên cội rễ của sự cứu rỗi đời đời” (Hebơr 5:8,9). Phi-líp 2:7,8 (được bình luận tiếp theo trong Bài đọc thêm 27) cũng chép rằng quá trình trưởng thành thần linh trong Đức Chúa Jêsus lên đến cực điểm khi chết trên cây thập tự. Đấng “đã tự bỏ mình đi, lấy hình (cách xử sự) tôi tớ... Ngài đã ... *tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến... chết trên cây thập tự*”. Cách nói đã dùng ở đây minh họa Đức Chúa Jêsus đã có ý thức tiến lên phía trước trong sự phát triển thần linh mình, làm mình khiêm tốn càng nhiều, đến nỗi mà cuối cùng Đấng đã trở thành “vâng phục” ý muốn của Đức Chúa Trời phải chết trên cây thập tự. Vì thế, Đấng Christ đã “được làm nên trọn vẹn” bởi hưởng ứng đúng đắn sự thương khó của mình.

Từ đó thấy rất rõ rằng bản thân Đức Chúa Jêsus đã phải một cách cố ý thức cố gắng làm người công bình; nếu Đấng Christ làm điều gì do Đức Chúa Trời ép buộc làm, nếu có thì Đấng Christ cuối cùng sẽ chỉ trở thành con rối thôi. Đức Chúa Jêsus đã thực sự yêu thương chúng ta, và phó sự sống mình trên cây thập tự vì lý do đó. Sự nhấn mạnh thường xuyên vào lòng yêu thương của Đấng Christ đối với chúng ta sẽ rộng tuếch nếu Đức Chúa Trời đã buộc Đấng phải chết trên cây thập tự

(Ephêsô 5:2,25; Khải huyền 1:5; Galati 2:20). Nếu Đức Chúa Jêsus đã là Đức Chúa Trời, thì Đấng Christ đã không có quyền lựa chọn nào nữa mà chỉ trở nên trọn vẹn và sau đó chết trên cây thập tự. Việc Đức Chúa Jêsus đã có quyền lựa chọn tạo khả năng cho chúng ta đánh giá lòng yêu thương của Đấng Christ và thiết lập quan hệ cá nhân với Ngài.

Chính vì Đấng Christ đã tự nguyện muốn phó sự sống mình, thì Đức Chúa Trời mới yêu mến Đấng Christ nhiều thế: “Này, tại sao Cha yêu ta: ấy vì ta phó sự sống mình... Chẳng có ai cất sự sống ta đi, nhưng tự ta phó cho” (Giăng 10:17,18). Khó hiểu việc Đức Chúa Trời rất vui mừng vì Đấng Christ vui lòng phục tùng Ngài, nếu Đức Chúa Jêsus đã là Đức Chúa Trời mà sống được một cuộc sống trong hình thức con người kiểu một dấu hiệu liên hệ với con người tội lỗi (Mathiơ 3:17, 12:18; 17:5). Câu về Cha vui sướng về sự phục tùng của Con là một bằng chứng đủ vững chắc rằng Đấng Christ đã có khả năng không phục tùng, nhưng một cách có ý thức đã chọn phải phục tùng.

Đấng Christ cần được cứu rỗi

Do bản chất con người, Đức Chúa Jêsus đã bị bệnh, mệt mỏi, v.v., cũng như chúng ta. Cho nên, nếu Đấng Christ đã không chết trên cây thập tự, thì Đấng Christ vẫn phải chết bằng cách nào đó, ví dụ, vì tuổi già. Xét thấy điều này, Đức Chúa Jêsus đã cần Đức Chúa Trời cứu khỏi sự chết. Đã nhận thức sâu sắc điều này, Đức Chúa Jêsus “đã kêu lớn tiếng khóc lóc mà dâng những lời cầu nguyện nài xin cho Đức Chúa Trời có quyền cứu mình khỏi chết, và vì lòng nhân đức Ngài, nên được nhậm lời” (Hêbơơ 5:7 A.V. mg.). Việc Đấng Christ đã phải cầu xin Đức Chúa Trời cứu người khỏi chết, đã loại trừ mọi khả năng cho Đấng Christ làm Đức Chúa Trời. Sau khi Đấng Christ đã sống lại, sự chết “không còn cai trị trên Ngài” (Rôma 6:9) nữa, nghĩa là trước đó sự chết đã cai trị được.

Nhiều đoạn trong sách Thi thiên tiên tri về Đức Chúa Jêsus; khi nhiều câu trong Thi thiên nói về Đấng Christ được trích dẫn trong Kinh Tân ước, có lý do giả sử rằng nhiều câu khác trong Thi thiên cũng nói về

Đấng Christ. Có một số câu nhấn mạnh rằng Đấng Christ cần được cứu bởi Đức Chúa Trời:-

- Thithiên 91:11,12 đã được trích dẫn về Đức Chúa Jêsus trong Mathiơ 4:6. Thithiên 91:16 tiên tri Đức Chúa Trời sẽ ban sự cứu rỗi cho Đức Chúa Jêsus như thể nào: “Ta sẽ cho người thỏa lòng sống lâu, và chỉ cho người thấy sự cứu rỗi của ta”. – Thithiên 69:21 gắn liền với sự đóng đinh Đấng Christ (Mathiơ 27:34); toàn Thi thiên miêu tả những ý của Đấng Christ trên cây thập tự: “Đức Chúa Trời ôi! xin cứu tôi... Cầu xin Chúa đến gần linh hồn tôi và chuộc nó... Đức Chúa Trời ơi, nguyện sự cứu rỗi của Chúa nâng đỡ tôi lên nơi cao” (câu. 1,18,29).
- Thithiên 89 bình luận về lời hứa của Đức Chúa Trời cho Đa-vít về Đấng Christ. Về Đức Chúa Jêsus, Thithiên 89:28 tiên tri: “Người sẽ kêu cầu ta (Đức Chúa Trời) rằng: Chúa là Cha tôi, là Đức Chúa Trời tôi, và là hòn đá về sự cứu rỗi tôi”.

Cầu nguyện của Đấng Christ xin Đức Chúa Trời cứu rỗi đã được nghe; Đấng đã nghe vì tính chất tinh thần cá nhân của Đấng, không phải vì vị trí của Đấng trong ba ngôi một thể (Hebơơ 5:7). Điều rằng, chính Đức Chúa Trời đã làm sống lại Đức Chúa Jêsus và làm Đấng Christ vinh hiển bởi sự không hề chết là chủ đề chủ yếu trong Kinh Tân ước:-

- “Đức Chúa Trời... đã khiến Đức Chúa Jêsus sống lại... Đức Chúa Trời đã đem Đấng ấy lên bên hữu Ngài, làm Vua và Cứu Chúa” (Côngvụ 5:30,31).
- “Đức Chúa Trời... đã làm vinh hiển đầy tớ Ngài là Đức Chúa Jêsus... mà Đức Chúa Trời đã khiến từ kẻ chết sống lại” (Côngvụ 3:13,15).
- “Chính Đức Chúa Jêsus nầy, Đức Chúa Trời đã khiến sống lại (Côngvụ 2:24,32,33).
- Bản thân Đức Chúa Jêsus đã thừa nhận tất cả những điều đó khi xin Đức Chúa Trời làm vinh hiển người (Giăng 17:5 so sánh 13:32; 8:54).

Nếu Đức Chúa Jêsus đã là Đức Chúa Trời Tự Hữu, thì tất cả những câu này sẽ vô lý, vì Đức Chúa Trời không thể chết. Đức Chúa Jêsus không được cứu nếu Đấng là Đức Chúa Trời. Việc Đức Chúa Trời đề cao Đức Chúa Jêsus chỉ rõ tính hơn hẳn của Đức Chúa Trời đối với Đấng Christ, và việc Đức Chúa Trời riêng biệt với Đức Chúa Jêsus. Không có cách nào để Đấng Christ có thể là “bản thân Đức Chúa Trời vĩnh viễn với hai... bản chất... Thánh thần và nhân cách, như điều khoản thứ nhất trong 39 Điều của Hội giáo Anh tuyên bố. Theo bản thân ý nghĩa của từ một thể có thể chỉ có một bản chất. Chúng tôi coi rằng có đủ bằng chứng không thể chống lại được rằng Đấng Christ đã có bản chất con người chúng ta.

8.5 Quan hệ của Đức Chúa Trời với Đức Chúa Jêsus

Cách Đức Chúa Trời làm Đức Chúa Jêsus sống lại giúp chúng ta nghĩ tiếp về mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus. Nếu quan hệ này “cùng như nhau... cùng vĩnh viễn”, như học thuyết ba ngôi một thể tuyên bố, vậy thì chúng ta có thể coi rằng quan hệ của họ phải là hai bên ngang hàng với nhau. Chúng ta đã có nhiều bằng chứng rằng điều này không phải là như thế. Quan hệ giữa Đức Chúa Trời giống như quan hệ giữa chồng và vợ: “Đấng Christ là đầu mọi người; người đàn ông là đầu người đàn bà; và Đức Chúa Trời là đầu của Đấng Christ” (1 Côrintô 11:3). Như chồng là đầu của vợ, thì Đức Chúa Trời là đầu của Đấng Christ, mặc dù họ có cùng một mục tiêu thống nhất mà vợ chồng cũng nên có. Vì thế “Đấng Christ thuộc về Đức Chúa Trời” (1 Côrintô 3:23), cũng như vợ thuộc chồng.

Đức Chúa Trời- Chúa Cha- được tuyên bố nhiều lần như Đức Chúa Trời của Đức Chúa Jêsus-Christ. Việc Đức Chúa Trời được miêu tả như “Đức Chúa Trời của Đức Chúa Jêsus-Christ chúng ta” (Ephêsô 1:17) và “Cha

Đức Chúa Jêsus-Christ (1 Phiơrơ 1:3) ngay cả sau khi Đấng Christ đã lên trời rồi nói rằng chính hiện nay quan hệ của cả hai vẫn là như thế, giống như quan hệ trong suốt cuộc đời hay chết của Đấng Christ. Có khi những người tin ba ngôi một thể tranh luận chứng tỏ rằng Đấng Christ được đặt thấp hơn Đức Chúa Trời chỉ trong suốt cuộc đời trên đất thôi. Những thư trong Kinh Tân ước được viết mấy năm sau khi Đấng Christ lên trời, mà Đức Chúa Trời vẫn được nói như Đức Chúa Trời và Cha của Đấng Christ. Đức Chúa Jêsus vẫn đối xử Cha như Đức Chúa Trời của mình.

Khải huyền, sách cuối cùng của Kinh Tân ước, được viết ít nhất 30 năm sau khi Đấng Christ được vinh hiển và thăng thiên, mà vẫn sách nói về Đức Chúa Trời như “Đức Chúa Trời và Cha của Đấng Christ (Khải huyền 1:6 R.V.). Trong sách này, Đấng Christ mà đã được sống lại và làm sáng danh Ngài, truyền lại lời cho những tín đồ. Đấng Christ nói về “đền Đức Chúa Trời ta... danh Đức Chúa Trời ta... thành Đức Chúa Trời ta” (Khải huyền 3:12). Điều này chứng tỏ rằng Đức Chúa Jêsus hiện nay vẫn gọi Cha như Đức Chúa Trời của mình và cho nên Đấng (Đức Chúa Jêsus) không phải là Đức Chúa Trời.

Trong suốt cả cuộc đời xác thịt của mình, Đức Chúa Jêsus đã liên kết với Cha mình cũng cách như thế. Đấng đã nói sẽ lên “cùng Cha ta và Cha các người, cùng Đức Chúa Trời ta và Đức Chúa Trời các người” (Giăng 20:17). Trên cây thập tự, Đức Chúa Jêsus đã biểu lộ hoàn toàn nhân tính của mình: “Đức Chúa Trời tôi ơi! Đức Chúa Trời tôi ơi! sao Ngài lìa bỏ tôi?” (Mathiơ 27:46). Câu này không thể hiểu được nếu người là Đức Chúa Trời Tự Hữu. Bản thân việc Đức Chúa Jêsus đã cầu Trời “kêu lớn tiếng khóc lóc” tự đó chỉ vào bản chất thực sự của mối quan hệ của cả hai (Hebơrơ 5:7; Luca 6:12). Đức Chúa Trời rõ ràng không thể cầu nguyện bản thân Chúa. Bây giờ cũng Đấng Christ cầu nguyện Đức Chúa Trời vì chúng ta (Rôma 8:26,27 N.I.V. so sánh 2 Côrintô 3:18 R.V.mg.).

Chúng tôi đã bày tỏ hiện nay rằng mối quan hệ của Đấng Christ với Đức Chúa Trời trong suốt cuộc đời xác thịt của Đấng Christ đã không khác

hắn về cơ bản so với quan hệ hiện có. Đấng Christ đã đối xử Đức Chúa Trời như Cha mình và Đức Chúa Trời mình, và đã cầu nguyện Ngài; hiện nay tình hình là cũng thế, sau khi Đấng Christ đã sống lại và lên trời. Trong khi sống trên đất, Đấng Christ đã là đầy tớ của Đức Chúa Trời (Công vụ 3:13,26 N.I.V.; Êsai 42:1; 53:11). Đầy tớ làm theo ý muốn của chủ mình, và không thể bằng cách nào cũng được như nhau với chủ mình (Giăng 13:16). Đấng Christ nhấn mạnh rằng quyền phép và quyền lực mà Đấng Christ có, đã là từ Đức Chúa Trời ra, không phải do quyền riêng của Đấng Christ: Ta không thể tự mình làm nổi việc gì... ta chẳng tìm ý muốn của ta, nhưng tìm ý muốn của Đấng đã sai ta... Con chẳng tự mình làm việc gì được” (Giăng 5:30,19).

Bài đọc thêm 27: “Hiện là vốn có hình của Đức Chúa Trời

“Chúa Jesus ... vốn có hình của Đức Chúa Trời, song chẳng coi sự bình đẳng mình nên nắm giữ; chính Ngài đã tự bỏ mình đi, lấy hình tôi tớ và trở nên giống như loài người” (Philip 2:5-11). Những câu này được hiểu là Chúa Jesus là Đức Chúa Trời, nhưng khi sinh Ngài trở nên con người. Nếu điều này đúng, thì tất cả các quan điểm trong bài 7 và 8 phải bỏ đi. Cần phải hiểu rằng một câu không được phép mâu thuẫn hay trái ngược với lời dạy chung trong toàn kinh thánh. Điểm nổi bật là đây là đoạn duy nhất có thể đem ra để giải thích quan điểm liên hệ sai lệch của thuyết Chúa Ba Ngôi-Chúa Jesus biến mình từ Đức Chúa Trời trên trời thành một đứa trẻ trong lòng Mary. Bài phân tích sau đây chứng minh đoạn kinh thánh này nên hiểu như thế nào:

1. có rất nhiều đoạn hoàn toàn mâu thuẫn với thuyết ấy:
 - a) “Đức Chúa Trời đã đem Jesus lên rất cao “và ban cho danh” cho thấy rằng Chúa Jesus không tự mình đem mình lên được-mà chính Đức Chúa Trời làm. Theo đó Ngài không thể đem mình ngay khi sống lại trước khi Đức Chúa Trời làm điều này cho Ngài.

- b) Cả quá trình Ngài khiêm nhường và cuối cùng được đem lên cao “làm vinh hiển Đức Chúa Trời, là Chúa Cha”. Đức Chúa Trời, chúa cha, nên không thể ngang hàng với Con.
2. Đoạn kinh này cần phải xem xét cẩn thận. Phaolô không chỉ giảng về Chúa Jesus cách tình cờ. Người liên hệ những suy nghĩ của Chúa Jesus trong Philip 2:5. Quay lại Philip 1:27, Phaolô giảng về tính chất quan trọng của trạng thái đầu óc chúng ta. Điều này được trình bày trong những câu đầu của chương 2: “anh em hãy hiệp ý với nhau, đồng tình yêu thương, đồng tâm, đồng tư tưởng mà làm cho tôi vui mừng trọn vẹn. Chớ làm sự chi vì lòng tranh cạnh hoặc vì hư vinh, nhưng hãy khiêm nhường, coi người khác quý hơn mình. Mỗi một người trong anh em chớ chăm về lợi riêng mình, nhưng chăm về lợi kẻ khác nữa. Hãy có đồng một tâm tình như Đấng Christ đã có” (Philip 2:2-5). Cho nên Phaolô giảng tầm quan trọng của sự hiểu biết và có tấm lòng như Đấng Christ đã có, dâng hiến năng lực để phục vụ công việc cho Chúa.
 3. Chúa Jesus giống hình của Đấng Chúa Trời. Chúng ta đã tìm hiểu trong bài học 8.3 rằng Chúa Jesus có tính cách con người, nên không thể nói Đấng Christ có bản chất thần thánh. Trong quá khứ, người ta ghi nhận rằng một số bài dịch hiện đại được soạn để dễ đọc thường giải thích lệch lạc nghĩa chính xác của bản tiếng Hy Lạp và thường ghi thành đoạn tóm ý, không phải là bản dịch của đoạn. Philip 2:5-8 là một thí dụ kinh điển về điều này. Tuy nhiên, đây không phải để chê bai cách sử dụng của họ theo cách khác.
- “Hình” (tiếng Hy Lạp “morphe”) không thể nói đến bản chất cần thiết được chứng minh trong Philip 2:7 chép về Chúa Jesus lấy “hình tôi tớ”. Ngài có hình của Đấng Chúa Trời, nhưng là hình của tôi tớ. Bản chất cơ bản của tôi tớ thì không khác gì với bản chất của người khác. Khớp với đoạn này, chúng ta có thể giải thích với ý nghĩa dù Chúa Jesus hoàn hảo, Ngài có tâm hồn giống Đấng Chúa Trời, nhưng Ngài sẵn sàng thể hiện cách cư xử của người đầy tớ. Phaolô khích lệ chúng ta “nên giống như Ngài trong sự chết Ngài” (Philip 3:10). Chúng ta phải chia xẻ “hình”, hình của Đấng Christ mà Ngài thể hiện qua sự chết Ngài. Điều này không có nghĩa là chúng ta phải chia xẻ bản chất Ngài có vì chúng ta

mang bản chất con người. Chúng ta không phải thay đổi để có bản chất con người, nhưng chúng ta cần phải thay đổi cách nghĩ của chúng ta để mà chúng ta có “hình” hay hình tượng tinh thần mà Đấng Christ có trong sự chết Ngài.

Từ Hy lạp “morphe” nghĩa là hình tượng, bày tỏ hay sự giống nhau. Con người được chép là giống hình của Đấng Chúa Trời (2 Timôthê 3:5). Galati 4:19 chép về Chúa tạo hình Ngài qua tín đồ. Vì Ngài có tính cách hoàn hảo, cách nghĩa giống Đấng Chúa Trời, Jesus giống hình của Đấng Chúa Trời”. Vì điều này, song chẳng coi sự bình đẳng mình với Đấng Chúa Trời là sự nên nắm giữ. N.I.V đưa ra lời giải thích khác với đoạn này, cho rằng Chúa Jesus không xem mình ngang Đấng Chúa Trời với sự nên nắm giữ. Nếu bản dịch này đúng, thì điều này hoàn toàn không công nhận Chúa Jesus là Đấng Chúa Trời. Theo bản dịch N.I.V, Chúa Jesus không muốn mình ngang bằng với Đấng Chúa Trời; Ngài biết rằng Ngài lệ thuộc Đấng Chúa Trời, và không thể ngang hàng với Đấng Chúa Trời.

4. Đấng Christ “không làm cho mình quan trọng” hay “từ bỏ mình”, gián tiếp nói đến tiên tri sự đóng đinh của Ngài trong Esai 53:12: “vì người đã đổ mạng sống mình cho đến chết”. Ngài mang cho mình cách cư xử của một tội tử bằng thái độ tội tử cho các môn đồ của mình (giăng 13:14), chứng tỏ mình hết sức cao cả bởi sự chết trên thập tự (Mathiơ 20:28). Esai 52:14 tiên tri về sự chịu đau đớn của Đấng Christ trên thập tự “mặt mày người xài xể lấm hơn kẻ nào khác, hình dạng xài xể hơn con trai loài người”. Việc làm nhịn nhục của Ngài “cho đến chết, chết trên thập tự” là điều gì đó xảy ra suốt cuộc đời Ngài và chịu chết, không phải lúc sinh ra. Chúng ta đã trình bày bối cảnh của đoạn này liên quan đến tâm hồn của Chúa, một tính cách khiêm nhường là thí dụ cho chúng ta. Những câu này chắc hẳn nói về cuộc đời Chúa Jesus trên đất, trong bản chất con người của chúng ta, cách Ngài khiêm tốn dù Ngài mang hình và tính cách của Đấng Chúa Trời, để xét nhu cầu của chúng ta.
5. Nếu Đấng Christ là Đấng Chúa Trời và từ bỏ và mặt lấy hình con người như thuyết Chúa Ba Ngôi bảo vệ quan điểm này, thì Chúa Jesus không phải là Đấng Chúa Trời trên đất; song họ vẫn tin là Ngài

trên đất. Tất cả chứng minh sự mâu thuẫn tạo ra bởi tán thành cách định nghĩa của con người như thuyết Ba Ngôi.

6. Cuối cùng, “vốn có hình Đấng Chúa Trời”. Từ Hylap dịch “vốn” không có nghĩa “ban đầu, từ vĩnh hằng”. Công vụ 7:55 nói về Stephen “vốn đầy dẫy thánh linh”. Bấy giờ người đầy dẫy thánh linh và trước đó cũng có; nhưng không luôn đầy dẫy. Những ví dụ khác tìm thấy trong Luca 16:23; Công vụ 2:30; Galati 2:14. Đấng Christ “vốn có hình Đấng Chúa Trời” chỉ có nghĩa Ngài có hình giống Đấng Chúa Trời (theo ý nghĩa tinh thần/cách nghĩ); nhưng không ngụ ý là Ngài có hình giống ngay từ buổi sáng thế.

Bài 8: Câu hỏi

1. Kinh thánh có dạy rằng Đức Chúa Trời là ba ngôi một thể không?
 - a) Có
 - b) Không
2. Hãy nêu ba sự khác nhau giữa Đức Chúa Trời và Chúa Jesus?
3. Đức Chúa Jêsus đã là khác với chúng ta về những mặt nào?
 - a) Đấng đã không bao giờ mắc tội lỗi
 - b) Đấng đã là Con một của Đức Chúa Trời
 - c) Đấng đã không bao giờ có thể mắc tội lỗi
 - d) Đấng đã bị buộc phải làm người công bình bởi Đức Chúa Trời
4. Đức Chúa Jêsus đã tương tự với Đức Chúa Trời về những mặt nào?
 - a) Đấng đã có bản chất như Đức Chúa Trời khi sống trên đất
 - b) Đấng đã có tính nét trọn vẹn như Đức Chúa Trời
 - c) Đấng đã hiểu biết như Đức Chúa Trời
 - d) Đấng đã trực tiếp ngang hàng với Đức Chúa Trời
5. Đức Chúa Jêsus đã giống chúng ta về những mặt nào?
 - a) Đấng đã trải qua tất cả những cám dỗ và thử thách của con người
 - b) Đấng đã mắc tội khi còn trẻ
 - c) Đấng đã cần được cứu rỗi
 - d) Đấng đã có bản chất con người
6. Những câu dưới đây là thật?
 - a) Đức Chúa Jêsus đã có bản chất trọn vẹn và tính nét trọn vẹn
 - b) Đức Chúa Jêsus đã có bản chất tội lỗi, nhưng tính nét trọn vẹn
 - c) Đức Chúa Jêsus đã là cả hai Đức Chúa Trời thực lẫn con người thực
 - d) Đức Chúa Jêsus đã có bản chất như A-đam trước khi mắc tội
7. Đức Chúa Jesus có thể mắc tội không?

BÀI 9

**VIỆC LÀM CỦA
CHÚA JESUS**

9.1 Chiến Thắng Của Chúa Jesus

Bài học trước đã chứng minh Chúa Jesus mang bản chất của con người và Ngài bị cám dỗ phạm tội giống chúng ta thế nào. Sự khác biệt giữa Ngài và chúng ta là Ngài hoàn toàn vượt qua tội lỗi; mang bản chất tội lỗi, nhưng Ngài luôn chứng tỏ Ngài là con người trọn vẹn. Sự tuyệt vời này mãi mãi cảm kích chúng ta khi chúng ta càng nhận biết điều này. Trong kinh Tân ước nhấn mạnh tính cách/bổn tánh trọn vẹn của Ngài:

- Ngài là “bèn có một thầy tế lễ bị thử thách trong mọi việc cũng như chúng ta, song chẳng phạm tội” (Hebơơ 4:15).
- Ngài “chẳng biết tội lỗi”. “không có tội lỗi trong Ngài” (2 Côrintô 5:21; 1 Giăng 3:5)
- “Ngài chưa hề phạm tội, trong miệng Ngài không thấy có chút chi dối trá” (1 Phiơơ 2:22)
- “thật là thầy tế lễ thượng phẩm mà chúng ta có cần dùng, thánh khiết, không tội, không ô uế, biệt khỏi kẻ có tội, được cất lên cao hơn các tầng trời” (Hebơơ 7:26)

Lời chép phúc âm chứng tỏ những môn đồ Ngài nhận biết sự trọn vẹn từ tính cách của Ngài, bày tỏ qua lời nói, cử chỉ và việc làm. Vợ của Pilate nhận biết rằng Ngài là “người công bình”(Mathiơ 27:19), không đáng bị trừng phạt; lính Roma người theo dõi hành vi của Đấng Christ bị đóng trên thập tự có lời bình, “chắc chắn này là người công bình” (Luca 23:47). Khi còn trẻ, Jesus thách đố dân Do thái khi hỏi họ: “trong các người có ai bắt ta thú tội được chăng?” (Giăng 8:46). Họ không thể trả lời.

Vì Ngài hoàn hảo trong mọi bề, Chúa Jesus Nazaret được trọng hơn các thiên sứ (Hebơơ 1:3-5). Ngài được ban một danh rất cao (philip 2:8). Danh Ngài được xưng “điều kỳ” (các quan xét 13:18), Đấng an

úi (1 Các vua 22:20)...”(Esai 9:6). Rõ ràng vị thế này Chúa Jesus không có trước khi Ngài sinh ra và lúc chết; ý tưởng của Ngài hiện được đem lên rất cao đến vị thế này loại trừ quan điểm này.

Vì tính cách hoàn hảo của Ngài, Chúa Jesus đã được tỏ ra trong xác thịt (1Timothê 3:16); Ngài hành động và giảng như Đức Chúa Trời đã làm, Ngài là người. Ngài là sự phản ánh của Đức Chúa Trời- “Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được” (Côlôse 1:15). Vì điều này, chúng ta là người sống trong sự chết không nhất thiết nhìn thấy Đức Chúa Trời. Khi Chúa Jesus giải: “ai thấy ta, tức là đã thấy Cha; sao người lại nói rằng: xin chỉ Cha cho chúng tôi?” (Giăng 14:9). Kinh thánh nhấn mạnh Đức Chúa Trời, là Cha đã bày tỏ qua Jesus Christ con Ngài (2 Corintô 5:19; Giăng 14:10; Công vụ 2:22). Thuyết ba ngôi dạy rằng Con được bày tỏ hay hiện sinh trong Chúa Jesus; nhưng Kinh thánh dạy rằng Đức Chúa Trời đã hiện ra/hiện đến trong Chúa Jesus. Ngôi lời trở thành xác thịt (Giăng 1:14), không phải là lời vào thân thể xác thịt.

Sống trong thế giới tội lỗi, đầy dẫy tội lỗi trong bản chất xác thịt của chúng ta, thật khó cho chúng ta tiếp thu hết tính trọn vẹn và to lớn về sự cao thượng nên thánh của Chúa Jesus; rằng một người với bản chất giống chúng ta thể hiện đầy đủ sự công bình của Đức Chúa Trời trong tính cách Ngài. Tin điều này đòi hỏi đức tin thực tế hơn là chỉ chấp nhận ý tưởng quan điểm rằng Đấng Christ chính là Đức Chúa Trời; có thể hiểu rằng giáo lý Ba Ngôi và thần thánh của Đấng Christ thì rất là phổ biến, nên, vì chúng dễ được chấp nhận hơn.

Vì Ngài có bản chất như chúng ta, Đấng Christ phải chết. Ngài là dòng dõi từ Adam đến Mary, con cháu của Adam phải chết (1 Côrintô 15:22). Tất cả dòng dõi của Adam phải chết vì tội lỗi của người, không nhất thiết họ có sự công bình: “sự chết đã cai trị cả đến những kẻ chẳng phạm tội giống như tội của Adam, là người làm hình bóng của Đấng phải đến... vì bởi sự không vâng phục của một người mà mọi người khác đều thành ra kẻ có tội, thì cũng một lẽ ấy, bởi sự vâng phục của một người mà mọi người khác sẽ thành ra công bình. (Rôma 5:14-19 so sánh 6:23). Là dòng dõi của Adam, Đấng Christ bị coi là kẻ có tội, nên phải chết, tất cả dòng dõi của Adam bị coi là kẻ có tội đáng phải chịu chết vì tội lỗi của mình. Đức Chúa Trời không thay đổi nguyên tắc này, Ngài cũng để xảy đến Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã làm cho Đấng vốn không biết tội lỗi trở nên tội lỗi vì chúng ta, hầu cho chúng ta nhờ Đấng đó mà được trở nên sự công bình của Đức Chúa Trời”(2 Corintô 5:21).

Ngoại trừ Chúa Jesus, tất cả dòng dõi của Adam xứng đáng nhận hình phạt vì mỗi chúng ta đều có tội. Chúa Jesus phải chết vì Ngài có bản chất giống chúng ta, dự phần đoán phạt từ Adam mà đến. Nhưng, vì Ngài không làm điều chi đáng tội chết “Đức Chúa Trời đem lên Ngài từ cõi chết, giải phóng Ngài khỏi dây trói của sự chết, vì nó không thể giữ người lại dưới quyền của nó ” (Công vụ 2:24). Đấng Christ được xưng là Con của Đức Chúa Trời đây quyền phép theo quyền năng của đức thánh linh, bởi sự sống lại của Ngài từ trong kẻ chết ” (Rôma 1:4). Chính vì tính cách trọn vẹn của Đấng Christ, thánh linh của Ngài, mà Ngài được làm sống lại hết sức vinh hiển.

Đấng Christ không chết trên thập tự chỉ vì Ngài có bản chất con người. Ngài sẵn sàng dâng sự sống trọn vẹn mình làm của ban cho chúng ta; Ngài bày tỏ tình yêu của Ngài cho chúng ta bằng cách chết “vì tội lỗi chúng ta” (1 Côrintô 15:3), vì biết rằng bởi sự chết của Ngài, Ngài sẽ đem chúng ta sự cứu rỗi khỏi tội lỗi và sự chết (Ephêsô 5:2,25; Khải huyền 1:5; Galati 2:20). Vì Chúa Jesus có tính cách hoàn hảo Ngài có thể vượt qua tội lỗi là người đầu tiên sống lại từ kẻ chết và được ban cuộc đời không hư mất. Những ai nhận biết chính mình với Đấng Christ qua phép báptem và lối sống giống Chúa Jesus sẽ có hy vọng về sự sống lại và phần thưởng tương tự.

Ở đây làm nổi bật ý nghĩa vinh hiển về sự sống lại của Đấng Christ. Đây là sự chắc chắn rằng chúng ta sẽ được sống lại và chịu xét đoán (Công vụ 17:31), và nếu chúng ta thực sự giống Ngài, dự phần thưởng và sự sống như Ngài, vì tin rằng Đức Chúa Trời đã đem Chúa Jesus sống lại cũng sẽ đem chúng ta (2 Côrintô 4:14; 1 Côrintô 6:14; Rôma 6:3-5). Là kẻ có tội, chúng ta đáng nhận sự hư mất (Rôma 6:23). Song, nhờ sự sống trọn vẹn của Đấng Christ, vâng phục trước sự chết, và sự sống lại của Ngài, Đức Chúa Trời có thể ban chúng ta sự ban cho của sự sống đời đời, hoàn toàn thống nhất với nguyên tắc của Ngài.

Để thay thế tội lỗi của chúng ta, Đức Chúa Trời “kể cho là công bình” (Rôma 4:6) cho chúng ta qua đức tin trong lời hứa cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Chúng ta biết rằng tội lỗi đem lại sự chết, do vậy nếu chúng ta thực sự tin rằng Đức Chúa Trời sẽ cứu chúng ta khỏi sự chết, chúng ta phải tin rằng Ngài sẽ nhớ đến chúng ta như thể chúng ta công bình, dù chúng ta không xứng. Đấng Christ trọn vẹn; khi

thật lòng với Đấng Christ, Đức Chúa Trời có thể nhớ đến chúng ta như thể chúng ta trọn vẹn dù bản thân mỗi chúng ta không xứng. Đức Chúa Trời đã làm Đấng Christ “chịu tội cho chúng ta, người không có tội; chúng ta có thể được xưng công bình của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ”(2 Côrintô 5:21), ví dụ đến với Ngài qua phép Báptem và lối sống giống Ngài. Do vậy, những ai trong Chúa Jesus, Ngài xưng chúng ta là công bình, thánh khiết, và cứu chuộc” (1 Côrintô 1:30,31); câu sau đây khích lệ chúng ta ngợi khen Đấng Christ vì những điều lớn lao Ngài đã làm: “vì trong lời Chúa có bày tỏ sự công bình của Đức Chúa Trời, bởi đức tin mà được, lại dẫn đến đức tin nữa, như có chép rằng: người công bình sẽ sống bởi đức tin”(Rôma 1:17). Hiểu rõ những điều này là phần cần thiết để nhận biết lời lẽ thật của Đức Chúa Trời.

Những điều này trở nên có thể bởi sự sống lại của Đấng Christ. Ngài là trái đầu mùa của mùa thu hoạch của con người sẽ trở nên không chết qua sự chiến thắng của Ngài (1 Côrintô 15:20), “trái đầu mùa” của gia đình nên thánh mới được ban bản tính của Đức Chúa Trời (Côlôse 1:18 so sánh Ephêsô 3:15). Sự sống lại của Đấng Christ làm trở nên có thể cho Đức Chúa Trời nhớ đến tín đồ của Ngài trong Đấng Christ như thể họ là người công bình vì rằng anh em được che chở bởi sự công bình của Ngài. Đấng Christ “Ngài đã bị nộp vì tội lỗi chúng ta, và sống lại vì sự xưng công bình của chúng ta”(Rôma 4:25).

Anh em cần phải có đức tin ý thức và biết ngẫm nghĩ những điều này để thực sự bị thuyết phục để mà chúng ta được Đức Chúa Trời biết đến như thể chúng ta hoàn hảo. Đấng Christ có thể đem chúng ta trước ngôi phán xét “khỏi vấp phạm và khiến anh em đứng trước

mặt vinh hiển mình”, “thánh sạch, không vết và không chỗ trách được trước mặt Ngài” (Giude câu 24; Cô lô se 1:22 so sánh Ephê sô 5:27). Bởi bản chất tội lỗi và sự yếu đuối lỗi của Ngài, thì anh em cần phải có đức tin vững vàng mới tin được điều này. Giơ tay tán đồng hay thể hiện sự tán thành giáo lý sai trái thì không liên quan đến loại đức tin này. Sự hiểu biết đúng đắn sự sống lại của Đấng Christ sẽ khích lệ đức tin của chúng ta: “Đức Chúa Trời...đem Ngài từ cõi chết sống lại...đức tin và sự trông cậy anh em được nường nhờ Đức Chúa Trời” (1 Phiơơ 1:21).

Chỉ có phép báp tem đúng đắn trong Chúa Jesus thì chúng ta ở trong Chúa và được sự che chở bởi sự công bình của Ngài. Bởi phép báp tem chúng ta đồng chết với sự chết và sự sống lại của Ngài (Rôma 6:3-5), là phương tiện để giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi, được xưng công bình hay kể là công bình (Rôma 4:25).

Điều kỳ diệu mà chúng ta xem xét trong phần này nằm ngoài tầm tay của chúng ta trừ phi chúng ta đã chịu phép báp tem. Lúc Báp tem chúng ta đồng dự với huyết của Đấng Christ đổ trên thập tự giá; anh em tẩy sạch “áo mình và làm trắng sạch bằng huyết của chiên” (khải huyền 7:14). Theo nghĩa bóng, anh em được mặt lấy áo choàng trắng, tượng trưng sự công bình của Đấng Christ đem anh em lại gần Ngài. (Khải huyền 19:8). Có thể những chiếc áo trắng bị làm ô uế vì tội lỗi của xác thịt (Giude câu 23); khi chúng ta làm điều này sau lễ bap tem, chúng ta phải dùng huyết của Đấng Christ để tẩy sạch tội lỗi và cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ qua Jesus Christ.

Sau phép báptem chúng ta sẽ cố gắng giữ mình trong vị thế được ban phước. Mỗi ngày anh em cần dành vài phút để xét đoán lấy mình cách đều đặn, cầu nguyện luôn luôn và tìm kiếm sự tha thứ. Làm như vậy, chúng ta luôn tự tin cách khiêm tốn vì bởi nhờ sự công bình của Đấng Christ mà anh em được che chở, thì chúng ta sẽ tin chắc mình đến nước của Ngài. Chúng ta phải gắn bó trong Đấng Christe đến ngày chúng ta chết hay lúc Ngài trở lại, “không phải vì chúng ta là công bình...nhưng bởi đức tin anh em trong Đấng Christ, sự công bình của Đức Chúa Trời bởi đức tin trong Jesus Christ” (Philip 3:9).

Sự nhấn mạnh nhiều về đức tin đem lại sự công bình, cho thấy chúng ta không thể tìm được sự cứu rỗi bởi việc làm; mà sự cứu rỗi là bởi ân điển: “Bởi ân điển anh em được cứu qua đức tin; không phải từ anh em: ấy là sự ban cho của Đức Chúa Trời: không phải bởi việc làm” (Ephêsô 2:8,9). Công bằng và công bình là sự ban cho (Rôma 5:17), cũng là sự cứu rỗi. Động lực của anh em để làm việc cho Chúa nên xuất phát từ thái độ/ tình yêu mà Đức Chúa Trời đã làm cho chúng ta- coi chúng ta công bình qua Jesus Christ, và ban cho chúng ta con đường đến sự cứu rỗi. Thật là nguy hiểm để lập luận rằng nếu chúng ta làm công việc tốt thì chúng ta sẽ được cứu. Chúng ta sẽ không thành công nhận sự cứu rỗi nếu chúng ta suy nghĩ như vậy; này là sự ban cho mà chúng ta không thể tự tìm được, chỉ có yêu mến công việc của Đức Chúa Trời thông qua đời sống của anh em cho Chúa. Đức tin thật sự sanh ra công việc y như là công việc phụ không thể trách khỏi (Gia cơ 2:17).

9.2 Huyết của Chúa Jesus

Kinh Tân ước luôn đề cập hai việc: sự công bình và sự cứu rỗi qua huyết của Chúa Jesus (1 Giăng 1:7; Khải huyền 5:9; 12:11; Rôma 5:9). Để hiểu tính ý nghĩa của huyết Đấng Christ, chúng ta phải hiểu nguyên tắc thánh kinh rằng “sự sống của mọi xác thịt là máu”(Levi 17:14). Cơ thể không thể sống được nếu không có máu; này là biểu tượng cho sự sống. Điều này giải thích sự khôn ngoan trong lời giảng của Đấng Christ, “nếu các người không ăn thịt của con người, cũng không uống huyết Ngài, thì chẳng có sự sống trong các người đâu”(Giăng 6:53).

Tội lỗi sinh ra sự chết (Rôma 6:23), chẳng hạn đổ huyết nuôi dưỡng sự sống. Vì lý do này, dân Isơơen phải chịu đổ máu mỗi khi họ phạm tội, nhắc nhở họ rằng tội lỗi sinh ra sự chết. “theo luật pháp Mosê thì hầu hết mọi vật đều nhờ huyết mà được sạch: không đổ huyết thì không có sự tha thứ”(Hêbơơ 9:22). Vì như thế, Adam và Eve che thân bằng chiếc lá cây đã không được chấp nhận, mà Đức Chúa Trời giết chiên lấy da để che đậy tội lỗi họ (sáng thế 3:7,21). Tương tự, dâng tế thú của Abel được chấp nhận hơn của dâng rau quả của Cain bởi vì Ngài chấp nhận nguyên tắc này: không có sự đổ huyết sẽ không có sự tha thứ và đến gần với Đức Chúa Trời(sáng thế 4:3-5).

Sự kiện này chỉ cho chúng ta thấy tính quan trọng to lớn của huyết Chúa Jesus. Điều này đặc biệt được báo trước trong sự kiện ngày lễ vượt qua, lúc đó dân của Đức Chúa Trời phải bôi máu chiên trên cửa nhà mình để nhận sự cứu khỏi sự chết. Máu này chỉ cho chúng ta sự liên hệ huyết của Chúa Jesus mà nhờ đó chúng ta được che chở. Trước khi Chúa sinh ra, dân Do thái phải dâng thú để tội lỗi mình được tha thứ bởi theo luật dạy của Đức Chúa Trời qua Môse. Tuy nhiên, đồ huyết thú này nhằm mục đích dạy dỗ. Tội lỗi có thể bị phạt bởi sự chết (Rôma 6:23); không thể có được trong thực tế nếu con người có thể giết thú vật làm vật thay thế cho cái chết của mình hay vật đại diện cho chính mình. Thú vật mà anh em dâng lên không có hiểu biết sự đúng hay sự sai; vật đó không thể đại diện trọn vẹn cho người dâng lễ vật được: “cũng không thể có thực nếu huyết của bò được hay dê được cất đi tội lỗi anh em được”(Hebơơ 10:4).

Do vậy câu hỏi đặt ra: tại sao dân Do thái đã phải dâng lễ vật khi họ phạm tội? Phaolô tóm tắt lời đáp cho câu hỏi này trong Galati 3:24: “luật pháp đã như thầy giáo dặng dẫn chúng ta đến Đấng Christ”. Thú vật mà họ giết để làm của lễ chuộc tội mình phải không tỳ vết-không khiếm khuyết (Xuất hành 12:5; Levi 1:3,10). Điều này hướng đến Đấng Christ, “huyết chiên con không tội lỗi, không tỳ vết”(1 Phiơơ 1:19). Huyết của thú vật đó tượng trưng đến huyết của Đấng Christ. Lễ vật dâng lên được chấp nhận là của lễ tha tội, và hướng đến sự hy sinh trọn vẹn của Đấng Christ mà Đức Chúa Trời đã tính trước Ngài sẽ làm chuyện này. Khi dân dâng lễ bằng thú, Đức Chúa Trời mới có thể tha thứ tội lỗi dân Ngài sống trong thời kỳ Chúa Jesus chưa sinh ra. Sự chết của Chúa “Ngài là Đấng trung bảo của giao ước mới, để khi Ngài chịu chết mà chuộc tội đã phạm dưới giao ước cũ”(Hebơơ 9:15), chẳng hạn luật pháp của Môse (Hebơơ 8:5-

9). Mọi của lễ dâng theo luật pháp Môse đều hướng đến Đấng Christ, của dâng vì tội lỗi trọn vẹn, người “dâng mình làm tế lễ để cất tội lỗi đi” (Hebơơ 9:26; 13:11,12; Rôma 8:3 so sánh 2 Côrintô 5:21).

Chúng ta đã giải thích trong bài học 7.3 cách thức cả kinh cựu ước, đặc biệt là luật pháp Môse đều hướng đến Đấng Christ. Theo luật pháp này, đường đến với Đức Chúa Trời là qua thầy tế lễ thượng phẩm; người là đấng trung bảo giữa Đức Chúa Trời và con người trong lời giao ước cũ như Đấng Christ là Đấng trung bảo trong giao ước mới (Hebơơ 9:15). “vì luật pháp lập những người vốn yếu đuối làm thầy tế lễ thượng phẩm; nhưng lời thề có sau luật pháp thì lập Con, là Đấng đã nên trọn lành đời đời”(Hebơơ 7:28). Vì họ cũng chính là người có tội, những người này không ở vị thế đem lại sự tha thứ chân thật cho con người. Thứ vật mà họ dâng vì tội lỗi đã không thể là vật đại diện cho người có tội. Điều cần có là con người hoàn hảo, trong mọi đường đại diện cho con người tội lỗi, làm của lễ dâng được chấp nhận cho tội lỗi qua đó con người có thể hưởng lợi ích bởi dự phần mình với của dâng/sự hy sinh đó. Tương tự, thầy tế lễ thượng phẩm đòi hỏi phải là người đồng cảm/cảm thông với con người có tội mà người làm Đấng trung bảo, chính mình Ngài chịu khổ trong khi bị cám dỗ, nên có thể giúp đỡ/cứu người bị cám dỗ (Hebơơ 2:14-18).

Chúa Jesus hội đủ tiêu chuẩn này hết sức hoàn hảo-“là thầy tế lễ thượng phẩm mà chúng ta cần, thánh khiết, không tội, không ô uế, biệt khỏi kẻ có tội, được cất lên cao hơn các tầng trời”(Hebơơ 7:26). Ngài không cần phải hy sinh liên tiếp cho tội lỗi của chính

Ngài, không phải chịu chết nữa (Hebơơ 7:23,27). Theo quan điểm này, thánh kinh chỉ cho chúng ta biết Đấng Christ là thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta: “bởi đó Ngài có thể cứu toàn vẹn những người nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho người ấy”(Hebơơ 7:25). Vì Ngài vốn có bản tính con người, Đấng Christ “Ngài đã bị vây trong sự yếu đuối, nên có thể thương xót những kẻ ngu dốt sai lầm”(Hebơơ 5:2). Điều này gợi lại/nhắc lại câu nói về Đấng Christ, “vì con cái có phần về huyết và thịt, nên chính Đức Chúa Jesus cũng có phần vào đó, hầu cho Ngài bởi sự chết mình mà phá diệt kẻ cầm quyền sự chết, là ma quỷ”(Hebơơ 2:14).

Khi thầy tế lễ Do thái làm trung bảo cho dân của Đức Chúa Trời, Isơơen, thì Đấng Christ là thầy tế lễ duy nhất cho dân Isơơen nên thánh-những người đã được báptem trong Chúa Jesus, người đã hiểu tin lành chân chính. Ngài là “thầy tế lễ lớn đã lập lên cai trị nhà Đức Chúa Trời”(Hebơơ 10:21), trong đó có cả những ai đã được sinh lại bởi phép báptem (1 Phiơơ 2:2-5), người nhận sự trông cậy chân thật về tin lành (Hebơơ 3:6). Công nhận ích lợi tuyệt vời của chức phận thầy tế lễ của Đấng Christ sẽ khích lệ chúng ta chịu phép báptem trong Ngài; không làm vậy, Ngài không thể làm Đấng trung bảo cho chúng ta.

Chịu phép báptem trong Đấng Christ, chúng ta nên cố gắng lĩnh hội chức phận mà Chúa Jesus làm; thật sự, chúng ta phải có trách nhiệm làm theo khi chúng ta sống hàng ngày. “hãy cậy Đức Chúa Jesus mà hằng dâng tế lễ bằng lời ngợi khen cho Đức Chúa Trời”(Hebơơ 13:15). Chương trình của Đức Chúa Trời đem đến cho chúng ta Đấng Christ làm thầy tế lễ để chúng ta tôn vinh Ngài; cho nên chúng ta nên biết gần gũi Đức Chúa Trời qua Chúa Jesus để được tôn vinh

Ngài. Hebrơ 10:21-25 đưa ra một số trách nhiệm mà chúng ta phải có vì Đấng Christ làm thầy tế lễ của chúng ta: “Làm thầy tế lễ trên nhà của Đức Chúa Trời:

1. Chúng ta hãy đến gần Đức Chúa Trời bằng tấm lòng chân thật với đức tin mạnh mẽ, lòng chúng ta bỏ đi ý tưởng tội lỗi, và thân xác của anh em được tẩy sạch bằng nước tinh khiết”. Hiểu chức phận thầy của Đấng Christ nghĩa là chúng ta chịu báptem trong Ngài, và chúng ta sẽ không bao giờ để lương tâm xấu xa phát triển trong tâm hồn mình. Nếu chúng ta tin vào sự cứu chuộc của Đấng Christ, lập tức chúng ta được làm con cái của Đức Chúa Trời.
2. “chúng ta hãy giữ vững đức tin mình không hề rung động”. Chúng ta không nên xa rời giáo lý chân thực mà chúng ta đã tìm hiểu qua chức phận của Chúa Jesus.
3. Chúng ta hãy biết quan tâm lẫn nhau để khích lệ sự yêu thương...chớ từ bỏ sự nhóm lại với nhau”. Chúng ta nên gắn bó trong sự yêu thương với anh em trong Chúa; đây là việc làm đặc biệt qua sự họp lại với nhau để hầu việc chung cho hội thánh, và qua đó chúng ta nhớ đến sự hy sinh của Đấng Christ.

Hiểu rõ những điều này sẽ làm cho chúng ta biết nhường nhịn và tự tin rằng chúng ta sẽ giành lấy sự cứu rỗi nếu chúng ta chịu báptem và gắn bó trong Jesus Christ: “chúng ta hãy vững lòng đến gần ngôi ơn phước, hầu cho được thương xót và tìm được ơn để giúp chúng ta trong thì giờ có cần dùng” (Hebrơ 4:16).

9.3 Dân Cho Chúng Ta và Chính Ngài

Quan trọng là chúng ta phải hiểu cách thức Đấng Christ chịu sự dâng hiến như thế nào. Điều mà Ngài ích lợi qua sự dâng hiến chính mình để cho chúng ta là không còn gì nghi ngờ. Nhìn vào khía cạnh này, chúng ta cần nhớ rằng mặc dầu Chúa Jesus không phạm tội, Ngài sinh ra cùng bản chất như bao người khác. Ngài chia xẻ với những ai mà Ngài đến với Ngài để có được sự cứu rỗi khỏi tội lỗi và sự chết vì chính Ngài đã chịu thử thách mọi bề như chúng ta. Ngài cũng cần sự cứu chuộc hay sự cứu rỗi từ bản chất phải chết của con người mà chúng ta cũng không tránh khỏi. Điều này được nói rõ qua lời tiên tri nói về sự chết của Ngài.

- “Tôi phó thác thần kinh tôi vào tay Chúa: Hỡi Giêhôva, là Đức Chúa Trời chơn thật, Ngài đã chuộc tội”(thithiên 31:5). Chúng ta nhắc nhớ lại đó là một phần lời được phán ra khi Chúa Jesus chết trên thập giá (Luca 23:46). Ngài nhận biết Cha mình là Đấng cứu chuộc sẽ “chuộc linh hồn tôi khỏi quyền âm phủ”(thithiên 49:15).
- “Ta sẽ lại làm người thành con trưởng nam ta, vua cao hơn hết các vua trên đất”(thithiên 89:26-27). Chúng ta thấy rằng qua sự cầu nguyện của Ngài cùng Cha mình và Đức Chúa Trời-Ngài sẽ cứu chuộc Người ra khỏi sự chết và đem Người làm vị trí của Con trưởng. Hãy xem xét lời của Chúa Jesus nói với Mary sau khi Đức Chúa Trời đem Ngài lên: “Hãy nói rằng ta lên cùng Cha ta và Cha các ngươi, cùng Đức Chúa Trời ta và Đức Chúa Trời các ngươi”(Giăng 20:17).

Từ lời kinh thánh như thế, chúng ta được nhắc nhở rằng Chúa Jesus chính Ngài cần sự giải cứu khỏi sự chết mà từ lâu đến trên con người từ Adam có tội. Người không xa cách những ai Người đến cứu trong hoàn cảnh này.

Nói đến sự chết và sự sống lại của Ngài, Phao-lô giảng: “Người đó bị nộp theo ý định trước và sự biết trước của Đức Chúa Trời, các người đã mượn tay độc ác mà đóng đinh Người trên thập tự giá và giết đi. Nhưng Đức Chúa Trời đã khiến người sống lại, bứt đứt dây trói của sự chết, vì nó không thể giữ Người lại dưới quyền nó”(Công vụ 2:23-24). Âm phủ không thể giữ Ngài vì tiền công của tội lỗi là sự chết, nhưng Chúa Jesus, dù bị cám dỗ, chưa bao giờ bị cám dỗ và phạm tội. Thì người công bình không thể ở trong âm phủ được. Đức Chúa Trời là công bình trong mọi đường. Vì thế bởi sự vâng phục của Người mà Chúa Jesus đã phá vỡ tội chết và sự hư mất cho chính mình Ngài và những ai chịu phép báp-têm trong Ngài. Chỉ có qua Ngài mà tội lỗi chúng ta được tha thứ và chúng ta có thể đứng vững trong hy vọng để dự phần trong sự sống mãi mãi mà Ngài đã giành được.

- “bởi biết rằng Đấng Christ đã từ người chết sống lại, thì chẳng chết nữa; sự chết không còn cai trị trên Ngài. Vì nếu Ngài đã chết, ấy là chết cho tội lỗi một lần đủ cả; nhưng hiện nay Ngài sống, ấy là sống cho Đức Chúa Trời”(Rôma 6:9-10). Ngài chết theo tội lỗi đã lập, song Ngài được sống lại từ cõi chết vì để người vô tội trong âm phủ là không đúng.
- “khi Đấng Christ còn trong xác thịt, thì đã kêu lớn tiếng khóc lóc mà dâng những lời cầu nguyện nài xin cho Đấng có quyền cứu mình khỏi chết, và vì lòng nhơn đức Ngài, nên được nhậm lời. Dầu Ngài là Con, cũng đã học tập vâng lời bởi sự khốn khổ mình đã chịu, và sau khi đã được làm nên trọn vẹn rồi, thì trở

nên cội rễ của sự cứu rỗi đời đời cho người vâng lời Ngài” (Hebơơ 5: 7-9).

- “Ngài đã vào nơi rất thánh một lần thì đủ hết, không dùng huyết của dê đực và bò con, nhưng dùng chính huyết mình, mà được sự chuộc tội đời đời”(Hebơơ 9:12). Phaolô so sánh sự bước vào nơi thánh của thầy tế lễ với sự vào nơi thánh của Đấng Christ bèn là chính trong trời, để bây giờ vì chúng ta hiện ra trước mặt Đức Chúa Trời (câu 24). Nơi thánh thầy tế lễ bước vào bởi huyết của lễ dâng nào đó, những của lễ dâng này hướng đến của lễ dâng chính Con của Đức Chúa Trời. Ở đây chúng ta thấy rằng bởi qua sự dâng hiến của Ngài, Người đã được sự “cứu chuộc đời đời”- Người đã được giải cứu khỏi dây trói của sự chết. Sự chết có sự yếu đuối và tội lỗi vốn có của nó được xem như dây trói của sự nô lệ, nhưng qua sự vâng lời của Đấng Christ chịu chết trên thập tự, nên Ngài đã phá vớ sự trói buộc đó cho mình và cho những ai ở trong Ngài. Bởi sự chết của Người, Ngài đã “phá diệt kẻ cầm quyền sự chết, là ma quỷ”(Hebơơ 2:14). Ngài giành được “sự cứu chuộc đời đời” từ sự đau đớn Ngài đã chịu.
- “Đức Chúa Trời bình an, là Đấng bởi huyết giao ước đời đời mà đem Đấng chăn chiên lớn là Đức Chúa Jesus chúng ta ra khỏi tử trong người chết, nguyên xin Ngài bởi Đức Chúa Jesus Christ khiến anh em nên trọn vẹn trong mọi sự lành, dặng làm thành ý muốn Ngài, và làm ra sự đẹp ý muốn Ngài trong chúng ta; sự vinh hiển đáng về Ngài đời đời vô cùng. Amen”(Hebơơ 13:20-21). Phaolô kết thúc bức thư này với vấn đề Jesus được đem lên khỏi sự chết bởi Đức Chúa Trời qua huyết của giao ước đời đời. Huyết đó là huyết Ngài liên hệ cùng các học trò mình trong phòng hội: “này là huyết ta, huyết của sự giao ước đã đổ ra cho nhiều người được tha tội”(Mathiơ 26:28). Đây là huyết Ngài như chúng ta đã tìm hiểu ban đầu liên hệ đến cuộc đời Ngài. Ngài sẵn sàng hy sinh mình (Mathiơ 20:28) để cứu chuộc con người khỏi sự trói buộc của tội lỗi và sự chết nếu qua đức tin anh em sẽ đến gần Đức Chúa Trời bởi sự chết của Đấng Christ.

Khi Ngài đang bị đóng đinh, Ngài công khai bày tỏ những gì Ngài đã làm trong đời sống mình khi chối bỏ sự căm dỗ của xác thịt, Ngài sẵn sàng bày tỏ công khai trong sự đóng đinh xác thịt cùng những ham muốn và dục vọng, và để ý muốn của Đức Chúa Trời làm ứng nghiệm bước đường của mình. Phaolô viết: “Ngài được xem là mẫu mực cho chúng ta, chính Ngài đã tự bỏ mình đi, lấy hình tội tở và trở nên giống như loài người. Ngài hiện ra như một người, tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự.”. Ngài sẵn sàng vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời: “Đức Chúa Trời đã đem Ngài lên rất cao, ban cho danh trên hết mọi danh: hầu cho nghe đến danh Đức Chúa Jesus, mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất, thấy đều quì xuống, và mọi lưỡi đều xưng Jesus Christ là Chúa, mà tôn vinh Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha”(Philip 2:8-11). Kết quả của sự vâng lời Đức Chúa Trời được làm vinh hiển, và Cha làm ứng nghiệm sự thỉnh cầu của Đấng Christ: “Cha ôi! Bay giờ xin lấy sự vinh hiển Con vốn có nơi Cha trước khi chưa có thể gian mà làm vinh hiển Con nơi chính mình Cha”(Giăng 17:5). Ngài được đem lên trong sự sống vĩnh hằng hay bản chất thánh mà ngồi bên tay hữu Đức Chúa Trời.

Vì thành tín làm theo ý muốn của Cha trong chức phận của mình, ngay cả lúc chết, Ngài mở đường cho tất cả những ai sẽ được báptem trong Ngài để dự phần sự sống mà Ngài làm nên. Ngài đã làm chết bản chất chết mất của con người trong đó những con người tội lỗi đang cai trị và gây ra tội ác. Qua phép lạ và đức tin, chúng ta được sinh lại trong Ngài “Ngài gánh tội lỗi chúng ta trong thân thể Ngài

trên cây gỗ, hầu cho chúng ta là người đã chết vì tội lỗi, được sống cho sự công bình, lại vì những lần đòn của Ngài mà anh em đã được lành bệnh”(Phiơơ 2:23). Chúng ta suy ngẫm những điều này, nhận biết rằng bởi sự vâng phục đến cuối cùng mà Ngài “đã phá hủy sự chết, dùng tin lành phổ b2y sự sống và sự không hề chết ra cho rõ ràng”(2 Timôthê 1:10).

9.4 Chúa Jesus, Người Đại Diện Cho Chúng Ta

chúng ta thấy rằng dâng lễ thú vật hoàn toàn không phải là vật đại diện cho tội lỗi của con người. Chúa Jesus là đại diện cho tội lỗi của chúng ta, trong mọi việc “làm giống anh em mình trong mọi sự”(Hebơơ:17). “Ngài vì mọi người nếm sự chết”(câu 9). Khi chúng ta phạm tội chẳng hạn chúng ta giận dữ- Đức Chúa Trời có thể tha thứ cho chúng ta “vì sự hy sinh của Đấng Christ”(Ephêsô 4:32). Vì vậy Đức Chúa Trời có thể so sánh chúng ta với Đấng Christ, người giống chúng ta bị cám dỗ phạm tội-chẳng hạn giận dữ-nhưng Ngài vượt qua mọi cám dỗ. Do vậy, Đức Chúa Trời có thể tha thứ chúng ta-trong giận dữ-vì có Chúa Jesus, được che chở bởi sự công bình của Ngài. Đấng Christ là đại diện cho chúng ta chính là phương tiện qua đó Đức Chúa Trời có thể bày tỏ chúng ta sự ẩn diễn của Ngài, cất những nguyên tắc công bình của mình.

Nếu Chúa Jesus là Đức Chúa Trời, không phải là người vốn có bản chất con người, Ngài hẳn không thể là đại diện cho chúng ta được. Đây là thí dụ qua đó một quan điểm sai này dẫn đến sai khác. Vì điều này, các nhà thần học đã đưa ra nhiều cách giải thích phức tạp về sự chết của Ngài.

Quan điểm này không có chứng cứ trong kinh thánh. Rõ ràng có những mâu thuẫn nếu Đấng Christ chết thay chúng ta, thì chúng ta sẽ không chết. Vì chúng ta vẫn còn bản chất con người, nên chúng ta phải chết; sự cứu rỗi từ tội lỗi và sự chết cuối cùng sẽ đến trong ngày phán xét (khi chúng ta được ban sự sống đời đời). Chúng ta đã không nhận điều này ngay khi Chúa Jesus chết. Sự chết của Ngài huỷ diệt ma quỷ (Hebơơ 2:14), không phải ma quỷ huỷ diệt Ngài.

Thánh kinh dạy rằng sự cứu rỗi chỉ có thể qua sự chết và sự sống lại của Đấng Christ, không chỉ là sự chết của Ngài. Đấng Christ “chết cho chúng ta” một lần đủ cả. Thuyết về sự thay thế sẽ có nghĩa là Ngài phải chết cho mỗi chúng ta.

Nếu Đấng Christ trả nợ bằng huyết của mình, sự cứu rỗi trở thành điều gì đó mà chúng ta nghĩ là quyền. Vấn đề sự cứu rỗi là sự ban cho, được mang đến bởi ơn phước và sự tha thứ của Đức Chúa Trời, sẽ trở nên nhảm lẫn nếu chúng ta hiểu sự hy sinh của Đấng Christ như là thanh toán nợ. Quan điểm đó cũng đặt ra rằng Đức Chúa Trời đang giận được xoa dịu khi Ngài nhìn thấy huyết của Chúa Jesus. Song điều Đức Chúa Trời thấy khi chúng ta ăn năn là Con Ngài là đại diện cho chúng ta, là Người chúng ta cố học hỏi, không phải

chúng ta gắn bó mình với huyết của Đấng Christ là bùa phép. Nhiều bài hát và bài thánh ca có nhiều quan điểm giáo lý sai trái không thể tưởng tượng được. Những bài giáo lý sai đó hòa vào tim óc tín đồ qua các bài ca, không phải từ sự giảng dạy hợp lẽ trong thánh kinh. Chúng ta phải luôn cảnh giác với loại giáo lý làm hại cho trí óc chúng ta.

Điều đáng buồn, những từ “Đấng Christ chết vì chúng ta”(Rôma 5:8) đã có nhiều người hiểu sai và cho rằng Đấng Christ chết thay cho chúng ta. Có rất nhiều sự liên hệ giữa Rôma 5 và 1Côrintô 15 (chẳng hạn Rôma 5:12=1 Côrin 15:21; Rôma 5:17=1Côrin 15:22). “Đấng Christ chết vì chúng ta” (Rôma 5:8) được kết hợp với “Đấng Christ chết vì tội lỗi chúng ta” (1 Côrintô 15:3). Sự chết của Ngài mở đường để chúng ta có thể nhận sự tha thứ cho tội lỗi chúng ta; vì ý nghĩa đó “Đấng Christ chết vì chúng ta”. Từ “vì” không nhất thiết có nghĩa “thay cho”; Đấng Christ chết “vì tội lỗi chúng ta”, không phải “thay cho họ”. Vì điều này, Đấng Christ có thể “cầu thay/can thiệp”cho chúng ta (Hebơơ 7:25)-không phải thay cho chúng ta, cũng không có nghĩa là “thay vì” trong Hebơơ 10:12 và Galati 1:4. Nếu Đấng Christ chết “thay cho chúng ta” thì không cần phải vác thập giá Ngài như Ngài khuyên bảo chúng ta. Như thế sẽ trở nên vô nghĩa khi chịu phép báptem trong sự chết và sự sống lại của Ngài, sẽ không làm chúng ta phấn khởi nhận biết Ngài làm đại diện cho chúng ta. Quan điểm thay thế ngụ ý một sự tóm gọn sự vinh hiển Ngài là không phù hợp. Nhận biết Ngài làm đại diện cho chúng ta làm chúng ta cam kết chịu phép báptem qua sự chết và sự sống lại của Ngài, một cuộc đời luôn vác thập giá cùng Ngài, dự phần trong sự sống Ngài. Sự sống lại của Ngài cũng sẽ là sự sống lại cho chúng

ta; chúng ta được ban cho sự trông cậy sự sống lại vì chúng ta ở trong Đấng Christ từ người sống lại (1 Phiơơ 1:3). Chúa Jesus đã sống và đã chết cùng bản chất chúng ta với bản chất cái tôi của mình, để có thể gần gũi chúng ta hơn và giúp chúng ta nhận biết Ngài. Hiểu được giáo lý này, chúng làm cho Ngài có thể nhìn thấy kết quả của sự đau đớn linh hồn Ngài mà mãn nguyện. Một đoạn ngắn thú vị nói về điều này khi Chúa Jesus gặp một người có lưỡi không bình thường. Vì lưỡi kiểm soát quá trình nuốt, chắc chắn người đàn ông này đang sùi bọt miệng. Song Đấng Christ nhổ nước bọt mình và đặt lên miệng người kia, để chúng tỏ khả năng trọn vẹn của Ngài nhận biết tình trạng của con người.

9.5 Chúa Jesus và Luật Pháp Môse

Chúa Jesus là của lễ hy sinh hoàn hảo để chuộc tội lỗi và là Thầy tế lễ cao trọng có quyền đem sự tha thứ đến chúng ta, những hình thức dâng của lễ thú vật và thầy tế lễ đã mất đi kể từ khi sự chết của Ngài xảy ra (Hebơơ 10:5-14). “chức phận thầy tế lễ đã thế chỗ cho Đấng Christ (từ chi phái Levi sang Đấng Christ), thì cần thiết phải có sự thay thế trong luật pháp”(Hebơơ 7:12). Đấng Christ “trở thành thầy tế lễ không phải dựa theo qui định của tổ phụ (chẳng hạn vì một người là dòng dõi của Levi thì người làm thầy tế lễ), nhưng dựa trên cơ sở quyền năng của sự sống không hề hư mất ” đã được nhờ sự hy sinh trọn vẹn của Ngài (Hebơơ 7:16). Do vậy, bỏ đi những qui định cũ là hợp lẽ (ví dụ luật Môse) vì luật pháp ấy yếu đuối và không hữu

ích nữa. Luật pháp ấy không làm sự việc hoàn hảo, nhưng đem lại một hy vọng (đó là qua sự chết của Đấng Christ)” (Hebơơ 7:18,19).

Từ quan điểm này, luật pháp Môse đã kết thúc bởi sự chết của Đấng Christ. Tin vào thầy tế lễ con người hay vẫn tiếp tục dâng của lễ thú nghĩa là chúng ta không công nhận sự trọn vẹn của sự sống lại của Ngài. Chúng ta cảm thấy rằng việc làm từ thiện cần thiết để đem lại sự công bình cho mình hơn là đức tin trong Đấng Christ. “Không ai được xưng công bình bởi luật pháp trước mặt Đức Chúa Trời, người công bình sống bởi đức tin” (Galati 3:11 so sánh Habacuc 2:4). Sự cố gắng của chúng ta vâng theo luật ấy sẽ không đem lại chúng ta sự công bình; chắc chắn người đọc những lời ấy đã không vâng theo luật này.

Nếu chúng ta tôn trọng luật Môse, thì chúng ta phải cố gắng làm theo tất cả. Không làm theo một trong số các qui định nghĩa là người đó phải chịu sự sửa phạt: “vì mọi kẻ trông cậy vào việc của luật pháp thì bị rửa sả, bởi có chép rằng: Đáng rửa thay là kẻ không bền đỗ trong mọi sự đã chép ở sách luật, để làm theo những sự ấy” (Galati 3:10). Sự yếu đuối của con người nghĩa là chúng ta không thể giữ trọn luật pháp Môse, nhưng vì sự vâng phục trọn vẹn của Đấng Christ theo luật, nên chúng ta được giải phóng khỏi sự ràng buộc của luật pháp Môse. Sự cứu rỗi cho chúng ta là sự ban cho của Đức Chúa Trời qua Chúa Jesus, không phải chỉ có công việc vâng phục của chúng ta. “vì điều chi pháp luật không làm nổi, tại xác thịt làm cho luật pháp ra yếu đuối, thì Đức Chúa Trời đã làm rồi. Ngài đã vì cố tội lỗi sai chính Con mình lấy xác thịt giống như xác thịt tội lỗi chúng ta và đã đoán phạt tội lỗi trong xác thịt” (Rôma 8:3). Do

vậy “Đấng Christ đã chuộc chúng ta khỏi sự rửa sả của luật pháp, bởi Ngài đã làm nên sự rửa sả vì chúng ta” (Galati 3:13).

Vì điều này, chúng ta không đòi hỏi phải giữ qui định của Luật Môse. Chúng ta đã tìm hiểu bài 3.4 rằng Giao ước trong Đấng Christ thay thế giao ước cũ của luật pháp Môse (Hebơơ 8:13). Bởi sự chết Ngài, Đấng Christ xóa “những qui định trái bất lợi cho chúng ta và cất bỏ nó trên thập giá... hãy dừng để người ta xét đoán anh em vì ăn hoặc uống của dâng, hay tôn thờ lễ hội tôn giáo, trung thu, hay ngày Sabat: là cái bóng của sự hầu đến; nhưng sự thực là Đấng Christ” (Côlôse 2:14-17). Nay đã rõ vì sự chết của Đấng Christ trên thập giá, luật pháp Môse đã cất đi để chúng ta chống lại những chèn ép nào buộc chúng ta phải tuân thủ. Phần còn lại của luật, mục đích của sự đó là hướng đến Đấng Christ. Sau khi Ngài chết, ý nghĩa cụ thể đó đã được ứng nghiệm.

Hội thánh đầu tiên trong thế kỷ thứ nhất đã chịu sức ép từ Do thái chính thống giữ theo luật pháp Môse. Qua kinh Tân ước nhiều bài giảng phản bác những quan điểm đó. Ngày nay, điều hết sức kỳ lạ bởi có nhiều nhóm giáo phái vẫn ủng hộ tuân theo luật Môse. Chúng ta tìm hiểu bài trước rằng bất kỳ nỗ lực vâng theo luật Môse phải tuân theo đầy đủ, nếu không chúng ta bị coi là người không tuân theo luật và chịu rửa sả (Galati 3:10).

Một yếu tố trong bản chất con người dựa vào quan điểm công bình là do công việc mình làm; chúng thích nghĩ rằng chúng ta làm điều gì đó hướng đến sự cứu rỗi. Vì lý do này, dâng hiến bắt buộc, đeo thánh giá, rập khuôn bài cầu nguyện, cầu nguyện tại một nơi cụ thể...là

những việc làm hết sức phổ biến của tôn giáo cơ đốc. Sự cứu rỗi bởi đức tin trong Đấng Christ là lời giảng giáo lý cơ bản trong anh em chân thật theo đúng thánh kinh.

Lời rằng bảo đừng giữ qui định của luật Môse để được sự cứu rỗi được nhắc nhiều trong Tân ước. Một số người giảng rằng tín đồ phải chịu phép cắt bì theo luật Môse, và “tuân theo luật ấy”. Thay mặt anh em, Gia cơ thẳng thắn lên án ý tưởng này: “chúng tôi không giảng điều rằng như thế”(Công vụ 15:24). Phiosơ mô tả những ai bảo phải tuân theo luật Môse như “đặt ách trên cổ các sứ đồ, mà tổ phụ hay chúng ta không thể mang nổi. Nhưng chúng ta tin rằng nhờ ân điển của Chúa Jesus Christ, chúng ta sẽ được cứu”(công vụ 15:10,11). Khi nhận mặt khải, Phaolô giảng công khai, nhấn mạnh nhiều lần: “người ta được xưng công bình chẳng phải bởi các việc luật pháp đâu, bèn là cậy đức tin trong Đức Chúa Jesus Christ, nên chính chúng tôi đã tin Đức Chúa Jesus để được xưng công bình bởi đức tin trong Đấng Christ, chớ chẳng phải các việc luật pháp; vì chẳng có ai được xưng công bình bởi các việc luật pháp: vì công việc của luật pháp Môse không ai được xưng công bình...không ai được xưng công bình bởi luật pháp...lại nhờ Ngài mà hễ ai tin thì được xưng công bình về mọi điều theo luật pháp Môse chẳng có thể được xưng công bình”(Galati 2:16; 3:11; công vụ 13:39).

Linh mục

Nhà thờ thiên chúa và anh trắng trợn sử dụng hệ thống chức phận linh mục. Nhà thờ la mã xem Đức giáo hoàng ngang hàng thầy tế lễ Do thái. Chỉ có một Đấng trung bảo giữa Đức Chúa Trời và loài người là Đấng Christ là người”(1 Timôthê 2:5). Nên, Đức giáo hoàng

hay linh mục không thể là đáng trung bảo cho chúng ta như các thầy tế lễ trong giao ước cũ, Đấng Christ giờ đây là thầy tế lễ cao thượng của chúng ta trên trời, đang cầu thay cho chúng ta trước Đức Chúa Trời.

Hoàn toàn không có bằng chứng nào thuộc thánh kinh rằng chỉ có người trưởng lão được ban cho thánh linh có quyền năng quyền năng trong thế kỷ thứ nhất- chẳng hạn quyền phép của Phariơ đã chuyển sang thế hệ sau hay sang Đức giáo hoàng nói riêng. Cho dù khả năng về điều này được chấp nhận, nhưng không có cách nào chứng minh rằng Đức giáo hoàng và linh mục được kế thừa quyền năng của các trưởng lão từ thế kỷ thứ nhất.

Sự ban cho thánh linh đã cất đi, các tín đồ đều có thể dễ dàng nhận lời thánh linh trong thánh kinh (xem bài học 2:2 và 2:4). Do vậy, tất cả đều là anh em trong Chúa, không ai hơn ai trong vị thế đức tin của mình. Thật sự, mọi anh em đều là chi thể của một chức phận bởi phép báptem trong Chúa Jesus với ý nghĩa là anh em bài tỏ sự sáng của Đức Chúa Trời cho thế gian tối tăm (1 Phiơơ 2:9). Do vậy, anh em sẽ trở thành thầy tế lễ trong nước Chúa khi nước được lập trên đất ngày Chúa Jesus trở lại (Khải huyền 5:10).

Sinh hoạt của nhà thờ công giáo gọi linh mục “là Cha”(đức giáo hoàng cũng nghĩa là Cha) hoàn toàn mâu thuẫn với lời của Đấng Christ, “đừng gọi ai là Cha trên đất: vì chỉ có một Cha, trên trời” (Mathiơ 23:9). Thật ra, Chúa Jesus rằng bảo khi dành cho ai sự tôn kính do các linh mục/thầy lễ yêu cầu: “đừng để ai gọi các ngươi bằng thầy: vì chỉ có một thầy, Đấng Christ; tất cả đều là anh em”(Mathiơ 23:8).

Ao các linh mục, mục sư, giám mục và những chức phận giáo hội khác mặt theo những trang phục đặc biệt mà thầy tế lễ luật Môse và thầy thượng phẩm. Trang phục này hướng đến tính cách hoàn hảo của Đấng Christ, cũng như luật pháp, mục đích đó đã được ứng nghiệm. Thật là điều đáng buồn, trang phục này làm tôn vinh những ai mặt nó, và làm mất sự vinh hiển của Chúa Jesus.

Quan điểm cơ đốc cho rằng Mary là linh mục là hoàn toàn sai. Đòi hỏi của chúng ta là danh của Đấng Christ, không phải là danh của Mary (Giăng 14:13,14; 15:16; 16:23-26). Đấng Christ là thầy tế lễ cao thượng nhất, không phải là Mary. Chúa Jesus quả trách Mary khi bà tìm cách bảo Ngài làm điều gì đó cho người khác (Giăng 2:2-4). Đức Chúa Trời, không phải Mary, kéo con người đến Đấng Christ (Giăng 6:44).

Dâng hiến (một phần mười)

Điều này cũng luật pháp Môse (Dân số 18:21), khi đó dân Do thái dâng hiến 1 phần mười của mình có cho chi phái Lêvi. Vì rằng giờ đây không có thầy tế lễ con người nữa, thì không còn bắt buộc dâng phần mười cho trưởng lão nhà thờ nữa. Quan điểm sai lầm này đến sai lầm khác. Chính Đức Chúa Trời không cần sự dâng hiến của chúng ta, vì mọi sự thuộc về Ngài (thithiên 50:8-13). Chúng ta chỉ trả lại Đức Chúa Trời những gì Ngài đã ban cho chúng ta (1 Sử ký 29:14). Chúng ta không thể nhận sự cứu rỗi nhờ chúng ta dâng hiến phần mười vật chất của mình. Để tỏ lòng biết ơn sự ban cho to lớn của Đức Chúa Trời, chúng ta không chỉ dâng phần mười tiền của, mà còn cả

cuộc đời mình nữa. Phaolô đã đưa ra ví dụ về điều này, là theo điều Ngài giảng: “Đức Chúa Trời khuyên anh em dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là sự thờ phượng phải lễ của anh em”(Rôma 12:1).

Thịt

Luật Do thái đưa ra một số thịt coi là không sạch- là cách sinh hoạt của một số giáo phái ngày nay vẫn còn làm theo, đặc biệt là thịt heo. Vì sự chết của Đấng Christ đã làm mất hiệu lực luật ấy, “đừng để ai xét đoán anh em bởi thịt hay uống”(Côlôse 2:14-16). Do vậy, Luật pháp Môse rằng dạy liên quan những điều này không còn nữa, vì rằng Đấng Christ đã đến thế gian. Chính Ngài là vật thực sạch mà đã được nói đến.

Chúa Jesus giảng dạy: “chẳng sự gì ngoài người vào trong cơ thể làm dơ dáy người; hết thấy những điều xấu ấy ra từ trong lòng thì làm cho dơ dáy người” (Mac 7:15-23). “khi giảng, Chúa Jesus phán “mọi vật thực đều sạch” (Mác 7:19). Phêrô cũng được dạy như thế (công vụ 10:14,15), như Phaolô: “tôi biết và tin chắc trong Đức Chúa Jesus rằng, chẳng có vật gì vốn là dơ dáy”(Rôma 14:14). Ban đầu, Phaolô đã lý giải từ chối thịt nào đó là dấu hiệu của đức tin yếu đuối (Rôma 14:2). Thái độ của chúng ta đối với thịt “dạy chúng ta, không hề đối với Đức Chúa Trời”(1 Côrintô 8:8). Hầu hết sự bắt buộc là lời cảnh báo của một số giáo phái dạy rằng “bảo kiêng ăn các thức ăn Đức Chúa Trời đã dựng nên cho kẻ có lòng tin và biết lễ thật, tạ ơn mà dùng lấy”(1 Timôthê 4:3).

9.6 Ngày Sabat

Một trong những sự phổ biến sâu rộng giữa hoạt động cơ đốc và luật Môse được xem trong quan điểm là chúng ta phải giữ ngày Sabat. Vài giáo phái cho rằng chúng ta nên giữ ngày Sabat do thai giáo theo luật; một số khác cho rằng Cơ đốc nhân chỉ cần một ngày nào đó trong tuần để thờ phượng, chủ nhật chẳng hạn. Điều đầu tiên cần làm rõ là Ngày Sabat là ngày cuối của tuần lễ khi Đức Chúa Trời nghỉ ngơi sau 6 ngày sáng tạo (Xuất hành 20:10,11). Chủ nhật là ngày đầu tuần, nên giữ lễ trong ngày Sabat là không thể đúng. Ngày Sabat cụ thể “là dấu giữa ta (Đức Chúa Trời) và họ (dân Isơơen), để họ biết ta là Chúa đã thánh hóa họ”(xuất hành 20:12). Như thế, những việc làm đó không thể bắt buộc người anh em không gốc Do thái. “Đức Chúa Trời ban cho người ngày Sabat (xuất hành 16:29); “Đức Chúa Trời làm họ biết đến ngày Sabat thánh (Nêhemi 9:14).

Sự thật là Đức Chúa Trời ban phước ngày thứ 7 (sáng thế 2:3) không là lý do để suy nghĩ rằng ngày Sabat phải làm theo- nhiều thế kỷ trôi qua sau ngày sáng thế trước lúc Đức Chúa Trời lập ngày Sabat.

Chúa Jesus phê bình: một bé trai phải cắt bì vào thứ 8 của tuổi. Nếu ngày ngày nhằm vào ngày Sabat, vẫn có thể làm việc bình thường. Vậy nên giữ luật nào, cắt bì hay Sabat? Chúa đáp: phép cắt bì phải tôn trọng vì có từ Apraham; trong khi đó luật Sabat có sau đó, từ Môse: “Môse đưa ra lễ cắt bì [không vì từ Mose, nhưng từ tổ phụ-chẳng hạn Apraham]...”. Nếu luật cắt bì đã có trước luật Sabat, thì làm sao người ta cho rằng luật Sabat là bắt buộc, nhưng luật cắt bì là không? Cắt bì là giao ước đối với Apraham, trong khi luật Sabat là giao ước luật của Môse (xuất hành 31:17), và Chúa Jesus xét đoán rằng lời giao ước cùng Apraham thì trọng hơn. Phaolô cũng giảng như vậy khi người lý giải giao ước mới ban cho Apraham [không có lời rằng về ngày Sabat] là điều không thể thêm vào hay làm vô hiệu. Do vậy, Người hỏi tại sao luật ấy lại thêm vào”(Galati 3:15,19)? Người đáp luật được thêm vào, tạm thời ngụ ý vì rằng giao ước mới không thể thêm vào được để giảng dạy con người về tội lỗi và dẫn dắt họ đến sự hiểu biết Đấng Christ, dòng dõi được hứa của Apraham. Giờ đây Đấng Christ đã đến, chúng ta không còn ở dưới luật pháp nữa.

Do đó, bởi sự chết của Đấng Christ trên thập tự, luật pháp Môse bị bỏ đi để mà không còn phải giữ ngày Sabat hay nghi thức lễ nào ví dụ ngày chết của Đấng Christ (Côlôse 2:14-17). Hội thánh đầu tiên quay lại thờ phượng luật pháp Môse, chẳng hạn ngày Sabat đã được Phaolô mô tả “họ quay lại nguyên tất khốn khổ và yếu đuối” mà còn bị ràng buộc trong nô lệ. Người giữ ngày , tháng, và kỳ và năm (chẳng hạn lễ hội do thái giáo). Ta lo là vì ta ban cho anh em sự khó nhọc trong vô ích”(Galati 4:9-11). Đây là việc làm nghiêm trọng khi cố gắng giữ ngày Sabat làm phương tiện cho sự cứu rỗi. Rõ ràng giữ

ngày Sabat không phù hợp cho sự cứu rỗi: “người này tưởng ngày này hơn ngày khác:kẻ kia tưởng mọi ngày đều bằng nhau; ai nấy hãy tin chắc ở trí mình. Người giữ ngày là giữ vì Chúa, người ăn là ăn vì Chúa, vì họ tạ ơn Đức Chúa Trời; người không ăn cũng chẳng ăn vì Chúa, họ cũng tạ ơn Đức Chúa Trời”(Rôma 14:5,6).

Vì điều này, có thể hiểu rằng chúng ta không tìm thấy anh em nào trong ngày đầu giữ ngày Sabat. Thật sự, có chép rằng họ gặp nhau “ngày đầu tuần” chẳng hạn chủ nhật: “vào ngày đầu tuần, các môn đồ đến với nhau ăn bánh uống chén...”(Công vụ 20:7). Đó là việc làm phổ biến mà Phaolô khuyên nhủ anh em ở hội thánh Côrin nhóm lại “ngày đầu tuần”(1 Côrintô 16:2), chẳng hạn nhóm họp đều đặn ngày này. Tất cả anh em được mô tả như các thầy tế lễ (1 Phiơơ 2:9)- mà không hề nói đến ngày Sabat (Mathiơ 12:5).

Nếu chúng ta giữ ngày Sabat, chúng ta phải thực hiện đúng đắn; phần trước chúng ta đã tìm hiểu giữ luật Môse một phần là việc làm nguy hiểm vì như vậy sẽ bị đoán phạt (Galati 3:10; Giacơ 2:10). Sự cứu rỗi đến bằng việc giữ luật của Đấng Christ hơn là luật của Môse. Dân Isơơen không được phép làm việc trong ngày Sabat: “ai làm việc ngày này sẽ bị tội chết”, và “không được nhóm lửa nơi đất mình trong ngày Sabat”, nên họ bị cấm làm thức ăn ngày này (Xuất hành 35:2,3; 16:23). Người nhặc củi đốt vào ngày Sabat để nhóm lửa bị phạt tội chết nếu vi phạm (Dân số 15:32-36).

Những giáo phái buộc phải giữ ngày Sabat đang ràng buộc tín đồ của họ giữ ngày Sabat, nếu không họ bị hình phạt với tội chết khi họ vi phạm ngày Sabat. Ngày này không được phép nấu ăn, nhóm lửa dưới

bất kỳ hình thức nào-chẳng hạn lái xe, sử dụng hệ thống đốt bằng điện... Do thái giáo ngày nay đưa ra mẫu mực hành vi cần có vào ngày này: họ phải ở trong nhà trừ lý do tín ngưỡng, không tự nấu ăn, đi lại...

Người ta thường tranh luận nhau rằng giữ ngày Sabat là một trong mười điều rằng Đức Chúa Trời đưa ra cho Môse, trong khi phần còn lại của luật Môse đã bị bỏ đi, mười điều rằng vẫn còn bắt buộc thực hiện. Giáo phái Cơ Đốc Phục Lâm đưa ra sự khác biệt giữa “luật luân lý” của 10 điều rằng, “luật của Đức Chúa Trời”, và cái gọi là “luật nghi lễ”, “luật của Môse”, là luật đã được Đấng Christ xóa bỏ. Kinh thánh không dạy sự khác biệt này. Kinh thánh dùng từ “luật của Môse” và “luật của Đức Chúa Trời” có thể thay thế cho nhau (Dân số 31:21; Giôê 23:6; 2 Sử ký 31:3). Chúng ta đã chứng minh điều này rằng giao ước cũ nói đến luật của Môse đã được thay thế trên thập giá bởi giao ước mới. Mười điều rằng trong đó có ngày Sabat là một phần của giao ước cũ đã thay thế bởi Đấng Christ.

- Đức Chúa Trời “rao truyền cho các người biết sự giao ước của Ngài, tức là mười điều rằng, khiến các người gìn giữ lấy, và Ngài chép mười điều rằng ấy trên hai tảng đá”(Phục truyền 4:13). Nên lưu ý rằng giao ước này, dựa trên 10 điều rằng, được giao ước giữa Đức Chúa Trời và Isơrơen, không phải là dân không gốc Do thái ngày nay.
- Môse lên núi Horeb để nhận tảng đá lời giao ước, mười điều rằng”(xuất hành 34:28). Giao ước này gồm các chi tiết của cái gọi là “luật nghi lễ”(xuất hành 34:27). Nếu chúng ta lập luận rằng gìn giữ giao ước trong 10 điều rằng là cần thiết, thì chúng ta phải gìn giữ mọi chi tiết trong toàn bộ luật, vì rằng đây là tất cả chi tiết của giao ước. Rõ ràng không thể làm điều này.

- “trong hòm chỉ có hai tảng đá mà Môse đã để, tại núi Horeb, khi Đức Giê hôva lập giao ước với dân Isơrơen lúc họ ra khỏi Ai cập,...trong đó có sự giao ước của Đức Giê hôva”(1 các vua 8:9,21).hai tảng đá đó là giao ước .
- Hebơơ 9:4 chép về “tảng đá của sự giao ước”. Mười điều rằng được chép trên tảng đá.
- Phaolô nói đến sự giao ước này “được viết và khắc trên đá”. Người gọi “chức vụ về sự chết...chức vụ về sự định tội...đã được biến đi”(2 Côrintô 3:7-11). Giao ước gắn kết trong điều rằng chắc chắn không thể đem đến sự trông cậy nào về sự cứu rỗi.
- Đấng Christ làm đi “Ngài đã xóa tờ khế lập nghịch cùng chúng ta, các điều khoản trái với chúng ta nữa, cùng phá hủy tờ khế đó mà đóng đinh trên cây thập giá”(Côlôse 2:14). Điều này nói đến tờ khế 10 điều rằng của Đức Chúa Trời trên tảng đá. Cũng như vậy, Phaolô giảng về “luật...chết...cũ kỹ của thư”(Rôma 7:6).
- Một trong 10 điều rằng qui định theo thể loại luật trong Rôma 7:8: “Luật ...chép, “người sẽ không ham muốn”. Các câu trước trong Rôma 7:1-7 nhấn mạnh cách thức “luật” đã bị xóa đi bởi sự chết của Ngài; “luật gồm 10 điều rằng.
- Tất cả làm rõ giao ước cũ và luật gồm 10 điều rằng. Vì luật đã bị bỏ đi bởi giao ước mới, 10 điều rằng đã được khẳng định trong giao ước mới. Dân số 3,5,6,7,8 và 9 có thể tìm trong 1 Timôthê 1 và Dân số 1,2 và 10 trong 1 Côrintô 5. Điều rằng về ngày Sabat không thể tìm thấy trong Tân ước bất buộc chúng ta.
- Các đoạn sau về điều rằng của chín điều rằng được khẳng định lại trong Tân ước:

1st- Ephêsô 4:6; 1 Giăng 5:21; Mathiơ 4:10

2nd- 1Côrintô 10:14; Rôma 1:25

3rd- Gia cơ 5:12; Mathiơ 5:34,35

5th- Ephêsô 6:1,2; Côlôse 3:20

6th- 1 Giăng 3:15; Mathiơ 5:21,22

7th-Hebơơ 13:4; Mathiơ 5:27,28

8th - Rôma 2:21; Epheso 4:28

9th- Côlôse 3:9; Ephesô 4:25; 2Timôthê 3:3

10th- Ephêsô 5:3; Côlôse 3:5

Chúa Jesus mời những người theo Ngài chấp nhận sự nghỉ ngơi mà Ngài ban (Mathiơ 11:28). Ngài dùng từ hy lạp được dùng trong đền thờ. Bản dịch tiếng hylạp của kinh Cựu ước, nghỉ ngơi ngày Sabat. Chúa Jesus dâng sự sống của ngày Sabat, sự sống về nghỉ ngơi. Do vậy, chúng ta không nên giữ ngày Sabat trong tuần, nhưng thay vào đó sống một cuộc đời nên thánh.

Bài đọc thêm 28: Thập giá

Người tín đồ tin Đấng Christ bị giết trên thập giá. Tuy nhiên, từ hylạp “stauros” thông thường được dịch “thập giá” in thánh kinh tiếng Anh, thực sự có nghĩa cây sào hay cây cọc. Thật vậy, biểu tượng thánh giá có nguồn gốc người thờ thần tượng. Sự thật là Đấng Christ chết do bàn tay và cánh tay treo cao khỏi đầu, hơn là đang ra hình thập giá, vì rằng bàn tay được nhấc lên cao là biểu tượng lời hứa của Đức Chúa Trời được khẳng định (Êxêchiên 20:5,6,15; 36:7; 47:14) cũng như lời cầu nguyện (Cathương 2:19; 1Timôthê 2:8; 2Sử

ký 6:12,13; Thithiên 28:2) mà Đấng Christ chịu trên thập giá (Hebơơ 5:7). Ngài phán khi con rắn đồng được treo lên cây sào khi dân Isơơren trong đồng vắng, vì vậy Ngài bị nhấc lên khi chết, như vậy Ngài bị treo trên thập tự bằng cây sào (Giăng 3:14).

Nhà thờ cơ đốc Lama gắn liền ý nghĩa hình tượng đó. Điều này không thuyết phục theo thánh kinh; điều đó làm cho thập giá trở thành bùa phép, là dấu hiệu rằng Đức Chúa Trời ở trong chúng ta. Tín đồ cảm thấy rằng đeo thập giá hay làm dấu thánh, thì Đức Chúa Trời sẽ ở cùng họ. Đây là thuyết dấu lạ; quyền năng thật sự của thập giá là qua sự gắn bó chúng ta với sự chết của Đấng Christ bởi đức tin và phép báptem, hơn là gọi lên hình tượng thập giá. Thật dễ thực hiện việc sau hơn là việc trước.

Bằng chứng về thập giá là biểu tượng của thần tượng phổ biến và được dùng trước thời Chúa Jesus. Một hình ảnh của thuyết thần tượng như cây giáng sinh.

Bài đọc thêm 29: Chúa Jesus sinh ra ngày 25 tháng 12?

Một sai lầm lớn khác của cơ đốc liên quan đến sinh nhật của Chúa Jesus. Người chăn chiên đang ngủ ngoài đồng cỏ cùng bầy chiên lúc Chúa sinh ra (Luca 2:8); họ hẳn không làm điều này trong kỳ giáng sinh, suốt mùa đông. Tờ nhật báo Giêrusalem và các nhật báo Do thái khác thường có mục tin chính trong tháng 12 báo cáo tuyết rơi làm lạnh buốt Giêrusalem như thế nào. Đấng Christ sống 33,5 năm rồi chết trong mùa lễ vượt qua, tức mùa phục sinh. Do đó, Ngài hẳn được sinh ra 6 tháng trước hay sau mùa phục sinh-chẳng hạn khoảng tháng 9 hay tháng 10.

Ngày 25 tháng 12 ban đầu là ngày của lễ người thờ thần tượng ở Châu Âu tiền Cơ đốc. Công vụ của các sứ đồ chép tín đồ Cơ đốc chân thật bị bắt bớ/hành hạ bởi giáo phái thờ thần tượng vì đức tin của họ như thế nào. Nhiều lần các môn đồ rằng bảo rằng một số tín đồ công nhận tín ngưỡng thần tượng xung quanh họ làm cho tín ngưỡng của họ ôn hòa với người thờ thần tượng quanh họ (chẳng hạn Công vụ 20:30; 1Giăng 2:18; 2 Têsalônica 2:3; 2 Phiơơ 2:1-3). Sự công nhận ngày 25 tháng 12 làm ngày lễ Cơ đốc là một ví dụ điển hình. Cây giáng sinh, cây tầm gửi...tất cả đều qua về nguyên y nghi thức tôn giáo của thờ thần tượng sinh hoạt ngày 25 tháng 12.

Từ đó người anh em trong Chúa không nên đón mừng ngày sinh của Chúa Jesus vào ngày 25 tháng 12. Trong thực tế, tín đồ chân thật sẽ chung vui tất cả ngày nghỉ chung, để cùng chung vui ở bất cứ nơi đâu có thể được.

Câu hỏi bài 9

1. Tại sao sự chết của Đấng Christ không phải là người nào khác, cần cho sự cứu rỗi chúng ta?
2. Tại sao của dâng thú trong luật Môse không thể cất đi tội lỗi được?
3. Chúa Jesus là đại diện hay người thay thế khi Ngài chết?
4. Những câu nói nào sau đây đúng?
 - a) Đấng Christ chết thay vì chúng ta chết
 - b) Đấng Christ đại diện cho chúng ta, nên Đức Chúa Trời tha thứ chúng ta vì sự hy sinh của Chúa
 - c) Đấng Christ giống chúng ta, nhưng không đại diện cho chúng ta
 - d) Sự chết của Đấng Christ nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ không còn nắm giữ tội lỗi của con người vì tội ác
5. Chúa Jesus được lợi khi Ngài chết?
6. Khi Chúa Jesus chết trên thập giá, Ngài có
 - a) làm chấm dứt điều răn của luật pháp Môse nhưng không phải là 10 điều răn
 - b) chấm dứt tất cả luật của Môse gồm 10 điều răn
 - c) chấm dứt luật của Môse trừ lễ do thái giáo
 - d) không ảnh hưởng vị thế về luật pháp Môse?
7. Chúng ta nên giữ ngày Sabat không?
8. Hãy cho biết lý do cho câu hỏi 7.

BÀI HỌC 10

**PHÉP BÁPTEM
TRONG CHÚA JESUS**

10.1 Tầm quan trọng đặc biệt của phép báp-têm

Nhiều lần trong những Bài trước chúng ta đã đề cập đến tầm quan trọng của phép báp-têm; đây là một bước đầu tiên vâng lời Chúa. Hebơơ 6:2 nói về phép báp-têm như là một trong những điều dạy cơ bản nhất. Chúng tôi đã hoãn sự suy nghĩ về vấn đề này đến giai đoạn sau cùng này, bởi vì phép báp-têm thực sự chỉ có thể xảy ra chỉ sau khi đã nắm vững những lẽ thật cơ bản trong Tin lành. Chúng ta đã hoàn tất tìm hiểu điều này; nếu bạn muốn liên hệ thực sự với sự trông cậy to lớn mà Kinh thánh ban cho bởi Đức Chúa Jêsus-Christ, thì phép báp-têm là sự cần thiết tuyệt đối.

“Sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến” (Giăng 4:22) trong ý nghĩa là những lời hứa cứu rỗi được làm chỉ cho Áp-ra-ham và dòng dõi của người mà thôi. Chúng ta có thể có lời hứa này cho chúng ta nếu chúng ta trở thành trong Dòng dõi, bởi chịu phép báp-têm *trong Đấng Christ* (Galati 3:22-29). Thế thì, tất cả điều này đúng với Chúa Jesus trở nên đúng với chúng ta. Zecharias trích dẫn tiên tri về dòng dõi của Apraham và David cũng dành cho các tín đồ (Luca 1:73,74). Không chịu phép Báptem, chúng ta không dự phần trong giao ước với Đức Chúa Trời. Tội lỗi không chỉ là cản trở sự cứu rỗi-chúng ta phải dự mối liên hệ giao ước để mà chúng ta được sự công bình của Đấng Christ che chở. Đó là lý do tại sao Phiơơ hối thúc: “hãy ăn năn và chịu báptem” để nhận sự tha thứ. Anh em tất cả đều nhận phép báptem trong Đấng Christ đều mặt lấy Đấng Christ vậy và dự phần trong lời hứa cứu rỗi hứa cho Apraham (Galati 3:27). Nếu

chúng ta cùng dự trong sự chết của Chúa và sự sống lại của Ngài qua phép báptem, thì chỉ khi đó chúng ta sẽ đồng giống như Ngài trong sự sống lại... chúng ta sẽ sống cùng Ngài” (Rôma 6:5,8).

Vì thế, Đức Chúa Jêsus đã dạy bảo rõ rệt cho những người tín đồ : “Hãy đi khắp thế gian, giảng Tin lành mà gồm trong lời hứa cho Áp-ra-ham Galati 3:8) cho mọi người. Ai tin và chịu phép báp-têm, sẽ được rồi” (Mathiơ 16:15-16). Sự suy nghĩ về từ “và” này biểu lộ rằng bản thân đức tin vào Tin lành tự nó không thể cứu chúng ta; phép báp-têm không phải là cái phụ tùy ý trong cuộc sống của người theo Chúa, đây là điều kiện tiên quyết để cứu rỗi. Điều này không có nghĩa rằng chỉ sự kiện chịu phép báp-têm tự nó sẽ cứu chúng ta; nó cần phải đi cùng với việc không ngừng vâng Lời Đức Chúa Trời trọn đời. Đức Chúa Jêsus nhấn mạnh ý này: “Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, nếu một người chẳng nhờ nước và Thánh Linh mà sanh, thì không được vào nước Đức Chúa Trời” (Giăng 3:5).

Sự sinh ra “nhờ (trong tiếng Hy Lạp dùng khỏi) nước” liên quan đến con người ra khỏi nước khi chịu phép báp-têm; sau đó người phải sinh lại từ thánh linh. Đây là quá trình không ngừng: “Anh em đã được lại sanh... bởi lời ... của Đức Chúa Trời” (1 Phiơrơ 1:23). Vậy, chúng ta bồi dưỡng ứng liên tục Lời Thánh linh mới trở thành được sinh từ thánh linh (xem Bài 2.2).

Chúng ta “chịu phép báp-têm trong Đấng Christ” (Galati 3:27), nhân danh Đấng Christ (Côngvụ 19:5; 8:16; Mathiơ 28:19). Xin chú ý rằng chúng ta chịu phép báp-têm trong Đấng Christ không phải trong Christadelphians hoặc một tổ chức nào đó của loài người. Bởi phép báptem chúng ta trở nên dân gọi bởi danh của Giêhôva, như dân Isơrơen cũng như vậy (2 Sử ký 7:14). Đức Chúa Trời thường bảo dân Isơrơen mang danh Ngài họ phải nhận trách nhiệm sống xứng đáng, như là chứng nhân/là mẫu mực cho thế gian. Chúng ta cũng như vậy khi chịu phép báptem trong danh Ngài. Đã không chịu phép báp-têm, chúng ta không phải “trong Đấng Christ”, và cho nên chúng ta không được bao phủ bởi công việc cứu rỗi của Đấng Christ (Côngvụ 4:12). Phi-e-rơ thêu dệt một chuyện thí dụ xung quanh việc này: người so sánh chiếc tàu về thời kỳ Nô-ê với Đấng Christ, chỉ rằng như chiếc tàu đã cứu Nô-ê và gia đình của người khỏi sự phán xét mà đã đến với những người có tội, thì sự chịu phép báp-têm trong Đấng Christ sẽ cứu những tín đồ khỏi sự chết đời đời (1 Phiơrơ 3:21). Việc Nô-ê đã bước vào chiếc tàu được so sánh với chúng ta bước vào Đấng Christ thông qua phép báp-têm. Tất cả mọi người ngoài chiếc tàu đã bị nạn lụt phá hủy; đứng gần chiếc tàu hoặc làm người bạn của Nô-ê đã hoàn toàn không chính đáng. Một con đường duy nhất đã, và đang, là phải ở trong Đấng Christ/chiếc tàu. Rõ ràng sự đến lần thứ hai nạn lụt đã là tượng trưng của nó (Luca 17:26,27) rất gần chúng ta rồi. Cho nên, bước vào Đấng Christ/chiếc tàu bởi phép báp-têm là một việc hết sức khẩn cấp. Lời nói con người không đủ để truyền tinh khẩn cấp này; cách vào chiếc tàu theo kiểu Kinh thánh trong thời Nô-ê mạnh hơn nhiều.

Những người đầu tiên theo Chúa đã vâng lời lệnh của Đấng Christ đã đi khắp thế giới giảng Tin lành và làm phép báp-têm; sách Công vụ ghi lại việc đó. Bằng chứng về tầm quan trọng cực kỳ của phép báp-têm có thể thấy trong bài ghi nhấn mạnh rằng người ta chịu phép báp-têm đúng ngay sau khi nhận Tin lành (ví dụ Công vụ 8:12, 36-39; 9:18; 10:47; 16:15). Có thể hiểu sự nhấn mạnh này, nếu đánh giá đúng rằng không chịu phép báp-têm thì học Tin lành là vô ích cho chúng ta; phép báp-têm là giai đoạn vô cùng cần thiết để bước vào con đường tới cứu rỗi. Trong một số sự kiện bài này mà được thần linh cảm động làm nêu bật điều rằng, bất chấp nhiều lý do để hoãn phép báp-têm và nhiều khó khăn trong sự tiến hành lễ này, thì vẫn rất quan trọng để cho người ta tiếp tục hết sức cố gắng khắc phục mọi khó khăn đó nhờ Đức Chúa Trời giúp đỡ.

Người quản ngục ở thành Phi-líp đã thành linh bị chìm ngập vào khủng hoảng trong cuộc đời mình vì cơn động đất to lớn phá hoại hoàn toàn nhà tù có tổ chức bảo vệ rất chắc chắn. Những người tù có đủ khả năng chạy trốn sự kiện như thế có thể làm mất mạng người. Thì người đã tin vào Tin lành một cách thực sự đến nỗi mà “trong đêm, chính giờ đó, người cai ngục... rồi tức... chịu phép báp-têm “ (Công vụ 16:33). Nếu có người nào có lý do để hoãn chịu phép báp-têm, thì đây chính là người này. Một cơn động đất nguy hiểm nhất ở nước Hy Lạp trong suốt 3000 năm, một lũ người tù điên hầu như đưa lên sân khấu một kịch phá hoại nhà tù nổi tiếng nhất trong lịch sử, và đe dọa trực tiếp bị hành hình vì sao lãng bốn phạm, nhưng mà vẫn người đã thấy rõ việc nào quan trọng nhất cần phải làm trong cả đời và số phận đời đời của người. Bởi vậy, người đã khắc phục những vấn đề trước mắt của thế giới xung quanh mình (tức là

cơn động đất), sự thúc bách công việc hàng ngày và chấn thương thần kinh tác động người này và đã chịu phép báp-têm. Một người do dự chuẩn bị chịu phép báp-têm có thể được thực sự cố vũ bởi người đó. Việc người đã có thể làm hành động niềm tin như thế là một bằng chứng vững chắc rằng người đã có hiểu biết chi tiết về Tin lành, vì niềm tin thực sự như thế chỉ có nếu đã nghe Lời Đức Chúa Trời rồi (Rôma 10:17 so sánh Côngvụ 17:11).

Công vụ 8:26-40 ghi rằng một quan chức Ê-thi-ô-bi đã đọc Kinh thánh của mình trong khi ngồi trên xe đi qua sa mạc. Người đã gặp Phi-líp mà giải thích chỉ mĩ Tin lành cho người, kể cả sự cần thiết chịu phép báp-têm. Trong phạm vi khả năng và hiểu biết của con người, hình như không thể phục tùng lệnh chịu phép báp-têm trong sa mạc khô này. Song Đức Chúa Trời không ra lệnh mà, như Đức Chúa Trời biết, một số người không thể tuân theo được. “Hai người đương đi dọc đường, gặp chỗ có nước”, tức là ốc đảo, ở đó đã có thể chịu phép báp-têm được (Công vụ 8:36). Sự kiện này đáp lại ý kiến không có căn cứ là phép báp-têm bởi ngâm mình vào nước được dự kiến chỉ cho những khu vực có nước phong phú, có thể tới được dễ dàng. Đức Chúa Trời sẽ luôn luôn kiếm cho một lối thực tế để phục tùng những lời dạy bảo của Ngài.

Sứ đồ Phao-lô đã có một sự hiện thấy gây cảm xúc mạnh mẽ khỏi Đấng Christ mà đã cắn rứt lương tâm của người đến nỗi mà người càng nhanh càng tốt “tức thì... rồi chờ dậy và chịu phép báp-têm” (Côngvụ 9:18). Chắc người đã bị cám dỗ hoãn chịu phép báp-têm,

nghĩ về vị trí xã hội cao và sự nghiệp có nhiều tham vọng được hiện ra cho người trong đạo Do thái. Nhưng một ngôi sao đang lên của thế giới Do thái đã làm ra quyết định đúng đắn và lập tức phải chịu phép báp-têm và từ bỏ công khai lối sống cũ của mình. Sau đó người đã suy nghĩ về cách chọn phép báp-têm: “Nhưng vì cố Đấng Christ, tôi đã coi sự lờ cho tôi như là sự lỗ vạy... tôi vì Ngài mà liều bỏ mọi điều lợi đó. Thật, tôi xem những điều đó như rơm rác, hầu cho được Đấng Christ... quên lưng sự ở đằng sau, mà bước theo sự ở đằng trước, tôi nhắm mục đích mà chạy” (Philip 3:7,8,13,14).

Câu như thế là lời nói của một vận động viên ra sức tới đích đầu tiên. Cuộc đời của chúng ta sau khi chịu phép báp-têm nên có sự tập trung nỗ lực trí tuệ và thân thể như thế này. Cần phải hiểu rằng phép báp-têm là lúc đầu của cuộc chạy đua đến Nước Đức Chúa Trời; đó không phải chỉ là dấu chỉ sự thay đổi giáo phái và đức tin, cũng không phải là bước vào cuộc sống nơi lỏng bấp bênh vô tư lự với một số nguyên tắc của đạo được tuyên bố một cách mơ hồ. Phép báp-têm gắn liền chúng ta, theo cách hiểu hiện đại, với sự đóng đinh và sự sống lại của Đức Chúa Jêsus (Rôma 6:3-5) những sự kiện đầy năng động tới đa về mọi mặt.

Phao-lô, như một người già, mệt mỏi và đắc thắng về tinh thần, đã có thể nhớ lại: “Tôi chẳng hề dám chống cự với sự hiện thấy trên trời” (Công vụ 26:19). Điều này đã thật sự cho Phao-lô, nó cũng thật sự cho tất cả những người đã chịu phép báp-têm một cách hợp lẽ: phép báp-têm là một quyết định mà người không bao giờ hối tiếc. Cả đời chúng ta sẽ biết rằng chúng ta đã chọn đúng. Có ít quyết định khi người có thể chắc chắn như thế từ trước đến giờ. Cần phải trả lời

câu hỏi một cách đúng đắn): Đáng lẽ tôi chịu phép báp-têm, sao không?

10.2 Chúng ta nên chịu phép báp-têm như thế nào?

Có một quan điểm rất phổ biến rằng phép báp-têm có thể làm, đặc biệt với đứa bé mới sinh, bởi cách rảy nước trên trán nó (tức là rửa tội). Việc này trái ngược hoàn toàn với yêu cầu của Kinh thánh về phép báp-têm.

Từ Hy Lạp baptizo được dịch ra baptize (làm phép báp-têm) trong Kinh thánh Anh, không có nghĩa rảy nước; nghĩa của nó là rửa hoàn toàn và ngấm mình vào chất lỏng (xin xem sự định nghĩa trong hai sách dẫn của Robert Young và James Strong). Trong tiếng Hy Lạp cổ điển từ này được dùng với các tàu chìm và bị báp-têm (tức là chìm xuống nước). Từ này cũng dùng với mảnh vải khi nhuộm để đổi màu bằng cách báp-têm, hoặc bằng nhúng nó vào thuốc nhuộm. Muốn đổi màu vải, thì rõ ràng cần phải nhận nó chìm hoàn toàn xuống chất lỏng, hơn là rảy thuốc nhuộm trên nó. Sự cất lên khỏi mặt nước thật

là hình thức đúng đắn của phép báp-têm được xác nhận bởi những câu tiếp theo:-

- “Giăng cũng làm phép báp-têm tại Ê-nôn, gần Sa-lim, vì ở đó có nhiều nước, và người ta đến dâng chịu phép báp-têm” (Giăng 3:23). Câu này chỉ rằng đã cần “nhiều nước” nếu muốn làm phép báp-têm; nếu có thể làm nó bằng cách rảy mấy giọt nước, vậy thì chỉ một thùng nước sẽ đủ cho hàng trăm người. Họ đã đến nơi này trên bờ Sông Giô-danh để làm phép báp-têm, hơn Giăng đến với họ với một chai nước.

- Đức Chúa Jêsu cũng đã chịu Giăng làm phép báp-têm trong sông Giô-danh: “Vừa khi chịu phép báp-têm rồi, Đức Chúa Jêsu ra khỏi nước” (Mathiơ 3:13-16). Phép báp-têm cho Đấng đã rõ ràng bằng cách nhúng xuống nước - Đấng “ra khỏi nước” sau khi đã chịu phép báp-têm rồi. Một trong những lý do để Đức Chúa Jêsu chịu phép báp-têm là nêu gương để cho không ai khai là thật đi theo Đức Chúa Jêsu nhưng không noi gương của Đấng trong phép báp-têm bởi ngấm mình.

- Cũng bằng cách như thế, Phi-líp và quan chức Ê-thi-ô-bi “xuống nước... và Phi-líp làm phép báp-têm cho họ. Khi ở dưới nước lên...” (Côngvụ 8:38,39). Xin nhớ rằng quan chức đã xin làm phép báp-têm khi đã nhìn thấy ốc đảo: “Này, nước đây, có sự gì ngăn cấm tôi chịu phép báp-têm?” (Côngvụ 8:36). Chắc chắn rằng một người đi qua sa mạc nhưng không mang ít nhất một chút nước theo, ví dụ trong chai. Nếu phép báp-têm chỉ là sự rảy nước thôi, thì đã có thể làm nó luôn, không chờ ốc đảo.

- Phép báp-têm là sự chôn (Cô-lô-se 2:12), ý là người bị che phủ hoàn toàn.

- Phép báp-têm được gọi là làm sạch tội lỗi (Côn-gvô 22:16). Lúc thay đổi tín ngưỡng một cách thực sự được so sánh với rửa sạch trong Khải-huyền 1:5; Tít 3:5; 2 Phi-e-rơ 2:22; Heb-rơ 10:22, v.v. Câu nói về rửa thích hợp hơn phép báp-têm bởi nhúng hơn bởi rửa.

Trong Kinh Cựu ước có một số dấu chỉ rằng đường thỏa đáng đi đến Đức Chúa Trời đã là qua hình thức rửa nào đó.

Những thầy tế lễ đã cần phải rửa mình hoàn toàn trong bồn tắm gọi là thùng trước khi họ gần lại Đức Chúa Trời trong lễ (Luca 8:6; Xuấ-thành 40:32). Những người Do thái đã phải tắm trong nước để làm sạch khỏi sự ô uế nhất định (ví dụ Phục truyền 23:11), tượng trưng cho tội lỗi.

Một người ngoại đạo tên Na-a-man, người bị bệnh phong mà đã muốn được lành do Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Với tư cách này, người tượng trưng cho người bị tác hại bởi tội lỗi và một cách có kết quả đi xuyên qua sự chết đang còn sống vì có tội lỗi. Người đã chữa bệnh bởi nhúng trong Sông Giô-đanh. Lúc đầu, người đã khó chấp nhận hành động đơn giản này, coi rằng Đức Chúa Trời muốn người tiến hành một hành động gây ấn tượng sâu sắc, hay nhúng xuống

một sông lớn và nổi tiếng, như A-ba-na. Cũng vậy, chúng ta có thể khó tin rằng một hành động đơn giản như thế có thể gắn lại triệt để sự cứu rỗi cho chúng ta. Cách nghĩ hấp dẫn hơn là chúng ta có thể được cứu rỗi nhờ công việc của bản thân chúng ta và nhờ công khai gắn liền mình với một hội giáo lớn, nổi tiếng (xin so sánh với sông A-ba-na), hơn bản thân hành động đơn giản này gắn liền với sự trông cậy thực sự của Y-sơ-ra-ên. Sau khi đã nhúng xuống Giô-đanh, thịt của Na-a-man đã “trở nên như trước, giống như thịt của của một đứa con nít nhỏ” (2 Các Vua 5:9-14).

Bây giờ không còn nghi ngờ gì rằng phép báp-têm gắn liền với sự nhúng xuống hoàn toàn vào nước, khi đã nắm vững lời tiên báo cơ bản của Tin lành. Cách định nghĩa phép báp-têm như thế mà dựa vào Kinh thánh không nhắc đến địa vị của người trực tiếp làm phép báp-têm. Phép báp-têm, với tư cách là sự ngâm mình vào nước sâu khi đã tin Tin lành rồi, về lý thuyết, thì có thể tự làm được. Tuy thế, vì phép báp-têm chỉ là phép báp-têm bởi lý do tin Chúa đúng đắn mà người giữ vững khi nhúng, thì rất đáng chịu phép báp-têm do một người nào khác mà tin kính Chúa đúng đắn làm, người đó trước hết phải đánh giá mức độ hiểu biết của người trước khi thật nhúng xuống.

Cho nên, trong người Christadelphia có truyền thống tiến hành một cuộc thảo luận sâu sắc với mỗi một người muốn chịu phép báp-têm trước khi nhúng xuống nước. Một mục lục câu hỏi kiểu câu hỏi cuối từng Bài trong sách này có thể làm nền tảng cho cuộc thảo luận như

thế. Những người Christadelphia từng đi hàng nghìn dặm để giúp chỉ một người chịu phép báp-têm, vì thật là điều kỳ diệu khi chỉ một người đến tới sự trông cậy thực sự vào sự sống đời đời, cho nên chúng tôi không quan tâm trước hết đến số người thay đổi tín ngưỡng. Chất lượng hơn số lượng là nguyên tắc chủ đạo về cách thức của chúng tôi.

10.3 Ý nghĩa của phép báp-têm

Một trong những lý do chịu phép báp-têm bởi nhúng là việc xuống dưới nước tượng trưng cho chúng ta xuống vào mồ mả - gắn liền chúng ta với sự chết của Đấng Christ, và tỏ ra sự chết của chúng ta so với cuộc sống trước của chúng ta đầy tội lỗi và sự ngụ muội. Sự lên khỏi nước liên hệ chúng ta với sự sống lại của Đấng Christ, gắn liền chúng ta với sự trông cậy sống lại để sống đời đời khi Đấng trở về, cũng như với sự sống mới ngày bây giờ, đắc thắng tội lỗi về tinh thần vì Đấng Christ đã giành thắng lợi này bởi sự chết và sự sống lại.

“Chúng ta thấy đều đã chịu phép báp-têm trong Đức Chúa Jêsus-Christ, tức là chịu phép báp-têm trong sự chết Ngài sao? Vậy chúng ta đã bị chôn với Ngài bởi phép báp-têm trong

sự chết Ngài, hầu cho Đấng Christ nhờ vinh hiển của Cha được từ kẻ chết sống lại thế nào, thì chúng ta cũng sống (hàng ngày) trong đời mới thế ấy. Vì nếu chúng ta làm một cùng Ngài bởi sự chết giống như sự chết của Ngài (nhờ phép báp-têm), thì chúng ta cũng sẽ làm một cùng Ngài bởi sự sống lại giống nhau” (Rôma 6:3-5).

Bởi vì sự cứu rỗi đã có thể có chỉ nhờ sự chết và sự sống lại của Đấng Christ, nên rất quan trọng để chúng ta gắn liền mình với những việc đó, nếu chúng ta phải được cứu. Sự chết và sự sống lại cùng Đấng Christ một cách có tượng trưng, mà phép báp-têm đem lại, là một đường lối duy nhất để làm việc này. Nên lưu ý rằng sự rảy nước không ứng nghiệm sự tượng trưng này. Khi chịu phép báp-têm, “người (lối sống) cũ của chúng ta bị đóng đinh trên thập tự giá” với Đấng Christ (Rôma 6:6); Đức Chúa Trời đã “làm cho chúng ta sống với Đấng Christ” lúc chịu phép báp-têm (Ephêsô 2:5).

Tuy vậy, chúng ta vẫn có bản chất con người sau phép báp-têm, vậy thì lối sống xác thịt sẽ tiếp tục ngấn đầu lên. Sự đóng đinh vào xác thịt là cho nên một quá trình không ngừng mà chỉ bắt đầu vào lúc chịu phép báp-têm, từ khi Đức Chúa Jêsus đã nói cho tín đồ phải vác thập tự giá mình mọi ngày và theo Đấng, đúng như đã là lúc đi đến đền Sọ (Luca 9:23; 14:27). Trong khi cuộc đời bị đóng đinh thực sự với Đấng Christ không dễ dàng đâu, nhưng có sự an ủi và niềm tin không tả xiết nhờ cùng với sự sống lại của Đấng Christ.

Đấng Christ đã “bởi huyết Ngài trên thập tự giá, thì đã làm nên hòa bình” (Cô-lô-se 1:20) “sự bình an của Đức Chúa Trời vượt qua mọi sự hiểu biết” (Philip 4:7). Liên quan đến điều đó, Đức Chúa Jê-sus đã hứa: “Ta để sự bình an lại cho các ngươi; ta ban sự bình an ta cho các ngươi; ta cho các ngươi sự bình an chẳng phải như thế gian cho” (Giăng 14:27). Sự bình an và niềm vui tinh thần thực sự này vượt mức thăng bằng với sự đau đớn và khó khăn của việc hôn hờ kết giao mình với Đấng Christ bị đóng đinh trên thập tự giá: “Vì như những sự đau đớn của Đấng Christ chan chứa trong chúng tôi thể nào, thì sự yên ủi của chúng tôi bởi Đấng Christ mà chứa chan cũng thế ấy” (2 Cô-rin-tô 1:5).

Ở đây cũng có tự do xuất phát từ hiểu biết rằng cái tôi vốn có của chúng ta thật chết rồi, và cho nên Đức Chúa Jê-sus sống rất năng động trong chúng ta qua mọi thử thách của chúng ta. Sứ đồ vĩ đại Phao-lô đã có thể nói về điều đó vì đã thử thách rất nhiều trong suốt những năm cuộc đời lâu dài và đầy sự kiện: “Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Đấng Christ, mà tôi sống, không phải là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi; nay tôi còn sống trong xác thịt, ấy là tôi sống trong đức tin của Con Đức Chúa Trời (Galati 2:20).

“Phép báp-têm bây giờ... cứu anh em... bởi sự sống lại của Đức Chúa Jê-sus-Christ” (1 Phi-e-rơ 3:21) vì sự gắn liền với sự sống lại của Đấng Christ để sống mãi cho phép chúng ta cũng làm như thế khi Đấng trở về. Chính bởi chia sẻ sự sống lại của Đấng Christ, vậy thì chúng ta sẽ được cứu sau cùng. Đức Chúa Jê-sus đã bày tỏ ý này rất đơn giản:

“Ta sống thì các người cũng sẽ sống” (Giăng 14:19). Phao-lô cũng nói như thế: “Chúng ta... đã được hòa thuận với Ngài (Đức Chúa Trời) bởi sự chết của Con Ngài... chúng ta sẽ nhờ sự sống (sự sống lại) của Con ấy mà được cứu là đường nào!” (Rôma 5:10).

Đã được nhấn mạnh nhiều lần rằng bởi gắn liền mình với sự chết và sự đau đớn của Đấng Christ trong phép báp-têm và lối sống đến sau chúng ta chắc chắn sẽ chia sẻ sự sống lại vinh hiển của Đấng Christ:-

- “Vì bằng chúng ta chết với Ngài (Đấng Christ), thì cũng sẽ sống với Ngài; lại nếu chúng ta chịu thử thách nổi, thì sẽ cùng Ngài đồng trị” (2 Timôthê 2:11,12).

- “Chúng tôi thường mang sự chết của Đức Chúa Jêsus trong thân thể mình , hầu cho sự sống của Đức Chúa Jêsus cũng tỏ ra trong thân thể chúng tôi... vì biết rằng Đức Chúa Trời đã khiến Đức Chúa Jêsus sống lại, cũng sẽ làm cho chúng tôi sống lại với Đức Chúa Jêsus” (2 Côrintô 4:10,11,14).

- Phao-lô đã chia sẻ “sự thông công thương khó của Đấng Christ, làm cho tôi nên giống như Ngài trong sự chết Ngài, mong cho tôi được đến sự sống lại từ trong kẻ chết (như Đấng Christ để sống đời đời)” (Philipi 3:10,11 so sánh Galati 6:14).

10.4 Phép báp-têm và sự cứu rỗi

Phép báp-têm liên hệ chúng ta với sự chết của Đấng Christ có nghĩa là chỉ bởi phép báp-têm chúng ta mới có thể giành sự tha thứ. Chúng ta “đã bởi phép báp-têm được chôn với Ngài (Đấng Christ), thì cũng được sống lại với Ngài bởi... quyền phép Đức Chúa Trời, là Đấng đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại. Khi anh em đã chết bởi tội lỗi mình... thì Đức Chúa Trời đã khiến anh em sống lại với Đấng Christ, vì đã tha thứ hết mọi tội chúng ta” (Côlôse 2:12,13). Chúng ta “nhân danh Đức Chúa Jêsus... được rửa sạch” (1 Côrintô 6:11) tức là phép báp-têm nhân danh Đức Chúa Jêsus-Christ là biện pháp để nhờ đó những tội lỗi của chúng ta được rửa sạch. Trong Dân số Ký 19:13 có chỉ rằng những ai không làm cho mình được sạch bằng nước đã phải chết. Chúng tôi chỉ rõ trong Bài 10.2 phép báp-têm là sự làm sạch tội lỗi một cách như thế nào (so sánh Côngvụ 22:16). Sự miêu tả những tín đồ hình như họ đã được rửa sạch tội lỗi trong máu của Đấng Christ, cho nên, liên quan đến cách làm việc đó bởi phép báp-têm (Khải huyền 1:5; 7:14; Tít 3:5 [N.I.V.] nói về việc này như “sự sanh lại”, gắn liền với chúng ta “nhờ nước mà sanh” trong phép báp-têm [Giăng 3:5]).

Dưới ánh sáng của tất cả những điều nói trên, có thể hiểu tại sao Phi-e-rơ đã trả lời câu hỏi “Chúng ta phải làm chi?” (để được cứu) một cách như thế: “Hãy hối cải, ai nấy phải nhân danh Đức Chúa Jêsus chịu phép báp-têm, để được tha tội mình” (Côngvụ 2:37,38). Phép báp-têm nhân danh Đấng Christ là để được tha thứ tội lỗi, nếu

không làm việc này thì không thể được tha tội, và những người mà đã không chịu phép báp-têm thì sẽ nhận tiền công của tội lỗi là sự chết (Rôma 6:23). Chẳng có sự cứu rỗi ngoài nhân danh Đức Chúa Jêsus ra (Côngvụ 4:12), và chúng ta có thể chia sẻ danh này chỉ bởi chịu phép báp-têm nhân danh này. Thế, việc này có nghĩa rằng những tôn giáo không theo Chúa không thể bằng cách nào cũng được dẫn đến sự cứu rỗi. Không có người thực sự tin vào Kinh thánh mà có thể chấp nhận rằng họ có thể cứu rỗi; việc đạo Cơ đốc và phong trào rộng rãi của giáo hội toàn thế giới làm như thế là phản ánh buồn rầu trên thái độ của họ đối với Kinh thánh.

Sự sống lại của Đấng Christ để sống đời đời đã là dấu lạ về thắng lợi cá nhân to lớn của Đấng Christ chống tội lỗi. Bởi phép báp-têm chúng ta gắn liền mình với việc đó, và, cho nên, chúng ta được nói hình như chúng ta bây giờ đã sống lại cùng với Đấng Christ rồi, tội lỗi không có quyền phép đối với chúng ta nữa, cũng như tội lỗi đã không có quyền phép đối với Đấng Christ. Cho nên bởi phép báp-têm, chúng ta “đã được buông tha khỏi tội lỗi... tội lỗi không cai trị trên anh em đâu” sau phép báp-têm (Rôma 6:18,14). Tuy vậy, sau phép báp-têm chúng ta vẫn mắc tội (1 Giăng 1:8,9); tội lỗi vẫn luôn bắt chúng ta làm nô lệ nếu chúng ta bỏ Đấng Christ đi. Hiện nay chúng ta đang chia sẻ sự chết và sự đau đớn của Đấng Christ, mặc dù phép báp-têm chỉ rõ chúng ta cũng gắn liền với sự sống lại của Đấng Christ như thế nào, và chúng ta hy vọng cũng sẽ sống lại khi Đấng Christ trở về.

Chỉ trong tương lai chúng ta mới có thể không mắc tội lỗi. “Ai tin và chịu phép báp-têm, sẽ được cứu rỗi” (Mac 16:16) khi Đấng Christ lại sẽ hiện ra lần thứ hai. Sự cứu rỗi sau cùng không xảy ra ngay sau phép báp-têm, nhưng trước ngôi phán xét (1 Côrintô 3:15). Quả thực, không cần có giáo lý về sự phán xét nếu chúng ta nhận sự cứu rỗi khi chịu phép báp-têm, và cũng không phải chết. “Ai bền lòng cho đến cuối cùng, thì sẽ được rỗi” (Mathiơ 10:22).

Ngay cả sau phép báp-têm Phao-lô (và tất cả những người theo Chúa đã phải cố gắng để tiến tới cứu rỗi (Philipi 3:10; 1 Côrintô 9:27); người đã nói về sự trông cậy về sự cứu rỗi (Tít 1:2; 3:7; 1 Thêsalonica 5:8; Rôma 8:24) và về chúng ta như “người sẽ hưởng cơ nghiệp cứu rỗi” (Hebơơ 1:14). Gần ngôi phán xét những người công bình mới vào sự sống đời đời (Mathiơ 25:46). Logic tuyệt vời được cảm động của Phao-lô tỏa sáng trong Rôma 13:11 người suy luận rằng sau phép báp-têm chúng ta biết rằng mỗi ngày chúng ta sống và bền lòng là một ngày làm chúng ta gần lại sự đến lần thứ hai của Đấng Christ, vậy thì chúng ta có thể vui mừng rằng “sự cứu rỗi hiện nay đã gần chúng ta hơn lúc chúng ta mới tin”. Cho nên, sự cứu rỗi của chúng ta hiện nay chưa có. Sự cứu rỗi có điều kiện; chúng ta sẽ được cứu nếu chúng ta giữ vững đức tin thực sự (Hebơơ 3:12-14), nếu chúng ta kính sợ sự dạy dỗ Lời Chúa (1 Timôthê 4:16; 1 Côrintô 15:1,2), và nếu chúng ta làm những việc mà phù hợp với sự trông cậy to lớn như thế (2 Phiơơ 1:10).

Từ Hy Lạp dịch ra “được cứu chuộc”, vì thế, có khi dùng trong thì tiếp diễn để chỉ rằng sự cứu rỗi là một quá trình đang xảy ra ở trong chúng ta vì chúng ta tiếp tục tuân theo Tin lành. Vậy, những tín đồ được nói như “được cứu chuộc” bằng cách hưởng ứng Tin lành (1 Côrintô 1:18 R.S.V.; những ví dụ khác liên quan đến chủ đề liên tiếp này gồm trong Công vụ 2:47 và 2 Côrintô 2:15). Từ Hy Lạp này dịch ra “được cứu chuộc” được dùng một lần trong thì quá khứ khi nói về sự cứu rỗi vĩ đại mà Đấng Christ đã làm có thể có được trên thập tự giá, và chúng ta có thể gắn liền mình với sự cứu chuộc bởi phép báp-têm (2 Timôthê 1:9; Tít 3:5).

Tất cả những điều đó được minh họa bằng ví dụ khi Đức Chúa Trời giao thiệp với dân Y-sơ-ra-ên vốn có mà là nền tảng cho mối quan hệ của Ngài với dân Y-sơ-ra-ên có tinh thần, tức là những tín đồ. Y-sơ-ra-ên đã bỏ lại Ê-díp-tô tượng trưng cho thế giới xác thịt và đạo giả mà chúng ta đã thuộc lúc trước phép báp-têm. Họ đã đi qua Biển Đỏ và tiếp theo đi qua hết đồng vắng Sinai đến xứ đã hứa cho họ, ở đó họ sáng lập Nước Đức Chúa Trời. Sự đi ngang qua Biển Đỏ là điển hình của phép báp-têm của chúng ta (1 Côrintô 10:1,2); cuộc hành trình qua đồng vắng là điển hình của cuộc sống hiện nay của chúng ta, và Ca-na-an là Nước Đức Chúa Trời. Giu-đe câu 5 miêu tả bao nhiêu người bị tiêu diệt trong hành trình ở đồng vắng: “Chúa giải cứu dân mình ra khỏi xứ Ê-díp-tô, sau lại tiêu diệt những kẻ không tin”. Cho nên, Y-sơ-ra-ên “được cứu chuộc” khỏi Ê-díp-tô, cũng như tất cả những ai chịu phép báp-têm “được cứu chuộc” khỏi tội lỗi. Nếu hỏi một trong những người Y-sơ-ra-ên, “Người đã được cứu chuộc chưa?”, thì người có thể trả lời, “Có rồi”, nhưng câu này không có nghĩa rằng họ đã được cứu một cách sau cùng.

Cũng như dân Y-sơ-ra-ên đã nghiêng lòng về xứ Ê-díp-tô (Côngvụ 7:39) và trở lại cuộc sống làm xác thịt hài lòng và theo học thuyết giả, thì những ai “được cứu” khỏi tội lỗi bởi phép báp-têm cũng có thể vấp ngã từ địa vị được phước mà họ đang có. Khả năng chúng ta làm theo dân Y-sơ-ra-ên vốn có trong đồng vắng được chỉ rất rõ trong 1 Côrintô 10:1-12, Hebơơ 4:1,2 và Rôma 11:17-21. Trong Kinh thánh có nhiều ví dụ khi những người được “cứu” khỏi tội lỗi bởi phép báp-têm rồi, thì tiếp theo lại vấp ngã vào địa vị có nghĩa rằng họ sẽ bị đoán phạt khi Đấng Christ trở về (ví dụ Hebơơ 3:12-14; 6:4-6; 10:20-29). Giáo lý “được cứu một lần là được cứu cho mãi” của những người sốt sắng truyền bá Tin lành bộc lộ bản chất thật sự của mình qua lời nói như thế -phép ngụ biện làm xác thịt hài lòng thôi.

Cũng như trong mọi việc, cần phải có một cảm giác đúng đắn về cân bằng trong khi tìm hiểu xác định chúng ta “được cứu” bởi phép báp-têm đến mức nào. Công việc này không nên xem như cho chúng ta một cơ hội cứu rồi một khả năng cứu rồi tốt hơn so với không chịu phép báp-têm. Bởi trở thành “trong Đấng Christ” bởi phép báp-têm, chúng ta được cứu rồi trong tương lai; chúng ta thật có sự trông cậy chắc chắn rằng chúng ta sẽ ở trong Nước Đức Chúa Trời nếu chúng ta tiếp tục ở trong Đấng Christ đúng như lúc khi chúng ta lên khỏi nước phép báp-têm. Lúc nào cũng sau phép báp-têm chúng ta vẫn có thể có lòng tin tưởng khiêm tốn rằng chúng ta nhất định sẽ được chấp nhận vào Nước khi Đấng Christ trở về. Chúng ta không thể biết tối đa đích xác, vì chúng ta có thể vấp ngã vào ngày mai;

chúng ta không biết tương lai tinh thần của bản thân mình trong cuộc đời này.

Chúng ta phải hết sức giữ lương tâm tốt mà chúng ta có với Đức Chúa trời vào lúc phép báp-têm. Phép báp-têm là “lời cam kết lương tâm tốt” (1 Phiơơ 3:21, bản Hy Lạp); người muốn chịu phép báp-têm cam kết (hứa) giữ lương tâm sạch này với Đức Chúa Trời.

Trong khi phép báp-têm có tầm quan trọng cực kỳ lớn để cho chúng ta khả năng cứu rỗi to lớn mà có thể có trong Đấng Christ, chúng ta cần phải cẩn thận không gay cảm tưởng rằng chỉ bởi một sự kiện hoặc “công việc” của phép báp-têm tự nó chúng ta sẽ được cứu. Chúng tôi đã chỉ rõ trước rằng cần phải có cuộc sống thông công không ngừng với sự đóng đinh Đấng Christ trên thập tự giá: “Nếu một người chẳng nhờ nước và Thánh Linh mà sanh, thì không được vào nước Đức Chúa Trời” (Giăng 3:5). Sự so sánh ý này với 1 Phi-e-rơ 1:23 chỉ rằng sự sinh nhờ Thánh Linh mà xảy ra sau phép báp-têm phải liên quan đến sự sống lại dần dần bởi Thánh Linh/Lời Chúa. Sự cứu không phải chỉ nhờ phép báp-têm thôi: nó có thể nhờ ân điển (Ephêsô 2:8), đức tin (Rôma 1:5) và sự trông cậy (Rôma 8:24), và những điều khác. Có khi chúng ta nghe một luận điểm rằng sự cứu rỗi là chỉ bởi đức tin thôi, và cho nên “công việc” phép báp-têm không chính đáng. Tuy vậy, Gia-cơ 2:17-24 giải thích rõ rằng lý lẽ kiểu như vậy làm sự phân biệt giả tạo giữa đức tin và công việc; đức tin thực sự, ví dụ vào Tin lành, được chứng minh là đức tin thành thật bởi những việc làm dẫn đến kết quả nhất định, ví dụ phép báp-têm.

“Người ta cậy việc làm được xưng công bình, chớ chẳng những là cậy đức tin mà thôi” (Giacơ 2:24). Trong một số sự kiện phép báp-têm, tín đồ đã hỏi người phải “làm” gì để cứu rỗi; khi trả lời thì luôn luôn nhắc đến phép báp-têm (Côngvụ 2:37; 9:6; 10:6; 16:30). Làm công việc của phép báp-têm, cho nên, là sự biểu lộ cần thiết đức tin của chúng ta vào Tin lành cứu rỗi. Công việc cứu chúng ta đã được làm một cách hết sức bởi Đức Chúa Trời và Đấng Christ, nhưng chúng ta cần phải làm “công việc xứng đáng với sự ăn năn” và đức tin vào điều đó (Công vụ 26:20 so sánh Mac 16:15,16).

Trước đó, chúng tôi đã chỉ rõ rằng cách nói về rửa sạch tội lỗi liên quan đến Đức Chúa Trời tha thứ chúng ta vì chúng ta chịu phép báp-têm trong Đấng Christ. Một số đoạn chúng ta được nói về sự làm sạch tội lỗi mình bởi đức tin và sự ăn năn của chúng ta (Côngvụ 22:16; Khải huyền 7:14; Êsai 1:16); trong một đoạn khác Đức Chúa Trời được coi như một nhân vật mà rửa sạch tội lỗi của chúng ta (Echikiên 16:9; Thithiên 51:2,7; 1 Côrintô 6:11). Điều này chỉ rất rõ rằng nếu chúng ta dự phần của mình trong phép báp-têm, thì Đức Chúa Trời tiếp theo sẽ rửa sạch tội lỗi của chúng ta. Vì thế, công việc của phép báp-têm là một bước cực kỳ quan trọng để nắm giữ Tin lành của sự ân điển Đức Chúa Trời (thiện ý không đáng), mà được ban cho chúng ta trong Lời Ngài.

Bài đọc thêm 30: Tái sinh lần thứ hai(Re-baptism)

Một số người cảm thấy rất dè dặt về phép báp-têm sau khi họ nghĩ họ đã chịu một phép báp-têm, bởi rảy nước trong tuổi thơ ấu hay bởi ngâm mình nước trong giáo phái khác. Dù như thế nào, trước phép báp-têm phải có sự ăn năn và đức tin đích đáng vào Tin lành thật sự (Côngvụ 2:38; Mac 16:15,16). Phép báp-têm chỉ là phép báp-têm bởi lý do là những điều này được hiểu đúng trước khi nhúng xuống nước. Mathiơ 28:19,20 gắn liền phép báp-têm với lúc nghe lần đầu tiên Đấng Christ giải thích lời dạy. Em bé nhỏ không có khả năng ăn năn hay hiểu Tin lành; bất kỳ điều nào, sự rảy nước không phải là phép báp-têm. Người bơi lặn vào bể bơi có thể nhúng xuống vào nước, nhưng đó không phải là phép báp-têm, vì người không hưởng ứng một cách có ý thức Tin lành thực sự. ý này cũng liên quan đến những ai đã ngâm mình vào nước trong khi đã tin đạo giả; họ đã ngâm mình vào nước nhưng không chịu phép báp-têm.

Chỉ có “ một đức tin”, tức là một bộ điều dạy gồm trong Tin lành thực sự, và cho nên chỉ có “một phép báp-têm” - phép báp-têm mà xảy ra sau khi tin “một đức tin”. “Chỉ có một thân thể (tức là một giáo hội thực sự)... như anh em bởi chức phận mình đã được gọi đến một sự trông cậy mà thôi; chỉ một Chúa, một đức tin, một phép báp-têm; chỉ có một Đức Chúa Trời” (Ephêsô 4:4-6). Không có hai sự trông cậy, mặc dù có những người nói họ tin rằng không có gì quan trọng tin như thế nào - chúng ta sẽ được thưởng trên trời hay trên đất. Chỉ có “một Chúa”, cho nên, Đức Chúa Jêsus không phải là Đức Chúa Trời. Do đó mà nếu vào lúc khi chúng ta chịu phép báp-têm, chúng ta không hiểu những điều dạy cơ bản, như Nước Đức

Chúa Trời, bản chất của Đức Chúa Trời và của Đức Chúa Jêsus, v.v., thì phép báp-têm đầu tiên của chúng ta đã không hợp lệ.

Giăng Báp-tít đã ngâm người ta xuống nước, gọi họ phải ăn năn và dạy họ một số điều về Đức Chúa Jêsus (Mac 1:4; Luca 1:77). Tuy thế, việc đó đã là không đủ. Công vụ 19:1-5 ghi rằng một số người Giăng Báp-tít đã làm phép báp-têm rồi đã buộc phải chịu phép báp-têm một lần nữa và họ chưa nắm được một số lời dạy. Cũng như những người đã Giăng Báp-tít làm phép báp-têm, chúng ta có thể cảm thấy rằng lúc nhúng xuống đầu tiên, chúng ta đã thực sự ăn năn và sự bắt đầu mới. Điều này có thể thực sự, nhưng vẫn còn sự cần thiết làm “một phép báp-têm (thực sự)” mà có thể xảy ra chỉ sau khi đã nắm vững tất cả những yếu tố của “một đức tin”.

Bài đọc thêm 31: Mức độ hiểu biết cần có trước khi chịu phép Báptem

Nhiều đọc giả đối mặt với giáo phái truyền giáo người cho rằng giáo lý không quan trọng cho sự cứu rỗi, mà chỉ là lời thú tội bằng miệng rằng “Tôi tin Chúa Jesus là Con của Đức Chúa Trời” là điều kiện tiên quyết để được sự cứu rỗi. Bề ngoài điều này nghe có vẻ hợp lý vì bài chép trong công vụ, và kêu gọi quan điểm yêu thương và dung thứ là linh hồn của thời đại. Bài nghiên cứu này sẽ đi vào các phân tích chi tiết tầm quan trọng hiểu kinh thánh.

Tại sao vội?

Không gì nghỉ ngơi khi đọc nhanh công vụ sẽ đem lại cho ta cảm giác rằng nhiều người chịu phép báptem chỉ bằng bài giảng ngắn gọn của kinh thánh, và với lời thú tội ngắn gọn rằng tôi tin Chúa Jesus là Con của Đức Chúa Trời. Chỉ nói với 4 chữ “Tôi tin vào Chúa” thì rõ ràng vô nghĩa trên đường đến sự cứu rỗi-phần lớn thuyết phúc âm (theo kinh thánh) sẽ thừa nhận phải có sự hiểu biết nào đó hoặc sự công nhận trong tâm hồn họ trước khi chịu phép báptem thì ý nghĩa hơn. Điều này không khó giải quyết. Tranh luận ở đoạn chép sự thừa nhận đức tin vào Chúa là Con của Đức Chúa Trời chứng tỏ những lời đó là đủ. Phổ biến là bằng việc nói lên một câu ngắn gọn, mà không hề quan tâm cảm nghĩ và tín tưởng của họ, không thể bỏ ai đó trên đường để có sự cứu rỗi. Những điểm sau đây sẽ hữu ích khi giải thích những đoạn ấy:

- Bài chép trong Công vụ hết sức cô đọng. Sách thể hiện việc làm thú vị khi đọc lớn một số bài thuyết giảng được chép trong công vụ và khi ghi nhận thời gian đưa ra bài thuyết giảng; Rõ ràng họ đã mất khá nhiều thời gian hơn là như chép trong kinh thánh.

Bài phản biện Phaolô tại Giêrusalem mất bốn 4 phút (công vụ 22); giảng trước Felix 1 phút; trước Agrippa 4 phút; Bài giảng ngày ngũ tuần của Phiorơ mất 4 phút; trước Cornelius 3 phút; bài giảng của Chúa Jesus sau bữa ăn 5.000 người (giăng 6) mất 6 phút; lễ trên núi 18 phút. Bài giảng của Phiorơ trong công vụ 3:12-26 mất 2 phút để đọc lớn; nhưng sự thật mất một thời gian khá dài để tin tức về nội dung bài giảng của Ngài được đem trình “các thầy tế lễ, người cai quản nhà hội và người Saduce” và họ mất thời gian đến chứng kiến

bài giảng của Chúa (công vụ 4:1). Nội dung bài giảng của Phaolô trước hội thánh Epheso được chép ngắn gọn; sau đó người trong thành buồn phiền rằng Ngài đã giảng “họ không có Chúa của họ, mà chỉ do tay làm ra mà thôi” (Công vụ 19:26); nhưng phần đoạn kinh này không được chép ngắn gọn để mô tả bài giảng của mình “mọi điều liên quan nước Đức Chúa Trời...lời của Chúa Jesus” (công vụ 19:8,10). Nhưng để giảng về nước Đức Chúa Trời và Chúa Jesus được đem lên rất cao để giảng giải cho họ từ bỏ những tín ngưỡng mê tín sai trái. Lời tuyên nhận đức tin của Christadelphian bao hàm những quan điểm tích cực về giáo ý và cũng chỉ ra những sai lầm của các giáo lý khác tìm hiểu.

Do vậy sự thật mà bài giảng dài cho người chuẩn bị chịu phép báptem không được đề cập không có chứng cứ cho là bài giảng dài không có. Một bài tranh luận chi tiết trong trường hợp này như sau:

- Nhận sự ban cho phép lạ ...sự ban cho thánh linh làm cho người giảng hiểu chính xác tâm hồn của người nghe, nên những thắc mắc kinh thánh đều được giải thích trọn vẹn, như chúng ta cần thì không cần thiết.
- Suốt ngày giảng tin lành của Chúa Jesus được mô tả chỉ là sự khởi đầu giảng cho con người; thông điệp đầy đủ của Ngài mất nhiều thời gian hơn là nghe (Mác 6:34).
- Có lý do tin rằng nhiều người Do thái ở thành Gierusalem chịu phép báptem một lần trong những ngày đầu của cơ đốc là trường hợp đặc biệt. Khi Phiơơ kêu gọi họ hãy ăn năng và chịu phép báptem, đám đông người đã nghe bài giảng của Chúa Jesus (Công vụ 3:20). Ông bảo họ hãy thực hành thông điệp mà họ đã nghe. Không có bằng chứng nào rằng các phương pháp và số lượng người chịu phép báptem xảy sau đó trong thế kỷ đầu. Nếu việc cải đạo tiếp tục theo qui mô lớn như thế, thì cả thành Giêrusalem toàn là người cơ đốc chỉ trong vài năm. Những người

hiện là Do thái, ý muốn chép rằng họ đã có sự hiểu biết rõ ràng kinh Cựu ước và việc làm của Đức Chúa Trời. Bức thư của Phaolô gửi hội thánh Hebơơ và Phiơơ cho thấy đọc giả của họ có thể nắm được nhiều lời nói trong kinh Cựu ước. Người ta do dự rằng Phaolô mô tả những gì ông nói về Melchizedek như là sửa của lời, khóc rằng ông không thể viết chi tiết về người vì họ chưa trưởng thành đức tin. (Hebơơ 5:11,12). Điều này cho thấy mức độ hiểu biết của họ lúc cải đạo, khi Phaolô trách họ đã không lớn lên đức tin từ đó đến nay. Dường như những bức thư đó chủ yếu viết dành cho hội thánh tại Giêrusalem, hầu hết trong số họ được làm phép báptem trong những ngày đầu được chép trong phần đầu của sách công vụ.

- Chúng tôi hy vọng cho biết rằng truyền giảng danh của Chúa Jesus và bày tỏ trong công vụ thì tương đương với sự hiểu biết cơ bản giáo lý của kinh thánh.
- Trong 1 Côrintô 1:17 rằng Phaolô (và những sứ đồ khác) làm việc hài hoà cùng nhau hết người giảng này đến người làm phép báptem khác để mà ông dùng thời gian ngắn mỗi nơi mỗi chút.
- 1 Côrintô 15:24-28 đưa ra thông tin vững chắc về sự kiện cuối thiên niên kỷ, song những sự kiện này Phaolô đã nói ra như thể nó rất phổ biến và sự hiểu biết cơ bản của những người nghe ông. Khi giáo lý cơ bản của một đức tin được chép trong kinh thánh, có thể có nhiều bài giảng về giáo lý trong hội thánh đầu tiên và những người làm chứng cho tin lành hơn là chép lại.

Danh của Chúa Jesus:

Danh của Đức Chúa Trời gồm nhiều bài giảng về Ngài và đường lối của Ngài-Danh của Đức Chúa Trời và các tên gọi khác nói lên tính cách và mục đích của Ngài. Danh của Chúa Jesus cũng không là một danh xưng nhưng là lời tuyên xưng sâu sắc về giáo lý thánh kinh.

Lời vắn tắt trong danh của Chúa Jesus thì đồng nghĩa với chịu phép báptem (Giăng 3:5,18,23). Galati 3:26,27 làm cho đức tin trong Đấng Christ gắn liền với phép báptem trong Ngài: “Anh em là con cái của Đức Chúa Trời bởi đức tin trong Đấng Christ. Vì nhiều anh em đã chịu phép báptem trong Đấng Christ đã tin tưởng nơi Ngài. Sự liên hệ giữa tin tưởng và Báptem được tìm thấy trong Công vụ 19:4; 10:42 so sánh 48; 2:37,38; Luca 24:47. Apollos biết sự báptem của Giăng (công vụ 18:25), cho thấy rằng báptem không phải là một hành động, nhưng nói lên sự hiểu biết về lời dạy nào đó.

“Philip... giảng về Christ cho họ” (Công vụ 8:5) có vẻ như thể người nói “hãy tin vào Jesus”; nhưng “Đấng Christ” được định nghĩa trong công vụ 8:12: “khi họ tin Philip giảng những chuyện về nước của Đức Chúa Trời và danh của Chúa Jesus, họ liền chịu phép báptem. Hãy để ý “mọi điều” viết ở số nhiều; không phải là câu viết ngắn gọn về Đấng Christ; và để giảng về “Đấng Christ” cũng bao gồm “giáo lý của phép báptem”. Giăng 6:40 dạy chúng ta rằng này là ý của Đức Chúa Trời “hễ ai hiểu được Con, và tin nơi Con thì sẽ có sự sống đời đời”; sau đó Chúa Jesus phán “Nếu anh em làm theo ý của Đức Chúa Trời, thì người đó sẽ biết được đạo của Ngài” (Giăng 7:17). Do vậy, hiểu biết giáo lý cũng tương tự như biết Con. Lời của Chúa “người giữ lời của Ta và không chối bỏ danh ta” (khải huyền 3:8) cũng cho thấy lời của Đấng Christ tương tự như danh Ngài. Được sự linh cảm, Chúa Jesus trích Esai 42:4 “các cù lao sẽ trông đợi luật pháp người” như trong Mathiơ 12:21 “dân ngoài gốc Do thái sẽ trông cậy danh Ngài”, cũng cho thấy sự tương tự danh Ngài với tin lành về Ngài. Bức thư thứ 2 và 3 của Giăng có sự liên hệ về người đi truyền giảng đây đó “Các anh em đã làm chứng về sự nhân từ của anh ở trước mặt hội thánh. Anh sẽ giúp đỡ sự đi đường của các anh

em một cách xứng đáng với Đức Chúa Trời thì tốt lắm. Ấy vì Danh Đức Chúa Jesus mà các anh em ra đi”(3 Giăng 6,7). Điều này dường như gián tiếp nói đến nhiệm vụ của Mác 16:15,16 hãy đi khắp thế gian mà giảng tin lành; nên Danh của Christ tin lành là như nhau. Để tin vào Đấng Christ theo kinh thánh thì phải chịu phép báptem: “Anh em là con cái của Đức Chúa Trời bởi đức tin trong Đấng Christ. Vì các anh em đã chịu phép báptem trong Đấng Christ đã mặt lấy Chúa Jesus: (Galati 3:26,27). Phaolô giảng như thể có đức tin vào Đấng Christ tự nhiên bày tỏ đức tin của mình trong phép báptem. Do vậy, tin vào Đấng Christ là một quá trình hiểu biết cùng với sự vâng phục, không phải là lời thú tội bằng miệng tức thì “Tôi tin vào Chúa”. Trong Giăng 6:35: “Ai đến ta sẽ không bao giờ đói, ai tin ta sẽ không bao giờ khát”, tin vào Ngài và đến với Ngài cho thấy tin tưởng là một quá trình (tức phải có thời gian tìm hiểu).

Giảng về “Đấng Christ” liên quan nhiều bài giáo lý. “Đấng Christ” được giảng qua bài giáo lý về Ngài (2 Côrintô 11:4; Galati 1:8; 2 Giăng 7-12), và về những điều về nước của Đức Chúa Trời (Mác 10:29 so sánh Luca 18:29 và Mathiơ 16:28 so sánh Mác 9:1). Luca 9:11 mô tả Đấng Christ giảng tin lành về nước Đức Chúa Trời (so sánh Mathiơ 4:23), lời giảng tương tự trong Mác 6:34 nói đến Ngài giảng cho họ “nhiều điều”. Tin lành bao gồm “nhiều điều”-không phải là bài giảng ngắn trong vài phút. Do vậy, chúng ta đọc câu: “khi hai sứ đồ đã rao truyền tin lành trong thành đó, và làm cho khá nhiều người trở nên môn đồ” (Công vụ 14:21), giảng và dạy là như nhau. Ngôn từ như vậy không cần thiết nếu tin lành chỉ với một câu nói đơn giản. Bài giảng của Phaolô tại Berea làm nhiều tìm hiểu kinh thánh hàng ngày để kiểm tra điều Phaolô đã giảng cho họ (Công vụ 17:11). Tin lành mà Phaolô giảng được dựa trên Kinh Cựu ước, quá

trình anh em tìm hiểu kinh thánh sau khi nghe ông giảng, họ tin.- “nhiều người tin Chúa”(Công vụ 17:12). Khi chúng ta tiếp xúc với người hiểu biết ít kinh thánh và không tìm hiểu kinh hàng ngày sau khi học hỏi, thì không có gì phải ngạc nhiên thời gian giảng giải phải mất nhiều thời gian trong thế kỷ thứ nhất: “Ai tin Chúa Jesus là Đấng Christ là sinh bởi Đức Chúa Trời” (1 Giăng 5:1) rõ ràng tương tự với các câu như “ấy chính Ngài theo ý muốn mình, đã dùng lời chân thật sanh chúng ta” (Giacơ 1:18), “được sinh lại...bởi lời của Đức Chúa Trời...lời mà bởi tin lành được giảng cho anh em” (1 Phêrô 1:23,25). Điều này cho thấy để tin rằng Đấng Christ là Con Đức Chúa Trời là bản tóm tắt sự thật rằng ai đó đã hiểu tin lành có lời của Đức Chúa Trời.

Vua của Nước Đức Chúa Trời

Sự nhấn mạnh “tin vào Đấng Christ” trở nên ý nghĩa hơn khi người ta công nhận danh hiệu “Christ” có thể đồng nghĩa với nước của Đức Chúa Trời trong một số đoạn kinh. Do vậy, Chúa chúng ta bảo người Pharasi không nên đi tìm Đấng cứu thế ở đâu khác, vì Ngài đang sống ở giữa họ. Ngài bày tỏ bằng lời “...nước của Đức Chúa Trời đang ở giữa anh em” (Luca 17:21), cho thấy “nước” cùng nghĩa với vua của Nước. Bài giảng của Giảng nước của Đức Chúa Trời gần bên cạnh, ý nói đến sự rao báo của mình về sự đến của Đấng Christ. “nước của thiên đàng” trong Mathiơ 3:2 được Diaglott trình bày: “sự uy nghi cao cả của thiên đàng”. Tương tự, trong Luca 17:21 “Nước của Đức Chúa Trời” là “sự uy nghi lộng lẫy của Đức Chúa Trời” trong con người Jesus Christ. Hòn đá đập vào tượng Nebuchadnezzar tượng trưng nước Đức Chúa Trời (Danien 2:44); chính là hòn đá/Nước “sẽ bể từng mảnh và hủy diệt các nước khác”,

cho thấy hòn đá này là Nước khi nó đập mạnh vào bức tượng và sự hủy hoại của nó. Tương tự ví dụ của Exechien về cây nho mô tả “khi ta lấy ngọn cây hương bách cao, và ta sẽ trồng... nó sẽ trở thành một cây hương bách tốt, cả loài chim sẽ đến núp dưới nó; hết thảy những giống có cánh sẽ ở dưới bóng nhánh cây” (Exechien 17:22,23). Điều này nói đến Đấng Christ, “cây non” của Esai 53:2; song nhiều sự liên hệ rõ ràng với thí vụ về hạt cải, ở đó nước Đức Chúa Trời cũng giống như hạt cải nhỏ mọc thành cây cao lớn, mọi loài chim đến núp dưới bóng cây. Sự liên hệ giữa từ Nước và Chúa Jesus cho thấy Ngài xem mình là lời sống về Nước. Khi nhìn theo quan điểm này, chúng ta có thể hiểu được “tin vào Đấng Christ” và tin trọn vẹn tin lành về Nước của Đức Chúa Trời đều giống nhau.

Sách Phúc âm là gì?

Bây giờ chúng ta tiếp tục bàn luận chi tiết hơn cái gì được coi là quan trọng đối với tín đồ của thế kỷ thứ nhất. Cần nhận biết rằng có nhiều tập giáo lý trong thời Tân ước gần tương đồng với “lời tuyên xưng đức tin của chúng ta”. Một yếu tố quan trọng khác cần phải nhớ là sự hiện diện của anh em nhận sự ban cho tiên tri- nhận biết sự mặc khải của Đức Chúa Trời qua linh cảm. Có cơ sở để chúng ta tin rằng qua thời gian một số bài giảng được cảm động của thánh linh được thêm vào tập giáo lý kinh thánh.

Phần cơ bản của Giáo lý

Phaolô có thể nói những người tại hội thánh Rôma đã “vâng phục đạo lý là sự đã ban, làm mực thước cho mình” (Rôma 6:17) trước khi chịu phép báptem. Từ Hy Lạp “Mực thước” được dịch “mẫu mực”

và “mô hình” như thế nói đến bài giảng đã được sao chép từ đâu đó. Sự liên hệ của Phaolô cho thấy tính quan trọng của bài dạy giáo lý phải được hiểu trước khi chịu báptem, và cũng không phải là vài câu ngắn ngủi trước khi nhận phép báptem. Một số người trong hội thánh hẳn có mẫu mực nên thánh, nhưng chối bỏ quyền năng” (2 Timôthê 3:5), có lẽ cho thấy rằng họ hẳn nắm giáo lý cơ bản của đức tin, nhưng không nhận biết quyền năng thực sự của lễ thật trong cuộc sống hàng ngày của mình. Phaolô hẳn đã nhắc nhở hội thánh Galati rằng Chúa Jesus được bày tỏ trước mắt, và bị đóng đinh trên thập tự giá trước anh em” (Galati 3:1). Từ Hylạp “trước mắt” nghĩa là “được mô tả bằng chữ viết” như thể bài học ban đầu của hội thánh Galati thông qua hình thức bài giảng viết tay.

Khi định nghĩa giáo lý về sự sống lại, Phaolô nói: “Tôi truyền đạt cho anh em... điều tôi đã nhận, Đấng Christ chịu chết như thế nào...” (1 Côrintô 15:3), cho thấy ông đã nhận sự mất khả về điều này và truyền cho họ giáo lý được thừa nhận chính. 2 Phiơơ 2:21,22 chép tương tự: “chúng nó đã biết đường công bình, rồi lại lui đi về lời rằng thánh đã truyền cho mình, thế thì thà rằng không biết thì hơn. Từ “đường” và “điều rằng thánh” được truyền cho họ liên hệ tới phép rửa tội như thể đường lối và điều rằng đã hiểu rồi mới làm phép báptem. Chúng ta đã tìm hiểu không chỉ là có điều rằng cần phải hiểu trước khi chịu phép báptem; nên điều rằng gợi lên rằng nhiều bài giảng dạy phải được hiểu rõ ràng trước khi chịu phép báptem. Nhiều đoạn kinh nói về sự tiếp nhận lời dạy về “giáo lý và tin lành”: Galati 1:9,12; Philip 4:9; Côlôse 2:6; 1 Tesalônica 1:6; 2:13; 4:1. Điều này khẳng định tin lành gồm nhiều bài dạy mà các sứ đồ tiếp nhận được đầu tiên và tiếp đó là các tín đồ sau này.

“Đức tin”

Giuda cũng chép về “đức tin/đạo đã truyền cho các thánh một lần đủ rồi” (Giuda 3). “Đức tin/đạo” cũng tương tự như “mẫu mực giáo lý” đã truyền cho anh em trước khi chịu phép báptem, hẳn đây là một cụm từ khác nói đến bài giáo lý. Lời khuyên nhủ của Phaolô “hãy gìn giữ sự làm chứng về điều trông cậy” (Hebơơ 10:23) có thể nói đến sự làm chứng công khai về đức tin trước khi chịu phép báptem. Hết giữ “lời trung tín” (Tit 1:9) hẳn chủ yếu nói đến nắm vững “lời tuyên xưng đức tin” mà họ được giảng trước đó. “Đức tin chung” (Tit 1:4) cho thấy bài giáo lý đã được nhiều người chia sẻ; bởi chỉ có một đức tin (Ephêso 4:5). “Đức tin” và danh của Chúa Jesus chép trong công vụ 3:16. Chúng ta thấy rằng danh của Đấng Christ là một tên gọi khác của cùng bài giảng trong “một đức tin”. Thực hành đức tin (1 Timôthê 6:10 và giáo lý (1 Timôthê 4:1), Phaolô nhắc nhở rằng một anh em “bỏ đức tin”. Khi bắt đầu bỏ đạo mà sẽ gọi là “bỏ đức tin” thì khó mà định nghĩa.

Vấn đề thực hành Đức tin:

Vấn đề thực hành Đức tin cũng là một phần của bài giáo lý. “Đức tin vào Chúa Jesus” gồm lời lý giải “sự công bình, tiết độ và sự xét đoán” (Công vụ 24:24,25). Phaolô giảng về phép bẻ bánh khi ngưỡng giảng về sự sống lại: “Tôi có nhận từ nơi Chúa điều tôi truyền cho Anh em”(1 Côrintô 11:23). Luôn có nhiều điều thực hành mà sau đó Phaolô thêm vào bài giảng về anh em ở hội thánh: “Anh em...hãy giữ

điều rằng mà Ta đã truyền cho anh em, nhưng Ta đã biết rằng... đàn ông là đầu của phụ nữ...”(1 Côrintô 11:2,3). Điều cho biết lời giảng thính những điều này phải có trước khi báptem, và là một phần bài giảng giáo lý được nhấn mạnh đầu thế kỷ thứ nhất. Từ hy lạp “điều rằng” được dịch là “truyền thống” trong 2 Tesalônica 3:6 và 2:15: “anh em phải lánh người anh em nào không biết tu đức hạnh mình, và không bước theo các điều dạy dỗ mà anh em đã nhận lãnh nơi chúng tôi, anh em hãy đứng vững, hãy vâng giữ những điều dạy dỗ mà chúng tôi đã truyền cho anh em, hoặc bằng lời nói, hoặc bằng thơ từ của chúng tôi. Điều này cho thấy tính quan trọng nắm vững bài giảng giáo lý và phải tránh xa anh em nào không vâng theo: “hãy giữ đạo thật y như đã nghe dạy, hầu cho có thể theo đạo lành mà khuyên dỗ người ta và bác lại kẻ chống trả” (Tit 1:9).

Chúng ta biết có nhiều tiên tri giả trong hội thánh đầu tiên, cho mình có khả năng nhận mặc khải từ nơi Đức Chúa Trời về giáo lý phải thêm vào giáo lý. Vì vậy, Phaolô nhấn mạnh “lời thành tín” về sự mặc khải được cảm động (Tit 1:9; 3:8; 2 Timôthê 2:11; 1 Timôthê 4:9), đáng được chấp nhận” (1 Timôthê 1:15; 4:9)-thêm vào giáo lý căn bản. Đó là tại sao Giảng nhắc nhở không nên tin cậy mọi thần tự cho mình nhận cảm động (1 Giảng 4:1).

Các chi tiết cụ thể

Sau đây là một số thí dụ về giáo lý được giảng dạy như là một phần của tin lành căn bản phải được hiểu trước khi báptem:

- “Đức Chúa Trời sẽ đoán xét điều kín nhiệm của con người qua Chúa Jesus tùy theo tin lành của ta (Rôma 2:16). Giáo lý ngôi

phán xét và trách nhiệm được xem là nguyên tắc đầu tiên- xem công vụ 24:25; Hebơơ 6:1,2.

- Quan điểm lễ cắt bì là cần thiết cho sự cứu rỗi được Phaolô mô tả “tin lành khác” (Galati 1:6). Do vậy, chúng ta không nên giữ luật pháp Môse ví dụ Lễ Sabat.
- “Tin lành của Nước” không chỉ về Đấng Christ mà còn về nước sắp đến của Ngài; Esai 52:7 (so sánh Rôma 10:15) mô tả người giảng tin lành nói về thời điểm phán cho Zion “Đức Chúa Trời người cai trị”-ví dụ ở trong nước.
- Hiểu đúng những “điểm cơ bản” về bản chất của Đấng Christ là tính chất của sự thông công (2 Giăng 7-10); vì điều này, tin lành liên hệ “mọi điều” về Đấng Christ (công vụ 8:12). Như vậy, nói chúng ta tin vào Đấng Christ thì chưa đủ.
- Tính quan trọng của lời hứa về nước Chúa là một phần quan trọng của tin lành; chính nhờ lời hứa mà tin lành được giảng cho Apraham (Galati 3:8) và Isơơen (Hebơơ 4:2). Do vậy, Phaolô giảng về lời hứa ban cho David như “lời của sự cứu rỗi”(công vụ 13:23,26). Lời hứa là phần quan trọng của thông điệp cứu rỗi. Ngài phán: “chúng ta giảng cho anh em tin lành về lời hứa hứa cùng tổ phụ người” (công vụ 13:32). Tương tự Rôma 1:1-4: “Tin lành của Đức Chúa Trời...nói về con Ngài, Jesus christ, là dòng dõi của David”. Để hiểu lời hứa đòi hỏi sự hiểu biết nhất định về lịch sử của Isơơen. Bài học về lời giảng của Phaolô tại Antich trong công vụ 13 cho thấy người tóm tắt lịch sử của nước Isơơen, đặc biệt nhấn mạnh lời hứa, nhấn mạnh lời hứa được ứng nghiệm với họ như thế nào. Bài giảng của người dựa trên lịch sử nước Do thái và những điều đã được bày tỏ, lời cảnh báo hậu quả ngày phán xét vì không vâng theo lời Chúa (công vụ 13:40,41). Nội dung của bài giảng chúng ta nên giống nhau.

Kết luận

Tính quan trọng của điều này không nên nhấn mạnh quá. “Hãy cẩn thận bản thân và lời Chúa; luôn ở trong lời Ngài: vì làm như vậy thì con và kẻ nghe con sẽ được cứu” (1 Timôthê 4:13-16). Hy vọng bài nghiên cứu này đã trình bày rằng luôn phải hiểu rõ giáo lý mà chúng ta chấp nhận và không nên chậm trễ tiếp nhận lời Ngài. Nội dung của bài giảng giáo lý nên có bài hướng dẫn về ý nghĩa của báptem, họ nên tìm hiểu trong các buổi thảo luận trước khi họ cất lên khỏi nước thì họ đã hiểu đầy đủ những điều họ đã tìm hiểu. Thông thường, anh em được khích lệ bền lòng với đức tin của mình trong lúc khó khăn thử thách. “Nền tảng về Đức Chúa Trời vẫn vững vàng”. Ghi nhớ những nguyên tắc đầu tiên bằng việc giữ vững ý muốn của Đức Chúa Trời, nên khuyến bảo lẫn nhau trong mỗi chúng ta. Bằng cách truyền giảng đều đặn hay đọc nhiều lần sẽ giúp chúng ta trông cậy chắc chắn đức tin của chúng ta, để mà chúng ta giống Phaolô trong lúc chúng ta đang ở trong tối tăm, cô độc, thì chúng nói: “Tôi đã xong sự chạy, đã giữ được đức tin... Tôi biết tôi tin Đấng nào, chắc rằng Đấng ấy có quyền phép giữ sự ta đã phó thác cho đến ngày đó”(2Timôthê 4:7; 1:12).

Ghi chú: Hãy nhận biết Chúa Jesus

“vậy nếu miệng người xưng Đức Chúa Jesus ra và lòng người tin rằng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại, thì người sẽ được cứu” (Rôma 10:9).

Cần lưu ý những điểm sau:

- chúng ta đã trình bày “Chúa Jesus” có thể đồng nghĩa cho cả giáo lý gồm “mọi điều liên liên hệ đến nước của Đức Chúa Trời và danh của Chúa Jesus”, báptem nữa (Công vụ 8:5 so sánh câu 12). Tiếp nhận mà Phaolô nói đến là phép báptem. Người có lẽ liên hệ đến Mac 16:16: “Ai tin (xưng từ miệng mình) và chịu phép báptem (đồng sống lại với Christ từ kẻ chết) sẽ được cứu”.
- Để hiểu sự sống lại của Đấng Christ cần hiểu biết lời dạy thánh kinh về địa ngục và bản chất của con người
- Rôma 10:8,9 giống với câu 13: “Ai tự xưng mình trong danh của Chúa Jesus sẽ được cứu”. Phaolô chịu phép báptem và xưng danh của Ngài (Công vụ 22:16); chỉ có báptem mới đem lại chúng ta cơ hội trong danh của Jesus (Mathiơ 28:19).
- Khi nhấn mạnh tính quan trọng của Báptem trong các chương đầu của Rôma, không thể cho rằng Phaolô chỉ giảng không cần thiết cho sự cứu rỗi trong chương 10.
- Rôma 10:9 chép: “chớ nói trong lòng người rằng: Ai sẽ lên trời? Ấy là để đem đấng Christ xuống: hay là: Ai sẽ xuống vực sâu?... ấy là để đem Đấng Christ từ trong kẻ chết lại lên. Nhưng nói làm sao? Lời ở gần người, ở trong miệng và trong lòng người. Ấy là lời đức tin mà chúng ta giảng dạy”. “Lời đức tin được tuyên xưng, và tương tự với “Chúa Jesus” trong câu 9. Chúng ta nhận thấy “đức tin” mô tả bài giảng giáo lý bao gồm tin lành. Phaolô trích dẫn từ Phục truyền 30:11-14: “lời rằng mà tôi dạy dỗ anh em hôm nay...không phải trên trời...cũng không phải ngoài biển...nhưng lời thì rất ích cho anh em”. Người giải thích “lời...điều rằng” nói đến Đấng Christ. Cũng như vậy dân Isơrơen giữ lời mà họ hẳn được ban phước (Phục truyền 30:16), vì vậy chúng ta là dân dự phần tin vào lời về đấng Christ, sẽ được cứu. Xưng Ngài từ miệng mình đồng nghĩa với việc bằng lòng với lời dạy về Đấng Christ. “hãy hết lòng hết ý trở lại cùng Giêhôva Đức Chúa Trời người” (Phục truyền 30:10) khớp với Rôma 10:9: “vì tin bởi trong lòng mà được sự công bình, còn bởi miệng làm chứng mà được sự cứu rỗi”.

Bài đọc thêm 32: Kẻ trộm trên thập tự giá

Tên trộm nói: “Hỡi Jesus, khi Ngài đến trong nước mình rồi, xin nhớ lấy tôi! Đức Chúa Jesus đáp rằng: Quả thật, ta nói cùng ngươi, hôm nay ngươi sẽ được ở với ta trong nơi thiên đàng”(Luca 23:42,43). Những câu này ngụ ý phép báptem là không cần thiết cho sự cứu rỗi, rằng chúng ta đến ngay “vườn địa đàng” lúc chết. Ngược lại khi tìm hiểu các đoạn khác và đọc kỹ hơn, điểm sau sẽ như sau:

1. Điều dạy bảo chịu phép báptem trong sự chết và sự sống lại của Đấng Christ được ban sau sự sống lại của Đấng Christ (Mác 16:15,16). Kẻ trộm vẫn còn sống dưới luật pháp Mose khi Christ phán cùng hắn.
2. Báptem thực sự là trong sự chết và sự sống lại của Chúa Jesus. Vì rằng khi Chúa Jesus nói với tên trộm không phải những sự kiện đã xảy ra, thì baptem trong Chúa Jesus là không thể được.
3. Baptem tượng trưng sự đồng chết với Đấng Christ (Rôma 6:3-5). Tên trộm là người duy nhất đồng chết với Ngài.
4. Hoàn toàn có thể tên trộm là một trong những người đã được Giăng làm báptem. Nhiều anh em cải đạo trước đây tính cách không vững vàng (Mathiơ 21:32). Nói rằng tên trộm không chịu phép báptem là tranh luận không có căn cứ; mà hầu như không là nguyên tắc hợp lý để chúng ta bào chữa lời dạy “phải nhận phép báptem”. Cũng như thế, đoạn này không nói đến từ “linh hồn và thiên đàng”.
5. Tên trộm hỏi xin Chúa Jesus nhớ đến mình mãi mãi khi Chúa Jesus trở lại trong nước Ngài. Tên trộm không thờ ơ về tin lành

của nước Đức Chúa Trời mà Chúa Jesus đã giảng (Mathiơ 4:23). Người biết rằng ngày xét đoán lúc dựng nước Ngài, nên người cầu xin Chúa Jesus nhớ đến người mãi mãi vì người biết Ngài sống lại từ kẻ chết sẽ xét đoán ngày đó. Tên trộm chắc chắn không thờ ơ; người nhận ra rằng sự cứu rỗi trong ngày sống lại và xét đoán sẽ từ miệng của Đấng Christ.

6. Chúa Jesus đáp lại rằng tên trộm sẽ cùng Ngài trong “Paradise-vườn địa đàng”. Từ hy lạp luôn nói đến một tình huống lý tưởng trên đất, nói đến vườn Eden được phục hồi sẽ nhìn thấy trong nước tương lai của Đức Chúa Trời trên đất (khải huyền 2:7). Trong nước Đức Chúa Trời, thế gian sẽ thay đổi sang điều kiện vườn Eden giống paradise (Êsai 51:3; Exechien 36:35), vì người gian ác/kẻ bị nguyên rủa không còn (Khải huyền 22:3). Kinh Cựu ước tiếng Hylap dùng cùng từ “vườn địa đàng” nói đến tình huống bình dị trên đất trong truyền đạo 2:5; Nehemi 2:8; Nhã ca 4:13; sáng thế 13:10. “Vườn địa đàng” chỉ liên hệ đến thiên đàng qua cách sử dụng trong tiểu thuyết chẳng hạn như “thiên đường bị mất của Milton”. Lời hứa của Chúa Jesus về một nơi cho tên trộm “trong vườn địa đàng” là lời đáp lại sự ham muốn của người được vào nước của Đức Chúa Trời. Chúng ta đã trình bày trong bài học 5 Nước sẽ lập trên đất; “vườn địa đàng” cũng sẽ ở đó thôi.
7. Cách thức mà câu 43 được dịch làm cho câu trở nên như thể Chúa Jesus và tên trộm đã cùng nhau ở trong “vườn địa đàng ngày đó”. Nhưng rõ ràng, nước vẫn chưa được lập trên đất. Hai người đã không đến nước ngày đó. Chúa Jesus xuống âm phủ (Công vụ 2:32); như Ngài đã tiên tri, Ngài ở trong đất 3 ngày 3 đêm (Mathiơ 12:40 so sánh 16:21) sau khi Ngài chết trên thập tự. Ngay cả sau khi sống lại, Ngài phán: “Chờ rờ đến ta, vì ta chưa lên cùng Cha” (Giăng 20:17). Như vậy Ngài đã không đến thiên đàng vào ngày Ngài chết.

Song Chúa Jesus hứa cùng tên trộm “Hôm nay người sẽ ở cùng ta trong vườn địa đàng”. Câu trả lời cho sự mâu thuẫn rõ ràng này được tìm thấy trong sách kinh tiếng Hylạp và Do thái, rằng không có dấu chấm câu hay chữ viết hoa nào. Có thể câu này được bỏ dấu câu lỗi để mà chúng ta đọc: “Chúa Jesus đáp rằng: quả thật, ta nói cùng người, hôm nay người sẽ được ở với ta trong nơi vườn địa đàng” (Luca 23:43). Bản dịch của Rotherham sự thực có đặt dấu phẩy sau từ “hôm nay”. Điều này hoàn toàn phù hợp với bối cảnh. Tên trộm hỏi xin Chúa Jesus hãy nhớ đến người mãi trong ngày xét đoán; người nhận biết mình phải có trách nhiệm và sẽ hầu Chúa trong ngày đó. Nhưng Chúa Jesus đã ban cho người lời hứa chắc chắn tuyệt vời-Ta có thể trả lời người ngay bây giờ! Người không phải chờ đợi cho đến khi nhìn thấy quyết định của ta đối với người- người sẽ cùng ta trong Nước!

8. từ quan điểm ghi nhận trên, có thể nêu ra ở đây giáo lý cơ bản mà tên trộm đã hiểu rõ ràng:

- Nước của Đức Chúa Trời
- Sự trở lại của Đấng Christ
- Sự sống lại và xét đoán
- Sự cứu rỗi qua đức tin trong Chúa Jesus
- Sự sống lại của Đấng Christ
- Sự hoàn hảo của Đấng Christ (Ngài không làm điều chi sai phạm)
- Sự cần thiết phải theo Ngài (người gọi Ngài là Chúa)
- Sự tội lỗi của con người

Do vậy, đây không phải là nơi để dùng người này là lời bào chữa vì nghĩ rằng ai đó được cứu nếu họ không hề quan tâm Chúa; phải có một cơ sở giáo lý mà người nhận được. Nếu không, người không thể tăng trưởng đức tin mình được. Đấng Christ đã không ban sự cứu rỗi cho tên cướp kia vì thái độ của người này: “Nếu Người là Đấng Christ, hãy tự cứu mình và chúng tôi”. Đây là lời người này nói: “nếu có điều gì ở công việc Chúa Jesus, tôi không hiểu tại sao tôi

không nhận điều gì”. Vì người thiếu hiểu biết lời của Chúa và không giống như tên trộm kia, người này không thể tìm được sự cứu rỗi chân thật lúc sắp chết, sự quan tâm trước kia của người trong Đấng Christ không nhiều.

Bài đọc thêm 33: Lễ Báptem chuẩn mực/Mẫu

Để có ý tưởng về cách thức Báptem được thực hiện đang hoàng, ý sau đây là lời giải thích về lễ báptem giáo phái Christadelphian tại Hartlepool, Anh vào chiều thứ bảy tháng 11, 1990. Tuy nhiên, cần phải lưu ý phép báptem cơ bản là sự trỗi lên khỏi nước cùng với sự ăn năng chân thật và tin tưởng tin lành. Lễ báptem chỉ là có thêm sự lựa chọn để có cái nhìn thích hợp tính quan trọng. Thứ tự của trình tự như sau:

- Mở lời cầu nguyện
- Đọc Rôma chương 6
- Nói chuyện vắn tắt về báptem
- Cầu nguyện
- Sự trỗi dậy của người ấy trong bể nước
- Cầu nguyện

Nói chuyện về lễ báptem

Không gì nghi ngờ nữa hôm nay là ngày quan trọng nhất trong cuộc đời của Dave; trong chốc lát nữa, người sẽ xuống nước và đứng lên

“trong Chúa”, dòng dõi của Apraham, nhận lời hứa vinh hiển tạo nên tin lành cho người.

Sự đơn giản của hành động có thể lừa dối, song Dave và tất cả chúng ta ở đây tin tưởng hoàn toàn sự nhúng vào nước sẽ gắn liền với sự chết và sự sống lại của Chúa Jesus, như chúng ta đã đọc trong Rôma 6:3-5:

“Hay là anh em chẳng biết rằng, chúng ta đều đã chịu phép báptem trong Đức Chúa Jesus Christ, tức là chịu phép báptem trong sự chết Ngài? Chúng ta đã bị chôn với Ngài bởi phép báptem trong sự chết Ngài, hầu cho Đấng Christ nhờ vinh hiển của Cha được từ kẻ chết sống lại thể nào, thì chúng ta cũng sống trong đời mới thể ấy. Vì nếu chúng ta làm một cùng Ngài bởi sự chết giống như sự chết của Ngài, thì chúng ta cũng sẽ làm một cùng Ngài bởi sự sống lại giống nhau”.

Chốc nữa, chúng ta hãy thử tưởng tượng cảnh Chúa sống lại vì chúng ta thấy Dave ra khỏi nước người sẽ được đồng với sự sống lại của Chúa Jesus từ sự chết.

Chúng ta có thể tưởng tượng sự mát mẻ và yên tĩnh của ban đêm và cảm giác vinh hiển về một cuộc đời mới trong Ngài. Ngài hẳn có thể nhận biết sự sáng của thành Giêrusalem mờ khuất từ đằng xa; dân sự hoàn toàn không ngờ điều kỳ diệu đang xảy ra bên cạnh họ, có một Đấng đã sống lại từ cõi chết và đến cuộc đời mới trong sự vinh hiển.

Cũng như vậy, Dave ra khỏi nước, thế gian quanh chúng ta không ai hiểu được giá trị của sự vinh hiển đang xảy ra; là điều họ có thể thấy được nếu họ chịu khó nhìn xem, một nhóm người anh em bước đến bể nước và có một người đìm người khác xuống nước và cất lên. Cũng như các thiên sứ vui mừng khi Chúa Jesus sống lại và đến giờ chúng ta không chứng kiến, nhưng thiên sứ vui mừng khi ai đó ăn năn và đến với Chúa Jesus.

Chúng ta đã đọc sách Rôma 6 chúng ta nên “bước đi trong sự làm mới lại của cuộc sống”-niềm vui mà Dave giờ đây sẽ có và đồng hành với người sống cuộc đời. Như khi chúng ta thấy, người không còn làm tội cho tội lỗi nữa, mà cho Đức Chúa Trời, làm theo lời Ngài qua kinh thánh. Chúng ta dễ lòng ham muốn khi chúng ta cho rằng chúng ta được tự do cho bản thân, nhưng thỏa mãn chính mình tức chúng ta không có tự do, mà làm tội cho tội lỗi. Dave giờ đây đang thay đổi chủ mình, đó là thờ phượng Đức Chúa Trời. Khi mới tiếp nhận Chúa, anh em thường nhận thấy một số khó khăn trước mắt khi bắt đầu sống cuộc đời mới trong Chúa làm chúng ta cảm thấy là một gánh nặng, thì chúng ta có ý muốn được tự do. Nhưng nếu chúng ta làm như vậy, chúng ta sẽ không tự do mà chúng ta sẽ tiếp tục lệ thuộc vào tội lỗi.

Phaolô giảng dạy trong 1 Corintô 10:1,2, sự ra khỏi nước trong phép báptem của chúng ta cũng giống như dân Isơrơen vượt qua dòng nước của biển đỏ vậy. Mọi người ấy đã được báptem “trong mây và trong nước” vì nước ở hai bên lối đi và trên là từng mây. Khi họ đi qua, “mây đổ nước ra” (thithiên 77:17). Thí dụ nào đó có thể phát triển từ chi tiết này, vì có nhiều bài học cho chúng ta. Dân Isơrơen

đã làm nô lệ ở Ai cập, sống một cuộc đời không mục đích, làm việc cực nhọc trong cảnh nô lệ và phải thờ thần tượng của dân Ai cập. Trải qua sự thử thách của cuộc sống, họ kêu cầu Đức Chúa Trời giúp họ lối thoát mặt dù họ hẳn chưa nhận biết làm sao Đức Chúa Trời trả lời và lắng nghe họ.

Đáp lời, Đức Chúa Trời sai Mose dẫn dắt họ ra khỏi Ai cập, vượt qua biển đỏ, rồi qua đồng vắng và tiến vào vùng đất hứa. Dân Isơơen sống ở Ai cập cũng giống như Dave và anh em nào đến nhận phép báptem; như người Do thái, giờ đây Dave được dẫn dắt đến bờ của biển đỏ. Khi người vượt qua biển, thì không có nghĩa là người lập tức vào nước của vùng đất hứa, nhưng người sẽ cùng với chúng ta bước đi trong đồng vắng. Đức Chúa Trời dẫn dắt dân Isơơen qua đồng vắng thông qua công việc của thiên sứ, những đấng luôn cạnh họ ngày và đêm. Như thế, mỗi chúng ta có thiên sứ bên cạnh dẫn dắt chúng ta đến sự cứu rỗi. (thithiên 34:7; Hebơơ 1:14).

Mỗi ngày dân Isơơen được nuôi bằng bánh mana, mà Chúa Jesus giảng nghĩa trong Giảng 6 như thể là thân thể Ngài và lời của Đức Chúa Trời. Quả thật, nếu họ không ăn bánh mana thì họ đã chết trong đồng vắng từ lâu- vì không có thức ăn nào khác bấy giờ. Chính vì lý do này, chúng tôi không thể ép buộc anh em đọc kinh thánh thường xuyên mỗi ngày, hiểu ý nghĩa của bài kinh mình đọc, nhìn Chúa Jesus mà học hỏi. Chúng ta dành thì giờ rảnh trong ngày để đọc kinh thánh là điều quan trọng, hãy làm theo sách hướng dẫn đọc thánh kinh, thì anh em sẽ nhận biết ý nghĩa bài học tốt hơn.

Ngày trước, dân Isơrơen không được phép để dành bánh nhiều ngày để ăn mà chỉ đủ dùng trong ngày thôi, bằng cách họ phải gắng sức đi nhặt và mang về mỗi ngày. Tiếp nhận vào lời Chúa mỗi ngày cần phải thường xuyên. Vì chúng ta không quên ăn uống hàng ngày, thì chúng ta cũng phải học lời Chúa y như anh em nhớ đến sự ăn uống hàng ngày; thật sự, Gióp nói người xem trọng lời của Đức Chúa Trời “quí hơn vật thực cần dùng”. Dân Isơrơen phải uống nước từ khe đá; 1Côrintô 10 chép cho chúng ta điều này tượng trưng Chúa Jesus.

Vì vậy, chúng ta nên ăn và uống bằng ví dụ của Chúa Jesus, chúng ta làm bằng cách tham dự lễ bẻ bánh mỗi tuần. Nói đến sự nhóm lại, nên xuất phát từ lòng ham muốn tự nguyện của chúng ta muốn gặp những anh em cùng có chung sự trông cậy với chúng ta. Một người đi trong đồng vắng sẽ có cơ hội gặp người đi đường kia để tâm sự những vấn đề nào đó đang còn phía trước và cùng chia sẻ kinh nghiệm. Do đó, chúng ta đang trong đồng vắng cuộc đời trong một thế giới tội lỗi này nên tận dụng cơ hội để gần gũi anh em bằng nhiều cách khác nhau.

Chúng ta đã học bài về trách nhiệm của lối sống mới, nhưng sẽ là nhầm lẫn khi chúng ta có cảm giác rằng nếu chúng ta làm điều gì đó như thường xuyên đọc kinh thánh, thì Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng chúng ta. Bởi ý Chúa, chương của Ngài ban cho chúng ta Nước là phần thưởng, không phải Ngài trả lương cho việc làm của chúng ta (Rôma 6:23). Cũng sẽ là nhầm lẫn nếu chúng ta có cảm giác rằng

phép báptem là một ý tưởng tốt vì giờ đây chúng có cơ hội ngang nhau để vào nước của Đức Chúa Trời. Lễ thật và tình yêu của Đức Chúa Trời, chiến thắng của Đấng Christ làm cho mọi sự trở nên cao trọng hơn những điều đó. Đức Chúa Trời muốn Dave và tất cả chúng ta ở đây được vào nước của Ngài. Điều này thật hết sức vinh hiển mà chúng tôi phải nhắc nhở anh em nhiều lần. Khi hiểu thế, chúng ta hãy làm điều gì đó hết lòng để chứng tỏ sự kính sợ của mình đối với Đức Chúa Trời.

Khi dân Isơrơen ra khỏi biển đỏ, họ hết sức vui mừng; Môsê hát ca và dân sự mừng rỡ. Thi thiên 105:35-41 bày tỏ điều này và chỉ rõ như thế nào Đức Chúa Trời cung cấp mọi sự cần thiết cho cuộc hành trình của họ.

“Ngài bèn phán cùng châu chấu, và cào cào bay đến vô số, cắn sả hết thảy cây cỏ trong xứ, và phá hại bông trái của đất chúng nó. Ngài cũng đánh giết hết thảy con đầu lòng trong xứ, tức là cả cường tráng sanh đầu của chúng nó; Ngài dẫn Isơrơen có cầm bạc và vàng; chẳng một ai yếu mỗi trong các chi phái của Ngài; Ai cập vui vẻ khi dân Isơrơen đi ra; vì dân Isơrơen mà cơn kinh khủng đã giáng lên chúng nó; Ngài bủa mây ra để che chở, và ban đêm có lửa để soi sáng; chúng nó cầu xin, Ngài bèn khiến những con cút đến, và lấy bánh trời mà cho chúng nó ăn no nê; Ngài khai hòn đá, nước liền phun ra, chảy ngang qua nơi khô chẳng khác gì con sông”.

Niềm vui đó cũng là niềm vui cho chúng ta, anh em tương lai của chúng ta chứng kiến và làm chứng phép báptem của anh em. Đó

cũng là niềm vui của Đức Chúa Trời, của Chúa Jesus và của thiên sứ, người luôn biết đến chúng ta mọi lúc. Cầu xin mọi chúng ta gìn giữ sự trông cậy và vui mừng này “vững lòng cho đến ngày cuối cùng”, để chúng ta cùng bước đến nước của Đức Chúa Trời.

Chúng ta hãy cùng đến phòng thay đổi y phục, rồi cùng nhau bước vào bể nước...

Bài 10: Câu hỏi

1. Chúng ta có thể được cứu không cần phép báp-têm không?
 - a) Có
 - b) Không
1. Từ phép báp-têm có nghĩa gì?
 - a) Lời cam kết
 - b) Sự rửa nước
 - c) Đức tin
 - d) Sự nhúng xuống/sự ngâm mình
2. Ý nghĩa của Phép báp-têm là gì như được giải thích trong Rôma 6:3-5?
 - a) Sau khi đã tìm hiểu Tin lành Thực sự và ăn năn
 - b) Trong tuổi thơ ấu
 - c) Sau khi quan tâm đến Kinh thánh
 - d) Khi chúng ta muốn gia nhập hội giáo
4. Chúng ta chịu phép báp-têm vì điều gì?
 - a) Hội giáo mà làm chúng ta chịu phép báp-têm
 - b) Lời Đức Chúa Trời
 - c) Đấng Christ
 - d) Đức Thánh Linh
5. Cái gì xảy ra sau phép báp-têm?
 - a) Chúng ta là bộ phận của dòng dõi Áp-ra-ham
 - b) Chúng ta không bao giờ mắc tội lỗi nữa
 - c) Chúng ta nhất định được cứu rồi cho mãi mãi
 - d) Những tội lỗi của chúng ta được tha thứ
6. Bạn có muốn chịu phép báp-têm không?
 - a) Có
 - b) Không

7. Chúng ta sẽ nhận sự ban cho kỳ diệu từ Thánh linh sau khi được báp-tem?

BÀI 11

CUỘC SỐNG TRONG CHÚA

11.1 Lời Giới Thiệu

Phép rửa đem lại cho chúng ta sự trông cậy chắc chắn về sự sống mãi mãi trong nước của Đức Chúa Trời. Chúng ta càng tin tưởng và hiểu thấu điều chắc chắn trong hy vọng, thì chúng ta càng nhận biết nhiều bằng chứng hơn và bản thân có trách nhiệm hơn. Làm như vậy đem lại cho chúng ta một lối sống của người dự phần bốn tánh Đức Chúa Trời (2 Phiơơ 1:4), thực sự dự phần danh Ngài (Khải huyền 3:12) được trở nên trọn vẹn trong mọi đường.

Chúng ta tìm hiểu trong bài học 10.3 rằng sau phép rửa chúng ta trở nên có trách nhiệm sống một lối sống từ bỏ ham muốn tội lỗi, xấu xa của bản tánh mình (Rôma 6:6). Nếu chúng ta không sẵn sàng làm theo, thì phép rửa trở thành vô nghĩa. Do vậy, phép rửa nên làm khi anh em đã chuẩn bị hay sẵn sàng chấp nhận trách nhiệm sống cuộc đời mới trong Chúa.

Phép rửa, chúng ta từ bỏ lối sống bản ngã và theo cái tôi của mình và theo nghĩa bóng thì anh em được đồng sống lại với Đấng Christ. “vậy nếu anh em được sống lại với Đấng Christ, hãy tìm các sự ở trên trời, là nơi Đấng Christ ngồi bên hữu Đức Chúa Trời. Hãy ham mến các sự ở trên trời, đừng ham muốn các sự ở dưới đất; vì anh em đã chết, sống sự sống mình đã giấu với Đấng Christ trong Đức Chúa Trời. Khi nào Đấng Christ, là sự sống của anh em, sẽ hiện ra, bấy giờ anh em cũng sẽ hiện ra với Ngài trong sự vinh hiển. Vậy hãy làm chết các chi thể của anh em ở nơi hạ giới, tức là tà dâm, ô uế, tình dục, ham muốn xấu xa, tham lam chẳng khác gì thờ hình tượng” (Colôse 3:1-5). Sau rửa, chúng ta hứa nguyện với lòng mình hướng về cuộc sống nhìn về những điều thuộc trên trời, suy nghĩ điều trên trời, biến tham vọng thuộc về thế gian thành tham vọng vượt qua đường lối xác thịt, rồi sẽ vào nước của Đức Chúa Trời.

Đường lối của bản chất con người là bày tỏ sự nhiệt tình để vâng lời Đức Chúa Trời một cách không đều đặn. Thường thường Đức Chúa Trời cảnh báo điều này. Theo lời răn của Đức Chúa Trời, Ngài phán “là điều người ta làm theo được sống bởi nó” (Ezechiel 20:21). Nếu chúng ta

nhận biết điều rằng của Đức Chúa Trời, làm theo, thì chúng ta sẽ trở nên sống một cuộc đời biết vâng theo lời Ngài.

11.2 Sự Nên Thánh

“thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giêhôva vạn quân” (Esai 6:3). Nhấn mạnh ba lần trong câu này là một trong nhiều đoạn nhấn mạnh sự thánh của Đức Chúa Trời. “Thánh thiên” nghĩa cơ bản nói đến “sự biệt riêng”- biệt riêng khỏi sự không nên thánh, và biệt riêng những điều nên thánh. Đức Chúa Trời muốn chúng ta phải “làm người bắt chước Ngài” như là những con trẻ của Ngài (Ephêsô 5:1). Nên khi Ngài gọi làm nên thánh, thì anh em hãy nên thánh trong cách ăn nói trong cuộc sống mình; vì sách có chép rằng, “hãy nên thánh, vì ta thánh sạch”(1Phiơrô 1:15,16; Leviky 11:44).

Dân Isơrơen được gọi ra khỏi Ai cập qua phép báptem của biển đỏ làm nên “dân tộc nên thánh”(Exechiên 19:6). Sau lễ báptem, các anh em cũng đồng nhận “mời gọi nên thánh”(2 Timôthê 1:9). Sau báptem chúng ta trở nên làm tôi tớ trong sự nên thánh” (Rôma 6:19,22).

Vì sự nên thánh là phần cần thiết trong bốn tính của Đức Chúa Trời, vì vậy anh em nên biết quan tâm những anh em nào muốn mình “là người làm theo Đức Chúa Trời”. Nếu chúng ta làm được, chúng ta là người dự phần trong sự nên thánh của Ngài khi chúng ta sống trong bốn tánh Ngài (Hebơrô 12:10; 2 Phiơrô 1:4). Do vậy, nếu không nên thánh trong cuộc đời này, anh em không thể nhìn “thấy Chúa được”(Hebơrô 12:14)-ví dụ người đó sẽ không thể thấy Đức Chúa Trời và thông công với Ngài trong nước nếu người anh em đó không chứng tỏ mình nên thánh trong đời này.

Khi được ban cho hy vọng lớn ấy nghĩa là chúng ta nên biệt riêng khỏi thế giới quanh ta không có hy vọng này, biệt riêng trong sự dự phần bốn tánh Đấng Chúa Trời. Sự biệt riêng của chúng ta không phải làm điều gì đó mà chúng ta cảm thấy bị ép buộc; vì sự biệt riêng của chúng ta đến

với sự trông cậy và lời gọi cao quý, chúng ta trở nên biệt riêng với những việc làm của thế gian do những nguyên tắc xác thịt đặt ra.

Chúng ta hãy xem xét những việc làm trong thế gian để chúng ta cần biệt riêng, trong bài đọc 11.3 chúng ta sẽ tìm hiểu những việc nào nên biệt riêng trong thực tế.

Dùng quyền năng

Chúng ta đang sống trong thế giới do tội lỗi cai trị. Chúng ta đã xem phần 6.1 sự cai trị của con người có thể gọi là “ma quỷ” vì sự cai trị đó được tổ chức quanh sự ham muốn của xác thịt”

Thông điệp luôn được nhấn mạnh trong thánh kinh trong ý nghĩa ngăn ngừa, đó là tội lỗi và dòng dõi của con rắn sẽ sống trong chiến thắng, chỉ chịu đựng sự đau khổ tạm bằng nhiều cách khác nhau, thì dòng dõi của người nữ cuối cùng sẽ được xưng công bình. Vì lý do này, anh em luôn được nhắc nhở hãy tránh xa tội lỗi (Mathiơ 5:39; Rôma 12:17; 1 Tesalônica 5:15; 1 Phiêrơ 3:9).

Chúng ta thấy rằng tội lỗi được phép và được đem lại bởi Đấng Chúa Trời (Êsai 45:7; Amôt 3:6 so sánh bài 6.1). chống lại tội lỗi cách mạnh mẽ là chống lại Đấng Chúa Trời. Vì lý do này, Chúa Jesus giảng dạy chúng ta đừng chống lại quyền lực của tội lỗi: “Hễ ai đánh anh em má phải, hãy đưa má bên kia cho họ luôn, nếu ai muốn kiện người để lột áo choàng, hãy để họ lấy luôn cái áo dài nữa.”(Mathiơ 5:39,40). Đấng Christ là thí dụ về điều này “Ta đưa lưng cho kẻ đánh ta...”(Êsai 50:6).

Lời Chúa Jesus nói đến hành động kiện với việc làm của thế gian ngược với anh em chân thực trong Chúa. Làm như vậy là thí dụ về sự chống lại tội lỗi và sẽ không được làm đối với anh em có đức tin vững trong lời hứa của Đấng Chúa Trời “việc trả thù là của ta; Ta sẽ giáng trả”(Rôma 12:19). “chớ nói, ta sẽ trả ác, hãy chờ đợi Đức Giêhôva, Ngài sẽ cứu rỗi con” (Châm ngôn 20:22 so sánh Phục truyền 32:35). Vì lý do này, Phaolô thẳng thắn quở trách anh em hội thánh Côrin thưa kiện người anh em khác (1 Côrintô 6:1-7).

Khi chúng ta hưởng về sự trông cậy, chúng ta không nên quá quan tâm đến sự bất công trong đời tạm này: “khi trong anh em ai có sự nghịch cùng người khác, sao dám kể không công bình đoán xét hơn là cho các

anh em trong Chúa? Anh em chẳng phải biết các thánh đồ sẽ xét đoán thế gian sao?”(1 Corintô 6:1,2). Kiện người khác dù là tranh chấp đất đai hay là thủ tục ly hôn, thì anh em chân chính trong Chúa hãy dừng nên nghĩ đến.

Để rằng đe quyền lực của tội lỗi, để hạn chế quyền lực của con người tội lỗi, thì quyền lực quân sự và cảnh sát được chính quyền nhà nước sử dụng. Đây là những hình thức thế gian để chống lại tội ác và do vậy, anh em không nên dự phần vào. “Hễ ai chơi kiếm cũng sẽ chết vì kiếm”(Mathiơ 26:52). Đây là một nguyên tắc thánh kinh cơ bản: “Hễ kẻ nào làm đổ máu người, thì sẽ bị người khác làm đổ máu lại; vì Đấng Chúa Trời làm nên người như hình của Ngài” (sáng thế 9:6). Hành động hung ác cố ý nào đối với anh em mình là hành động chống lại Đấng Chúa Trời, trừ phi Đấng Chúa Trời tha thứ.

Theo sự định sẵn của người tin Chúa, chúng ta được dạy: “hãy yêu kẻ thù nghịch và cầu nguyện cho kẻ bắt bớ các ngươi” (Mathiơ 5:44; Luca 6:27). Sức mạnh quân sự và cảnh sát hành động khác với nguyên tắc thánh kinh, nên anh em chân chính không nên dự phần với điều này. Mặc dù không trực tiếp tham gia phạm tội, nhưng làm việc hay tham gia các tổ chức này rõ ràng là không khuyến khích. Thực sự, bất kỳ công việc nào phải tuyên thệ trước quyền lực đó, sẽ làm chúng ta mất đi sự vâng phục lời dạy của Đấng Chúa Trời. Người tín đồ chân chính luôn luôn phải là người đối lập có ý thức trong việc dựa vào quân sự hay cảnh sát mặt dù chúng ta sẵn sàng phục vụ trong những cuộc khủng hoảng quốc gia để làm ích lợi cho anh em mình.

Chính trị

Hiểu biết rõ ràng và có đức tin vững vàng về nước Đấng Chúa Trời sẽ đến nghĩa là chúng ta nhận biết rằng chính quyền con người không thể nào đem lại sự hoàn thiện đạo đức được. Bất kỳ sự tham gia nào trong chính trị sẽ trái ngược với sự trông cậy về Nước Ngài. Chúa Jesus tiên tri những việc làm của thế gian sẽ thoái hóa ngày càng tệ hơn trong ngày sau rồi trước khi Chúa đến (Luca 21:9-11, 25-27). Chúng ta không thể nào tin những lời này của Chúa và cùng lúc đó nỗ lực cải thiện vị thế của thế gian bằng quyền lực/sức mạnh chính trị hay các tổ chức xã hội.

Thí dụ người Samari tốt bụng cho thấy cách người anh em trong Chúa nên quan tâm thế giới quanh mình như thế nào-đương lúc còn có cơ hội, hãy làm điều thiện cho mọi người, nhất là cho anh em chúng ta trong đức tin”(Galati 6:10).

Lời chép của tín đồ ban đầu cho thấy họ đã cam kết sống một lối sống nên thánh trong khi chờ đợi ngày của Chúa trở lại, chủ yếu là bày tỏ sự quan tâm đến thế giới xung quanh bằng cách truyền giảng. Không có bằng chứng nào cho thấy họ nói về vấn đề chính trị, kinh tế và xã hội của xã hội lúc đó.

“Tôi biết đường loài người chẳng do nơi họ, người ta đi chẳng có quyền dẫn đưa bước của mình” (Giêrêmi 10:23); nhận biết tội ác và lỗi lầm của bản tính con người nghĩa là chúng ta sẽ nhận biết sự lãnh đạo của loài người thì không thích hợp cho con cái của Chúa. Bỏ phiếu bầu không phù hợp với sự hiểu biết đúng về điều này. “khi người nhận biết rằng Đấng rất cao cai trị trong nước của loài người, và Ngài muốn ban cho ai tùy ý” (Danien 4:32). Ngài là quyền năng cao cả nhất trong mọi quyền lực trên đất (Truyền đạo 5:8). Nhà cầm quyền con người suy cho cùng cũng được ban bởi quyền năng của Đấng Chúa Trời (Rôma 13:1); để bầu một hệ thống dân chủ nào đó có thể thực hiện bỏ phiếu chống người mà Đấng Chúa Trời đã chọn làm quyền lực. Sách chép rằng Đấng Chúa Trời đã ban một số nước cai trị Nebuchanezzar vua của Babylon (Giêrêmi 27:5,6).

Vì chúng ta nhận biết rằng Đấng Chúa Trời ban các nước trong tay của kẻ cai trị, chúng ta nên cẩn thận làm công dân mẫu mực, tuân theo luật pháp của nước nơi chúng ta sống trừ phi luật pháp đó mâu thuẫn với lật của Chúa theo kinh thánh.

“mọi người phải vâng phục các đấng cầm quyền trên mình; vì chẳng có quyền nào mà không đến bởi Đấng Chúa Trời, các quyền đều bởi Đấng Chúa Trời chỉ định. Cho nên ai chống cự quyền phép, tức là đối nghịch với mạng lệnh Đấng Chúa Trời đã lập...nộp thuế cho kẻ mình phải nộp thuế; đóng góp cho kẻ mình phải đóng góp; sợ kẻ mình đáng sợ; kính kẻ mình đáng kính” (Rôma 13:1-7).

Tham gia tổ chức anh em trong hội thánh dưới hình thức phản đối chính trị hay chống đối về thuế là dấu hiệu xem thường của lời dạy trên những

nguyên tắc cơ bản của thánh kinh. Tuy nhiên, ví dụ của Phêrô tiếp tục truyền giảng khi chính quyền cản trở không cho phép, lại là biểu hiện cách thức chúng ta chỉ vâng theo mệnh lệnh con người khi mệnh lệnh đó không trái với lời dạy dỗ của Chúa: “chính các ông hãy suy xét, trước mặt Đấng Chúa Trời có nên vâng lời các ông hơn là vâng lời Đấng Chúa Trời chăng?” (Công vụ 4:17-20; 5:28,29).

Thỏa mãn trong thế gian

vì thiếu mối quan hệ chân thực với Đấng Chúa Trời và có sự trông cậy thực về tương lai, thế gian tạo nên vô số hình thức tìm sự thỏa mãn. Những ai tìm sự thỏa mãn xác thịt thì anh em chân thật trong Chúa hãy nên xa lánh họ. “vì xác thịt có những điều ưa muốn trái với những điều của thánh linh” (Galati 5:17). Vì sự đối nghịch cơ bản đó, thì không thể lập luận rằng chúng ta có thể mở đường cho ý muốn xác thịt và cũng muốn tìm sự nên thánh. Thế gian được hình thành “vì mọi sự trong thế gian, như sự mê tham của xác thịt, mê tham của mắt và sự kêu ngạo của đời, đều chẳng từ Cha mà đến, nhưng từ thế gian mà ra” (1 Giăng 2:16). “hễ ai làm bạn của thế gian là kẻ thù của Đấng Chúa Trời” (Gia 4:4). Làm bạn với người thế gian, xem phim của thế gian... là “kết bạn với thế gian”. Sự ham muốn của thế gian sẽ sớm qua đi, và những ai hưởng về sự thế gian trong đời này sẽ qua đi với nó (1 Giăng 2:15-17). “thế gian của không nên thánh” sẽ bị hủy diệt khi Chúa Jesus trở lại (2 Phiêrô 2:5), vì rằng “cả thế gian đều ở trong tội lỗi” (1 Giăng 5:19). Nếu chúng ta muốn tránh sự hủy diệt đó, chúng ta phải “không thuộc về thế gian” (Giăng 17:16 so sánh Khải huyền 18:4).

Nhiều lối sống của thế gian để thỏa mãn xác thịt gồm: hút thuốc, dùng ma túy, nhậu nhẹt... sức khỏe, tiền của chúng ta thực sự bởi Đấng Chúa Trời mà có. Nên chúng ta không nên tự do sử dụng theo ý muốn mình được, nhưng phải làm cho ý nghĩ vì Chúa đã ban cho mình. Chúng ta sẽ bị xét đoán và giễu thích cách sử dụng những thứ đó trước ngôi xét đoán (Luca 19:12-26). Thói quen như hút quá mức, dùng chất cồn quá nhiều đều ảnh hưởng đến sức khỏe và tài chính của mình. “vì đền thờ của Đấng Chúa Trời là thánh, mà chính anh em là đền thờ, anh em hãy biết rằng thân thể mình là đền thờ của đức thánh linh đang ngự trong anh em? Nếu

anh em làm ô uế đền thờ của Đấng Chúa Trời, sẽ bị Đấng Chúa Trời diệt...anh em hẳn phải thuộc về chính mình sao? Vì chưng anh em đã chuộc bằng giá cao rồi. Vậy, hãy lấy thân thể mình làm sáng Danh Đấng Chúa Trời.”(1 Côrintô 3:16,17: 6:19,20). Làm tổn hại thân thể chúng ta bởi sự thỏa mãn xác thịt là vấn đề nghiêm trọng trong Chúa.

Tuy nhiên, người ta nhận biết rằng nếu thói quen như thế có trước khi tiếp nhận Chúa, thì điều đó không thể từ bỏ một sớm một chiều. Điều mong đợi là anh em biết nhận biết thói quen xấu, và thể hiện sự cố gắng thực sự để từ bỏ thói quen nào đó. Sự căng thẳng của cuộc sống chỉ có thể được giải quyết bởi cầu xin/trông cậy vào lời của Đấng Chúa Trời và sự cầu nguyện, hơn là dựa vào những hình thức giảm căng thẳng của con người.

11.3 Cuộc sống của người có niềm tin trong Chúa

Sự tìm hiểu Kinh thánh

Sau phép báp-têm chúng ta nên áp dụng sự “Nên Thánh làm kết quả”, tức là phải sống một cuộc đời do Đức Thánh Linh dạy dỗ, chứ không phải bởi xác thịt hướng dẫn (Rôma 6:22; Galati 5:16,25). Chính qua Lời Đức Chúa Trời ở trong chúng ta, chúng ta mới nhận Trái của Thánh linh (Galati 5:22,23). Chúng ta đã nhìn thấy rằng chúng ta được dẫn bởi Thánh linh, nghĩa là Ý muốn của Đức Chúa Trời đã thể hiện trong Lời Ngài. Suốt đời chúng ta phải tìm hiểu Lời Chúa bằng cách thường xuyên đọc và suy ngẫm Kinh thánh.

Quá trình ngẫm nghĩ tìm hiểu Lời Chúa đưa đến kết quả là con người nhận thức rõ sự cần thiết của sự chịu phép báp-têm mà đồng ý chịu phép báp-têm. Quá trình để Lời Chúa ảnh hưởng đến từng hành động của chúng ta và dẫn dắt cuộc đời của chúng ta phải liên tục; phép báp-têm là bước quan trọng đầu tiên để được trọn đời vâng Lời Đức Chúa Trời.

Có một nguy cơ rất thực tế là khi xem Kinh thánh và những giáo lý căn bản của Phúc Âm thông thường, có thể dẫn ta tới tình trạng là Lời Chúa không còn ảnh hưởng đến chúng ta nữa: chúng ta có thể đọc lời Chúa, nhưng những Lời đó không gây ấn tượng thực tế gì đối với chúng ta cả (xin xem Phụ lục 2). Vì lý do đó, cách khôn ngoan là nói lời cầu nguyện ngắn mỗi lần trước khi đọc Kinh thánh: “Xin Chúa mở mắt tôi, để tôi thấy sự lạ lùng trong luật pháp của Chúa” (Thi thiên 119:18).

Lời Đức Chúa Trời phải là thức ăn hàng ngày của chúng ta. Quả thật, chúng ta phải phụ thuộc vào Lời Chúa và khao khát Lời Chúa, ngay cả nhiều hơn lòng thèm thức ăn vật chất do bản năng: “Tôi... vẫn vâng theo lời từ miệng Ngài hơn là vật thực cho tôi” – điều này được Gióp dạy dỗ trong sách (Gióp 23:12). Giê-rê-mi cũng thế: “Tôi vừa nghe những lời Ngài, thì đã ăn lấy rồi; lời Ngài là sự vui mừng hơn hở của lòng tôi vậy” (Gêrêmi 15:16). Cho nên, dành thì giờ hàng ngày để thường xuyên đọc Kinh thánh là điều rất quan trọng để tạo cho chúng ta cách sống đàng hoàng mỗi ngày. Đọc Kinh thánh không ngừng trong 30 phút, như là một việc làm đầu tiên vào buổi sáng, và là món ăn tinh thần quan trọng trước khi bắt đầu mỗi một ngày mới. Những thói quen như thế mà tạo thành Đức tin sẽ vô cùng quý giá trong ngày phát xét.

Để tránh khuynh hướng ngẫu nhiên chỉ đọc những phần Kinh thánh mà một cách tự nhiên hấp dẫn cho chúng ta, những Người Christadelphia đã nghĩ ra một chương trình đọc gọi là “Sách hướng dẫn Kinh thánh” (có thể kiếm được ở nhà xuất bản cuốn sách này). Sách nói trên sắp xếp mỗi ngày nên đọc một số đoạn, cách làm như thế đưa đến kết quả là Kinh Tân ước được đọc hai lần và Kinh Cựu ước một lần trong suốt một năm. Trong khi hàng ngày chúng ta đọc những đoạn này, chúng ta cũng tin tưởng khi nghĩ rằng hàng nghìn tín đồ khác đang đọc những đoạn cũng như thế. Bất cứ lúc nào chúng ta gặp nhau, thì chúng ta sẽ có sự gắn bó nhau hơn; những đoạn mà chúng ta vừa mới đọc có thể làm nền tảng cho cuộc nói chuyện chúng ta.

Sự cầu nguyện

Một việc làm quan trọng khác phải nói đến là sự cầu nguyện. Đã nhắc cho chúng ta rằng có “một Đấng Trung bảo ở giữa Đức Chúa Trời và loài người, tức là Đức Chúa Jêsu- Christ, là người; Ngài đã phó chính mình Ngài làm giá chuộc tội lỗi cho mọi người”, Phao-lô giải thích rất rõ kết quả thực tế của sự hiểu công việc của Đấng Christ: “Vây, ta muốn những người đàn ông đều... cầu nguyện khắp mọi nơi, chớ có giận giữ và cãi cọ” (1 Timothê 2:5-8). “Vì chúng ta không có thầy tế lễ thượng phẩm chẳng có thể cảm thương sự yếu đuối chúng ta, bèn có một Thầy Tế Lễ bị thử thách trong mọi việc cũng như chúng ta, song chẳng phạm tội. Vây, chúng ta hãy vững lòng đến gần ngai của sự An Điển, hầu cho được thương xót và tìm được ơn phước để giúp chúng ta trong thì giờ cần dùng” (Phục Truyền 4:15,16).

Sự nhận thức thực sự rằng Đấng Christ là Thầy tế lễ Thượng phẩm để đem những lời cầu nguyện của chúng ta một cách linh nghiệm cho Đức Chúa Trời, sẽ cố vũ chúng ta cầu nguyện thường xuyên trong đức tin. Tuy thế, cầu nguyện không phải chỉ là ỏ danh sách mong muốn trình cho Đức Chúa Trời; lời tạ ơn Chúa cho thức ăn trước khi ăn, lời xin che chở khi đi lại trong cuộc sống hàng ngày, v.v., mà sự cầu nguyện phải là một phần quan trọng của những bài cầu nguyện của chúng ta.

Hãy đặt những nan đề của chúng ta trước Đức Chúa Trời trong sự cầu nguyện tự nó phải đem lại một cảm giác bình an to lớn: “Trong mọi sự hãy dùng lời cầu nguyện... và sự tạ ơn mà trình các cầu xin của mình cho Đức Chúa Trời. Sự bình an của Đức Chúa Trời sẽ vượt quá mọi sự hiểu biết, sẽ giữ gìn lòng và ý tưởng anh em” (Philip 4:6,7).

Nếu những cầu nguyện của chúng ta phù hợp ý muốn của Đức Chúa Trời, thì lời cầu xin ấy chắc chắn sẽ được ứng nghiệm (1 Giăng 5:14). Chúng ta có thể biết ý muốn của Đức Chúa Trời qua tìm hiểu Lời Ngài, vì lời Ngài tỏ ra Thánh linh/ ý tưởng của Ngài cho chúng ta. Cho nên, việc tìm hiểu Kinh thánh phải dạy cho chúng ta hai việc, vừa cầu nguyện như thế nào vừa cầu nguyện cho cái gì, như thế làm những lời cầu nguyện của chúng ta linh nghiệm. Cho nên, “Ví bằng... những lời ta ở

trong các người, hãy cầu xin mọi điều mình muốn, thì sẽ được đều đó” (Giăng 15:7).

Trong Kinh thánh có nhiều ví dụ về cách cầu nguyện đều đặn (Thithiên 119:164; Đani-ên 6:10). Tối thiểu thì phải cầu nguyện buổi sáng và buổi tối, với một số cầu nguyện ngắn để tạ ơn khi bắt đầu một ngày và kết thúc một ngày.

Sự truyền giảng lời Chúa

Một trong những cám dỗ to lớn hình thành từ sự hiểu biết Đức Chúa Trời chơn thật là trở thành ích kỷ về mặt tinh thần. Chúng ta có thể được thỏa mãn với quan hệ cá nhân của chúng ta với Đức Chúa Trời, và được thu hút vào sự tự tìm hiểu Kinh thánh và dành tinh thần của riêng mình để mà chúng ta có thể từ chối không chia sẻ những điều này với những người khác, cả với bạn bè tín đồ lẫn với thế giới xung quanh chúng ta. Lời Đức Chúa Trời và sách phúc âm chơn thật mà có thể tìm trong Kinh thánh, được so sánh với ánh sáng hay ngọn đèn cháy trong bóng tối (Thithiên 119:105; Châmngôn 4:18). Đức Chúa Jêsus đã chỉ rằng không ai thấp đèn mà để nó dưới cái thùng, nhưng đặt đèn một cách công khai (Mathiơ 5:15). “Các người là sự sáng của thế gian” vì đã chịu phép báp-têm trong Đấng Christ, “sự sáng của thế gian” (Mathiơ 5:14; Giăng 8:12). “Một cái thành ở trên núi thì không khi nào bị khuất được”, Đấng Christ nói tiếp (Mathiơ 5:14).

Nếu chúng ta thật sự sống một cuộc đời theo Lời Chúa mà chúng ta hiểu rõ, thì sự nên thánh của chúng ta sẽ làm bằng chứng cho mọi người cùng sống với chúng ta. Chúng ta sẽ không thể che giấu việc chúng ta: “được biệt riêng ra” đăng trông cậy về nước của Chúa, và cũng “được tách ra khỏi” những đường lối trần tục của thế gian.

Bằng cách cư xử khôn ngoan, chúng ta sẽ cố tìm cách để chia sẻ sự hiểu biết của chúng ta về Lẽ thật với tất cả những ai chúng ta tiếp xúc: làm cho cuộc nói chuyện quay xung quanh những điều tinh thần; thảo luận Lời Chúa với giáo dân khác; phân phát những bài văn ngắn, và ngay cả

giao những tờ quảng cáo ngắn trong những phương tiện truyền thông địa phương, là những cách làm mà chúng ta có thể thấp sáng ánh sáng của chúng ta. Chúng ta không nên nghĩ rằng chúng ta có thể để công việc làm chứng lời Chúa cho những anh/em khác, mà chúng ta mỗi người đều phải có trách nhiệm đối với bản thân mình. Người Christadelphian tương đối ít mở rộng truyền giảng quy mô rộng rãi và ít có tổ chức so với những nhóm khác. Mọi người chúng tôi, một cách cá nhân, làm mọi việc có thể làm được, phần lớn do mình trả tiền phí tổn.

Một trong những cách thuyết giáo là bởi giải thích những tin tưởng của chúng ta cho gia đình và những người chúng ta tiếp xúc trực tiếp. Những ai có vợ chồng chứa trong đức tin phải giải thích cho họ những tin tưởng của mình, mặc dù đã thử một lần, thì khôn ngoan không tiếp tục đặt vấn đề này hoặc ép họ. Những người mới hoàn đạo do sức ép không phải là điều mà Đức Chúa Trời muốn. Nghĩa vụ của chúng ta là phải nói Lễ thật mà không cần phải chú ý quá nhiều tới số lượng hưởng ứng, tức chất lượng là quan trọng. Chúng ta có trách nhiệm lớn là phải làm chứng lời Chúa (Ezechiel 3:17-21); nếu Đấng Christ sẽ đến trong khi chúng ta còn sống, “hai người ở ngoài đồng, một người được rước đi, còn một bị để lại” (Luca 17:36). Quả thật, sẽ rất lạ, nếu chúng ta không làm chứng với gia đình mình và các bạn bè đồng nghiệp về sự trở lại của Chúa Jesus trong ngày tái lâm.

Đời sống của Anh/Em trong Chúa

Cho đến đây, trong những Bài này chúng ta đã nói về trách nhiệm tinh thần cá nhân của chúng ta. Tuy thế, chúng ta có nghĩa vụ gặp nhau với những người khác mà chia sẻ sự trông cậy chúng ta. Hơn nữa đó phải là một việc mà chúng ta mong muốn làm. Chúng tôi đã chỉ rõ rằng sau phép báp-têm chúng ta bắt đầu một cuộc hành trình qua đồng vắng tới Nước của Đức Chúa Trời. Rất tự nhiên rằng chúng ta thêm muốn tiếp xúc với các bạn cùng đường. Chúng ta đang sống trong những ngày cuối cùng trước khi Đấng Christ lại đến; để vượt qua nhiều thử thách phức tạp tấn công chúng ta trong đời này, chúng ta cần thông công với những ai đang ở vào cùng một vị thế: “Chớ bỏ sự nhóm lại... nhưng phải khuyên

bảo nhau, và hễ anh em thấy ngày ấy (sự trở lại của Chúa) hầu gần chừng nào, thì càng phải làm như vậy chừng nấy” (Hebơơ 10:25 so sánh Malachi 3:16). Cho nên, các tín đồ nên hết sức cố gắng tiếp xúc với nhau bằng thư từ và cuộc đi thăm nhau để cùng tìm hiểu Kinh thánh, sinh hoạt hội họp và truyền giảng.

Chúng ta từng người một được gọi ra khỏi thế gian để vào sự trông cậy to lớn về Nước của Đức Chúa Trời. Từ Thánh đồ có nghĩa là người được gọi vào, và có thể liên quan đến tất cả những tín đồ chân chính, không phải chỉ đến một số tín đồ có danh vọng trong quá khứ thôi. Từ Hy Lạp *ecclesia* dịch ra ở hội thánh trong Kinh thánh Anh, có nghĩa nhóm họp của những người được gọi vào, tức là những tín đồ. Từ *Church* trong tiếng Anh dịch ra tiếng Việt như nhà thờ, hội thánh, giáo phái, đám hội,... Cho nên, hội thánh liên quan đến nhóm tín đồ, không phải đến một tòa nhà vật chất ở đó họ gặp nhau. Để tránh hiểu lầm cách dùng thuật ngữ này, giáo phái *Christadelphia* có khuynh hướng nói về những hội thánh của mình là nhóm sinh hoạt của Anh/Em trong Chúa (*Ecclesias*).

Bất cứ nơi nào có một số tín đồ ở thành phố hay khu vực nhất định, rất lô-gíc là họ tìm một chỗ để gặp nhau thường xuyên. Đó có thể là ở nhà người tín đồ hay ở hội trường thuê. Những *ecclesia* của giáo phái *Christadelphia* gặp nhau khắp thế giới ở những nơi như cau lác bộ khu vực, hội trường khách sạn, hội trường tự xây dựng hay nhà riêng. Mục đích của *ecclesia* là tập hợp lại những thành viên của mình qua công tác cùng tìm hiểu Kinh thánh, cũng như qua nhiều người phát biểu ý kiến cho loài người để cho ánh sáng mình cháy nhờ truyền giảng. Giờ giấc chung cho một *ecclesia* của giáo phái *Christadelphia* có thể là như thế này:

chủ nhật	11 giờ sáng	Lễ Tiệc Thánh.
6 giờ tối	Hội họp chia sẻ lời Chúa	
Ngày thứ tư	8 giờ tối	Tìm hiểu Kinh thánh

Ecclesia là bộ phận của gia đình của Đức Chúa Trời. Trong mọi nhóm người đoàn kết chặt chẽ, mọi thành viên cần phải nhạy cảm và khiêm nhường với nhau; bản thân Đấng Christ đã nêu gương cao cả trong việc này. Mặc dù sự Vinh hiển tinh thần hiển nhiên, Đấng Christ đã hành động như “đầy tớ của mọi người”, đã rửa chân cho môn đồ, trong khi họ cãi lý với nhau ai là lớn nhất trong số họ. Đức Chúa Jêsus mời chúng ta tuân theo gương của Ngài trong việc này (Giăng 13:14,15; Mathiơ 20:25-28).

Bấy giờ, sự ban cho kỳ diệu của Thánh linh đã và đang được nhận biết, rằng sẽ không còn địa vị của của các Trưởng Lão hay thầy Tế Lễ Thượng Phẩm trong các hội thánh như ngày trước: “vì các Người chỉ có một Thầy, Đấng Christ, và hết thầy đều là Anh/Em” (Mathiơ 23:8). Do vậy, Người Christadelphian gọi nhau bằng Anh/Chi em, là tiếng xưng hô tự nhiên mà không quan tâm đến vị trí hay địa vị của riêng ai. Điều này muốn nói rằng chúng ta cần tôn kính đối với Anh/Chi em có sự hiểu biết Lời Chúa lâu năm hay những Anh/Em mau chóng trưởng thành trong sự nhận biết Chúa bằng cách làm theo Lời Chúa. Lời khuyên bảo về điều này sẽ có giá trị lớn lao cho những ai thật lòng sống theo Lời Ngài. Tuy nhiên, Anh/Em chỉ nên tiếp nhận lời khuyên của Anh/Em khác khi mà lời khuyên ấy xuất phát từ đức tin qua lời Ngài.

Sự giảng dạy trong ecclesia hiển nhiên phải dựa vào Lời Đức Chúa Trời. Cho nên, những ai mà phát biểu trong ecclesia phản ánh Đức Chúa Trời, nói nhân danh Ngài. Vì Đức Chúa Trời là người nam, thì chỉ anh em nên làm công việc dạy về Lời Đức Chúa Trời. (1 Corintô 14:34) không thể nói rõ hơn nữa: “Đờn bà phải nín lặng trong đám hội của anh em: họ không có phép nói tại nơi đó”. (1 Timothê 2:11-15) truy nguyên điều này đến những sự kiện trong vườn Ê-đen; vì Ê-va đã dạy A-đam mắc tội, thì bây giờ người nữ không nên dạy người nam. Việc Đức Chúa Trời đã tạo A-đam trước Ê-va là một dấu hiệu rằng “người đờn ông là đầu người đờn bà” (1 Corintô 11:3), và cho nên người nam phải dẫn phụ nữ về mặt tinh thần, không phải ngược lại.

Bởi vì tất cả những điều nói trên, “Đờn bà phải yên lặng mà nghe dạy, lại phải vâng phục mọi đàng. Ta không cho phép đờn bà dạy dỗ, cũng không được cầm quyền trên đờn ông; nhưng phải ở yên lặng. Vì A-đam được dựng nên trước nhứt, rồi mới tới Ê-va. Lại không phải A-đam bị dỗ dành, bèn là người đờn bà bị dỗ dành mà sa vào tội lỗi. Dầu vậy, nếu đờn bà lấy đức hạnh mà bền đỗ trong đức tin, trong sự yêu thương, và trong sự nên thánh, thì sẽ nhưn (theo bài Hy Lạp ởbôriô) để con mà được cứu rỗi” (1 Timothê 2:11-15).

Từ đó rõ rằng Kinh thánh thật định rõ những vai trò riêng rẽ nhất định cho những tín đồ người nam và người nữ. Người nữ được dạy trong một số trường hợp nhất định phải “lấy chồng, sanh con cái, cai trị nhà mình” (1 Timothê 5:14), câu này chỉ rằng lĩnh vực nỗ lực tinh thần của người nữ là ở trong nhà. Công việc ngoài xã hội trong ecclesia, cho nên, được để lại cho người nam. Điều này trái ngược rõ rệt với những lý luận nhân đạo chủ nghĩa về sự ngang bằng giới tính, nhờ đó một phụ nữ mà ham thích địa vị có thể yêu cầu sự ngang bằng với chồng mình về mọi mặt, từ quản lý ngân sách gia đình đến mặc quần áo không phân biệt giới tính. Việc sinh con hình như bị xem nhẹ tới sự bất tiện mà được xem như cần thiết để duy trì một mức độ nhất định của sự lành mạnh xúc cảm trong một thế giới nặng về vật chất và ích kỷ. Những tín đồ chân chính sẽ tránh tinh thần thời kỳ này, mặc dù, như lúc nào cũng, cần phải giữ một sự thăng bằng.

Người chồng không phải khống chế vợ mình, nhưng phải yêu thương như Đấng Christ đã yêu thương chúng ta (Ephêsô 5:25).

“Hỡi người làm chồng, hãy tỏ đều khôn ngoan (tức là đối xử ân cần với vợ, tuân theo sự hiểu biết về Lời Đức Chúa Trời) ra trong sự ăn ở với vợ mình, như là với phái yếu đuối hơn; vì họ cùng anh em hưởng phước sự sống, nên phải kính nể họ” (1 Phierô 3:7).

Về mặt tinh thần, phép báp-têm trong Đấng Christ làm người nam và người nữ ngang nhau (Galati 3:27,28 so sánh 1 Côrintô 11:11). Tuy vậy, điều này không ảnh hưởng đến nguyên tắc rõ rệt rằng người đờn ông là đầu người đờn bà (1 Côrintô 11:3) trong những việc thực tế và tinh thần, cả trong gia đình lẫn trong ecclesia.

Để biểu lộ sự thừa nhận nguyên tắc này, tín đồ phụ nữ phải trùm đầu lúc nào anh em đang giảng Lời Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa là phải đội mũ hay khăn quàng trong sinh hoạt ở ecclesia. Sự khác biệt về vai trò của người nam và người nữ phải được nhấn mạnh bởi cách để tóc (1 Côrintô 11:14,15). “Phàm người đờn bà cầu nguyện... mà không trùm đầu lại, thì là nhục đầu mình (tức là chồng mình): thật chẳng khác gì đã cạo đầu vậy. Ví bằng người đờn bà không trùm đầu, thì cũng nên hớt tóc đi. Song nếu người đờn bà lấy sự hớt tóc hoặc cạo đầu làm xấu hổ, thì hãy trùm đầu lại...” (1 Côrintô 11:5,6). Bởi đó, đờn bà phải có trùm đầu như dấu hiệu rằng đờn bà chịu quyền phép của chồng mình (1 Côrintô 11:5.6.10 A.V. mg).

Khi người đờn Bà không trùm đầu thì cũng giống như đã cạo tóc, làm như thế cho thấy rằng đầu không che đậy được coi như là có tóc. Như vậy, đầu được che đậy cũng không phải là đầu có tóc mà là đầu đó có lương tâm hay thánh linh bao phủ. Nếu như không có vật che đầu, người đờn bà không thể dựa vào vật che đậy của mái tóc tự nhiên, nếu làm vậy, người đờn bà ấy không có tóc đối với sự hiểu biết của Đức Chúa Trời. Sẽ là sai lầm khi người đờn ông có vật che đầu hay trùm đầu (1 Côrintô 11:7); điều này không phải ý nói về tóc theo nghĩa thông thường, nhưng là một sự trùm đầu có tính chất thiêng liêng.

Dưới nền văn hóa thời kỳ Tân Ước, thời kỳ duy nhất mà người đờn bà bị cạo đầu khi người ấy bị coi là gái điếm hay tà dâm hoặc khi người ấy khóc lóc vì mất chồng mình. Vì nếu người đờn bà bị cạo đầu ắt nói lên rằng người ấy vừa mất chồng hoặc chối bỏ chồng, mà khác nào là Đấng Christ trong trường hợp này.

Người đờn bà tượng trưng cho Ecclesia/hội thánh, còn người đờn ông tượng trưng cho Đấng Christ. Vì chúng ta phải có quyết định lương tâm để mong được Đấng Christ che lấp tội lỗi của chúng ta. Vì vậy người đờn

bà cũng phải có quyết lượng tâm để che lấp đầu mình. Nếu tin tưởng vào mái tóc tự nhiên vốn có của riêng mình thì coi như đồng nghĩa với hành động dựa vào sự công bình của cá nhân mình để cứu lấy cuộc đời mình thì sẽ trái ngược với những điều mà Đấng Christ đã dạy.

Hay xem, khi người đồn bà có mái tóc dài được ví như là sự vinh hiển mà Đức Chúa Trời ban cho người: vì mái tóc mà người có, được xem như là một tấm vải choàng trắng (một tấm vải thiên nhiên mà người Hy Lạp ám chỉ [1Corintô 11:15 A.V mg.]), người đồn bà nên dưỡng mái tóc theo cách thức nào đó nhằm nhấn mạnh đến sự khác biệt của mình đối với người đồn ông. Sự khác biệt giữa phái nam và phái nữ, thì kiểu tóc cần phải coi như là cơ hội tốt để người đồn bà làm nổi bật vị thế và vai trò khác biệt của mình.

Trong trường hợp người đồn bà có mái tóc dài và đội khăn trùm đầu, chúng ta phải cẩn thận đừng xem những biểu hiện đó chỉ là thiếu sót. Nếu một Chị/em của chúng ta thực sự có phong cách nhường nhịn và có sự hiểu biết thánh linh (so sánh 1 Phiơơ 3:5), người ấy sẽ phải vâng phục Anh/chi em như Anh/chi em chúng ta vâng phục trước Đấng Christ vậy, và sẽ vui mừng để bày tỏ sự nhịn nhục đó trong mọi bề, có đội khăn trùm đầu. Nếu vì lý do riêng đối với đối với điều rằng này có thể thông cảm được, cũng như đối với Lời khuyên bảo của Chúa, thì luôn có sự thỏa lòng mà làm theo vậy.

Luôn có nhiều công việc cho các chị/em trong Ecclesia- như lớp học ngày chủ nhật, và nhiều công việc khác nữa nhưng không phải đi đây đó truyền giảng chẳng hạn như theo dõi thu chi. Về tâm linh, những chị/em trưởng thành nên cố gắng tham gia các buổi truyền giảng để hướng dẫn những Chị/em còn trẻ (Tit 2:3,4 so sánh bộ tộc Miriam dẫn dắt những người phụ nữ Do Thái thời bấy giờ (Xuất Ê đíp Tô 15:20)

Lễ Tiệc Thánh

Cùng với cầu nguyện và sự đọc Kinh thánh, một việc rất quan trọng là thường xuyên tuân theo lời dạy của Đấng Christ nên bẻ bánh và uống chén để nhớ sự hy sinh của Đấng Christ. “Hãy làm sự này để nhớ đến ta”, Đức Chúa Jêsus đã dạy (Luca 22:19). Chính Đấng nói về ý muốn của mình rằng những người đi theo Đấng nên thường xuyên làm điều

này cho đến lúc khi Đức Chúa Jêsus lại sẽ hiện ra lần thứ hai, và Đấng Christ sẽ lại chia sẻ bánh mì và rượu nho với họ (1 Corintô 11:26; Luca 22:16-18). Đức Chúa Jesus đã khuyên bảo Paolô về tiệc thánh (1 Côrintô 11:3 và 15:3, Tiệc Thánh quan trọng như thế đó).

Bánh mì tượng trưng cho thân thể của Đấng Christ được dâng trên thập tự giá, và rượu nho là huyết của Chúa (1 Côrintô 11:23-27). Dự Tiệc Thánh không phải là biến thành Thân và huyết của Chúa. Khi Chúa phán “này là thân thể ta” (Mathiơ 26:26) chúng ta phải hiểu rằng đó là biểu tượng tượng trưng thân thể Chúa. Từ “Này là” muốn tượng trưng như trong các sách (Xachari 5:3,8; Mathiơ 13:19-23,38; 1 Corintô 11:25; 12:27). Một số sách Thánh Kinh, khi chúng ta đọc chữ “ý nói”, thì lời dịch đơn giản sẽ là chữ “là” (Mathiơ 9:13; 12:7; Luca 15:26; Công vụ 2:12). Chữ “này là” nên hiểu là “điều này muốn nói/ tượng trưng”. Những người tin Chúa đầu tiên hình như giữ lễ Tiệc Thánh thường xuyên (Công vụ 2:42,46), có thể một lần trong tuần (Công vụ 20:7). Nếu chúng ta thật yêu thương Đấng Christ, chúng ta sẽ tuân theo những mệnh lệnh của Ngài (Giăng 15:11-14). Nếu chúng ta có mỗi quan hệ cá nhân thực sự với Đấng Christ, chúng ta sẽ mong muốn tưởng nhớ sự hy sinh của Ngài, như Ngài đã khuyên bảo làm, và do đó cố vũ chính chúng ta nhớ đến sự cứu rỗi vĩ đại mà Ngài đã giành được. Một thời gian suy nghĩ yên tĩnh về những sự đau đớn của Đấng Christ trên thập tự giá sẽ làm những thử thách cá nhân của chúng ta lu mờ đi và trở thành không quan trọng so với những thử thách mà Chúa Jesus đã chịu thay cho chúng ta.

Tiệc Thánh về cơ bản là Lễ tưởng nhớ sự thương khó của Chúa; không có gì ma thuật xảy ra từ kết quả của việc làm này. Việc này tương tự với lễ Vượt qua trong Luật pháp Mô-se (Luca 22:15; 1 Corintô 5:7,8). Đó đã là cách nhớ lại sự giải cứu vĩ đại khỏi xứ Ê-díp-tô (Ai Cập) mà Đức Chúa Trời đã dùng Mô-se khi vượt qua biển Đỏ. Lễ Tiệc Thánh đem chúng ta ra khỏi tội lỗi để đến với sự cứu rỗi cho chúng ta nhờ Đấng Christ, vì Đấng Christ trên thập tự giá đã làm sự cứu rỗi từ chỗ không thành có thể và nhờ phép báp-têm chúng ta liên hệ với sự cứu rỗi

này. Cho nên, việc mà chúng ta thật muốn làm một cách tự nhiên là giữ lời khuyên bảo này.

Khi chúng ta thực sự ăn bánh và uống rượu vang thì lòng yêu thương của Đấng Christ đối với chúng ta, và thật tất cả những điều liên quan đến sự cứu rỗi của chúng ta, lại trở thành rất thực tế. Cho nên, Tiệc Thánh khoảng một lần mỗi tuần là dấu hiệu của tinh thần lành mạnh. Nếu người nào không thể làm việc này cùng Anh/Em trong niềm tin, thì người ấy phải làm một mình. Không thể nêu ra sự bào chữa hay biện minh nào để chúng ta không giữ điều răn này. Chúng ta nên hết sức cố gắng chuẩn bị bánh và rượu nho dự trữ cho lễ với chúng ta, mặc dù trong điều kiện khó cực, nếu thiếu những thứ đó, vẫn tình trạng này cũng không nên ngăn cản chúng ta tưởng nhớ Đấng Christ theo quy định, theo cách tốt nhất mà chúng ta có thể làm được. Đức Chúa Jêsus đã “uống trái nho” (Luca 22:18), và bởi vậy chúng ta nên uống rượu nho đỏ.

Cùng dự sự thương khó và hy sinh của Đấng Christ là danh dự cao nhất mà người nam hay người nữ có thể có được. Dự Lễ bẻ bánh, nhưng không chú ý một cách xứng đáng đến điều mà nó tượng trưng thì gần như phạm thượng, vì “mỗi lần anh em ăn bánh này, uống chén này, thì rao sự chết của Chúa... Bởi đó, ai ăn bánh hoặc uống chén của Chúa cách không xứng đáng, thì sẽ mắc tội với thân và huyết của Chúa” (1 Corintô 11:26,27). Cho nên, lễ bẻ bánh phải làm trong thời giờ và nơi thích hợp sao cho chúng ta không xao lãng và làm gián đoạn suy nghĩ của Anh/em khi nhóm lại. Điều này có thể đòi hỏi phải làm việc này sáng sớm hay đêm khuya, ở phòng ngủ hay một nơi thích hợp khác. Chúng ta cũng được khuyên, “Vây, mỗi người phải tự xét lấy mình, và như thế (trong tinh thần sự tự vấn khiêm tốn) mới ăn bánh uống chén ấy” (1 Corintô 11:28). Cho nên, chúng ta phải tập trung tư tưởng vào sự hy sinh của Đấng Christ, có lẽ bởi xem qua sách phúc âm nói về sự đóng đinh Đấng Christ trên cây thập tự trước khi chúng ta dự tiệc thánh. Làm một cách đứng đắn, chúng ta cũng chắc chắn tra xem lương tâm của chúng ta với Đấng Christ.

Cách thích hợp làm lễ bẻ bánh là như thế này:

1. Cầu nguyện xin Đức Chúa Trời ban phước để bắt đầu; xin Ngài làm cho chúng tôi sáng mắt ra trong Lời Ngài; nhớ đến nhu cầu của những tín đồ khác; ngợi khen Ngài vì sự yêu thương của Ngài đã được biểu lộ trong Đấng Christ, và cầu nguyện về những điều đặc biệt khác.
2. Đọc đoạn Kinh thánh dành cho ngày này, như được hướng dẫn trong “Sổ tay người đọc Kinh thánh”.
3. Ngẫm nghĩ/ suy ngẫm về những bài học đã được chia sẻ từ Kinh thánh, hay đọc lời khuyên bảo bài nghiên cứu Kinh thánh về những đoạn đó mà dẫn chúng ta tới mục đích của lễ chúng ta tức là nhớ đến Đấng Christ.
4. Đọc sách 1 Cô-rinh-tô 11:23-29.
5. Dành chút thời giờ Im lặng tự xét lòng mình.
6. Cầu nguyện cho bánh và chén.
7. Bẻ bánh và dùng một miếng nhỏ.
8. Cầu nguyện cho rượu.
9. Uống một hớp rượu/hay phần rượu của mình.
10. Cầu nguyện kết thúc Tiệc Thánh.

Cả buổi lễ phải hơn một tiếng đồng hồ.

11.4 Hôn nhân

Chúng tôi bắt đầu phần này bằng xem xét tình hình của những người độc đơn vào lúc chịu phép báp-têm. Có một số câu, đi cùng với gương của Đức Chúa Jêsus, Phao-lô và những người khác, mà cổ vũ những người độc thân ít nhất nghĩ về khả năng ở độc thân để cam kết mình hoàn toàn cho công việc Đức Giê-hô-va (1 Côrintô 7:7-9, 32-38 so sánh 2 Timothê 2:4; Mathiơ 19:11,12,29; Truyền đạo 9:9). “Nhưng nếu người nào lập gia đình, thì chẳng phạm tội gì” (1 Côrintô 7:28). Nhiều sứ đồ đã có gia

đình (1 Côrintô 9:5); và hôn nhân, theo ý Đức Chúa Trời, phải đem lại nhiều lợi ích cho thân thể và tinh thần. “Mọi người phải kính trọng sự hôn nhân, chốn quê phòng chớ (đừng) có ô uế” (Hêbơơ 13:4). “Loài người ở một mình thì không tốt”, trừ khi anh em có thể chịu được mức độ cam kết cao vì những việc tinh thần, và cho nên Đức Chúa Trời đã lập nên hôn nhân (Sángthếký 2:18-24). Cho nên, “Ai tìm được một người vợ, tức tìm được một điều phước, và hưởng được ân điển của Đức Giê-hô-va... một người vợ khôn ngoan do nơi Đức Giê-hô-va mà đến” (Châmngôn 18:22; 19:14).

Những câu kinh thánh dưới đây ẩn ý rằng say đắm nhục dục ngoài hôn nhân là dâm loạn. Qua hết Kinh Tân ước có nhiều lời cảnh cáo chống tà dâm (giao cấu giữa những người chưa kết hôn), ngoại tình (giao cấu khi một hay hai bên có vợ chồng khác) và những hình thức trái đạo đức khác; gần như mọi bức thư đều có hàm ý này. Dưới đây chỉ có một số ví dụ thôi: Côngvụ 15:20; Rôma 1:29; 1 Côrintô 6:9-18; 10:8; 2 Côrintô 12:21; Galati 5:19; Ephêsô 5:3; Côlôse 3:5; 1 Têsalônica 4:3; Tit 7; 1 Phiơơ 4:3; Khải huyền 2:21.

Khi mắc tội vì sự yếu đuối, ăn năn Đức Chúa Trời sẵn sàng tha thứ (như David ngoại tình với Bathsheba), sống một cuộc đời trong Chúa mà làm như thế có thể đưa chúng ta đến sự xét phạt. Phaolô thường nói: “Ngoại tình, dâm dục...những việc làm như thế, ta sẽ nói ra cho người biết ngay ngời xét đoán, như ta từng bảo các người trước kia, ai làm điều ô uế sẽ không hưởng nước của Đức Chúa Trời (Galati 5:19,21), nên hãy tránh xa sự dâm dục (2 Timôthê 2:22). Mặc dầu người ta phạm tội gì, tội ấy còn là ngoài thân thể; nhưng kẻ buông mình vào sự dâm dục, thì phạm đến chính thân thể mình” (1 Corintô 6:18).

Người ta dần dần thừa nhận rằng những đôi bạn trẻ có thể sống chung trước hôn nhân, thỏa thích quan hệ tình dục. Cách sử dụng thuật ngữ “hôn nhân theo luật chung” để mô tả điều này là một thuật ngữ sai hoàn toàn. Hôn nhân của anh em trong Chúa phải được thực hiện theo lời dạy của Chúa, chúng ta không thể dùng khái niệm hôn nhân của thế gian lập ra được, lấy thế lực con người mà bỏ qua sự dạy dỗ về hôn nhân của Đức

Chúa Trời. Vì rằng hôn nhân là do Đức Chúa Trời tạo. Theo kinh thánh, hôn nhân cần có ba yếu tố:

1. Phải có hình thức nghi lễ nào đó, dù là đơn giản. Lời chép của Boaz cưới Ruth trong Ruth 3:9; 4:13 cho thấy không phải là mối quan hệ mà tự nhiên mà đến; mà phải có thời gian nào đó khi ai đó cưới chính thức. Đấng Christ là chàng rể và các tín đồ là nàng dâu, Ngài sẽ cưới chúng ta khi Ngài trở lại. Khi đó sẽ có ngày cưới chiên Con (khải huyền 19:7-9. Mối quan hệ giữa chồng và vợ nói lên giữa Đấng Christ và anh em (Ephêsô 5:25-30); khi đó sẽ có ngày cưới giữa chúng ta, như thế ngày cưới giữa các anh em khi lập gia đình, nói lên sự đoàn tụ của Đấng Christ và chúng ta trong ngày ở ngôi xét đoán.
2. Hôn nhân của Đức Chúa Trời với dân Isơrơen nói đến ngày họ đến sự giao ước đức tin mình với nhau (Exechien 16:8), đây cũng là đặc tính trong hôn nhân của anh em trong Chúa.
3. Quan hệ giới tính là cần thiết để hoàn thành việc hôn nhân (Phục truyền 21:13; Sáng thế 24:67; 29:21; 1các vua 11:2). Vì điều này, 1 Côrintô 6:15,16 giải thích lý do tại sao quan hệ ngoài hôn nhân là sai trái. Quan hệ giới tính theo nghĩa thường là cách thức mà Đức Chúa Trời đem hai người mới cưới lại với nhau (Sáng thế 2:24). Để trở nên một trong mối quan hệ tạm thời sẽ là sự sai phạm/ô uế thân thể mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta. Ngài đã tạo nên chúng ta để chúng ta hoàn thành việc hôn nhân khi Ngài đem chúng ta lại sau ngày cưới.

Như vậy, hai người sống với trước hôn nhân tức là sống trong tội lỗi. Trừ phi họ bình thường mối quan hệ của họ bằng việc cưới nhau đúng đắn hay chia tay-

Tính phức tạp nảy sinh ở một số nền văn hóa phát triển, họ không quan niệm về nghi lễ hôn nhân hay sự ràng buộc nào. Hai người có thể chung sống với nhau nhiều năm mà không làm lễ cưới, xem như họ đã lập gia đình. Đây là lời khuyên của người viết bài này rằng trong trường hợp như thế những ai đứng ra làm phép báptem nên giải thích vị thế cho anh em chuẩn bị nhận báptem, bảo họ và người bạn đời của họ ký vào bản cam

kết hôn nhân. Mỗi quan hệ này nên đăng ký với cơ quan chính tương ứng ngay.

Những ai chịu báptem, khi bạn đời chưa nhận, không nên lìa bỏ họ (1 Côrintô 7:13-15), nhưng hãy cố gắng yêu thương họ và chỉ họ biết cuộc sống của họ để mà có được đức tin chân thật vào Đức Chúa Trời, chứ không nên là một cách thay đổi tín ngưỡng. 1Phiơơ 3:1-6 khích lệ anh em nào trong vị trí này như là một giải pháp để biến đổi bạn đời mình cải đạo mà đến với Đức Chúa Trời.

Nguyên tắc điều khiển hôn nhân đã được viết qua lời Đức Chúa Trời: “người nam sẽ lìa bỏ cha mẹ mình mà gắn bó với vợ mình: và họ trở nên một xác thịt (sáng thế 2:24). Ý muốn trở nên một giữa người nam và vợ rất giống với nỗ lực bền lòng của chúng ta làm một trong đấng Christ bằng cách vượt qua tội lỗi và tính ích kỷ của bản thân. Nỗ lực này làm thay đổi chúng ta chứ không đi ngược với ý muốn của Đấng Christ hay bạn đời chúng ta. Chúng ta càng thành công khi làm điều này, thì mối quan hệ của chúng ta sẽ càng trọn vẹn hơn.

Tuy nhiên, chúng ta đang sống trong thế giới của tội lỗi và thất bại, bất lực để vươn đến tiêu chuẩn nên thánh cao quý được lập trong thánh kinh, qua các việc làm của Chúa Jesus và Đấng Christ. Tiêu chuẩn lý tưởng trong sáng thế 2:24 là một người nam và một người nữ cùng chung sống hòa thuận suốt đời.

Anh em miễn cưỡng phải làm theo. Đôi khi tiêu chuẩn này sẽ không đạt được trong cuộc sống của mình và những anh em khác. Chồng và vợ có thể cãi nhau và mất đi sự ổn định của tâm hồn mà lẽ ra họ nên có; khó có thể hoàn thành hôn nhân; người nam có nhiều vợ, có trước khi chịu báptem, nếu như sống trong một xã hội mà chế độ đa thê cho phép. Trong trường hợp này, người nên tiếp tục sống với vợ mình, nhưng không thể có thêm vợ nữa. Phaolô với đầy lòng cảm thông và trung tín với những nguyên tắc nên thánh. Như vậy có ta khuyên sự chia tay có thể được trong những trường hợp bất hòa/không chung sống được: “vợ

không nên lìa bỏ chồng mình: nhưng nếu vợ lìa bỏ, thì cứ ở vậy” (1 Corintô 7:10-11).

Đây là tiêu chuẩn lý tưởng, ý muốn chấp nhận một tiêu chuẩn thấp hơn nhưng không được xem thường nguyên tắc nên thánh cơ bản thì hoàn toàn là đặc tính của thánh kinh. Lời khuyên của Phaolô trong 1 Côrintô 7:10,11 thì giống với 1 Côrintô 7:27-28: “...có phải người chưa bị vấn vương vợ chẳng? Đừng kiếm vợ. Nhưng nếu anh em cưới, thì đừng phạm tội”. Tuy nhiên, ly hôn tự nguyện là một sự xem thường nguyên tắc của Đức Chúa Trời người nam và người nữ nên hiểu rằng Ngài đã đem họ trở thành một xác thịt, dù trong thực tế các gia đình cảm thấy khó khăn khi làm theo. Lời của Đấng Christ nói hết sức rõ ràng:

“nhưng từ lúc đầu sáng thế, Đức Chúa Trời làm ra một người nam và một người nữ. Vì cớ đó, người nam lìa cha mẹ mình mà gần bó với vợ mình, và hai người cùng nên một thịt mà thôi, như vợ chồng chẳng phải là hai nữa, mà chỉ là một thịt. Vậy, người ta không nên phân rẽ những người mà Đức Chúa Trời đã phối hiệp. Khi ở trong nhà, mỗi đồ lại hỏi Ngài về việc ấy: Ngài phán rằng: ai để vợ mình mà cưới vợ khác, thì phạm tội tà dâm trước Ngài; còn nếu người đàn ông bỏ chồng mình mà lấy chồng khác, thì cũng phạm tội tà dâm” (Mác 10:6-12).

Nguyên tắc cơ bản của Sángthếkỷ 2:24 lên án tội lỗi về đồng tính luyến ái; ý muốn của Đức Chúa Trời là người nam giới và người nữ phải kết hôn và trung thành với nhau. Đức Chúa Trời đã tạo ra người nữ để giúp cho A-đam, không phải để cho một người nam giới khác. Quan hệ giao cấu giữa những người nam bị lên án liên tục trong Kinh thánh. Chính tội này đã là một trong những tội lỗi làm thành Sô-đôm bị phá hủy (Sángthế 18,19); sứ đồ Phao-lô nói rất rõ rằng nếu khẳng khái làm như thế thì sẽ chịu cơn giận của Đức Chúa Trời, và sẽ không được vào Nước Ngài (Roma 1:18-32; 1 Côrintô 6:9,10).

Những ai đã có lần bị thu hút vào những điều như thế không nên cho rằng chúng ta không nhận sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời hay bảo là Chúa không ban phước. Chúa có lòng tha thứ, và những ai đã biết sự tha

thứ của Ngài phải tôn kính Ngài bằng tình thương (Thithiên 130:4). Một ecclesia ở Cô-rinh-tô đã từng có những anh em ham vui mà đã ăn năn: “Trước kia anh em ít nữa cũng có một đôi người như thế; nhưng nhân danh Đức Chúa Jêsus-Christ... thì anh em được rửa sạch (trong phép báp-têm), được nên thánh, được xưng công bình (bởi chịu phép báp-têm) rồi” (1 Côrintô 6:9-11).

Có lời oán trách rằng một người không có sự hấp dẫn tự nhiên trước người khác giới là sự đáng nguyên rủa vì Đức Chúa Trời không công bằng khi cấm đoán chúng ta phạm tội đồng tính luyến ái, nhưng đã tạo nên hình chúng ta có nhiều sự cám dỗ tội cùng. Vì có chép rằng: Đức Chúa Trời không để chúng ta bị cám dỗ quá sức mình đâu (1 Côrintô 10:13). Bằng việc say đắm quá mức về xác thịt, người ấy có đạt được cái tự nhiên mà người ấy vốn có. Vì vậy, một kẻ nghiện rượu hay ma túy không thể sống mà không có dùng đến một thứ hoá chất hay thứ thuốc nào đó để tiêm chích; nhưng người ấy cần phải thay đổi trạng thái tâm thần của mình, cùng với sự giúp đỡ của phép chữa bệnh để trở lại trạng thái cân bằng và một lối sống bình thường.

Đồng tính luyến ái ắc cũng giống như vậy. Đức Chúa Trời sẽ ghi nhận những việc làm của Anh/em; nếu Anh/em hoàn toàn chú tâm đến sự say mê để thỏa mãn dục vọng, thì Đức Chúa Trời sẽ sửa phạt Anh/em như Ngài đã làm đối với Người dân Isơrêlen ngày trước:

“Ấy vì cớ đó mà Đức Chúa Trời đã phó họ cho sự tình dục xấu hổ; vì trong vòng họ, những người đờn bà đã cách dùng tự nhiên ra cách khác nghịch với tánh tự nhiên. Những người đờn ông cũng vậy, bỏ cách dùng tự nhiên của người đờn bà mà un đốt tình dục người này với kẻ kia, đờn ông cùng đờn ông phạm sự xấu hổ, và chính mình họ phải chịu báo ứng xứng với điều lầm lỗi của mình (Rôma 1:26,27).

Chỉ những Anh/em nào mù quán mà cố ý bỏ ngoài tai sự cảnh báo hậu quả của SiDa, và dịch bệnh lây lan qua con đường tình dục khác mà thể giới suy đồi hiện nay tất phải gánh chịu hậu quả tất yếu.

11.5 Sự thông công

Từ Hy Lạp dịch ra chữ “thông công”(fellowship) và sự cùng chia sẻ (communion), về cơ bản miêu tả tình trạng có cái chung: sự liên kết gắn bó nhau (common-union). Sự cùng chia sẻ có liên quan đến từ giao thiệp (communicate). Vì chúng ta biết và đi theo đường lối của Đức Chúa Trời, chúng ta có sự thông công với Ngài và với tất cả những người khác mà đi cùng đường vì đang ở “trong Đấng Christ”. Rất dễ xao lãng trách nhiệm mà chúng ta phải thông công với những người khác: “chớ quên việc lành và lòng bố thí (tức là thông công)” (Hêbơr 13:16). Phi-líp 1:5 nói rằng chúng ta “được thông công trong sự tấn tới của Thánh kinh”; cho nên nền tảng của sự thông công của chúng ta là những lời dạy gồm Lễ Thật chân chính. Vì lý do đó, sự thông công của những tín đồ chân chính lớn hơn nhiều so với sự thông công trong một tổ chức hay hội thánh nào khác. Chính vì sự thông công này họ đi rất xa để cùng ở và đến thăm những tín đồ cô lập, và tiếp xúc nhiều bằng thư từ và điện thoại nếu có khả năng. Phao-lô nói về “sự thông công nơi Thánh Linh” (Philip 2:1), tức là sự thông công dựa vào sự cùng theo Thánh linh/ ý tưởng của Đức Chúa Trời, như được bày tỏ trong Thánh linh/Lời của Ngài.

Một trong những biểu hiện lớn nhất của sự thông công của chúng ta là bởi cùng dự lễ tiệc thánh. Những tín đồ đầu tiên “bền lòng giữ lời dạy của các sứ đồ, sự thông công của anh em, (trong) lễ bẻ bánh, và sự cầu nguyện... bẻ bánh... cách vui vẻ thật thà” (Côngvụ 2:42,46). Nhờ biểu tượng tượng trưng cho nền tảng của sự trông cậy chúng ta và nhờ chia sẻ biểu tượng này với nhau sẽ ràng buộc chúng ta cùng nhau một cách “thật thà”. “Cái chén phước lành mà chúng ta chúc phước, há chẳng phải là thông với (chia sẻ) huyết của Đấng Christ sao? Cái bánh

mà chúng ta bẻ, há chẳng phải là thông với thân thể của Đấng Christ sao? Vì chỉ có một cái bánh, chúng ta đều nhiều, cũng chỉ một thân thể; bởi chưng chúng ta đều có phần chung trong một cái bánh”, tức là Đấng Christ (1 Côrintô 10:16,17). Cho nên, chúng ta có bốn phần chia sẻ những biểu tượng về sự hy sinh của Đấng Christ với tất cả những ai hưởng lợi nhờ công việc của Đấng Christ, “có phần chung trong một cái bánh”. Chỉ những ai mà đã chịu phép báp-têm trong Đấng Christ một cách đúng đắn, sau khi nắm được lẽ thật, có địa vị như thế. Trường hợp chia sẻ những biểu tượng của Chúa với người chưa làm Báp-têm sẽ bị coi là sự chế nhạo Chúa.

Giăng nhắc lại rằng Ông đã chia sẻ Tin lành về sự sống đời đời với người khác “bạn cũng có thể thông công với chúng tôi: và thực sự sự thông công của chúng tôi ở với Đức Chúa Trời, và cùng với Đấng Christ con một Ngài (1 Giăng 1:2,3). Điều này cho thấy rằng sự thông công dựa trên sự hiểu biết chung về lẽ Thật, và điều này đem chúng ta cùng dự thông công với những Anh/em khác trong niềm tin, với Đức Chúa Trời, với Chúa Jesus. Chúng ta càng áp dụng làm theo Lời Chúa trong cuộc sống hay thắng được sự ham muốn tội lỗi, thì chúng ta càng tiến bộ nhiều hơn trong sự hiểu biết về Lời Chúa, và sự thông công của chúng ta lại càng sâu đậm hơn cùng với Đức Chúa Trời, với Chúa Jesus.

Sự thông công của chúng ta với Đức Chúa Trời và Đấng Christ và những Anh/Em khác không chỉ là vì chúng ta cùng tán thành lẽ thật mà còn là “một đức tin”. Lối sống của chúng ta phải phù hợp với những nguyên tắc lẽ thật này. “Đức Chúa Trời là sự sáng, trong Ngài chẳng có sự tối tăm đâu. Vì bằng chúng ta nói mình được thông công với Ngài, mà còn đi trong sự tối tăm, ấy là chúng ta nói dối và không làm theo lẽ thật. Nhưng, nếu chúng ta đi trong sự sáng cũng như chính mình Ngài ở trong sự sáng, thì chúng ta thông công cùng nhau; và huyết của Đức Chúa Jesus-Christ, Con Ngài, làm sạch mọi tội chúng ta” (1 Giăng 1:5-7).

Bước đi trong sự tối tăm là nói đến cách sống hết sức khác biệt với sự sáng của Lời Chúa (Thithiên 119:105; Châm ngôn 4:18); Điều này

không đề cập đến tội lỗi của chúng ta vì sự yếu đuối tức thời, vì có chép rằng “ nếu chúng ta nói rằng chúng ta không có tội, là chúng ta tự dối mình, thì lẽ Thật, tức là Lời Chúa (Giăng 17:17; 3:21; Ephêsô:13) không ở trong chúng ta” (1 Giăng 1:8)

Từ đó phải rõ rằng sự thông công sẽ ngừng khi tín đồ bắt đầu tuân theo lời dạy hay có lối sống đối lập với lời dạy rõ rệt trong Kinh thánh: “Chớ dự vào công việc vô ích của sự tối tăm, thà quả trách chúng nó thì hơn” (Ephêsô 5:11). Phải hết sức hướng họ theo gương của người chăn chiên tốt đi tìm con chiên bị mất (Luca 15:1-7).

Nếu anh em đeo đuổi lời giảng sai hay hành vi sai trái thô thiển, nên cần phải làm chuẩn mực sự thông công (Mathiơ 18:15-17). Thực tế, để hiểu biết sự đúng đắn lời Chúa, anh em cần gặp gỡ và tâm sự với anh em có trách nhiệm trong hội thánh và những quan điểm đúng đắn trong các ấn phẩm hội thánh Christadelphian biên soạn. Tuy nhiên, không nên nhấn mạnh quá mức mà chúng ta nên đưa ra những trường hợp cụ thể của việc tìm hiểu những giáo lý sai trái hay lối sống không kết quả. Anh em hiểu rõ rằng giáo lý sai không thể có điểm chung giống chúng ta vì họ tin và giảng những lời dạy xa rời thánh kinh, nên tránh xa thông công với họ là điều cần thiết.

Một trong những đoạn nói rõ nhất về sự thông công có thể tìm trong 2 Côrintô 6:14-18: “Chớ mang ách chung với kẻ chẳng tin. Bởi vì công bình với gian ác có hội hiệp nhau được chăng? Sự sáng với sự tối có thông đồng nhau được chăng?. Bởi vậy Chúa phán rằng: Hãy ra khỏi giữa chúng nó, hãy phân rẽ ra khỏi chúng nó... thì ta sẽ tiếp nhận các người, ta sẽ làm Cha các người, các người làm con trai con gái ta, Chúa Toàn năng phán như vậy”.

Chúng ta đã chỉ ra tại sao Lời Đức Chúa Trời là ánh sáng. Những đoạn này giải thích tại sao chúng ta không nên thông công với những giáo phái mà dạy lời giả; tại sao chúng ta không nên kết hôn với người ai không biết Lẽ thật, và nên tránh những đường lối của thế gian này. Nếu chúng ta giảng lời Chúa khi chúng ta có cơ hội, một điều không tránh

khỏi rằng những người tin tưởng vào dị giáo như “Ba ngôi là một” hay “ma quỷ” sẽ tự họ xa lánh chúng ta. Lời thánh kinh hết sức quan trọng vì Lời Chúa tế nhị cách chúng ta sống và cách chúng ta cư xử; do vậy chúng ta phải trong sạch trong lời Ngài nếu chúng ta cố sống một cuộc đời trong sạch. Lối sống của chúng ta là phải hướng đến Lời chân thật của Chúa khi chúng ta được hiểu và tin vào (Philip 1:27). Nếu tách mình ra khỏi thế gian, chúng ta có vinh dự lớn lao là trở thành những con trai con gái rất yêu dấu của Đức Chúa Trời, làm bộ phận của gia đình rộng khắp thế giới cùng với những người khác mà cũng có quan hệ như thể là những anh chị em của chúng ta. Chỉ có “một thân thể”, tức là một hội thánh chân chính (Ephêsô 1:23), mà dựa vào những người nào giữ sự trông cậy: ấy là một Đức Chúa Trời, một phép báp-têm và “một đức tin”, tức là một bộ điều dạy chân chính mà làm thành một đức tin (Ephêsô 4:4-6). Không thể làm bộ phận của “một thân thể” và cũng thông công với những tổ chức tôn giáo khác không giữ đức tin chân chính. Vì ánh sáng không thể thông công với tối tăm, chúng ta tuyên bố rằng chúng ta đang ở tối tăm, nếu chúng ta chọn thông công với tối tăm.

Nếu chúng ta thật tình quý trọng lời Chúa, chúng ta sẽ nhận ra những người tìm hiểu giáo lý sai trái nhân danh là Cơ Đốc Nhân đều là những người thông công với Đức Chúa Trời không khác gì người vô thần.

Nếu bạn đã cẩn thận đọc những bài nghiên cứu này, thì bây giờ bạn phải hiểu rõ rằng trong quan hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời không thể có vị trí nửa vời. Chúng ta có thể ở trong Đấng Christ nhờ phép báp-têm trong Ngài, hoặc chúng ta ở ngoài Ngài. Chúng ta hoặc là được ánh sáng nhờ chúng ta đã hiểu biết được điều dạy chân chính và làm theo điều dạy này trong thực tế, hoặc chúng ta ở trong tối tăm. Một người không thể có chân trong cả hai phe.

Việc chúng ta hiểu biết những điều này đem lại cho chúng ta một mức độ trách nhiệm nhất định với Đức Chúa Trời. Hiện nay chúng ta không đi đường phố hay không sống cuộc đời hàng ngày như một người trung bình của thế giới. Đức Chúa Trời rất mong đợi sự hưởng ứng của chúng

ta. Cả Ngài, cả Đức Chúa Jêsus-Christ và các tín đồ chân chính muốn Anh/em làm quyết định đúng đắn. Nhưng mặc dù Đức Chúa Trời, Đấng Christ và chúng tôi sẵn sàng làm hết có thể làm được để giúp bạn nói về Đức Chúa Trời thì Ngài đã đem Con một của Ngài chết vì chúng ta vẫn cuối cùng sự cứu rỗi của bạn thuộc vào quyết định tự nguyện nắm vững sự Trông cậy vĩ đại được ban cho bạn hiện nay. Vậy, xin bạn quyết định phải chịu phép báp-têm và đi theo đường này. Nếu bạn viết theo địa chỉ ở phần đầu sách này, chúng tôi sẽ hạnh phúc sắp xếp việc này cho bạn.

Bài 11: Câu hỏi

1. Những thay đổi nào cần có đối với một người chuẩn bị nhận phép Báp-tem?
2. Nên Thánh có nghĩa là gì?
 - a) Không tiếp xúc với những người không theo Chúa
 - b) Được tách riêng khỏi tội lỗi và được để riêng ra cho những việc Chúa
 - c) Đi nhà thờ
 - d) Làm những việc lành cho người khác
3. Những việc làm nào bị coi là không đúng đối với một Tín đồ chân chính?
4. Chữ “Thánh đồ hay nhóm sinh hoạt “ecclesia” có nghĩa là gì?
5. Những câu nào nói đúng về lễ tiệc thánh?
 - a) Chúng ta nên làm lễ này khoảng một lần một tuần
 - b) Chúng ta nên làm lễ một lần một năm vào ngày lễ Vượt qua
 - c) Bánh và rượu biến thành thân thể và máu của Đức Chúa Jêsus theo nghĩa của từ
 - d) Bánh và rượu tượng trưng cho thân thể và máu của Đức Chúa Jêsus
6. Câu nào nói đúng về hôn nhân?
 - a) Chúng ta chỉ nên kết hôn với tín đồ chân chính
 - b) Những tín đồ được phép ly dị
 - c) Tín đồ có vợ hay chồng không tin thì phải cố gắng ở lại với người này
 - d) Trong hôn nhân người nam tượng trưng cho Đấng Christ và người nữ tượng trưng cho tín đồ
7. Phụ nữ có được truyền giảng trong hội thánh không?
8. Nếu bạn nhận phép báp-tem sau khi biết Lễ Thật, thì bạn có còn tiếp tục thông công với hội thánh không làm theo lễ thật hay không?
9. Bạn có muốn người Christadelphian gặp gỡ bạn để chia sẻ Lời Chúa? Và sắp xếp thời giờ để làm phép báp-têm cho bạn không?

“Bible Basics” in Vietnamese, by Duncan Heaster

Carelinks, PO Box 152, Menai NSW 2234 AUSTRALIA

www.carelinks.net email info@carelinks.net